Điềm Lành

Những lời tiên tri tuyệt đích và chuẩn xác của phù thủy AGNES NUTTER

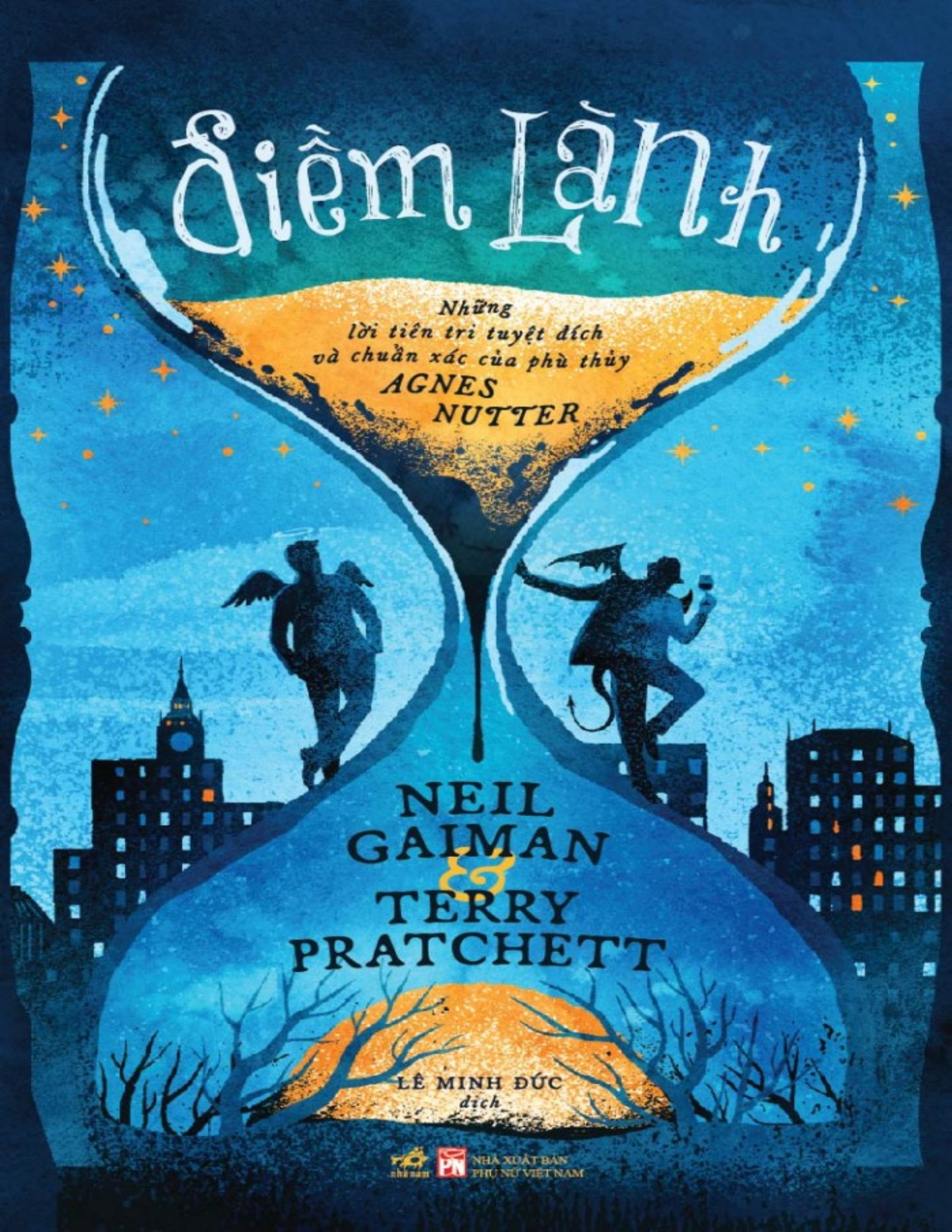

NEIL GAIMAN & TERRY PRATCHETT

LÊ MINH ĐỨC *dịch*

thái hà
NHÀ XUẤT BẢN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CẢNH BÁO
Hành động gây ra Tận thế có thể rất nguy hiểm.
Xin đừng thử làm tại nhà.

ĐỀ TẶNG

Hai tác giả xin được cùng quỷ Crowley đề tặng cuốn sách này cho hương hồn

G. K. Chesterton

Một người biết rõ chuyện đang xảy ra.

LỜI NÓI ĐẦU

Mọi người thường hỏi: Việc viết *Điềm Lành* là như thế nào?

Và chúng tôi trả lời: Chúng tôi chỉ là hai người bình thường thôi mà? Chúng tôi vẫn là hai người bình thường. Đó là một công việc mùa hè. Chúng tôi đã viết lách rất vui thích, chúng tôi chia đôi tiền, và chúng tôi thề sẽ không bao giờ lặp lại việc đó nữa. Chúng tôi nghĩ nó chẳng có gì quan trọng.

Và, theo một cách nào đó, thì nó vẫn chẳng hề quan trọng. *Điềm Lành* được viết bởi hai người lúc đó chẳng được ai biết đến trừ những người đã biết họ rồi. Họ còn không dám chắc nó sẽ bán được. Chắc chắn họ không biết họ sẽ viết cuốn sách được vá víu nhiều nhất trên thế giới. (Tin chúng tôi đi: Chúng tôi đã ký tặng vô số những bản in bìa mềm bị đánh rơi vào bồn tắm, bị ngả nâu đến đáng ngại, được dán lại bằng băng dính và khâu bằng sợi, và trong một trường hợp là gồm toàn các trang sách rời cất trong một cái túi nylon. Mặt khác, lại có một người có một cái hộp đặc biệt bằng gỗ óc chó cẩn chỉ bạc, bên trong đặt cuốn sách bìa mềm giữa đệm nhung đen. Trên nắp hộp có cổ tự bằng bạc. Chúng tôi đã không hỏi kỹ.) Mẹo xã giao: Cũng không sao lắm nếu bạn xin chữ ký của tác giả lên cánh tay, nhưng sẽ là bất lịch sự nếu sau đó bạn chạy sang hàng xăm mình bên cạnh rồi nửa tiếng sau quay lại để khoe họ cái kết quả đang sưng đỏ.

Chúng tôi không biết là mình sẽ có những buổi ký tặng kỳ quái ngay cả khi xét theo tiêu chuẩn khá rộng rãi của chúng tôi, bàn về hài kịch trong từng khoảng mười lăm giây giữa các bản tin nóng về vụ bắt giữ con tin căng thẳng tại quán Burger King gần đó, được phỏng vấn bởi một người dẫn chương trình radio ở New York vốn chưa chuẩn bị gì cả, người đã không nhận được thông tin rằng *Điềm Lành* là cái mà người trong nghề chúng tôi gọi là "hư cấu", và được nghiêm khắc cảnh báo về việc chửi thề

bởi Giám đốc Lễ tân nhỏ con của một đài phát thanh dân chính "vì đám người Anh các anh lúc nào cũng nói tục".

Thật ra, cả hai chúng tôi đều không chửi thề mấy, nhất là trên đài, nhưng trong một tiếng đồng hồ sau đó, chúng tôi bỗng tự động nói bằng những câu cực ngắn, được lựa chọn cẩn thận, trong lúc tránh nhìn vào mắt nhau.

Và rồi còn cả các độc giả nữa, Chúa phù hộ họ. Tính đến giờ thì chắc chúng tôi đã ký tặng hàng trăm ngàn cuốn sách cho họ. Những cuốn sách đó thường được đọc đi đọc lại đến mức rã ra thành từng mảnh; nếu chúng tôi có gặp một cuốn mới tinh thì thường là vì năm cuốn trước của người đó đã bị bạn bè lấy đi, bị sét đánh, hoặc bị mối khổng lồ ở Sumatra ăn mất. Các bạn đã được cảnh báo rồi đấy nhé. À, và chúng tôi được biết là có một cuốn ở thư viện Vatican nữa. Sẽ thật tuyệt khi nghĩ đó là sự thật.

Tất cả đã rất vui. Và vẫn tiếp tục như vậy.

Vào Thuở Ban Đầu

Đó là một ngày đẹp trời.

Từ đầu đến giờ ngày nào cũng đẹp. Đã có nhiều hơn bảy ngày rồi, và mưa vẫn chưa được sáng tạo nên. Nhưng những đám mây vần vũ ở phía đông vườn Địa đàng cho thấy cơn bão đầu tiên đang tới, và sẽ là một cơn bão ra trò.

Thiên thần canh gác cổng Đông giương cánh lên đầu chắn những giọt mưa đầu tiên.

"Tôi xin lỗi," y lịch sự nói. "Anh vừa nói gì ấy nhỉ?"

"Tôi *bảo là*, vụ đó thật chẳng ra làm sao," mãng xà nói.

"À. ừ," thiên thần nói, tên y là Aziraphale.

"Nói thật, tôi nghĩ là phản ứng như vậy hơi thái quá," mãng xà nói. "Ý tôi là, mới phạm lỗi lần đầu thôi mà. Với lại tôi thấy việc phân biệt được thiện và ác thì có gì là xấu đâu."

"Chắc phải *là* xấu chứ," Aziraphale lý luận bằng cái giọng hơi băn khoăn của người cũng không hiểu, và đang lo lắng về việc đó, "nếu không thì *anh* đã không dính vào."

"Họ chỉ bảo: Lên đó gây rắc rối chút đi," mãng xà nói, tên hắn là Crawly, nhưng hắn đang tính chuyện đổi tên. Hắn nghĩ cái tên Crawly không đúng kiểu *hắn* tẹo nào.

"Phải, nhưng anh là quỷ. Tôi không chắc anh có khả năng làm điều thiện không nữa," Aziraphale nói. "Anh biết đấy, bản chất của anh là như vậy mà. Tôi không có ý chỉ trích cá nhân đâu, anh hiểu không."

"Nhưng anh cũng phải thừa nhận trò này kịch quá," Crawly nói. "Ý tôi là, chỉ vào cái Cây rồi dõng dạc bảo 'Cấm Đụng Vào'. Chẳng khéo lắm nhỉ? Ý tôi là, sao không đem nó lên một đỉnh

núi cao hay đế chỗ nào thật xa ấy? Chẳng biết Người đang dự tính điều gì nữa."

"Tốt nhất là đừng đoán mò," Aziraphale nói. "Tôi vẫn nói là ta không thể bàn luận điều bất khả tư nghị. Đây là Đúng, còn kia là Sai. Nếu đã được dặn phải làm Đúng mà vẫn cứ làm Sai, thì ta đáng bị trừng phạt, ừm."

Họ ngồi trong sự im lặng ngượng nghịu, ngắm những giọt mưa làm giập những bông hoa đầu tiên.

Một hồi sau Crawly nói, "Không phải là anh có một thanh gươm lửa à?"

"Ờ," thiên thần nói. Một vẻ tội lỗi lướt qua mặt y, rồi nó quay lại và cắm chốt luôn ở đó.

"Có mà, phải không?" Crawly nói. "Nó cháy bùng bùng ấy."

"Ờ, thì..."

"Tôi nghĩ là nó nhìn rất ngầu."

"Vâng, nhưng mà..."

"Đánh mất rồi phải không?"

"Ồ không! Không, không hẳn là mất, mà là..."

"Là?"

Aziraphale có vẻ hết sức khổ sở. "Nếu anh cứ đòi biết," y nói, hơi cáu kỉnh, "thì tôi cho nó đi rồi."

Crawly trố mắt nhìn y.

"Ờ, tôi phải làm vậy," vị thiên thần nói, lơ đãng xoa xoa tay. "Họ trông rét run, tội nghiệp quá, mà *chưa gì* cô ta đã có mang rồi, lại còn bọn thú hoang *hung dữ* ngoài kia nữa, trời thì lại sắp bão, nên tôi nghĩ, chà, có hại gì chứ, thế là tôi bảo, này, nếu các con quay lại thì sẽ to chuyện đấy, nhưng các con sẽ cần thanh gươm này, nên cầm lấy, không cần cảm ơn ta đâu, chỉ cần nghĩ đến mọi người và cố sống cho tốt nhé."

Y toét miệng cười với Crawly vẻ lo lắng.

"Đấy là cách tốt nhất, phải không?"

"Tôi không chắc anh có khả năng làm điều ác không nữa," Crawly nói mỉa. Aziraphale không nhận ra giọng điệu của hắn.

“Ô, tôi hy vọng là vậy,” y nói. “Tôi thật sự hy vọng là vậy. Chuyện đó khiến tôi lo lắng suốt cả chiều hôm nay.”

Họ lại ngắm mưa hồi lâu.

“Kể cũng buồn cười,” Crawly nói, “tôi cũng cứ tự hỏi vụ quả táo ấy, liệu có đúng như thế là sai trái hay không. Một tên quỷ có thể gặp rắc rối thực sự nếu hắn làm điều đúng đắn đấy.” Hắn huých thiên thần. “Nếu cả hai chúng ta cùng nhầm thì cũng hài đấy nhỉ? Nếu tôi làm điều tốt còn anh lại làm điều xấu ấy?”

“Không hẳn,” Aziraphale nói.

Crawly nhìn màn mưa.

“Ừ,” hắn nói, nghiêm trang trở lại. “Tôi đoán là không.”

Từng màn mưa xám xịt đổ xuống vườn Địa đàng, sấm gầm gừ giữa rặng đồi. Những con vật mới được đặt tên co ro tránh cơn bão.

Xa tít trong khu rừng sũng nước, có gì đó sáng rực như lửa lấp lánh giữa đám cây cối.

Sẽ là một đêm tối tăm và bão tố.

ĐIỀM LÀNH

Một Câu chuyện về một số Sự kiện đã xảy ra trong mười một năm sau cùng của lịch sử nhân loại, tuân theo một cách nghiêm ngặt với:

Những Lời Tiên tri Tuyệt đích và Chuẩn xác của Agnes Nutter

Được sưu tập và biên soạn lại, cùng với các Chú thích có Mục đích Giáo dục và các Châm ngôn đành cho Người Thông thái, bởi Neil Gaiman và Terry Pratchett.

CÁC VAI

Các Lục lượng Siêu nhiên

Chúa Trời (Chúa Trời)

Metatron (giọng nói của Chúa Trời)

Aziraphale (một thiên thần, và nhà buôn sách quý bán thời gian)

Satan (Thiên thần Sa ngã; Địch Thủ)

Beelzebub (cũng là Thiên thần Sa ngã và Hoàng thân Địa ngục)

Hastur (Thiên thần Sa ngã và Công tước Địa ngục)

Ligur (cũng là Thiên thần Sa ngã và Công tước Địa ngục)

Crowley (một thiên thần không phải là Sa ngã mà đúng hơn là đã Thong thả Đi Xuống dưới)

Các Kỵ sĩ Khải huyền

THẦN CHẾT (Thần Chết)

Chiến Tranh (chiến tranh)

Nạn Đói (nạn đói)

Ô Nhiễm (ô nhiễm)

Con Người

Ngươi-Không-Được-Ngoại-Tình Pulsifer (lính săn phù thủy)

Agnes Nutter (nữ tiên tri)

Newton Pulsifer (nhân viên kế toán và Binh nhì Săn Phù thủy)

Anathema Device (nhà huyền bí thực nghiệm và con cháu chuyên nghiệp)

Shadwell (Trung sĩ Săn Phù thủy)

Bà Tracy (mụ son phấn lẳng lơ [chỉ vào các buổi sáng, và thử Năm phải hẹn trước] và bà đồng)

Xơ Mary Lắm Mồm (nữ tu Satan thuộc dòng Thánh Beryl Huyên thuyên)

Ông Young (một ông bố)

Ông Tyler (tổ trưởng Tổ dân phố)

Một người giao hàng

Bọn Chúng

ADAM (Kẻ Chống Chúa)

Pepper (một con bé)

Wensleydale (một thằng bé)

Brian (một thằng bé)

Dàn đồng ca gồm Người Tây Tạng, Người Ngoài Hành tinh, Người Mỹ, Người Atlantis cùng các Sinh vật kỳ lạ và hiếm có khác của Ngày Tận thế.

Và:

Chó (chó địa ngục của Satan và nỗi khiếp đảm của lũ mèo)

Mười Một Năm Trước

Các giả thuyết hiện tại về sự ra đời của vũ trụ nói rằng, nếu quả thực vũ trụ được tạo ra chứ không cứ thế bắt đầu, chẳng lệ thuộc vào ai, thì nó hình thành đâu đó trong khoảng mười đến hai mươi tỉ năm trước. Cũng tương tự như vậy, Trái đất nhìn chung được coi là có tuổi đời khoảng bốn tỉ rưỡi năm.

Các con số này đều không chính xác.

Các học giả Do Thái Trung cổ xác định rằng năm Sáng Thế là 3760 TCN. Các nhà thần học thuộc giáo hội Hy Lạp chính thống lại lùi năm Sáng Thế đến tận 5508 TCN.

Các đề xuất này cũng không chính xác.

Tổng Giám mục James Usher (1580-1656) đã xuất bản cuốn *Annales Veteris et Novi Testament*(*) vào năm 1654, trong đó có đề xuất rằng Thiên đường và Trái đất được tạo ra vào năm 4004 TCN. Một phụ tá của ngài còn tính toán kỹ hơn và đắc thắng tuyên bố rằng Trái đất được tạo ra vào Chủ nhật ngày 21 tháng Mười năm 4004 TCN, vào đúng 9 giờ sáng, vì Chúa Trời thích hoàn thành mọi việc vào buổi sáng, lúc Người còn đang thấy sảng khoái.

Thời điểm này cũng sai nốt. Sai gần mười lăm phút.

Mấy vụ xương khủng long hóa thạch chỉ là một trò đùa mà các nhà khảo cổ học chưa hiểu ra.

Chuyện này chứng tỏ hai điều:

Thứ nhất, đó là chúa có cách hành xử vô cùng bí hiểm, Nếu không muốn nói là vòng vo ngoắt ngoéo. Chúa không chơi trò xúc xắc với vũ trụ. Người chơi một trò chơi bất khả tư nghị do Người tự nghĩ ra, mà khi nhìn từ góc độ của bất kỳ người chơi nào khác(*), có thể được ví với một phiên bản poker phức tạp và

khó hiểu, trong một căn phòng tối đen, với các lá bài trắng, tiền cược là vô tận, cùng một tay chia Bài không chịu cho ta biết luật chơi và còn *không ngừng mỉm cười*.

Thứ hai, đó là Trái đất thuộc cung Thiên Bình.

Phần tử vi chiêm tinh cho cung Thiên Bình trong mục "Tử vi mỗi ngày" trên tờ *Nhà quảng cáo làng Tadfield*, vào ngày mà câu chuyện này bắt đầu, viết như sau:

> THIÊN BÌNH, 24 tháng Chín - 23 tháng Mười
> Bạn có thể cảm thấy mệt mỏi và thấy mình cứ mãi mắc trong cái vòng luẩn quẩn hằng ngày. Các vấn đề gia đình trở nên nổi bật và không mấy tiến triển. Hãy tránh những rủi ro không cần thiết. Một người bạn là rất quan trọng với bạn. Đừng vội đưa ra các quyết định hệ trọng cho tới khi con đường trước mặt trở nên rõ ràng. Hôm nay bạn dễ bị đau bụng, nên đừng ăn rau sống. Trợ giúp sẽ đến từ một nơi bạn không ngờ tới.

Tất cả đều hoàn toàn chính xác trừ đoạn về rau sống.

Đó không phải là một đêm tối tăm và bão tố.

Lẽ ra phải thế, nhưng thời tiết là vậy mà. Với mỗi nhà khoa học điên nhận được một trận bão hết sức thích hợp đúng vào cái đêm Công trình Vĩ đại của ông ta đã hoàn thành và đang nằm trên bàn mổ, thì có đến hàng tá kẻ khác phải ngồi vơ vẩn dưới những vì sao yên ả trong khi Igor[(*)] quần quật làm thêm giờ.

Nhưng đừng để sương mù (cùng với cơn mưa tới sau đó, và nhiệt độ giảm xuống còn chừng bảy độ) khiến ta lầm tưởng mình được an toàn. Đêm nay trời yên gió lặng không có nghĩa là không có những thế lực đen tối đang hoành hành. Chúng luôn hoành hành. Chúng ở *khắp mọi nơi*.

Chúng luôn là vậy. Mấu chốt là ở đó.

Hai trong số đó đang rình rập trong một nghĩa địa đổ nát. Hai hình thù tối thui, một khom khom chồm hổm, một cao nghều

đầy hăm dọa, cả hai đều là những tay rình rập tầm cỡ Olympic. Nếu Bruce Springsteen có thu âm bài "Sinh ra để rình rập"(*) thì hai tên này sẽ có mặt trên bìa album. Chúng đã rình rập trong màn sương được một tiếng đồng hồ, nhưng chúng rất thong thả và có thể rình rập cả đêm nếu cần, mà vẫn còn đủ vẻ lầm lì hăm dọa cho một cú rình rập chót vào lúc bình minh.

Cuối cùng, sau khi hai mươi phút nữa trôi qua, một tên lên tiếng: "Tổ cha tổ mẹ nó đi. Hắn phải có mặt từ mấy *tiếng* trước rồi chứ."

Kẻ vừa nói đó tên là Hastur. Hắn là một Công tước Địa ngục.

Nhiều hiện tượng - chiến tranh, dịch bệnh, các đợt kiểm toán bất ngờ - đã được lấy ra làm bằng chứng cho việc Satan ngầm nhúng tay vào cuộc sống Con Người, nhưng bất kỳ khi nào các nhà nghiên cứu ngành ma quỷ học tụ tập lại với nhau, thì họ đều nhất trí rằng đường cao tốc vành đai M25(*) của London xứng đáng nằm trong số những đấu thủ tranh suất Mẫu vật loại A.

Tất nhiên, họ đã nhầm khi cho rằng con đường khốn nạn đó xấu xa chỉ đơn giản là vì những cảnh tàn sát và cảm giác cáu điên nó gây ra mỗi ngày.

Thực ra, rất ít người trên Trái đất này biết rằng hình thù của đường M25 tạo thành con dấu *odegra* trong ngôn ngữ của các Tu sĩ Đen thuộc dòng Mu cổ đại, có nghĩa là "Hoan hô Quái Vật Vĩ Đại, Kẻ Nuốt Thế Giới". Hàng ngàn người lái xe ngày ngày xả khói trên con đường nham hiểm này có vai trò tương tự nước chảy lên bánh xe cầu nguyện, không ngừng tạo ra một màn sương ma quỷ cấp độ thấp làm ô nhiễm không khí siêu hình trong phạm vi hàng chục cây số quanh đó.

Đó là một trong những thành tựu đáng kể của Crowley. Hắn đã tốn *nhiều năm* mới đạt được nó, và bao gồm ba vụ hack máy tính, hai vụ đột nhập, một vụ hối lộ nho nhỏ, và, vào một đêm ẩm thấp khi tất cả các cách khác đều thất bại, hắn đã phải bỏ ra hai tiếng đồng hồ bì bõm trên một cánh đồng để xê dịch các cọc

đánh dấu đi vài mét, nhưng là những mét rất quan trọng xét theo môn huyền học. Khi Crowley ngắm nhìn cảnh tắc đường dài bốn mươi lăm cây số đầu tiên, trong hắn dâng lên cảm giác ấm áp dễ chịu khi một hành động xấu xa đã được hoàn thành tốt đẹp.

Nhờ nó, hắn đã được tuyên dương.

Crowley hiện đang lái xe với tốc độ một trăm tám mươi cây số giờ đâu đó ở phía đông Slough. Bề ngoài hắn không giống ma quỷ cho lắm, ít ra là khi xét theo tiêu chuẩn cổ điển. Không sừng, không cánh. Quả tình là hắn đang nghe băng *Các bài hát hay nhất của Queen*, nhưng không thể rút ra kết luận gì từ tình tiết này, vì tất cả các băng nhạc để trong xe quá hai tuần đều tự biến thành album *Các bài hát hay nhất của Queen*. Trong đầu hắn không có lấy một ý nghĩ đặc biệt ma quỷ nào. Thật ra, hắn chỉ đang lơ đễnh tự hỏi Moët và Chandon[(*)] là ai.

Crowley có tóc đen, gò má đẹp, và hắn đi giày da rắn, hay ít nhất thì hắn hẳn cũng đang đi giày, và hắn có thể làm những trò rất kỳ quái bằng lưỡi. Và, bất kỳ khi nào không để ý, hắn thường có xu hướng rít lên.

Hắn cũng ít chớp mắt.

Chiếc xe hắn đang lái là một chiếc Bentley đen 1926, mới qua một đời chủ, và người chủ đó chính là Crowley. Hắn đã chăm sóc chiếc xe rất cẩn thận.

Lý do hắn đến muộn là vì hắn đang khoái trá tận hưởng thế kỷ hai mươi. Thế kỷ hai mươi thú vị hơn nhiều so với thế kỷ mười bảy, và thú vị hơn *rất* nhiều so với thế kỷ mười bốn. Crowley luôn nói rằng một trong những điều tuyệt vời của Thời gian đó là nó liên tục đưa hắn rời xa thế kỷ mười bốn, một trăm năm chán nhất trên thế giới của Chúa, xin lỗi nhỡ mồm. Thế kỷ hai mươi thì không hề chán chút nào. Thật ra, ánh đèn xanh nhấp nháy trong gương chiếu hậu đã cho Crowley biết, từ năm mươi giây trước, là hắn đang bị theo đuôi bởi hai người sẽ khiến mọi việc còn thú vị hơn với hắn.

Hắn liếc nhìn đồng hồ, vốn được thiết kế dành cho kiểu thợ lặn biển sâu nhà giàu muốn biết giờ ở hai mươi mốt thủ đô trên thế giới khi anh ta đang ở dưới biển[(*)].

Chiếc Bentley rồ ga lên dốc, vòng qua ngã rẽ chỉ bằng hai bánh, và lao xuống một con đường đầy lá rụng. Ánh đèn xanh bám theo.

Crowley thở dài, bỏ một tay ra khỏi vô lăng, rồi xoay nửa người lại, với tay qua vai làm một cử chỉ phức tạp.

Ánh đèn xanh mờ dần về đằng xa khi chiếc xe cảnh sát dừng bánh, khiến hai người trong xe hết sức kinh ngạc. Nhưng đó chẳng là gì so với nỗi kinh ngạc của họ khi mở nắp capô và phát hiện ra động cơ đã biến thành cái gì.

Trong nghĩa địa, Hastur, tên quỷ cao, chuyền một mẩu thuốc lá hút dở cho Ligur, tên thấp hơn và là kẻ rình rập giỏi hơn.

"Tao thấy có ánh đèn," hắn nói. "Hắn đến rồi đây, thằng khoe mẽ khốn kiếp."

"Hắn lái cái gì thế?" Ligur hỏi.

"Đó là ô tô. Một cái xe ngựa không có ngựa," Hastur giải thích. "Tao nghĩ lần trước mày lên đây thì chúng chưa có cái đó. Hay ít ra là chưa được sử dụng rộng rãi."

"Hồi trước chúng có một người ngồi đằng trước cầm cờ đỏ," Ligur nói.

"Từ đó đến nay chúng cũng tiến bộ tí chút rồi, tao nghĩ vậy."

"Còn tên Crowley này thì thế nào?" Ligur hỏi.

Hastur nhổ toẹt. "Hắn ở trên này quá lâu rồi," hắn nói. "Ngay từ Khởi đầu. Thành thổ dân rồi, xin thưa với mày. Lái một cái xe có cả điện thoại ở trong."

Ligur ngẫm nghĩ về việc này. Như phần lớn bọn quỷ, hiểu biết của hắn về kỹ thuật rất hạn hẹp, và hắn đang định nói gì đó kiểu như là, Tao cá là nó cần rất nhiều dây dợ, thì chiếc Bentley dừng lại trước cửa nghĩa địa.

“Và hắn còn đeo kính râm nữa,” Hastur khinh bỉ, “dù không cần đến.” Hắn cao giọng hơn. “Satan vạn tuế,” hắn nói.

“Satan vạn tuế,” Ligur nói theo.

“Chào,” Crowley nói, giơ tay khẽ vẫy chúng. “Xin lỗi tao đến muộn, nhưng bọn mày biết đường A40 ở Denham là thế nào rồi đấy, rồi tao định đi tắt qua rừng Chorley rồi…”

“Giờ chúng ta đã có mặt đầy đủ,” Hastur nói vẻ nghiêm túc, “thì chúng ta cần báo cáo lại Công tích trong Ngày.”

“Ờ. Công tích,” Crowley nói, với cái vẻ hơi tội lỗi của một người mấy năm rồi mới đi nhà thờ và đã quên mất đến đoạn nào thì phải đứng lên.

Hastur hắng giọng.

“Tao đã dụ dỗ một lão linh mục,” hắn nói. “Khi lão đi xuống phố và thấy bọn gái đẹp dưới nắng, tao đã luồn Hoài Nghi vào tâm trí lão. Lẽ ra lão đã có thể trở thành một vị thánh, nhưng chỉ mười năm nữa là chúng ta sẽ có được lão.”

“Được đấy,” Crowley sốt sắng nói.

“Tao đã làm đổi bại một chính khách,” Ligur nói. “Tao để lão nghĩ một chút hối lộ sẽ không hại gì. Chỉ trong vòng một năm chúng ta sẽ có lão.”

Cả hai tên đều nhìn Crowley vẻ chờ đợi, hắn liền toét miệng cười với chúng.

“Bọn mày sẽ thích vụ này cho mà xem,” hắn nói.

Nụ cười của hắn càng toe toét hơn và có vẻ âm mưu hơn.

“Tao đã chặn *hết* các hệ thống điện thoại di động ở Trung tâm London trong vòng bốn mươi lăm phút giữa giờ ăn trưa,” hắn nói.

Im lặng, chỉ có tiếng xe phóng vun vút vọng lại từ xa.

“Ừ?” Hastur nói. “Rồi sao?”

“Nghe này, vụ đó không dễ đâu,” Crowley nói.

“Chỉ có *thế* thôi à?” Ligur hỏi.

“Nghe này, con người…”

“Thế chính xác thì chuyện đó liên quan gì đến việc kiếm thêm linh hồn cho chủ nhân chúng ta?” Hastur hỏi.

Crowley trấn tĩnh.

Hắn có thể nói gì với chúng? Rằng hai mươi ngàn con người đã tức điên lên ư? Rằng ta có thể nghe thấy các tuyến phố huyết mạch inh ỏi tắc cứng lại trên khắp thành phố ư? Rằng những người đó sẽ trút giận lên thư ký hoặc cảnh sát giao thông hoặc gì gì đó, và rồi *những người này* sẽ lại trút giận lên người khác? Theo đủ mọi kiểu thù hằn ti tiện mà, đây mới là phần hay nhất này, *họ tự nghĩ ra*. Suốt thời gian còn lại trong ngày. Hiệu ứng dây chuyền là không thể tính xuể. Hàng ngàn linh hồn đã bị phủ một lớp mỏng cáu bẩn, và ta gần như không phải động lấy một ngón tay.

Nhưng ta không thể nói như vậy với những con quỷ như Hastur và Ligur. Rặt một loạt đầu óc thế kỷ mười bốn. Chúng mất hàng năm chỉ tập trung vào một linh hồn duy nhất. Tất nhiên, như vậy mới là *nghệ thuật*, nhưng ngày nay chúng ta phải nghĩ khác. Không làm lớn, mà làm rộng. Với năm tỉ người trên thế giới, ta không thể vặt từng kẻ một được; ta phải mở rộng tầm ảnh hưởng. Nhưng những tên quỷ như Hastur và Ligur sẽ không hiểu. Ví dụ, chúng sẽ không bao giờ nghĩ ra được kênh truyền hình tiếng Wales. Hay thuê giá trị gia tăng. Hay Manchester.

Hắn đã rất ưng ý với Manchester.

“Các Nhà Cầm Quyền có vẻ hài lòng đấy chứ,” hắn nói. “Thời thế đang thay đổi rồi. Thế có gì mới không?”

Hastur với tay ra sau một bia mộ.

“Có cái này,” hắn nói.

Crowley trố mắt nhìn cái giỏ.

“Ồ,” hắn nói. “Không.”

“Có,” Hastur nhăn nhở nói.

“Đã đến lúc *rồi à*?”

“Ừ.”

“Và, ờ, tao sẽ phải…”

“*Đúng*.” Hastur đang hết sức thích thú với việc này.

“Sao lại là tao?” Crowley tuyệt vọng hỏi. “Mày biết tao đấy, Hastur, đây không phải là, mày biết đấy, mặt mạnh của tao…”

“Ồ, có chứ, có chứ,” Hastur nói. “Đây đúng là mặt mạnh của mày còn gì. Vai chính của mày luôn. Nhận lấy đi. Thời thế đang thay đổi rồi.”

“Ừ,” Ligur nhăn nhở cười nói. “Trước hết là nó đang đi đến kết thúc.”

“Nhưng tại sao lại là *tao*?”

“Rõ ràng là mày rất được ưu ái,” Hastur độc địa nói. “Tao đoán Ligur đây sẽ sẵn sàng đổi cánh tay phải để được làm việc này đấy.”

“Đúng thế,” Ligur nói. Ít ra là cánh tay phải của ai đó, hắn thầm nghĩ. Quanh đây tay phải đầy ra; ngu gì tự bỏ một cánh tay phải lành lặn.

Hastur rút một cái bảng kẹp giấy ra từ giữa các nếp áo mưa cáu bẩn của hắn.

“Ký. Đây,” hắn nói, để một khoảng ngắt khủng khiếp giữa hai từ.

Crowley loay hoay lục lọi một túi trong và rút ra một cái bút. Cái bút thanh mảnh và bóng mờ. Nhìn nó như có thể chạy vượt tốc độ.

“Bút đẹp nhỉ,” Ligur nói.

“Nó có thể viết được dưới nước đấy,” Crowley lầm bầm.

“Chúng còn có thể nghĩ ra cái gì tiếp theo nữa đây?” Ligur trầm ngâm.

“Dù là cái gì thì chúng cũng nên nghĩ nhanh nhanh đi,” Hastur nói. “*Không*. Không ký tên A. J. Crowley. Tên *thật* của mày cơ.”

Crowley rầu rĩ gật đầu, rồi viết một chữ ký rắc rối, ngoằn ngoèo trên tờ giấy. Chữ ký rực đỏ trên tờ giấy trong thoáng chốc, rồi mờ đi.

“Thế tao phải *làm* gì với nó?” hắn hỏi.

“Mày sẽ nhận được chỉ dẫn.” Hastur cau mày. “Sao lo lắng thế, Crowley? Khoảnh khắc chúng ta đã mất bao nhiêu thế kỷ phấn đấu, cuối cùng cũng đã tới!”

“Ừ. Đúng thế,” Crowley nói. Giờ nhìn hắn không còn giống dáng người uyển chuyển đã uyển chuyển nhảy ra khỏi chiếc Bentley mấy phút trước nữa. Hắn trông như đang bị săn đuổi.

“Thời khắc khải hoàn vĩnh hằng của chúng ta sắp đến!”

“Vĩnh hằng. Ờ,” Crowley nói.

“Và mày sẽ là một công cụ góp phần tạo nên định mệnh vẻ vang đó!”

“Công cụ. Ờ,” Crowley lẩm bẩm. Hắn xách cái giỏ lên như thể nó sắp nổ tung. Mà nói theo một cách nào đó thì nó sẽ sớm như thế thật.

“Ờ. Được rồi,” hắn nói. “Vậy, ờ, tao đi đây. Thế nhé? Làm cho xong đi. Không phải là tao *muốn* làm cho xong đâu,” hắn vội vã thêm vào, biết rõ chuyện gì có thể xảy ra nếu Hastur đem nộp một bản báo cáo bất lợi. “Nhưng bọn mày biết tao rồi đấy. Rất sốt sắng.”

Hai tên quỷ cấp cao không nói gì.

“Thế nên tao sẽ đi ngay đây,” Crowley lảm nhảm. “Hẹn gặp bọn mày ở… gặp lại bọn mày sau. Ờ. Tốt. Tuyệt. *Ciao*.”

Khi chiếc Bentley lao vào bóng tối, Ligur hỏi, “Từ đó nghĩa là gì?”

“Tiếng Ý đây,” Hastur nói. “Tao nghĩ nó có nghĩa là ‘thức ăn’.”

“Nói thế thì lạ thật,” Ligur nhìn đèn hậu đang xa dần. “Mày tin hắn không?” hắn hỏi.

“Không,” Hastur đáp.

“Phải rồi,” Ligur nói. Hắn thầm nghĩ, sẽ là một thế giới kỳ cục nếu bọn quỷ lại tin tưởng lẫn nhau.

Đâu đó phía tây Amersham, Crowley lao qua màn đêm, hú họa chộp lấy một băng cát xét và cố lôi nó ra khỏi cái vỏ nhựa giòn mỏng trong khi vẫn giữ làn đường. Một ánh đèn pha lóe lên giúp hắn biết đấy là bản *Bốn mùa* của Vivaldi. Nhạc êm dịu, đó chính là cái hắn cần.

Hắn nhét cái băng vào chiếc đài Blaupunkt.

"Chếttiệtchếttiệtchếttiệt*chết*tiệt. Tại sao lại là bây giờ? Tại sao lại là mình?" hắn lẩm bẩm khi tiếng nhạc quen thuộc của nhóm Queen vang lên quanh hắn.

Và đột nhiên, Freddie Mercury nói với hắn.

VÌ NGƯƠI XỨNG ĐÁNG VỚI NHIỆM VỤ NÀY, CROWLEY.

Crowley lầm bầm kêu trời. Sử dụng các thiết bị điện tử để liên lạc chính là ý của hắn, và chỉ riêng lần này, Cõi Dưới đã chấp nhận nó, nhưng cũng như mọi khi, ngài đã hiểu sai bét hết cả. Hắn đã hy vọng có thể thuyết phục họ đăng ký vào mạng lưới di động, nhưng thay vào đó họ lại cứ thế can thiệp vào bất kỳ thứ gì hắn đang nghe lúc đó.

Crowley nuốt xuống đánh ực.

"Cảm ơn ngài rất nhiều, thưa chúa tể," hắn nói.

CHÚNG TA RẤT TIN TƯỞNG VÀO NGƯƠI, CROWLEY.

"Xin cảm ơn, thưa chúa tể."

VIỆC NÀY RẤT QUAN TRỌNG, CROWLEY.

"Tôi biết, tôi biết."

ĐÂY LÀ TRẬN CHIẾN VĨ ĐẠI, CROWLEY.

"Xin cứ để tôi lo liệu, thưa chúa tể."

ĐÂY LÀ ĐIỀU CHÚNG TA ĐANG LÀM, CROWLEY. VÀ NẾU CÓ GÌ SAI SÓT THÌ TẤT CẢ NHỮNG KẺ LIÊN QUAN SẼ BỊ TRỪNG PHẠT KHỦNG KHIẾP, KỂ CẢ NGƯƠI, CROWLEY. NHẤT LÀ NGƯƠI.

"Đã hiểu, thưa chúa tể."

ĐÂY LÀ HƯỚNG DẪN CỦA NGƯƠI, CROWLEY.

Và đột nhiên hắn biết. Hắn ghét chuyện đó. Họ có thể nói cho hắn biết là được, việc gì họ phải bất thình lình thả thông tin

lạnh lẽo vào não hắn như thế. Hắn phải lái xe đến một bệnh viện nọ.

"Tôi sẽ có mặt ở đó trong vòng năm phút, thưa chúa tể, không vấn đề gì."

TỐT. I see a little silhouetto of a man scaramouche scaramouche will you do the fandango[(*)]...

Crowley đấm lên vô lăng. Mọi thứ đang rất êm đẹp, hắn đã kiểm soát được tất cả suốt mấy thế kỷ vừa qua. Mọi chuyện là thế đấy, ta cứ nghĩ mình đã làm chủ thế giới, thế rồi tự nhiên họ tống Tận thế cho ta. Cuộc chiến Vĩ đại, Trận chiến Cuối cùng. Thiên đường đấu với Địa ngục, ba hiệp, một bên phải bại, không quy phục. Và thế là xong. Không còn thế giới nữa. Tận thế có *nghĩa* là như thế. Không còn thế giới nữa. Chỉ toàn Thiên đường vô tận, hoặc, tùy ai thắng, Địa ngục vô tận. Crowley không biết cái nào khủng khiếp hơn.

Ờ, tất nhiên *Địa ngục* theo định nghĩa thì phải tệ hơn rồi. Nhưng Crowley vẫn còn nhớ Thiên đường là như thế nào, và nó có vài điểm tương đồng với Địa ngục. Trước hết, ở cả hai nơi ta đều chẳng kiếm nổi một thức uống ra hồn. Và sự nhàm chán ở Thiên đường cũng tệ không kém gì cơn kích động ở Địa ngục.

Nhưng chạy đằng trời. Ta không thể làm quỷ mà lại có ý chí tự do.

... I will not let you go (let him go)...

Thôi, ít nhất cũng chưa phải là ngay năm nay. Hắn vẫn có thời gian để lo liệu mọi việc. Trước hết là tống khứ các cổ phần dài hạn đi cái đã.

Hắn tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu hắn cứ dừng xe ở đây, trên con đường tối tăm, ẩm ướt và vắng hoe này, cầm cái giỏ lên xoay vài vòng rồi thả tay...

Sẽ xảy ra một chuyện khủng khiếp chứ gì nữa.

Hắn đã từng có thời là thiên thần. Hắn không chủ đích Sa Ngã. Chỉ là hắn đã chơi với nhầm người thôi.

Chiếc Bentley lao tiếp qua màn đêm, kim nhiên liệu chỉ về số không. Kim đã chỉ về số không từ sáu chục năm nay rồi. Làm

quỷ cũng không đến nỗi. Ít ra cũng không phải đố xăng. Lần duy nhất Crowley mua xăng là vào năm 1967, để được tặng miếng dán lỗ-đạn-trên-kính-chắn-gió kiểu James Bond, mà hồi đó hắn rất thích.

Trên ghế sau vật nằm trong giỏ bắt đầu khóc; tiếng khóc của trẻ sơ sinh nghe như còi báo có máy bay ném bom. The thé. Không lời. Và *xưa ơi là xưa*.

Đây là một bệnh viện khá dễ chịu, ông Young nghĩ. Nếu không có mấy bà xơ thì nó sẽ còn khá yên tĩnh nữa.

Ông khá mến các bà xơ. Không phải vì ông là dân cuồng đạo hay gì gì đâu. Không, khi nói đến chuyện tránh đi nhà thờ thì cái nhà thờ duy nhất ông lạnh lùng tránh như tránh hủi là nhà thờ Thánh Cecil và Các Thiên thần, nhà thờ Giáo hội Anh chính hiệu, chứ mọi nhà thờ khác thì ông nào có dám từ chối. Các nhà thờ khác đều có mùi không đúng - Dòng Thờ Nhỏ thì toàn mùi xi đánh sàn, Dòng Thờ Lớn thì lại toàn mùi hương trầm ám muội. Sâu thẳm trong chiếc ghế da là linh hồn mình, ông Young biết Chúa sẽ thấy ngượng vì những thứ như vậy.

Nhưng ông thích thấy các bà xơ quanh mình, cũng như ông thích thấy Đội quân Cứu Tế. Nó khiến ta có cảm giác mọi chuyện *đều ổn*, rằng đâu đó vẫn có người đang giữ cho thế giới cân bằng.

Nhưng đây là trải nghiệm đầu tiên của ông với dòng Thánh Beryl Huyên thuyên.[(*)]

Deirdre đã tình cờ gặp họ trong lúc đương thực hiện một đại nghĩa nào đó, hình như liên quan đến nhiều người Nam Mỹ khó ưa đang tẩn nhau với nhiều người Nam Mỹ khó ưa khác và đám linh mục lại bơm cho họ đánh hăng hơn thay vì quan tâm đến những việc linh mục, như là xếp lịch phân công dọn dẹp nhà thờ chẳng hạn.

Vấn đề là, các bà xơ phải yên lặng. Họ có hình dáng thích hợp cho sự yên lặng, như những vật nhọn nhọn trong các căn phòng mà ông Young mang máng nhớ là được dùng để thử loa hi-fi. Họ không nên, ờ, huyên thuyên luôn mồm như thế.

Ông nhồi thuốc lá vào tấu - ờ, họ gọi nó là thuốc lá, nhưng nó lại không phải cái mà ông nghĩ là thuốc lá, không phải loại thuốc lá ta thường mua được ngày xưa - và băn khoăn tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu ta hỏi một bà xơ xem nhà vệ sinh nam ở đâu. Có lẽ Giáo hoàng sẽ gửi cho ta một lá thư quở trách hoặc là gì đó. Ông lúng túng vặn vẹo người và liếc nhìn đồng hồ đeo tay.

Nhưng dù sao cũng được một điều: ít ra các bà xơ đã khăng khăng không cho ông có mặt trong buồng sinh. Deirdre thì lại muốn ông có mặt. Bà ấy đã lại *đọc* phải cái gì đó. Đã có một đứa rồi mà tự dưng bà ấy lại tuyên bố lần sinh nở này sẽ là trải nghiệm hạnh phúc và san sẻ nhất mà hai con người có thể có được. Đó là hậu quả của việc để bà ấy tự đặt báo đấy. Ông Young nghi ngờ bất kỳ tờ báo nào mà các trang bên trong có những cái tên như là "Lối sống" hoặc "Lựa chọn".

Thực ra ông cũng không phản đối các trải nghiệm hạnh phúc san sẻ. Ông hoàn toàn ủng hộ các trải nghiệm hạnh phúc san sẻ. Thế giới có lẽ cần nhiều trải nghiệm hạnh phúc san sẻ hơn. Nhưng ông đã nói rất rõ rằng đây là một trải nghiệm hạnh phúc san sẻ mà Deirdre cứ hưởng lấy một mình.

Và các bà xơ đã nhất trí. Họ thấy không có lý do gì ông bố phải dính dáng đến quá trình sinh nở cả. Ông Young tự nhủ, nghĩ lại thì có lẽ họ thấy không có lý do gì ông bố phải liên quan đến *bất kỳ việc gì*.

Ông nhồi xong cái gọi là thuốc lá vào tẩu và trợn mắt nhìn tấm biển nhỏ trên tường phòng chờ thông báo rằng, vì sự thoải mái của chính ông, ông sẽ không hút thuốc. Vì sự thoải mái của chính ông, ông quyết định sẽ ra ngoài hiên đứng. Nếu ở đó có một bụi cây kín đáo cho sự thoải mái của chính ông thì càng tốt.

Ông đi xuống các hành lang trống trơn và tìm thấy một cánh cửa dẫn ra một mảnh sân đẫm mưa, đầy các thùng rác công chính.

Ông rùng mình và chụm tay lại để châm tẩu.

Các bà vợ đến một tuổi nào đó đều bị thế cả. Hai mươi lăm năm trời không chê vào đâu được, thế rồi tự dưng họ chập mạch

rồi bắt đầu tập những bài thế dục như người máy trong đôi tất hồng hở chân và trách cứ ta vì chưa bao giờ đi làm kiếm tiền. Chắc là tại hormone hay gì gì đó.

Một chiếc xe hơi lớn màu đen phanh kít lại bên mấy cái thùng rác. Một gã trai trẻ đeo kính râm nhảy ra dưới màn mưa bụi, cầm theo một cái nhìn như một cái nôi xách và uốn éo đi về phía cửa vào.

Ông Young bỏ tẩu thuốc ra khỏi miệng. "Anh quên tắt đèn kìa," ông nói vẻ ân cần.

Tên kia nhìn ông bối rối với cái vẻ của người không bao giờ bận tâm đến chuyện đèn đóm, rồi lơ đễnh vẫy một tay về phía chiếc Bentley. Đèn xe tắt ngóm.

"Tiện nhỉ," ông Young nói. "Hồng ngoại phải không?"

Ông hơi ngạc nhiên khi thấy tên kia có vẻ không bị ướt. Và dường như trong cái nôi xách đã có em bé.

"Đã bắt đầu chưa?" tên kia hỏi.

Ông Young thấy thoáng tự hào khi người ta tức thì nhận ra ông là một ông bố.

"Rồi," ông nói. "Họ bắt tôi ra ngoài," ông nói thêm vẻ cảm ơn.

"Đã bắt đầu rồi cơ à? Có biết bao lâu nữa thì chúng ta xong không?"

Chúng ta, ông Young để ý ngay. Rõ ràng đây là một tay bác sĩ với quan điểm cùng nuôi dạy con.

"Tôi nghĩ chúng ta đang, ờ, thực hiện đấy," ông Young nói.

"Bà ta ở phòng số mấy?" tên kia vội vã hỏi.

"Chúng tôi ở Phòng Ba," ông Young đáp. Ông vỗ vỗ túi và tìm thấy gói thuốc lá rúm ró mà ông đã đem đi, theo đúng truyền thống.

"Chúng ta có muốn cùng san sẻ một trải nghiệm thuốc lá hạnh phúc không?" ông hỏi.

Nhưng tên kia đã đi mất.

Ông Young cẩn thận cất gói thuốc lá vào túi và trầm ngâm nhìn cái tẩu. Lúc nào cũng vội vã, đám bác sĩ này ấy. Làm việc quần quật chẳng bao giờ ngừng.

Có một trò ảo thuật được thực hiện bằng một hạt đậu và ba cái cốc, rất khó theo dõi, và một chuyện tương tự thế, nhưng với khoản đặt cược lớn hơn nhiều so với một nắm tiền lẻ, sắp diễn ra.

Đoạn này sẽ được viết chậm lại để các bạn có thể theo dõi được trò ảo thuật.

Bà Deirdre Young đang chuyển dạ trong Phòng Hộ sinh Số Ba. Bà sẽ sinh ra một bé trai tóc vàng chúng ta gọi là Bé A.

Vợ của ngài Tùy viên Văn hóa Mỹ, bà Harriet Dowling, đang chuyển dạ trong Phòng Hộ sinh số Bốn. Bà sẽ sinh ra một bé trai tóc vàng chúng ta gọi là Bé B.

Xơ Mary Lắm Mồm đã là tín đồ Satan rất thành kính từ lúc lọt lòng. Khi nhỏ xơ đã đi học trường Sabbat và được thưởng sao đen vì viết chữ đẹp và chịu ăn món gan(*). Khi được bảo phải gia nhập dòng tu Huyên thuyên, xơ đã ngoan ngoãn gia nhập, vì có tài thiên phú trong lĩnh vực đó, và dù sao xơ biết ở đó mình sẽ có bạn. Lẽ ra xơ đã có thể khá sáng dạ, Nếu xơ có cơ hội biết ra điều ấy, nhưng từ lâu xơ đã phát hiện ra rằng làm một đứa óc bã đậu, như xơ nói, sẽ giúp ta có cuộc sống dễ dàng hơn. Hiện tại xơ đang được giao cho một bé trai tóc vàng mà chúng ta sẽ gọi là Địch Thủ, Kẻ Hủy Diệt Vương Triều, Thiên Thần Hố Thẳm, Quái Vật Vĩ Đại tên gọi là Rồng, Ông Hoàng của Thế giới Này, Cha Đẻ của Dối Trá, Con của Satan, và Chúa Tể Bóng Tối.

Theo dõi cho kỹ nhé. Họ sẽ đi lòng vòng...

"Ngài đấy ư?" Xơ Mary nói, trố mắt nhìn đứa bé. "Thế mà tôi nghĩ ngài sẽ có cặp mắt kỳ khôi cơ. Đỏ, hoặc xanh lá. Hoặc có những cái móng guốc nhỏ xíu xìu xiu. Hay một cái đuôi xinh xinh." Vừa nói xơ vừa lật đứa bé lại. Cũng không có sừng. Con của quỷ sứ nhìn bình thường đến đáng sợ.

“Ừ, nó đây,” Crowley nói.

“Thử tưởng tượng xem, tôi lại được bế Kẻ Chống Chúa,” xơ Mary nói. “Và tắm cho Kẻ Chống Chúa. Và đếm từng ngón chân xíu xìu xiu…”

Giờ xơ đang nói trực tiếp với đứa bé, chìm đắm trong một thế giới của riêng mình. Crowley huơ tay trước khăn trùm của xơ. “Xin chào? Xin chào? Xơ Mary?”

“Xin lỗi ông. Chỉ là ngài dễ thương quá. Ngài có giống bố ngài không? Tôi cá là có. Ngài có giống bố ba bố bị không nhỉ…”

“Không,” Crowley quả quyết nói. “Giờ thì nếu tôi là xơ, tôi sẽ nhanh chân lên phòng hộ sinh ngay.”

“Khi lớn lên liệu ngài có còn nhớ tôi không nhỉ?” Xơ Mary bâng khuâng nói, chầm chậm đi xuôi hành lang.

“Hãy cầu mong là ngài không nhớ,” Crowley nói, và ba chân bốn cẳng chạy đi.

Xơ Mary đi qua bệnh viện buổi đêm, ẵm gọn Địch Thủ, Kẻ Hủy Diệt Vương Triều, Thiên Thần Hố Thẳm, Quái Vật Vĩ Đại tên gọi là Rồng, Ông Hoàng của Thế giới Này, Cha Đẻ của Dối Trá, Con của Satan, và chúa Tể Bóng Tối trên tay. Xơ tìm thấy một cái xe nôi và đặt nó vào đó.

Nó ậm ọe. Xơ cù nó một cái.

Một cái đầu nghiêm trang xuất hiện sau một khuôn cửa. Cái đầu nói, “Xơ Mary, xơ làm gì ở đây? chẳng phải xơ đang làm nhiệm vụ ở Phòng Bốn sao?”

“Ông Crowley nói…”

“Xơ đi nhanh lên, chóng ngoan nào. Xơ có thấy ông chồng đâu không? Ông ta không có trong phòng chờ.”

“Tôi mới chỉ gặp ông Crowley thôi, và ông ấy bảo tôi…”

“Tôi dám chắc là thế rồi,” xơ Grace Liến Thoắng nghiêm nghị nói. “Chắc tôi phải đi tìm người đàn ông khốn khổ ấy thôi. Xơ vào trông chừng bà ấy đi nhé? Bà ấy hơi mụ mị một tí, nhưng đứa bé thì ổn cả.” Xơ Grace ngừng lời. “Sao xơ lại nháy mắt? Mắt xơ làm sao à?”

“Xơ biết đấy!” Xơ Mary rít lên vẻ tinh quái. “Hai đứa bé sơ sinh. Vụ hoán đổi…”

“Tất nhiên rồi, tất nhiên rồi. Từ từ rồi đâu sẽ vào đó. Nhưng chúng ta không thể để ông bố đi vơ vẩn xung quanh được, đúng không?” Xơ Grace nói. “Ai biết được ông ta sẽ thấy gì. Nên xơ cứ đợi ở đây và để mắt đứa bé nhé, ngoan lắm.”

Xơ Grace lướt đi dọc hành lang bóng lộn. Xơ Mary, đẩy cái xe nôi, tiến vào phòng hộ sinh.

Bà Young không chỉ hơi mụ mị. Bà đang ngủ say tít, với cái vẻ tự đắc rành rành của người biết rằng những người khác sẽ phải chạy nhốn nháo trong dịp này. Bé A đang nằm ngủ bên cạnh bà, đã được cân và đeo thẻ tên. Xơ Mary, từ bé đã được dạy là phải luôn tỏ ra có ích, liền gỡ cái thẻ tên ra, chép nó lại, và đeo thẻ tên sao chép này vào đứa bé mà xơ đang trông.

Hai đứa bé na ná nhau, đều nhỏ, da lốm đốm đỏ, và nhìn hơi giống, tuy không hẳn thế, Winston Churchill.

Giờ, xơ Mary thầm nghĩ, mình cần một tách trà thật ngon.

Phần lớn các thành viên của tu viện đều là những người thờ Satan kiểu ngày xưa, như bố mẹ và ông bà họ trước kia. Họ đã được nuôi dạy trong môi trường đó, và xét cho cùng thì họ cũng không phải là người đặc biệt xấu xa. Hầu hết con người đều không phải là người xấu. Họ chỉ bị những ý tưởng mới lôi kéo, như là đi ủng cao đến gối và bắn mọi người, hay trùm khăn trắng và hành hình mọi người, hay mặc quần bò nhuộm loang và chơi ghita vào mặt mọi người. Hãy cho con người một tín ngưỡng mới với bộ đồ mới, và con tim lẫn bộ óc của họ sẽ theo liền. Dù sao thì được *nuôi dạy* thành tín đồ Satan cũng khiến mọi chuyện bớt ghê gớm đi. Đó chỉ là những việc ta vẫn làm mỗi tối thứ Bảy. Và thời gian còn lại thì ta cố xoay xở hết mức có thể với cuộc sống, như tất cả những người khác thôi. Hơn nữa, xơ Mary là y tá, và y tá, dù tín ngưỡng của họ là gì đi chăng nữa, thì trước hết vẫn cứ là y tá, tức là liên quan đến những chuyện như là đeo đồng hồ mặt trong cổ tay, bình tĩnh trong trường hợp khẩn cấp, và thèm uống trà. Xơ hy vọng sẽ sớm có người tới đây;

xơ đã hoàn thành phần quan trọng rồi, giờ xơ chỉ muốn uống trà.

Ta sẽ hiểu nhân loại hơn khi nhận rõ rằng phần lớn các thắng lợi và các bi kịch vĩ đại của lịch sử đều được thực hiện không phải bởi những con người cốt lõi là thiện hay cốt lõi là ác, mà bởi những con người cốt lõi là con người.

Có tiếng gõ cửa. Xơ ra mở cửa.

"Đã xong chưa?" ông Young hỏi. "Tôi là bố. Ông chồng. Sao cũng được. Cả hai."

Xơ Mary tưởng ngài Tùy viên Văn hóa Mỹ phải nhìn giống Blake Carrington hoặc J. R. Ewing(*). Ông Young nhìn chẳng giống bất kỳ người Mỹ nào xơ đã thấy trên tivi, có lẽ ngoại trừ ông cảnh sát trưởng có vẻ cha chú trong loại phim trinh thám cao cấp hơn(*). Ông khiến xơ hơi thất vọng. Xơ cũng thấy cái áo khoác len của ông thật quá tầm thường.

Xơ nén nỗi thất vọng. "Ôôôi, phải rồi," xơ nói. "Xin chúc mừng. Phu nhân vợ ngài đang ngủ, tội nghiệp."

Ông Young ngó qua vai xơ. "Sinh đôi à?" ông hỏi. Ông lần tìm cái tẩu. Ông ngừng lần tìm cái tẩu. Ông lại lần tìm nó. "*Sinh đôi à*? Không ai nói gì về chuyện sinh đôi cả."

"Ồ không!" Xơ Mary vội nói. "*Đây* mới là con ngài. Cháu kia là... ờ... con người khác. Tôi chỉ đang trông cháu cho đến khi xơ Grace quay lại thôi. Không," xơ nhắc lại, chỉ vào Địch Thủ, Kẻ Hủy Diệt Vương Triều, Thiên Thần Hố Thẳm, Quái Vật Vĩ Đại tên gọi là Rồng, Ông Hoàng của Thế giới Này, Cha Đẻ của Dối Trá, Con của Satan, và Chúa Tể Bóng Tối, "đây chắc chắn là con ngài. Từ đỉnh đầu cho đến chót móng guốc xỉnh xình xinh... mà cháu không có," xơ vội nói thêm.

Ông Young nhìn xuống.

"À, phải," ông nói vẻ nghi ngờ. "Nhìn nó giống đằng nội. Nó, ờ, không có vấn đề gì đâu, đúng không?"

"Ồ, vâng," xơ Mary nói. "Cháu là một đứa trẻ rất bình thường," xơ nói thêm. "Rất, rất bình thường."

Im lặng một thoáng. Họ cùng nhìn đứa bé đang ngủ.

“Giọng ngài không lơ lớ mấy,” xơ Mary nói. “Ngài đã đến đây lâu chưa?”

“Khoảng mười năm,” ông Young hơi bối rối đáp. “Do chuyển công tác, xơ biết đấy, nên tôi cũng phải chuyển nhà.”

“Tôi luôn nghĩ đó hẳn là một công việc rất thú vị,” xơ Mary nói. Ông Young có vẻ rất hài lòng. Chẳng mấy người biết đánh giá đúng những khía cạnh thú vị của nghề kế toán chi phí.

“Tôi đoán chỗ ngài ở trước kia rất khác,” xơ Mary nói.

“Vâng, chắc vậy,” ông Young nói, ông chẳng bao giờ nghĩ về chuyện đó. Theo như ông nhớ thì Luton cũng giống hệt Tadfield. Cũng kiểu hàng giậu giữa nhà và ga tàu như vậy. Cũng kiểu dân cư như vậy.

“Ít nhất nhà cao hơn này,” xơ Mary đánh liều nói.

Ông Young trố mắt nhìn xơ. Tòa nhà cao tầng duy nhất ông có thể nghĩ tới là văn phòng ngân hàng Alliance & Leicester.

“Và tôi đoán là ngài rất hay dự các bữa tiệc gia viên,” bà xơ nói.

À. Vụ này thì ông biết. Deirdre rất thích những chuyện như vậy.

“Nhiều lắm,” ông nói vẻ sôi nổi. “Deirdre làm mứt cho các bữa tiệc đó, xơ biết đấy. Và tôi còn phải giúp vụ đổi quà Voi Trắng nữa.”

Đây là một khía cạnh giao tế tại cung điện Buckingham mà xơ Mary chưa bao giờ biết tới, nhưng con voi nghe có vẻ rất hợp lý.

“Tôi đoán chúng là đồ cống nạp,” xơ nói. “Tôi đã đọc được là các nguyên thủ nước ngoài thường tặng nữ hoàng đủ thứ.”

“Xơ nói sao kia?”

“Tôi rất hâm mộ hoàng gia, ông biết đấy.”

“À, vâng, tôi cũng vậy,” ông Young nói, nhẹ nhõm nhảy lên tảng băng mới đang trôi nổi giữa dòng ý thức lộn xộn này. Phải, ta biết ta phải nói gì khi nói đến hoàng gia. Tất nhiên là hoàng

gia xịn, chịu khó đi vẫy tay và khánh thành cầu đường. Chứ không phải những người chỉ biết đi nhảy disco cả đêm rồi nôn lên paparazzi.(*)

"Tuyệt quá," xơ Mary nói. "Tôi cứ tưởng người như các ngài không ưa họ lắm chứ, cứ coi mấy vụ cách mạng rồi ném đồ trà xuống sông(*) ấy."

Xơ huyên thuyên nói tiếp, được khuyến khích bởi điều luật của dòng tu là các nữ tu nên luôn luôn nói bất kỳ điều gì xuất hiện trong óc. Ông Young chẳng hiểu mô tê gì, và giờ đã quá mệt để bận tâm đến chuyện đó. Đời sống tôn giáo có lẽ đã khiến họ trở nên hơi kỳ cục. Ông ước gì bà Young thức dậy. Rồi một trong những từ trong lời lải nhải của xơ Mary làm nảy ra một hy vọng trong ông.

"Liệu tôi có thể xin một tách trà không?" ông đánh bạo hỏi.

"Ôi trời," xơ Mary nói, đưa tay lên miệng, "tôi đang nghĩ gì thế nhỉ?"

Ông Young không đáp lại.

"Tôi sẽ đi lo chuyện đó ngay," xơ nói. "Nhưng ngài có chắc là ngài không muốn uống cà phê đấy chứ? Ở tầng trên có máy bán tự động đấy."

"Xin xơ tách trà thôi," ông Young nói.

"Chà, đúng là ngài *đã* thành người bản xứ rồi đấy nhỉ," xơ Mary vui vẻ nói trong lúc vội vã đi ra.

Ông Young, chỉ còn lại một mình với bà vợ đang ngủ và hai đứa bé cũng đang ngủ, ngồi phịch xuống một cái ghế. Phải, chắc là tại mấy vụ dậy sớm rồi quỳ xuống, đại loại thế. Tất nhiên, họ đều là người tử tế cả, nhưng đầu óc không tỉnh táo lắm. Có lần ông đã xem một bộ phim của Ken Russell(*). Trong đó có các nữ tu. Ở đây có vẻ không có những chuyện *như vậy*, nhưng không có lửa thì làm sao có khói, vân vân...

Ông thở dài.

Đúng lúc đó Bé A thức giấc và bắt đầu gào thật to.

Đã nhiều năm rồi ông Young chưa phải dỗ một đứa bé đang khóc. Mà ông vốn cũng chẳng giỏi giang gì việc đó. Ông luôn rất kính trọng ngài Winston Churchill, và ông thấy việc vỗ mông các phiên bản nhỏ hơn của ngài thật là thất lễ.

"Chào mừng đến với thế giới," ông mệt mỏi nói. "Rồi nhóc sẽ quen với nó thôi."

Đứa bé ngậm miệng và trừng mắt nhìn ông như thể ông là một vị tướng ngoan cố.

Đúng lúc đó xơ Mary đem trà vào. Dù có thờ phụng Satan hay không, xơ cũng tìm được một cái đĩa và bày lên đó ít bánh quy phủ đường. Đó là loại bánh quy ta chỉ tìm được ở dưới đáy một số hộp bánh quy dùng kèm trà. Cái bánh của ông Young có màu hồng chóe như dụng cụ phẫu thuật, và trên đó có vẽ một người tuyết bằng đường.

"Tôi đoán là ngài không thường ăn loại này," xơ nói. "Các ngài gọi nó là cookie. Còn chúng tôi gọi là *bích quy*."

Ông Young vừa mở miệng ra để giải thích là vâng, ông cũng gọi chúng vậy, và thậm chí cả ở Luton cũng thế nữa, thì một bà xơ khác lao vào phòng, thở không ra hơi.

Xơ nhìn xơ Mary, nhận ra ông Young chưa bao giờ nhìn thấy bên trong một hình sao năm cánh(*), và đành chỉ vào Bé A rồi nháy mắt.

Xơ Mary gật đầu và nháy mắt lại.

Bà xơ kia đẩy đứa bé ra.

Xét những cách giao tiếp giữa con người với nhau thì một cái nháy mắt khá là đa năng. Ta có thể nói rất nhiều điều với một cái nháy mắt. Ví dụ, cái nháy mắt của bà xơ kia nghĩa là:

Xơ đã ở chỗ quỷ nào thế hả? Bé B đã ra đời, chúng ta đã sẵn sàng tráo đổi, thế mà xơ lại ngồi ở phòng này, với Địch Thủ, Kẻ Hủy Diệt Vương Triều, Thiên Thần Hố Thẳm, Quái Vật Vĩ Đại tên gọi là Rồng, Ông Hoàng của Thế giới Này, Cha Đẻ của Dối Trá, Con của Satan, và Chúa Tể Bóng Tối, mà uống trà. Xơ có biết tôi đã suýt bị bắn không?

Và, theo như xơ biết, thì cái nháy mắt đáp lại của xơ Mary nghĩa là: Đây là Địch Thủ, Kẻ Hủy Diệt Vương Triều, Thiên Thần Hố Thẳm, Quái rật Vĩ Đại tên gọi là Rồng, Ông Hoàng của Thế Giới Này, Cha Đẻ của Dối Trá, Con của Satan, và Chúa Tể Bóng Tối, và giờ tôi *không nói được vì đang có mặt người ngoài*.

Trong khi đó, xơ Mary lại nghĩ cái nháy mắt của xơ hộ lý có nghĩa là:

Giỏi lắm, xơ Mary đã tự mình đổi hai đứa bé. Giờ hãy chỉ cho tôi biết đứa bé thừa và tôi sẽ đưa nó đi, để xơ tiếp trà với ngài Tướng công Văn hóa Mỹ.

Và vì vậy cái nháy mắt của xơ có nghĩa là:

Đây, xơ thân mến; đó là Bé B, giờ hãy đưa nó đi và để tôi nói chuyện với Tướng công đây. Tôi luôn muốn hỏi ngài ấy tại sao họ lại có những tòa nhà cao tầng bên ngoài lắp gương.

Ông Young hoàn toàn không biết gì về những sự tinh tế này, mà chỉ thấy cực kỳ ngượng ngùng vì những cử chỉ âu yếm bí mật kia và đang nghĩ: Cái ông Russell(*) kia, đúng là ông ta biết rõ mình đang nói gì, không lẫn vào đâu được.

Bà xơ kia lẽ ra đã có thể nhận ra nhầm lẫn của xơ Mary, nhưng chính xơ vừa bị rối trí bởi các mật vụ trong phòng của bà Dowling, họ cứ nhìn xơ chằm chằm, mỗi lúc một bực dọc hơn. Đó là bởi họ đã được huấn luyện để phản ứng theo một cách nhất định với những người mặc áo choàng dài và trùm khăn dài phất phới, và giờ họ đang phải vật lộn với những dấu hiệu mâu thuẫn. Những người đang phải vật lộn với những dấu hiệu mâu thuẫn thì không nên cầm súng, nhất là khi họ vừa phải chứng kiến một ca sinh nở tự nhiên, chắc chắn là một cách không Mỹ tẹo nào để đón một công dân mới vào đời. Và họ đã nghe nói là trong tòa nhà có kinh sách(*).

Bà Young cựa mình.

“Các vị đã chọn tên cho cháu chưa?” Xơ Mary tinh quái hỏi.

“Hử?” ông Young nói. “Ồ. Chưa, chưa hẳn. Nếu là con gái thì chúng tôi sẽ đặt là Lucinda theo tên mẹ tôi. Hoặc là Germaine. Đó là tên Deirdre chọn.”

“Wormwood là một cái tên hay,” bà xơ nói, nhớ lại những tác phẩm kinh điển đã đọc. “Hoặc Damien. Tên Damien rất phổ biến.”(*)

Anathema(*) Device - mẹ con bé, vốn không rành các vấn đề tôn giáo, tình cờ đọc được từ đó vào một ngày nọ và nghĩ nó là một cái tên đáng yêu cho con gái - được tám tuổi rưỡi, và nó đang đọc Cuốn Sách, dưới chăn phủ giường, bằng một cái đèn pin.

Những đứa trẻ khác học đọc bằng sách vỡ lòng cơ bản với tranh màu hình quả táo, quả bóng, con gián, đại loại thế. Gia đình Device thì không. Anathema đã học đọc từ Cuốn Sách.

Trong đó không có táo hay bóng gì cả. Nó có một bức tranh khắc gỗ khá đẹp hình Agnes Nutter bị thiêu sống và nom khá vui vẻ về chuyện đó.

Từ đầu tiên con bé nhận ra là *tuyệt đích*. Rất ít người ở tuổi tám rưỡi biết rằng *tuyệt đích* còn có nghĩa là “cực kỳ chính xác”, nhưng Anathema là một trong số đó.

Từ thứ hai là *chuẩn xác*.

Câu đầu tiên con bé có thể đọc thành lời là:

“Ta nói với con điều này, và con phải gánh vác những lời của ta. Bốn kẻ sẽ lên đường, và Bốn kẻ nữa cũng sẽ lên đường, và Ba kẻ khác sẽ bay trên lưng chừng trời, và Một sẽ cưỡi trên lửa; và sẽ không gì có thể ngăn được họ: cá cũng không, mưa gió cũng không, đường sá cũng không, cả Thiên thần lẫn quỷ sứ cũng không. Và con cũng sẽ có mặt ở đó, Anathema.”

Anathema thích đọc về bản thân.

(Có những cuốn sách mà các bậc phụ huynh tận tâm, những người biết phải đọc tờ báo chủ nhật nào, có thể mua, với tên con cái của họ được in vào thành tên nhân vật chính. Làm như thế đứa trẻ sẽ thích thú hơn với cuốn sách. Trong trường hợp của Anathema, không chỉ có tên *con bé* ở trong Cuốn Sách - và cho đến giờ thì cuốn sách vẫn chuẩn không cần chỉnh - mà còn có cả

bố mẹ nó, ông bà nó, và tất cả mọi người, lùi về đến tận thế kỷ mười bảy. Lúc này con bé còn quá nhỏ và vẫn chỉ biết đến mình nên nó không thể nhận ra rằng Cuốn Sách không hề nhắc đến con cái của nó hay thật ra là bất kỳ sự kiện nào trong tương lai xa hơn mười một năm tới. Khi ta tám tuổi rưỡi, mười một năm là cả một đời người, và tất nhiên, nếu ta tin vào Cuốn Sách, thì đó đúng là một đời người thật.)

Con bé là một đứa sáng dạ, với khuôn mặt xanh xao, tóc đen, mắt đen. Nó thường khiến mọi người cảm thấy hơi khó chịu, một đặc điểm di truyền nó đã thừa hưởng được, cùng với khả năng ngoại cảm quá hóa hại, từ bà cố-cố-cố-cố-cố ngoại của mình.

Con bé già trước tuổi và rất tự chủ. Điều duy nhất mà các giáo viên của Anathema dám đem ra để trách mắng nó là cách đánh vần của nó, không phải vì con bé đánh vần sai, mà vì đấy là cách đánh vần của ba trăm năm trước.

Các bà xơ đem Bé A đổi với Bé B ngay trước mũi vợ ngài tùy viên và đám mật vụ, bằng mưu chước khéo léo là đẩy một đứa bé đi ("để cân, cưng ạ, phải làm thế, đó là luật mà") và lát sau đẩy một đứa bé khác về.

Bản thân ngài Tùy viên Văn hóa, Thaddeus J. Dowling, đã bị gọi gấp về Washington mấy ngày trước, nhưng ông đã nói chuyện qua điện thoại với bà Dowling suốt quá trình vượt cạn, giúp bà hít thở.

Khổ nỗi ông ta lại đang nói chuyện với cố vấn đầu tư của mình ở đường dây bên kia. Có lúc ông ta đã phải để bà vợ chờ máy suốt hai mươi phút.

Nhưng không sao.

Có con là trải nghiệm chung hạnh phúc nhất mà hai con người có thể cùng chia sẻ, và ông ta sẽ không bỏ lỡ một giây nào.

Ông ta đã bảo một mật vụ quay phim lại cho mình.

Cái ác nhìn chung không bao giờ ngủ, và vì vậy nó không hiểu sao người khác lại phải ngủ. Nhưng Crowley thì thích ngủ, đó là một trong những khoái lạc của thế gian này. Nhất là sau một bữa ăn no nê. Đơn cử là hắn đã ngủ gần hết thế kỷ mười chín. Không phải vì hắn cần, mà chỉ đơn giản vì hắn thích.(*)

Một trong những khoái lạc của thế gian này. Hừ, hắn nên thật sự tận hưởng khoái lạc ngay đi, khi vẫn còn thời gian.

Chiếc Bentley gầm rú lao qua màn đêm, hướng về phía đông.

Tất nhiên, hắn hoàn toàn ủng hộ Ngày Tận thế khi xét *đại thể*. Nếu ai đó hỏi hắn tại sao hắn lại dành hàng thế kỷ phá thối công việc của nhân loại thì hắn sẽ nói, "À, để tạo ra Ngày Tận thế và giúp Địa ngục chiến thắng." Nhưng xoay xở để đưa đến nó là một chuyện, còn nó thực sự xảy ra lại là chuyện khác.

Crowley đã luôn biết hắn sẽ có mặt khi thế giới đi đến hồi kết, vì hắn bất tử và không có lựa chọn nào khác. Nhưng hắn đã mong là sẽ còn lâu mới đến lúc đó.

Vì hắn khá mến con người. Đó là một khuyết điểm lớn của một tên quỷ.

À ừ, hắn có hết sức cố gắng để khiến cuộc sống ngắn ngủi của họ trở nên khốn khổ, vì đó là việc của hắn, nhưng tất cả những mưu chước hắn nghĩ ra đều không tệ bằng một nửa những thứ nhân loại tự nghĩ ra. Dường như họ có năng khiếu trong việc đó. Nó được cài sẵn vào thiết kế của họ hay sao ấy. Họ sinh ra trong một thế giới thù địch với họ theo cả ngàn cách, và rồi họ dành phần lớn năng lượng của mình khiến cho nó càng tệ hơn. Theo năm tháng, Crowley càng ngày càng thấy khó có thể làm được điều gì thật sự độc địa, mà nó nổi bật hơn hẳn so với mặt bằng xấu xa chung. Đã có lúc, trong thiên niên kỷ vừa rồi, hắn chỉ muốn nhắn tin xuống Bên Dưới và bảo, Này, có lẽ chúng ta nên bỏ cuộc thôi, nên đóng cửa Dis và Pandemonium(*) cùng các chỗ khác rồi chuyển lên đây đi, chẳng có chuyện gì chúng ta có thể làm với họ mà họ lại chưa tự làm với mình, và họ còn làm những điều chúng ta không nghĩ ra nổi, chủ yếu liên quan đến điện cực.

Họ có cái mà chúng ta thiếu. Họ có *trí tưởng tượng*. Và tất nhiên là cả điện nữa.

Một trong số họ đã viết thế này, phải không nhỉ... "Địa ngục trống rỗng, và tất cả quỷ sứ đều đã ở đây."(*)

Crowley đã được tuyên dương vụ Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha. Lúc đó hắn *có* ở Tây Ban Nha thật, chủ yếu là quẩn quanh các quán rượu ở mấy khu ngon lành hơn, và thậm chí còn không *biết* về Tòa án cho tới khi được tuyên dương. Hắn đã ghé qua đó xem sao, rồi phải quay về và uống say suốt cả một tuần.

Gã Hieronymus Bosch(*) đó. Đúng là đồ lập dị.

Và đúng lúc ta nghĩ họ xấu xa hơn cả Địa ngục, thỉnh thoảng họ lại tỏ ra tốt đẹp ngoài mong đợi của Thiên đường. Thường là cùng một người. Tất nhiên, đó là vì cái thứ ý chí tự do này. Đúng là thứ chết giẫm.

Có lần Aziraphale đã cố giải thích cho hắn. Y bảo, mấu chốt là - đó là vào khoảng năm 1020, khi cả hai lần đầu đạt được Thỏa thuận nho nhỏ của mình - mấu chốt là khi một con người xấu xa hoặc tốt đẹp, thì đó là vì họ muốn vậy. Trong khi những kẻ như Crowley hay, tất nhiên, chính y đây, thì phải đi theo đường vạch sẵn từ đầu. Con người không thể trở nên thánh nhân thực sự, y nói, trừ phi họ có cơ hội trở nên xấu xa thực sự.

Crowley đã ngẫm nghĩ về chuyện này một thời gian, rồi đến khoảng năm 1023, hắn nói, "Khoan đã, như thế chỉ có tác dụng nếu mọi người đều bắt đầu bình đẳng, đúng không? Ta không thể ném một người vào một túp lều tranh ở giữa vùng chiến sự và mong họ sống tốt như một người sinh ra trong lâu đài được."

À, Aziraphale liền đáp, đó mới là phần hay. Ta bắt đầu ở chỗ càng hèn kém thì ta càng có nhiều cơ hội.

Crowley liền nói, "Thật là điên rồ."

Không, Aziraphale nói, đó là điều bất khả tư nghị.

Aziraphale. Kẻ thù, tất nhiên rồi. Nhưng đã là kẻ thù suốt sáu ngàn năm nay, nên cũng có thể coi y như một người bạn.

Crowley với tay xuống cầm điện thoại trong xe lên.

Tất nhiên, là quỷ có nghĩa là ta không có ý chí tự do. Nhưng ta không thể ở bên con người ngần ấy thời gian mà không học được đôi điều.

◇

Ông Young không thích cái tên Damien hay Wormwood cho lắm. Hay bất kỳ cái tên nào xơ Mary Lắm Mồm gợi ý, tức là phân nửa số tên ở Địa ngục và gần hết những cái tên vào Thời Hoàng kim ở Hollywood.

"Chà," cuối cùng xơ nói, vẻ hơi phật ý, "tôi nghĩ cái tên Errol có gì không ổn đâu. *Hoặc* là Cary.[*] Cả hai đều là những cái tên Mỹ rất hay."

"Tôi lại thích cái tên gì hơi, ờ, truyền thống hơn," ông Young giải thích. "Gia đình chúng tôi luôn chọn những cái tên giản dị chân phương."

Xơ Mary cười tươi. "Đúng thế. Những cái tên cổ luôn là hay nhất, Nếu ông hỏi tôi."

"Một cái tên kiểu Anh đứng đắn, như tên trong Kinh Thánh ấy," ông Young nói. "Matthew, Mark, Luke, hoặc John," ông nói thử. Xơ Mary nhăn mặt. "Chỉ có điều tôi chưa bao giờ thấy đó là những cái tên Kinh Thánh đúng kiểu cả," ông Young nói thêm. "Nghe giống tên cao bồi và cầu thủ bóng đá hơn."

"Tên Saul cũng hay lắm," xơ Mary nói, cố tận dụng cơ hội.

"Tôi không muốn cái tên gì *quá* cổ lỗ sĩ," ông Young nói.

"Hoặc là Cain. Nghe rất hiện đại, Cain ấy," xơ Mary gợi ý.

"Hừm." Ông Young có vẻ nghi ngại.

"Hoặc là còn... ờ, vẫn còn cái tên Adam mà," xơ Mary nói. Chắc tên đó không vấn đề gì đâu, xơ thầm nghĩ.

"Adam ấy à?" ông Young nói.

◇

Ta sẽ thấy dễ chịu khi tin rằng các nữ tu Satan đã cho đứa bé thừa - Bé B - được nhận nuôi một cách kín đáo. Rằng nó lớn lên thành một đứa bé bình thường, vui vẻ, hay cười, hiếu động và cởi mở, rồi sau đó lớn lên thành một người lớn bình thường, khá mãn nguyện.

Và có lẽ chuyện đã xảy ra như vậy thật.

Bạn hãy nghĩ đến phần thưởng thằng bé đạt được ở trường tiểu học về môn đánh vần; quãng thời gian không có gì đặc biệt nhưng khá dễ chịu của nó ở trường đại học; công việc của nó ở phòng tài vụ của Hiệp hội Xây dựng Tadfield và Norton; cô vợ dễ thương của nó. Có lẽ bạn sẽ muốn tưởng tượng ra vài đứa con, và một thú vui nào đó - có lẽ là phục chế xe máy cổ, hoặc nuôi cá cảnh nhiệt đới.

Bạn không muốn biết chuyện gì *đã có thể* xảy ra với Bé B đâu.

Mà chúng tôi cũng thích phiên bản của bạn hơn.

Có lẽ nó còn thắng giải nhờ bầy cá cảnh nữa.

Ở một căn nhà nhỏ tại Dorking, Surrey, một ô cửa sổ phòng ngủ đang sáng đèn.

Newton Pulsifer mười hai tuổi, gầy nhẳng, đeo kính, và lẽ ra thằng bé đã phải lên giường từ mấy tiếng trước rồi.

Nhưng mẹ nó lại tin rằng con mình là thiên tài và cho phép nó thức quá giờ ngủ để làm các "thí nghiệm".

Thí nghiệm hiện tại của thằng bé là thay phích cắm của một cái đài Bakelite cổ lỗ sĩ mà mẹ cho nó chơi. Nó ngồi bên cái mà nó tự hào gọi là "bàn làm việc" của mình, một cái bàn cũ xập xệ chất đầy các cuộn dây, pin, bóng đèn nhỏ, và một máy thu tinh thể tự chế chưa bao giờ hoạt động.

Thằng bé vẫn chưa làm cho cái đài Bakelite hoạt động được, nhưng cũng phải nói là nó dường chẳng thể nào tiến xa được đến mức đó.

Ba mô hình máy bay hơi vẹo vọ lơ lửng ở đầu mấy sợi chỉ treo trên trần phòng ngủ. Chỉ cần nhìn thoáng qua cũng có thể thấy

ngay chúng được làm bởi một người rất tỉ mỉ và cẩn thận, nhưng cũng không giỏi làm mô hình máy bay tẹo nào. Thằng bé tự hào về chúng đến vô phương cứu chữa, ngay cả chiếc Spitfire bị nó lắp hỏng cặp cánh.

Thằng bé đẩy cặp kính lên sống mũi, nheo mắt nhìn phích cắm, và đặt cái tua vít xuống.

Lần này nó rất kỳ vọng thí nghiệm sẽ thành công; nó đã làm theo hướng dẫn thay phích cắm trên trang năm của cuốn *Sách điện thực nghiệm cho bé trai, bao gồm một trăm lẻ một thí nghiệm an toàn và có tính giáo dục với điện*. Nó đã gắn những sợi dây được đánh dấu theo màu vào đúng chạc; nó đã đảm bảo dùng đúng ampe cầu chì; nó đã vít tất cả lại với nhau. Cho tới giờ thì vẫn không có vấn đề gì.

Thằng bé cắm phích điện vào ổ cắm. Rồi nó bật ổ cắm lên.

Toàn bộ đèn trong nhà tắt ngóm.

Newton mỉm cười tự hào. Nó đang tiến bộ. Lần thí nghiệm trước nó đã làm mất điện cả khu Dorking, và một người ở công ty điện lực đã đến nói chuyện với mẹ nó.

Thằng bé có một niềm say mê cháy bỏng nhưng hoàn toàn không được đáp lại đối với mọi thứ liên quan đến điện. Ở trường có một cái máy tính, và nửa tá học trò chăm chỉ luôn ở lại sau giờ học để làm đủ thứ với các tấm thẻ đục lỗ. Khi giáo viên chịu trách nhiệm giữ máy tính cuối cùng cũng chấp thuận lời cầu xin của Newton được tham gia, thì thằng bé chỉ được đút duy nhất một tấm thẻ nhỏ vào máy. Cái máy đã nhai nát tấm thẻ và chết nghẹn.

Newton tin chắc máy tính chính là tương lai, và khi tương lai đến nó sẽ sẵn sàng, ở đầu làn sóng công nghệ mới.

Tương lai lại có những ý niệm riêng về chuyện này. Tất cả đều có trong Cuốn Sách.

Adam, ông Young thầm nghĩ, ông thử nói to cái tên, để nghe xem sao. “Adam.” Hừm…

Ông nhìn xuống những lọn tóc vàng loăn xoăn của Địch Thủ, Kẻ Hủy Diệt Vương Triều, Thiên Thần Hố Thẳm, Quái Vật Vĩ Đại tên gọi là Rồng, Ông Hoàng của Thế giới Này, Cha Đẻ của Dối Trá, Con của Satan, và Chúa Tể Bóng Tối.

"Xơ biết không," ông kết luận, sau một hồi lâu. "Tôi nghĩ nó nhìn cũng giống một thằng Adam đấy."

Đó đã không phải là một đêm tối tăm và bão tố.

Đêm tối tăm và bão tố đến hai ngày sau đó, khoảng bốn tiếng sau khi cả bà Dowling và bà Young, mỗi người cùng con mình rời bệnh viện. Đó là một đêm đặc biệt tối tăm và bão tố, và ngay sau nửa đêm, khi cơn bão lên đến đỉnh điểm, một tia chớp đã đánh vào tu viện của dòng Huyên thuyên, khiến mái phòng áo lễ bị cháy.

Không ai bị thương nặng trong đám cháy, nhưng đám cháy kéo dài mấy giờ liền, gây ra kha khá tổn thất.

Kẻ gây ra đám cháy rình rập trên một đỉnh đồi gần đó và ngắm nhìn ngọn lửa. Hắn cao, gầy, và là một Công tước Địa ngục. Đó là điều cuối cùng cần làm trước khi hắn quay về âm giới, và hắn đã làm xong.

Hắn có thể yên tâm để Crowley lo liệu nốt phần còn lại.

Hastur về nhà.

◇

Nói nghiêm túc ra thì Aziraphale là Lãnh thần, nhưng ngày nay người ta hay đem chuyện đó ra đùa giễu[(*)].

Nói chung, y và Crowley lẽ ra sẽ không chọn bầu bạn với nhau, nhưng họ đều là những người, hay ít ra là sinh vật hình người, thạo đời, và Thỏa thuận đã có lợi cho cả hai suốt bao lâu nay. Hơn nữa, ta không thể không quen với khuôn mặt duy nhất ta gặp, ít nhiều nhằng nhẵng, suốt sáu thiên niên kỷ.

Thỏa thuận rất đơn giản, đơn giản đến mức thực ra không đáng viết hoa chữ đầu, đó chẳng qua là vì nó đã tồn tại quá lâu rồi. Nó là kiểu thỏa thuận khôn ngoan hợp lý mà nhiều đặc vụ ngầm đơn độc, phải làm việc trong tình cảnh khó khăn cách xa cấp trên, đã sắp xếp với đối thủ của mình, khi họ nhận ra mình có nhiều điểm chung với đối thủ ngay cạnh hơn là với các đồng minh xa xôi. Thế nghĩa là họ ngầm đồng ý sẽ không can thiệp vào một số hoạt động nhất định của nhau. Nó đảm bảo là mặc dù không ai thực sự thắng, thì cũng không ai thực sự thua, và cả hai sẽ có thể chứng tỏ với cấp trên của mình họ đã có những bước tiến ghê gớm ra sao khi đối đầu với một đối thủ xảo quyệt và nắm nhiều thông tin.

Nó có nghĩa là Crowley được phép phát triển Manchester, trong khi Aziraphale được tùy nghi với toàn bộ vùng Shropshire. Crowley nhận Glasgow, Aziraphale nhận Edinburgh (cả hai đều không nhận trách nhiệm cho Milton Keynes(*), nhưng đều báo cáo nơi đó đã thành công.)

Và tất nhiên, thậm chí việc họ gánh hộ việc cho nhau, tạm gọi như thế, những khi lẽ thường cho phép, cũng là điều tự nhiên. Dù sao cả hai đều là dòng dõi thiên thần. Nếu ta định đến Hull làm một vụ cám dỗ nho nhỏ, thì tội gì không tiện thể chạy sang đầu kia thành phố và tạo ra một khoảnh khắc xuất thần thiêng liêng. *Đằng nào* việc chả xong, và khôn ngoan một tí như thế giúp mọi người vừa có nhiều thời gian rảnh hơn vừa tiết kiệm chi phí.

Thỉnh thoảng Aziraphale có thấy hơi tội lỗi về việc này, nhưng nhiều thế kỷ ở bên con người cũng đã có ảnh hưởng tới y như tới Crowley, chỉ khác là theo hướng ngược lại.

Hơn nữa, các đấng quyền năng có vẻ cũng chẳng quan tâm ai làm gì, miễn mọi việc hoàn thành là được.

Hiện tại, việc Aziraphale đang làm là đứng với Crowley bên ao vịt ở công viên Thánh James. Họ đang cho vịt ăn.x

Đàn vịt ở công viên Thánh James đã quen được ăn bánh mì của các đặc vụ ngầm gặp gỡ bí mật đến nỗi chúng đã phát triển

một phản xạ có điều kiện riêng. Cho một con vịt ở công viên Thánh James vào một cái lồng trong phòng thí nghiệm và cho nó xem một bức ảnh hai người đàn ông - thường là một người mặc áo khoác có cổ lông, người kia mặc bộ đồ nghiêm trang và quàng khăn - thì con vịt sẽ nhìn lên vẻ hóng đợi. Bánh mì đen của Tùy viên Văn hóa Nga thường được tìm kiếm bởi những con vịt khôn ngoan hơn, còn bánh mì hiệu Hovis mềm ẩm phết men Marmite của chỉ huy MI9 thì luôn được những con sành sỏi ngấu nghiến.

Aziraphale ném một mẩu vỏ bánh cho một con vịt đực lông lá bù xù, con vịt bắt được mẩu bánh và lặn xuống tức thì.

Vị thiên thần quay sang nhìn Crowley.

"Thật tình, anh bạn thân mến ạ," y khẽ nói.

"Xin lỗi," Crowley nói. "Tôi quên mất." Con vịt giận dữ trồi lên mặt nước.

"Tất nhiên, chúng tôi biết đang có chuyện," Aziraphale nói. "Nhưng không hiểu sao tôi cứ nghĩ những việc thế này sẽ xảy ra ở Mỹ cơ. Ở đó họ hứng thú với những chuyện kiểu này hơn."

"Có khi sẽ xảy ra ở Mỹ đấy," Crowley ủ ê nói. Hắn trầm ngâm nhìn qua công viên đến chỗ chiếc Bentley, bánh sau đang được người ta cần mẫn khóa lại.

"À, phải. Nhà ngoại giao người Mỹ," vị thiên thần nói. "Có vẻ hơi *phô trương*. Như thể Tận thế là một chương trình điện ảnh ta muốn bán cho càng nhiều nước càng tốt."

"Cho *tất cả* các nước," Crowley nói. "Trần gian và mọi vương quốc ở đó."

Aziraphale ném miếng bánh mì cuối cùng cho đàn vịt, chúng liền quay sang quấy rầy Tùy viên Hải quân Bulgaria và một người đàn ông vẻ lấm lút, đeo cà vạt Cambridge, rồi y cẩn thận bỏ túi giấy vào thùng giấy rác.

Y quay lại đối mặt với Crowley.

"Chúng tôi sẽ thắng, tất nhiên rồi," y nói.

"*Anh* không muốn thế đâu," tên quỷ nói.

“Sao lại không, xin anh giải thích giùm?”

“*Nghe đây,*” Crowley nói hết sức nghiêm túc, “phe anh có bao nhiêu nhạc sĩ hả? Ý tôi là nhạc sĩ hàng đầu ấy.”

Aziraphale có vẻ bất ngờ.

“Ờ, tôi nghĩ là…” y mở miệng.

“Hai,” Crowley nói. “Elgar và Liszt, chỉ *thế* thôi, chúng tôi có hết đám còn lại. Beethoven, Brahms, mấy ông Bach, Mozart, tất. Anh có tưởng tượng nổi sống đời vĩnh hằng với Elgar không?”

Aziraphale nhắm mắt lại. “Quá dễ dàng là đằng khác,” y rên rẩm.

“Thế đấy,” Crowley nói với một thoáng hoan hỷ. Hắn biết rõ điểm yếu của Aziraphale. “Không còn đĩa CD nữa. Không còn Albert Hall nữa. Không còn đại nhạc hội Proms nữa. Không còn nhà hát Glyndbourne nữa. Chỉ còn dàn đồng ca thiên đường thâu đêm suốt sáng.”

“Bất khả tư nghị,” Aziraphale lẩm bẩm.

“Như trứng mà không có muối, anh đã nói thế còn gì. Nói mới nhớ. Sẽ không còn muối, không còn trứng nữa. Không còn cá hồi hun khói với xốt thì là. Không còn những nhà hàng nhỏ thú vị nhẫn mặt anh. Không còn trò ô chữ trên tờ *Điện tín hằng ngày*. Không còn các tiệm đồ cổ. Không còn cả hiệu sách nữa. Không còn các ấn bản xưa hay ho. Không còn” - Crowley vét nốt đáy thùng sở thích của Aziraphale - “hộp đựng thuốc lá hít bằng bạc thời Nhiếp chính…”

“Nhưng sau khi chúng tôi thắng cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn!” vị thiên thần rên lên.

“Nhưng nó sẽ không thú vị như bây giờ nữa. Nghe này, anh *biết* tôi nói đúng mà. Anh thích cầm đàn hạc cũng chỉ như tôi thích cầm cây chĩa thôi.”

“Anh biết chúng tôi không chơi đàn hạc mà.”

“Chúng tôi cũng không dùng đinh ba. Tôi đang nói ẩn dụ thôi.”

Họ nhìn nhau.

Aziraphale xòe ra hai bàn tay được cắt sửa hết sức thanh nhã.

"Người phe tôi sẽ rất phấn khởi nếu chuyện này xảy ra, anh biết đấy. Tất cả tồn tại vì nó mà, anh hiểu không. Phép thử vĩ đại cuối cùng. Gươm rực lửa, Tứ Kỵ sĩ, biển máu, toàn bộ vụ việc chán òm đó." Y nhún vai.

"Rồi Trò chơi Kết thúc, Mời Đút Xèng?" Crowley nói.

"Đôi khi tôi thấy cách diễn đạt của anh hơi khó hiểu."

"Tôi thích biển nguyên xi như bây giờ. Chuyện này không nhất thiết phải xảy ra. Ta không phải thử thách mọi thứ đến mức hủy diệt chỉ để xem ta có làm đúng hay không."

Aziraphale lại nhún vai.

"Tôi e đó là điều bất khả tư nghị." Vị thiên thần rùng mình và khép chặt áo khoác quanh người. Những đám mây xám xịt đang chồng chất bên trên thành phố.

"Đến chỗ nào ấm hơn đi," y nói.

"Anh hỏi tôi đấy à?" Crowley rầu rĩ nói.

Họ cùng ủ rũ bước đi trong im lặng hồi lâu.

"Không phải là tôi không đồng ý với anh đâu," vị thiên thần nói, khi họ bước qua bãi cỏ. "Chỉ là tôi không được phép chống lệnh. Anh biết đấy."

"Tôi cũng vậy," Crowley nói.

Aziraphale liếc hắn. "Ồ, thôi nào," y nói, "anh là quỷ cơ mà."

"Ừ. Nhưng người phe tôi chỉ ủng hộ việc chống lệnh theo nghĩa chung chung thôi. Còn nếu chống lệnh *cụ thể* thì họ sẽ bổ đầu ngay."

"Ví dụ như chống lệnh của chính họ ấy à?"

"Đúng. Anh sẽ ngạc nhiên cho mà xem. Hay có lẽ là không. Anh nghĩ chúng ta còn bao lâu?" Crowley vẫy tay về phía chiếc Bentley, và cửa xe tự động mở ra.

"Mỗi lời tiên tri nói một kiểu," Aziraphale nói, trèo vào ghế khách. "Chắc chắn là đến cuối thế kỷ, tuy nhiên sẽ có thể có nhiều hiện tượng xảy ra trước đó. Phần lớn đám tiên tri của

thiên niên kỷ vừa rồi chỉ quan tâm tới việc gieo vần sao cho hay, hơn là sự chính xác."

Crowley chỉ chìa khóa, chìa khóa xoay.

"Sao cơ?" hắn hỏi.

"Anh biết đấy," vị thiên thần giải thích. " 'Và Thế giới sẽ đến Hồi Tiêu tán, vào năm gì-gì-gì-đó-Tám.' Hoặc Hai, hoặc Ba, hoặc đại loại thế. Không có nhiều từ hay vần với Sáu, nên có lẽ đó sẽ là một năm an toàn."

"Và sẽ có các hiện tượng gì?"

"Bê hai đầu này, các dấu hiệu từ trên trời này, ngỗng bay giật lùi, mưa cá này. Đại loại thế. Sự xuất hiện của Kẻ Chống Chúa sẽ làm ảnh hưởng đến sự vận hành tự nhiên của luật nhân quả."

"Hừm."

Crowley cài số cho chiếc Bentley. Rồi hắn chợt nhớ ra một chuyện. Hắn búng ngón tay.

Khóa kẹp bánh xe biến mất.

"Đi ăn trưa nhé," hắn nói. "Tôi còn nợ anh một chầu, từ hồi nào ấy nhỉ..."

"Paris, 1793," Aziraphale nói.

"À, ừ. Triều đại Khủng bố[(*)]. Vụ đó là của các anh hay là bọn tôi?"

"Không phải là của các anh à?"

"Không nhớ nổi nữa. Nhưng nhà hàng đó rất được."

Khi họ lái xe qua một viên cảnh sát giao thông sững sờ, cuốn sổ của ông ta bỗng bùng cháy, khiến Crowley hết sức ngạc nhiên.

"Tôi dám chắc tôi không cố ý làm vậy," hắn nói.

Aziraphale đỏ mặt.

"Là tôi đấy," y nói. "Tôi đã luôn nghĩ là người *phe anh* phát minh ra họ."

"Thế à? *Chúng* tôi thì lại nghĩ họ là từ các anh mà ra cơ đấy."

Crowley nhìn đám khói qua gương chiếu hậu.

“Đi nào,” hắn nói. “Đến khách sạn Ritz thôi.”

Crowley đã không buồn đặt bàn trước. Trong thế giới của hắn, đặt bàn trước là việc của kẻ khác, không phải của hắn.

Aziraphale sưu tập sách. Nếu thực sự thành thật với bản thân thì y hẳn sẽ phải thừa nhận rằng hiệu sách của y chẳng qua chỉ là chỗ cho y cất bộ sưu tập của mình mà thôi. Trong môn này thì y cũng giống như những kẻ khác. Để duy trì vỏ bọc một chủ hiệu sách cũ bình thường, y dùng đủ mọi cách, chỉ thiếu có vũ lực, để ngăn khách hàng mua sách. Mùi ẩm mốc khó chịu, những ánh nhìn lầm lì, giờ mở cửa tùy tiện… y rất giỏi việc đó.

Y đã sưu tập sách một thời gian dài, và, như mọi nhà sưu tập khác, y dần chuyên môn hóa.

Y có hơn sáu mươi cuốn sách tiên tri về các sự kiện trong mấy thế kỷ cuối của thiên niên kỷ thứ hai. Y đặc biệt mê các ấn bản đầu tiên của Oscar Wilde. Và y có nguyên một bộ Kinh Thánh Ô Danh, mỗi cuốn lại được đặt tên theo lỗi sai lúc sắp chữ in.

Các cuốn Kinh Thánh này bao gồm Kinh Thánh Không Công bình, được gọi như vậy vì một lỗi nhà in khiến nó tuyên bố, trong kinh Corinthian chương I, rằng, “Anh em há chẳng biết những kẻ không công bình được hưởng nước Đức chúa Trời sao?”; và Kinh Thánh Tội lỗi, được in bởi Barker và Lucas năm 1632, trong đó từ *không* đã bị bỏ qua ở điều răn thứ bảy, biến nó thành “Ngươi được ngoại tình”. Rồi còn có Kinh Thánh Bài tiết, Kinh Thánh Mật đường, Kinh Thánh Cá đứng, Kinh Thánh Charing Cross, và các cuốn khác nữa. Aziraphale có đủ cả. Kể cả cuốn hiếm nhất, một cuốn Kinh Thánh được xuất bản năm 1651 bởi nhà xuất bản Bilton và Scaggs ở London.

Đó là thảm họa đầu tiên trong số ba thảm họa xuất bản của họ.

Cuốn Kinh Thánh này thường được biết đến với cái tên là Kinh Thánh Tổ cha nó. Lỗi rất dài của thợ sắp chữ, Nếu có thể gọi như vậy, xuất hiện ở kinh Ezekiel, chương 48, khổ năm.

2. Trên bờ cõi của Dan, từ phía đông đến phía tây, sẽ là phần của Asher.

3. Trên bờ cõi của Asher, từ phía đông đến phía tây, sẽ là phần của Naphtali.

4. Trên bờ cõi của Naphtali, từ phía đông đến phía tây, sẽ là phần của Manasseh.

5. Tổ cha nó chứ. Tao ngấy việc sắp chữ đến tận cổ rồi. Ông Bilton không phải người tử tế, còn ông Scaggs thì chỉ là một thằng cha keo kiệt ở Southwark. Tao nói cho mà biết, vào một ngày như thế này, ai có lấy một nửa lạng trí khôn thì cũng sẽ ra ngoài tận hưởng ánh nắng chứ không giam mình cả ngày trong cái xưởng Bên-Đức-Mẹ mốc meo này @*"?E @;1*

6. Trên bờ cõi của Ephraim, từ phía đông đến phía tây, sẽ là phần của Rueben.(*)

Các khổ này nối tiếp khổ 24, mà trong bản Kinh Thánh Vua James là như sau: "Vậy, Ngài đuổi loài người ra khỏi vườn, rồi đặt tại phía đông vườn Địa đàng các thần chêrubin với gươm lưỡi chói lòa, để giữ con đường đi đến cây sự sống," *và có nội dung như sau*:

25. Đức Chúa Trời gọi vị Thiên thần canh gác cổng phía đông và nói, Thanh gươm lưỡi chói lòa con được ban cho đâu rồi?

26. Và vị Thiên thần đáp, Con mới cầm đây một phút trước thôi mà, chắc con đặt nó xuống đâu đó, khéo lần tới con còn quên luôn cái đầu mình không chừng.

27. Và Đức Chúa Trời không hỏi lại nữa.

Có vẻ là những khổ này được thêm vào trong lúc sửa bản in thử. Thời đó các thợ in thường treo bản in thử lên những thanh rầm gỗ bên ngoài cửa hiệu của họ, để người dân tự do biên tập và lại được sửa chính tả miễn phí nữa, và vì toàn bộ ấn bản này sau đó đã bị đốt nên cũng chẳng ai buồn nhắc lại chuyện này với ông A. Ziraphale tốt bụng, chủ hiệu sách cách đó hai nhà, người luôn rất tận tình giúp đỡ với các bản dịch và có nét chữ rất dễ nhận ra.

Thảm họa xuất bản thứ hai của Bilton và Scaggs xảy ra vào năm 1653. Nhờ một vận may hiếm hoi, họ đã kiếm được một trong số các "Bản thảo Thất lạc" trứ danh - ba vở kịch của Shakespeare chưa bao giờ được in thành tập, và giờ đã hoàn toàn thất truyền với cả giới học thuật lẫn khán giả xem kịch, chỉ còn tên của các vở kịch là được truyền lại cho chúng ta. Vở này là vở kịch đầu tay của Shakespeare, *Hài kịch Robin Hood hay, Rừng Sherwood.*(*)

Ông Bilton đã trả gần sáu ghinê cho vở kịch và tin rằng ông ta chỉ cần in bìa cứng là có thể kiếm gần gấp đôi chỗ đó.

Rồi ông ta đánh mất nó.

Thảm họa xuất bản thứ ba của Bilton và Scaggs thì cả hai đều chưa bao giờ hiểu nổi. Họ nhìn đâu cũng thấy sách tiên tri bán đắt như tôm tươi. Ấn bản tiếng Anh của cuốn *Các thế kỷ* của Nostradamus vừa được tái bản lần thứ ba, và năm ông Nostradamus, ai cũng khăng khăng rằng mình là đồ thật, đều đang trong các chuyến đi ký tặng hết sức thành công. Và cuốn *Tuyển tập các lời tiên tri* của Má Shipton thì như bốc hơi khỏi mọi cửa hàng.

Mỗi nhà xuất bản lớn ở London - có tám nhà xuất bản cả thảy - đều có ít nhất một sách tiên tri trên danh mục phát hành. Cuốn nào cũng sai loạn xì ngầu lên, nhưng giọng điệu quyền uy chung chung mơ hồ của chúng khiến chúng hết sức được ưa chuộng. Chúng bán được hàng ngàn, hàng vạn cuốn.

"**Như là in tiền vậy!**" ông Bilton nói với ông Scaggs(*). "**Công chúng đang nài xin những thứ rác rưởi như vậy! Chúng ta phải in ngay một cuốn sách tiên tri của một mụ phù thủy già nào đó!**"

Bản thảo xuất hiện ở trước cửa hiệu của họ ngay sáng hôm sau; tác giả, cũng như mọi khi, đã căn thời gian cực kỳ chính xác.

Mặc dù cả ông Bilton lẫn ông Scaggs đều không nhận ra điều đó, bản thảo được gửi đến cho họ là tác phẩm tiên tri duy nhất trong toàn bộ lịch sử nhân loại bao gồm những dự đoán hoàn

toàn chính xác cho khoảng ba trăm bốn mươi năm tiếp theo, tức là những miêu tả chính xác và chi tiết các sự kiện dẫn đến Tận thế. Từng chi tiết đều chính xác một trăm phần trăm.

Bilton và Scaggs xuất bản nó vào tháng Chín năm 1655, vừa kịp lúc cho đợt mua sắm Giáng sinh(*), và đó là cuốn sách đầu tiên in ở Anh bị ế.

Chẳng ai thèm mua nó.

Thậm chí cả cuốn sách duy nhất ở cửa hiệu nhỏ xíu ở Lancashire với tấm biển "Tác giả địa phương" đặt bên cạnh cũng không bán được.

Tác giả cuốn sách, một bà tên là Agnes Nutter, không hề ngạc nhiên về điều này, nhưng nói đi cũng phải nói lại, phải là một điều hết sức khác thường thì mới có thể khiến Agnes Nutter ngạc nhiên.

Mà dù sao bà cũng không viết cuốn sách để bán, hay để kiếm tiền bản quyền, hay thậm chí để nổi tiếng. Bà đã viết nó để lấy một bản sách biếu miễn phí mà tác giả nào cũng được nhận.

Không ai biết chuyện gì đã xảy ra với quân đoàn sách ế kia. Chắc chắn là không có cuốn nào nằm ở viện bảo tàng hay các bộ sưu tập cá nhân. Ngay cả Aziraphale cũng không có, nhưng đầu gối y sẽ run lên trước cái viễn cảnh được đặt bàn tay chải chuốt của y lên một cuốn.

Thật ra, cuốn sách tiên tri của Agnes Nutter chỉ còn một bản duy nhất trên toàn thế giới.

Nó đang nằm trên một giá sách cách chỗ Crowley và Aziraphale đang tận hưởng bữa trưa ngon lành chừng sáu mươi lăm cây số, và nói một cách ẩn dụ, nó đang bắt đầu kêu tích tắc.

◇

Và giờ là ba giờ chiều. Kẻ Chống Chúa đã có mặt trên trần thế được mười lăm tiếng, và một thiên thần cùng một tên quỷ đã nốc rượu không ngừng suốt ba tiếng trong số đó.

Họ ngồi đối diện nhau trong buồng sau hiệu sách cũ xập xệ của Aziraphale ở Soho.

Phần lớn các hiệu sách ở Soho đều có buồng sau, và phần lớn các buồng sau đều xếp đầy các cuốn sách hiếm, hay bét cũng là sách rất đắt. Nhưng sách của Aziraphale không có hình minh họa. Chúng có bìa nâu cũ kỹ và các trang sách đã khô giòn. Thỉnh thoảng, Nếu không còn lựa chọn nào khác, y sẽ bán một cuốn.

Và thỉnh thoảng, những người nghiêm nghị mặc vét đen sẽ ghé qua và lịch sự gợi ý rằng có lẽ y sẽ muốn bán cả cửa hiệu để nó có thể được biến thành một cửa hàng phù hợp với khu này hơn. Đôi khi họ sẽ xìa tiền mặt ra, những cọc toàn tờ năm mươi bảng cáu bẩn. Hoặc, đôi khi, trong lúc họ đang nói chuyện, những người khác đeo kính đen sẽ đi quanh cửa hiệu lắc đầu và nói giấy dễ cháy ra sao, rằng y đang ở trong một lò lửa như thế nào.

Và Aziraphale sẽ gật đầu rồi mỉm cười và nói y sẽ suy nghĩ về việc đó. Và rồi họ sẽ rời đi. *Và họ không bao giờ trở lại.*

Chỉ bởi vì ta là thiên thần không có nghĩa ta cũng phải là một thằng ngốc.

Cái bàn trước mặt họ chất đầy chai lọ.

“Vấn đề là,” Crowley nói, “vấn đề là. Vấn đề là.” Hắn cố tập trung vào Aziraphale.

“Vấn đề *là*,” y nói, và cố nghĩ ra một vấn đề.

“Vấn đề tôi đang nói đến,” hắn nói, mặt tươi hẳn lên, “là bọn cá heo. Đó là vấn đề của tôi.”

“Một giống cá,” Aziraphale nói.

“Không không không không,” Crowley nói, vẫy vẫy một ngón tay. “Là loài có vú. Loài có vú xịn đấy. Khác biệt là…” Crowley lội qua đầm lầy trong tâm trí và cố nhớ ra sự khác biệt. “Khác biệt là, chúng…”

“Phối giống trên cạn?” Aziraphale gợi ý.

Trán Crowley nhăn lại. “Hình như không phải. Dám chắc là không phải. Có gì đó liên quan đến con non. Sao cũng được.”

Hắn cố trấn tĩnh lại. “Vấn đề là. *Vấn đề* là. Não của chúng.”

Hắn với tay lấy một cái chai.

“Não chúng thì sao?” vị thiên thần hỏi.

“Não to. Ý tôi là thế đấy. Cỡ bằng. Cỡ bằng. Cỡ bằng bộ não to thật to. Rồi còn cả bọn cá voi nữa. Thành phố não, tin tôi đi. Một biển não.”

“Thủy quái,” Aziraphale nói, rầu rĩ nhìn vào ly rượu của mình.

Crowley ném cho y một cái nhìn dài lạnh lùng của kẻ đã bị cả một cái rầm cầu rơi xuống chặn dòng suy nghĩ của mình.

“Hử?”

“Con quái vật khổng lồ,” Aziraphale nói. “Ngủ bên dưới lòng biển sâu cuộn sóng. Dưới hàng đống, hàng đống ta... tả... tảo biển to tướng, anh biết đấy. Nó sẽ nổi lên mặt biển vào đúng lúc cuối cùng, khi biển sôi sùng sục.”

“Thế à?”

“Thật luôn.”

“Đấy, thấy chưa,” Crowley nói, ngồi ngả ra. “Biển sôi sùng sục, đám cá heo khốn khổ thành cháo cá tuốt tuột, chẳng ai thèm quan tâm. Cả bọn khỉ đột nữa. Úi chà, chúng bảo, trời đỏ chóe cả rồi, sao thì rơi xuống đất, dạo này người ta bỏ gì vào chuối thế nhỉ? Thế rồi...”

“Chúng xây tổ đấy, anh biết không, khỉ đột ấy,” vị thiên thần nói, tự rót cho mình một ly nữa và đến lần thứ ba mới rót trúng.

“Làm gì có.”

“Tôi thề có Chúa. Tôi thấy trên phim. Xây tổ mà.”

“Chim mới xây tổ chứ,” Crowley nói.

“Xây tổ,” Aziraphale khăng khăng.

Crowley quyết định không tranh cãi thêm chuyện đó nữa.

“Mọi chuyện là thế đấy,” hắn nói. “Mọi sinh vật lớn và nhọ. Ý tôi là nhỏ. Lớn và nhỏ. Rất nhiều con có não. Và rồi, bùm.”

“Nhưng *anh* dự phần vào cái đó còn gì,” Aziraphale nói. “Anh dụ dỗ người ta. Anh rất giỏi việc đó.”

Crowley dằn mạnh cái ly xuống bàn. “Chuyện đó khác. Họ không cần phải đồng ý. Đó là cái phần bất khả tư nghị đấy, đúng không? Phe các anh bù lại. Ta phải liên tục thử thách con người. Nhưng không phải đến mức hủy diệt.”

“Được rồi. Được rồi. Tôi cũng chẳng thích thú gì chuyện này hơn anh, nhưng tôi đã bảo anh rồi. Tôi không thể trái… trải… không làm theo lệnh được. T là thiênnn thầnnn.”

“Trên Thiên đường không có rạp hát,” Crowley nói. “Và rất ít phim.”

“Đừng có tìm cách dụ dỗ tôi,” Aziraphale khổ sở nói. “Tôi biết anh mà, đồ mãng xà.”

“Cứ thử nghĩ mà xem,” Crowley vẫn nói không chút thương xót. “Anh có biết vĩnh hằng là thế nào không? Anh có biết vĩnh hằng là thế nào không? Ý tôi là, anh có thực sự biết vĩnh hằng là thế nào không? Thế này nhé, có một ngọn núi to, cao một dặm, ở tận cùng vũ trụ, và cứ một ngàn năm một lần, có một con chim nhỏ…”

“Con chim nhỏ nào?” Aziraphale nghi ngờ hỏi.

“Con chim nhỏ mà tôi đang nói đến đây. Và cứ một ngàn năm một lần…”

“Cứ một ngàn năm một lần mà vẫn là con chim nhỏ đó à?”

Crowley ngần ngừ. “Ừ,” hắn đáp.

“Thế thì con chim cũng già cóc cụ rồi.”

“Được rồi. Và cứ một ngàn năm một lần con chim đó bay…”

“… lết thì đúng hơn…”

“… *bay* đến ngọn núi này và mài mỏ…”

“Khoan *đã*. Anh không thể làm thế. Giữa đây với tận cùng vũ trụ có cả đống…” Vị thiên thần vẫy một bàn tay thành một góc khá rộng, tuy hơi run rẩy một chút. “Cả đống hầm bà lằng, anh bạn thân mến ạ.”

“Nhưng nó vẫn bay đến nơi,” Crowley khăng khăng.

“Bằng cách nào?”

“Không quan trọng!”

“Nó có thể dùng tàu vũ trụ,” vị thiên thần nói.

Crowley đành nhún một chút. “Cũng được,” hắn nói. “Nếu anh muốn. Dù sao thì, con chim này…”

“Mỗi tội chúng ta đang nói đến *tận cùng* vũ trụ đấy,” Aziraphale nói. “Vì vậy đó sẽ phải là một con tàu vũ trụ mà kẻ xuống tàu ở đầu kia sẽ là con cháu ta. Ta sẽ phải dặn dò con cháu mình, kiểu, Khi đến Ngọn núi, con phải…” Y ngần ngừ. “Họ phải làm gì ấy nhỉ?”

“Mài mỏ vào núi,” Crowley nói. “Rồi nó bay trở về…”

“… trong tàu vũ trụ…”

“Và sau một ngàn năm nó lại trở lại làm việc này một lần nữa,” Crowley nói thật nhanh.

Có một quãng im lặng say xỉn.

“Chỉ mài mỏ thôi mà tốn công quá,” Aziraphale trầm ngâm nói.

“Nghe này,” Crowley sốt ruột nói, “vấn đề là khi con chim đã mài mòn cả quả núi, hiểu không, thì khi đó…”

Aziraphale mở miệng. Crowley *biết chắc* y sẽ nói một điều gì đó về sự tương quan giữa độ cứng của mỏ chim và núi đá hoa cương, vội chặn họng y ngay.

“… khi đó anh vẫn chưa xem xong phim *The Sound of Music*.”

Aziraphale đờ người.

“Và anh sẽ *thích* nó,” Crowley vẫn tiếp tục. “Thực sự thích nó.”

“Anh bạn thân mến…”

“Anh sẽ không có lựa chọn nào khác.”

“Nghe này…”

“Thiên đường chẳng có gu gì hết.”

“Kìa…”

“Và không có lấy một tiệm sushi.”

Một vẻ đau khổ hiện lên trên khuôn mặt bỗng hết sức nghiêm trang của vị thiên thần.

“Tôi không thể đối mặt với chuyện này lúc đang say,” y nói. “Tôi dã rượu đây.”

“Tôi cũng thế.”

Cả hai cùng nhăn mặt khi rượu bốc hơi khỏi máu của họ, và ngồi dậy thẳng thớm hơn một chút. Aziraphale vuốt lại cà vạt.

“Tôi không thể can thiệp vào kế hoạch linh thiêng,” y rên rỉ.

Crowley trầm ngâm nhìn vào cái ly của mình, rồi lại rót đầy ly.

“Thế còn các kế hoạch ma quỷ thì sao?” hắn hỏi.

“Anh nói sao cơ?”

“Ờ thì nó phải là một kế hoạch ma quỷ, đúng không? *Chúng* tôi thực hiện mà. Phe tôi.”

“À, nhưng tất cả đều thuộc vào một kế hoạch *linh thiêng* chung,” Aziraphale nói. “Phe anh không thể làm bất cứ điều gì nằm ngoài kế hoạch linh thiêng bất khả tư nghị,” y thêm vào với một thoáng tự đắc.

“Làm gì có!”

“Không, đó là…” Aziraphale bực bội búng ngón tay. “Cái gì ấy nhỉ. Cái mà anh hay gọi là chốt ấy.”

“Điểm mấu chốt.”

“Đúng rồi. Chính là nó.”

“Ờ… nếu anh chắc chắn…” Crowley nói.

“Chắc như bắp.”

Crowley ranh mãnh nhìn lên.

“Thế thì anh không thể chắc chắn, nếu tôi nhầm thì bảo tôi nhé, anh không thể chắc chắn rằng ngăn chặn nó không phải là một phần của kế hoạch linh thiêng. Ý tôi là, anh luôn phải ngăn chặn mưu chước của quỷ sứ, đúng không?”

Aziraphale ngần ngừ.

“Đúng là có chuyện đó.”

“Anh thấy một mưu chước, anh ngăn chặn ngay. Tôi nói đúng chứ?”

“Đại khái, đại khái thôi. Thật ra tôi khuyến khích con người tự mình ngăn chặn. Vì điều bất khả tư nghị, anh hiểu mà.”

“Hiểu. Hiểu. Vậy việc của anh là ngăn chặn. Vì theo hiểu biết của tôi,” Crowley sốt sắng nói, “thì việc đứa bé ra đời mới chỉ là khởi đầu. Việc nuôi dạy nó mới là quan trọng. Ảnh hưởng mới là quan trọng. Nếu không đứa bé sẽ không bao giờ biết cách sử dụng quyền năng.” Hắn ngần ngừ. “Ít nhất là không sử dụng như dự tính.”

“Chắc chắn là phe tôi sẽ không phản đối nếu tôi ngăn chặn anh,” Aziraphale trầm ngâm nói. “Họ sẽ không phản đối chút nào.”

“Ừ. Cánh anh sẽ được thêm một cọng lông nữa.” Crowley nở một nụ cười động viên với vị thiên thần.

“Nhưng nếu đứa trẻ không được nuôi dạy theo kiểu ác quỷ thì sao?” Aziraphale hỏi.

“Chắc chẳng sao. Nó sẽ không bao giờ biết.”

“Nhưng còn di truyền…”

“Đừng nói với tôi về di truyền. Di truyền thì liên quan gì?” Crowley nói. “Cứ nhìn Satan mà xem. Sinh ra là thiên thần, lớn lên thành Đại Địch Thủ. Nếu anh định nói về di truyền, thì anh cũng có thể nói đứa bé sẽ lớn lên thành thiên thần. Dù sao thì bố nó cũng là nhân vật tai to mặt nhớn trên Thiên đường thời trước. Nói nó sẽ lớn lên thành quỷ chỉ bởi vì bố nó *đã trở thành* quỷ thì cũng giống như nói rằng một con chuột bị chặt đuôi sẽ đẻ ra chuột cụt đuôi. Không. Nuôi dạy quyết định tất cả. Tin tôi đi.”

“Và khi không có ảnh hưởng ma quỷ…”

“Ờ, tệ nhất là Địa ngục sẽ phải bắt đầu lại từ đầu. Và Trái đất sẽ có thêm ít nhất mười một năm nữa. Như thế cũng bõ công đấy chứ?”

Giờ Aziraphale lại có vẻ trầm ngâm.

“Anh nói là bản thân đứa trẻ không xấu xa ư?” y chậm rãi nói.

“Có *tiềm năng* trở nên xấu xa thôi. Và cũng có tiềm năng trở nên tốt đẹp nữa, tôi đoán vậy. Chỉ là một *tiềm năng* quyền lực vô

cùng, chờ được nhào nặn," Crowley nói. Hắn nhún vai. "Mà sao chúng ta lại nói về *thiện* với *ác* làm gì? Chúng chỉ là tên cho các phe thôi. *Chúng ta* biết thế mà."

"Tôi đoán cũng đáng thử xem sao," vị thiên thần nói. Crowley gật đầu khuyến khích.

"Thỏa thuận nhé?" tên quỷ nói, chìa tay ra.

Vị thiên thần thận trọng bắt tay hắn.

"Chắc chắn sẽ thú vị hơn các thánh," y nói.

"Và về lâu dài, đây đều là vì lợi ích của đứa trẻ," Crowley nói. "Chúng ta sẽ giống như những người cha đỡ đầu, đại loại vậy. Trông nom việc giáo dưỡng tôn giáo của nó, có thể nói vậy cũng được."

Aziraphale cười tươi.

"Anh biết không, tôi chưa bao giờ nghĩ đến chuyện đó," y nói. "*Cha đỡ đầu*. Chà, quỷ bắt tôi đi."

"Không tệ lắm đâu," Crowley nói, "một khi anh đã quen."

◇

Ả được biết đến với cái tên Scarlett. Lúc ấy ả đang bán vũ khí, dù việc đó đang bắt đầu nhàm dần. Ả không bao giờ làm một công việc gì quá lâu. Ba, bốn trăm năm là cùng. Không ai muốn mình đi vào lối mòn.

Tóc ả có màu đỏ thực sự, không phải đỏ vàng hay đỏ nâu, mà là một màu đỏ đồng bóng rực, xõa xuống eo thành từng lọn, mái tóc khiến lũ đàn ông vì nó mà giết người, và quả thực họ cũng thường làm vậy. Mắt ả có màu cam sửng sốt. Nhìn ả chừng hai mươi lăm tuổi, và ả vẫn luôn như vậy.

Ả có một chiếc xe tải màu đỏ gạch, bụi bặm, chất đầy vũ khí đủ loại, và một tài khéo gần như không tưởng có thể đưa nó qua bất kỳ biên giới nào trên đời. Ả đang trên đường đến một quốc gia nhỏ ở Tây Phi, nơi đang diễn ra một cuộc nội chiến nho nhỏ, để giao một món hàng mà, nếu may mắn, sẽ biến nó thành một

cuộc nội chiến to to. Thật không may là chiếc xe tải đã bị hỏng, và thậm chí với năng lực của ả cũng không sửa nổi.

Mà dạo này ả rành máy móc lắm đấy.

Lúc đó ả đang ở giữa một thành phố.(*) Thành phố này là thủ đô của Kumbolaland, một quốc gia châu Phi đã tận hưởng cảnh hòa bình suốt ba ngàn năm qua. Nó đã từng là Ngài-Humphrey-Clarksonland trong khoảng ba mươi năm, nhưng vì chẳng có chút tài nguyên khoáng sản nào và tầm quan trọng chiến lược của nó chỉ bằng một quả chuối, nên nó đã được xúc tiến sang chế độ tự trị nhanh đến ngớ ngẩn. Kumbolaland rất nghèo, có lẽ vậy, và chắc chắn là rất nhàm chán, nhưng rất yên bình. Các bộ lạc của nó, vốn rất hòa thuận với nhau, đã biến gươm giáo thành cày cuốc từ lâu; một trận ẩu đả đã xảy ra trên quảng trường thành phố vào năm 1952 giữa một bác lái bò say rượu và một tên trộm bò cũng say không kém. Người ta vẫn còn bàn tán về nó.

Scarlett ngáp dài trong hơi nóng. Ả dùng cái mũ rộng vành quạt cho mát, bỏ chiếc xe tải vô dụng lại giữa con phố đầy bụi, và đi vào một quán bar.

Ả mua một lon bia, uống cạn, rồi cười với người phục vụ quầy. "Tôi cần sửa chiếc xe tải," ả nói. "Quanh đây có ai nhờ được không?"

Người phục vụ cười toe toét, để lộ hàm răng trắng lóa. Anh ta đã rất ấn tượng với cách ả uống cạn bia. "Chỉ có Nathan thôi, thưa cô. Nhưng Nathan đã quay về Kaounda để coi trang trại của bố vợ rồi."

Scarlett mua một lon bia nữa. "Vậy, anh chàng Nathan này. Anh có biết bao giờ anh ta về không?"

"Có lẽ tuần sau. Có lẽ hai tuần nữa cơ, thưa cô. Cái gã Nathan ấy, đúng là đồ xỏ lá, nhỉ?"

Anh ta rướn người về phía trước.

"Cô đi một mình à, thưa cô?" anh ta hỏi.

"Phải."

"Có thể nguy hiểm đấy. Trên đường ngày nay có nhiều kẻ kỳ quặc lắm. Kẻ xấu. Không phải người *địa phương* đâu," anh ta vội

thêm vào.

Scarlett nhướng một bên mày hoàn hảo lên.

Bất chấp hơi nóng, anh ta vẫn rùng mình.

“Cảm ơn anh đã báo trước,” Scarlett rừ rừ đáp. Giọng ả nghe như một thứ đang rình rập giữa đám cỏ cao, chỉ nhận ra được qua cặp tai giật giật, cho tới khi có con gì đó non tơ và yếu mềm lảo đảo đi qua.

Ả nhấc mũ lên chào anh ta rồi bước ra ngoài.

Vầng mặt trời châu Phi nóng rực rọi xuống ả; chiếc xe tải của ả đậu trên phố, chất đầy súng, đạn, và mìn. Nó sẽ chẳng đi đâu cả.

Scarlett nhìn chiếc xe chằm chằm.

Một con kền kền đang đậu trên nóc xe. Nó đã đi cùng Scarlett suốt bốn trăm năm mươi cây số vừa qua. Nó đang khe khẽ ợ.

Ả nhìn quanh phố: mấy người phụ nữ chuyện gẫu ở góc phố; một người bán hàng ngán ngẩm ngồi đuổi ruồi trước đống bí đủ màu sắc; mấy đứa trẻ biếng nhác chơi giữa đất bụi.

“Kệ xác,” ả khẽ nói. “Dù sao mình cũng cần nghỉ ngơi một chút.”

Hôm đó là thứ Tư.

Đến thứ Sáu thì thành phố đã bị phong tỏa.

Đến thứ Ba tuần sau thì nền kinh tế của Kumbolaland đã hoàn toàn bị phá hủy, hai mươi ngàn người đã chết (bao gồm cả anh chàng phục vụ, bị bắn bởi phiến quân khi chúng đột chiếm rào chắn ở chợ), gần một trăm ngàn người bị thương, tất cả mớ vũ khí đủ loại của Scarlett đã làm trọn nhiệm vụ chúng được tạo ra để làm, còn con kền kền đã chết vì bị thoái hóa mỡ.

Scarlett đã lên chuyến tàu cuối cùng rời khỏi đó. Ả cảm thấy đã đến lúc phải đi tiếp. Ả đã buôn vũ khí lâu quá rồi. Ả muốn đổi gió. Việc gì đó có nhiều cửa hơn. Ả tưởng tượng mình là phóng viên báo chí. Cũng là một khả năng đấy. Ả lấy mũ quạt và vắt tréo đôi chân dài ra trước mặt.

Ở dưới đuôi tàu, một trận ấu đả nổ ra. Scarlett toét miệng cười. Con người luôn đánh nhau, vì ả, xung quanh ả; kể cũng dễ thương ghê.

Sable có mái tóc đen, bộ ria đen tỉa gọn, và hắn vừa quyết định sẽ hợp doanh hóa công ty.

Hắn đi uống với kế toán của mình.

"Tình hình thế nào rồi, Frannie?" hắn hỏi cô ta.

"Đã bán được mười hai triệu bản rồi ạ. Ngài có tin được không?"

Họ đang uống trong một nhà hàng có tên là Đỉnh Số Sáu, trên một tòa nhà cao tầng ở số 666(*) Đại lộ số Năm, New York. Điều này khiến Sable khá thích thú. Từ cửa sổ nhà hàng ta có thể thấy toàn bộ New York; đến đêm, phần còn lại của New York có thể thấy những con số 666 khổng lồ đỏ rực trang trí cả bốn mặt tòa nhà. Tất nhiên, nó chỉ là một số nhà. Cứ đếm rồi sẽ phải đến nó. Nhưng ta không thể không mỉm cười.

Sable và cô kế toán viên vừa rời một nhà hàng nhỏ, đắt tiền, và rất kén khách ở Greenwich Village, nơi có phong cách ẩm thực hoàn toàn *nouvelle*(*): một cọng đậu đũa, một hạt đậu xanh, và một mảnh ức gà, được sắp đặt cực kỳ thẩm mỹ trên một chiếc đĩa sứ vuông.

Sable đã phát minh ra nó khi hắn đến Paris lần trước.

Cô kế toán viên đã nuốt lẻm miếng thịt và hai thứ rau trong chưa đầy năm mươi giây, và dành phần còn lại của bữa ăn nhìn cái đĩa, dao dĩa, và thỉnh thoảng là nhìn cả các thực khách khác trong nhà hàng, với một vẻ như thể cô ta đang tự hỏi thịt họ có ngon không, mà đúng là thế thật. Cảnh tượng đó đã làm Sable thích thú vô cùng.

Hắn nghịch nghịch ly Perrier.

"Mười hai triệu cơ à? Cũng được đấy."

"Quá *tuyệt* ấy chứ ạ."

“Vậy chúng ta sẽ hợp doanh. Đã đến lúc chơi quả lớn rồi, đúng không? Tôi nghĩ là nên đến California. Tôi muốn có nhà máy, nhà hàng, đủ cả. Chúng ta sẽ vẫn giữ nhánh xuất bản, nhưng đã đến lúc đa dạng hóa rồi. Đúng chứ?”

Frannie gật đầu. “Nghe ổn đấy, Sable, chúng ta sẽ cần…”

Cô ta bị ngắt lời bởi một bộ xương khô. Một bộ xương khô mặc váy hiệu Dior, với làn da rám nắng kéo căng như sắp rách trên hộp sọ mỏng mảnh. Bộ xương khô có mái tóc dài vàng óng và đôi môi được trang điểm hoàn hảo: nhìn cô ta như kiểu người mà các bà mẹ quanh thế giới sẽ chi cho con cái họ mà thì thào, “Con mà không chịu ăn rau là sẽ bị *như thế đấy*”; cô ta nhìn như một tấm áp phích kêu gọi cứu đói, nhưng sành điệu hơn.

Cô ta là siêu mẫu hàng đầu của New York, và cô ta đang cầm một cuốn sách. Cô ta nói, “Ờ, xin lỗi, thưa ngài Sable, mong là ngài không phiền khi tôi xen ngang, nhưng cuốn sách của ngài, nó đã thay đổi cả cuộc đời tôi, không biết ngài có thể ký tặng cho tôi được không?” Cô ta van vỉ nhìn hắn bằng cặp mắt hõm vào hai hốc mắt sâu hoắm được đánh bóng mắt tuyệt đẹp.

Sable hòa nhã gật đầu và đón lấy cuốn sách từ tay cô ta.

Cô ta nhận ra hắn cũng không có gì đáng ngạc nhiên, vì cặp mắt xám sẫm của hắn nhìn ra từ bức ảnh trên bìa sách bằng giấy bạc dập nổi. Cuốn sách có tên là *Ăn kiêng không thức ăn: nhịn ăn để đẹp, cuốn sách ăn kiêng của thế kỷ!*

“Tên cô viết thế nào nhỉ?” hắn hỏi.

“Sherryl ạ. Hai chữ R, một chữ Y, một chữ L.”

“Cô làm tôi nhớ đến một người bạn từ xưa, rất xưa rồi,” hắn nói với cô ta trong lúc viết nhanh và cẩn thận lên trang lót. “Của cô đây. Rất mừng vì cô thích cuốn sách. Thật tuyệt vời khi được gặp một người hâm mộ.”

Dòng đề tặng của hắn như sau:

Sherryl,

Một đấu lúa bán một quan tiền, ba đấu mạch bán một quan tiền, còn dầu và rượu chớ động đến.

Khải huyền 6:6.

Bác sĩ Raven Sable.

"Đó là một câu trong Kinh Thánh đây," hắn bảo cô ta.

Cô ta thành kính gập cuốn sách lại và lùi xa khỏi bàn, luôn miệng cảm ơn Sable, hắn không biết điều này có nghĩa thế nào với cô ta đâu, hắn đã thay đổi cuộc đời cô ta, đúng vậy...

Thực ra hắn chẳng hề kiếm được cái bằng y khoa mà hắn đã tự nhận, vì thời đó làm gì đã có trường đại học, nhưng Sable có thể thấy cô ta đang chết đói. Chỉ vài tháng nữa thôi. *Không thức ăn*. Chết rồi thì không phải lo vấn đề cân nặng nữa.

Frannie đang điên cuồng gõ bàn phím máy tính xách tay, lên kế hoạch cho bước tiếp theo trong công cuộc thay đổi thói quen ăn uống của toàn bộ phương Tây của Sable. Sable đã mua tặng cô ta cái máy tính làm quà riêng. Nó rất, rất đắt, rất mạnh, và cực mỏng. Hắn thích các thứ mỏng.

"Có một công ty châu Âu mà chúng ta có thể mua cổ phần để làm bàn đạp - Công ty Hợp nhất Holdings (Holdings). Nhờ đó chúng ta sẽ có cơ sở thuê ở Liechtenstein. Giờ, nếu chúng ta chuyển các nguồn tiền qua quần đảo Cayman, vào Luxembourg, rồi từ đó vào Thụy Sĩ, chúng ta có thể trả cho các nhà máy bằng..."

Nhưng Sable không còn nghe nữa. Hắn đang nhớ lại cái nhà hàng nhỏ kén khách kia. Hắn chợt nhận ra hắn chưa bao giờ thấy nhiều người giàu đói ăn đến thế.

Sable cười, nụ cười tươi tắn, thành thực khi ta hài lòng với công việc, hoàn hảo, thuần khiết. Hắn chỉ đang giết thời gian cho tới sự kiện chính thôi, nhưng hắn đang giết thời gian một cách hết sức tinh tế. Thời gian, và đôi khi là cả con người nữa.

Đôi khi gã được gọi là Trắng, hoặc Bạch, hoặc Albus, hoặc Phấn, hoặc Weiss, hoặc Tuyết, hoặc hàng trăm cái tên khác. Da gã trắng bệch, tóc màu vàng nhạt, mắt xám mờ. Nhìn thoáng qua thì gã khoảng ngoài hai mươi, và mọi người cũng chỉ nhìn gã thoáng qua thôi.

Hầu như không ai nhớ nổi gã.

Không như hai đồng nghiệp của mình, gã không bao giờ làm việc gì lâu.

Gã đã làm đủ mọi công việc thú vị ở nhiều nơi thú vị.

(Gã đã làm việc ở Nhà máy Điện Chernobyl, ở Windscale, và ở Three Mile Island(*), luôn là những việc lặt vặt không quan trọng.)

Gã đã là một thành viên phụ nhưng quan trọng trong nhiều cơ sở nghiên cứu khoa học.

(Gã đã giúp thiết kế động cơ chạy xăng, đồ nhựa, và lon giật nắp.)

Gã có thể làm bất kỳ việc gì.

Không ai thực sự để ý đến gã. Gã rất kín đáo; sự hiện diện của gã có tính tích lũy. Nếu suy nghĩ thật kỹ, ta có thể đoán chắc hẳn gã đã làm gì đó, chắc hẳn gã đã đến đâu đó. Thậm chí có lẽ gã đã nói chuyện với ta nữa. Nhưng gã White đó, rất dễ quên gã.

Lúc đó gã đang làm thủy thủ của con tàu chở dầu đang trên đường đến Tokyo.

Thuyền trưởng đang say rượu trong cabin. Thuyền phó đang ở trong nhà vệ sinh. Thuyền phó nhì đang trong bếp. Thủy thủ đoàn gần như chỉ có thế: con tàu gần như tự động hoàn toàn.

Không có gì nhiều để làm.

Tuy nhiên, nếu ai đó tình cờ ấn nút THẢ HÀNG KHẨN CẤP trên đài chỉ huy thì hệ thống tự động sẽ lo liệu việc thả một lượng lớn dầu đen ra biển, hàng triệu tấn dầu thô, gây hậu quả khủng khiếp đối với các giống chim, cá, cây xanh, loài vật và con người trong vùng. Tất nhiên, có hàng chục loại khóa tự ngắt và hệ thống an toàn dự phòng đáng tin cậy, nhưng, kệ xác, lúc nào chúng chẳng có đó.

Sau đó, đã có rất nhiều tranh cãi về việc lỗi chính xác thuộc về ai. Cuối cùng, sự việc bị bỏ ngỏ; mọi người phải chịu trách nhiệm như nhau. Thuyền trưởng, thuyền phó, và phó nhì đều mất việc vĩnh viễn.

Vì một lý do nào đó, không ai nghĩ nhiều đến thủy thủ White, lúc đó đã đi được nửa đường đến Indonesia trên một con tàu chở hàng lậu chất đầy các thùng sắt gỉ đựng đầy thứ thuốc diệt cỏ cực độc.

Và còn một kẻ nữa. Hắn ở quảng trường tại Kumbolaland. Và hắn ở trong các nhà hàng. Và hắn ở trong bầy cá, trong không khí, trong các thùng thuốc diệt cỏ. Hắn đang ở trên đường, trong các căn nhà, trong các cung điện, trong các khu ổ chuột.

Không ở đâu hắn là người lạ, và không có cách nào để thoát khỏi hắn. Hắn đang làm điều hắn giỏi nhất, và hắn đang làm đúng thứ hắn sinh ra để làm.

Hắn không đợi. Hắn đang làm việc.

Harriet Dowling về nhà với đứa con của mình, mà, theo lời khuyên của xơ Faith Dông dài, người vốn giỏi thuyết phục hơn xơ Mary, và được sự đồng ý qua điện thoại của chồng, bà đã đặt tên là Warlock.

Một tuần sau, ngài Tùy viên Văn hóa trở về nhà và tuyên bố đứa bé giống hệt đằng nội. Ông ta cũng bảo thư ký đăng quảng cáo tìm bảo mẫu trên tờ *Phu nhân*.

Crowley đã xem phim *Mary Poppins* trên tivi vào một dịp Giáng sinh (thực ra, ở hậu trường, Crowley đã nhúng tay vào phần lớn các chương trình truyền hình; nhưng hắn chỉ thực sự tự hào về vụ phát minh các game show.) Hắn đã nghĩ đến ý tưởng dùng một trận lốc để loại bỏ một cách gọn tiện và cực kỳ phong cách các cô bảo mẫu chắc chắn sẽ đến xếp hàng, hay có lẽ là sẽ chen chúc như máy bay lượn chờ hạ cánh, bên ngoài căn biệt thự của ngài Tùy viên Văn hóa ở công viên Nhiếp chính.

Hắn đành tự bằng lòng với một vụ đình công tàu điện ngầm tự phát, và đến ngày hôm đó, chỉ có một cô bảo mẫu duy nhất xuất hiện.

Cô ta mặc một bộ vét vải tuýt và đeo đôi hoa tai ngọc trai kín đáo. Ở cô ta có một vẻ gì đó nói rằng đây là *bảo mẫu*, nhưng nó sẽ nói vậy bằng giọng nhỏ nhẹ, như giọng của một quản gia người Anh trong một thể loại phim Mỹ thường gặp. Cái vẻ đó cũng sẽ khẽ ho và thì thầm rằng cô ta cũng có thể là loại bảo mẫu thường quảng cáo các dịch vụ mập mờ nhưng dễ hiểu đến kỳ lạ trên một vài tạp chí nhất định.

Đôi giày bệt của cô ta nghiến lên lối xe chạy rải sỏi, và một con chó xám lặng lẽ đi bên cạnh cô ta, hàm nhỏ dãi trắng ởn. Mắt nó vằn đỏ, và nó liếc nhìn hai bên vẻ đói khát.

Cô ta đến trước cánh cửa gỗ nặng nề, mỉm cười một mình, có một thoáng tự mãn, rồi bấm chuông. Cái chuông *keng* một tiếng âm u.

Cửa được mở ra bởi một quản gia kiểu thường được gọi là lớp người cũ.(*)

"Tôi là bảo mẫu Astoreth," cô ta nói. "Còn đây," cô ta nói thêm, trong lúc con chó xám bên cạnh cô ta thận trọng liếc nhìn người quản gia, có lẽ là để tính xem nó sẽ chôn xương ông ta ở đâu, "là Rover."

Cô ta để con chó lại ngoài vườn, trải qua phần phỏng vấn hết sức xuất sắc, và bà Dowling dẫn cô ta vào gặp đứa bé mà cô ta sẽ phải chăm sóc.

Cô ta mỉm cười ghê rợn. "Thật là một chú bé kháu khỉnh," cô ta nói. "Nó sắp muốn có một chiếc xe ba bánh rồi đấy."(*)

Tình cờ làm sao, chiều hôm đó một người giúp việc mới cũng xuất hiện. Đó là một người làm vườn, và hóa ra ông lại giỏi việc đó đến kinh ngạc. Không ai hiểu nổi tại sao lại thế, vì dường như ông chẳng bao giờ cầm cái xẻng lên hay làm gì để đuổi những đàn chim bỗng nhiên kéo đến đậu đầy vườn và đậu cả lên người ông mỗi khi có dịp. Ông chỉ ngồi trong bóng mát trong khi khắp xung quanh ông các khu vườn nở rộ hoa trái.

Warlock thường xuống chơi với ông, khi thằng bé đến tuổi chập chững còn cô bảo mẫu thì đang bận làm việc riêng vào các buổi chiều được nghỉ.

“Đây là Cậu Sên,” người làm vườn nói với thằng bé, “còn sinh vật bé xíu xiu này là Cô Mọt Khoai. Hãy nhớ, Warlock, khi con bước đi trên những con đường đời dọc ngang dồi dào và thịnh vượng, cần phải luôn yêu thương và kính trọng mọi sinh vật sống.”

“Cô bảo mẫu nói mọi *xinh vựt xống* chỉ đáng để bị con giẫm *chưn* lên thôi, ông *Fwancis*,” Warlock bé bỏng nói, vuốt ve Cậu Sên rồi chùi tay rất kỹ lên chiếc quần yếm kiểu Ếch Kermit của mình.

“Con đừng nghe ả đàn bà đó,” Francis thường nói. “Con hãy nghe ta.”

Đêm đêm, bảo mẫu Astoreth thường hát ru cho Warlock nghe.

Ngài công tước già xứ York
Có mười ngàn quân binh
Ngài hành quân lên đồi
Và nghiền nát mọi quốc gia trên thế giới và bắt họ phải phục tùng
chúa tể Satan của chúng ta

và

Chú lợn nhỏ này xuống Địa ngục
Chú lợn nhỏ này ở nhà
Chú lợn nhỏ này ăn thịt người tươi nóng hôi hổi
Chú lợn nhỏ này xâm hại trinh nữ
Và chú lợn nhỏ này đứng trên núi xác để giành chiến thắng.

“Ông *Fwancis* làm *vờn* nói con phải biết *vị ta*, học các đức tính tốt và *iu tương* mọi *xinh* vật *xống*,” Warlock nói.

“Con đừng nghe *gã đàn ông* đó, con yêu,” cô bảo mẫu thì thầm khi kéo chăn đắp cho nó trên cái giường nhỏ. “Con hãy nghe ta.”

Và mọi chuyện cứ thế diễn ra.

Thỏa thuận đã có hiệu quả hoàn hảo. Một tỷ số hòa không đều. Bảo mẫu Astoreth mua cho thằng bé một chiếc xe ba bánh nhỏ, nhưng không thể thuyết phục nó đi xe ở trong nhà. Và nó sợ Rover.

Ở hậu trường, Crowley và Aziraphale gặp nhau trên tầng hai xe buýt, trong các phòng trưng bày nghệ thuật, và các buổi hòa nhạc, trao đổi ý kiến, và mỉm cười.

Năm Warlock lên sáu, cô bảo mẫu nghỉ việc, đem theo cả Rover; người làm vườn cũng đệ đơn xin nghỉ việc ngay hôm đó. Khi đi, cả hai bọn họ đều không có vẻ hào hứng như khi mới đến nữa.

Giờ Warlock được dạy dỗ bởi hai gia sư.

Thầy Harrison dạy nó về Attila Rợ Hung, vlad Drakul, và Bóng tối Bản chất trong Linh hồn Con Người(*) Thầy cố dạy nó cách diễn thuyết chính trị để kích động quần chúng, thuyết phục trái tim và trí óc của muôn người.

Thầy Cortese dạy nó về Florence Nightingale(*), Abraham Lincoln, và cách thưởng thức nghệ thuật. Thầy cô dạy nó về tự do ý chí, sự quên mình, và Đối xử với Người Khác như Ta Muốn Họ Đối xử với Mình.

Cả hai gia sư đều đọc rất nhiều kinh Khải huyền cho thằng bé.

Bất chấp cố gắng của họ, thật đáng tiếc, Warlock lại tỏ ra có năng khiếu về toán. Cả hai gia sư đều không thật sự vừa lòng với sự tiến bộ của nó.

Khi lên mười, Warlock thích bóng chày; nó thích các món đồ chơi nhựa có thể biến thành những món đồ chơi nhựa khác, mà nếu mắt nhìn không quen thì sẽ thấy không khác gì với món đồ chơi đầu tiên; nó thích bộ sưu tập tem; nó thích kẹo cao su vị chuối; nó thích truyện tranh, phim hoạt hình, và chiếc xe đạp địa hình của mình.

Crowley thấy không yên tâm.

Họ đang ở trong căng tin của bảo tàng Anh quốc, một điểm trú ẩn nữa cho các chiến sĩ mệt mỏi của chiến tranh Lạnh. Ở bàn

bên trái họ là hai tay người Mỹ thắng đuốn trong bộ vét, đang lén lút chuyển một cái va li đầy đô la có thể chối bỏ được cho một người phụ nữ nhỏ nhắn tóc đen đeo kính râm; ở bàn bên phải họ, phó giám đốc MI7 và sĩ quan chỉ huy đơn vị KGB địa phương đang cãi nhau xem ai được giữ hóa đơn bữa trà và bánh nướng.

Cuối cùng Crowley cũng thốt ra cái điều mà hắn còn không dám nghĩ đến suốt một thập kỷ vừa qua.

"Nếu anh hỏi tôi," Crowley nói với đối tác, "thì nó *bình thường* quá xá."

Aziraphale bỏ một miếng trứng nhồi nữa vào miệng và chiêu xuống bằng một ngụm cà phê. Y đưa khăn giấy lên chấm môi.

"Đó là do ảnh hưởng tốt của tôi đấy," y cười tươi tắn. "Hay đúng hơn, phải khen đúng chỗ, là do nhóm nhỏ của tôi."

Crowley lắc đầu. "Tôi tính cả việc đó rồi đây chứ. Nghe này... lẽ ra bằng giờ này nó phải tìm cách bóp méo thế giới quanh mình theo ý muốn của nó, định hình thế giới theo hình ảnh của chính mình, đại loại thé. Ờ, thực ra không phải là *tìm cách*. Nó sẽ làm thế một cách vô thức. Anh đã thấy *bất kỳ* bằng chứng nào của việc đó chưa?"

"À, chưa, nhưng..."

"Đến giờ nó phải là một nguồn quyền năng thô ghê gớm chứ. Nó có thể không?"

"Ờ, theo tôi thấy thì không, nhưng..."

"Nó quá bình thường." Crowley gõ gõ ngón tay lên bàn. "Tôi không thích vụ này. Có gì đó không đúng. Chỉ là tôi không rõ là cái gì."

Aziraphale lấy một miếng bánh bông lan thiên thần của Crowley. "Ờ, nó là một thằng bé đang lớn. Và tất nhiên, nó đã chịu ảnh hưởng của Thiên đường."

Crowley thở dài. "Tôi chỉ hy vọng nó sẽ biết cách xử lý con chó địa ngục, thế thôi."

Aziraphale nhướng một bên mày lên. "Chó địa ngục ấy à?"

“Vào sinh nhật thứ mười một của nó. Đêm qua tôi đã nhận được tin báo từ Địa ngục.” Tin báo đã đến giữa chừng bộ phim *Các Cô gái Vàng*, một trong những bộ phim truyền hình yêu thích của Crowley. Rose đã mất mười phút để truyền một tin nhắn lẽ ra đã có thể rất ngắn gọn, và đến khi tín hiệu bình thường được phục hồi thì Crowley không theo nổi mạch phim nữa. “Họ sẽ gửi cho nó một con chó địa ngục để đi bên cạnh nó và bảo vệ nó khỏi mọi nguy hại. Họ sẽ gửi con to nhất.”

“Liệu mọi người có để ý không khi một con chó to đùng đen sì bỗng dưng xuất hiện? Bố mẹ nó chẳng hạn.”

Crowley đứng bật dậy, giẫm lên chân ngài Tùy viên Văn hóa Bulgaria, đang sôi nổi nói chuyện với Quản thủ Cổ ngoạn Hoàng gia. “Sẽ không ai nhận ra *bất kỳ* điều gì khác thường cả. Hiện thực là thế, thiên thần ạ. Và Warlock trẻ tuổi có thể làm bất kỳ điều gì nó muốn với cái *đó*, dù nó có biết hay không.”

“Thế khi nào nó sẽ xuất hiện? Con chó ấy? Nó có tên không?”

“Tôi đã bảo anh rồi. Vào sinh nhật thứ mười một của thằng bé. Lúc ba giờ chiều. Nó sẽ tự tìm ra thằng bé. Thằng bé sẽ phải tự đặt tên cho con chó. Việc tự thằng bé đặt tên rất quan trọng. Cái tên sẽ cho con chó mục đích. Chắc sẽ là Sát Thủ, Kinh Hoàng, hoặc Rình Mò Trong Đêm, tôi đoán vậy.”

“Anh sẽ có mặt chứ?” vị thiên thần hờ hững hỏi.

“Không đời nào tôi bỏ lỡ đâu,” Crowley nói. “Tôi rất hy vọng không có gì *quá* sai với thằng bé. Thôi cứ để xem nó phản ứng thế nào với con chó. Chắc ta sẽ biết đôi chút qua chuyện đó. Tôi *hy vọng* thằng bé sẽ đuổi con chó về hoặc sợ nó. Nếu thằng bé *có* đặt tên cho con chó thì chúng ta coi như đi tong. Nó sẽ có được tất cả quyền năng và Chẳng mấy chốc Ngày Tận thế sẽ đến.”

“Tôi nghĩ là,” Aziraphale nói, nhấp một ngụm rượu vang (vốn đã biến từ một chai Beaujolais hơi chua thành một chai Château Lafitte 1875, khá ngon nhưng hơi bất ngờ), “tôi nghĩ là tôi sẽ gặp anh ở đó.”

Thứ Tư

Đó là một ngày tháng Tám nóng nực, đầy khói bụi ở Trung tâm London.

Bữa tiệc sinh nhật lần thứ mười một của Warlock có rất nhiều khách khứa.

Có hai mươi cậu bé và mười bảy cô bé. Có rất nhiều đàn ông tóc vàng húi cua, mặc vét xanh sẫm, và đeo súng ngắn bên sườn giống hệt nhau. Có một đội phục vụ đem đến các loại thạch, bánh ngọt, và hàng bát khoai tây lát chiên. Đoàn xe tải của họ được dẫn đầu bởi một chiếc Bentley cổ.

Harvey & Wanda Siêu việt, Chuyên Tiệc Thiếu nhi, đều bất ngờ bị nhiễm khuẩn đường ruột, nhưng nhờ một may mắn trời ban, một người thay thế đã xuất hiện, gần như từ trên trời rơi xuống. Một nhà ảo thuật.

Ai cũng có thú chơi riêng. Bất chấp Crowley đã hết sức can ngăn, Aziraphale vẫn quyết tâm tận dụng thú chơi của mình.

Aziraphale đặc biệt tự hào về tài làm ảo thuật của mình. Hồi thập niên 1870, y đã theo học một lớp do John Maskelyne dạy, và đã bỏ ra gần một năm tập các trò ảo thuật khéo tay, giấu đồng xu vào lòng bàn tay, và rút thỏ từ trong mũ ra. Lúc đó y cảm thấy mình đã khá giỏi. Điểm cốt yếu là mặc dù Aziraphale có thể làm những điều khiến toàn bộ Hội Ảo thuật gia phải nộp đũa, y không bao giờ áp dụng cái gọi là quyền năng *nội tại* của mình vào mấy trò ảo thuật. Mà đó lại là một hạn chế lớn. Y bắt đầu ước giá mình vẫn tiếp tục tập luyện từ hồi ấy.

Dù sao thì, y thầm nghĩ, cũng giống như cưỡi xe ba bánh thôi. Quên thế nào được. Cái áo khoác ảo thuật gia của y đã hơi bụi bặm, nhưng khi mặc nó vào cảm giác vẫn ổn. Thậm chí cả những câu mồi chào nhà nghề cũ cũng dần trở lại với y.

Lũ trẻ nhìn y vẻ đờ đẫn, khinh khỉnh vì chẳng hiểu gì. Đằng sau bàn buffet, Crowley, trong chiếc áo bồi bàn trắng, co rúm lại vì xấu hổ thay cho y.

"Giờ thì, các công tử và các tiểu thư có thấy cái mũ cao thành cũ kỹ của tôi đây không? Thật là một cái mũ xấu mèm như ma lem, như các cô các cậu vẫn nói ấy! Và thấy không, bên trong chẳng có gì cả. Nhưng, cái quần của tôi ơi, vị khách không mời nào thế này? Kìa, đó là anh bạn lông lá của chúng ta, chú thỏ Harry!"

"Nó ở trong túi của ông mà," Warlock nói. Lũ trẻ còn lại gật gù đồng tình. Ông ta nghĩ chúng mình là cái gì chứ? Trẻ con chắc?

Aziraphale nhớ lại Maskelyne đã dạy y cách đối phó với bọn phá bĩnh như thế nào. "Biến nó thành trò đùa, đồ đầu đất ạ... và tôi nói anh đấy, anh Fell" (đó là cái tên Aziraphale đã dùng vào thời đó). "Làm họ cười, và họ sẽ tha thứ cho anh bất kỳ điều gì!"

"Hô hô, vậy là các cô cậu đã khám phá ra trò ảo thuật với *mũ* của ta," y cười. Lũ trẻ dửng dưng trố mắt nhìn y.

"Ông dở ẹc," Warlock nói. "Tôi chỉ muốn xem hoạt hình thôi."

"Cậu ấy nói đúng đấy," một con bé tóc buộc đuôi ngựa nói. "Ông *đúng* là dở ẹc. Và có khi còn là một thằng ái nữa."

Aziraphale tuyệt vọng nhìn Crowley. Theo như y thấy thì rõ ràng Warlock trẻ tuổi đã bị ám mùi địa ngục nặng, và chỉ mong Con Chó Đen xuất hiện cho họ chuồn khỏi đây càng sớm càng tốt.

"Giờ thì có cô cậu nào có một đồng ba xu không? Không à, thưa công tử? Thế tôi thấy cái gì sau tai cậu đây...?"

"Tớ được xem hoạt hình hôm sinh nhật tớ," con bé tuyên bố. "Và tớ được một con robot biến hình với cả ponybénhỏ với cả decepticontấncông với cả xe tăng sấm với cả..."

Crowley rên lên. Các bữa tiệc của trẻ con rõ ràng là nơi mà bất kỳ thiên thần nào có lấy một chút trí khôn đều không dám bén mảng tới. Những giọng trẻ con léo nhéo to dần với vẻ khoái

trá đầy nhạo báng khi Aziraphale đánh rơi ba vòng kim loại nối với nhau.

Crowley nhìn đi nơi khác, và mắt hắn chạm vào cái bàn chất đầy quà tặng. Từ một khối cao bằng nhựa, hai con mắt nhỏ sáng lóe nhìn lại hắn.

Crowley săm soi đôi mắt xem có thấy tí ánh lửa đỏ nào không. Khi làm việc với đám quan liêu Địa ngục thì ta không bao giờ biết chắc được. Rất có thể chúng đã gửi nhầm một con chuột nhảy thay vì một con chó.

Không, đó là một con chuột nhảy hoàn toàn bình thường. Dường như nó đang sống trong một công trình hết sức thú vị gồm toàn các loại ống, quả cầu, và cối xay guồng, hẳn là thứ Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha sẽ nghĩ ra nếu họ có máy đúc nhựa.

Hắn xem đồng hồ. Crowley chưa bao giờ nghĩ là phải thay pin cho cái đồng hồ, cục pin vốn đã gỉ nát từ ba năm trước, nhưng đồng hồ vẫn chạy chính xác. Còn hai phút nữa là đúng ba giờ.

Aziraphale đang mỗi lúc một lúng túng hơn.

"Liệu có quý vị nào đang có mặt tại đây mang theo một thứ như là khăn tay không nhỉ? Không à?" Vào thời Victoria thì chuyện người ta không có khăn tay trong túi là không thể tưởng tượng nổi, và trò này, bao gồm việc hóa phép ra một con chim bồ câu mà ngay lúc này đây đang cáu kỉnh mổ vào cổ tay Aziraphale, sẽ không thể thực hiện được nếu thiếu khăn tay. Vị thiên thần cố thu hút sự chú ý của Crowley mà không được, và, trong lúc tuyệt vọng, đành chỉ vào một tên vệ sĩ, tên này cựa quậy vẻ lo lắng.

"Anh, vị huynh đệ bảnh chọe của tôi. Lại đây. Nếu anh tìm trong túi áo ngực, tôi *nghĩ* anh sẽ thấy một chiếc khăn tay lụa rất đẹp đấy."

"Khôngthươngài. Elàkhôngthươngài," tay vệ sĩ nói, mắt nhìn thẳng về phía trước.

Aziraphale tuyệt vọng nháy mắt. "Không, anh bạn thân mến, cứ tìm đi, *xin anh đấy*."

Tên vệ sĩ thò tay vào túi áo trong, tỏ vẻ ngạc nhiên, và rút ra một chiếc khăn tay bằng lụa màu xanh trứng sáo, viền ren. Gần như ngay lập tức Aziraphale nhận ra đường viền ren đó là một sai lầm, vì nó bị mắc vào khẩu súng trong bao của tay vệ sĩ, khiến khẩu súng bay tít qua phòng và rơi bẹt vào một bát thạch.

Lũ trẻ lác đác vỗ tay. "Này, không tồi đâu!" con bé tóc đuôi ngựa nói.

Warlock đã kịp chạy sang đầu bên kia phòng và chộp lấy khẩu súng.

"Giơ tay lên, bọn thối tha!" nó khoái trá hét.

Đám vệ sĩ đâm ra khó xử.

Một vài tên loay hoay tìm vũ khí của mình; một số khác liền nhích lại gần hoặc ra xa khỏi thằng bé. Mấy đứa trẻ con khác liền mè nheo là chúng cũng muốn có súng, và mấy đứa bạo dạn hơn bắt đầu tìm cách giật súng từ tay những tên vệ sĩ đã bất cẩn rút súng ra.

Rồi ai đó ném một miếng thạch vào Warlock.

Thằng bé ré lên và bóp cò súng. Đó là một khẩu Magnum .32, loại chuyên dụng của CIA, màu xám, cực mạnh, cực nặng, đủ sức thổi bay một người từ cách xa ba mươi bước, và không để lại gì ngoài một màn sương đỏ, một đống hỗn độn, và kha khá giấy tờ.

Aziraphale chớp mắt.

Một tia nước phụt ra từ nòng súng, bắn vào mặt Crowley, vốn đang nhìn ra cửa sổ xem ngoài vườn có con chó to đùng đen sì nào không.

Aziraphale có vẻ xấu hổ.

Rồi một cái bánh kem đập vào mặt y.

Đã là gần ba giờ năm phút.

Bằng một cái vẫy tay, Aziraphale biến chỗ súng còn lại cũng thành súng phun nước, rồi bước ra.

Crowley thấy y trên vỉa hè bên ngoài, cố lôi một con bồ câu đã mềm oặt ra khỏi ống tay áo khoác.

“Muộn rồi,” Aziraphale nói.

“Tôi thấy rồi,” Crowley đáp. “Tại nó bị nhét vào ống tay áo anh đấy mà.” Hắn thò tay ra đón lấy con chim mềm oặt từ áo khoác của Aziraphale và hà hơi cho nó sống lại. Con bồ câu gù gù vẻ cảm kích rồi bay đi, hơi cảnh giác.

“Không phải con chim,” vị thiên thần nói. “Con chó cơ. Nó đến muộn.”

Crowley trầm ngâm lắc đầu. “Để rồi xem.”

Hắn mở cửa xe và bật đài lên. “I-should-be-so-lucky-lucky-lucky-lucky-lucky, I-should-be-so-lucky-in-(*) XIN CHÀO CROWLEY.”

“Xin chào. Ờ, ai đấy?”

“DAGON, CHÚA RUỒI, CHỦ NHÂN CỦA SỰ ĐIÊN LOẠN, TIỂU CÔNG TƯỚC CỦA TẦNG TRA TẤN THỨ BẢY. TA CÓ THỂ GIÚP GÌ CHO NGƯƠI?”

“Con chó địa ngục. Tôi chỉ, ờ, chỉ muốn kiểm tra xem nó đã được thả ra chưa thôi.”

“ĐÃ ĐƯỢC THẢ RA TỪ MƯỜI PHÚT TRƯỚC RỒI. SAO? NÓ CHƯA ĐẾN NƠI À? CÓ CHUYỆN GÌ KHÔNG ỔN SAO?”

“Ồ không. Không có gì không ổn cả. Tất cả đều tuyệt vời. Ái chà, tôi thấy nó rồi. Chó ngoan lắm. Chó *đẹp* lắm. Mọi thứ rất ổn. Các vị dưới đó đang làm tốt lắm. Rất vui được nói chuyện với ngài, Dagon. Gặp lại sau nhé?”

Hắn tắt đài đi.

Họ nhìn nhau trân trối. Có một tiếng “pằng” to phát ra từ trong nhà, và một ô cửa sổ vỡ nát. “Ôi trời,” Aziraphale lẩm bẩm, kìm tiếng chửi thề một cách dễ dàng, với kinh nghiệm của một kẻ đã không chửi thề suốt sáu ngàn năm và không định bắt đầu chửi thề vào lúc này. “Chắc tôi bỏ sót một khẩu.”

“Không có chó,” Crowley nói.

“Không có chó,” Aziraphale nói.

Tên quỷ thở dài. “Lên xe đi,” hắn bảo. “Chúng ta phải bàn về việc này. À mà Aziraphale này…?”

“Sao.”

“Trước khi lên xe thì lau sạch chỗ bánh kem chết tiệt ấy đi.”

Đó là một ngày tháng Tám nóng nực, yên ả, cách xa Trung tâm London. Bên vệ đường Tadfield, những cây mặt sàng trĩu xuống vì bụi. Ong vo ve trong các bờ giậu. Bầu không khí có cảm giác như thức ăn thừa được hâm lại.

Một âm thanh vang lên, nghe như tiếng một ngàn giọng nói đanh thép cùng hô vang “Vạn tuế!” rồi ngưng bặt.

Và có một con chó đen trên đường.

Nó phải là một con chó. Nó có hình thù một con chó.

Có những con chó mà, khi ta gặp chúng, thì nhắc ta nhớ rằng, bất chấp hàng ngàn năm tiến hóa dưới tay con người, mỗi con chó đều chỉ cần thiếu ăn hai bữa là hóa sói. Những con chó này bước đi một cách chậm rãi, quả quyết, là hoang dã hóa thành da thịt, hàm răng vàng khè, hơi thở hôi hám, trong khi ở đằng xa, chủ của chúng nói liến thoắng, “Nó hiền lắm, thật đấy, nếu nó làm phiền thì cứ chọc nó một cái là được,” còn trong tròng mắt chúng thì ánh lửa đỏ của kỷ Pleistocene long lên sòng sọc…

Con chó này có thể khiến ngay cả một con chó như thế cũng phải rón rén bò ra sau ghế và giả vờ hết sức bận bịu với khúc xương cao su của nó.

Chưa gì nó đã gầm gừ, và đó là một tiếng gầm gừ trầm rền, một mối đe dọa đang nén lại như cái lò xo, kiểu gầm gừ bắt đầu trong một cuống họng và kết thúc trong cuống họng kẻ khác.

Dãi dớt nhỏ xuống từ quai hàm nó và kêu xèo xèo khi rớt xuống mặt đường nhựa.

Nó tiến vài bước về phía trước và hít hít bầu không khí oi ả.

Tai nó dựng đứng lên.

Có nhiều giọng nói cách đó xa xa. Một giọng nói. Một giọng nói trẻ con, nhưng là giọng nói mà nó đã được sinh ra để tuân theo, không thể *không* tuân theo. Khi giọng nói đó ra lệnh, “Đi”,

nó sẽ đi; khi giọng nói đó ra lệnh, "Giết", nó sẽ giết. Giọng nói của chủ nhân nó.

Nó nhảy qua bờ giậu và băng qua cánh đồng. Một con bò đực đang gặm cỏ nhìn nó hồi lâu, cân nhắc cơ may của mình, rồi vội vã đi về bờ giậu đối diện.

Những giọng nói đang vang lên từ một cụm cây thưa thớt. Con chó đen bò lại gần hơn, dãi dớt lòng thòng.

Một giọng nói khác đang bảo: "Không đời nào. Lúc nào mày cũng bảo bố mày sẽ cho, nhưng có bao giờ bố mày cho đâu. Thách bố mày cho mày một con thú cưng đấy. Mà phải là thú cưng thú vị cơ. Có khi lại là bọ que cũng nên. Bố mày sẽ thấy thế là thú vị."

Con chó làm một cử chỉ của chó tương đương với một cái nhún vai, nhưng nó lập tức thấy hết hứng thú vì bây giờ Chủ Nhân, Trung Tâm Vũ Trụ của nó, đã lên tiếng.

"Nó sẽ là một con chó," giọng nói đó khẳng định.

"Hừ. Mày làm sao *biết* được sẽ là chó. Không ai *nói* nó sẽ là chó cả. Làm sao mày biết sẽ là chó nếu không ai *nói* thế? Bố mày sẽ suốt ngày kêu ca là nó ăn tốn thức ăn quá."

"Cây thủy lạp." Giọng nói thứ ba này hơi nghiêm trang hơn hai giọng nói vừa rồi một chút. Người có giọng nói đó là kiểu người mà, trước khi làm một mô hình nhựa, sẽ không chỉ phân chia và đếm kỹ từng bộ phận rồi mới bắt đầu, mà còn sơn trước những bộ phận cần sơn và để cho chúng khô hẳn, theo đúng hướng dẫn. Tất cả những gì ngăn cách giọng nói đó với nghề kế toán chỉ là thời gian.

"Chúng không ăn cây thủy lạp, Wensley ạ. Mày đã thấy chó ăn thủy lạp bao giờ chưa."

"Ý tao là bọ que ấy. Thật ra chúng rất thú vị đấy. Chúng ăn nhau khi đang giao phối."

Có một quãng ngừng trầm tư. Con chó bò lại gần hơn, và nhận ra các giọng nói đang phát ra từ một cái hố trên nền đất.

Cụm cây thực ra che khuất một mỏ đá phấn cổ xưa, giờ đã bị cây gai và dây leo phủ lấp một nửa. Cổ xưa nhưng rõ ràng là

không bị bỏ hoang. Các vết xe chạy ngang dọc qua nó; các mặt dốc nhẵn thín chứng tỏ chúng được thường xuyên sử dụng bởi các ván trượt và các tay chơi xe đạp Bức tường Tử thần, hay ít ra cũng là Bức tường Trầy Đầu gối. Những mẩu dây mòn xơ rủ xuống đầy nguy hiểm từ những cái cây dễ trèo. Đây đó những mảnh tôn sóng và ván gỗ cũ được nhét vào giữa các cành cây. Có cả một chiếc xe Triumph Herald cốp dài cháy rụi, gỉ sét, đã bị vùi mất một nửa bởi đám tầm ma.

Ở một góc là một đống bánh xe và dây sắt mục ruỗng đánh dấu vị trí của Nghĩa địa Lạc lối nổi tiếng, nơi các xe đẩy siêu thị đến để lìa đời.

Nếu bạn là trẻ con, chỗ này đúng là Thiên đường. Người lớn trong vùng gọi nó là Cái Hố.

Con chó nhìn qua một bụi tầm ma và thấy bốn dáng người ngồi ở giữa mỏ đá, trên món đạo cụ không thể thiếu của các sào huyệt bí mật khắp mọi nơi, tức thùng gỗ đựng sữa.

"Làm gì có!"

"Đúng mà!"

"Tao cá là không phải," giọng nói đầu tiên lên tiếng. Giọng đó có một âm sắc cho biết nó còn nhỏ và thuộc giống cái, và nó thoáng một vẻ khoái chí kinh hoàng.

"*Thật* mà. Tao có sáu con trước khi nhà tao đi du lịch, và tao quên thay lá thủy lạp, thế là lúc về tao chỉ còn một con to kềnh."

"Đâu. Đấy không phải là bọ que, mà là bọ ngựa cầu nguyện. Tao đã xem trên tivi, một con cái to tướng ăn con khác mà con kia hầu như chả quan tâm."

Lại có một quãng lặng nữa trong đám.

"Chúng nó cầu nguyện cái gì?" giọng Chủ Nhân của nó hỏi.

"Chịu. Cầu nguyện khỏi phải lấy vợ, tao đoán thế."

Con chó ghé được một con mắt khổng lồ vào một mắt gỗ trên hàng rào gãy nát của mỏ đá và nheo mắt nhìn xuống dưới.

"Cũng giống như xe đạp ấy," giọng nói đầu tiên lên tiếng vẻ am hiểu. "*Tao cứ tưởng* tao sẽ được một cái xe có bảy số, yên dao

cạo và sơn màu tím đủ cả, thế mà tao lại được tặng một cái màu xanh da trời. Có giỏ. Xe của *con gái*."

"Ờ thì. Mày là con gái mà," một đứa khác nói.

"Thế là *phân biệt giới tính*. Tại sao cứ là con gái thì phải nhận quà con gái?"

"*Tao* sẽ được tặng một con chó," giọng Chủ Nhân của nó quả quyết. Chủ Nhân đang quay lưng về phía nó; con chó không nhìn được nét mặt ngài.

"À, ừ, sẽ là một con Rottenweiler to đùng chứ gì?" con bé nói, giọng mỉa mai chua cay.

"Không, nó sẽ là loại chó mình có thể chơi cùng," giọng Chủ Nhân của nó nói. "Không phải một con chó to..."

... con mắt giữa đám tầm ma đột ngột tụt xuống...

"... mà là một con chó cực kỳ khôn, biết chui vào hang thỏ và có một cái tai ngồ ngộ lúc nào cũng nhìn như bị lộn ra ngoài. Và phải là một con chó lai hẳn hoi. Chó lai *nòi*."

Không đứa nào ở dưới hố nghe thấy, nhưng có một tiếng sấm nhỏ xíu trên mép mỏ đá. Nó có thể được tạo ra bởi không khí bị hút vào khoảng chân không do một con chó rất to bỗng biến thành một con chó nhỏ, ví dụ thế.

Tiếng bốp nhỏ tiếp theo đó có thể được tạo ra bởi một bên tai đã tự lộn ra ngoài.

"Và tao sẽ gọi nó là..." giọng Chủ Nhân của nó nói. "Tao sẽ gọi nó là..."

"Ừ?" con bé nói. "Mày sẽ gọi nó là gì?"

Con chó chờ đợi. Chính là lúc này đây. Đặt Tên. Việc này sẽ cho nó mục đích, nhiệm vụ, danh tính. Mắt nó đỏ ngầu lên, mặc dù chúng gần mặt đất hơn nhiều so với trước, và nó nhỏ dãi xuống đám tầm ma.

"Tao sẽ gọi nó là Chó," Chủ Nhân của nó nói, đầy quả quyết. "Đặt tên đấy đỡ được bao nhiêu là rắc rối."

Con chó địa ngục khựng lại. Sâu thẳm trong bộ óc chó ma quỷ của nó, nó biết có gì đó không ổn, nhưng nó rất biết vâng lời

và tình yêu lớn lao đột ngột dâng trào dành cho Chủ Nhân đã át hết mọi lo lắng của nó. Dù sao thì, nó là ai mà lại dám tự quyết định kích cỡ của mình chứ?

Nó lon ton chạy xuống đồi để đón gặp định mệnh của mình.

Kể cũng lạ. Nó vốn luôn muốn nhảy xổ vào người ta, nhưng giờ đây, nó nhận ra rằng, bất chấp mọi mong đợi, nó còn muốn vẫy đuôi nữa.

"Anh đã bảo đó chính là nó!" Aziraphale rên rỉ, lơ đễnh nhặt tảng bánh kem cuối cùng ra khỏi ve áo. Y liếm ngón tay cho sạch.

"Thì đó *chính là* nó!" Crowley nói. "Ý tôi là, tôi phải biết chứ, đúng không?"

"Thế thì chắc có kẻ khác xía vào."

"Không còn ai khác cả! Chỉ có chúng ta thôi mà? Thiện và ác. Phe này hoặc phe kia."

Hắn đấm lên vô lăng.

"Anh sẽ kinh ngạc vì những điều họ có thể làm với anh dưới đó đấy," hắn nói.

"Tôi đoán là chúng rất giống những điều họ có thể làm với anh trên kia," Aziraphale nói.

"Thôi đi. Bọn các anh được hưởng khoan hồng bất khả tư nghị mà," Crowley chua chát nói.

"Thế à? Anh đã bao giờ đến thăm Gomorrah(*) chưa?"

"Rồi chứ," tên quỷ đáp. "Có một quán rượu nhỏ rất tuyệt bán cocktail đường thốt nốt, rắc nhục đậu khấu và sả đập giập..."

"Ý tôi là sau đó cơ."

"À."

Aziraphale nói, "Chắc đã xảy ra chuyện gì đó trong bệnh viện."

"Không đời nào! Trong đó toàn người của chúng ta mà!"

"Người của ai cơ?" Aziraphale lạnh lùng nói.

“Người của tôi,” Crowley sửa lại. “Ờ, thật ra không phải người *của* tôi. Hừm, anh biết đấy. Tín đồ của Satan ấy mà.”

Hắn cố nói vẻ khinh khỉnh. Tất nhiên, ngoài việc trần gian là một nơi hết sức thú vị mà cả hai đều muốn tận hưởng càng lâu càng tốt, bọn họ có rất ít điểm tương đồng, nhưng họ đồng tình với nhau về một số người, vì lý do này kia, lại có khuynh hướng thờ phụng Hoàng thân Bóng tối. Crowley luôn thấy hơi lúng túng với bọn họ. Ta không thể tỏ ra bất nhã với họ, nhưng với họ, ta không thể không cảm thấy một cảm giác giống khi một cựu chiến binh Việt Nam gặp một gã mặc quân phục đến dự buổi họp đội dân phòng.

Hơn nữa, họ luôn nhiệt tình đến nản. Cứ xem mấy vụ thập giá treo ngược, sao năm cánh và gà trống đấy. Phần lớn bọn quỷ đều chẳng hiểu những thứ đó để làm gì. Chúng hoàn toàn không cần thiết. Tất cả những gì ta cần để trở thành tín đồ của Satan là nỗ lực ý chí. Ta có thể thờ Satan cả đời mà không biết sao năm cánh *là* cái gì, mà không bao giờ nhìn thấy một con gà trống chết ngoại trừ ở món gà hầm Marengo.

Ngoài ra, một số tín đồ Satan truyền thống thường là những người khá tử tế. Họ lẩm nhẩm theo lời cầu nguyện và thực hiện đầy đủ các nghi thức, giống hệt như những người mà họ nghĩ là thuộc phe đối lập, rồi về nhà và sống những cuộc đời tầm thường khiêm tốn suốt những ngày còn lại trong tuần mà chẳng có lấy một ý nghĩ xấu xa trong đầu.

Còn những kẻ còn lại thì…

Có những kẻ tự gọi mình là tín đồ của Satan lại khiến Crowley bó tay. Không chỉ vì những việc họ làm, mà là vì cái lối họ đổ hết mọi tội lỗi lên Địa ngục. Họ nghĩ ra những điều khiến người ta ghê rợn mà không tên quỷ nào có thể nghĩ nổi trong cả ngàn năm, những thứ kinh khủng đen tối và bệnh hoạn mà chỉ có một bộ não con người hoàn thiện mới có thể tưởng tượng được, rồi gào lên “Quỷ Sứ Bắt Tôi Làm Thế” và được tòa thông cảm, trong khi vấn đề là quỷ sứ chẳng bao giờ bắt ai làm gì. Hắn không cần. Đó là một điều mà nhiều con người không hiểu nổi. Địa ngục không phải là một nguồn dự trữ xấu xa, cũng như

Thiên đường, theo ý kiến của Crowley, cũng không phải là suối nguồn thiện lành; hai nơi này chỉ là hai phe trong một ván cờ vũ trụ khổng lồ mà thôi. Nơi ta có thể tìm ra điều đích thực, tốt đẹp đích thực và xấu xa đến rụng tim đích thực, chính là trong tâm trí con người.

"Hừ," Aziraphale nói. "Tín đồ Satan."

"Tôi không hiểu sao họ có thể nhầm lẫn được," Crowley nói. "Ý tôi là, chỉ có hai đứa bé. Có khó nhọc gì đâu chứ, phải không...?" Hắn ngừng lời. Giữa màn sương ký ức, hắn nhớ lại một bà xơ nhỏ bé, mà lúc đó hắn đã thấy khá là đãng trí ngay cả so với một tín đồ Satan. Và còn có cả một người khác nữa. Crowley lờ mờ nhớ lại một tẩu thuốc và một cái áo khoác len có hoa văn ziczac kiểu đã lỗi mốt từ năm 1938. Một người đàn ông với dòng chữ "sắp làm bố" hiện rõ mồn một khắp người.

Chắc hẳn đã có một đứa bé thứ ba.

Hắn kể cho Aziraphale nghe.

"Chẳng có manh mối gì nhiều," vị thiên thần nói.

"Chúng ta biết đứa bé còn sống," Crowley nói, "vì vậy..."

"Làm sao chúng ta biết được?"

"Nếu nó đã lại xuống Dưới Đó rồi thì anh nghĩ là tôi còn yên vị ở đây được không?"

"Có lý."

"Vậy chúng ta chỉ việc tìm ra nó," Crowley nói. "Tra sổ sách bệnh viện." Động cơ chiếc Bentley hùng hắng khởi động và chiếc xe chồm tới trước, khiến Aziraphale bị đẩy sát vào ghế.

"Rồi sau đó thì sao?" y hỏi.

"Sau đó thì chúng ta tìm ra đứa bé."

"Rồi *sau đó* thì sao?" Vị thiên thần nhắm nghiền mắt khi xe vào cua xé gió.

"Chịu."

"Trời ơi."

"Tôi đoán là - *xéo đi thằng hề kia* - các anh sẽ không chịu - *và cả cái xe máy của mày nữa!* - cho tôi tị nạn đâu nhỉ?"

“Tôi đang định hỏi anh chính điều đó đây - *cẩn thận người đi bộ!*”

“Nó đang ở trên đường, nó phải biết mình đang đứng trước nguy cơ gì chứ!” Crowley nói, luồn lách chiếc xe đang tăng tốc giữa một cái xe đang đỗ và một chiếc taxi, chừa lại khe hở gần như không đủ đút vừa tấm thẻ tín dụng mỏng nhất.

“Nhìn đường! Nhìn đường! Mà cái bệnh viện này ở đâu?”

“Đâu đó phía nam Oxford!”

Aziraphale bám chặt vào bảng đồng hồ. “Anh không thể chạy với tốc độ một trăm rưỡi cây số giờ trong Trung tâm London được!”

Crowley ngó đồng hồ vận tốc. “Sao lại không?”

“Anh sẽ giết chúng ta mất!” Aziraphale ngần ngừ. “Hay đúng hơn là làm chúng ta bị lìa xác một cách rất bất tiện,” y lúng túng sửa lại, thư giãn hơn một chút. “Hơn nữa, anh có thể giết người khác.”

Crowley nhún vai. Vị thiên thần chưa bao giờ quen được với thế kỷ hai mươi và không nhận ra rằng việc lái xe với tốc độ một trăm năm mươi cây số giờ trên phố Oxford là hoàn toàn khả thi. Ta chỉ việc sắp xếp lại mọi thứ để không bị ai ngáng đường. Và vì tất cả mọi người đều biết lái xe với tốc độ một trăm năm mươi cây số một giờ trên phố Oxford là bất khả thi, nên không ai để ý cả.

Ít ra xe hơi cũng còn khá hơn ngựa. Động cơ đốt trong là một món quà của Chúa - một phước - một may mắn bất ngờ với Crowley. Thời trước, những con ngựa duy nhất mà kẻ khác nhìn thấy hắn cưỡi là những con vật to đùng đen sì, mắt rừng rực và móng gõ tóe lửa. Đó là thứ bắt buộc với một tên quỷ. Thường thì Crowley hay bị ngã. Hắn không hợp với động vật cho lắm.

Đâu đó quanh Chiswick, Aziraphale lơ đãng bới đống băng trong ngăn đựng găng tay.

“Velvet Underground là cái gì?” y hỏi.

“Anh sẽ không thích đâu,” Crowley trả lời.

“À,” vị thiên thần khinh khỉnh nói. “Nhạc be-bop.”

“Anh biết không, Aziraphale, nếu một triệu con người được yêu cầu miêu tả âm nhạc hiện đại, họ sẽ không dùng từ ‘be-bop’ đâu?” Crowley nói.

“A, cái này được hơn đây. Tchaikovsky,” Aziraphale nói, mở hộp ra và bỏ cuộn băng vào chiếc Blaupunkt.

“Anh sẽ không thích đâu,” Crowley thở dài. “Nó đã ở trong xe hơn hai tuần rồi.”

Một nhịp bass nặng bắt đầu rung lên trong chiếc Bentley khi họ lao qua sân bay Heathrow.

Trán Aziraphale nhăn lại.

“Tôi không nhận ra bài này,” y nói. “Đây là bài gì vậy?”

“Là bài ‘Another One Bites the Dust’ của Tchaikovsky,” Crowley nói, nhắm mắt lại khi họ đi qua Slough.

Để giết thời gian khi đi qua vùng đồi Chiltern ngái ngủ, họ nghe cả các bài “We Are the Champions” của William Byrd và “I Want To Break Free” của Beethoven. Nhưng cả hai bài đều không hay bằng “Fat-Bottomed Girls”(*) của Vaughan Williams.

Người ta nói quỷ sứ có những điệu nhạc hay nhất.

Điều này nói chung là đúng. Nhưng Thiên đường lại có các biên đạo múa giỏi nhất.

Vùng đồng bằng Oxfordshire trải dài về phía tây, với những đốm sáng rải rác đánh dấu những ngôi làng đang say ngủ, nơi những người nông dân chân chất đang chuẩn bị nghỉ ngơi sau một ngày dài biên tập xã luận, cố vấn tài chính, hoặc xây dựng phần mềm.

Cao cao trên đỉnh đồi, mấy con đom đóm đang lập lòe sáng.

Máy kinh vĩ của nhân viên dịch lộ là một trong những biểu tượng tàn bạo của thế kỷ hai mươi. Khi được dựng lên ở bất kỳ đâu giữa vùng thôn quê, nó đều báo hiệu: việc Mở Rộng Đường sắp xảy ra, đúng vậy, cùng các khu chung cư hai-ngàn-hộ được

xây dựng theo đúng Bản sắc của Ngôi làng. Các Kế hoạch Phát triển Đô thị sẽ hiện ra.

Nhưng ngay cả nhân viên dịch lộ tận tâm nhất cũng không đi lập bản đồ lúc nửa đêm, vậy mà nó vẫn ở đây, cái giá ba chân cắm sâu xuống nền cỏ. Cũng không nhiều máy kinh vĩ lại có một cành dẻ gai buộc trên đầu, hay có các con lắc bằng pha lê treo bên dưới, và các cổ tự Xentơ khắc trên chân.

Một làn gió nhẹ thổi phần phật chiếc áo choàng của dáng người mảnh mai đang chỉnh các núm điều khiển của máy kinh vĩ. Đó là một chiếc áo choàng khá dày, chống thấm rất hữu dụng, và có lớp lót ấm.

Phần lớn các cuốn sách về yêu thuật nói rằng các phù thủy đều khỏa thân khi làm phép. Đó là vì phần lớn các cuốn sách về yêu thuật đều được viết bởi đàn ông.

Cô gái đó có tên là Anathema Device. Cô không xinh đẹp khác thường gì. Các nét của cô, khi để riêng, thì đều rất xinh, nhưng tổng thể khuôn mặt cô khiến người ta có cảm giác nó đã được lắp ráp vội vã từ các mẫu có sẵn chứ không tham khảo sơ đồ nào cả. Có lẽ từ phù hợp nhất để miêu tả cô là "hấp dẫn", nhưng những người biết từ đó có nghĩa là gì và có thể đánh vần được nó sẽ thêm vào từ "hoạt bát" nữa, nhưng từ "hoạt bát" có vẻ gì đó rất kiểu thập niên 50, nên có lẽ họ sẽ không thêm vào.

Các cô thiếu nữ không nên ra ngoài một mình vào những đêm tối trời, ngay cả ở Oxfordshire đi chăng nữa. Nhưng bất kỳ tên điên nào đang rình rập cũng sẽ phải lãnh đủ nếu hắn dám đến gần Anathema Device. Dù sao thì cô cũng là phù thủy. Và chính bởi vì cô là phù thủy, và do đó rất khôn ngoan, nên cô không đặt niềm tin vào các bùa phép hộ mệnh; cô chỉ tin cậy vào một con dao cắt bánh mì dài ba mươi phân đeo ở thắt lưng.

Cô ngắm qua thấu kính và chỉnh lại một chút.

Cô lầm bầm một mình.

Các nhân viên dịch lộ thường lầm bầm một mình. Họ lầm bầm những câu như là, "Chỉ trong nháy mắt sẽ có đường vòng

tránh chạy qua đây", hoặc, "Ba phấy năm mét, cộng trừ một cái chân muỗi."

Đây là một loại lầm bầm khác hẳn.

"Đêm đen tối / Trăng sáng ngời," Anathema lầm bầm, "Phía đông nam / Phía tây đến tây nam... tây-tây nam... thấy rồi..."

Cô nhặt lên một tấm bản đồ của sở đạc điền được gấp lại và giơ nó lên dưới ánh đèn pin. Rồi cô lấy ra một cái thước nhựa trong với một cái bút chì và cẩn thận kẻ một đường ngang qua bản đồ. Nó cắt một đường kẻ chì khác.

Cô mỉm cười, không phải vì có gì đặc biệt thú vị, mà vì đã hoàn thành một công việc khó nhằn.

Rồi cô gập cái máy kinh vĩ kỳ lạ vào, buộc nó vào sau một cái xe đạp đen dóng chéo đang dựa vào bờ giậu, kiểm tra xem Cuốn Sách đã nằm gọn trong giỏ chưa, và đẩy cái xe xuống lối mòn đầy sương.

Cái xe đạp đã cổ lỗ lắm rồi, khung xe nhìn như hàn bằng ống nước. Nó đã được làm ra từ lâu trước khi bộ bánh răng ba tốc độ được phát minh, và có lẽ chỉ ngay sau khi bánh xe được phát minh.

Nhưng đường về làng chủ yếu là xuống dốc. Tóc bay tung trong gió, chiếc áo choàng căng phồng sau lưng như một tấm buồm neo, cô để cho cỗ xe hai bánh nồi đồng cối đá chậm rãi tăng tốc qua bầu không khí ấm áp. Ít ra vào giờ này trong đêm cũng không có xe cộ nào khác.

Động cơ chiếc Bentley kêu *ping*, *ping* khi nó nguội đi. Tâm trạng của Crowley thì ngược lại, đang nóng dần lên.

"Anh bảo là anh đã thấy biển chỉ đường mà."

"Ờ thì chúng ta đi nhanh quá. Mà tôi tưởng anh đã từng đến đây rồi."

"Từ mười một năm trước!"

Crowley ném tấm bản đồ ra ghế sau và lại khởi động xe.

“Có lẽ chúng ta nên hỏi đường,” Aziraphale nói.

“À, ừ,” Crowley nói. “Chúng ta sẽ dừng lại và hỏi người đầu tiên chúng ta nhìn thấy dọc trên một… một *lối mòn* giữa đêm hôm khuya khoắt này hả?”

Hắn cài số cho chiếc xe và rồ máy đi xuôi con đường phủ bóng sồi.

“Khu vực này có gì lạ lắm,” Aziraphale nói. “Anh có cảm thấy không?”

“Gì cơ?”

“Đi chậm lại một chút.”

Chiếc Bentley lại đi chậm lại.

“Lạ thật,” vị thiên thần lầm bầm, “tôi cứ thấy lóe lên…”

Y đưa tay lên thái dương.

“Gì? Gì nào?” Crowley hỏi.

Aziraphale nhìn hắn chằm chằm.

“Tình yêu,” y nói. “Ai đó thực sự yêu nơi này.”

“Sao cơ?”

“Dường như có một tình yêu dạt dào ở đây. Tôi không thể giải thích cụ thể hơn được. Nhất là với *anh*.”

“Ý anh là như…” Crowley mở miệng.

Có một tiếng rè rè, một tiếng thét, và một tiếng loảng xoảng. Chiếc xe dừng lại.

Aziraphale chớp mắt, hạ tay xuống, và rón rén mở cửa ra.

“Anh đâm phải ai đó rồi,” y nói.

“Đâu,” Crowley nói. “Ai đó đâm vào tôi thì có.”

Họ ra khỏi xe. Đằng sau chiếc Bentley là một cái xe đạp nằm chỏng chơ, bánh xe trước vẹo vọ thành một hình Mobius đúng chuẩn, bánh sau kêu cành cạch đầy đáng gở rồi dừng hẳn.

“Phải có sự sáng,” Aziraphale phán. Một quầng sáng xanh nhạt tỏa khắp lối mòn.

Từ cái mương bên cạnh họ, có ai đó nói, “Ông làm thế quái nào vậy?”

Ánh sáng biến mất.

"Làm gì cơ?" Aziraphale hỏi vẻ tội lỗi.

"Ờ." Giờ giọng nói có vẻ mụ mẫm. "Hình như tôi bị đập đầu hay sao ấy..."

Crowley trừng mắt nhìn một vạch kim loại dài trên nước sơn bóng loáng của chiếc Bentley và một vết lõm trên hãm xung, vết lõm phẳng trở lại. Lớp sơn lành trở lại.

"Đứng lên nào, cô gái," vị thiên thần nói, đỡ Anathema dậy khỏi đám dương xỉ. "Không gãy cái xương nào cả." Đó là một lời khẳng định, không phải hy vọng; đã có một vết rạn nhỏ, nhưng Aziraphale không thể cưỡng lại cơ hội để làm việc thiện.

"Các ông không bật đèn," cô nói.

"Cô cũng thế," Crowley nói vẻ có lỗi. "Cũng công bằng cả thôi."

"Cô nghiên cứu thiên văn học hả?" Aziraphale nói, dựng thẳng cái xe đạp lên. Đủ thứ tả pí lù rơi lạch cạch ra khỏi giỏ xe. Y chỉ cái máy kinh vĩ méo mó.

"Không," Anathema đáp. "Ý tôi là, vâng. Và xem các ông đã làm gì với Phaeton tội nghiệp kìa."

"Cô nói sao cơ?" Aziraphale hỏi.

"Xe đạp của tôi ấy. Nó bẹp rúm rồi..."

"Trâu bò ghê lắm, mấy cái xe cũ này," vị thiên thần vui vẻ nói, trao cái xe đạp cho cô. Bánh trước lấp lánh dưới ánh trăng, tròn xoe như một tầng Địa ngục.

Cô trố mắt nhìn nó.

"Thôi, thế là ổn thỏa cả rồi," Crowley nói, "nên có lẽ tốt nhất là chúng ta tiếp tục lên, ờ. Ờ. Cô có tình cờ biết đường đến làng Tadfield Hạ không?"

Anathema vẫn đang nhìn cái xe đạp chằm chằm. Cô gần như chắc chắn là khi cô rời nhà, nó không có một cái túi yên nhỏ đựng bộ dụng cụ vá xe.

"Nó ở ngay dưới đồi kia," cô nói. "Đây đúng là xe *của* tôi đấy chứ?"

“Ô, chắc chắn rồi,” Aziraphale nói, tự hỏi có phải y đã quá tay không.

“Chỉ là tôi *dám chắc* Phaeton chưa bao giờ có bơm cả.”

Vị thiên thần lại tỏ vẻ tội lỗi.

“Nhưng có chỗ để treo bơm đây này,” y luống cuống nói. “Hai cái móc nhỏ.”

“Cô bảo là ngay dưới đồi thôi hả?” Crowley nói, huých vị thiên thần.

“Tôi nghĩ có lẽ tôi đã bị đập đầu,” cô gái nói.

“Tất nhiên chúng tôi sẽ cho cô đi nhờ,” Crowley vội nói, “nhưng không có chỗ cho cái xe đạp.”

“Ngoại trừ giá để hành lý,” Aziraphale nói.

“Chiếc Bentley đâu có… À. Hừ.”

Vị thiên thần nhặt nhạnh tất cả đồ đã rơi khỏi giỏ xe bỏ lên ghế sau và đỡ cô gái đang sững sờ vào xe.

“Ta không nên,” y nói, “cứ thế bỏ đi.”

“Các anh thì không. Còn thằng này thì có đấy. Chúng ta còn *việc khác* phải làm, anh biết không.” Crowley đưa mắt lườm cái giá để hành lý mới. Nó có cả đai kẻ ô vuông.

Cái xe đạp tự nhấc lên và buộc mình chắc chắn vào cái giá. Rồi Crowley lên xe.

“Cô sống ở đâu, cô gái thân mến?” Aziraphale hỏi.

“Xe đạp của tôi cũng không có đèn. Ờ, thực ra là đã từng có, nhưng là loại đèn phải bỏ pin vào mới sáng, rồi pin bị ẩm nên tôi phải bỏ ra,” Anathema nói. Cô trừng mắt nhìn Crowley. “Tôi có một con dao cắt bánh mì đây,” cô nói. “Ở đâu đó.”

Aziraphale tỏ vẻ sững sờ trước lời ám chỉ của cô.

“Thưa cô, tôi xin cam đoan rằng…”

Crowley bật đèn lên. Hắn không cần đèn để nhìn, nhưng đèn sẽ khiến những con người khác trên đường bớt lo lắng.

Rồi hắn cài số và khoan thai lái xuống đồi. Con đường ra khỏi tán cây và, sau chừng vài trăm mét, đến bên rìa một ngôi làng cỡ vừa.

Ngôi làng có một cảm giác quen thuộc. Đã mười một năm trôi qua, nhưng chắc chắn nơi này đánh động một ký ức xa xôi.

"Quanh đây có bệnh viện nào không?" hắn hỏi. "Do các bà xơ quản lý ấy?"

Anathema nhún vai. "Tôi nghĩ là không," cô nói. "Chỗ rộng rãi duy nhất là Dinh thự Tadfield. Tôi không biết họ dùng nó làm gì."

"Lên các kế hoạch linh thiêng," Crowley lầm bầm.

"Và bánh răng số nữa," Anathema nói. "Xe tôi không có bánh răng số. Tôi chắc chắn xe tôi không có bánh răng số."

Crowley ngả người sang chỗ vị thiên thần.

"Lạy Chúa, xin Người hãy chữa lành chiếc xe đạp này," hắn thì thầm vẻ giễu cợt.

"Tôi xin lỗi, tôi quá tay," Aziraphale rít lên đáp lại.

"Đai kẻ ô vuông ấy à?"

"Kẻ ô vuông đang mốt mà."

Crowley gầm ghè. Vào những dịp hiếm hoi đầu óc vị thiên thần chạy kịp tới thế kỷ hai mươi thì nó lại luôn hướng về thập niên 1950.

"Các vị có thể thả tôi xuống đây," Anathema lên tiếng từ ghế sau.

"Rất sẵn lòng," vị thiên thần cười nói. Ngay khi chiếc xe dừng lại, y đã mở cửa sau và cúi chào như một lão bộc già đang đón chào chủ nhân trẻ tuổi trở về đồn điền cũ.

Anathema thu dọn đồ đạc và bước ra vẻ kiêu kỳ hết mức có thể.

Cô dám chắc là cả hai người đàn ông đều đã không đi ra phía sau xe, nhưng xe đạp của cô đã được tháo xuống và đang dựa vào cổng.

Chắc chắn ở họ có gì đó rất kỳ dị, cô thầm nghĩ.

Aziraphale lại cúi chào. "Rất hân hạnh được giúp đỡ cô," y nói.

"Cảm ơn," Anathema nói, giọng lạnh tanh.

“Chúng ta đi được chưa?” Crowley nói. “Chúc cô ngủ ngon. Lên xe *đi*, thiên thần.”

À. Ra là thế. Hóa ra cô đã chẳng có gì phải lo cả.

Cô nhìn theo chiếc xe biến về phía trung tâm làng, rồi dắt xe lên lối đi vào nhà. Cô đã không buồn khóa cửa nhà. Cô dám chắc Agnes sẽ nhắc nếu cô sắp bị trộm, bà thường rất giỏi những chuyện riêng tư như thế.

Cô đã thuê căn nhà kèm cả đồ đạc, có nghĩa là đồ đạc trong nhà là loại mà ta thường thấy trong những hoàn cảnh thế này và có lẽ đã bị cửa hàng từ thiện địa phương bỏ ra cho người dọn rác. Không thành vấn đề. Cô không nghĩ mình sẽ ở lại lâu.

Nếu Agnes đúng thì cô sẽ chẳng ở lâu *bất kỳ đâu*. Và tất cả mọi người cũng vậy.

Cô trải bản đồ và các thứ lên cái bàn cổ dưới ngọn đèn duy nhất trong bếp.

Cô đã khám phá ra được gì? Không nhiều nhặn gì lắm, cô nghĩ vậy. Có lẽ nó ở đầu bắc của làng, nhưng điều đó thì cô đã ngờ từ trước. Nếu đến quá gần thì ta sẽ bị ngợp trong tín hiệu; còn nếu ở quá xa thì lại không xác định được vị trí chính xác.

Bực mình thật. Câu trả lời chắc phải nằm đâu đó trong Cuốn Sách. Vấn đề là để hiểu được các lời tiên tri, ta phải biết cách suy nghĩ như một bà phù thủy điên điên dở dở nhưng rất thông minh, với tâm trí như một cuốn từ điển đố chữ. Các thành viên khác trong gia đình nói Agnes cố tình viết rối rắm để người ngoài không hiểu được; Anathema, người thường ngờ rằng đôi khi mình có thể suy nghĩ giống Agnes, đã quyết định đó chẳng qua là vì Agnes chỉ là một mụ già đầu óc ngang ngược với khiếu hài hước quái thai thôi.

Cô thậm chí còn không...

Cô không thấy Cuốn Sách.

Anathema kinh hoàng nhìn những món đồ trên bàn. Tấm bản đồ. Cái máy kinh vĩ bói toán tự chế. Cái phích đựng xúp Bovril nóng. Cái đèn pin.

Khoảng không hình chữ nhật trống hoác nơi lẽ ra phải có những lời tiên tri.

Cô đã đánh mất nó.

Nhưng thật là lố bịch! Một trong những điều Agnes luôn nói rất cụ thể là những chuyện xảy ra với Cuốn Sách.

Cô chộp lấy cái đèn pin và chạy ra khỏi nhà.

“Một cảm giác như là, ờ, trái ngược với cảm giác khi ta nói những điều như là ‘chỗ này rờn rợn’,” Aziraphale nói. “Ý tôi là thế.”

“Tôi chưa bao giờ nói ‘chỗ này rờn rợn’,” Crowley nói. “Tôi cực thích rờn rợn ấy chứ.”

“Một cảm giác *được trìu mến*,” Aziraphale tuyệt vọng nói.

“Không. Chẳng thấy gì cả,” Crowley nói, vui vẻ miễn cưỡng.

“Anh nhạy cảm quá thôi.”

“Đó là *nghề* của tôi,” Aziraphale nói. “Thiên thần không thể quá nhạy cảm được.”

“Tôi đoán người quanh đây thích sống ở đây và anh chỉ đang cảm nhận được nó thôi.”

“Tôi chưa bao giờ cảm nhận cái gì tương tự ở London,” Aziraphale nói.

“Đấy, thấy chưa, chứng tỏ tôi đã đúng,” Crowley nói. “Và chính là chỗ này đây. Tôi nhớ có hai con sư tử đá trên cột cổng.”

Đèn pha của Bentley chiếu sáng những bụi đỗ quyên rậm rì mọc hai bên lối đi. Bánh xe nghiến lên lớp sỏi.

“Giờ này mà ghé thăm các bà xơ thì còn sớm quá,” Aziraphale nghi ngại nói.

“Vớ vẩn. Các bà xơ luôn làm việc bất kể thời gian,” Crowley nói. “Chắc giờ đang là buổi Lễ Muộn[(*)], trừ phi đó là một loại thuốc giảm cân.”

“Chà, bẩn tính quá đấy,” vị thiên thần nói. “Anh không cần phải nói những câu chọc ngoáy như thế.”

“Đừng tự ái. Tôi đã bảo rồi, đây là người của chúng tôi. Các bà xơ hắc ám. Chúng tôi cần có bệnh viện gần căn cứ không quân, anh hiểu chứ.”

“Tôi chẳng hiểu gì cả.”

“Anh không nghĩ là vợ các nhà ngoại giao Mỹ hay đi đẻ ở các bệnh viện tôn giáo nhỏ giữa chốn đồng không mông quạnh đấy chứ? Tất cả phải diễn ra thật tự nhiên. Có một căn cứ không quân ở làng Tadfield Hạ, bà ta đến đó dự lễ khánh thành, mọi chuyện bắt đầu xảy ra, bệnh viện của căn cứ chưa sẵn sàng, người của chúng tôi nói, ‘Có một bệnh viện ngay dưới đường kia’, và chúng tôi đợi sẵn ở đó. Sắp đặt rất khá đấy chứ.”

“Chỉ sót mất vài chi tiết lặt vặt thôi,” Aziraphale tự đắc nói.

“Nhưng đã *suýt* thành công còn gì,” Crowley vặc lại, cảm thấy hắn cần bảo vệ đồng bọn.

“Anh thấy đấy, sự xấu xa luôn chứa đựng mầm mống tự hủy hoại,” vị thiên thần nói. “Rút cục thì cái xấu là tiêu cực, và vì vậy chứa đựng sự sụp đổ của chính nó ngay cả khi nó tưởng như đã chiến thắng. Cho dù kế hoạch xấu xa có vĩ đại đến đâu, được suy tính cẩn thận đến đâu, có chắc chắn thành công đến đâu, thì kiểu gì cái sai trái cố hữu cũng sẽ phản lại kẻ chủ mưu. Cho dù có vẻ sắp thành công đến đâu thì cuối cùng nó cũng sẽ tự hủy diệt. Nó sẽ sụp đổ trên những tảng đá tội lỗi và chìm nghỉm vào biển quên lãng, không để lại dấu vết gì.”

Crowley ngẫm nghĩ về điều này. “Đâu mà,” cuối cùng hắn nói. “Tôi dám cá chỉ là do sự kém cỏi thông thường thôi. Này…”

Hắn huýt một tiếng nhỏ.

Sân trải sỏi trước dinh thự đỗ đầy xe, và chúng không phải là xe của các bà xơ. Thật ra thì đến cả chiếc Bentley cũng còn phải chạy dài. Rất nhiều xe có chữ GT hoặc Turbo trong tên và ăngten trên nóc. Hầu như xe nào cũng chưa đến một năm tuổi.

Tay Crowley ngứa ngáy. Aziraphale chữa lành xe đạp và xương gãy; còn *hắn* thì thèm được trộm vài cái đài, xì hơi vài cái bánh xe, đại loại thế. Hắn cố kiềm chế.

“Chà, chà,” hắn nói. “Thời của tôi các bà xơ phải nhồi nhét bốn người vào một chiếc Morris Traveller.”

“Không thể là chỗ này được,” Aziraphale nói.

“Có lẽ họ đã chuyển thành viện tư?” Crowley nói.

“Hoặc anh đã nhầm địa chỉ.”

“Đúng địa chỉ này mà, tôi đảm bảo đấy. Đi nào.”

Họ ra khỏi xe. Ba mươi giây sau, ai đó bắn cả hai bọn họ. Chính xác đến không tưởng.

Nếu có một điều mà Mary Hodges, trước kia là Mary Lắm Mồm, rất giỏi, thì đó là cố gắng tuân theo mệnh lệnh. Bà thích các mệnh lệnh. Chúng khiến thế giới đơn giản hơn.

Cái bà không giỏi là thay đổi. Bà đã rất thích dòng Huyên thuyên. Lần đầu tiên trong đời bà có bạn. Lần đầu tiên trong đời bà có phòng riêng. Tất nhiên, bà biết họ đang làm những việc mà, xét theo một góc độ nào đó, có thể bị coi là xấu xa, nhưng Mary Hodges đã có kha khá trải nghiệm cuộc sống trong suốt ba mươi năm và không ảo tưởng về những việc mà hầu hết nhân loại phải làm để tồn tại từ tuần này qua tuần khác. Hơn nữa, thức ăn rất ngon và ta được gặp nhiều người thú vị.

Dòng tu, hay ít ra là những người còn lại, đã chuyển đi sau vụ hỏa hoạn. Dù sao thì mục đích duy nhất để họ tồn tại cũng đã được hoàn thành. Họ liền ai đi đường nấy.

Bà thì không đi. Bà rất thích Dinh thự, và, như bà nói, ai đó nên ở lại và giám sát việc sửa chữa cho đến nơi đến chốn, vì ngày nay ta không thể tin được đám thợ thuyền nếu không liên tục trông chừng họ, đại khái là vậy. Thế tức là bà sẽ phải phá bỏ lời thề, nhưng Mẹ Bề Trên nói vậy cũng không sao, không có gì phải lo cả, phá bỏ lời thề nguyện là hoàn toàn bình thường trong một dòng tu hắc ám, và một trăm năm nữa, hay đúng hơn là mười một năm nữa thì mọi chuyện cũng sẽ như nhau cả thôi, nên nếu xơ thấy thoải mái khi làm thế, thì đây là giấy tờ nhà và địa chỉ để

chuyến tiếp thư tới trừ phi đó là các phong bì dài màu nâu có ô hở đằng trước(*).

Rồi một điều rất lạ đã xảy ra với bà. Khi chỉ còn lại một mình trong tòa nhà rộng thênh thang, làm việc trong một căn phòng hiếm hoi không bị hư hại, tranh cãi với những người đàn ông có mẩu thuốc lá cài sau tai và bụi vữa dính đầy quần cùng loại máy tính bỏ túi sẽ cho ra kết quả khác nếu tiền công được trả bằng tiền giấy cũ, bà đã khám phá ra một thứ mà bà không biết là có tồn tại.

Bà đã khám phá ra, bên dưới tầng tầng lớp lớp những ngớ ngẩn và sốt sắng muốn làm người khác vừa lòng, là Mary Hodges.

Bà thấy việc hiểu các dự toán của nhà thầu và tính thuế giá trị gia tăng chẳng có gì khó khăn. Bà mượn ít sách ở thư viện về và thấy ngành tài chính vừa thú vị vừa đơn giản. Bà ngừng đọc loại tạp chí phụ nữ viết về tình yêu và đan len, và bắt đầu đọc loại tạp chí phụ nữ viết về cực khoái, nhưng ngoài việc tự nhắc mình đạt cực khoái nếu có cơ hội, thì bà coi cực khoái cũng là một dạng tình yêu và đan len trong một hình thức mới mà thôi. Vậy là bà bắt đầu đọc loại tạp chí viết về sáp nhập doanh nghiệp.

Sau nhiều suy tính, bà đã mua một cái máy tính cá nhân nhỏ từ một gã bán hàng nhãi ranh vừa buồn cười vừa kẻ cả ở Norton. Sau một cuối tuần bận rộn, bà đem nó trở lại cửa hàng. Không phải để nhờ gã cắm điện, như gã nghĩ, mà vì nó không có chip đồng xử lý 387. Cái đó thì gã hiểu - dù sao gã cũng là người bán hàng và có thể hiểu được các từ khá dài - nhưng sau đó thì cuộc trò chuyện nhanh chóng xuống dốc theo góc nhìn của gã. Mary Hodges lấy ra nhiều cuốn tạp chí nữa. Phần lớn đều có chữ "PC" trong tên, và rất nhiều có các bài báo và bài điểm tin mà bà đã cẩn thận khoanh tròn bằng mực đỏ.

Bà đọc về Phụ nữ Mới. Bà chưa bao giờ nhận ra mình là một Phụ nữ Cũ, nhưng sau một thời gian suy nghĩ thì bà quyết định rằng những danh hiệu như vậy cũng giống như tình yêu và đan len và cực khoái thôi, điều quan trọng thực sự là ta phải cố hết mức có thể để là chính mình. Bà vẫn luôn có khuynh hướng mặc

đồ đen trắng. Bà chỉ cần nâng gấu váy lên, đi giày gót cao hơn, và bỏ cái khăn trùm đầu đi thôi.

Một ngày kia, trong lúc lật giở một cuốn tạp chí, bà đã phát hiện ra rằng trên khắp cả nước đang có một nhu cầu dường như vô độ với các tòa nhà rộng rãi, có sân vườn lớn, được quản lý bởi những người hiểu được yêu cầu của giới doanh nghiệp. Ngày hôm sau bà liền đi đặt một loạt đồ văn phòng phẩm mang tên Trung tâm Đào tạo Quản lý và Hội nghị Tadfield, và tự lý luận rằng đến lúc chúng được in xong thì bà sẽ biết hết những gì cần biết để quản lý một nơi như vậy.

Tuần sau thì quảng cáo bắt đầu được đăng.

Công ty đó đã thành công vang dội, vì trong sự nghiệp mới làm Chính Mình, Mary Hodges đã sớm nhận ra là đào tạo quản lý không có nghĩa là ta phải bắt mọi người ngồi xuống trước những máy chiếu slide chập chờn. Ngày nay các công ty trông đợi nhiều hơn thế.

Bà đã cung cấp cho họ cái đó.

Crowley khuỵu xuống, lưng dựa vào một bức tượng. Aziraphale đã ngã ngửa vào một bụi đỗ quyên, một vệt sẫm màu loang rộng trên áo khoác của y.

Crowley cảm thấy một mảng ẩm ướt đang lan ra trên áo hắn.

Thật lố bịch. Điều hắn không cần nhất bây giờ là bị giết. Hắn sẽ phải giải trình đủ thứ. Họ đâu có cứ thế mà cho hắn một thân xác mới; họ luôn muốn biết ta đã làm gì với cái xác cũ. Giống như cố xin một cái bút mới từ một phòng hành chính cực kỳ thích gây khó dễ vậy.

Hắn kinh ngạc nhìn tay mình.

Quỷ có khả năng nhìn được trong bóng tối. Và hắn có thể thấy tay mình vàng khè. Hắn đang chảy máu vàng.

Hắn rón rén nếm một ngón tay.

Rồi hắn bò đến bên Aziraphale và kiểm tra áo vị thiên thần. Nếu vết bẩn trên đó là máu thì có gì đó rất không ổn đã xảy ra với

môn sinh học rồi.

"Ui, đau quá," vị thiên thần bị ngã rên rỉ. "Trúng ngay dưới sườn tôi."

"Ừ, nhưng bình thường anh có chảy máu màu xanh không?" Crowley hỏi.

Mắt Aziraphale mở ra. Y đưa tay phải lên vỗ vỗ ngực. Y ngồi dậy. Y cũng tự khám nghiệm pháp y bản thân theo lối thô sơ như Crowley.

"Sơn à?" y hỏi.

Crowley gật đầu.

"Họ chơi trò gì vậy?" Aziraphale nói.

"Tôi không biết," Crowley nói, "nhưng tôi nghĩ nó có tên là mấy trò con bò." Giọng hắn có ý nói hắn cũng có thể chơi. Và chơi khá hơn là đằng khác.

Đó là một trò chơi. Trò chơi này vui kinh khủng. Nigel Tompkins, phó trưởng phòng (Thu mua), trườn bò qua bụi rậm, trong đầu rừng rực những cảnh đáng nhớ trong các bộ phim tuyệt vời của Clint Eastwood. Thế mà thử nghĩ xem, gã cứ tưởng là đào tạo quản lý sẽ chán ngắt chứ...

Họ có phải dự một buổi lên lớp, nhưng buổi đó chỉ toàn nói về súng bắn sơn và những thứ họ không bao giờ được làm với chúng, và Tompkins đã nhìn những khuôn mặt búng ra sữa của đám tập sự kình địch với mình, trong lúc tất cả bọn họ quyết tâm sẽ làm tất cả những việc ấy nếu có nửa cơ hội thoát tội. Nếu người ta nói kinh doanh là một khu rừng và cho ta một khẩu súng, thì Tompkins thấy rõ là họ không muốn ta chỉ nhắm bắn vào áo; điểm mấu chốt là phải kiếm được mấy cái đầu sếp bự về treo trên lò sưởi.

Hơn nữa, có tin đồn là ai đó bên Liên hiệp Thống nhất đã tự nâng triển vọng được thăng chức của mình lên đáng kể khi lén lút bắn sơn vào đầy tai cấp trên của mình, khiến ông này kêu ca là trong tai có tiếng ong ong giữa các cuộc họp quan trọng và cuối cùng đã bị thay thế vì lý do sức khỏe.

Rồi còn có đám tập sự ngang hàng với gã nữa - hay, đế đối phép ẩn dụ, là những tinh binh đang cùng tìm đường tiến lên phía trước, tất cả đều biết rằng chỉ có thể có một chủ tịch duy nhất của Công ty Công nghiệp Holdings (Holdings), và thằng khốn nạn nhất sẽ được nhận cái chức ấy.

Tất nhiên, có một cô cầm bảng kẹp giấy bên Nhân sự đã nói rằng các chương trình họ tham gia đều chỉ là để củng cố tiềm năng quản lý, khả năng cộng tác nhóm, năng lực sáng kiến, vân vân. Đám tập sự đã cố tránh mặt nhau.

Cho đến giờ thì mọi chuyện đã tiến triển rất thuận lợi. Chuyến chèo thuyền vượt thác đã xử gọn Johnstone (thủng màng nhĩ) và cuộc leo núi ở Wales đã cho ra rìa Whittaker (bong gân háng).

Tompkins nhét một viên đạn sơn nữa vào súng và lẩm nhẩm đọc những câu khẩu quyết kinh doanh. Hãy Xử Kẻ Khác Trước Khi Chúng Xử Ta. Giết hoặc Bị Giết. Ăn Cứt hoặc Ra Khỏi Bếp. Kẻ Mạnh Nhất Tồn Tại. Một Ngày Đáng Nhớ Nào.

Gã bò gần hơn đến bên hai người đứng cạnh bức tượng. Hình như họ không để ý đến gã.

Khi không còn chỗ nấp nữa, gã hít một hơi thật sâu và nhảy bật dậy.

"Được rồi, lũ đần độn kia, giơ ta... ôi*khôôôôông*..."

Một trong hai người ở đó đã bị thay thế bởi một thứ rất *khủng khiếp*. Gã ngất lịm.

Crowley trở lại hình dáng yêu thích của mình.

"Tôi rất ghét phải làm vậy," hắn lầm bầm. "Tôi luôn sợ là mình sẽ quên cách biến trở lại. Lại còn làm hỏng bộ vét nữa chứ."

"Cá nhân tôi thì nghĩ đám dòi là hơi quá lố," Aziraphale nói, nhưng không có vẻ gay gắt lắm. Thiên thần phải tuân theo một số chuẩn mực đạo đức nhất định, và vì vậy, không như Crowley, y thích mua quần áo hơn là biến ra chúng từ không khí. Và cái áo này khá đắt.

“Ý tôi là, nhìn mà xem,” y nói. “Tôi sẽ không bao giờ tẩy sạch được vết bẩn này.”

“Dùng phép tẩy nó đi,” Crowley nói, lướt mắt khắp bụi rậm xem có tên quản lý tập sự nào nữa không.

“Ừ, nhưng tôi sẽ luôn biết có vết bẩn ở đó. Anh biết đấy. Ý tôi là trong thâm tâm ấy mà,” vị thiên thần nói. Y nhặt khẩu súng lên và lật qua lật lại trên tay. “Tôi chưa bao giờ thấy một cái như thế này,” y nói.

Có một tiếng véo, và bức tượng bên cạnh họ bị mất tai.

“Đừng đứng quanh đây nữa,” Crowley nói. “Gã này không chỉ có một mình đâu.”

“Đây là một khẩu súng rất kỳ, anh biết không. Rất lạ.”

“Tôi tưởng phe các anh không ủng hộ súng chứ,” Crowley nói. Hắn lấy khẩu súng từ bàn tay mũm mĩm của vị thiên thần và ngắm qua cái báng súng ngắn, mập.

“Hiện tại họ lại ủng hộ chúng,” Aziraphale nói. “Chúng giúp lập luận đạo đức thêm sức nặng. Tất nhiên là khi chúng ở trong những bàn tay thích hợp.”

“Thế hả?” Crowley lướt một bàn tay trên lớp kim loại. “Thế thì ổn rồi. Đi nào.”

Hắn thả khẩu súng lên thân hình sõng sượt của Tompkins và băng qua bãi cỏ ướt sương.

Cửa trước dinh thự không khóa. Họ bước qua mà không bị ai để ý. Mấy gã trai trẻ phúng phính mặc quần áo dã chiến lấm chấm sơn đang uống ca cao nóng ở nơi từng là phòng ăn của các bà xơ, và một hai người trong số đó vui vẻ giơ tay vẫy chào họ.

Một thứ nhìn như bàn lễ tân khách sạn giờ đặt ở một đầu sảnh. Trông nó có vẻ khá được, theo một kiểu kín đáo. Aziraphale nhìn tấm biển trên cái giá nhôm bên cạnh đó.

Những chữ cái nhỏ bằng nhựa gắn vào lớp vải đen của tấm biển thành dòng chữ: 20-21 tháng Tám: chương trình Đào tạo Năng lực Chiến đấu của Cty CPHH Holdings (Holdings).

Trong lúc đó, Crowley đã cầm lên một tờ rơi trên bàn. Tờ rơi có in những bức ảnh bóng loáng của dinh thự, đặc biệt nhắc đến các bồn sục và bể bơi nước nóng trong nhà, còn ở mặt sau là kiểu bản đồ mà các trung tâm hội nghị luôn có, chúng tận dụng một sự sai tỷ lệ kỹ lưỡng để ám chỉ là nó rất tiện dẫn đến các lối ra của mọi đường cao tốc trên đất nước trong khi bỏ qua trận đồ bát quái các lối mòn thôn quê bao quanh và kéo dài đến hàng cây số ở khắp mọi phía.

"Nhầm chỗ à?" Aziraphale hỏi.

"Không."

"Thế thì nhầm thời gian rồi."

"Phải." Crowley lật qua tờ rơi, hy vọng có thể tìm được manh mối gì đó. Có lẽ quá hão huyền nếu hy vọng rằng dòng tu Huyên thuyên vẫn còn ở lại đây. Dù sao thì họ cũng đã hoàn thành phần việc của mình. Hắn khẽ rít lên. Có lẽ họ đã đến châu Mỹ tăm tối hoặc đâu đó để cải đạo cho đám Cơ Đốc giáo, nhưng hắn vẫn đọc tiếp. Thỉnh thoảng kiểu tờ rơi này hay có phần lịch sử, vì các công ty thuê những chỗ như thế này để tổ chức chương trình Phân tích Nhân sự Tương tác hoặc Hội nghị về Động lực Tiếp thị Chiến lược thích có cảm giác là họ đang tương tác chiến lược với chính tòa nhà - trừ ra một hai lần tu sửa toàn bộ, một cuộc nội chiến, và hai vụ hỏa hoạn lớn - mà một nhà tài chính thời nữ hoàng Elizabeth đã cúng cho nhà thờ làm bệnh viện dịch hạch.

Thực ra hắn không trông đợi sẽ bắt gặp một câu như "mười một năm trước, Dinh thự được dùng làm tu viện cho một dòng nữ tu thờ Satan, mà thực ra họ cũng không giỏi việc đó lắm", nhưng ai mà biết được.

Một người đàn ông mập mạp mặc đồ ngụy trang sa mạc, tay cầm một cốc giấy đựng cà phê đi vơ vẩn đến cạnh họ.

"Ai đang thắng đấy?" ông ta hỏi vẻ thân mật. "Cậu Evanson bên phòng Kế hoạch Dài hạn đã cho tôi một cú ra trò vào đúng khuỷu tay đấy, các anh biết không."

"Chúng ta sẽ đều thua cả," Crowley lơ đãng đáp.

Một loạt súng nố vang lên từ dưới sân. Không phải là tiếng lách tách của những viên đạn sơn, mà là tiếng nổ điếc tai của những hòn chì có hình thù khí động học bay cực nhanh.

Có một tiếng lắp bắp đáp lại.

Các chiến binh còn lại trố mắt nhìn nhau. Một loạt đạn nữa bắn tung cửa sổ kính màu kiểu Victoria khá xấu xí cạnh cửa ra vào và trổ một hàng lỗ trên vữa trát tường cạnh đầu Crowley.

Aziraphale túm lấy tay hắn.

"Cái quái quỷ gì thế này?" y hỏi.

Crowley cười như một con rắn.

Khi tỉnh dậy, Nigel Tompkins thấy hơi đau đầu, và trong ký ức gần đây nhất của gã có một khoảng trống mơ hồ. Gã không biết rằng não người, khi phải đối mặt với một cảnh tượng quá khủng khiếp không thể tưởng tượng nổi, sẽ rất giỏi trong việc xóa sạch ký ức đó bằng chứng mất trí nhớ cưỡng bức, nên gã nghĩ chắc vì mình bị trúng đạn vào trán.

Gã lờ mờ nhận ra khẩu súng của mình nặng hơn trước, nhưng trong lúc còn đang đờ đẫn, gã không biết vì sao lại thế, cho tới khi gã chĩa súng vào tay quản lý tập sự Norman Wethered ở phòng Kiểm toán Nội bộ và bóp cò.

"Tôi không hiểu sao anh lại sững sờ như thế," Crowley nói. "Gã đó *muốn* có một khẩu súng thật. Mọi dục vọng trong đầu óc gã đều hướng đến một khẩu súng thật."

"Nhưng anh đã thả gã giữa đám người tay không tấc sắt kia!" Aziraphale nói.

"Ồ, đâu có," Crowley nói. "Không hẳn. Phải công bằng chứ."

◇

Nhóm nhân viên ở phòng Kế hoạch Tài chính đang nằm bẹp dưới chỗ đã từng là rào ha-ha(*), nhưng họ không thấy có gì

buồn cười cả.

"Tôi đã luôn bảo là ta không thể tin được bọn ở phòng Thu mua mà," phó quản lý tài chính nói. "Bọn khốn."

Một phát súng bắn vào tường trên đầu gã.

Gã vội bò đến bên nhóm nhỏ đang vây quanh gã Wethered vừa ngã xuống.

"Tình hình thế nào?" gã hỏi.

Phó phòng Phát lương quay khuôn mặt phờ phạc về phía gã.

"Tệ lắm," gã này đáp. "Đạn đã xuyên qua gần hết. Thẻ Access, thẻ Barclay, Diners... toàn bộ."

"May nhờ có thẻ American Express Gold ngăn nó lại," Wethered nói.

Họ cùng im lặng kinh hoàng nhìn cảnh tượng một cái ví đựng thẻ tín dụng với một lỗ đạn gần như xuyên suốt.

"Sao họ lại làm thế?" một nhân viên phát lương hỏi.

Trưởng phòng Kế toán Nội bộ mở miệng định nói điều gì đó hợp lý, rồi lại thôi. Ai cũng có một điểm mà ở đó họ mất trí, và ranh giới của gã vừa bị một cái thìa gõ lên. Hai mươi năm trời trong nghề. Gã đã muốn làm nhà thiết kế đồ họa nhưng người tư vấn nghề của gã chưa nghe nói đến nghề đó bao giờ. Hai mươi năm trời kiểm tra kép Mẩu BF 18. Hai mươi năm trời quay cái máy tính tay, khi mà ngay cả đám nhân viên phòng Kế hoạch Dài hạn cũng có máy vi tính. Và giờ, vì những lý do gì không biết, nhưng có lẽ là để tái tổ chức và không muốn tốn tiền cho những người về hưu sớm, chúng lại đang bắn đạn về phía gã.

Một đội quân hoang tưởng đều bước sau mắt gã.

Gã nhìn xuống khẩu súng của mình. Qua màn sương điên giận và bối rối, gã thấy nó to hơn và đen hơn so với khi nó được phát cho gã. Nó cũng nặng hơn nữa.

Gã chĩa nó vào một bụi rậm gần đó và nhìn một làn đạn thổi tung bụi rậm vào hư vô.

À. Ra là chúng muốn chơi như thế. Thế thì *ai đó* phải thắng chứ.

Gã nhìn các nhân viên của mình.

"Được rồi, anh em," gã nói, "cho bọn khốn ấy biết tay thôi!"

"Theo như tôi thấy," Crowley nói, "thì không ai *phải* bóp cò cả."

Hắn toe toét cười gằn với Aziraphale.

"Đi nào," hắn nói. "Hãy đi xem xét chỗ này trong lúc mọi người đang bận."

Đạn xuyên vèo vèo qua màn đêm.

Jonathan Parker, đơn vị thu mua, đang uốn éo trườn qua các bụi rậm thì bị một cánh tay siết lấy cổ.

Nigel Tompkins nhổ một cụm lá đỗ quyên ra khỏi miệng.

"Dưới kia là luật của công ty," gã rít lên, mặt đầy bùn, "nhưng trên này thì là tao..."

"Mánh đó hơi bẩn đấy," Aziraphale nói, khi họ đi dọc những hành lang trống trơn.

"Tôi đã làm gì? Tôi đã làm gì?" Crowley hỏi, hú họa đẩy các cánh cửa mở ra.

"Ngoài kia người ta đang bắn nhau!"

"Thì đúng thế đấy, phải không? Là tự họ làm đấy chứ. Đó là điều họ thực sự muốn làm. Tôi chỉ hỗ trợ họ thôi. Hãy coi đây là một phiên bản vi mô của vũ trụ. Tự do ý chí cho tất cả. Bất khả tư nghị, đúng không?"

Aziraphale lườm hắn.

"Ồ, thôi được rồi," Crowley khổ sở nói. "Sẽ không ai bị giết cả. Họ sẽ đều thoát chết một cách thần kỳ. Nếu không thì sẽ chẳng còn gì thú vị nữa."

Aziraphale thấy nhẹ người. “Anh biết không, Crowley,” y cười nói, “tôi vẫn luôn nói rằng, trong thâm tâm, anh thật sự là…”

“Thôi được rồi, *được rồi*,” Crowley quát. “Sao anh không rêu rao cho cả thế giới đáng nguyền rủa này biết đi?”

Sau một thời gian, các nhóm đồng minh lỏng lẻo bắt đầu hình thành. Phần lớn các phòng tài chính khám phá ra họ có nhiều quyền lợi chung, nên họ liền dàn xếp mọi bất đồng, và liên minh để chống lại phòng Kế hoạch Dài hạn.

Khi chiếc xe cảnh sát đầu tiên tới nơi, mười sáu viên đạn từ nhiều hướng khác nhau đã bắn vào bộ tản nhiệt của nó trước khi nó kịp lên hết nửa lối xe chạy. Hai viên đạn nữa phạt bay ăngten thu thanh của nó, nhưng họ đã quá muộn, quá muộn.

Mary Hodges vừa đặt điện thoại xuống thì Crowley mở cửa văn phòng của bà.

“Chắc là bọn khủng bố,” bà quát. “Hoặc săn trộm.” Bà ngó nhìn bọn họ. “Các vị là cảnh sát, đúng không?” bà nói.

Crowley thấy mắt bà bắt đầu mở lớn.

Như mọi con quỷ khác, hắn có khả năng nhớ mặt rất tốt, dù đã qua mười một năm, dù không còn cái khăn trùm, và lại thêm một lớp son phấn khá dày. Hắn búng ngón tay. Bà liền ngồi xuống ghế, mặt biến thành một cái mặt nạ đờ đẫn và ngoan ngoãn.

“Không cần làm thế đâu,” Aziraphale nói.

“Chào” - Crowley liếc nhìn đồng hồ - “buổi sáng, thưa bà,” hắn nói, giọng ngân nga. “Chúng tôi là hai sinh vật siêu nhiên, và chúng tôi đang tự hỏi bà có thể giúp chúng tôi tìm ra chỗ ở của Con Trai Satan khét tiếng hay không.” Hắn lạnh lùng mỉm cười với vị thiên thần. “Tôi sẽ đánh thức bà ta dậy nhé? Và anh có thể hỏi câu đó.”

“Ờ. Nếu anh đã nói thế…” vị thiên thần chậm rãi nói.

“Đôi khi kiểu cũ là tốt nhất,” Crowley nói. Hắn quay lại nhìn người phụ nữ bình thản.

“Có phải mười một năm trước bà là nữ tu ở đây không?” hắn hỏi.

“Vâng,” Mary đáp.

“Đấy!” Crowley nói với Aziraphale. “Thấy chưa? Tôi biết tôi không nhầm mà.”

“Đúng là may như quỷ,” vị thiên thần lầm bầm.

“Hồi đấy tên bà là Xơ Nói Nhiều. Hay gì đó đại loại thế.”

“Lắm Mồm,” Mary Hodges nói bằng giọng trống rỗng.

“Và bà có nhớ một vụ đánh tráo trẻ sơ sinh không?” Crowley hỏi.

Mary Hodges ngần ngừ. Khi bà lên tiếng, các ký ức cứ như thể đã bị đóng vảy và giờ mới bị chọc vào sau bao nhiêu năm.

“Có,” bà đáp.

“Liệu có khả năng vụ đánh tráo có gì nhầm lẫn không?”

“Tôi không biết.”

Crowley ngẫm nghĩ một chút. “Chắc các bà phải có hồ sơ,” hắn nói. “Lúc nào cũng có hồ sơ. Ngày nay ai mà chả có hồ sơ.” Hắn tự hào liếc nhìn Aziraphale. “Đó là một trong những ý tưởng tuyệt vời của tôi đấy.”

“Ồ, có,” Mary Hodges nói.

“Và chúng đâu?” Aziraphale ngọt ngào hỏi.

“Có một vụ hỏa hoạn ngay sau ca sinh nở.”

Crowley rên lên và vung hai tay lên trời. “Chắc là do Hastur,” hắn nói. “Đó là phong cách của hắn. Anh có tin nổi mấy gã đấy không? Tôi dám cá hắn nghĩ là mình đã rất thông minh đấy.”

“Bà có nhớ gì về đứa trẻ kia không?” Aziraphale hỏi.

“Có.”

“Cho tôi biết đi.”

“Ngài có những ngón chân xinh xỉnh xình xinh.”

“À.”

“Và ngài rất dễ thương,” Mary Hodges nói vẻ nuối tiếc.

Có tiếng còi báo động bên ngoài, rồi bỗng tắt ngấm khi bị một viên đạn bắn trúng. Aziraphale huých Crowley.

“Nhanh lên,” y nói. “Cảnh sát sắp kéo đến đầy chỗ này rồi, và tất nhiên tôi sẽ có nghĩa vụ đạo đức phải giúp họ vụ thẩm vấn đấy.” Y ngẫm nghĩ hồi lâu. “Có lẽ bà ta còn nhớ được có người phụ nữ nào khác sinh con ở đây đêm đó không, và…”

Có tiếng chân rầm rập dưới nhà.

“Bắt họ dừng lại đi,” Crowley nói. “Chúng ta cần thêm thời gian!”

“Dùng thêm phép nữa là chúng ta sẽ bị Trên Kia để ý đấy,” Aziraphale nói. “Nếu anh *thực sự* muốn Gabriel hoặc ai đó băn khoăn xem tại sao bốn mươi viên cảnh sát bỗng nhiên lại ngủ thiếp đi thì…”

“Thôi được,” Crowley nói. “Vậy thôi. Vậy thôi. Cũng đáng thử. Ra khỏi đây thôi.”

“Ba mươi giây nữa bà sẽ tỉnh dậy,” Aziraphale nói với bà cựu nữ tu bị phù phép. “Và bà sẽ vừa có một giấc mơ tuyệt vời về bất kỳ điều gì bà thích nhất, và…”

“Ừ, ừ, được rồi,” Crowley thở dài. “Giờ chúng ta đi được chưa?”

Không ai nhận thấy họ rời đi cả. Cảnh sát đang quá bận rộn dẫn đi bốn mươi tay quản lý tập sự đang phê adrenalin, điên cuồng chiến đấu. Ba chiếc xe tải cảnh sát đã để lại rãnh sâu trên bãi cỏ, và Aziraphale bắt Crowley lùi lại để nhường chỗ cho chiếc xe cứu thương đầu tiên, nhưng rồi chiếc Bentley cũng lao vào màn đêm. Sau lưng họ, nhà hóng mát và vọng lâu đã cháy bùng.

“Chúng ta đã thực sự để người phụ nữ khốn khổ đó lại trong một tình cảnh thật khủng khiếp,” vị thiên thần nói.

“Anh nghĩ thế à?” Crowley nói, cố đâm vào một con nhím nhưng trượt. “Các đơn đặt chỗ sẽ tăng gấp đôi, nhớ lời tôi đấy. Nếu bà ta tận dụng được cơ hội, xử lý các đơn miễn trách nhiệm, giải quyết tất cả những chỗ dính đến luật. Đào tạo năng lực bằng súng thật ư? Họ sẽ xếp hàng lũ lượt.”

“Tại sao lúc nào anh cũng yếm thế như vậy?”

“Tôi đã bảo rồi. Vì đó là *công việc* của tôi.”

Họ im lặng lái xe hồi lâu. Rồi Aziraphale nói, “Lẽ ra nó sẽ tự xuất hiện chứ nhỉ? Lẽ ra chúng ta phải phát hiện ra nó bằng một cách nào đó.”

“Nó sẽ không xuất hiện đâu. Với chúng ta thì không. Là lớp ngụy trang bảo vệ. Nó thậm chí còn không biết, nhưng quyền năng của nó sẽ che giấu nó khỏi sự tò mò của những thế lực huyền bí.”

“Những thế lực huyền bí ấy à?”

“Anh và tôi ấy,” Crowley giải thích.

“Tôi đâu có huyền bí,” Aziraphale nói. “Thiên thần không huyền bí. Chúng tôi siêu thoát.”

“Sao cũng được,” Crowley gắt, quá lo lắng chẳng muốn bắt bẻ.

“Thế có cách nào khác để tìm ra nó không?”

Crowley nhún vai. “Tôi chịu,” hắn nói. “Anh nghĩ tôi có bao nhiêu kinh nghiệm trong mấy vụ này? Tận thế chỉ xảy ra có một lần thôi. Họ đâu có cho ta diễn tập.”

Vị thiên thần nhìn ra hai bờ giậu đang lao qua vùn vụt.

“Tất cả thật thanh bình biết bao,” y nói. “Anh nghĩ *nó* sẽ xảy ra thế nào?”

“Ờ, tuyệt chủng do hạt nhân khá được ưa chuộng từ trước tới giờ. Nhưng tôi phải nói là các ông lớn dạo này đang khá lịch sự với nhau.”

“Thiên thạch rơi chăng?” Aziraphale hỏi. “Theo tôi biết thì ngày nay chuyện đó khá thời thượng. Rơi đúng Ấn Độ Dương,

một đám mây bụi và hơi nước khổng lồ bốc lên, tạm biệt mọi dạng sống cao cấp."

"Chà," Crowley nói, chú ý đi quá tốc độ cho phép. Được tí nào hay tí ấy.

"Chỉ nghĩ tới thôi đã không chịu nổi rồi, phải không," Aziraphale rầu rĩ nói.

"Mọi dạng sống cao cấp bị chém vèo đi một phát, thế là hết."

"Thật kinh khủng."

"Chẳng còn lại gì ngoài bụi và bọn cuồng tín."

"Xấu tính vậy."

"Xin lỗi. Tôi không đừng được."

Họ nhìn ra đường.

"Hay là khủng bố...?" Aziraphale mở lời.

"Phe tôi thì không," Crowley nói.

"Phe tôi cũng không," Aziraphale nói. "Mặc dù người của chúng tôi là các giải phóng quân, tất nhiên rồi."

"Tôi nói thế này nhé," Crowley nói, phóng xe khét lẹt trên đường vòng Tadfield. "Ngửa bài đi. Tôi sẽ cho anh biết về người của tôi nếu anh cho tôi biết người của anh."

"Được rồi. Anh nói trước."

"Ồ, không. Anh trước."

"Nhưng anh là quỷ."

"Phải, nhưng là một tên quỷ biết giữ lời, tôi hy vọng là thế."

Aziraphale kể tên năm nhà lãnh đạo chính trị. Crowley kể tên sáu người. Ba cái tên xuất hiện trên cả hai danh sách.

"Thấy chưa?" Crowley nói. "Tôi vẫn nói còn gì. Chúng là một lũ khốn ranh ma, con người ấy. Không thể tin được chúng."

"Nhưng tôi không nghĩ có người nào phe tôi có kế hoạch gì lớn," Aziraphale nói. "Chỉ vài vụ khủng... vài vụ biểu tình chính trị nho nhỏ thôi," y sửa lại.

"À," Crowley chua chát nói. "Ý anh là không phải mấy vụ giết người sản xuất hàng loạt rẻ tiền này chứ gì? Chỉ là các dịch vụ cá

nhân, mỗi viên đạn đều được bắn ra bởi một nghệ nhân rất có tay nghề chứ gì?"

Aziraphale không cắn câu. "Giờ chúng ta sẽ làm gì đây?"

"Cố ngủ một chút."

"Anh không cần ngủ. Tôi không cần ngủ. Cái ác không bao giờ ngủ, còn Cái Thiện thì luôn cảnh giác."

"Cái Ác chung chung thì có thể. Còn cái ác này thì đã có thói quen thỉnh thoảng đặt đầu xuống rồi." Hắn nhìn chằm chằm vào luồng đèn pha. Chẳng mấy chốc nữa sẽ đến lúc ngủ nghê là hoàn toàn bất khả. Khi những kẻ Bên Dưới phát hiện ra rằng chính hắn đã để lạc mất Kẻ chống Chúa, chắc họ sẽ đào lại bằng hết những báo cáo của hắn về Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha và thử các trò đó với hắn, từng trò một, rồi sau đó tất cả cùng một lúc.

Hắn lục lọi trong ngăn đựng găng tay, hú họa rút ra một cuộn băng và nhét nó vào đài. Một chút âm nhạc sẽ...

... Bee-elzebub has a devil put aside for me, for me[(*)]...

"Cho tôi," Crowley lầm bầm. Mặt hắn đờ ra trong chốc lát. Rồi hắn thét lên một tiếng nghèn nghẹn và vặn nút bật-tắt.

"Tất nhiên, chúng ta có thể nhờ một con người tìm ra nó," Aziraphale trầm tư nói.

"Gì cơ?" Crowley lơ đãng nói.

"Con người giỏi tìm ra con người. Họ đã làm thế suốt hàng ngàn năm nay. Và đứa bé đó là con người. Đồng thời cũng là... anh biết đấy. Nó bị giấu khỏi chúng ta, nhưng những con người khác có thể... ờ, cảm nhận được nó, có lẽ vậy. Hoặc phát hiện ra những điều chúng ta không ngờ tới."

"Vô ích thôi. Nó là Kẻ Chống Chúa! Nó có... năng lực phòng thủ tự động, đúng không? Dù nó *không* biết điều đó. Năng lực đó thậm chí còn không để người ta nghi ngờ nó nữa là. Chưa đâu. Phải đợi đến khi nó sẵn sàng. Mọi nghi ngờ sẽ chuội khỏi thằng bé như là... như là nước chuội khỏi cái gì đó," hắn ỉu xìu nói nốt.

"Thế anh có ý nào hay hơn không? Một ý thôi cũng được?"

"Không."

“Được rồi. Cách này có thể có tác dụng. Đừng bảo tôi là anh không có tổ chức vỏ bọc nào có thể dùng được. Tôi biết là tôi có. Chúng ta có thể xem họ có lần ra manh mối nào không.”

“Thế họ có thể làm gì mà chúng ta không làm được?”

“Ờ, trước tiên là họ sẽ không để mọi người bắn lẫn nhau hoặc thôi miên những người phụ nữ đáng kính, họ…”

“Được rồi. Được rồi. Nhưng cơ may của ta còn chẳng được bằng của một quả bóng tuyết dưới Địa ngục đâu. Tin tôi đi, tôi biết. Nhưng tôi không thể nghĩ ra ý gì hay hơn.” Crowley rẽ lên đường cao tốc và hướng về London.

“Tôi có một… một hệ thống các đặc vụ,” lát sau Aziraphale nói. “Trải rộng khắp đất nước. Một lực lượng rất kỷ luật. Tôi có thể bảo họ bắt đầu tìm kiếm.”

“Tôi, ờ, cũng có một thứ tương tự,” Crowley thừa nhận. “Anh biết rồi đấy, ai mà biết được khi nào thì họ có thể hữu ích…”

“Chúng ta nên báo động cho họ. Anh có nghĩ họ nên làm việc với nhau không?”

Crowley lắc đầu.

“Tôi nghĩ như vậy sẽ không phải ý hay đâu,” hắn nói. “Họ không khôn ngoan lắm, nói về mặt chính trị ấy.”

“Thế thì chúng ta sẽ liên lạc với người của mình và xem họ có thể làm được gì.”

“Tôi đoán là cũng đáng thử,” Crowley nói. “Không phải là vì tôi hết việc để làm đâu, có Chúa biết đấy.”

Trán hắn nhăn lại một thoáng, rồi hắn đắc thắng vỗ lên vô lăng.

“Đầu vịt!” hắn reo lên.

“Gì cơ?”

“Là cái mà nước trượt khỏi ấy!”

Aziraphale hít một hơi thật sâu.

“Làm ơn tập trung vào lái xe,” y mệt mỏi nói.

Họ lái xe trở về qua buổi bình minh, trong khi đài bật bản Thánh lễ cung Si thứ của J. S. Bach, giọng ca F. Mercury.

Crowley rất thích thành phố vào buổi sáng sớm. Dân cư lúc này chủ yếu chỉ gồm toàn những người có công việc thực sự và lý do thực sự để có mặt ở đó, chứ không như hàng triệu những kẻ thừa thãi sau tám giờ sáng mới lê lết kéo đến, và các con phố hầu như rất vắng lặng. Có hai vạch vàng cấm đỗ xe trên con phố hẹp bên ngoài hiệu sách của Aziraphale, nhưng chúng ngoan ngoãn tự cuộn vào khi chiếc Bentley dừng lại bên vỉa hè.

"Thế nhé," hắn nói, khi Aziraphale lấy áo khoác từ ghế sau. "Chúng ta sẽ giữ liên lạc. Được chứ?"

"Cái gì đây?" Aziraphale hỏi, giơ lên một bọc hình chữ nhật màu nâu.

Crowley nheo mắt nhìn nó. "Một cuốn sách à?" hắn nói. "Không phải của tôi."

Aziraphale lật giở vài trang giấy ô vàng. Những cái chuông nhỏ xíu rung lên sâu thẳm trong đầu óc mê sách của y.

"Chắc là của cô gái đó," y chậm rãi nói. "Lẽ ra chúng ta phải xin địa chỉ của cô ấy."

"Nghe này, tôi đã gặp đủ rắc rối rồi, tôi không muốn bị đồn là còn đi trả đồ bị mất cho chủ cũ nữa," Crowley nói.

Aziraphale giở đến trang bìa có nhan đề. Thật là may mắn. Crowley không nhìn thấy vẻ mặt y.

"Tôi đoán là anh có thể gửi nó đến bưu điện ở đó," Crowley nói, "nếu anh thấy bắt buộc phải làm thế. Đề địa chỉ người nhận là cô gái dở hơi đi xe đạp. Đừng bao giờ tin một người phụ nữ đặt những cái tên kỳ cục cho phương tiện giao thông..."

"Ừ, ừ, chắc chắn rồi," vị thiên thần nói. Y loay hoay tìm chìa khóa, đánh rơi chúng xuống vỉa hè, nhặt chúng lên, lại đánh rơi chúng, và vội vã đến bên cửa.

"Giữ liên lạc nhé?" Crowley gọi với theo y.

Aziraphale đang vặn chìa khóa thì dừng lại.

"Gì cơ?" y nói. "À. ừ. Được. Tốt lắm." Rồi y đóng sập cửa lại.

"Được," Crowley lẩm bẩm, đột nhiên cảm thấy hết sức cô đơn.

Ánh đèn pin lập lòe trên các lồi mòn.

Vấn đề của việc cố tìm một cuốn sách bìa nâu giữa đám lá nâu và lớp nước nâu dưới đáy cái mương đất nâu trong ánh sáng nâu, ờ, xam xám của buổi bình minh, đó là ta không thể tìm nổi.

Nó không có đó.

Anathema thử mọi cách tìm kiếm mà cô có thể nghĩ ra. Cô đã lùng sục khoảng đất một cách hết sức cẩn thận. Cô đã hú họa chọc ngoáy trong đám dương xỉ bên vệ đường. Cô đã vơ vẩn đi xiên và liếc nhìn qua khóe mắt. Cô thậm chí còn thử cái cách mà mọi dây thần kinh lãng mạn trong cơ thể cô đều khăng khăng là sẽ có tác dụng, tức là bỏ cuộc rất kịch, ngồi xuống, và để cái nhìn của cô tự nhiên chạm vào một khoảng đất mà, nếu cô đang ở trong một câu chuyện ra hồn, thì cuốn sách lẽ ra phải nằm ở đó.

Nó không có ở đó.

Có nghĩa là, đúng như cô đã lo sợ từ đầu, có lẽ cuốn sách đang nằm ở sau ghế xe của hai người thợ sửa xe đạp rất sốt sắng kia.

Cô có thể cảm thấy hàng bao thế hệ con cháu của Agnes Nutter đang cười nhạo cô.

Ngay cả nếu hai người kia có đủ thật thà mà muốn trả lại cuốn sách thì họ cũng sẽ chẳng mất công đi tìm một căn nhà họ chỉ thấy thoáng qua trong màn đêm.

Hy vọng duy nhất là họ không biết mình đang có gì trong tay.

Aziraphale, như nhiều thương nhân ở Soho chuyên về các loại sách hiếm cho những người sành sỏi, có một phòng hậu, nhưng sách ở đó bí truyền hơn nhiều so với bất kỳ thứ gì thường thấy trong một cái túi bọc nylon hút chân không dành cho vị Khách hàng Biết rõ Mình Muốn Gì.

Y đặc biệt tự hào về những cuốn sách tiên tri của mình.

Thường là ấn bản đầu tiên.

Và cuốn nào cũng có chữ ký.

Y có Robert Nixon[(*)], và Martha người gypsy, và Ignatius Sybilla, và Ottwell Binns Già. Nostradamus đã ký, "Tặng hiền huynh Azerafel của mỗ, với những lời chúc tốt đẹp nhất"; Má Shipton đã đánh đổ rượu lên ấn bản của y; và trong một cái tủ điều hòa ở góc phòng là một cuộn giấy với nét chữ viết tay run run của Thánh John Linh thiêng xứ Patmos, cuốn "Khải huyền" của ông ta đã là tác phẩm bán chạy nhất mọi thời đại. Aziraphale thấy ông ta khá dễ mến, chỉ phải cái hơi mê các loại nấm lạ.

Cuốn mà bộ sưu tập của y *không* có, là một bản *Những Lời Tiên tri Tuyệt đích và Chuẩn xác của Agnes Nutter*, và Aziraphale bước vào phòng, tay nâng niu cuốn sách như một tay say mê sưu tầm tem nâng một con tem Mauritius Xanh[(*)] vừa xuất hiện trên tấm bưu thiếp bà dì vừa gửi đến vậy.

Y thậm chí còn chưa bao giờ tận mắt nhìn thấy một cuốn, nhưng y đã nghe nói đến nó. Tất cả mọi người trong nghề, và vì đây là một nghề cực kỳ chuyên biệt nên nhóm này chỉ có độ chục người, đều đã nghe nói đến nó. Sự tồn tại của cuốn sách này là một khoảng chân không mà quanh đó vô số câu chuyện kỳ lạ đã bay vòng vòng suốt hàng trăm năm nay. Aziraphale nhận ra là y không chắc ta có thể bay quanh một khoảng chân không hay không, nhưng y không quan tâm; *Những Lời Tiên tri Tuyệt đích và Chuẩn xác* khiến cho bộ nhật ký của Hitler[(*)] nhìn như, ờ, như một mớ hàng lởm vậy.

Tay y hầu như không run khi y đặt cuốn sách xuống một cái ghế băng, đeo vào một đôi găng tay y tế bằng cao su, và thành kính mở cuốn sách ra. Aziraphale là thiên thần, nhưng y cũng tôn thờ sách nữa.

Trang bìa đề chữ:

NHỮNG LỜI TIÊN TRI TUYỆT ĐÍCH VÀ CHUẨN XÁC CỦA AGNES NUTTER

Bên dưới là chữ nhỏ hơn một chút:

Các Sự kiện Cụ thể và Chính xác từ Thời Hiện tại đến Ngày Tận thế

Chữ to hơn một chút:

Bao gồm Nhiều Điều Kỳ diệu và Châm ngôn Phong phú cho người Thông thái

Phông chữ khác:

Hoàn chỉnh hơn bất kỳ ấn bản nào trước đây

Chữ nhỏ hơn nhưng in hoa:

VIẾT VỀ TƯƠNG LAI KỲ LẠ

Chữ in nghiêng vẻ hơi tuyệt vọng:

Và các sự kiện Vô cùng Kỳ diệu

Lại thêm chữ to nữa: “Gợi nhớ tới Nostradamus ở thời đỉnh cao” — Ursula Shipton

Những lời tiên tri được đánh số, và có hơn bốn ngàn câu.

“Bình tĩnh, bình tĩnh nào,” Aziraphale lẩm bẩm. Y vào căn bếp nhỏ và pha cho mình một cốc ca cao, rồi hít mấy hơi thật sâu.

Rồi y quay lại và đọc ngẫu nhiên một lời tiên tri.

Bốn mươi phút sau, cốc ca cao vẫn chưa được đụng đến.

Người phụ nữ tóc đỏ ở góc quầy bar khách sạn là phóng viên chiến trường thành công nhất thế giới. Giờ ả có hộ chiếu mang tên Carmine Zuigiber; và ả đi đến bất kỳ đâu có chiến tranh.

Ờ. Đại loại thế.

Thật ra khi ả đến thì chiến tranh chưa xảy ra. Chiến tranh xảy ra khi ả đã có mặt ở đó rồi.

Ả không nổi tiếng lắm, trừ ở những nơi đáng kể. Khi nửa tá phóng viên chiến trường ngồi lại với nhau ở một quán bar trong sân bay, cuộc trò chuyện của họ, như cái la bàn luôn chỉ về hướng bắc, sẽ nhắc tới Murchison của tờ *Thời báo New York*, tới Van Home của tờ *Tuần báo*, tới Anforth của *Tin tức I.T.N.* Các Phóng viên Chiến trường của các phóng viên chiến trường.

Nhưng khi Murchison, Van Home và Anforth đụng nhau trong một túp lều tôn cháy rụi ở Beirut, hoặc Afghanistan, hoặc Sudan, sau khi họ đã trầm trồ trước các vết sẹo của nhau và làm

vài chén, họ sẽ kể cho nhau nghe những giai thoại đáng kính sợ về Zuigiber "Đỏ", của tờ *Tuần báo Thế giới Quốc gia*.

"Tờ lá cải ngu độn đó," Murchison thường nói, "nó đếch biết mình đang có trong tay cái gì."

Thật ra tờ *Tuần báo Thế giới Quốc gia* biết rõ mình đang có cái gì: nó có một Phóng viên Chiến trường. Nó chỉ không biết tại sao hay phải làm gì, một khi đã có ả.

Một tờ *Tuần báo Thế giới Quốc gia* điển hình sẽ đăng tin về việc một cái bánh Big Mac do ai đó mua ở Des Moines có hình mặt Chúa Jesus, kèm theo hình minh họa cái bánh; về việc Elvis Presley đã được nhìn thấy đang làm việc ở một quán Burger Lord ở Des Moines; về việc một bà nội trợ ở Des Moines đã khỏi ung thư nhờ nghe nhạc Elvis; về việc những con ma sói đang tấn công vùng Trung Tây vốn là con cái của những người phụ nữ quý tộc thời khai hoang đã bị hãm hiếp bởi quái vật Chân To; và về việc Elvis đã bị Người Ngoài Hành tinh bắt đi vào năm 1976 vì ông quá tốt đẹp cho thế giới này.(*)

Đó là tờ *Tuần báo Thế giới Quốc gia*. Họ bán được bốn triệu bản mỗi tuần, và họ cần một Phóng viên chiến trường cũng như họ cần một bài phỏng vấn độc quyền với Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc vậy.(*)

H: Vậy ngài là Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc?

Đ: *Si*.

H: Đã bao giờ nhìn thấy Elvis chưa?

Vậy là họ trả cho Zuigiber Đỏ một khoản lương kếch xù để tìm những cuộc chiến tranh, và lờ đi những cái phong bì dày cộm, được đánh máy rất tồi mà thỉnh thoảng ả gửi về từ khắp nơi trên thế giới để chứng nhận cho các yêu cầu công tác phí - mà nhìn chung là khá hợp lý - của ả.

Họ cảm thấy mình có lý do chính đáng để làm vậy, vì theo họ thấy thì ả không phải là một phóng viên chiến trường giỏi cho lắm, dù chắc chắn là người hấp dẫn nhất, mà điều đó thì lại rất quan trọng đối với tờ *Tuần báo Thế giới Quốc gia*. Các bản tin chiến tranh của ả luôn viết về một đám người bắn một đám

người khác, chẳng thế hiện chút hiếu biết thực sự về những hậu quả chính trị rộng lớn hơn, và quan trọng hơn, bài của ả tuyệt chẳng có tí tính người nào.

Thỉnh thoảng họ sẽ đưa một bài báo của ả cho một biên tập viên sửa lại. ("Chúa Jesus đã xuất hiện trước mặt cậu bé Manuel Gonzalez chín tuổi giữa một trận đánh dàn quân ở Rio Concorsa, và bảo cậu về nhà vì mẹ cậu đang lo lắng cho cậu. 'Cháu biết đó là Chúa Jesus,' cậu bé can đảm nói, 'vì nhìn Người giống hệt như khi hình của Người hiện ra trên hộp đựng bánh kẹp của cháu một cách thần kỳ.' ")

Phần lớn thời gian tờ *Tuần báo Thế giới Quốc gia* để mặc ả muốn làm gì thì làm, và cẩn thận xếp các bài báo của ả vào sọt rác.

Murchison, Van Home và Anforth không quan tâm đến chuyện đó. Họ chỉ biết là bất kỳ khi nào một cuộc chiến tranh nổ ra, Zuigiber sẽ có mặt ở đó đầu tiên. Thực ra là có mặt *trước mới đúng*.

"Cô ta làm cách nào vậy?" họ kinh ngạc hỏi nhau. "Cô ta làm thế quái nào vậy?" Và mắt họ chạm nhau trao đổi điều sẽ không nói thành lời: Nếu ả là một chiếc xe hơi thì ả sẽ mang mác Ferrari, ả là kiểu phụ nữ ta nghĩ sẽ phải là phu nhân xinh đẹp của một tổng tư lệnh tham ô ở một đất nước đang sụp đổ nào đó thuộc Thế giới Thứ ba, thế mà ả lại ngồi cùng những gã như chúng ta. Chúng ta thật may mắn, nhỉ?

Zuigiber chỉ mỉm cười và mua một chầu rượu nữa cho tất cả, do *Tuần báo Thế giới Quốc gia* trả tiền. Và ngắm những trận ẩu đả nổ ra xung quanh ả. Và mỉm cười.

Ả đã đúng. Báo chí hợp với ả.

Dù thế, ai cũng cần nghỉ ngơi, và Zuigiber Đỏ đang có kỳ nghỉ đầu tiên trong vòng mười một năm.

Ả đang ở trên một hòn đảo nhỏ ở Địa Trung Hải nơi người dân kiếm sống chủ yếu bằng du lịch, và riêng điều đó cũng đã là một sự lạ. Đỏ nhìn giống kiểu phụ nữ mà, nếu ả đi nghỉ ở hòn đảo nào nhỏ hơn nước Úc, thì đó là vì ả là bạn của chủ nhân đảo

ấy. Và nếu một tháng trước, bạn nói với bất kỳ người dân đảo nào rằng chiến tranh đang đến thì người đó sẽ cười nhạo bạn và tìm cách bán cho bạn một cái giỏ đựng rượu đan bằng mây hoặc một bức tranh cái vịnh làm bằng vỏ sò; đó là khi ấy.

Còn bây giờ.

Giờ đây, một chia rẽ sâu sắc về tôn giáo-chính trị, liên quan đến việc họ không thuộc về quốc gia nào trong bốn quốc gia đại lục, đã xẻ hòn đảo thành ba phe phái, phá hủy bức tượng Santa Maria ở quảng trường thị trấn, và làm ngành du lịch hoàn toàn tiêu tùng.

Zuigiber Đỏ ngồi trong quán bar của khách sạn de Palomar del Sol, uống một thứ tạm gọi là cocktail. Ở một góc, một nhạc công mệt mỏi đang chơi dương cầm, và một gã bồi bàn đội chỏm tóc che chỗ hói đang ê a hát vào micro:

"AAAAA AAAAAAAngày…xửa…ngày…xưa…có…một

CHÚ BÒÒÒ TRẮNG NHỎ

AAAAAAAAAAArất…buồn…vì…nó…là

CHÚ BÒÒÒ TRẮNG NHỎ…"

Một người đàn ông lao qua cửa sổ, ngậm một con dao giữa hai hàm răng, một tay cầm một khẩu súng trường tự động Kalashnikov, tay kia cầm một quả lựu đạn.

"Ta chiếng khắc sạng nhày nhâng dăng…" gã ngừng lại. Gã bỏ con dao ra khỏi miệng và nói lại. "Ta chiếm khách sạn này nhân danh Phe Giải phóng ủng hộ Thổ Nhĩ Kỳ!"

Hai khách du lịch cuối cùng còn lại trên đảo[(*)] chui xuống dưới bàn. Đỏ dửng dưng nhấc quả anh đào ngâm đường trong ly rượu, đưa nó lên đôi môi đỏ thắm và chậm rãi mút nó khỏi cái que theo một cách khiến mấy người đàn ông trong phòng toát mồ hôi lạnh.

Tay nhạc công đứng lên, thò tay vào trong chiếc dương cầm, và rút ra một khẩu tiểu liên loại cũ. "Khách sạn này đã bị chiếm nhân danh Lữ đoàn Địa phương thân Hy Lạp!" gã gào lên. "Thử nhúc nhích xem, tao sẽ bắn cho mày thành tổ đỉa luôn!"

Ngoài cửa nhốn nháo. Một nhân vật to lớn, râu đen, với nụ cười để lộ hàm răng vàng chóe và một khẩu Gatling cổ thứ thiệt đang đứng đó, sau lưng là một nhóm người cũng to con không kém nhưng trang bị vũ khí không ấn tượng bằng.

“Khách sạn có tầm quan trọng chiến lược này, từ nhiều năm nay đã là biểu tượng của ngành du lịch tay sai cho bọn đế quốc phát xít Thổ-Hy Lạp, giờ thuộc sở hữu của Quân Kháng chiến Ý-Malta!” gã hào hứng quát to. “Chúng ta sẽ giết sạch bọn mi!”

“Nói láo!” tay nhạc công nói. “Nó chẳng quan trọng chiến lược gì sất. Chỉ có một cái hầm rượu đầy tràn thôi!”

“Hắn nói đúng đấy, Pedro,” gã cầm khẩu Kalashnikov nói. “Chính vì vậy mà phe tao mới muốn có nó. Tướng Ernesto de Montoya đã bảo tao, ngài bảo, Fernando này, đến thứ Bảy này là chiến tranh sẽ kết thúc, anh em sẽ muốn được ăn mừng. Cậu chạy xuống khách sạn de Palomar del Sol và chiếm nó làm chiến lợi phẩm, được không?”

Gã có râu đỏ bừng mặt. “Nó có quan trọng về mặt chiến lược, Fernando Chianti! Tao đã vẽ một tấm bản đồ to của toàn bộ đảo và nó nằm ngay chính giữa, tức là nó cực kỳ quan trọng về mặt chiến lược, tao bảo cho mà biết.”

“Ha!” Fernando vặc lại. “Thế thì mày cũng có thể bảo là nhà của Nhóc Diego quan trọng về mặt chiến lược, vì từ đó có thể nhìn ra được bãi tắm tiên trụy lạc của bọn tư bản!”

Tay nhạc công đỏ mặt tía tai. “Phe tao đã chiếm được chỗ đó sáng nay rồi,” gã thừa nhận.

Im lặng.

Trong im lặng, có một tiếng sột soạt khe khẽ của vải lụa. Đỏ vừa duỗi chân ra.

Yết hầu tay nhạc công nhấp nhô lên xuống. “Ờ, nó khá quan trọng về mặt chiến lược mà,” gã lắp bắp, cố không để ý đến người phụ nữ ngồi bên quầy. “Ý tao là, nếu có kẻ nào đỗ tàu ngầm ở đó, thì sẽ cần một chỗ từ đó quan sát được hết.”

Im lặng.

“Ít ra nó cũng quan trọng về mặt chiến lược hơn là cái khách sạn này,” gã kết luận.

Pedro ho một tiếng đầy hăm dọa. “Thằng nào mở miệng nói *một câu*. *Bất kỳ* câu gì. Sẽ chết ngay.” Gã nhăn nhở cười. Nhấc nhấc khẩu súng lên tay. “Rồi. Giờ thì… tất cả áp lưng vào bức tường đằng kia.”

Không ai nhúc nhích. Họ không nghe gã nói nữa. Họ đang lắng nghe một tiếng rì rầm trầm trầm, nghe không rõ, vang lên từ hành lang sau lưng gã, khe khẽ và đều đều.

Đám quân lính ở ngưỡng cửa bỗng nhốn nháo. Hình như họ đang cố hết sức để đứng nghiêm, nhưng họ đang bị đẩy sang bên mà không cưỡng lại được bởi tiếng rì rầm kia, giờ đã biến thành những âm thanh rõ ràng. “Đừng bận tâm đến tôi, các anh, đúng là một đêm vất vả, nhỉ? Vòng quanh đảo ba lần, suýt không tìm được địa chỉ, ai đó không tin vào biển chỉ đường hay sao ấy nhỉ? Nhưng cuối cùng cũng tìm thấy, phải dừng xe hỏi đường bốn lần cơ đấy, rốt cục phải hỏi ở bưu điện, ở bưu điện họ luôn biết, nhưng phải vẽ cả bản đồ nữa, nó ở đâu đây thôi…”

Bình thản lướt qua những gã đàn ông cầm súng, như một con cá chó bơi qua ao cá hồi đốm, là một người đàn ông nhỏ thó, đeo kính, mặc bộ đồng phục màu xanh dương, tay ôm một gói đồ dài, mảnh, bọc giấy nâu, buộc dây. Nhượng bộ duy nhất của ông đối với khí hậu ở đây là đôi dép xăng đan hở ngón bằng nhựa nâu, nhưng đôi tất len xanh ông đi bên dưới đã bộc lộ sự hoài nghi sâu thẳm và bẩm sinh của ông với thời tiết nước ngoài.

Đầu ông đội mũ lưỡi trai, trên có đề *Hỏa tốc Quốc tế* bằng chữ in to màu trắng.

Ông không có vũ khí, nhưng không ai chạm vào ông. Thậm chí còn không ai chĩa súng vào ông nữa. Họ chỉ trố mắt nhìn.

Người đàn ông nhỏ thó nhìn khắp quanh phòng, lướt qua các khuôn mặt, rồi cúi xuống nhìn lại tấm bảng kẹp giấy của mình; rồi ông tiến thẳng đến chỗ Đỏ, vẫn đang ngồi trên ghế bên quầy bar. “Cô có bưu phẩm, thưa cô,” ông nói.

Đỏ đón gói hàng và bắt đầu cởi sợi dây buộc ra.

Người giao hàng Hỏa tốc Quốc tế tế nhị ho khẽ một tiếng và chìa cho ả phóng viên một tập giấy biên nhận đã quăn mép và một cái bút bi nhựa màu vàng buộc vào bảng kẹp giấy bằng một mẩu dây. "Cô phải ký nhận, thưa cô. Ngay đây. Ghi tên đầy đủ ở đây, rồi ký vào đây."

"Tất nhiên rồi." Đỏ ký lên tờ biên nhận một chữ ký không đọc nổi, rồi ghi tên mình vào. Cái tên ả viết không phải là Carmine Zuigiber. Đó là một cái tên ngắn hơn nhiều.

Người đàn ông nhã nhặn cảm ơn ả, rồi đi ra, vừa đi vừa khẽ nói chỗ này đẹp thật, các anh ạ, tôi luôn tính sẽ đến đây đi nghỉ một chuyến, xin lỗi đã làm phiền, xin phép cho tôi qua... Và ông ra khỏi cuộc đời họ một cách bình thản như khi ông bước vào.

Đỏ đã mở gói hàng ra. Mọi người bắt đầu chen tới để nhìn cho rõ. Trong gói hàng là một thanh gươm lớn.

Ả ngắm kỹ thanh gươm. Đó là một thanh gươm rất bình thường, dài và sắc; nhìn nó vừa cũ kỹ vừa có vẻ không được dùng đến; và nó không có phụ kiện trang trí hay điểm nào ấn tượng. Nó không phải là một thanh gươm thần, không phải một món vũ khí kỳ bí đầy quyền lực và sức mạnh. Rõ ràng nó là một thanh gươm tạo ra để chém, cắt, tốt nhất là giết, nhưng nếu không được thì ít ra cũng gây sát thương một số lượng người rất lớn. Nó tỏa ra một vẻ hận thù và đe dọa mơ hồ.

Đỏ nắm chuôi gươm trong bàn tay phải được chăm chút cẩn thận, và nhấc nó lên ngang tầm mắt. Lưỡi gươm lóe sáng.

"Được *lắm!*" ả nói, rời khỏi ghế. "*Cuối cùng* cũng tới."

Ả uống nốt ly rượu, gác thanh gươm lên một vai, và nhìn quanh những phe phái đang bối rối, giờ đã vây quanh ả. "Xin lỗi vì phải bỏ lại các chàng trai," ả nói. "Ước gì có thể ở lại để ta hiểu nhau hơn."

Những kẻ trong phòng chợt nhận ra họ không muốn biết thêm về ả. Ả rất đẹp, nhưng đó là vẻ đẹp của một trận cháy rừng: một thứ để ta đứng ngắm từ xa, chứ không phải lại gần.

Và ả cầm thanh gươm, rồi nở nụ cười như một lưỡi dao.

Trong căn phòng đó có kha khá súng, và một cách chậm rãi, run rẩy, những khẩu súng được chĩa vào ngực, lưng và đầu ả.

Chúng vây tròn xung quanh ả.

“Cấm nhúc nhích!” Pedro quát, giọng khàn đục.

Tất cả những gã khác gật đầu.

Đỏ nhún vai. Ả bước tới trước.

Mọi ngón tay đặt trên cò súng lập tức co lại, gần như tự động. Chì và mùi thuốc nổ bay khắp không khí. Ly cocktail của Đỏ vỡ nát trong tay ả. Những tấm gương còn lại trong phòng nổ tung thành từng mảnh chết người. Một phần trần nhà rơi xuống.

Và rồi tất cả kết thúc.

Carmine Zuigiber quay lại nhìn những cái xác bao quanh ả như thể ả tuyệt không biết sao chúng lại có đó.

Ả liếm một vết máu - máu của ai đó - trên mu bàn tay bằng cái lưỡi đỏ thắm như lưỡi mèo. Rồi ả mỉm cười.

Và ả ra khỏi quầy bar, gót giày lách cách trên nền gạch như tiếng gõ búa từ xa vẳng lại.

Hai vị du khách bò ra từ dưới gầm bàn và nhìn cảnh tàn sát xung quanh.

“Chuyện này sẽ không xảy ra nếu chúng ta đi Torremolinos như mọi khi,” một người thiểu não nói.

“Người nước ngoài,” người kia thở dài. “Họ không giống chúng ta, Patricia ạ.”

“Thế là quyết định nhé. Năm tới chúng ta sẽ đi Brighton,” bà Threlfall nói, hoàn toàn không nhận thức được tầm quan trọng của chuyện vừa xảy ra.

Nó có nghĩa là sẽ không có năm tới nào hết.

Nó còn giảm khả năng sẽ có tuần tới nữa kia.

Thứ Năm

Có người mới chuyển đến làng.

Người mới luôn khiến Bọn Chúng[(*)] bận tâm và suy đoán, nhưng lần này Pepper có mấy tin khá ấn tượng.

"Cô ta chuyển đến Nhà Hoa Nhài và cô ta là phù thủy," con bé nói. "Tao biết vì bà Henderson dọn dẹp ở đó và kể với mẹ tao là cô ta đặt mua báo phù thủy. Cô ta cũng đặt mua báo thường nữa, nhưng cô ta có một tờ báo đặc biệt của phù thủy."

"Bố tao bảo trên đời làm gì có phù thủy," Wensleydale nói. Nó có mái tóc sáng màu lượn sóng và luôn nghiêm trang nhìn cuộc đời qua cặp kính gọng đen dày cộp. Có tin đồn là nó đã được rửa tội với cái tên Jeremy, nhưng không ai dùng cái tên đó, kể cả bố mẹ nó cũng chỉ gọi nó là Nhóc Tì. Họ làm vậy với niềm hy vọng tiềm thức là nó sẽ hiểu lời gợi ý đó; Wensleydale gây ấn tượng là nó được sinh ra với tâm hồn bốn mươi bảy tuổi.

"Tao không hiểu sao lại không được," Brian nói, nó có khuôn mặt tròn, tươi vui, dưới một lớp ghét dường như luôn thường trực. "Tao không hiểu sao phù thủy lại không được có báo riêng. Với tin tức về các phép thuật mới nhất, đại loại thế. Bố tao đặt mua *Báo Câu cá*, và tao dám cá là có nhiều phù thủy hơn người câu cá."

"Tờ báo tên là *Tin tức tâm linh*," Pepper xen vào.

"Đây không phải là phù thủy," Wensleydale nói. "Dì tao cũng có báo đấy. Đây chỉ toàn những chuyện uốn thìa với cả bói toán và những người nghĩ kiếp trước họ là Nữ hoàng Elizabeth Đệ Nhất thôi. Thật ra, chẳng còn phù thủy nữa đâu. Người ta phát minh ra thuốc men và các thứ đại loại thế và bảo phù thủy là không cần đến họ nữa rồi bắt đầu thiêu sống họ."

“Nó có thế có ảnh ếch và các thứ,” Brian nói, không muốn bỏ phí một ý tưởng hay. “Và… và các vụ bay thử chổi. Và một mục chuyên về mèo.”

“Lỡ dì mày là phù thủy thì sao,” Pepper nói. “Kiểu bí mật ấy. Ban ngày dì ấy là dì mày, còn ban đêm là phù thủy.”

“Dì *tao* thì không,” Wensleydale lầm lầm nói.

“Và công thức nấu ăn nữa,” Brian nói. “Các cách dùng cóc thừa.”

“Dào, im đi,” Pepper nói.

Brian khịt mũi. Nếu Wensley là người nói câu vừa rồi thì sẽ có một trận ẩu đả miễn cưỡng, như giữa bạn bè với nhau. Nhưng những đứa Bọn Chúng khác đã biết từ lâu rằng Pepper không coi mình bị ràng buộc bởi những thỏa thuận ngầm của các cuộc ẩu đả thân thiện. Nó có thể đá và cắn một cách chính xác không ngờ so với một con bé mười một tuổi. Hơn nữa, dù mới mười một tuổi, Bọn Chúng đã bắt đầu bị bối rối bởi cái ý niệm lờ mờ là chạm tay vào con bé Pep sẽ làm chúng bị hồi hộp bồn chồn theo một cách mà chúng còn chưa thực sự quen, ngoài việc phải hứng một cú đá nhanh như cắt sẽ hạ đo ván được cả Cậu bé Karate.

Nhưng có con bé trong nhóm cũng tốt. Chúng tự hào nhớ lại cái lần Johnson Bụng Mỡ[(*)] và nhóm của *nó* đã khích đểu chúng vì chơi với con gái. Pepper đã nổi cơn điên đến mức tối hôm đó mẹ Bụng Mỡ phải sang nhà nó than phiền.

Pepper coi nó, một thằng đực rựa khổng lồ, là một kẻ thù tự nhiên.

Con bé có mái tóc đỏ cắt ngắn và khuôn mặt không hẳn là đầy tàn nhang mà đúng hơn là một mảng tàn nhang lớn thỉnh thoảng điểm vài mẩu da.

Tên thật của Pepper là Pippin Galadriel Moonchild. Nó được trao cho những cái tên này trong một lễ đặt tên ở một cánh đồng thung lũng bùn lầy có ba con cừu ốm và mấy túp lều bạt bị dột. Mẹ nó đã chọn cái thung lũng Pant-y-Gyrdl[(*)] ở xứ Wales làm địa điểm lý tưởng để Trở về với Thiên nhiên. (Sáu tháng sau, ngấy

lên tận cố vì mưa, muỗi, đám đàn ông, những con cừu giẫm bẹp cả lều và ăn mất đầu tiên là vườn cần sa và sau đó là chiếc xe buýt mini cổ lỗ sĩ của họ, và giờ đã bắt đầu hiểu tại sao gần như toàn bộ xu thế của lịch sử loài người là sự nỗ lực để rời khỏi Thiên nhiên càng xa càng tốt, mẹ Pepper liền quay về với ông bà ngoại đang ngạc nhiên của nó ở Tadfield, mua một cái áo nịt ngực, và đăng ký một khóa xã hội học với một tiếng thở dài nhẹ nhõm.)

Chỉ có hai cách mà một đứa bé có thể sống với một cái tên như là Pippin Galadriel Moonchild, và Pepper đã chọn cách kia: ba đứa con trai trong Bọn Chúng đã học được điều này vào ngày đầu tiên đi học, trên sân trường, năm chúng lên bốn.

Chúng hỏi con bé tên nó là gì, và hết sức ngây thơ, nó cho chúng biết.

Sau đó họ phải dùng một xô nước mới gỡ được răng của Pippin Galadriel Moonchild ra khỏi giày của Adam. Cặp kính đầu tiên của Wensleydale bị vỡ, và áo len của Brian phải khâu năm mũi.

Bọn Chúng thân với nhau từ đó, và Pepper mãi mãi là Pepper, ngoại trừ với mẹ nó, và (khi chúng cảm thấy dạn dĩ đặc biệt, và Bọn Chúng không ở trong tầm tai) Johnson Bụng Mỡ cùng hội Johnsonite, băng đảng còn lại của làng.

Adam gõ gót giày vào mép thùng sữa dùng làm ghế ngồi, lắng nghe cuộc cãi cọ này với vẻ thư thái của một vị vua lắng nghe những lời tán chuyện vơ vẩn của các quần thần.

Nó biếng nhác nhai một cọng rơm. Đang là sáng thứ Năm. Những ngày hè trải dài trước mặt, vô tận và vẹn nguyên, chúng cần được lấp đầy.

Nó để cho cuộc trò chuyện trôi nổi quanh mình như tiếng vo vo của bầy châu chấu hay, chính xác hơn, như một người đào vàng đang quan sát đống cát sỏi xoáy tròn để tìm một ánh vàng hữu ích lóe lên.

“Báo Chủ nhật của nhà tao nói nước mình có hàng ngàn mụ phù thủy,” Brian nói. “Thờ Thiên nhiên và ăn thức ăn lành mạnh và đại loại thế. Thế nên tao chẳng hiểu sao mình lại

không thế có một mụ ở đây. Họ đang tạo ra một Làn sóng Xấu xa Ngu muội nhấn chìm nước ta, trên báo bảo thế."

"Sao, chỉ bằng việc thờ Thiên nhiên và ăn thức ăn lành mạnh thôi á?" Wensleydale hỏi.

"Thì trên báo bảo thế mà."

Bọn Chúng ngẫm nghĩ về việc này hồi lâu. Chúng đã từng - do Adam đầu têu - thử một chế độ ăn uống lành mạnh suốt một buổi chiều. Phán quyết của chúng là ta có thể sống rất ổn bằng thức ăn lành mạnh, với điều kiện ta đã được ăn một bữa trưa nóng sốt no nê trước đó.

Brian cúi về phía trước vẻ bí mật.

"*Và* trên báo còn nói họ nhảy múa mà không mặc quần áo nữa," nó nói thêm. "Họ lên đồi rồi đến Stonehenge và các chỗ kiểu thế, và nhảy múa mà không mặc quần áo gì cả."

Lần này cuộc ngẫm nghĩ có vẻ trầm tư hơn. Bọn Chúng đang ở vào vị trí mà có thể tạm gọi là nơi tàu lượn Cuộc sống đã gần hoàn thành cú leo dài lên ngọn dốc đầu tiên của tuổi dậy thì, để chúng có thể nhìn xuống chặng đường dốc đứng trước mặt, đầy rẫy những bí hiểm, kinh hoàng và những khúc cua thú vị.

"Hờ," Pepper nói.

"Dì tao thì đừng hòng," Wensleydale nói, phá vỡ cảnh im lìm. "Chắc chắn là không. Dì cứ tìm cách nói chuyện với cậu tao thôi."

"Cậu mày chết rồi còn gì," Pepper nói.

"Dì nói cậu vẫn làm xê dịch ly rượu," Wensleydale vặc lại. "Bố tao bảo cậu chết chính vì cứ xoay ly như thế đấy. Chẳng hiểu sao dì muốn nói chuyện với cậu làm gì," nó thêm vào, "hồi cậu còn sống hai người có nói gì mấy với nhau đâu."

"Đấy là thuật gọi hồn," Brian nói. "Trong Kinh Thánh có nói đến. Dì ấy phải thôi đi. Chúa cấm tiệt thuật gọi hồn. Và phù thủy. Nếu làm là sẽ bị đày xuống Địa ngục đấy."

Trên cái ngai thùng sữa, Adam lười nhác đổi tư thế. Nó sắp lên tiếng.

Bọn Chúng liền im lặng, chúng thấy điều Adam nói luôn đáng nghe. Sâu thẳm trong thâm tâm, Bọn Chúng biết chúng không phải là một băng bốn đứa. Chúng là một băng ba đứa, do Adam làm chủ. Nhưng nếu muốn có sự phấn khích, thú vị, và những ngày tháng đầy trò vui, thì đứa nào trong Bọn chúng cũng quý trọng địa vị thấp kém trong băng của Adam hơn là vị trí đứng đầu bất kỳ băng nào ở bất kỳ đâu khác.

"Tao chả hiểu sao mọi người lại sợ phù thủy thế," Adam nói.

Bọn Chúng liếc nhìn nhau. Nghe có vẻ có triển vọng đây.

"Ờ thì họ làm hỏng mùa màng," Pepper nói. "Và đánh chìm tàu bè. Và cho mày biết mày sẽ lên làm vua và đại loại thế. Và nấu các thứ bằng thảo mộc."

"Mẹ tao cũng dùng thảo mộc," Adam nói. "Mẹ mày cũng thế."

"À, các thứ thảo mộc *đó* thì không sao," Brian nói, quyết tâm không để mất vị trí chuyên gia huyền học. "Tao đoán Chúa bảo dùng các thứ bạc hà và lá xô thơm thì không sao. Chẳng có vấn đề gì với bạc hà và lá xô cả, cũng hợp lý thôi."

"Và họ có thể làm mày bị ốm chỉ bằng cách nhìn vào mày," Pepper nói. "Gọi là Mắt Quỷ. Họ nhìn mày một cái, thế là mày bị ốm và không ai biết vì sao. Và họ làm hình nộm của mày rồi đâm kim vào đó, thế là mày sẽ bị đau ở đúng chỗ kim chọc vào," con bé hớn hở nói thêm.

"Những chuyện đó không xảy ra nữa đâu," Wensleydale, người có đầu óc lý trí, cãi lại. "Vì chúng ta đã phát minh ra Khoa học và các mục sư đã thiêu sống phù thủy vì lợi ích của họ. Nó gọi là Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha."

"Thế thì tao nghĩ chúng mình nên tìm hiểu xem cái cô ở Nhà Hoa Nhài có phải là phù thủy không, nếu đúng thì mình phải báo với lão Pickersgill," Brian nói. Ông Pickersgill là mục sư. Hiện giờ ông đang bất đồng với Bọn Chúng về nhiều vấn đề từ chuyện trèo lên cây thủy tùng trong nghĩa địa đến việc rung chuông rồi chạy mất.

“Tao nghĩ chuyện thiêu sống người khác là không được phép,” Adam nói. “Nếu không người ta sẽ làm thế suốt ngày.”

“Nếu mày theo đạo thì không sao,” Brian quả quyết. “Và việc đó sẽ giúp phù thủy không bị đày xuống Địa ngục, nên tao đoán là nếu hiểu ra thì họ sẽ rất biết ơn đấy.”

“Lão Picky còn xơi mới dám thiêu sống ai,” Pepper nói.

“Ờ, ai mà biết được đấy,” Brian nói đầy ẩn ý.

“Không phải là thiêu họ bằng lửa thật đâu,” Pepper khịt mũi. “Chắc ông ấy sẽ chỉ mách bố mẹ họ và để bố mẹ họ tự quyết định xem có đem ai đi thiêu không.”

Bọn Chúng lắc đầu bực bội vì sự đi xuống trong chuẩn mực trách nhiệm của giáo hội. Rồi ba đứa kia nhìn Adam vẻ chờ đợi.

Chúng luôn nhìn Adam vẻ chờ đợi. Nó mới là đứa có nhiều ý tưởng.

“Có lẽ bọn mình nên tự làm,” nó nói. “Ai đó phải làm *gì đó* nếu bọn phù thủy cứ chạy nhông nhông khắp nơi như thế. Giống như… giống như đội Dân phòng Xóm phố ấy.”

“Đội Dân phòng Phù thủy,” Pepper gợi ý.

“Không,” Adam lạnh lùng nói.

“Nhưng bọn mình không thể là Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha được,” Wensleydale nói. “Bọn mình có phải người Tây Ban Nha đâu.”

“Tao cá là không cứ phải là người Tây Ban Nha mới làm Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha được,” Adam nói. “Tao cá là giống như trứng kiểu Scot hay burger kiểu Mỹ ấy. Nó chỉ cần nhìn có vẻ Tây Ban Nha thôi. Bọn mình chỉ cần làm cho nó nhìn *có vẻ* Tây Ban Nha thôi. Thế là ai cũng biết đó là Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha.”

Im lặng hồi lâu.

Sự im lặng bị phá vỡ bởi tiếng sột soạt của một trong những vỏ bao bim bim rỗng luôn dồn đống lại bất kỳ chỗ nào Brian ngồi. Chúng nhìn nó.

“Tao có một tờ áp phích đấu bò tót có tên tao trên đấy,” Brian chậm rãi nói.

Giờ ăn trưa đến rồi đi. Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha mới được tái triệu tập.

Quan tòa Tối cao soi xét từng thứ một.

"Đấy là cái gì?" nó gặng hỏi.

"Dùng để gõ vào nhau khi nhảy," Wensleydale nói, vẻ hơi chống đối. "Dì tao mua từ Tây Ban Nha về mấy năm trước. Gọi là maracas hay sao ấy. Trên còn vẽ hình vũ công người Tây Ban Nha đây này, nhìn xem."

"Sao cô ta lại nhảy múa với con bò?" Adam hỏi.

"Đấy là để cho có vẻ Tây Ban Nha," Wensleydale đáp. Adam cho qua.

Tấm áp phích đấu bò đúng như Brian đã hứa.

Pepper đem đến một thứ nhìn như cái đĩa đựng nước xốt đan bằng mây.

"Đây là để bỏ chai rượu vào," nó gân cổ nói. "Mẹ tao mua từ Tây Ban Nha về đấy."

"Trên đó không có hình con bò," Adam nghiêm khắc nói.

"Không cần," Pepper cãi, dịch chân một chút để chuyển sang tư thế tấn công.

Adam ngần ngừ. Chị gái nó, Sarah, và bạn trai cũng đã đi Tây Ban Nha. Sarah đã đem về một con lừa đồ chơi to màu tím, mặc dù nhìn rất Tây Ban Nha, nhưng không đạt đến cái mức mà Adam, theo bản năng, nghĩ là Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha nên có. Cậu bạn trai thì lại đem về một thanh gươm rất cầu kỳ, tuy luôn cong vẹo đi khi được cầm lên và cùn đến độ chẳng rọc nổi giấy, vẫn được tuyên bố là làm bằng thép Toledo. Adam đã dành nửa tiếng đồng hồ tìm hiểu với cuốn bách khoa toàn thư và cảm thấy đây chính là cái mà Tòa án Dị giáo cần. Nhưng những lời gợi ý bóng gió đã không có hiệu quả.

Cuối cùng Adam đành phải lấy một nhúm hành từ bếp. Chúng rất có thể là hành Tây Ban Nha. Nhưng ngay cả Adam cũng phải thừa nhận rằng, để trang trí cho dinh cơ của Tòa án Dị giáo thì nhúm hành vẫn còn thiếu sót. Nó chẳng có cơ sở nào để tranh cãi kịch liệt về giá đựng rượu bằng mây cả.

“Tốt lắm,” nó nói.

“Mày chắc đây là hành *Tây Ban Nha* đấy chứ?” Pepper hỏi, thư giãn hơn.

“Tất nhiên,” Adam nói. “Hành Tây Ban Nha. Ai mà chả biết.”

“Chúng có thể là hành Pháp,” Pepper bướng bỉnh nói. “Pháp rất nổi tiếng về hành.”

“Không quan trọng,” Adam nói, nó đã chán ngấy món hành. “Pháp cũng *gần như* là Tây Ban Nha rồi, và tao nghĩ phù thủy không phân biệt được đâu, họ còn bận cưỡi chổi bay suốt đêm cơ mà. Với phù thủy thì chỗ nào cũng là Continong(*) hết. Mà nếu mày không thích thì tự đi mà lập Tòa án Dị giáo của riêng mày ấy.”

Lần này Pepper không cãi nữa. Nó đã được hứa dành cho chức Hình quan. Không có nghi ngờ gì về việc ai sẽ giữ chức Quan tòa Tối cao. Wensleydale và Brian thì không thích thú lắm với chức Lính gác Tòa.

“Ờ, tại bọn mày không biết tiếng Tây Ban Nha,” Adam nói, nó đã dành mười phút trong lúc ăn trưa với một cuốn từ điển cụm từ mà Sarah đã mua trong một cơn lãng mạn mờ mắt ở Alicanté.

“Không quan trọng, vì *thực ra* mày phải nói tiếng Latinh cơ,” Wensleydale nói, nó cũng đã đọc một chút trong giờ ăn trưa nhưng với thông tin chính xác hơn.

“*Và* tiếng Tây Ban Nha nữa,” Adam quả quyết. “Chính vì thế nó mới là Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha.”

“Tao không hiểu sao mình lại không được làm Tòa án Dị giáo Anh quốc,” Brian nói. “Sao mình đã phải đánh bại Hạm đội Tây Ban Nha(*) chỉ để phải nhận cái Tòa án Dị giáo hôi hám của họ.”

Việc này cũng đã khiến lòng ái quốc của Adam hơi băn khoăn.

“Tao nghĩ là,” nó nói, “bọn mình nên bắt đầu kiểu Tây Ban Nha, rồi biến nó thành Tòa án Dị giáo Anh quốc sau khi mình đã thành thạo. Và giờ thì,” nó nói thêm. “Lính gác Tòa án hãy đem mụ phù thủy đầu tiên đến đây, *por favor*(*).”

Chúng đã quyết định là người mới đến ở Nhà Hoa Nhài sẽ phải đợi. Chúng cần bắt đầu với nạn nhân nhỏ hơn và tiến dần lên.

"Ngươi có phải phù thủy không, *oh lay*[(*)]?" Quan tòa Tối cao hỏi.

"Có ạ," em gái của Pepper nói, con bé mới lên sáu và trông như một quả bóng nhỏ có mái tóc vàng.

"Mày không được nói là có, phải nói là không," Hình quan rít lên, khẽ huých nghi phạm một cái.

"Rồi sao nữa?" nghi phạm hỏi.

"Rồi bọn tao sẽ tra tấn mày để bắt mày nói có," Hình quan nói. "Tao đã *bảo* rồi mà. Tra tấn vui lắm. Không đau đâu. *Hastar lar visa*[(*)]," nó vội thêm vào.

Nghi phạm nhỏ bé ngắm những vật trang trí của trụ sở Tòa án bằng con mắt xem thường. Mùi hành bốc lên không lẫn đi đâu được.

"Hừ," nó nói. "Em *muốn* làm phù thủy, mũi đầy mụn cóc, da xanh, với một con mèo, em sẽ đặt tên nó là con Mực, và thật nhiều bùa mê thuốc lú và..."

Hình Quan gật đầu với Quan tòa Tối cao.

"Nghe này," Pepper tuyệt vọng nói, "không ai bảo mày *không* được làm phù thủy cả, mày chỉ phải *nói* là mày *không phải* phù thủy. Bọn tao phải nhọc công thế này làm gì," nó gay gắt nói thêm, "nếu mày cứ chưa đánh đã khai rồi."

Nghi phạm cân nhắc điều này.

"Nhưng em *muốn* làm phù thủy," nó rền rĩ. Mấy đứa con trai trong Bọn Chúng nhìn nhau mệt mỏi. Việc này nằm ngoài khả năng của chúng.

"Nếu mày chịu nói *không*," Pepper nói, "tao sẽ cho mày bộ đồ chơi chuồng ngựa Sindy. Tao còn chưa bao giờ chơi đến," nó nói

thêm, trừng mắt nhìn ba đứa Bọn Chúng thách chúng dám nói gì.

"Chị có chơi rồi," em gái nó vặc lại. "Em đã *thấy* rồi, nó cũ cả rồi và chỗ bỏ cỏ khô vào còn bị gãy nữa..."

Adam khẽ ho một tiếng ra dáng quan tòa.

"Ngươi có phải phù thủy không, *viva espana*[(*)]?" nó nhắc lại.

Con em gái liếc nhìn Pepper và quyết định không nên liều.

"Không ạ," nó trả lời.

Màn tra tấn đó mới hay làm sao, đứa nào cũng nhất trí như vậy. Vấn đề là bắt mụ phù thủy nghi phạm xuống khỏi đó.

Đó là một buổi chiều nóng nực, và hai tên Lính gác Tòa án cảm thấy đang bị ngược đãi.

"Không hiểu sao tao và Đạo hữu Brian lại phải làm hết mọi việc," Đạo hữu Wensleydale nói, lau mồ hôi trên trán. "Tao nghĩ đã đến lúc nó phải xuống và cho bọn tao đi một lượt rồi. *Benedictine ina decanter*[(*)]."

"Sao lại dừng lại?" nghi phạm hỏi, nước tuôn ra khỏi giày.

Trong quá trình nghiên cứu, Quan tòa Tối cao đã nghĩ rằng có lẽ Tòa án Dị giáo Anh quốc chưa sẵn sàng để sử dụng thiết trinh nữ và lê thép[(*)]. Nhưng tranh minh họa của một cái ghế dìm thời Trung cổ đã khiến nó nghĩ đây đúng là thứ chúng cần. Ta chỉ cần một cái ao, mấy mảnh ván, và một sợi thừng. Đó là một sự kết hợp luôn hấp dẫn Bọn Chúng, vốn chẳng khó khăn gì để kiếm cả ba thứ.

Nghi phạm giờ đã xanh lè đến tận thắt lưng.

"Như là bập bênh ý," con bé nói. "Aaaa!"

"Tao sẽ về nhà, trừ phi tao cũng được chơi," Đạo hữu Brian lầm bầm. "Không hiểu sao mỗi mình bọn phù thủy xấu xa lại được chơi vui."

"Quan tòa không được phép bị tra tấn," Quan tòa Tối cao nghiêm nghị nói, nhưng không thật lòng lắm. Quả thực chiều

hôm đó rất nóng, chiếc áo chùng quan tòa làm bằng bao tải cũ vừa ngứa vừa đầy mùi lúa mạch mốc, và cái áo nhìn hấp dẫn lạ kỳ.

"Được rồi, được rồi," nó nói, và quay sang nghi phạm. "Ngươi là phù thủy, được chưa, không được làm thế nữa, giờ thì xuống đi cho người khác chơi với. *Oh lay*," nó nói thêm.

"Giờ thì sao đây?" em gái Pepper hỏi.

Adam ngần ngừ. Thiêu sống con bé lúc này chắc sẽ gây nhiều rắc rối lắm, thằng bé lý luận. Hơn nữa, nó ướt sũng rồi, có thiêu cũng chẳng cháy.

Nó cũng lờ mờ nhận ra rằng một lúc nào đó trong tương lai sẽ có những câu hỏi tại sao giày lại dính bùn còn mấy cái váy hồng thì bám đầy bèo. Nhưng đó là tương lai, và tương lai còn nằm ở cuối một buổi chiều dài ẩm áp có những mảnh ván, dây thừng, và ao nước. Tương lai có thể đợi được.

Tương lai đến rồi đi theo cái lối chán nản êm dịu quen thuộc của nó, nhưng ông Young có nhiều điều phải bận tâm hơn là mấy cái váy đầy bùn và chỉ cấm Adam xem tivi, có nghĩa là nó phải xem tạm cái tivi đen trắng cũ trong phòng.

"Tôi chẳng hiểu sao chúng ta phải cấm ống phun nước," Adam nghe thấy ông Young nói với bà Young. "Tôi cũng trả tiền nước như mọi người mà. Cái vườn nhìn như sa mạc Sahara ấy. Tôi ngạc nhiên là trong ao vẫn *còn* nước cơ đấy. Tôi nghĩ là do ít thử vũ khí hạt nhân hơn. Hồi tôi còn bé, mùa hè mới đúng là mùa hè. Trời mưa suốt ngày."

Giờ Adam một mình lừ đừ bước đi trên lối mòn đầy bụi. Đó là một dáng đi lừ đừ rất tuyệt. Adam có cách đi lừ đừ khiến tất cả những người có đầu óc nghiêm nghị đều thấy bất bình. Không chỉ là vì thằng bé để cả người mình thõng xuống. Nó có thể đi lừ đừ với các *bộ điệu riêng*, và giờ đôi vai khòm xuống của nó thể hiện nỗi đau buồn và hoang mang của những người đã bị ngăn

cản một cách bất công khi đang nỗ lực quên mình để giúp đỡ đồng loại.

Bụi phủ dày trên các lùm cây.

"Cho mọi người đáng đời nếu bọn phù thủy chiếm cả nước này và bắt mọi người ăn thức ăn lành mạnh, không đi nhà thờ và nhảy múa mà không mặc quần áo," nó nói, co chân đá một hòn sỏi. Nhưng nó phải thừa nhận là, ngoại trừ vụ thức ăn lành mạnh ra thì viễn cảnh đó cũng không đáng ngại cho lắm.

"Dám cá là nếu họ để bọn mình bắt đầu hẳn hoi thì bọn mình sẽ tìm được *cả trăm* mụ phù thủy ấy chứ," nó tự nhủ, đá một hòn sỏi. "Dám cá là lão Tra-tấn-mada(*) không phải bỏ cuộc ngay khi mới bắt đầu chỉ vì một mụ phù thủy ngu ngốc nào đó bị bẩn váy."

Chó ngoan ngoãn đi lừ đừ theo sau Chủ Nhân của mình. Trong phạm vi khả năng kỳ vọng của con chó địa ngục, thì đây dứt khoát không phải những gì nó hình dung về cuộc sống trong những ngày cuối cùng trước Tận thế, nhưng dẫu vậy, nó vẫn thấy rất khoái hiện tại.

Nó nghe thấy Chủ Nhân nói: "Dám cá là cả người thời *Victoria* cũng không bắt người ta phải xem tivi đen trắng."

Hình dáng xác định bản chất. Có nhiều hành vi phù hợp với những chú chó loắt choắt bù xù mà thực ra đã nằm sẵn trong gien của chúng. Ta không thể mang hình dáng của một chú chó nhỏ mà lại vẫn giữ nguyên bản tính cũ; một tính cách chó-nhỏ nội tại nhất định sẽ thẩm thấu vào Bản Thể của ta.

Nó đuổi theo một con chuột. Đó là trải nghiệm khoái trá nhất đời của nó.

"Nếu tất cả chúng ta bị các Thế lực xấu xa đánh bại thì cũng đáng đời bọn họ," Chủ Nhân nó lầm bầm.

Rồi còn bọn mèo nữa, Chó thầm nghĩ. Nó đã đánh động con mèo vàng to tướng nhà bên và đã tìm cách biến con mèo thành một đống mềm nhũn run rẩy bằng cách quen thuộc là trừng mắt nhìn chằm chằm và gầm gừ trong họng, cách đó trước kia luôn có tác dụng với những linh hồn bị đày xuống Địa ngục. Nhưng lần này cách đó chỉ khiến nó bị vả một cú vào mũi, chảy cả nước

mắt. Chó nghĩ mèo rõ ràng là cứng cỏi hơn nhiều so với các linh hồn bị đày đọa. Nó mong chờ thí nghiệm thêm với mèo, mà nó định là sẽ bao gồm việc nhảy quanh và sủa oanh oách vào con mèo. Hơi xa vời, nhưng biết đâu sẽ thành công.

"Tốt hơn là đừng chạy đến tìm mình khi lão Picky bị biến thành ếch, thế thôi," Adam lầm bầm.

Đến lúc này thì thằng bé chợt nhận ra hai điều. Điều thứ nhất là bước chân ảo nảo của nó đã đưa nó đi qua Nhà Hoa Nhài. Điều còn lại là ai đó đang khóc.

Adam luôn yếu mềm trước nước mắt. Nó ngần ngừ một thoáng, rồi thận trọng ngó qua hàng giậu.

Với Anathema, đang ngồi trên ghế xếp và đã dùng hết nửa gói khăn giấy Kleenex, thì cảnh tượng đó giống như một vầng mặt trời nhỏ lôi thôi vừa mọc lên.

Adam không nghĩ cô là phù thủy. Nó có mường tượng rất rõ ràng về phù thủy. Gia đình Young chỉ giới hạn ở lựa chọn duy nhất khả dĩ trong các báo Chủ nhật ưu tú, vì vậy Adam chẳng biết gì về một trăm năm môn huyền học được khai sáng. Cô không có mũi khoằm hay mụn cóc, và cô còn trẻ... ờ, *khá* trẻ. Với nó thế là đủ.

"Xin chào," nó nói, đứng thẳng người lên.

Cô hỉ mũi và trố mắt nhìn nó.

Lúc này có lẽ ta nên miêu tả cái đang nhìn qua hàng giậu. Cái mà Anathema nhìn thấy, theo như sau này cô kể lại, là giống như một vị thần Hy Lạp chưa đến tuổi trưởng thành. Hoặc có lẽ là một hình minh họa trong Kinh Thánh, vẽ một thiên thần cơ bắp cuồn cuộn đang trừng phạt đích đáng ai đó. Đó là một khuôn mặt không thuộc về thế kỷ hai mươi. Nó được phủ một mớ tóc xoăn óng vàng. Hẳn khuôn mặt ấy là do Michelangelo tạc nên.

Nhưng có lẽ ông sẽ không thêm vào đôi giày thể thao cũ nát, cái quần bò sờn gấu, hay cái áo phông cáu bẩn.

"Em là ai?" cô hỏi.

"Em là Adam Young," Adam đáp. "Nhà em ngay dưới kia."

“À. ừ. Chị có nghe nói về em rồi,” Anathema vừa nói vừa chấm khăn lên mắt. Adam vênh mặt.

“Bà Henderson bảo chị phải để mắt coi chừng em,” cô nói tiếp.

“Em nổi tiếng quanh đây lắm,” Adam nói.

“Bà ấy bảo em sinh ra là để đi treo cổ,” Anathema nói.

Adam toét miệng cười. Tai tiếng không hay bằng nổi tiếng, nhưng còn tốt hơn chán vạn so với vô danh.

“Bà ấy bảo em là đứa nghịch nhất trong Bọn Chúng,” Anathema nói, có vẻ vui hơn. Adam gật đầu.

“Bà ấy bảo, ‘Cô phải coi chừng Bọn Chúng, cô ạ, chúng toàn là một đám đầu sỏ hết. Thằng nhóc Adam ấy chẳng khác gì Adam Ngày xưa(*),’” cô nói.

“Thế sao chị khóc?” Adam hỏi thẳng.

“Sao cơ? À, chị bị mất một thứ,” Anathema nói. “Một cuốn sách.”

“Em sẽ tìm giúp chị, nếu chị muốn,” Adam ga lăng nói. “Thật ra em biết nhiều về sách lắm. *Em* cũng đã từng viết một cuốn sách. Hay cực. Dài gần tám trang. Kể về một tên cướp biển cũng là một thám tử nổi tiếng, *và* em còn vẽ minh họa nữa.” Rồi, trong một khoảnh khắc hào phóng, nó nói thêm, “Nếu chị thích em sẽ cho chị đọc. Em cá là hay hơn nhiều so với bất kỳ cuốn sách nào chị từng mất. Nhất là đoạn trong tàu vũ trụ khi con khủng long xuất hiện và đánh nhau với đám cao bồi. Em cá là nó sẽ làm chị vui lên ngay, sách của em ấy. Nó làm thằng Brian vui cực. Nó bảo nó chưa bao giờ vui như thế.”

“Cảm ơn em, chị dám chắc là cuốn sách của em rất hay,” cô nói, chiếm được tình yêu mến trọn đời của Adam. “Nhưng chị không cần em tìm giúp cuốn sách đâu… chị nghĩ là đã quá muộn rồi.”

Cô trầm ngâm nhìn Adam. “Chị đoán là em biết rất rõ vùng này nhỉ?” cô nói.

“Hàng *cây* số xung quanh đây ấy chứ,” Adam nói.

“Em có thấy hai người đàn ông đi trên một chiếc ô tô đen to không?” Anathema hỏi.

“Họ ăn cắp cuốn sách của chị à?” Adam hỏi, đột nhiên đầy quan tâm. Chặn đứng một băng nhóm tội phạm chuyên ăn cắp sách xuyên quốc gia sẽ là một kết thúc tuyệt vời cho ngày hôm nay.

“Không hẳn. Đại loại thế. Ý chị là, họ không chủ định lấy nó. Họ đi tìm Dinh thự, nhưng hôm nay chị đã ghé qua đó mà không ai biết gì về họ cả. Hình như ở đó vừa xảy ra tai nạn hay sao ấy.”

Cô nhìn Adam chằm chằm. Ở thằng bé có vẻ gì rất lạ, nhưng cô không xác định nổi đó là cái gì. Cô chỉ có cảm giác cấp bách rằng thằng bé rất quan trọng và không được để nó tuột đi mất. Ở nó có gì đó...

“Cuốn sách tên là gì?” Adam hỏi.

“Những Lời Tiên tri Tuyệt đích và Chuẩn xác của phù thủy Agnes Nutter,” *Anathema trả lời*.

“Cái nào cơ[(*)]?”

“Không. Phù thủy. Như trong *Macbeth* ấy,” Anathema nói.

“Em được xem rồi,” Adam nói. “Hay lắm, cái cách mấy ông vua ấy cứ đâm chém loạn xạ đi ấy. Trời, chúng thì có gì tuyệt?”

“Tuyệt đích có nghĩa là, ờ, rõ ràng. Hoặc chính xác.” Chắc chắn là có vẻ gì đó rất lạ. Một vẻ căng thẳng thư thái. Ta có cảm giác rằng khi thằng bé ở quanh thì tất cả mọi người khác, ngay cả cảnh trí, cũng chỉ để làm nền.

Cô đã ở đây được một tháng. Ngoại trừ bà Henderson, người trên danh nghĩa có nhiệm vụ dọn dẹp căn nhà và có lẽ sẽ lục lọi đồ đạc của cô nếu có nửa cơ hội, thì cô chưa trao đổi quá chục từ với bất kỳ ai khác. Cô để họ nghĩ rằng cô là một họa sĩ. Các họa sĩ thường thích kiểu thôn quê thế này.

Thật ra, nó đẹp chết đi được. Chỉ quanh ngôi làng này thôi, khung cảnh cũng thật tuyệt vời. Nếu Turner và Landseer đã gặp Samuel Palmer trong quán rượu mà trù tính với nhau, rồi nhờ Stubbs vẽ mấy con ngựa, thì nó cũng không thể đẹp hơn[(*)].

Và điều đó thật đáng buồn, vì đây chính là nơi *nó* sẽ xảy ra. Ít ra là theo Agnes. Trong một cuốn sách mà cô, Anathema, đã để mất. Tất nhiên, cô vẫn còn các phiếu ghi, nhưng chúng vẫn không phải là cuốn sách.

Nếu Anathema kiểm soát được toàn bộ suy nghĩ của mình vào lúc đó - và không ai có thể kiểm soát được toàn bộ suy nghĩ khi ở cạnh Adam - thì cô sẽ nhận ra rằng bất kỳ khi nào cô cố nghĩ về thằng bé vượt qua mức bề mặt, thì ý nghĩ của cô liền trượt đi như nước trượt khỏi lông vịt.

"Ghê!" Adam nói, nó đã ngẫm nghĩ về những khả năng của một cuốn sách tiên tri tuyệt đích và chuẩn xác. "Nó cho biết ai sẽ thắng Giải Đua ngựa Quốc gia chứ?"

"Không," Anathema đáp.

"Trong đó có tàu vũ trụ không?"

"Không nhiều lắm," Anathema trả lời.

"Người máy?" Adam khấp khởi hỏi.

"Tiếc là không."

"*Em* thấy thế chẳng có gì là tuyệt cả," Adam nói. "Tương lai mà không có người máy với tàu vũ trụ thì còn cái gì nữa chứ."

Khoảng ba ngày, *Anathema ủ rũ nghĩ thầm*. Tương lai chỉ còn khoảng ba ngày nữa thôi.

"Em có muốn uống nước chanh không?" cô mời.

Adam ngần ngừ. Rồi nó quyết định xông thẳng vào hang hùm.

"Chị nghe này, em xin lỗi vì phải hỏi, nếu đây không phải là câu hỏi quá riêng tư, nhưng chị có phải là phù thủy không?" nó nói.

Anathema nheo mắt. Thế mà cô cứ nghĩ bà Henderson mới là người tọc mạch đấy.

"Một số người sẽ nói thế," cô nói. "Thật ra, chị là nhà huyền học."

"Ồ. À. Thế thì không sao rồi," Adam nói, vui vẻ hơn.

Cô nhìn nó từ đầu đến chân.

“Em biết nhà huyền học là gì chứ?”

“Có chứ ạ,” Adam tự tin đáp.

“Thôi, miễn em vui hơn là được rồi,” Anathema nói. “Vào nhà đi. Chị cũng muốn uống chút gì đó. Và… Adam Young này?”

“Sao ạ?”

“Em đang nghĩ ‘Mắt mình không sao cả, không cần đi khám’, phải không?”(*)

“Ai, em ấy à?” Adam nói vẻ tội lỗi.

Vấn đề nằm ở Chó. Nó không chịu vào nhà. Nó nằm phục trên ngưỡng cửa, gầm ghè.

“Vào đi, con chó ngốc này,” Adam nói. “Chỉ là Nhà Hoa Nhài thôi mà.” Thằng bé nhìn Anathema vẻ lúng túng. “Bình thường em nói gì là nó nghe lời ngay.”

“Em có thể để nó ngoài vườn cũng được,” Anathema nói.

“Không,” Adam nói. “Nó phải nghe lời. Em đã đọc được trong một cuốn sách. Huấn luyện là rất quan trọng. Con chó nào ta cũng có thể huấn luyện được, sách nói thế. Bố em bảo em chỉ được nuôi nó nếu nó được huấn luyện hẳn hoi. Nào, *Chó*. Vào trong nhà đi.”

Chó rên ư ử và nhìn thằng bé van lơn. Cái đuôi cụt của nó đập xuống sàn một, hai lần.

Giọng nói của Chủ Nhân nó.

Một cách hết sức miễn cưỡng, như thể đang đi ngược chiều một cơn cuồng phong, nó len lén bước qua ngưỡng cửa.

“Đấy,” Adam tự hào nói. “Ngoan lắm.”

Và thêm một chút Địa ngục bay đi ít nhiều…

Anathema đóng cửa lại.

Bên trên cửa Nhà Hoa Nhài luôn treo một chiếc móng ngựa, kể từ khi người đầu tiên đến thuê nhà từ nhiều thế kỷ trước; thời đó dịch hạch tràn lan khắp nơi, và ông ta nghĩ mình cứ được bảo vệ bao nhiêu hay bấy nhiêu.

Chiếc móng ngựa đã gỉ sét và phủ đầy lớp sơn của bao thế kỷ. Vì vậy cả Adam lẫn Anathema đều không để ý đến nó hay nhận thấy nó đang nguội dần sau khi nóng trắng lên.

Cốc ca cao của Aziraphale đã nguội ngắt.

Âm thanh duy nhất trong phòng là tiếng lật giở trang sách thỉnh thoảng vang lên.

Chốc chốc lại có tiếng cửa lạch xạch khi khách hàng của hiệu Sách Thân mật kế bên vào nhầm cửa. Y lờ nó đi.

Thỉnh thoảng y còn suýt nữa thì chửi thề.

◇

Anathema đã không thật sự sắp đặt căn nhà cho thoải mái. Phần lớn các dụng cụ của cô đều chất đống trên bàn. Nhìn chúng khá thú vị. Thật ra, nhìn như một thầy cúng voodoo vừa được mặc sức mua sắm trong một cửa hàng bán thiết bị khoa học vậy.

"Hay quá!" Adam reo lên, chọc chọc một cái. "Cái có ba chân này là gì ạ?"

"Máy kinh vĩ," Anathema đáp từ trong bếp. "Dùng để tìm pháp mạch."

"Thế pháp mạch là cái gì?" Adam hỏi.

Cô giải thích cho nó.

"Trời," nó nói. "Có thật ạ?"

"Đúng thế."

"Ở khắp nơi ạ?"

"Phải."

"Em chưa bao giờ nhìn thấy. Hay thật, có những đường sức vô hình khắp xung quanh mà em không thấy được."

Adam ít khi chịu lắng nghe, nhưng nó đã dành ra hai mươi phút chăm chú nhất trong đời nó, hay ít nhất là trong đời nó vào

ngày hôm đó. Không ai trong gia đình Young gõ lên gỗ hay ném muôi qua vai(*). Hành động duy nhất thừa nhận sự siêu nhiên là hồi Adam còn nhỏ, họ đã miễn cưỡng giả vờ là ông già Noel chui từ ống khói xuống.(*)

Thằng bé đã không được tiếp nhận cái gì huyền bí hơn so với một Lễ Mùa Gặt. Lời nói của cô tuôn vào đầu nó như nước tuôn lên một thếp giấy thấm.

Chó nằm dưới gầm bàn và gầm gừ. Nó đang bắt đầu nghi ngờ bản thân một cách nghiêm trọng.

Anathema không chỉ tin vào pháp mạch, cô còn tin vào hải cẩu, cá voi, xe đạp, rừng nhiệt đới, bánh mì nguyên cám, giấy tái chế, người Nam Phi da trắng phải rời khỏi Nam Phi, và người Mỹ phải rời khỏi gần như tất cả mọi nơi kể cả vùng Long Island. Cô không phân loại các niềm tin của mình. Chúng kết nối với nhau thành một niềm tin khổng lồ, liền mạch, mà nếu đem so sánh thì đức tin của Thánh Joan xứ Arc cũng sẽ chỉ giống như một ý tưởng vơ vẩn hời hợt. Nếu tính theo mức độ dời núi thì niềm tin của cô phải xê dịch được ít ra là 0.5 núi Alp.(*)

Adam thậm chí chưa từng nghe ai dùng từ *môi trường*. Rừng nhiệt đới Nam Mỹ với nó là một cuốn sách đóng kín, và cuốn sách đó còn không làm bằng giấy tái chế nữa.

Lần duy nhất nó ngắt lời là để đồng tình với cô về năng lượng hạt nhân: "Em đã đến một nhà máy điện hạt nhân rồi. *Chán ngắt*. Chẳng có khói xanh với các thứ sôi lục bục trong ống nghiệm gì cả. Lẽ ra không được thế, phải có các thứ sôi lục bục đúng kiểu trong ống nghiệm khi mọi người đến tham quan chứ, thế mà ở đây chỉ toàn các ông đứng quanh, thậm chí còn không mặc đồ vũ trụ nữa."

"Họ làm các thứ sôi lục bục sau khi khách tham quan đã ra về," Anathema quả quyết.

"Hừ," Adam nói.

"Cần phải tống khứ họ ngay tức khắc."

"Cho đáng đời cái tội không cho các thứ sôi lục bục," Adam nói.

Anathema gật đầu. Cô vẫn đang cố xác định xem ở Adam có vẻ gì lạ thế, rồi đột nhiên cô nhận ra.

Thằng bé không có huyền quang.

Cô khá thông thạo về huyền quang. Cô có thể thấy chúng nếu cô nhìn đủ chăm chú. Chúng là một quầng sáng quanh đầu mọi người, và theo một cuốn sách cô đã đọc thì màu sắc sẽ cho cô biết về sức khỏe và thể trạng chung của họ. Ai cũng có huyền quang. Ở những người đầu óc nhỏ mọn hẹp hòi thì huyền quang chỉ là một vành sáng nhỏ, yếu ớt, còn những người cởi mở, sáng tạo thì huyền quang có thể tỏa rộng đến vài phân quanh cơ thể.

Cô chưa bao giờ nghe nói đến ai không có huyền quang, nhưng cô không thể thấy huyền quang quanh Adam. Thế nhưng thằng bé vẫn rất vui tươi, hăng hái, và cân bằng như một con quay hồi chuyển vậy.

Chắc tại mình mệt, cô thầm nghĩ.

Dù sao thì cô cũng mừng và hài lòng khi tìm được một học trò sốt sắng đến vậy, và thậm chí còn cho nó mượn mấy tờ *Tập san Bảo Bình mới*, một tạp chí nhỏ do bạn cô làm chủ biên.

Tờ tạp chí đã làm thay đổi cuộc đời thằng bé. Ít ra là thay đổi cuộc đời nó trong hôm đó.

Trước vẻ kinh ngạc hết sức của bố mẹ, nó đi ngủ sớm, rồi nằm trong chăn đến quá nửa đêm với cái đèn pin, đống tạp chí, và một gói kẹo chanh. Thỉnh thoảng một câu "Oách thật!" lại vang lên từ cái miệng đang nhai kẹo rau ráu của nó.

Khi đèn hết pin, nó chui ra khỏi chăn trong căn phòng tối và nằm ngửa, gối đầu lên hai bàn tay, như đang ngắm đội phi cơ chiến đấu X-wing™ treo trên trần. Chúng khẽ đu đưa trong gió đêm.

Nhưng thực ra Adam không ngắm chúng. Nó đang nhìn vào bức tranh toàn cảnh sáng rực trong trí tưởng tượng của mình, bức tranh đang xoay tít như một hội chợ.

Đây không giống như dì của Wensleydale và cái ly. Thứ huyền thuật này thú vị hơn nhiều.

Hơn nữa, nó mến Anathema. Tất nhiên, cô già hơn nó nhiều, nhưng khi Adam mến ai đó thì nó muốn làm cho họ vui.

Nó tự hỏi nó có thể làm Anathema vui bằng cách nào.

Người ta thường nghĩ rằng những sự kiện làm thay đổi thế giới là những thứ như những quả bom, các chính trị gia điên rồ, những vụ động đất khủng khiếp, hoặc những đợt di dân khổng lồ, nhưng giờ họ đã nhận ra rằng đây là quan điểm rất cũ của những người không bắt kịp lối suy nghĩ hiện đại. Những thứ *thực sự* thay đổi thế giới, theo thuyết Hỗn mang, là những thứ nhỏ bé. Một con bướm đập cánh ở rừng Amazon, và hậu quả là một trận bão càn quét qua nửa châu Âu.

Đâu đó trong tâm trí say ngủ của Adam, một con bướm đã xòe cánh.

Anathema hẳn đã có thể, hoặc là không, nhìn mọi chuyện tỏ tường hơn nếu cô được phép nhận ra lý do hiển nhiên tại sao cô không nhìn thấy được huyền quang của Adam.

Cũng chính vì lý do đó mà những người đứng ở quảng trường Trafalgar không thấy được nước Anh.

Còi báo động réo vang.

Tất nhiên, còi báo động réo vang trong phòng điều khiển của một nhà máy điện hạt nhân chẳng phải là chuyện gì đặc biệt. Chúng réo suốt ngày. Đó là bởi vì có rất nhiều đồng hồ, phổ kế và các thứ mà nếu nó không ít nhất là kêu bíp bíp thì sẽ có thứ gì đó quan trọng không được người ta nhận thấy.

Và nhiệm vụ của kỹ sư trực ban đòi hỏi một người vững vàng, có năng lực, không nao núng, người mà ta có thể tin cậy là sẽ không chạy thẳng ra bãi đỗ xe nếu có chuyện khẩn cấp. Thực ra, đó là kiểu người tạo ấn tượng lúc nào anh ta cũng hút tẩu, ngay cả khi anh ta không hút.

Đang là ba giờ sáng ở phòng điều khiển của nhà máy điện Turning Point, vốn là khoảng thời gian yên tĩnh dễ chịu, không

có việc gì phải làm ngoài ghi chép vào sổ theo dõi và lắng nghe tiếng ro ro xa xa của các tua bin.

Cho đến lúc này.

Horace Gander nhìn những chiếc đèn đỏ nhấp nháy. Rồi anh ta nhìn các đồng hồ đo. Rồi anh ta nhìn khuôn mặt các đồng nghiệp. Rồi anh ta ngước lên nhìn cái đồng hồ đo lớn ở cuối phòng. Bốn trăm hai mươi megawatt điện đáng tin cậy và khá rẻ đang được truyền ra khỏi nhà máy. Theo các đồng hồ đo khác, số điện đó sinh ra từ hư không.

Anh ta không nói "Quái lạ". Anh ta hẳn sẽ không nói "Quái lạ" cho dù có một đàn cừu vừa chơi vĩ cầm vừa đạp xe ngang qua. Một kỹ sư có trách nhiệm sẽ không nói mấy thứ như thế.

Anh ta nói là: "Alf này, cậu nên gọi điện cho quản lý nhà máy đi."

Ba giờ đồng hồ hết sức nhốn nháo trôi qua. Chúng bao gồm rất nhiều cuộc điện thoại, điện báo, và fax. Hai mươi bảy người lần lượt bị lôi khỏi giường và họ gọi tiếp năm mươi ba người khác ra khỏi giường, bởi vì nếu có một điều mà một người muốn biết khi anh ta bị đánh thức trong cơn hốt hoảng vào lúc bốn giờ sáng, thì đó là anh ta không chỉ có một mình.

Hơn nữa, ta cần đủ loại giấy phép trước khi họ để ta mở nắp một lò phản ứng hạt nhân và nhòm vào trong.

Họ xin được giấy phép. Họ mở nắp. Họ nhòm vào trong.

Horace Gander nói, "Phải có lý do hợp lý cho việc này. Năm trăm tấn urani không thể tự mình đứng dậy bỏ đi được."

Cái đồng hồ đo trong tay anh ta lẽ ra phải đang gào thét. Thay vào đó, nó chỉ thỉnh thoảng kêu tích một tiếng đầy miễn cưỡng.

Ở chỗ lẽ ra phải là lò phản ứng chỉ là một khoảng trống. Ta có thể chơi một trận bóng quần khá hay trong đó.

Ở ngay dưới đáy, đơn độc giữa nền sàn sáng rực, lạnh lẽo, là một viên kẹo chanh.

Bên ngoài, trong phòng tua bin khổng lồ, máy móc vẫn chạy ầm ầm.

Và, cách đó hơn một trăm năm mươi cây số, Adam Young trở mình trong giấc ngủ.

Thứ Sáu

Raven Sable, mảnh dẻ, để râu, mặc toàn đồ đen, ngồi ở ghế sau chiếc xe limousine đen dài mảnh, nói chuyện vào chiếc điện thoại đen dài mảnh với chi nhánh của hắn ở Bờ Tây.

"Tình hình thế nào rồi?" hắn hỏi.

"Ổn cả, thưa sếp," trưởng nhóm marketing của hắn đáp. "Mai em sẽ đi ăn sáng với người mua từ các chuỗi siêu thị hàng đầu. Không vấn đề gì. Tầm này tháng sau là BỮAĂN™ sẽ có mặt ở tất cả các cửa hàng."

"Làm tốt lắm, Nick."

"Không có chi. Không có chi. Tất cả là nhờ có sếp cả, Rave ạ. Sếp là một người lãnh đạo tuyệt vời. Lần nào cũng ra tấm ra món."

"Cảm ơn," Sable nói, rồi cúp máy.

Hắn đặc biệt tự hào về BỮAĂN™.

Tập đoàn Dinh Dưỡng Mới đã có khởi đầu rất khiêm tốn, cách đây mười một năm. Một nhóm nhỏ các nhà khoa học thực phẩm, một nhóm lớn marketing và quan hệ công chúng, và một cái logo bắt mắt.

Sau hai năm đầu tư và nghiên cứu, Dinh Dưỡng Mới đã cho ra đời NHAI™. NHAI™ bao gồm các phân tử protein được dệt, tết và đan vào với nhau, được đóng gói và lập trình, được thiết kế cẩn thận để ngay cả các enzyme đói khát nhất trong hệ tiêu hóa cũng lờ chúng đi; ngoài ra còn có chất làm ngọt không calo; dầu thô thay thế dầu thực vật; chất xơ, chất nhuộm, và chất tạo mùi vị. Kết quả là một thứ thức ăn gần như không phân biệt nổi với các thứ thức ăn khác, ngoại trừ hai điều. Thứ nhất là giá của nó hơi cao hơn một chút, và thứ hai là giá trị dinh dưỡng của nó

chỉ tương đương với một cái máy nghe nhạc Sony. Ăn bao nhiêu đi nữa, bạn vẫn sẽ giảm cân.(*)

Người béo đã mua nó. Người gầy không muốn béo lên đã mua nó. NHAI™ là thức ăn kiêng tối thượng - được dệt, đan, kết cấu, và giả để giả làm bất kỳ thứ gì, từ khoai tây đến thịt nai, mặc dù thịt gà bán chạy nhất.

Sable ngồi ngắm tiền chảy vào. Hắn ngắm NHAI™ dần dần lấp đầy các ngóc ngách của hệ sinh thái mà trước kia từng là chỗ đứng của các loại thức ăn cũ, không có tên thương mại.

Hắn tiếp nối NHAI™ bằng QUÀVẶT™ - đồ ăn rác làm từ rác thật.

BỮAĂN™ là phát minh mới nhất của Sable.

BỮAĂN™ là NHAI™ nhưng có thêm đường và chất béo. Lý thuyết là nếu ăn đủ BỮAĂN™ thì ta sẽ a) bị béo phì hoặc b) chết vì thiếu dinh dưỡng.

Nghịch lý đó khiến Sable rất thích thú.

BỮAĂN™ hiện đang được thử nghiệm trên khắp nước Mỹ. BỮAĂN Pizza, BỮAĂN Cá, BỮAĂN Tứ Xuyên, BỮAĂN Thực dương. Thậm chí cả BỮAĂN Hamburger nữa.

Chiếc limousine của Sable được đỗ trong bãi của một quán Chúa Burger ở Des Moines, Iowa - một chuỗi cửa hàng ăn nhanh do tập đoàn của hắn sở hữu hoàn toàn. Họ đã thí điểm BỮAĂN Hamburger ở đây từ sáu tháng nay. Hắn muốn xem họ đã đạt được kết quả gì.

Hắn cúi người về phía trước, gõ lên tấm kính chắn. Tay tài xế bấm một cái nút, và tấm kính hạ xuống.

“Vâng sếp?”

“Tôi sẽ đi xem xét việc kinh doanh của chúng ta ở đây, Marlon. Mười phút thôi. Rồi về L.A.”

“Vâng sếp.”

Sable thong dong tiến vào quán Chúa Burger. Nó giống hệt mọi quán Chúa Burger khác ở Mỹ.(*) Chú Hề McLordy nhảy nhót trong Khu Trẻ em. Đội ngũ phục vụ có những nụ cười sáng lóa y

hệt nhau mà không bao giờ chạm đến mắt họ. Và sau quầy, một người đàn ông trung tuổi mập mạp, mặc đồng phục Chúa Burger, đang vừa đập burger lên vỉ nướng vừa khẽ huýt sáo, vui vẻ với công việc của mình.

Sable đến bên quầy.

"Xin-chào-tên-tôi-là-Marie," cô gái đứng sau quầy nói. "Ông-muốn-dùng-gì-ạ?"

"Một bánh kẹp đôi sấm nổ kếch xù, thêm khoai chiên, không mù tạt," hắn nói.

"Ông-uống-gì-không-ạ? "

"Sữa lắc chuối-sô cô la thật đặc."

Cô ta nhân các ô vuông có hình trên máy tính tiền. (Các nhà hàng này không yêu cầu nhân viên phải biết đọc nữa. Họ chỉ cần biết cười.) Rồi cô ta quay sang người đàn ông mập mạp sau quầy.

"KĐSNKX, T K, không mù tạt," cô ta nói. "Lắc-sôcô."

"Ư hừ," người nấu bếp ngân nga. Ông ta bỏ thức ăn vào các gói giấy nhỏ, chỉ dừng lại để gạt món tóc bò liếm đã ngả bạc ra khỏi mắt.

"Của cô đây," ông ta nói.

Cô ta đón lấy thức ăn mà không nhìn ông ta, và ông ta vui vẻ quay lại với cái vỉ nướng, miệng khe khẽ hát: "Loooove me tender, loooove me long, never let me go…"

Sable nhận thấy tiếng hát ngân nga của ông ta đối chọi với tiếng nhạc nền trong quán Chúa Burger, vốn là bài hát quảng cáo Chúa Burger được lặp đi lặp lại léo nhéo, và hắn ghi nhớ trong đầu là phải sa thải ông ta.

Xin-chào-tên-tôi-là-Marie đưa cho Sable BỮAĂN™ của hắn và chúc hắn một ngày tốt lành.

Hắn tìm thấy một cái bàn nhựa nhỏ, ngồi xuống trên cái ghế nhựa, và xem xét thức ăn.

Bánh mì giả. Burger giả. Khoai tây chiên chưa bao giờ được thấy mặt khoai tây. Nước xốt không thức ăn. Thậm chí còn có cả (và Sable đặc biệt hài lòng với nó) một lát dưa chuột muối giả

nữa. Hắn không buồn kiểm tra cốc sữa lắc. Nó chẳng có tí thực phẩm thật nào, nhưng món sữa lắc mà các đối thủ của hắn bán ra thì cũng vậy thôi.

Xung quanh hắn, mọi người đang ăn thứ thức ăn giả, nếu không phải là với vẻ thích thú rõ rệt thì cũng không có vẻ kinh tởm hơn so với ở các chuỗi burger khác trên toàn hành tinh.

Hắn đứng lên, đem cái khay ra chỗ đề XIN BỎ RÁC ĐÚNG NƠI QUY ĐỊNH và đổ tất cả vào đó. Nếu bạn bảo hắn là ở châu Phi đang có trẻ em chết đói thì hắn sẽ lấy làm hãnh diện vì bạn đã nhận ra.

Ai đó giật giật tay áo hắn. "Ông là Sable?" một người đàn ông nhỏ thó đeo kính, đầu đội mũ Hỏa tốc Quốc tế, tay cầm một gói giấy nâu, hỏi.

Sable gật đầu.

"Tôi cũng nghĩ là ông mà. Nhìn quanh, nghĩ, quý ông cao cao, để râu, bộ vét đẹp, chắc quanh đây không nhiều người như thế. Bưu phẩm cho ông, thưa ông."

Sable ký nhận bằng tên thật - hai từ, sáu chữ cái. Nghe giống như "cạn túi".

"Cảm ơn ông rất nhiều," người giao hàng nói. Ông ngừng lại. "Này," ông nói. "Người đứng sau quầy ấy. Ông có thấy ông ta giống ai không?"

"Không," Sable đáp. Hắn boa cho người giao hàng - năm đô - và mở cái gói ra.

Trong đó là một cái cân nhỏ.

Sable mỉm cười. Đó là một nụ cười mỏng dính, và nó biến mất gần như ngay lập tức.

"Cũng đến lúc rồi," hắn nói. Hắn đút cái cân vào túi, không quan tâm đến việc nó phá hỏng những đường nét thanh mảnh của bộ vét đen, và quay lại xe limo.

"Về văn phòng ạ?" tay tài xế hỏi.

"Ra sân bay," Sable đáp. "Và gọi trước đi. Đặt vé sang Anh cho tôi."

“Vâng. Vé khứ hồi đi Anh.”

Sable mân mê cái cân trong túi. “Vé một chiều thôi,” hắn nói. “Tôi sẽ tự về. À, và gọi văn phòng cho tôi, hủy hết mọi cuộc hẹn.”

“Đến bao giờ ạ, thưa sếp?”

“Cho đến hết tương lai trước mắt.”

Và trong quán chúa Burger, đằng sau quầy, người đàn ông mập mạp có lọn tóc bò liếm bỏ nửa tá burger nữa lên vỉ nướng. Ông ta là người hạnh phúc nhất thế giới, và ông ta đang hát, rất khẽ.

“… y’aint never caught a rabbit,” ông ta ngân nga một mình, “and y’ain’t no friend of mine…”

Bọn Chúng lắng nghe hết sức chăm chú. Trời đang mưa lất phất, những mảnh tôn cũ và vải sơn mòn sờn phủ trên mái hang ổ của chúng ở mỏ đá phấn gần như không che nổi, và chúng luôn đợi Adam nghĩ ra những trò tiêu khiển mỗi khi trời mưa. Chúng đã không thất vọng. Mắt Adam rực sáng vì niềm vui hiểu biết.

Phải đến ba giờ sáng nó mới ngủ thiếp đi dưới một chồng *Bảo Bình mới*.

“Và có một người tên là Charles Fort,” nó kể. “Ông ta có thể làm trời mưa ra cá và ếch và các thứ.”

“Hừ,” Pepper nói. “Tao dám *cá* là thế rồi. Ếch sống chứ?”

“Tất nhiên,” Adam nói, hứng thú với đề tài này. “Ếch nhảy tứ tung kêu ộp ộp đủ cả. Cuối cùng người ta phải trả tiền để ông ta đi chỗ khác, và, và…” Nó vắt óc cố nghĩ ra điều gì đó để làm thỏa mãn khán giả của mình; với Adam, đọc như thế cùng một lúc là nhiều lắm. “… Rồi ông ta bỏ đi trên thuyền *Mary Celeste* và lập ra Tam giác Quỷ Bermuda. Nó nằm ở vùng Bermuda ấy,” nó sốt sắng thêm vào.

“Không, làm sao ông ta làm thế được,” Wensleydale nghiêm nghị nói, “vì tao đã đọc về thuyền *Mary Celeste* rồi, trên đó

không có ai cả. Nó nối tiếng vì không có ai trên thuyền cả. Họ tìm thấy nó trôi nổi một mình, không có hành khách gì hết."

"Tao có bảo ông ta có mặt trên thuyền khi họ *tìm* thấy nó đâu?" Adam đanh đá nói. "Tất nhiên là ông ta không có đó rồi. Vì UFO(*) đã hạ cánh và đưa ông ta đi. Tao tưởng chuyện đó thì ai cũng *biết* chứ."

Bọn Chúng thoải mái hơn một chút. UFO thì chúng quen hơn. Nhưng chúng không chắc lắm về UFO Tân Thời; chúng đã lịch sự nghe Adam nói về đề tài này, nhưng không hiểu sao UFO hiện đại không ngầu bằng.

"Nếu *tao* là người ngoài hành tinh," Pepper lên tiếng, nói ra ý kiến của cả bọn, "thì tao sẽ chẳng đi khắp nơi nói với người ta về sự hòa hợp vũ trụ thần bí đâu. Tao sẽ nói," và giọng nó trầm xuống, khàn đi, như bị chặn bởi một cái mặt nạ đen độc ác, " 'Đây là *shúng la-zhe*, liệu hồn mà làm theo lời ta, đồ phiến quân bẩn thỉu.' "

Cả bọn gật gù. Một trò chơi yêu thích trong mỏ phấn dựa trên một loạt phim rất thành công với súng laser, người máy, và một cô công chúa vấn tóc như một cặp tai nghe™(*). (Không cần nói chúng cũng đồng ý với nhau rằng nếu có đứa nào phải đóng vai cô công chúa ngớ ngẩn thì đó sẽ không phải là Pepper.) Nhưng trò chơi thường kết thúc với trận ẩu đả khi chúng giành nhau đội cái xô đựng than™ và cho nổ tung các hành tinh. Adam giỏi trò này nhất - khi đóng vai phản diện, nghe như nó *có thể* cho nổ tung cả thế giới thật. Dù sao thì về mặt tính khí, Bọn Chúng cũng đứng về phe phá hủy thế giới, miễn là *cùng lúc đó* chúng cũng được phép giải cứu công chúa nữa.

"Tao ngờ là họ *từng* làm thế," Adam nói. "Nhưng giờ thì khác rồi. Họ đều có một quầng sáng màu xanh xung quanh người và đi làm việc tốt. Kiểu như cảnh sát vũ trụ ấy, bảo mọi người phải sống trong hòa hợp vũ trụ và đại loại thế."

Im lặng một thoáng khi mấy đứa kia nghĩ như thế thật là lãng phí những cái UFO còn tốt nguyên.

“Tao cứ băn khoăn,” Brian nói, “là tại sao họ lại gọi chúng là UFO khi họ biết đấy là đĩa bay. Ý tao là, chúng là Vật thể bay *có xác định* đấy chứ.”

“Đấy là vì chính phủ ém nhẹm đi hết,” Adam nói. “Hàng triệu đĩa bay hạ cánh suốt ngày, và chính phủ cứ ém nhẹm đi thôi.”

“Tại sao?” Wensleydale hỏi.

Adam ngần ngừ. Nó đã không đọc được lời giải thích ngắn gọn nào; *Bảo Bình mới* coi việc chính phủ luôn ém nhẹm mọi chuyện là nền tảng niềm tin của chính mình và cả các độc giả nữa.

“Vì họ là *chính phủ*,” Adam trả lời đơn giản. “Chính phủ luôn làm thế. Họ có một tòa nhà lớn ở London đầy những cuốn sổ ghi lại các việc họ đã ém nhẹm đi. Khi thủ tướng đến làm việc vào buổi sáng, việc đầu tiên ông ta làm là xem danh sách dài thòng những việc đã xảy ra trong đêm và đóng dấu đỏ to tướng lên chúng.”

“Tao cá là ông ấy uống một tách trà trước, rồi đọc báo,” Wensleydale nói, vào một dịp đáng nhớ trong kỳ nghỉ nó đã bất ngờ vào văn phòng của bố và đã có một vài ấn tượng nhất định. “Và tán gẫu về các chương trình trên tivi tối qua.”

“Ờ, được rồi, nhưng *sau đó* thì ông ta sẽ lấy ra cuốn sổ và con dấu to tướng.”

“Con dấu khắc chữ ‘Ém Nhẹm Đi’,” Pepper nói.

“Con dấu khắc chữ Tối Mật,” Adam nói, bực bội vì cái cố gắng sáng tạo lưỡng đảng này. “Giống như các nhà máy điện hạt nhân ấy. Chúng nổ suốt nhưng không ai biết vì chính phủ đã ém nhẹm đi hết.”

“Chúng đâu có nổ *suốt*,” Wensleydale gay gắt nói. “Bố tao bảo chúng an toàn cực kỳ và nhờ có chúng mà mình không phải sống trong nhà kính. Mà trong cuốn truyện tranh[(*)] của tao có một bức tranh to hình nhà máy điện hạt nhân và chẳng có gì nói nó bị nổ cả.”

“Ờ,” Brian nói, “nhưng sau mày có cho tao mượn cuốn truyện tranh đấy và tao biết đấy là *loại* tranh gì rồi.”

Wensleydale ngần ngừ, rồi nói bằng giọng nặng trĩu vì lòng kiên nhẫn bị thử thách ghê gớm. “Brian, chỉ bởi vì nó đề là Biểu Đồ Nổ(*)...”

Lại có một vụ ẩu đả nho nhỏ như mọi khi.

“Nghe đây,” Adam nghiêm khắc nói. “Bọn mày có muốn tao kể cho nghe về Thời Bảo bối không thì bảo?”

Vụ ẩu đả, vốn không bao giờ nghiêm trọng lắm giữa các thành viên khăng khít ruột thịt của Bọn Chúng, lập tức dừng lại.

“Được rồi,” Adam nói. Nó gãi đầu. “Giờ bọn mày làm tao quên mất tao kể đến đoạn nào rồi,” nó kêu ca.

“Đĩa bay,” Brian nhắc.

“Rồi. Rồi. Thế nhé, nếu bọn mày *có* thấy một cái UFO thì người của chính phủ sẽ đến nạt cho bọn mày một trận,” Adam nói, sôi nổi trở lại. “Trong một cái xe to màu đen. Ở Mỹ chuyện đó xảy ra suốt.”

Bọn Chúng gật đầu vẻ thông thái. Ít nhất về chuyện này thì chúng không nghi ngờ gì. Với chúng, nước Mỹ là nơi người tốt được đến khi họ lìa đời. Chúng sẵn sàng tin rằng bất kỳ chuyện gì cũng có thể xảy ra ở Mỹ.

“Có khi tắc cả đường ây,” Adam nói, “vì những người đi xe đen này chạy khắp nơi nạt nộ mọi người vì đã nhìn thấy UFO. Họ bảo là nếu bọn mày cứ tiếp tục nhìn thấy UFO thì bọn mày sẽ gặp một Tai nạn Khủng khiếp.”

“Chắc là bị một cái xe đen to tướng chẹt phải,” Brian nói, cạy một cái vảy trên đầu gối cáu bẩn. Mặt nó bỗng sáng lên. “Bọn mày có biết không,” nó nói, “anh họ tao bảo là ở Mỹ có cửa hàng bán ba mươi chín vị kem khác nhau cơ đấy?”

Điều này khiến cả Adam cũng phải im lặng trong chốc lát.

“Làm gì có đến ba mươi chín vị kem,” Pepper nói. “Trên đời cũng chẳng có đến ba mươi chín vị.”

“Có chứ, nếu mày trộn chúng lại,” Wensleydale nói, chớp chớp mắt như cú. “Mày biết đấy. Dâu *với* sô cô la. Sô cô la *với* vani.” Nó cố nghĩ thêm các vị khác của Anh. “Dâu *với* vani *với* sô cô la,” nó ỉu xìu nói thêm.

“Rồi còn có cả Atlantis nữa,” Adam nói to.

Nó đã thu hút được sự chú ý của chúng. Chúng rất thích Atlantis. Các thành phố bị chìm dưới đáy biển đúng là kiểu của Bọn Chúng. Chúng chăm chú lắng nghe một câu chuyện lộn xộn về kim tự tháp, các tu sĩ kỳ dị, và những bí mật cổ đại.

“Thế nó bị chìm đột ngột hay từ từ?” Brian hỏi.

“Vừa đột ngột *vừa* từ từ,” Adam nói, “vì rất nhiều người ở đó đã trốn đi bằng thuyền đến các nước khác và dạy họ các môn toán, tiếng Anh, lịch sử *và* mấy thứ đại loại thế.”

“Thế thì có gì là hay,” Pepper nói.

“Lúc nó đang chìm thì cũng vui chứ,” Brian tiếc rẻ nói, nhớ lại cái lần làng Tadfield Hạ bị lụt. “Mọi người sẽ phải đi giao báo và sữa bằng thuyền, không ai phải đi học cả.”

“Nếu *tao* là người Atlantis, thì tao sẽ ở lại,” Wensleydale nói. Câu này nhận được một tràng cười giễu cợt, nhưng nó vẫn nói tiếp. “Chỉ cần đội mũ thợ lặn thôi. Và đóng đinh bịt tất cả cửa sổ lại rồi xả không khí vào đầy nhà. Sẽ tuyệt lắm.”

Adam đón nhận ý tưởng này với cái nhìn lạnh lùng nó dành riêng cho bất kỳ đứa nào trong Bọn Chúng dám nghĩ ra một ý tưởng mà nó ước mình đã nghĩ ra trước.

“Họ *có thể* làm thế,” nó thừa nhận, vẻ hơi miễn cưỡng. “Sau khi đã cho các giáo viên lên thuyền đi hết. Có lẽ tất cả những người khác đều ở lại khi nó chìm xuống.”

“Cũng không phải tắm nữa,” Brian nói, vốn luôn bị bố mẹ nó bắt tắm nhiều hơn mức mà nó nghĩ là có lợi cho sức khỏe. Nhưng cũng chẳng ích gì. Bẩn thỉu dường như đã *ăn sâu* vào Brian rồi. “Vì mọi thứ lúc nào cũng sạch. Và, và, mình có thể trồng tảo ngoài vườn và bắn cá mập. Và nuôi bạch tuộc các kiểu làm thú cưng nữa. Và không phải đi học vì họ đã tống hết các giáo viên đi rồi.”

“Có khi giờ họ vẫn còn dưới đó ấy chứ,” Pepper nói.

Chúng nghĩ về những người Atlantis, trên mình khoác chiếc áo choàng thần bí, đầu đội bể cá vàng, sống vui vẻ dưới làn nước cuộn sóng của biển khơi.

“Hờ,” Pepper nói, tóm tắt lại cảm xúc của cả bọn.

“Giờ bọn mình làm gì đây?” Brian nói. “Trời quang hơn một tí rồi đấy.”

Cuối cùng chúng quyết định chơi trò Charles Fort Khám Phá. Trò này bao gồm một đứa Bọn Chúng đi quanh với tàn tích cổ của một cái ô, trong khi những đứa khác đổ mưa đầy ếch xuống nó, hay đúng hơn là chỉ có một con ếch thôi, chúng chỉ tìm được một con trong ao. Đó là một cụ ếch già, đã quen mặt Bọn Chúng lắm rồi và chịu đựng sự chú ý của chúng, coi đó là cái giá cụ phải trả cho một cái ao không có chim cuốc và cá chó. Cụ kiên nhẫn cho chúng chơi một lát trước khi nhảy đến một chỗ trốn bí mật đến giờ vẫn chưa bị phát hiện trong một ống cống cũ.

Rồi cả bọn về nhà ăn trưa.

Adam rất hài lòng với những gì làm được sáng hôm đó. Nó đã luôn *biết* thế giới là một nơi thú vị, và trí tưởng tượng của nó đã đưa vào thế giới ấy nào là hải tặc, cướp đường, điệp viên, phi hành gia, và các thứ tương tự. Nhưng nó cũng có một mối nghi ngờ day dứt rằng, nếu ta suy nghĩ về mọi chuyện một cách nghiêm túc, thì đó chỉ là những thứ trong sách và không còn thật sự tồn tại nữa.

Còn mấy vụ Thời Bảo bối này mới *đúng là* thật. Người lớn đã viết nhiều sách về chuyện đó (tạp chí *Bảo Bình mới* đầy quảng cáo cho những cuốn sách này) và Chân To, Người Bướm, Người Tuyết, thủy quái, và báo đen Surrey *thực sự* có thật. Nếu Cortez, trong lúc đứng trên đỉnh Darien(*), bị ướt chân vì đi bắt ếch, thì chắc ông cũng có cảm giác y hệt Adam lúc này.

Thế giới sáng bừng, kỳ lạ, và nó đang ở giữa nơi đó.

Nó ăn vội ăn vàng bữa trưa rồi về phòng, vẫn còn vài số *Bảo Bình mới* nó chưa đọc.

Chỗ ca cao đã biến thành một thứ bùn nâu quánh đầy nửa cái cốc.

Một số người đã dành cả trăm năm để giải mã các lời tiên tri của Agnes Nutter. Phần lớn họ đều rất thông minh. Anathema Device, người có thể coi gần như *là* Agnes hết mức mà phiêu bạt di truyền cho phép, là người giỏi nhất trong số họ. Nhưng không có ai trong số đó là thiên thần cả.

Nhiều người khi gặp Aziraphale lần đầu đã có ba ấn tượng: y là người Anh, y rất thông minh, và y bóng lộn hơn cả một cái gương trát mỡ. Hai trong số này là sai; Thiên đường không nằm ở nước Anh, cho dù một số thi sĩ có nghĩ gì đi chăng nữa, và các thiên thần đều không có giới tính trừ phi họ thật sự muốn. Nhưng y thông minh *thật*. Và đó là trí thông minh của thiên thần, tức là dù không cao hơn trí thông minh của con người là mấy, nhưng lại bao quát hơn nhiều và có lợi thế của hàng ngàn năm thực hành.

Aziraphale là thiên thần đầu tiên có máy tính. Đó là một cái máy tính vỏ nhựa rẻ tiền chậm rề, được quảng cáo là lý tưởng cho các hộ kinh doanh nhỏ. Aziraphale chỉ nghiêm túc dùng nó để tính toán sổ sách, vốn chính xác đến mức cơ quan thuế đã kiểm tra y tới năm lần vì họ một mực tin rằng y đang lẩn trốn một vụ sát nhân ở đâu đó.

Nhưng những tính toán này thuộc loại mà không máy tính nào làm được. Thỉnh thoảng y lại ngoáy vài dòng lên một tờ giấy bên cạnh. Tờ giấy đầy những biểu tượng mà chỉ tám người khác trên thế giới có thể hiểu được; hai trong số họ đã đoạt giải Nobel, còn một trong số sáu người còn lại thì nhỏ dãi rất nhiều và không được phép cầm thứ gì sắc vì ông ta có thể gây nguy hiểm với cái đó.

Anathema ăn trưa bằng xúp miso và nghiền ngẫm mấy tấm bản đồ. Không nghi ngờ gì nữa, khu vực quanh Tadfield rất nhiều pháp mạch; ngay cả mục sư Watkins nổi tiếng cũng đã xác

định được vài đường. Nhưng trừ phi cô hoàn toàn nhầm, thì chúng đang bắt đầu thay đổi vị trí.

Suốt tuần qua cô đã dùng máy kinh vĩ và quả lắc để dò chúng, và bản đồ vùng Tadfield của sở đạc điền giờ đã đầy những chấm và mũi tên nhỏ.

Cô nhìn chúng chằm chằm hồi lâu. Rồi cô cầm lên một cái bút dạ và bắt đầu nối chúng với nhau, thỉnh thoảng lại tra cứu các ghi chép trong sổ.

Đài đang bật. Cô không để tâm nghe. Vì vậy khá nhiều tin tức chính đã trôi tuột qua đôi tai hờ hững của cô, và phải đến khi một đôi từ khóa xuyên vào ý thức thì cô mới dỏng tai lên.

Ai đó được gọi là Một Phát ngôn viên có vẻ gần như hoảng loạn.

"... nguy hiểm với các nhân viên hoặc cộng đồng," ông ta đang nói.

"Và chính xác là bao nhiêu nhiên liệu hạt nhân đã biến mất?" Im lặng một thoáng. "Chúng tôi không muốn nói là chúng đã biến mất," phát ngôn viên đáp. "Không phải biến mất. Tạm thời thất lạc thì đúng hơn."

"Ý ông là chúng vẫn còn ở hiện trường?"

"Chắc chắn chúng tôi không nghĩ ra bất cứ cách nào để có thể đưa chúng ra khỏi đó," phát ngôn viên nói.

"Hẳn các vị đã nghĩ đến hành động khủng bố?"

Lại im lặng một thoáng. Rồi phát ngôn viên nói, với cái giọng nhỏ nhẹ của người đã chịu quá đủ rồi, và sau vụ này sẽ bỏ việc để đi nuôi gà, "Vâng, tôi đoán là chúng tôi phải nghĩ vậy. Chúng ta chỉ cần tìm ra một nhóm khủng bố có khả năng dỡ bỏ toàn bộ một lò phản ứng hạt nhân ra khỏi chỗ của nó trong lúc nó đang chạy mà không ai nhận ra. Nó nặng chừng một ngàn tấn và cao mười hai mét. Vì vậy chúng phải là những tên khủng bố khá *khỏe*. Có lẽ anh nên gọi điện cho chúng, thưa anh, và phỏng vấn chúng bằng cái giọng khinh khỉnh, buộc tội ấy đi."

"Nhưng ông nói là nhà máy vẫn đang sản xuất ra điện mà," người phỏng vấn hổn hển.

“Đúng thế.”

“Làm sao có thể thế được nếu nó không còn lò phản ứng?”

Ta có thể tưởng tượng ra nụ cười điên rồ của phát ngôn viên, ngay cả khi nghe qua đài. Ta có thể thấy cái bút của ông ta lơ lửng trên mục “Trang trại cần bán” trong tạp chí *Thế giới gia cầm*. “Chúng tôi không biết,” ông ta nói. “Chúng tôi đang hy vọng đám biết tuốt ở đài BBC các anh sẽ có ý tưởng gì đó.”

Anathema nhìn xuống tấm bản đồ.

Cái cô đang vẽ nhìn như một thiên hà, hay kiểu chạm khắc thường thấy trên các phiến đá Xentơ hạng cao.

Các pháp mạch đang dịch chuyển. Chúng đang tạo thành một xoáy ốc.

Xoáy ốc đó có trung tâm - không chính xác lắm, có thể có một vài sai số, nhưng vẫn là trung tâm - ở làng Tadfield Hạ.

◇

Cách đó vài ngàn cây số, gần như cùng thời điểm Anathema đang nhìn trân trối vào hình xoáy ốc, thì du thuyền *Morbilli* đang bị mắc cạn giữa ba trăm sải nước.

Với thuyền trưởng Vincent, đây chỉ là một vấn đề nữa. Ví dụ, ông biết mình nên liên lạc với chủ thuyền, nhưng ông không bao giờ biết được, theo ngày - hoặc theo giờ, trong cái thế giới được số hóa tất tật này - rằng ai mới là chủ sở hữu hiện tại của con thuyền.

Máy tính, vấn đề chính là ở chỗ chết tiệt đó. Giấy tờ của con thuyền đã được số hóa hết và nó có thể chuyển sang cờ phương tiện(*) nào lợi nhất vào lúc đó chỉ trong nháy mắt. Hệ thống hoa tiêu của thuyền cũng đã được số hóa, liên tục cập nhật vị trí thuyền bằng vệ tinh. Thuyền trưởng Vincent đã kiên nhẫn giải thích với chủ thuyền, bất kể đấy là ai, rằng vài trăm mét vuông thép bọc và một thùng đinh tán sẽ là một khoản đầu tư tốt hơn,

và đã được cho biết rằng lời khuyên của ông không phù hợp với dự đoán hiện tại về dòng chảy chi phí/lợi nhuận.

Thuyền trưởng Vincent ngờ rằng, bất kể các thứ máy móc, con thuyền này nếu chìm sẽ đáng giá hơn là nổi, và có lẽ sẽ được coi là vụ đắm thuyền có vị trí chính xác nhất trong lịch sử hàng hải.

Ông ngồi bên bàn, lặng lẽ lật giở quyển *Mã hàng hải quốc tế*, với sáu trăm trang in những dòng tin ngắn nhưng đầy ý nghĩa, được tạo ra để có thể truyền đi khắp thế giới tin tức về bất kỳ sự kiện hàng hải nào có thể xảy ra, với tỷ lệ nhầm lẫn, và trên hết là kinh phí, được giảm tối đa.

Cái ông muốn gửi đi là thế này: Đang đi về hướng N-TN ở vị trí 33°B 47°72'T. Viên thuyền phó, mà hẳn các vị còn nhớ là được chỉ định ở New Guinea trái với ý kiến của tôi và có lẽ là một tay săn đầu người, đã dùng cử chỉ ra hiệu rằng có gì đó không ổn. Có vẻ một vùng đáy biển rộng đã dâng cao trong đêm. Trên đó có nhiều tòa nhà, khá nhiều trong số đó có hình thù giống kim tự tháp. Chúng tôi đang bị mắc cạn trong sân của một tòa nhà như thế. Có vài bức tượng nhìn khá ghê. Những ông già thân thiện mặc áo choàng dài, đội mũ lặn đã lên thuyền và đang vui vẻ làm quen với các hành khách đang tưởng chúng tôi là người tổ chức việc này. Xin cho chỉ thị.

Ngón tay tìm kiếm của ông lướt dọc trang giấy và dừng lại. Cuốn *Mã quốc* tế thật đáng tin cậy. Bộ mật mã này được phát minh ra từ tám mươi năm trước, nhưng người thời đó quả là đã nghĩ kỹ về những hiểm nguy ta có thể gặp phải ngoài biển sâu.

Ông cầm bút lên và viết: "XXXV QVVX."

Khi dịch ra, mã này có nghĩa là: "Đã tìm thấy Lục địa Atlantis Mất tích. Pháp sư Tối cao vừa thắng cuộc thi ném vòng."

"Không phải!"

"Phải!"

"Không phải!"

“Phải!”

“Không phải… được rồi, thế núi lửa thì sao?” Wensleydale ngồi xuống, vẻ mặt đắc thắng.

“Chúng thì sao?” Adam hỏi.

“Cả đống bọt ấy trào từ tâm Trái đất lên, ở dưới đó cực nóng,” Wensleydale nói. “Tao đã xem một chương trình trên tivi. Có cả David Attenborough(*), nên cái đấy là thật.”

Mấy đứa Bọn Chúng còn lại nhìn Adam. Cứ như xem một trận quần vợt vậy.

Giả thuyết Trái đất Rỗng không được đón nhận nồng nhiệt ở mỏ phấn. Một ý tưởng kỳ thú đã đứng vững trước sự săm soi của những nhà tư tưởng vĩ đại như Cyrus Read Teed, Bulwer-Lytton và Adolf Hitler giờ lại đang lung lay đáng ngại trước ngọn gió là logic mạnh mẽ sau cặp kính của Wensleydale.

“Tao có bảo nó rỗng tuếch đâu,” Adam nói. “Không ai bảo nó rỗng *tuếch* cả. Có lẽ nó phải sâu nhiều cây số để có chỗ cho bọt, dầu, than đá, đường hầm Tây Tạng và các thứ đại loại. Rồi sau đây nó mới rỗng. Mọi người nghĩ thế. Và ở Bắc Cực có một cái lỗ để thông khí.”

“Tao chưa bao giờ thấy nó ở trên bản đồ,” Wensleydale khịt mũi.

“Chính phủ không cho họ vẽ lên bản đồ vì sợ mọi người sẽ đến nhòm vào,” Adam nói. “Là vì những người sống dưới đấy không muốn bị nhòm ngó suốt ngày.”

“Mày nói đường hầm Tây Tạng là sao?” Pepper hỏi. “Mày đã nói đường hầm Tây Tạng.”

“À. Tao chưa kể cho bọn mày nghe à?”

Ba cái đầu lắc quầy quậy.

“Hay cực. Bọn mày biết Tây Tạng chứ?”

Chúng ngần ngừ gật đầu. Một loạt các hình ảnh đã hiện lên trong đầu chúng: bò lông dài, đỉnh Everest, những người tên là Châu Chấu(*), những ông già nhỏ thó ngồi trên núi, những người khác học kung fu ở các ngôi đền cổ kính, và tuyết.

"Ờ, thế bọn mày có nhớ những giáo viên đã rời khỏi Atlantis khi nó chìm không?"

Chúng lại gật đầu.

"Ờ, một vài người bọn họ đã đến Tây Tạng và giờ họ *điều khiển* thế giới này. Họ được gọi là các Tông sư Giấu Mặt. Vì họ là giáo viên, tao đoán vậy. Và họ có một thành phố ngầm bí mật tên là Shambala, có đường hầm dẫn đến mọi nơi trên thế giới, nên họ biết hết mọi chuyện và kiểm soát mọi thứ. Vài người đoán thực ra họ sống dưới sa mạc Gobby(*)," nó vênh vang thêm vào, "nhưng các chuyên gia uy tín nhất nghĩ rằng họ ở Tây Tạng đấy. Dù sao ở đấy cũng dễ đào hầm hơn."

Theo phản xạ, Bọn Chúng vội nhìn xuống lớp phấn cáu bẩn, đầy đất dưới chân chúng.

"Làm sao họ biết hết mọi chuyện được?" Pepper hỏi.

"Họ chỉ việc nghe lỏm thôi, đúng không?" Adam nói đại. "Họ chỉ việc ngồi trong đường hầm và nghe lỏm. Mày biết các thầy cô giáo thính tai thế nào rồi đấy. Họ có thể nghe thấy tiếng thì thào ở tận cuối lớp."

"Bà tao thường úp một cái cốc lên tường," Brian nói. "Bà bảo thật là phát tởm, bà nghe được hết mọi chuyện ở nhà bên ấy."

"Và các đường hầm này dẫn đến mọi nơi hả?" Pepper hỏi, vẫn nhìn xuống đất.

"Khắp nơi trên thế giới," Adam quả quyết.

"Chắc là tốn thời gian lắm," Pepper nghi ngờ nói. "Bọn mày có nhớ cái lần mình định đào đường hầm ngoài đồng không, mất cả buổi chiều mà phải co rúm lại mới chui vừa cả bọn."

"Ừ, nhưng họ đã đào hầm từ cả triệu năm rồi. Nếu có cả triệu năm thì mày cũng đào được vô khối đường hầm."

"*Tao* tưởng Tây Tạng là thuộc Trung Quốc và Đại Lải Lạ Ma(*) đã phải trốn sang Ấn Độ," Wensleydale nói, nhưng có vẻ không chắc chắn lắm. Tối nào Wensleydale cũng đọc báo của bồ nó, nhưng những sự việc thường ngày tẻ ngắt của thế giới dường

như luôn tan chảy trước những lời giải thích đầy khí lực của Adam.

"Tao dám cá là giờ họ đang ở dưới đó," Adam nói, lờ câu kia đi. "Giờ họ đã ở khắp nơi rồi. Ngồi dưới lòng đất và nghe lỏm."

Chúng nhìn nhau.

"Nếu bọn mình đào xuống thật nhanh..." Brian nói. Pepper, vốn nhanh trí hơn nhiều, rên lên một tiếng.

"Sao mày phải nói thế làm gì?" Adam nói. "Giờ thì mình khiến họ bất ngờ làm sao được nữa, Nếu mày cứ lu loa lên như thế. Tao vừa mới nghĩ bọn mình có thể đào xuống thì mày lại đi báo trước với họ!"

"Tao không nghĩ là họ đào được những đường hầm đấy," Wensleydale bướng bỉnh nói. "Hết sức là *vô lý*. Tây Tạng cách đây cả trăm cây số í chứ."

"À, phải rồi. Phải rồi. Tao đoán là mày biết nhiều về chuyện đó hơn bà Blatvatatatsky(*) chứ gì?" Adam khịt mũi.

"Này, Nếu *tao* là người Tây Tạng," Wensleydale nói bằng giọng rất chi khôn ngoan, "tao sẽ đào thẳng xuống chỗ rỗng ở giữa rồi chạy bên trong và đào thẳng lên chỗ tao muốn lên."

Cả bọn nghiêm túc cân nhắc ý tưởng ấy.

"Mày phải thừa nhận cái đó hợp lý hơn là đường hầm," Pepper nói.

"Ừ, tao đoán là họ làm thế," Adam nói. "Kiểu gì họ chả nghĩ ra cách đơn giản như thế."

Brian mơ màng nhìn lên trời, trong khi ngón tay nó ngoáy một bên tai.

"Cũng buồn cười nhỉ," nó nói. "Mình mất cả đời đến trường và học các thứ, Thế mà thầy cô chẳng bao giờ cho mình biết về Tam giác Bermuda hay UFO và các Lão Sư chạy khắp nơi trong lòng đất. Tại sao bọn mình lại phải học về các thứ chán ngắt trong khi có bao nhiêu chuyện hay ho bọn mình có thể học, tao muốn biết lý do."

Cả bọn đều lên tiếng đồng tình.

Rồi chúng đi chơi trò Charles Fort và người Atlantis đấu với các Cổ Sư Tây Tạng, nhưng người Tây Tạng kêu dùng súng laser cổ thần bí là ăn gian.

Đã có thời lính săn phù thủy được kính trọng, nhưng chuyện đó không kéo dài lâu.

Ví dụ, Matthew Hopkins, Đại tướng Săn Phù thủy, đã tìm ra phù thủy trên khắp vùng phía đông nước Anh vào giữa thế kỷ mười bảy, bắt mỗi thị trấn và làng phải trả chín xu cho mỗi phù thủy ông ta tìm thấy.

Vấn đề là ở chỗ đó. Lính săn phù thủy không được trả công theo giờ. Một lính săn phù thủy bỏ ra một tuần theo dõi mấy bà già trong vùng rồi nói với ngài thị trưởng, "Khá lắm, không có mụ nào đội mũ chóp nhọn cả," thì sẽ chỉ nhận được lời cảm ơn rối rít, một bát xúp, và một lời từ biệt đầy ý nghĩa.

Vì vậy, để có lợi nhuận, Hopkins phải tìm ra thật nhiều phù thủy. Việc này khiến ông ta không được các hội đồng làng yêu quý cho lắm, và chính ông ta cũng bị buộc tội là phù thủy rồi bị treo cổ bởi một ngôi làng ở Đông Anglia - họ đã nhận ra một cách rất hợp lý là có thể cắt giảm chi phí bằng cách trừ khử người trung gian.

Nhiều người nghĩ Hopkins là Đại tướng Săn Phù thủy cuối cùng.

Nói một cách chính xác thì họ không sai. Nhưng có lẽ là không theo cách họ nghĩ. Đội quân Săn Phù thủy vẫn đều bước, chỉ hơi kín tiếng hơn một chút.

Không còn Đại tướng Săn Phù thủy thực sự nữa.

Cũng không còn Đại tá Săn Phù thủy, Đại úy Săn Phù thủy, hay thậm chí là Trung úy Săn Phù thủy nữa (người cuối cùng đã chết vì ngã từ một cái cây rất cao ở Caterham năm 1933, trong lúc cố nhìn cho rõ hơn cái mà anh ta nghĩ là một cuộc truy hoan vô cùng thác loạn của các tín đồ Satan, nhưng thực ra là bữa tiệc

tối khiêu vũ hằng năm của Liên hiệp Thương nhân Kinh tế vùng Caterham và Whyteleafe).

Nhưng lại có một Trung sĩ Săn Phù thủy.

Và giờ có cả một Binh nhì Săn Phù thủy nữa. Tên cậu là Newton Pulsifer.

Chính mẩu quảng cáo đã thuyết phục cậu, mẩu quảng cáo trên tờ *Gazette*, giữa quảng cáo bán tủ lạnh và một lứa chó con không-hẳn-là chó đốm:

HÃY GIA NHẬP GIỚI CHUYÊN NGHIỆP.

CẦN TUYỂN TRỢ LÝ BÁN THỜI GIAN ĐỂ CHỐNG LẠI CÁC THẾ LỰC BÓNG TỐI. CUNG CẤP ĐỒNG PHỤC VÀ HUẤN LUYỆN CƠ BẢN. CHẮC CHẮN SẼ ĐƯỢC THĂNG TIẾN.

ĐÀN ÔNG LÊN!

Đến giờ ăn trưa cậu liền gọi vào số điện thoại ở cuối mẩu quảng cáo. Một giọng nữ trả lời.

"Xin chào," cậu rụt rè nói. "Tôi đã đọc được quảng cáo của bà."

"Cái nào hả cưng?"

"Ờ, cái trên báo ạ."

"À, được rồi. Bà Tracy Vén Màn vào các buổi chiều trừ thứ Năm. Cậu có thể mời thêm người. Cậu muốn Khám phá Bí ẩn vào lúc nào, cưng?"

Newton ngần ngừ. "Mẩu quảng cáo nói 'Hãy gia nhập Giới Chuyên nghiệp'," cậu nói. "Không thấy nhắc gì đến bà Tracy cả."

"À, thế là cậu phải nói chuyện với ông Shadwell. Đợi chút nhé, để tôi xem ông ấy có nhà không."

Lúc sau, khi đã quen hơn với bà Tracy, Newt phát hiện ra là nếu cậu đã nhắc đến mẩu quảng cáo kia, mẩu quảng cáo trên tạp chí, thì bà Tracy sẽ cung cấp dịch vụ giáo dục nghiêm khắc và

mát xa thân mật vào các buối tối trừ thứ Năm. Còn một mấu quảng cáo nữa dán trong hộp điện thoại công cộng ở đâu đó. Rất lâu sau đó, Newt hỏi bà quảng cáo này nói về việc gì, và bà trả lời "Thứ Năm". Mãi rồi cũng có tiếng chân bước trên hành lang không trải thảm, tiếng ho khàn đục, và một giọng nói có màu áo mưa cũ quát lên:

"Gì?"

"Tôi đã đọc được quảng cáo của ông. 'Hãy gia nhập giới chuyên nghiệp.' Tôi muốn biết thêm."

"Ừ. Có nhiều người muốn biết thêm, và cũng có nhiều người..." giọng nói chuội đi thấy rõ, rồi lại lớn tiếng như trước, "... nhiều người KHÔNG MUỐN BIẾT."

"Ồ," Newton lí nhí.

"Tên cậu là gì?"

"Newton ạ. Newton Pulsifer."

"*LUCIFER* ấy à? Cậu vừa nói gì? Cậu là Hậu duệ Bóng tối, một sinh vật xúi giục rù quyến từ dưới Địa ngục, chân cẳng lông lá bốc hơi từ nồi da nấu thịt của Hades, phải làm nô lệ dâm ô khốn khổ cho những chủ nhân u hồn hắc ám chốn Địa ngục hả?"

"Là Pulsifer ạ," Newton giải thích. "Bắt đầu bằng chữ P. Tôi không biết mấy chuyện kia là thế nào, nhưng gia đình tôi quê ở Surrey."

Giọng nói ở đầu dây bên kia có vẻ hơi thất vọng.

"À. ừ. Được rồi. Pulsifer. *Pulsifer*. Hình như ta đã thấy cái tên này ở đâu đó thì phải?"

"Tôi không biết," Newton nói. "Chú tôi có cửa hàng bán đồ chơi ở Hounslow," cậu nói thêm, biết đâu người kia lại nhận ra.

"Thế hửửử?" Shadwell nói.

Không thể biết chất giọng của Shadwell thuộc vùng nào. Nó chạy quanh nước Anh như một cuộc đua xe đạp. Chỗ này thì là một trung sĩ huấn luyện điên rồ người Wales, chỗ kia lại là một trưởng lão Giáo hội Scotland vừa mới bắt gặp ai đó đang làm gì vào Chủ nhật(*), đâu đó giữa hai cực ấy là một người chăn cừu

khắc khổ ở Daleland, hoặc một lão hà tiện cay độc ở Somerset. Nhưng có là giọng nào thì cũng chẳng quan trọng; đằng nào đấy cũng là một thứ giọng như đấm vào tai.

"Cậu còn đầy đủ răng chứ?"

"Có ạ. Trừ những cái phải trám."

"Cậu khỏe mạnh chứ?"

"Chắc vậy ạ," Newt lắp bắp. "Ý tôi là, vì thế tôi mới muốn gia nhập dân quân. Brian Potter ở phòng kế toán đã có thể đẩy tạ nằm một trăm kí kể từ hồi cậu ta tham gia. Và cậu ta còn được diễu hành trước mặt thái hậu nữa."

"Có bao nhiêu núm vú?"

"Dạ?"

"Núm vú ấy mà, cu con, núm vú ấy," giọng nói cáu kỉnh vang lên. "Cậu có bao nhiêu núm vú?"

"Ờ. Hai ạ?"

"Tốt. Cậu có kéo riêng chứ?"

"Gì ạ?"

"Kéo! *Kéo* ấy! Cậu điếc à?"

"Không. Có. Ý tôi là, tôi có kéo. Tôi không bị điếc."

Cốc ca cao đã gần như cứng ngắc. Những sợi tơ xanh đang mọc lên trong lòng cốc.

Trên người Aziraphale cũng phủ một lớp bụi mỏng.

Chồng giấy ghi chép đang cao dần bên cạnh y. Cuốn *Những Lời Tiên tri Tuyệt đích và Chuẩn xác* đã bị gắn một đống thẻ đánh dấu trang xé ra từ báo *Điện tín hằng ngày*.

Aziraphale cựa mình, và day day sống mũi.

Y sắp đến đích rồi.

Y đã hình dung được.

Y chưa bao giờ gặp Agnes. Rõ ràng là bà quá thông minh. Thường thì Thiên đường hoặc Địa ngục sẽ tìm thấy những

người có tài tiên tri và phát ra đủ tiếng nhiễu trên kênh tâm trí của họ để ngăn họ đưa ra những lời tiên tri chính xác quá mức. Thực ra, chỉ họa hoằn lắm mới cần đến cách đó, vì thường thì họ sẽ tự tìm được cách gây nhiễu để bảo vệ mình khỏi những hình ảnh vang vọng trong đầu họ. Ví dụ, Thánh John già khốn khổ dùng nấm. Má Shipton dùng rượu bia. Nostradamus có một bộ sưu tập thú vị đủ loại dược liệu của phương Đông. Thánh Malachi thì có lò chưng cất.

Ôi Malachi già cả. Ông ta là một ông già dễ mến, cứ ngồi đó mơ mộng về các vị giáo hoàng tương lai. Tất nhiên là một tay nát rượu. Lẽ ra ông ta đã có thể là một nhà tư tưởng thực sự, nếu không bập vào cái món rượu lậu ấy.

Một kết cục đáng buồn. Đôi khi ta thực sự chỉ biết hy vọng rằng kế hoạch bất khả tư nghị đã được suy tính cẩn thận.

Suy tính. Có một việc y phải làm. À, phải rồi. Gọi điện và thử tìm hiểu xem.

Y đứng dậy, vươn vai, rồi gọi điện.

Rồi y thầm nghĩ: sao không chứ? Cũng đáng thử.

Y quay lại lật giở qua đống giấy ghi chép. Quả thực Agnes đã rất giỏi. Và thông minh. Không ai quan tâm đến các lời tiên tri chính xác cả.

Điện thoại trong tay, y gọi cho Tổng đài Hỏi đáp.

"A lô? Xin chào. Tốt quá. Vâng. Đây là số ở Tadfield, tôi nghĩ vậy. Hoặc Tadfield Hạ... à. Có thể là Norton, tôi không dám chắc mã chính xác là gì. Vâng. Young. Tên là Young. Xin lỗi, không có chữ đầu tên. À. Vâng, cho tôi xin tất cả được không? Cảm ơn."

Trên bàn, một cái bút chì tự đứng dậy và bắt đầu điên cuồng viết xuống.

Đến cái tên thứ ba thì nó bị gãy ngòi.

"À," Aziraphale nói, miệng y đột nhiên tự động nói trong lúc trí não y nổ tung. "Tôi nghĩ đúng là số này rồi. Xin cảm ơn. Thật tốt quá. Chúc một ngày tốt lành."

Y gác máy với vẻ gần như thành kính, hít vài hơi thật sâu, rồi lại quay số. Y hơi khó khăn một chút với ba số cuối, vì tay y đang

run.

Y lắng nghe tiếng chuông đổ. Rồi một giọng trả lời. Đó là một giọng trung niên, không phải là không thân thiện, nhưng có lẽ vừa ngủ trưa dậy nên không thấy vui vẻ cho lắm.

Giọng đó nói, "Tadfield sáu-sáu-sáu đây."

Tay Aziraphale bắt đầu run lên.

"A lô?" ông nói vang lên. "A lô."

Aziraphale cố trấn tĩnh.

"Xin lỗi," y nói. "Đúng số rồi."

Y cúp máy.

Newton không bị điếc. Và đúng là cậu có kéo riêng. Cậu cũng có cả một chồng báo to tướng.

Nếu cậu biết đời sống quân đội chủ yếu bao gồm việc dính cái này vào cái kia thì cậu đã chẳng gia nhập, cậu thường nghĩ vậy.

Trung sĩ Săn Phù thủy Shadwell đã cho cậu một danh sách, được dán lên tường trong căn hộ nhỏ xíu chật chội của Shadwell bên trên Cửa hàng Sách báo và cho thuê băng đĩa của Rajit. Danh sách đó như sau:

1. Phù thủy.

2. Các Hiện tượng Kỳ lạ. Hiện tạng. Hiện tiếng. Các thứ ấy mà, cậu biết ý ta rồi đấy.

Newt đang tìm một trong hai thứ. Cậu thở dài và cầm một tờ báo khác lên, lướt qua trang đầu, mở báo ra, không đọc trang hai (trang hai chẳng bao giờ có gì) và đỏ bừng mặt khi phải đếm núm vú ở trang ba(*). Shadwell khăng khăng bắt cậu làm thế. "Không thể tin được chúng, bọn xảo quyệt ấy," lão nói. "Chúng đúng là cái kiểu phơi mình ra giữa thanh thiên bạch nhật như thế để thách thức chúng ta."

Một cặp đôi mặc áo cổ lọ màu đen trừng mắt với máy ảnh ở trang chín. Họ tuyên bố dẫn đầu một hội phù thủy lớn nhất ở Saffron Walden, và có thể phục hồi năng lực tình dục bằng cách

sử dụng những con búp bê nhỏ hình dương cụ. Báo sẽ tặng mười con búp bê này cho độc giả nào sẵn lòng gửi đến các câu chuyện về "Khoảnh khắc Bất lực Ê chề Nhất của Tôi". Newt cắt bài báo đó ra và dán nó vào một quyển sổ.

Có tiếng đập thịch thịch ngoài cửa.

Newt ra mở; một chồng báo đứng đó. "Tránh ra, Binh nhì Pulsifer," nó quát, rồi khệ nệ bước vào phòng. Chồng báo rơi xuống đất, lộ ra Trung sĩ Săn Phù thủy Shadwell, lão ho sù sụ rồi châm lại điếu thuốc vừa tắt.

"Cậu phải để mắt đến hắn. Hắn là một trong số *chúng* đấy," lão nói.

"Ai cơ ạ?"

"Nghỉ, Binh nhì. Hắn ấy. Tên da nâu ấy. Kẻ được gọi là Rajit ấy. Mấy bức tranh nước ngoài kinh khủng đấy. Vị thần nhỏ màu vàng mắt hồng ngọc nheo nheo. Đàn bà nhiều tay. Toàn một lũ phù thủy cả."

"Dù sao ông ấy cũng cho chúng ta báo miễn phí mà, thưa Trung sĩ," Newt nói. "Và báo cũng không quá cũ."

"Và tà thuật nữa. Ta dám cá là hắn dùng tà thuật. Hiến tế gà cho tên Nam tước Ngày thứ Bảy.(*) Cậu biết đấy, thằng cha da đen cao to đội mũ cao thành ấy mà. Gọi người chết sống dậy, đúng thế, và bắt họ làm việc vào ngày Sabbath. Tà thuật." Shadwell khịt mũi vẻ nghi ngờ.

Newt cố hình dung ông chủ nhà của Shadwell là kẻ sử dụng tà thuật. Chắc chắn là ông Rajit có làm việc vào ngày Sabbath. Thật ra, cùng với bà vợ mũm mĩm ít nói và lũ con mũm mĩm vui tươi của mình, ông làm việc thâu đêm suốt sáng, bất kể ngày giờ, miệt mài đáp ứng yêu cầu của người dân quanh đó về nước ngọt có ga, bánh mì trắng, thuốc lá, kẹo, báo, tạp chí, và loại sách báo khiêu dâm được cất trên giá cao mà mới chỉ nghĩ đến Newt đã chảy nước mắt. Điều tệ nhất ta có thể tưởng tượng ông Rajit sẽ làm với một con gà là bán nó khi đã quá hạn sử dụng.

"Nhưng ông Rajit là người gốc Bangladesh, hay Ấn Độ gì đó," cậu nói. "Tôi tưởng tà thuật đến từ vùng Tây Ấn chứ."

“À,” Trung sĩ Săn Phù thủy Shadwell nói, và rít một hơi thuốc nữa. Hay có vẻ như vậy. Newt chưa bao giờ thực sự thấy điếu thuốc nào của cấp trên mình - chắc là do cái cách lão cúp bàn tay vào. Thậm chí lão còn làm đầu mẩu thuốc biến mất sau khi hút xong. “À.”

“Có phải thế không ạ?”

“Kiến thức bí truyền, nhóc ạ. Bí mật quân sự nội bộ của Đội quân Săn Phù thủy. Khi nào được thụ giáo hẳn hoi thì cậu cũng sẽ được biết chân lý bí mật. Một số tà thuật *có thể* đến từ Tây Ấn. Ta thừa nhận như vậy. À, phải, ta thừa nhận như vậy. Nhưng loại *khủng khiếp* nhất. Hắc ám nhất, nó đến từ, ừm…”

“Bangladesh?”

“Éééé! Đúng thế, nhóc, chính đó. Cậu nói hộ ta rồi đấy. Bangladesh. Chính xác.”

Shadwell làm đầu mẩu điếu thuốc biến mất, và lén lút quấn thêm một điêu nữa, không hề lộ ra giấy hay thuốc đâu.

“Vậy. Cậu tìm được gì không, Binh nhì Săn Phù thủy?”

“Ờ, có cái này ạ.” Newton chìa mẩu báo ra.

Shadwell nheo mắt nhìn. “À, *bọn này*,” lão nói. “Toàn thứ vớ vẩn. Tự gọi mình là phù thủy hả? Ta đã kiểm tra chúng nó năm ngoái. Đem theo cả một kho vũ khí ngay thẳng và một gói mồi lửa, cạy cửa ra, hóa ra là một đám sạch như lau như li. Chẳng qua là đang cố lăng xê dịch vụ bán sữa ong chúa qua thư thôi. Toàn thứ vớ vẩn. Có bị một con linh thú cắn vào mông quần họ cũng chẳng nhận ra. Vớ vẩn. Không giống ngày trước, nhóc ạ.”

Lão ngồi xuống và rót cho mình một cốc trà đường từ cái phích cáu bẩn.

“Ta đã kể cho cậu nghe việc ta được tuyển vào đội quân thế nào chưa nhỉ?” lão hỏi.

Newt coi đây là lời gợi ý cho cậu ngồi xuống. Cậu lắc đầu. Shadwell châm điếu thuốc cuốn bằng một cái bật lửa Ronson cũ nát và khẽ ho một tiếng vẻ biết ơn.

“Hắn là bạn cùng xà lim với ta. Đại tá Săn Phù thủy Ffolkes. Bị tù mười năm vì tội phóng hỏa. Đốt một hội phù thủy ở

Wimbledon. Lẽ ra đã xử được tất cả bọn chúng, Nếu hắn không đến nhầm ngày. Một tay tử tế. Kể cho ta nghe về cuộc chiến… cuộc chiến vĩ đại giữa Thiên đường và Địa ngục… chính hắn đã kể với ta về Bí mật Nội bộ của Đội quân Săn Phù thủy. Các linh thú. Núm vú. Tất cả…

"Hắn biết mình sắp chết, cậu hiểu không. Phải có ai đó nối tiếp truyền thống. Như cậu bây giờ ấy…" Lão lắc đầu.

"Chúng ta giờ sa sút đến mức này đây, nhóc ạ," lão nói. "Vài trăm năm trước, chúng ta hùng mạnh lắm. Chúng ta là phòng tuyến của thế giới trước bóng tối. Chúng ta là lằn ranh đỏ mong manh. Lằn ranh đỏ mong manh bằng lửa, hiểu không."

"Tôi tưởng nhà thờ…" Newt mở lời.

"Phào!" Shadwell nói. Newt từng đọc luận điểm này trên sách báo, nhưng đây là lần đầu tiên cậu nghe có người nói nó thành lời. "Nhà thờ ấy à? Họ làm nổi trò trống gì? Họ cũng tệ không kém. Cũng như nhau cả thôi. Ta không thể tin là họ sẽ dẹp bỏ quỷ sứ, vì làm thế thì họ thất nghiệp à. Nếu phải đối đầu với hổ, ta không muốn đi cùng những kẻ định săn hổ bằng cách ném thịt cho nó. Không, nhóc ạ. Tất cả phụ thuộc vào chúng ta. Chống lại bóng tối."

Im lặng hồi lâu.

Newt luôn cố nhìn ra điểm tốt đẹp nhất ở tất cả mọi người, nhưng ít lâu sau khi gia nhập ĐQSPT thì cậu đã nhận ra rằng cấp trên và đồng đội duy nhất của mình có đầu óc thăng bằng chỉ như một cái kim tự tháp lộn ngược. "Ít lâu" ở đây có nghĩa là trong vòng chưa đầy năm giây. Trung tâm đầu não của ĐQSPT là một căn phòng hôi hám với những bức tường màu nicotine, mà chắc chắn đó chính là nicotine, còn sàn có màu tàn thuốc, mà chắc chắn đó đích thị là tàn thuốc. Có một vuông thảm nhỏ. Newt cố tránh bước lên đó nếu có thể, vì nó cứ dính bết lấy giày cậu.

Có một tấm bản đồ các đảo Anh quốc đã ố vàng đính lên một bức tường, với những lá cờ tự làm cắm lên đây đó trên bản đồ;

phần lớn các vị trí cắm cờ đều nằm trong khoảng cách đủ để đi từ London bằng Vé Ngày Hạ giá.

Nhưng Newt đã bền bỉ ở lại mấy tuần qua bởi vì, ờ, nỗi tò mò kinh hoàng đã biến thành nỗi thương hại kinh hoàng, rồi thành tình thương mến kinh hoàng. Hóa ra Shadwell chỉ cao độ mét rưỡi và mặc những thứ quần áo mà, bất luận chúng *là* gì, thì ngay cả trong trí nhớ ngắn hạn của ta đây sẽ luôn là một cái áo ba đờ xuy cũ. Lão già có thể còn nguyên hàm răng, nhưng đó chỉ là vì trừ lão ra không ai lại muốn những cái răng đó; chỉ cần đặt một cái răng đó dưới gối là Bà Tiên Răng sẽ phải trả lại đũa thần mà nghỉ việc liền.

Dường như lão chỉ sống bằng trà đường, sữa đặc, thuốc lá tự cuốn và một thứ năng lượng nội tại lầm lì nào đó. Shadwell có một Lý Tưởng, mà lão theo đuổi với toàn bộ khả năng của tâm hồn lão và tấm Vé tàu Ưu đãi Hưu trí của lão. Lão tin vào nó. Nó tiếp năng lượng cho lão như một cái tua bin.

Cả đời Newton Pulsifer chưa từng có một lý tưởng nào. Và theo như cậu biết thì cậu cũng chưa từng tin vào điều gì. Thật là xấu hổ, vì cậu rất *muốn* tin vào điều gì đó, vì cậu đã nhận ra rằng niềm tin là cái phao giúp nhiều người sống sót qua biển cả sóng gió của Cuộc đời. Cậu cũng muốn tin vào một vị Chúa Tối Cao, nhưng cậu sẽ thích hơn nếu có nửa giờ nói chuyện với Người để làm rõ một hai điều, trước khi nguyện làm con chiên. Cậu đã ngồi trong đủ loại nhà thờ, chờ đợi tia chớp xanh độc nhất ấy, nhưng nó không đến. Rồi cậu đã thử thành người Vô Thần chính thức, nhưng thậm chí cũng không có đủ niềm tin chắc chắn và thuyết phục để làm thế. Và cậu thấy mọi đảng phái chính trị đều dối trá như nhau. Và cậu đã từ bỏ sinh thái học khi tạp chí sinh thái cậu vẫn đặt mua đã cho độc giả thấy sơ đồ một khu vườn tự cung tự cấp, trên đó vẽ con dê sinh thái được buộc cách tổ ong sinh thái chưa đầy một mét. Newt đã dành rất nhiều thời gian ở nhà bà ngoại ở quê và nghĩ cậu có biết chút ít về thói quen của cả dê lẫn ong, và từ đó kết luận rằng tạp chí kia được biên tập bởi một lũ rồ dại mặc quần yếm. Hơn nữa, nó dùng từ "cộng đồng" một cách quá thường xuyên; Newt luôn ngờ rằng

những người hay dùng từ "cộng đồng" đang dùng nó theo một nghĩa rất cụ thể nào đó không bao gồm cậu và tất cả những người cậu biết.

Rồi cậu đã thử tin vào vũ trụ, một niềm tin có vẻ hợp lý cho đến khi, một cách ngây thơ, cậu bắt đầu đọc những cuốn sách mới với tựa đề có những từ như là Hỗn mang, Thời gian và Lượng tử. Cậu phát hiện ra rằng ngay cả những người làm công việc vũ trụ, tạm gọi như vậy, cũng chẳng tin vào nó và thật ra còn khá tự hào về việc họ chẳng biết nó là gì hay thậm chí nó có thể tồn tại về mặt lý thuyết hay không.

Với đầu óc đơn giản của Newt, điều này thật không thể chấp nhận được.

Newt đã không tin vào đội Hướng đạo sinh Nhi đồng, và rồi, khi cậu đã đủ lớn, cũng không tin đội Hướng đạo sinh nốt.

Nhưng cậu sẵn sàng tin rằng làm nhân viên phát lương ở Tổng công ty Holdings (Holdings) có lẽ là công việc nhàm chán nhất trên đời.

Đây là vẻ bề ngoài của Newton Pulsifer: Nếu cậu chui vào bốt điện thoại và thay đồ, thì khi chui ra, may ra nhìn cậu sẽ giống Clark Kent.

Nhưng cậu thấy khá mến Shadwell. Mọi người đều thế, khiến Shadwell hết sức bực bội. Gia đình Rajit mến lão vì rốt cuộc lão luôn trả tiền thuê nhà và không gây rắc rối gì, và lão phân biệt chủng tộc theo một kiểu quanh co hậm hực đến nỗi gần như không làm ai phật ý; chỉ đơn giản là Shadwell ghét tất thảy mọi người trên đời, bất luận họ thuộc đẳng cấp, chủng tộc, hay tín ngưỡng nào, không ngoại trừ một ai.

Bà Tracy mến lão. Newt đã kinh ngạc khi phát hiện ra người thuê căn hộ còn lại là một bà trung niên phúc hậu, thường được các khách hàng nam giới ghé thăm để xin một chén trà và chuyện gẫu vui vẻ cũng như để xin chút giáo dục mà bà còn làm được. Thỉnh thoảng, sau khi đã nhâm nhi nửa vại bia Guinness vào một tối thứ Bảy, Shadwell thường ra đứng ở hành lang giữa hai căn hộ và gào lên những từ đại loại như "Đồ điếm thành

Babylon!” nhưng bà nói riêng với Newt là việc đó luôn khiến bà khá hài lòng, mặc dù chỗ gần Babylon nhất mà bà đã đến là Torremolinos. Giống như quảng cáo miễn phí ấy, bà bảo Newt vậy.

Bà nói bà cũng không thấy phiền khi lão đấm lên tường và chửi thề vào các buổi chiều lên đồng của bà. Đầu gối bà giờ đau nhiều rồi, nên không phải lúc nào bà cũng dùng được cái ngón gõ bàn, bà bảo vậy, nên mấy tiếng thình thình trên tường cũng có ích.

Vào các Chủ nhật, bà luôn để cho lão một ít đồ ăn tối ngoài bậc cửa, với một cái đĩa khác úp lên trên cho nóng.

Ta không thể không mến Shadwell, bà nói. Nhưng dẫu là thế, nhìn bà chẳng khác nào đang ném những mẩu bánh mì vào một cái hố đen.

Newt nhớ ra các mẩu báo còn lại. Cậu đẩy chúng ngang qua mặt bàn ố bẩn.

“Cái gì đây?” Shadwell nghi ngờ hỏi.

“Các hiện tượng ạ,” Newt nói. “Trung sĩ bảo phải tìm các hiện tượng. Tôi e là ngày nay có nhiều hiện tượng hơn là phù thủy.”

“Có ai bắn thỏ bằng đạn bạc và ngày hôm sau một mụ già trong làng bị đi tập tễnh không?” Shadwell khấp khởi hỏi.

“E là không ạ.”

“Có con bò nào lăn đùng ra chết sau khi một mụ đàn bà nhìn nó không?”

“Không ạ.”

“Thế thì là gì nào?” Shadwell hỏi. Lão lệt sệt đến bên cái tủ nâu dính dấp và lấy ra một lon sữa đặc.

“Đã xảy ra những chuyện kỳ lạ,” Newt đáp.

Cậu đã dành mấy tuần thu thập chúng. Shadwell đã để đống báo dồn ứ lại. Có một vài tờ từ tận mấy năm trước. Newt có trí nhớ khá tốt, có lẽ vì trong hai mươi ba năm cuộc đời cậu, đã

chẳng có mấy chuyện xảy ra để lấp đầy nó, và cậu đã trở thành chuyên gia trong một vài chủ đề khá là kỳ bí.

"Hầu như ngày nào cũng có chuyện mới," Newt nói, lật giở những tờ báo hình chữ nhật. "Có chuyện kỳ lạ đã xảy ra với các nhà máy điện hạt nhân, và dường như không ai biết đó là chuyện gì. Và một số người nói rằng Lục địa Atlantis Mất tích đã nổi lên." Cậu có vẻ rất tự hào về nỗ lực của mình.

Con dao bấm của Shadwell đục thủng lon sữa đặc. Có tiếng chuông điện thoại từ xa vẳng lại. Cả hai người đều lờ nó đi theo bản năng. Dù sao các cuộc gọi đều là của bà Tracy, và một vài cuộc trong số đó không dành cho tai đàn ông; Newt đã ngoan ngoãn nghe điện thoại vào ngày đầu tiên, chăm chú lắng nghe câu hỏi, đáp, "Thực ra là quần lót 100% vải bông của Marks và Spencer" và nhận được cái ống nghe lặng như tờ.

Shadwell rít một hơi thật dài. "Dào, đây không phải hiện tượng đúng nghĩa," lão nói. "Phù thủy không làm thế. Phù thủy hay đánh chìm các thứ cơ, cậu biết không."

Miệng Newt mở ra rồi ngậm vào mấy lần.

"Nếu muốn mạnh mẽ trong cuộc chiến chống lại ma thuật, chúng ta không được sao nhãng bởi mấy thứ này được," Shadwell nói tiếp. "Cậu có thứ gì phù thủy hơn không?"

"Nhưng quân đội Mỹ đã hạ cánh lên đó để bảo vệ nó khỏi các thứ," Newt rên rẩm. "Một lục địa chưa từng tồn tại..."

"Trên đó có phù thủy không?" Shadwell hỏi, lần đầu tiên tỏ ra hơi quan tâm.

"Trong báo không nói ạ," Newt đáp.

"Dào, thế thì toàn chuyện chính trị và địa lý thôi," Shadwell gạt đi.

Bà Tracy ngó đầu qua cửa. "Hú-u ông Shadwell," bà nói, thân thiện đưa tay lên vẫy Newt. "Có một quý ông gọi điện hỏi ông này. Chào cậu Newton."

"Xéo đi, mụ lẳng lơ," Shadwell tự động nói.

"Ông ấy nói nghe lịch lãm lắm," bà Tracy nói, không để tâm. "Và tôi sẽ mua một miếng gan ngon cho bữa tối Chủ nhật nhé."

“Ta thà ăn tối với quỷ sứ còn hơn.”

“Thế nên nếu ông cảm phiền trả lại tôi hai cái đĩa tuần trước thì quý quá,” bà Tracy nói và loạng choạng trên đôi giày cao tám phân để quay về căn hộ của mình và làm tiếp công việc bị gián đoạn, bất kể đấy là việc gì.

Newt chán nản nhìn đống báo cắt ra trong lúc Shadwell làu bàu đi nghe điện thoại. Có một bài báo về việc các tảng đá ở Stonehenge đang thay đổi vị trí, như thể chúng là mạt sắt trên một trường từ tính vậy.

Cậu loáng thoáng nghe được một nửa cuộc trò chuyện trên điện thoại.

“Ai? À. Vâng. Vâng. Thế á? Nó thuộc loại gì? vâng. Đúng như ngài nói. Và chỗ đó là ở đâu…?”

Nhưng những tảng đá dịch chuyển bí hiểm không phải là món tủ, hay đúng hơn là lon sữa tủ của Shadwell.

“Được, được,” Shadwell đảm bảo với người gọi điện. “Chúng tôi sẽ vào việc ngay. Tôi sẽ cử đội giỏi nhất đến đó và sớm báo cáo thành công với ngài thôi, dứt khoát là thế. Tạm biệt ngài. Và Chúa phù hộ cả ngài nữa.” Có tiếng tinh của ống nghe được đặt xuống, rồi giọng Shadwell, không còn khúm núm theo nghĩa ẩn dụ nữa, nói to, “ ‘Ông bạn thân mến’! Đồ bóng chó miền Nam!”(*)

Lão lệt sệt quay về phòng rồi nhìn Newt chằm chằm như thể đã quên mất sao cậu lại có mặt ở đó.

“Cậu đang lải nhải cái gì ấy nhỉ?” lão hỏi.

“Có những chuyện đang xảy ra…” Newt mở miệng.

“À ừ.” Shadwell vẫn nhìn xuyên qua cậu trong lúc trầm tư gõ gõ cái lon rỗng vào răng.

“Ờ, có một thị trấn nhỏ đã có thời tiết rất tuyệt suốt mấy năm qua,” Newton luống cuống nói tiếp.

“Gì cơ? Mưa ếch và các thứ đại loại thế à?” Shadwell hỏi, tươi tỉnh hơn một chút.

“Không ạ. chỉ là thời tiết diễn ra bình thường thôi.”

“Thế mà cũng gọi là hiện tượng à?” Shadwell nói. “Ta đã thấy những hiện tượng có thể làm cậu rợn tóc gáy, nhóc ạ.” Lão lại gõ gõ.

“Trung sĩ nhớ có khi nào thời tiết diễn ra bình thường không?” Newt nói vẻ hơi bực bội. “Thời tiết bình thường chính là điều bất thường, trung sĩ ạ. Ở đó có tuyết vào Giáng sinh. Lần cuối ông thấy tuyết vào Giáng sinh là khi nào? Và những tháng Tám dài nóng nực? Năm nào cũng thế? Và mùa thu se lạnh? Đúng kiểu thời tiết ông thường mơ ước khi còn bé ấy? Ở đó không bao giờ mưa vào ngày năm tháng Mười một(*) và luôn có tuyết vào đêm Giáng sinh?”

Mắt Shadwell đờ ra. Lon sữa đặc đang đưa lên miệng nửa chừng thì dừng lại.

“Hồi bé ta chưa bao giờ mơ,” lão khẽ nói.

Newt nhận ra mình đang trượt quanh miệng một cái hô sâu hoắm, đáng sợ. Cậu vội thối lui, trong trí.

“Chỉ là rất lạ thôi,” cậu nói. “Có cả nhà khí tượng học nói về nhiệt độ trung bình và chuẩn và vi khí hậu và các thứ đại loại thế.”

“Thế nghĩa là thế nào?” Shadwell hỏi.

“Nghĩa là ông ta không biết lý do,” Newt nói, cậu không dành nhiều năm ở bên rìa một công ty kinh doanh mà không học được đôi điều. Cậu liếc nhìn viên Trung sĩ Săn Phù thủy.

“Phù thủy rất hay gây ảnh hưởng đến thời tiết,” cậu nhắc. “Tôi đã tra trong cuốn *Discouverie*.”

Lạy Chúa, cậu thầm nghĩ, hay bất kỳ vị thần thánh thích hợp nào khác, xin đừng bắt con phải ngồi thêm một buổi tối nào để cắt báo trong căn phòng như cái gạt tàn này nữa. Xin cho con hít thở khí trời. Xin cho con được làm cái việc nào trong ĐQSPT tương đương với việc được đi trượt nước ở Đức.

“Thị trấn đó chỉ cách đây sáu mươi lăm cây số thôi,” cậu rụt rè nói. “Tôi nghĩ ngày mai tôi có thể tạt qua đó. Ngó phát xem sao. Tôi sẽ tự mua xăng,” cậu nói thêm.

Shadwell trầm ngâm chùi môi trên.

“Cái chỗ ấy,” lão nói, “không phải tên nó là Tadfield đấy chứ?”

“Đúng rồi, ông Shadwell,” Newt đáp. “Sao ông biết?”

“Không biết thằng miền Nam đó đang chơi trò gì đây?” Shadwell lầm bầm.

“Đượợợc,” lão nói to. “Sao lại không chứ?”

“Ai chơi trò gì cơ, thưa Trung sĩ?” Newt hỏi.

Shadwell lờ cậu đi. “Được. Ta nghĩ cũng chẳng hại gì. Cậu bảo sẽ tự mua xăng hả?”

Newt gật đầu.

“Thế thì sáng mai chín giờ đến đây,” lão nói, “trước khi lên đường.”

“Để làm gì ạ?” Newt hỏi.

“Để nhận chiến bào chính trực.”

Ngay sau khi Newt ra về, điện thoại lại reo. Lần này là Crowley, hắn cũng có những hướng dẫn gần như giống hệt của Aziraphale. Shadwell ghi lại lần nữa cho có, trong khi bà Tracy thích thú đứng sau lưng lão.

“Hai cuộc gọi trong một ngày cơ à, ông Shadwell,” bà nói. “Đội quân nhỏ của ông chắc đang băng băng tiến về phía trước ấy nhỉ!”

“Dào, xéo đi, mụ ôn dịch kia,” Shadwell lầm bầm, rồi đóng sầm cửa lại. Tadfield, lão thầm nghĩ. Chà, cũng được. Miễn là họ trả tiền đúng hạn…

Cả Aziraphale lẫn Crowley đều không điều hành Đội quân Săn Phù thủy, nhưng họ đều chấp nhận nó, hay ít nhất cũng biết là nó sẽ được cấp trên của mình chấp thuận. Vì vậy nó nằm trong danh sách các cơ sở trung gian của Aziraphale bởi vì, ờ, nó là Đội quân Săn *Phù thủy*, và ta phải ủng hộ bất kỳ ai tự gọi mình là Lính Săn Phù thủy, cũng như nước Mỹ luôn phải ủng hộ chế độ dân chủ vậy. Và nó nằm trong danh sách của Crowley vì lý do

tinh tế hơn, đó là những người như Shadwell không hề gây tổn hại gì đến lý tưởng của Địa ngục cả. Thậm chí còn ngược lại là đằng khác.

Nói đúng ra thì Shadwell cũng không điều hành ĐQSPT. Theo sổ lương của Shadwell thì người đứng đầu là Đại tướng Săn Phù thủy Smith. Sau đó là các Đại tá Săn Phù thủy Green và Jones, và các Thiếu tá Săn Phù thủy Jackson, Robinson và Smith (không phải họ hàng của Đại tướng). Rồi còn có các Thiếu tá Săn Phù thủy Xoong, Lon, Sữa, và Tủ, vì đến lúc đó thì trí tưởng tượng có hạn của Shadwell đã bắt đầu lúng túng. Sau đó là các Đại úy Săn Phù thủy Smith, Smith, Smith, và Smythe và Như Trên. Và năm trăm Binh nhì, Hạ sĩ, và Trung sĩ Săn Phù thủy nữa. Rất nhiều người trong số này có tên là Smith, nhưng điều đó không quan trọng vì cả Crowley lẫn Aziraphale đều chưa bao giờ buồn đọc đến tận đó. Họ chỉ gửi tiền lương thôi.

Dù sao, cả hai cộng lại cũng chỉ mất khoảng sáu mươi bảng một năm.

Shadwell không hề coi việc này là phạm pháp. Quân đội là một trách nhiệm thiêng liêng, và người ta phải làm gì đó chứ. Tiền đâu có dễ kiếm như trước.

Thứ Bảy

Đang là sáng sớm ngày thứ Bảy, ngày cuối cùng của thế giới, và bầu trời đỏ hơn máu.

Người giao hàng Hỏa tốc Quốc tế vòng qua ngã rẽ với tốc độ rất thận trọng là năm mươi lăm cây số trên giờ, về số hai, và dừng lại bên vệ cỏ.

Ông ra khỏi xe, và lập tức nhào xuống một cái mương để tránh một chiếc xe tải đang lao qua khúc quanh với tốc độ hơn một trăm ba mươi cây số một giờ.

Ông đứng dậy, nhặt kính lên, đeo kính vào, nhặt gói bưu phẩm và tấm bìa kẹp giấy, phủi cỏ và bùn trên bộ đồng phục đi, rồi, như chợt nhớ ra, dứ nắm đấm về phía chiếc xe tải đang vùn vụt biến mất.

"Đáng lẽ không được phép lưu thông, lũ xe tải chết tiệt, chẳng coi ai ra gì, ta nói rồi đấy, ta nói rồi đây, nhớ đấy, ranh con, nếu không có xe thì mày cũng chỉ là người đi bộ thôi..."

Ông trèo xuống vệ cỏ, trèo qua một hàng rào thấp, và đến bên bờ sông Uck.

Người giao hàng Hỏa tốc Quốc tế đi dọc bờ sông, tay cầm gói bưu phẩm.

Ngồi xa xa phía bờ sông là một gã trai trẻ mặc toàn đồ trắng. Gã là người duy nhất trong tầm mắt. Tóc gã trắng, da gã trắng bệch như phấn, và gã ngồi nhìn xuôi nhìn ngược dòng sông như đang ngắm cảnh. Nhìn gã giống các thi sĩ lãng mạn thời Victoria, trước khi việc tiêu thụ và lạm dụng ma túy bắt đầu tràn lan.

Người giao hàng Hỏa tốc Quốc tế không hiểu nổi. Ngày xưa, mà thực ra là cũng chẳng xưa lắm, cứ vài chục mét dọc bờ sông lại có một người thả câu; trẻ con đã chơi đùa ở đây; các cặp đôi đã

ra đây để lắng nghe tiếng róc rách rì rầm của dòng sông, để nắm tay nhau, để tình tứ dưới ánh hoàng hôn vùng Sussex. Chính ông cũng đã làm thế với Maud, bà nhà ông, trước khi họ lấy nhau. Họ đã đến đây để chơi úp thìa, và, vào một dịp đáng nhớ, để chơi chọc dĩa nữa.

Thời gian thay đổi nhiều thật, người giao hàng ngẫm nghĩ.

Giờ những tác phẩm điêu khắc bằng bọt cùng cặn dầu màu trắng và nâu lững lờ trôi trên mặt sông, có đoạn phủ kín đến hàng mét. Và ở những chỗ còn nhìn thấy được mặt nước thì nó cũng bị phủ một lớp phân tử hóa dầu mỏng dính.

Có tiếng vù vù chói tai khi một cặp ngỗng, sung sướng vì được trở lại nước Anh sau một chuyến bay dài mệt nhọc ngang qua Bắc Đại Tây Dương, hạ cánh xuống làn nước bóng loáng màu cầu vồng, và chìm nghỉm không vết tích.

Thế giới kỳ cục thật, người giao hàng nghĩ. Đây là sông Uck, vốn là dòng sông thơ mộng nhất vùng này, Thế mà giờ chỉ còn là một cái cống công nghiệp. Thiên nga chìm xuống đáy, còn cá thì nổi lên mặt.

Tiến bộ là thế đấy. Ta không thể ngăn tiến bộ được.

Ông đã đến chỗ gã trai mặc đồ trắng.

"Xin lỗi anh. Anh là Phấn?"

Gã trai mặc đồ trắng gật đầu nhưng không nói gì. Gã tiếp tục nhìn ra sông, mắt dõi theo một tác phẩm điêu khắc cực kỳ ấn tượng bằng bọt và cặn dầu.

"Đẹp thật," gã thì thào. "Tất cả đều đẹp chết đi được."

Người giao hàng bỗng chốc không biết nói gì. Rồi hệ thống tự động của ông bật lên. "Thế giới kỳ cục thật phải không, ý tôi là tôi đã đi giao hàng khắp nơi trên thế giới thế rồi tôi lại quay về đây gần như là về nhà, ý tôi là tôi sinh ra và lớn lên ở ngay gần đây, thế mà tôi đã đến Địa Trung Hải và Des O' Moines, đó là ở Mỹ, thưa anh, giờ tôi lại về đây, bưu phẩm của anh đây."

Gã trai tên Phấn nhận lấy gói bưu phẩm và cầm lấy tờ bìa kẹp giấy ký nhận. Gã vừa chạm vào cái bút thì nó bị chảy mực, và chữ ký của gã nhòe khi gã viết. Nó là một từ dài, bắt đầu bằng

chữ Ô, rồi một vệt mực, rồi kết thúc bằng chữ gì đó có thể là -*ịch* hoặc cũng có thể là -*iễm*.

"Cảm ơn anh nhiều," người giao hàng nói.

Ông bước trở lại dọc bờ sông, quay về con đường đông đúc xe cộ nơi ông đã đỗ xe, vừa đi vừa cố không nhìn dòng sông.

Đằng sau ông, gã trai mặc đồ trắng mở gói bưu phẩm. Trong đó là một cái vương miện - một vòng kim loại trắng, đính kim cương. Gã ngắm nó vài giây vẻ hài lòng, rồi đội nó lên. Cái vương miện lấp lánh dưới ánh bình minh. Rồi lớp xỉn, vốn đã phủ lên bề mặt ánh bạc của nó ngay khi ngón tay gã chạm vào, liền lan ra khắp cái vương miện, khiến nó đen sì đi.

White đứng dậy. Ô nhiễm không khí cũng có cái hay, đó là nó đem lại những buổi bình minh thật huy hoàng. Nhìn như ai đó đốt cháy bầu trời vậy.

Và một que diêm bất cẩn cũng sẽ châm lửa đốt cả dòng sông nữa, nhưng than ôi, giờ không còn thời gian. Trong tâm trí, gã đã biết Bộ Tứ sẽ gặp nhau ở đâu, khi nào, và gã sẽ phải nhanh chân nếu muốn đến đó vào chiều nay.

Có lẽ chúng ta *sẽ* đốt cháy bầu trời, gã thầm nghĩ. Và gã rời khỏi nơi đó, gần như không ai nhận thấy.

Sắp đến lúc rồi.

Người giao hàng đã để chiếc xe tải lại bên vệ cỏ của con đường hai làn. Ông đi sang phía tài xế (một cách cẩn thận, vì các xe cộ khác vẫn đang phóng vèo vèo qua khúc quanh), thò tay qua cửa sổ để ngỏ, và lấy tờ kế hoạch trên bảng đồng hồ.

Vậy là chỉ còn một đơn nữa phải giao thôi.

Ông đọc kỹ hướng dẫn trên tờ biên lai giao hàng.

Ông đọc lại lần nữa, đặc biệt chú ý tới địa chỉ và tin nhắn. Địa chỉ là ba chữ: Khắp mọi nơi.

Rồi, với cái bút chảy mực, ông viết một dòng cho Maud, vợ mình. Dòng chữ chỉ là, Tôi *yêu mình*.

Rồi ông lại cất tờ kế hoạch lên bảng đồng hồ, nhìn trái, nhìn phải, rồi lại nhìn trái, và bước ngang qua đường một cách đầy

chủ đích. Ông đang đi được nửa đường thì một cỗ xe khống lồ của Đức lao qua ngã rẽ, tay tài xế phát điên vì caffeine, những viên thuốc nhỏ màu trắng, và điều lệ giao thông của Cộng đồng Kinh tế châu Âu.

Ông nhìn theo chiếc xe to kềnh đi xa dần.

Trời, ông nghĩ, suýt nữa thì nó tông phải mình.

Rồi ông nhìn xuống rãnh.

Ồ, ông nghĩ.

PHẢI, một giọng nói vang lên sau vai trái ông, hay ít nhất là sau cái chỗ từng là vai trái ông.

Người giao hàng quay lại, nhìn, và thấy. Mới đầu ông không tìm nổi từ để nói, không tìm nổi điều gì, nhưng rồi thói quen của cả một đời làm việc lại chiếm lấy ông và ông nói, "Tôi có tin nhắn cho ngài, thưa ngài."

CHO TA?

"Vâng, thưa ngài." Ông ước gì mình vẫn còn cổ họng. Nếu vẫn còn cổ họng thì ông đã có thể nuốt khan. "Tôi e là không có bưu phẩm, thưa ông... ờ, ngài. Chỉ có tin nhắn thôi."

VẬY NÓI ĐI.

"Là thế này, thưa ngài. E hèm. *Hãy Đến và Nhìn Xem*."

CUỐI CÙNG CŨNG ĐẾN LÚC. Trên khuôn mặt đó là một nụ cười nhăn nhở, nhưng với khuôn mặt đó thì không thể có biểu cảm nào khác được.

CẢM ƠN, kẻ kia nói tiếp. TA XIN CÓ LỜI KHEN LÒNG TẬN TỤY VỚI CÔNG VIỆC CỦA ÔNG.

"Sao cơ, thưa ngài?" Người giao hàng quá cố đang ngã qua một màn sương xám, và ông chỉ thấy hai đốm sáng xanh, có lẽ là mắt, hoặc cũng có thể là hai vì sao xa xôi.

ĐỪNG NGHĨ ĐÂY LÀ CÁI CHẾT, Thần Chết nói, HÃY COI ĐÂY LÀ ĐI SỚM ĐỂ TRÁNH TẮC ĐƯỜNG.

Người giao hàng thoáng nghĩ xem có phải người bạn mới của mình đang đùa không, rồi quyết định là không phải; và rồi không còn gì nữa.

Vàng trời thì gió, đỏ trời thì mưa.

Đúng thế.

Trung sĩ Săn Phù thủy Shadwell lùi lại, đầu ngoẹo sang một bên. “Được rồi,” lão nói. “Cậu sẵn sàng rồi đấy. Có đủ cả chưa?”

“Rồi ạ, thưa Trung sĩ.”

“Quả lắc khám phá?”

“Quả lắc khám phá, vâng.”

“Kẹp ngón tay?”

Newt nuốt khan và vỗ vỗ một bên túi. “Kẹp ngón tay,” cậu đáp.

“Mồi lửa?”

“Thưa Trung sĩ, thực tình, tôi nghĩ là…”

“Mồi lửa?”

“Mồi lửa,” Newt rầu rĩ đáp. “Và diêm.”(*)

“Chuông, sách và nến?”

Newt vỗ vỗ một bên túi khác. Trong đó là một cái túi giấy đựng một cái chuông nhỏ, loại khiến loài vẹt đuôi dài phát điên, một cây nến hồng thuộc loại cắm lên bánh sinh nhật, và một cuốn sách nhỏ có tên là *Lời cầu nguyện cho bàn tay nhỏ*. Shadwell đã nhấn mạnh với cậu rằng, mặc dù phù thủy là mục tiêu chính, một lính săn phù thủy giỏi không bao giờ nên bỏ qua cơ hội thực hiện một lễ trừ tà nho nhỏ và lúc nào cũng phải cầm theo bộ dụng cụ.

“Chuông, sách và nến,” Newt đáp.

“Đinh ghim?”

“Đinh ghim.”

“Giỏi lắm. Không bao giờ được quên đinh ghim. Nó là lưỡi lê trong khẩu pháo ánh sáng của cậu đấy.”

Shadwell lùi lại. Newt kinh ngạc nhận thấy mắt lão già rưng rưng.

“Ước gì ta có thể đi cùng cậu,” lão nói. “Tất nhiên, sẽ chẳng có chuyện gì đâu, nhưng được ra ngoài cũng tốt. Vất vả lắm, cậu hiểu không, mấy vụ nằm trên dương xỉ ướt để rình những cuộc nhảy múa quỷ quái của chúng. Cái lạnh ngấm vào xương cốt ghê lắm.”

Lão đứng nghiêm và giơ tay chào.

“Lên đường đi, Binh nhì Pulsifer. Cầu cho các đội quân huy hoàng hành quân cùng cậu.”

Sau khi Newt đã lái xe đi, Shadwell nghĩ ra một việc, một việc mà lão chưa bao giờ có dịp làm trước đây. Cái lão cần bây giờ là một cái ghim. Không phải đinh ghim của quân đội, dùng cho phù thủy. Chỉ một cái ghim bình thường để gắn lên bản đồ thôi.

Tấm bản đồ treo trên tường. Nó đã cũ lắm rồi. Trên đó không có Milton Keynes. Cũng không có Harlow. Gần như không có cả Manchester và Birmingham nữa. Nó đã là bản đồ ở tổng hành dinh của đội quân từ ba trăm năm nay. Trên đó vẫn còn vài cái ghim, chủ yếu là ở Yorkshire và Lancashire và vài cái ở Essex, nhưng chúng đã gỉ gần hết. Ở những chỗ khác, chỉ còn những chấm nâu đánh dấu một nhiệm vụ xa xôi được thực hiện bởi một người lính săn phù thủy từ thời nào.

Cuối cùng Shadwell cũng tìm thấy một cái ghim giữa đống vụn trong gạt tàn. Lão hà hơi lên nó, đánh bóng nó, nheo mắt nhìn tấm bản đồ cho tới khi lão tìm thấy Tadfield, và đắc thắng cắm cái ghim vào đó.

Nó sáng lóe lên.

Shadwell lùi lại một bước và lại giơ tay chào. Mắt lão rớm lệ.

Rồi lão quay ngoắt ra sau và giơ tay chào cái tủ kính. Nó đã cũ và mục nát, kính đã vỡ cả, nhưng theo một cách nào đó thì nó chính là ĐQSPT. Trong đó là đồ bạc của Trung đoàn (Cúp Golf Liên Tiểu đoàn, đã không được tranh cướp từ, than ôi, bảy mươi năm nay); trong đó là khẩu Thần công nạp đạn bằng nòng đặc quyền của Đại tá Săn Phù thủy Ngươi-Không-Được-Ăn-Vật-Sống-Lẫn-Máu-Cũng-Như-Dùng-Phép-Thuật-Và-Xem-Giờ Dalrymple; trong đó là một loạt những thứ nhìn như quả óc chó

nhưng thật ra là đầu khô của những kẻ săn đầu người được tặng bởi Thượng sĩ Horace "Bắt chúng trước khi chúng Bắt Ta" Narker, người đã đi đến nhiều vùng xa xôi; trong đó là ký ức.

Shadwell hỉ mũi ầm ĩ vào ống tay áo.

Rồi lão mở một lon sữa đặc để ăn sáng.

Nếu các đội quân huy hoàng định tìm cách hành quân cùng Newt thì người họ sẽ rơi lả tả thành từng mảnh. Đó là vì, ngoại trừ Newt và Shadwell ra, họ đã chết từ lâu.

Sẽ là sai lầm nếu nghĩ rằng Shadwell (Newt chưa bao giờ khám phá ra tên riêng của lão là gì) là gã gàn đơn độc.

Chỉ là những người khác đều đã chết, và phần lớn đã chết từ hàng trăm năm nay. Đã có thời đội quân lớn mạnh như trong cuốn sổ kế toán được thêm thắt một cách sáng tạo của Shadwell. Newt đã rất ngạc nhiên khi phát hiện ra Đội quân Săn Phù thủy cũng có lai lịch dài và gần như đẫm máu chẳng kém phiên bản thế tục của họ.

Tiền lương của lính săn phù thủy đã được định ra từ thời Oliver Cromwell và chưa bao giờ được xét lại. Sĩ quan được một curon, đại tướng được một đồng vàng. Tất nhiên, đó chỉ là tiền thù lao danh nghĩa, vì ta được chín xu cho mỗi phù thủy tìm được và được là người đầu tiên lấy phần mình từ của nả của phù thủy.

Ta đâm ra phụ thuộc vào số tiền chín xu ấy. Vì vậy mọi chuyện đã khá khó khăn trước khi Shadwell được nhận tiền lương của Thiên đường và Địa ngục.

Lương của Newt là một shilling cũ một năm.(*)

Để nhận khoản lương này, cậu phải luôn có "mồi lửa, súng kíp, hộp quẹt, hoặc diêm" bên mình, mặc dù Shadwell có nói một cái bật lửa ga Ronson cũng hoàn toàn chấp nhận được. Shadwell đã đón nhận phát minh bật lửa cũng như những người lính thông thường đón nhận súng tự động vậy.

Theo như Newt thấy thì việc này cũng giống như tham gia vào các tổ chức như Sealed Knot[*] hay những người cứ đánh mãi cuộc Nội chiến Anh hoặc Nội chiến Mỹ. Nó cho ta cơ hội ra ngoài vào cuối tuần, và có nghĩa là ta đang gìn giữ những truyền thống tốt đẹp đã tạo nên nền văn minh phương Tây ngày nay.

Một tiếng sau khi rời tổng hành dinh, Newt dừng lại ở làn đường đỗ xe và lục lọi trong cái hộp trên ghế hành khách.

Rồi cậu mở cửa sổ xe bằng một cái kìm, vì tay cầm đã gãy từ lâu.

Gói mồi lửa bị ném qua hàng rào. Một lát sau, cái kẹp ngón tay cũng theo sau.

Cậu băn khoăn xem có nên ném nốt những thứ còn lại không, rồi cất chúng lại vào hộp. Cái đinh ghim là của Đội quân Săn Phù thủy, ở đầu là một cái núm bằng gỗ mun rất tốt, như ghim cài mũ của phụ nữ.

Cậu biết nó dùng để làm gì. Cậu đã đọc khá nhiều. Shadwell đã nhồi cho cậu cả đống tờ rơi vào hôm đầu tiên, nhưng Đội quân cũng đã thu thập được nhiều sách báo và tài liệu mà Newt ngờ rằng nếu đem bán sẽ đáng giá cả một gia tài.

Cái đinh ghim là để chọc vào người nghi phạm. Nếu trên người họ có chỗ nào đó mà họ không cảm thấy gì, thì họ là phù thủy. Đơn giản vậy thôi. Một số lính săn phù thủy lừa đảo đã dùng loại đinh ghim đặc biệt rút vào được, nhưng cái này thì hoàn toàn bằng thép cứng chân phương. Cậu sẽ không dám nhìn mặt lão Shadwell nữa nếu cậu vứt cái đinh ghim đi. Hơn nữa, làm thế có thể là xúi quẩy.

Cậu lại khởi động xe và tiếp tục cuộc hành trình.

Xe của Newt là một chiếc Wasabi. Cậu đặt tên cho nó là Dick Turpin[*], với niềm hy vọng rằng sẽ có ngày ai đó hỏi cậu lý do.

Phải là một nhà sử học cực kỳ chính xác thì mới có thể chỉ ra cái ngày mà người Nhật biến từ những người máy xảo quyệt chỉ biết bắt chước mọi thứ của phương Tây để trở thành các kỹ sư

tài tình và lành nghề, có thế bắt phương Tây hít bụi. Nhưng chiếc Wasabi đã được thiết kế vào chính cái ngày bối rối ấy, và nó kết hợp các điểm xấu thường thấy ở xe của phương Tây cùng với một loạt các sáng kiến thảm họa mà nhờ tránh xa chúng, các công ty như Honda và Toyota mới được như ngày hôm nay.

Thực ra Newt chưa bao giờ thấy một chiếc thứ hai trên đường, mặc dù đã rất cố gắng. Suốt nhiều năm, và dù chẳng tin cho lắm, cậu đã tán dương sự hiệu quả và tiết kiệm của nó với bạn bè mình, trong niềm mong mỏi tuyệt vọng rằng một trong số họ sẽ mua một chiếc, vì kẻ khốn khổ luôn muốn có đồng bạn.

Một cách vô ích, cậu chỉ ra động cơ 823cc của nó, hộp số có ba tốc độ của nó, các thiết bị an toàn khó tin của nó như là những túi khí thường phồng lên vào những lúc nguy hiểm như khi ta đang đi với tốc độ 75 km/h trên một con đường khô ráo thẳng thớm nhưng lại sắp bị đâm vì một túi khí an toàn khổng lồ vừa chắn mất tầm nhìn. Cậu cũng hết lời ca ngợi cái đài chế tạo ở Triều Tiên, có thể bắt được Đài Phát thanh Bình Nhưỡng rất rõ, và giọng nói điện tử nhắc ta phải cài dây an toàn ngay cả khi ta đã cài rồi; nó đã được lập trình bởi một người không những không biết tiếng Anh mà còn không biết cả tiếng Nhật nữa. Nó là đỉnh cao của nghệ thuật đấy, cậu nói vậy.

Nghệ thuật ở đây có lẽ là nghề làm gốm.

Bạn bè cậu đã gật gù đồng tình, nhưng trong thâm tâm họ tự nhủ là nếu phải chọn giữa mua một chiếc Wasabi và đi bộ thì họ thà bỏ tiền mua một đôi giày; đằng nào cũng thế, vì một lý do chiếc Wasabi có chỉ số tiêu hao nhiên liệu tuyệt vời như vậy là do nó dành rất nhiều thời gian chờ đợi trong các gara khi tay quay và các linh kiện khác được gửi đến từ đại lý Wasabi duy nhất còn tồn tại ở Nigirizushi, Nhật Bản.

Trong cái trạng thái xuất thần lơ đễnh, mơ màng mà phần lớn mọi người thường chìm vào khi lái xe, Newt tự hỏi không biết cái đinh ghim chính xác được dùng như thế nào. Có phải nói, "Ta có đinh ghim và ta không ngại dùng nó đâu" không? *Có đinh ghim, sẽ lên đường... Người Đấu Ghim... Người có chiếc ghim vàng... Những chiếc ghim của Navarone*[(*)]...

Newt có lẽ sẽ thấy hứng thú khi biết rằng, trong số ba mươi chín ngàn phụ nữ bị thử bằng đinh ghim trong suốt bao nhiêu thế kỷ săn phù thủy, hai mươi chín ngàn người đã kêu "ui da", chín ngàn chín trăm chín mươi chín người không cảm thấy gì do loại ghim rút vào được đã nói ở trên, và một phù thủy tuyên bố rằng kỳ diệu thay, nó đã chữa khỏi bệnh viêm khớp ở chân bà.

Tên bà là Agnes Nutter.

Bà là thất bại lớn nhất của Đội quân Săn Phù thủy.

Một trong những mục đầu tiên của *Những Lời Tiên tri Tuyệt đích và Chuẩn xác* nói về cái chết của chính Agnes Nutter.

Người Anh nhìn chung là một dân tộc dốt nát và lười biếng, không khoái việc thiêu sống phụ nữ như các nước châu Âu khác. Ở Đức, các đống lửa được xếp và đốt với sự tỉ mỉ thường thấy của dân Giéc manh. Ngay cả những người Scotland sùng đạo, mắc kẹt trong cuộc chiến suốt chiều dài lịch sử với kẻ tử thù là những người Scotland khác, cũng xoay xở được vài vụ thiêu sống để giết thời gian trong những tối mùa đông dài dằng dặc. Nhưng người Anh dường như chẳng hứng thú gì với việc đó.

Một lý do cho chuyện này có lẽ là vì cái chết của Agnes Nutter, cái chết đã gần như chấm dứt thời kỳ săn phù thủy điên cuồng thực sự ở Anh. Một đám đông gào thét, điên cuồng cực độ vì bà có cái thói cứ tỏ ra thông thái và chữa bệnh cho mọi người, đã kéo đến nhà bà vào một tối tháng Tư và thấy bà đã mặc áo khoác ngồi đợi sẵn.

"Các người đến muộn rồi," bà bảo họ. "Lẽ ra ta phải cháy từ mười phút trước rồi."

Rồi bà đứng dậy và chậm rãi bước tập tễnh qua đám người bỗng dưng im bặt, ra khỏi nhà để đến chỗ đống lửa đã được nhóm vội vàng trên bãi cỏ giữa làng. Truyền thuyết kể lại rằng bà loay hoay trèo lên giàn thiêu và vòng tay quanh cái cột sau lưng.

“Buộc cho chắc vào,” bà nói với tay lính săn phù thủy đang ngỡ ngàng. Và rồi, khi đám dân làng rón rén đến bên giàn thiêu, bà ngước mái đầu đẹp đẽ lên trong ánh lửa và nói, “Lại gần đây, hỡi người dân tử tế. Hãy lại gần đến khi lửa làm các người thấy nóng, vì ta bắt các người phải chứng kiến phù thủy cuối cùng của nước Anh đã chết như thế nào. Vì ta đúng là phù thủy, và ta đã được phán xét như vậy, nhưng ta vẫn không biết ta đã phạm tội gì. Vì vậy, hãy để cái chết của ta làm lời cảnh báo tới toàn thế gian. Hãy lại gần đây, ta đã bảo rồi, và *hãy nhớ kỹ số phận của những kẻ chọc mũi vào chuyện chúng không hiểu*.”

Và hình như sau đó bà còn mỉm cười rồi nhìn lên bầu trời trên làng và nói thêm, “Cả lão cũng vậy, lão già ngớ ngẩn ạ.”

Và sau lời báng bổ kỳ lạ đó bà không nói gì nữa. Bà để họ bịt miệng mình, và đứng đầy oai nghiêm khi ngọn đuốc được châm vào đống củi khô.

Đám đông kéo lại gần hơn, và giờ khi thực sự nghĩ về nó, một hai người trong số đó đã bắt đầu băn khoăn không hiểu liệu họ có đang làm điều đúng đắn.

Ba mươi giây sau một vụ nổ quét sạch khu đất trống của làng, giết sạch mọi sinh vật sống trong thung lũng, và ở tận Halifax cũng còn trông thấy.

Sau này đã có nhiều cuộc tranh luận xem vụ nổ là do Chúa Trời hay quỷ Satan gửi đến, nhưng một tờ giấy tìm thấy trong nhà của Agnes Nutter đã giải thích rằng bất kỳ sự can thiệp thần thánh hay ma quỷ nào thì cũng đã được trợ giúp rất nhiều bởi những thứ có sẵn trong váy lót của Agnes, bà đã thấy trước mà giấu vào đó gần bốn mươi cân thuốc súng và hai mươi cân đinh lợp mái nhà.

Agnes cũng để lại trên bàn bếp, bên cạnh tờ giấy nhắn hủy đơn mua sữa, một cái hộp và một cuốn sách. Có hướng dẫn cụ thể về việc phải làm gì với cái hộp, và hướng dẫn cũng cụ thể không kém về việc phải làm gì với cuốn sách; nó phải được gửi đến cho con trai của Agnes là John Device.

Những người tìm thấy nó - người làng bên, đã bị vụ nố đánh thức - đã định bỏ qua các hướng dẫn này và đốt trụi luôn căn nhà, nhưng rồi họ nhìn những đống lửa còn bập bùng cùng những đống đổ nát đầy đinh chung quanh và quyết định sẽ không làm vậy. Hơn nữa, mẩu thư của Agnes cũng kèm theo cả những tiên đoán cụ thể đến ghê người về chuyện sẽ xảy ra với những kẻ không chịu làm theo mệnh lệnh của bà.

Người châm đuốc thiêu Agnes Nutter là một Thiếu tá Săn Phù thủy. Người ta tìm thấy mũ của ông ta trên một ngọn cây cách đó hơn ba cây số.

Tên ông ta được thêu bên trong mũ trên một dải băng khá rộng, là Ngươi-Không-Được-Ngoại-Tình Pulsifer, một trong những lính săn phù thủy chuyên cần nhất nước Anh, và có lẽ ông ta sẽ có chút đắc thắng khi biết hậu duệ cuối cùng của mình đang tiến về phía hậu duệ cuối cùng của Agnes Nutter, dù không hay biết. Hẳn ông ta sẽ cảm thấy mối thù truyền kiếp cuối cùng sẽ được trả.

Nếu ông ta biết chuyện gì sẽ xảy ra khi hai hậu duệ gặp nhau thì chắc ông ta sẽ đội mồ sống dậy mất, mỗi tội ông ta chẳng có mồ mả gì.

◇

Tuy nhiên, trước tiên Newt phải làm gì đó với cái đĩa bay đã.

Nó hạ cánh trước mặt cậu đúng lúc cậu đang tìm lối rẽ vào làng Tadfield Hạ và đang trải tấm bản đồ lên vô lăng. Cậu phải phanh gấp.

Nhìn nó giống hệt mọi bức tranh hoạt họa vẽ đĩa bay mà Newt đã từng thấy.

Khi cậu trố mắt nhìn qua bên trên tấm bản đồ, một cánh cửa trên đĩa bay trượt mở ra với một tiếng vút nghe sướng tai, và một cầu thang lấp lánh tự động hạ xuống mặt đường. Một luồng sáng xanh rực chiếu ra, làm nổi bật ba hình sinh vật ngoài hành tinh. Họ bước xuống cầu thang. Hay đúng ra là chỉ có hai sinh

vật bước đi. Sinh vật thứ ba, nhìn như lọ tiêu, chỉ trượt xuống rồi ngã vật ra dưới chân cầu thang.

Hai sinh vật kia không để ý đến tiếng bíp bíp hốt hoảng của đồng bọn mà cứ thế chậm rãi đến bên chiếc xe, theo cung cách đã được chấp nhận của cảnh sát trên toàn thế giới, tức là vừa đi vừa lập sẵn bảng tội trạng trong đầu. Sinh vật cao nhất, một con cóc màu vàng quấn giấy nhôm, gõ lên cửa sổ của Newt. Cậu hạ cửa kính xuống. Sinh vật đó đeo một cặp kính râm tráng gương mà Newt luôn gọi là kính Luke Tay Lạnh(*).

"Chào buổi sáng thưa anh, chị, hoặc trung tính," sinh vật đó nói. "Đây là hành tinh của anh phải không?"

Sinh vật ngoài hành tinh kia, dáng thấp tròn và da xanh, đã đi vào khu rừng bên vệ đường. Qua khóe mắt, Newt thấy nó đá một cái cây, rồi cho một chiếc lá chạy qua một thiết bị phức tạp gì đó trên thắt lưng. Nó có vẻ không hài lòng cho lắm.

"Ờ, vâng. Tôi đoán vậy," cậu đáp.

Con cóc trầm ngâm nhìn đường chân trời.

"Đã có lâu rồi, phải không?" nó hỏi.

"Ờ. Cá nhân tôi thì không. Ý tôi là, nếu tính cả loài người thì chắc là độ nửa triệu năm. Khoảng vậy."

Sinh vật ngoài hành tinh liếc mắt với đồng sự của nó. "Đã để mưa axit tăng dần, phải không?" nó nói. "Đã để kệ cho hydrocarbon tràn lan, phải không?"

"Sao cơ?"

"Anh có thể cho tôi biết suất phản chiếu của hành tinh anh không?" con cóc hỏi, vẫn bình thản nhìn đường chân trời như thể ở đó đang có chuyện gì thú vị lắm.

"Ờ. Không."

"Thế thì tôi rất tiếc phải cho anh biết, thưa anh, rằng băng ở hai đầu cực của anh có kích thước thấp hơn mức quy định của một hành tinh thuộc nhóm này, thưa anh."

"Ôi trời," Newt nói. Cậu đang tự hỏi mình có thể kể cho ai nghe chuyện này, và nhận ra sẽ chẳng có ai tin cậu.

Con cóc cúi xuống gần hơn. Dường như nó đang băn khoăn về chuyện gì đó, Nếu Newt có thể đánh giá biểu cảm của một sinh vật ngoài hành tinh cậu chưa gặp bao giờ.

"Lần này chúng tôi sẽ cho qua, thưa anh."

Newt lắp bắp. "Ồ. À. Tôi sẽ lo liệu... ờ, khi tôi nói là tôi, thì ý tôi là, tôi nghĩ Bắc Cực và mấy chỗ đó thuộc về tất cả các quốc gia, hoặc đại loại thế, và..."

"Thực tế là, thưa anh, chúng tôi được yêu cầu đem đến cho các anh một tin nhắn."

"Vậy ư?"

"Tin nhắn là, 'Chúng tôi đem đến thông điệp về sự hòa hợp và thái bình trên toàn vũ trụ và đại loại thế.' Kết thúc tin nhắn," con cóc nói.

"À." Newt ngẫm nghĩ về thông điệp đó. "À. Các vị tử tế quá."

"Anh có biết tại sao chúng tôi lại được yêu cầu đem tin nhắn này đến cho các anh không, thưa anh?" con cóc hỏi.

Nét mặt Newt tươi tỉnh lên. "À, ờ, tôi đoán là," cậu luống cuống, "vì Nhân loại đã khai thác nguyên tử và..."

"Chúng tôi cũng không biết, thưa anh." Con cóc vươn người thẳng dậy. "Chắc là một hiện tượng kỳ lạ gì đó. Thôi, chúng tôi phải đi đây." Nó lắc đầu vẻ mơ hồ, rồi quay đi và lạch bạch trở về đĩa bay mà không nói thêm một lời.

Newt thò đầu qua cửa sổ.

"Cảm ơn nhé!"

Sinh vật ngoài hành tinh nhỏ hơn đi qua chiếc xe.

"Mức CO_2 tăng 0.5 phần trăm," nó nói giọng khàn khàn, ném cho cậu một cái nhìn đầy ẩn ý. "Anh biết là mình có thể bị buộc tội là loài thống trị trong khi bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa tiêu dùng bốc đồng chứ?"

Chúng nhấc sinh vật ngoài hành tinh thứ ba dậy, kéo nó lên cầu thang, và đóng cửa lại.

Newt đợi một lát xem còn màn trình diễn ánh sáng hoành tráng nào nữa không, nhưng cái đĩa bay cứ đứng đó. Cuối cùng

cậu lái xe lên vệ cỏ để đi vòng qua nó. Khi cậu nhìn lại gương chiếu hậu thì nó đã biến mất.

Chắc mình đã làm quá lên cái gì đó rồi, cậu ngẫm nghĩ vẻ tội lỗi. Nhưng là cái gì chứ?

Mà mình còn không thể kể với Shadwell được, chắc chắn ông ấy sẽ chửi mình vì cái tội không đếm núm vú của chúng.

"Mà này," Adam nói, "bọn mày đã nhầm về phù thủy rồi."

Bọn Chúng đang ngồi trên một cánh cổng ngoài đồng, nhìn Chó lăn lộn giữa đám phân bò. Con chó lai nhỏ bé có vẻ đang hết sức vui thích.

"Tao đã đọc về họ," thằng bé nói, cao giọng hơn. "Thật ra họ mới là người đúng và tra tấn họ bằng Tòa án Dị giáo Anh quốc và các thứ như thế là sai."

"Mẹ tao bảo họ chỉ là những phụ nữ thông minh dùng phương cách duy nhất khả dĩ với họ để chống lại sự bất công áp bức của một xã hội do nam giới làm chủ," Pepper nói.

Mẹ Pepper là giảng viên ở trường Bách khoa Norton.(*)

"Ừ, nhưng mẹ mày lúc nào chả nói những câu như thế," lát sau Adam nói.

Pepper vui vẻ gật đầu. "Và mẹ tao còn bảo, tệ nhất thì họ cũng chỉ là những người tư tưởng độc lập, sùng bái quy luật phát sinh vô tận."

"Quy luật phàn sinh là ai?" Wensleydale hỏi.

"Chịu. Tao nghĩ là có liên quan gì đó đến cây nêu tháng Năm thì phải," Pepper đoán mò.

"Ờ, *tao* lại tưởng là họ thờ quỷ sứ chứ," Brian nói, nhưng không có vẻ kết tội. Bọn Chúng suy nghĩ rất thoáng về chuyện thờ quỷ. Bọn Chúng suy nghĩ rất thoáng về *tất cả mọi thứ*. "Dù sao thì quỷ sứ cũng hay hơn là cây nêu tháng Năm ngớ ngẩn."

"Chúng mày nhầm ở chính chỗ đó đấy," Adam nói. "Không phải quỷ sứ đâu. Mà là một vị thần khác hay gì gì đấy. Có sừng."

“Quỷ sứ chứ còn gì,” Brian nói.

“Không phải,” Adam kiên nhẫn nói. “Mọi người nhầm họ với nhau. Vị thần đó cũng có sừng. Tên ông ta là Pan. Ông ta có một nửa là dê.”

“Nửa nào?” Wensleydale hỏi.

Adam ngẫm nghĩ một lát.

“Nửa dưới,” cuối cùng nó đáp. “Thế mà mày không biết. Tao tưởng ai cũng biết *cái đó* chứ.”

“Dê làm gì có nửa dưới,” Wensleydale nói. “Chúng có nửa trước và nửa sau. Như bò ấy.”

Chúng ngắm Chó thêm một lát nữa, gõ gót giày vào cổng. Trời nóng đến mụ cả đầu.

Rồi Pepper nói, “Nếu ông ta có chân dê thì làm sao có sừng được. Sừng thuộc về nửa trên cơ mà.”

“Có phải tao bịa ra đâu?” Adam bực mình nói. “Tao chỉ kể cho bọn mày nghe thôi. Thế mà bọn mày cứ làm như tao bịa ra ông ta ấy. Sao cứ phải vặn vẹo *tao* làm gì.”

“Dù sao thì,” Pepper nói. “Cái ông Nồi(*) ngớ ngẩn ấy không thể than phiền là mọi người cứ nhầm mình với quỷ sứ được. Ai bảo ông ta có sừng. *Chắc chắn* người ta sẽ nói, ôi, quỷ sứ đến kìa.”

Chó bắt đầu đào một cái hang thỏ.

Adam, dường như đang suy nghĩ gì đó lung lắm, hít một hơi thật sâu.

“Bọn mày đừng có nghĩ tất cả *theo nghĩa đen* như thế,” nó nói. “Vấn đề ngày nay là thế đấy. Chủ nghĩa vật chất. Chính những người như bọn mày đã chặt phá rừng nguyên sinh và làm thủng tầng ozone. Ở tầng ozone có một cái lỗ to tướng chỉ vì những người chủ nghĩa vật chất như bọn mày.”

“Tao thì làm gì được,” Brian nói ngay. “Tao vẫn còn đang trả tiền cho cái giàn dưa chuột ngớ ngẩn kia kìa.”

“Trong tạp chí có nói hết,” Adam nói. “Phải mất hàng triệu héc ta rừng mưa mới làm ra được một cái burger thịt bò. Và

ozone thì đang rò đi hết vì…” nó ngần ngừ, “mọi người cứ phun thuốc ra môi trường.”

“Còn cả bọn cá voi nữa,” Wensleydale nói. “Mình phải cứu lấy chúng.”

Adam đờ mặt ra. Trong lúc lục lọi các số cũ của tạp chí *Bảo Bình mới*, nó không thấy nói gì đến cá voi cả. Các biên tập viên đã mặc định là độc giả hoàn toàn ủng hộ việc cứu cá voi, cũng như họ mặc định các độc giả đó hít thở khí trời và đi bằng hai chân.

“Có một chương trình về chúng,” Wensleydale giải thích.

“Sao phải giữ gìn chúng?” Adam hỏi. Nó bối rối tưởng tượng ra việc dành dụm cá voi cho đến khi có đủ để đổi lấy một cái huy hiệu.

Wensleydale ngừng lời và moi óc cố nhớ. “Vì chúng biết hát. Và chúng có não rất to. Chúng chỉ còn lại rất ít. Và con người cũng chẳng cần giết chúng làm gì vì thịt chúng chỉ để làm thức ăn cho vật nuôi thôi, đại loại thế.”

“Nếu chúng thông minh thế,” Brian chậm rãi nói, “thì sao chúng lại ở ngoài biển?”

“Ờ, tao thấy có sao đâu,” Adam nói vẻ trầm ngâm. “Bơi suốt ngày, chỉ việc há miệng ra ăn… nghe có vẻ thông minh đấy chứ…”

Một tiếng phanh két và tiếng loảng xoảng kéo dài cắt ngang lời nó. Cả bọn trèo xuống khỏi cánh cổng và chạy lên lối mòn dẫn ra ngã tư, nơi một tiếng xe nhỏ đang nằm chổng ngược ở cuối một vệt phanh dài.

Cách đó một quãng dưới con đường là một cái hố. Hình như chiếc xe đã quẹo tránh nó. Khi chúng nhìn cái hố, một cái đầu nhỏ trông giống của dân phương Đông vội tụt xuống.

Bọn Chúng kéo cửa xe và lôi Newt đã bất tỉnh ra. Adam tưởng tượng ra các thể loại huy chương can đảm giải cứu người bị nạn. Đầu Wensleydale thì lại đầy những suy nghĩ thiết thực về sơ cứu.

“Không nên di chuyển anh ấy,” nó nói. “Lỡ có xương gãy. Bọn mình phải đi gọi ai đó.”

Adam nhìn quanh. Có một mái nhà thấp thoáng giữa tán cây phía cuối đường. Là Nhà Hoa Nhài.

Và trong Nhà Hoa Nhài, Anathema Device đang ngồi trước cái bàn có bông băng, thuốc aspirin, và nhiều dụng cụ cấp cứu khác mà cô đã xếp sẵn từ một giờ trước.

Anathema đã để ý đồng hồ. Chàng sắp đến rồi, cô thầm nghĩ.

Và rồi, khi chàng đến, thì chàng lại không giống như người cô chờ đợi. Hay đúng hơn, chàng không giống người cô đã hy vọng.

Một cách ngượng nghịu, cô đã hy vọng đó sẽ là một chàng trai cao lớn, tóc đen, đẹp trai.

Newt cao thật, nhưng cao theo kiểu dài ngoẵng, lêu nghêu. Và mặc dù tóc cậu đen thật, nó không phải là một phụ kiện thời trang; nó chỉ là một mớ những sợi đen mảnh mọc cùng nhau trên đỉnh đầu cậu. Đó không phải lỗi của Newt; hồi bé, cứ vài tháng một lần, cậu lại đến hiệu cắt tóc ở góc phố, nắm chặt một bức ảnh mà cậu đã cẩn thận xé ra từ một cuốn tạp chí, trên đó là một người có kiểu tóc cực ngầu đang toét miệng cười với máy ảnh, và cậu chỉ bức ảnh cho ông thợ cắt tóc rồi nhờ ông ta làm ơn biến cậu thành như thế. Và ông thợ cắt tóc, vốn đã quen việc, chỉ nhìn một cái rồi cho Newt kiểu đầu cơ bản, đa năng, ngắn-phía-sau-và-hai-bên. Sau một năm như vậy, Newt nhận ra rõ ràng là mặt cậu chả hợp với kiểu tóc nào cả. Điều tử tế nhất mà Newton Pulsifer có thể hy vọng sau khi cắt tóc là mái tóc ngắn hơn.

Với đồ vét cũng vậy. Chưa ai phát minh ra loại quần áo nào có thể khiến cậu có vẻ bảnh bao, sành điệu và thoải mái. Giờ cậu đành hài lòng với bất kỳ thứ gì có thể che mưa và có chỗ cho cậu cất tiền lẻ.

Và cậu không đẹp trai. Ngay cả khi cậu bỏ kính ra.[(*)] Và, cô đã phát hiện ra khi cởi giày cậu để đặt cậu lên giường, là cậu đi tất

cọc cạch: một chiếc màu xanh thủng gót, và một chiếc màu xám thủng ngón.

Mình đoán là mình phải cảm thấy một cảm xúc dịu dàng, ấm áp gì-gì-đó về chuyện này, cô thầm nghĩ. Mình chỉ ước là anh ta đã giặt chúng.

Vậy... cao, tóc đen, nhưng không đẹp trai. Cô nhún vai. Cũng được. Hai trên ba cũng không tệ lắm.

Dáng người trên giường bắt đầu cựa quậy, và Anathema, vốn luôn nhìn về tương lai, liền nén nỗi thất vọng và nói:

"Anh cảm thấy thế nào rồi?"

Newt mở mắt ra.

Cậu đang nằm trong một phòng ngủ. và không phải phòng cậu. Cậu biết ngay vì cái trần. Trần phòng cậu vẫn còn mô hình máy bay treo trên dây. Cậu chưa bao giờ hạ chúng xuống.

Trần phòng này chỉ là lớp vữa nứt rạn. Newt chưa bao giờ vào buồng phụ nữ, nhưng cậu cảm nhận được đây là buồng phụ nữ vì có một loạt các mùi êm dịu kết hợp với nhau. Có một thoáng mùi bột tan cùng mùi hoa huệ, và không hề có chút hôi hám nào của những cái áo phông cũ đã quên mất cảnh tượng bên trong một cái máy sấy.

Cậu cố ngẩng đầu dậy, rên lên một tiếng, rồi lại gục xuống gối. Gối màu hồng, cậu không thể không nhận ra.

"Anh đã đập đầu vào vô lăng," giọng nói vừa đánh thức cậu lên tiếng. "Nhưng may mà không sao. Đã xảy ra chuyện gì vậy?"

Newt lại mở mắt ra.

"Xe ổn chứ?" cậu hỏi.

"Chắc vậy. Có một giọng léo nhéo cứ nói 'Nàm ơn cày rây an tòn'."

"Thấy chưa?" Newt nói với đám khán giả vô hình. "Ngày xưa họ mới chế tạo được những thứ như thế chứ. Lớp vỏ nhựa gần như không hề hấn gì."

Cậu chớp mắt nhìn Anathema.

“Tôi đánh tay lái để tránh một người Tây Tạng trên đường,” cậu nói. “Ít ra thì tôi nghĩ vậy. Tôi nghĩ có lẽ tôi đã hóa điên.”

Dáng người kia bước vòng qua giường để tiến vào tầm mắt cậu. Dáng người có mái tóc đen, đôi môi đỏ, cặp mắt xanh lục, và gần như chắc chắn là nữ. Newt cố không nhìn chằm chằm. Dáng người nói, “Nếu anh có hóa điên thì cũng chẳng ai để ý đâu.” Rồi cô mỉm cười. “Anh có biết là tôi chưa bao giờ gặp một lính săn phù thủy không?”

“Ờ…” Newt mở miệng. Cô giơ cái ví đang mở của cậu lên.

“Tôi đã phải xem bên trong,” cô nói.

Newt thấy ngượng chín người, một tình cảnh chẳng lấy gì làm khác thường. Shadwell đã cho cậu một thẻ chứng nhận của lính săn phù thủy, trên đó, ngoài các thứ khác, còn yêu cầu các thầy tư tế, quan tòa, giám mục, và nhân viên tòa án cho cậu được tự do đi lại và tất cả số củi khô cậu yêu cầu. Nó cực kỳ ấn tượng, một tuyệt tác thư pháp, và có lẽ đã cổ lắm rồi. Cậu đã quên bẵng nó đi.

“Chỉ là thú tiêu khiển ngoài giờ thôi,” cậu khổ sở nói. “Thật ra tôi là… là…” cậu sẽ không nói mình là nhân viên phát lương, không phải ở đây, không phải bây giờ, không phải với một cô gái như thế này, “Kỹ sư tin học,” cậu nói dối. *Muốn* trở thành, *muốn* trở thành; trong *thâm tâm* tôi là kỹ sư tin học thật mà, chỉ là đầu óc tôi không được như ý thôi. “Xin phép, cho tôi hỏi…”

“Anathema Device,” Anathema đáp. “Tôi là nhà huyền học, nhưng đó chỉ là thú tiêu khiển ngoài giờ thôi. Thật ra tôi là phù thủy. Anh khá lắm. Anh muộn nửa tiếng,” cô nói thêm, trao cho cậu một tấm bìa cứng nhỏ, “nên tốt nhất là anh nên đọc cái này. Cho đỡ mất thời gian.”

◇

Quả thực Newt cũng có một cái máy tính nhỏ ở nhà, bất chấp những trải nghiệm thời thơ ấu của cậu. Thật ra, cậu có đến vài cái. Ta luôn *biết* cái nào là máy tính của cậu. chúng là phiên bản

máy tính của chiếc Wasabi. Ví dụ, chúng là những cái máy tính thường giảm giá còn một nửa ngay sau khi cậu mua. Hoặc được ra mắt trong một chiến dịch quảng cáo rầm rộ rồi biến mất không tăm tích sau một năm. Hoặc chỉ hoạt động được nếu ta bỏ chúng vào tủ lạnh. Hoặc, nếu nhờ ăn may mà chúng là máy tính tốt, thì Newt luôn vớ phải những cái được bán cùng hệ điều hành phiên bản đầu chứa đầy lỗi. Nhưng cậu vẫn bền chí, bởi vì cậu *tin*.

Adam cũng có một cái máy tính nhỏ. Thằng bé dùng nó để chơi trò chơi, nhưng chẳng bao giờ được lâu. Nó sẽ mở một trò chơi, chăm chú quan sát vài phút, rồi chơi cho đến khi ô Điểm Cao hết cả số không.

Khi những đứa Bọn Chúng khác tò mò về khả năng kỳ lạ này, Adam tỏ ra hơi ngạc nhiên là không phải ai cũng chơi như thế.

"Bọn mày chỉ việc học cách chơi, sau đó dễ ợt mà," nó nói.

Newt thót tim khi thấy phòng trước của Nhà Hoa Nhài bị chiếm kha khá bởi hàng chồng báo. Các mẩu báo được cắt ra và đính lên tường. Một số có những phần được khoanh bằng mực đỏ. Cậu hơi hài lòng nhận ra trong số đó có cả vài mẩu tin cậu đã cắt ra cho Shadwell.

Anathema hầu như không có đồ đạc gì mấy. Thứ duy nhất cô bỏ công đem theo là cái đồng hồ, một trong những vật gia truyền của gia đình. Nó không phải là đồng hồ tủ, mà là một cái đồng hồ treo tường với quả lắc đu đưa qua lại mà hẳn là E. A. Poe sẽ rất thích thú được trói ai đó vào bên dưới.(*)

Mắt Newt cứ bị hút về phía đó.

"Một ông tổ của tôi đã làm nó đấy," Anathema nói, đặt các tách uống cà phê xuống bàn. "Ngài Joshua Device. Chắc anh đã nghe nói đến ông ấy? Ông đã phát minh ra thứ lắc lư nho nhỏ để giúp chế tạo đồng hồ chính xác mà rẻ tiền hơn ấy mà? Họ đã đặt tên nó theo tên ông."

"Cái Joshua ấy à?" Newt dè dặt hỏi.

“Cái thiết bị.”(*)

Trong nửa giờ đồng hồ qua, Newt đã được nghe nhiều chuyện rất khó tin và đã gần tin, nhưng cũng phải có giới hạn thôi chứ.

“Từ thiết bị được đặt theo tên một người thật sao?” cậu hỏi.

“Đúng thế. Một cái họ rất lâu đời ở Lancashire. Nguồn gốc từ Pháp, tôi nghĩ vậy. Chắc anh sắp sửa nói anh chưa bao giờ nghe nói đến Ngài Humphrey Dụng Cụ…”

“Ồ, thôi *đi*…”

“… người đã phát minh ra một *dụng cụ* để bơm nước ra khỏi các hầm mỏ bị ngập. Hoặc Pietr Phụ Tùng? Hoặc Cyrus T. Linh Kiện, nhà phát minh da màu tài ba nhất của Mỹ? Thomas Edison thường nói chỉ có hai nhà khoa học thực nghiệm đương thời mà ông khâm phục, đó là Cyrus T. Linh Kiện và Ella Reader Vật Dụng. Và còn…”

Cô nhìn khuôn mặt đờ đẫn của Newt.

“Tôi đã làm luận văn tiến sĩ về họ,” cô nói. “Những người phát minh ra những thứ đơn giản và đa năng đến mức mọi người quên mất là đã từng có lúc chúng cần phải được phát minh. Anh dùng đường chứ?”

“Ờ…”

“Bình thường anh uống hai viên,” Anathema ngọt ngào nói.

Newt trố mắt nhìn tấm thẻ cô đã đưa cho.

Hình như cô nghĩ nó sẽ giải thích được mọi chuyện.

Không hề.

Tấm thẻ có một đường kẻ ở chính giữa. Ở bên trái là mấy dòng ngắn ngắn nhìn như bài thơ, viết bằng mực đen. Ở bên phải viết bằng mực đỏ, là các nhận xét và ghi chú. Nhìn nó như sau:

3819: Khi cỗ chiến xa phương Đông xoay ngược, bốn bánh trên trời, một chàng trai bị thâm tím sẽ có mặt trên Giường của Con, đầu đau nhức đòi vỏ liễu, một chàng trai cầm ghim thử nghiệm nhưng có trái tim trong sạch, nhưng lại là mầm mống

đế hủy diệt ta, hãy lấy đi cái đánh lửa của cậu ta cho chắc, hai con sẽ ở bên nhau, cho tới khi Tàn Cuộc.

Xe Nhật Bản? Bị lật.

Xe hỏng… không bị thương nặng???

… đưa vào nhà…

…vỏ liễu = Aspirin

(tk. 3757 Ghim = Lính Săn Phù thủy (tk. 102) Lính Săn Phù thủy tốt?? Nhắc đến Pulsifer (tk. 002) Xem có diêm không, v.v. Vào thập niên 1990! Hừm

… chưa đầy một ngày

(tk. 712, 3803, 4004)

Tay Newt tự động sờ vào túi áo. Cái bật lửa của cậu đã không còn.

"Cái này nghĩa là gì?" cậu nói giọng khàn đặc.

"Anh đã bao giờ nghe nói đến Agnes Nutter chưa?" Anathema hỏi.

"Chưa," Newt nói, cố tỏ vẻ châm chọc như một nỗ lực tự vệ tuyệt vọng. "Chắc cô sẽ bảo tôi là bà phát minh ra người điên chứ gì."(*)

"Cũng là một tên họ lâu đời nữa ở Lancashire," Anathema lạnh lùng nói. "Nếu anh không tin thì đi tra cứu các vụ xử án phù thủy đầu thế kỷ mười bảy ấy. Bà là bà tổ của tôi. Thật ra, một ông tổ của anh đã thiêu sống bà. Hay tìm cách thiêu sống."

Newt lắng nghe câu chuyện về cái chết của Agnes Nutter với vẻ kinh hoàng mê mệt.

"Ngươi-Không-Được-Ngoại-Tình Pulsifer ấy à?" cậu hỏi, sau khi cô kể xong.

"Thời đó những cái tên như thế rất phổ biến," Anathema nói. "Hình như có đến mười đứa con và gia đình họ rất sùng đạo. Có Tham-Lam Pulsifer, Nhân-Chứng-Giả Pulsifer…"

"Tôi nghĩ là tôi hiểu rồi," Newt nói. "Trời. Tôi *nhớ* là Shadwell có nói ông ấy đã thấy cái tên đó ở đâu rồi. Chắc là trong sổ sách của Đội quân. Tôi đoán nếu bị đặt tên là Ngoại-Tình

Pulsifer thì tôi cũng muốn làm tốn thương càng nhiều người càng tốt."

"Tôi nghĩ chẳng qua ông ta không ưa phụ nữ thôi."

"Cảm ơn cô có nhã ý," Newt nói. "Ý tôi là, chắc ông ta là ông tổ của tôi. Không có nhiều người mang họ Pulsifer lắm. Có lẽ... vì thế mà tôi mới gặp được Đội quân Săn Phù thủy chăng? Có thể là Định Mệnh," cậu khấp khởi nói.

Cô lắc đầu. "Không," cô nói. "Không có gì là định mệnh hết."

"Mà săn phù thủy ngày nay cũng không như trước kia nữa. Tôi nghĩ Shadwell chưa làm được gì hơn là đá đổ thùng rác của Doris Stokes(*) đâu."

"Nói riêng giữa tôi với anh nhé, Agnes khá là khó nhằn," Anathema nói chung chung. "Bà không biết chừng mực là gì đâu."

Newt vẫy tấm thẻ.

"Nhưng chuyện đó thì liên quan gì đến cái này?"

"Bà đã viết nó. Viết cuốn nguyên bản ấy. Đây là lời tiên tri số 3819 trong *Những Lời Tiên tri Tuyệt đích và Chuẩn xác của Agnes Nutter*, xuất bản lần đầu năm 1655."

Newt trố mắt nhìn lời tiên tri. Miệng cậu há ra rồi ngậm vào.

"Bà ấy biết tôi sẽ bị đâm xe ư?" *cậu hỏi.*

"Đúng. Không. Có lẽ là không. Khó nói lắm. Anh thấy đấy, Agnes là nhà tiên tri tệ nhất trên đời. Vì bà luôn đúng. Chính vì thế mà cuốn sách mới không bán được."

Phần lớn năng lực tâm linh đều có nguồn gốc từ sự thiếu khả năng phân biệt quá khứ hiện tại tương lai, và tâm trí Agnes Nutter trôi dạt trong dòng Thời gian đến nỗi bà được coi là khá điên, ngay cả theo tiêu chuẩn của Lancashire vào thế kỷ mười bảy, khi mà các nữ tiên tri điên là một ngành lớn mạnh.

Nhưng nghe bà nói rất thú, ai cũng đồng ý như vậy.

Bà thường đi chữa bệnh cho mọi người bằng một loại nấm mốc, và khuyên mọi người phải rửa tay thật kỹ để những con vật nhỏ xíu gây bệnh bị trôi đi, trong khi ai nấy đều biết mùi hôi nồng nặc là cách duy nhất để tự vệ trước những con quỷ bệnh tật. Bà cũng ủng hộ một kiểu chạy nhẹ nhàng nhún nhảy để giúp sống lâu hơn, một quan điểm cực kỳ đáng nghi và là lý do đầu tiên khiến đám Săn Phù thủy chú ý đến bà, và nhấn mạnh tầm quan trọng của chất xơ trong chế độ ăn uống, mặc dù trong việc này thì rõ ràng là bà đã đi trước thời đại xa quá vì hồi ấy phần lớn mọi người để ý đến sỏi trong thức ăn còn nhiều hơn là chất xơ. Và bà không chịu chữa mụn cóc.

"Tất cả chỉ ở trong đầu anh thôi," bà thường nói, "quên nó đi là nó sẽ tự khỏi."

Rõ ràng là Agnes có thể nhìn thấy Tương lai, nhưng nó là một cái nhìn hẹp và cụ thể đến khác thường. Nói cách khác là nó gần như hoàn toàn vô dụng.

◇

"Ý cô là sao?" Newt hỏi.

"Bà có những lời tiên tri mà ta chỉ có thể hiểu được sau khi chuyện đã rồi," Anathema đáp. "Ví dụ như là 'Đừng mua Betamacks.'(*) Đó là lời tiên tri cho năm 1972."

"Ý cô là bà đã *tiên tri* sự ra đời của đầu thu video sao?"

"Không! Bà chỉ nhặt được một mẩu thông tin đơn lẻ thôi," Anathema nói. "Vấn đề là ở chỗ đó. Phần lớn thời gian bà nói đến những điều quanh co đến nỗi không ai hiểu nổi cho tới khi mọi việc đã qua, và khi đó tất cả mới trở nên sáng tỏ. Và bà không biết chuyện nào quan trọng, nên lúc được lúc không. Lời tiên tri của bà cho ngày 22 tháng Mười một năm 1963 là một ngôi nhà bị đổ ở làng King's Lynn."

"Thế thì?" Newt soạn ra một bộ mặt khó hiểu lịch sự.

“Đó là ngày Tổng thống Kennedy bị ám sát,” Anathema tử tế giải thích. “Nhưng thời đó chưa có Dallas, anh hiểu không. Trong khi King’s Lynn thì lại khá quan trọng.”

“À.”

“Nói chung bà rất giỏi với những lời tiên tri có liên quan đến con cháu mình.”

“Thế ư?”

“Và bà cũng không biết gì về động cơ đốt trong cả. Với bà, chúng chỉ là những cỗ xe kỳ cục thôi. Ngay cả mẹ tôi cũng tưởng lời tiên tri đó nói đến cỗ xe của một hoàng đế bị lật. Anh thấy đấy, chỉ biết tương lai là *như thế nào* thôi là chưa đủ. Ta phải biết nó có *nghĩa là gì* nữa. Agnes giống như một người đang nhìn một bức tranh khổng lồ qua một cái ống nhỏ xíu vậy. Bà viết lại những gì có vẻ như là lời khuyên tốt, dựa trên những gì bà hiểu được từ những hình ảnh thoáng qua rất nhỏ đó.”

“Đôi khi ta cũng gặp may,” Anathema nói tiếp. “Chẳng hạn như, cụ tôi đã hiểu được lời tiên tri về vụ sụp đổ thị trường chứng khoán năm 1929, hai ngày trước khi nó xảy ra. Kiếm được cả một gia tài. Anh có thể nói chúng tôi là hậu duệ chuyên nghiệp.”

Cô nhìn chằm chằm Newt. “Anh hiểu không, phải đến hai trăm năm trước, mọi người mới nhận ra *Những Lời Tiên tri Tuyệt đích và Chuẩn xác* là một món đồ gia truyền như ý của Agnes. Rất nhiều lời tiên tri liên quan đến con cháu bà và số phận của họ. Đó là cách bà chăm lo cho chúng tôi sau khi bà ra đi. Chúng tôi nghĩ vì thế mới có lời tiên tri về King’s Lynn. Hôm ấy bố tôi đến thăm làng đó, nên theo cách nhìn của Agnes, ông khó có thể bị dính đạn lạc từ Dallas, nhưng rất có khả năng ông sẽ bị gạch rơi trúng đầu.”

“Thật là tử tế quá,” Newt nói. “Ta gần như có thể bỏ qua chuyện bà đã làm nổ tung cả một ngôi làng.”

Anathema lờ câu này đi. “Đại loại mọi chuyện là thế đấy,” cô nói. “Từ đó trở đi chúng tôi đã dành mọi công sức để diễn giải

chúng. Trung bình cứ mỗi tháng có một lời tiên tri... thật ra bây giờ thì nhiều hơn rồi, khi chúng ta tiến gần hơn tới tận thế."

"Và đó là khi nào?" Newt hỏi.

Anathema nhìn cái đồng hồ đầy ẩn ý.

Cậu cất một tiếng cười nhỏ đáng sợ mà cậu hy vọng là nghe có vẻ khôn ngoan lõi đời. Sau tất cả những sự việc đã trải qua cho tới giờ, cậu cảm thấy không được tỉnh táo lắm. Và cậu có thể ngửi thấy mùi nước hoa của Anathema, nó khiến cậu bối rối.

"May cho anh là tôi không cần đồng hồ đếm giờ đấy," Anathema nói. "Chúng ta còn khoảng, ờ, năm, sáu tiếng nữa."

Newt ngẫm nghĩ về điều này. Cả đời cậu chưa bao giờ muốn uống rượu, nhưng có gì đó mách bảo cậu rằng phải có lần đầu tiên.

"Phù thủy có đồ uống trong nhà không?" cậu ướm hỏi.

"Ồ, có." Cô nở một nụ cười mà Agnes Nutter có lẽ cũng có khi giở ngăn kéo đựng đồ lót của bà ra. "Nước xanh lè nổi bọt với Các Thứ kỳ dị uốn éo trên bề mặt đông đặc. *Anh* chắc biết cái đó."

"Cũng được. Có đá không?"

Hóa ra là rượu gin. Cũng có đá. Anathema, cũng có học qua môn pha chế của phù thủy, không tán thành việc uống rượu nói chung nhưng với bản thân cô thì lại thấy không vấn đề gì.

"Tôi đã kể cho cô nghe về người Tây Tạng chui ra từ một cái hố trên đường chưa nhỉ?" Newt hỏi, thư giãn hơn.

"Ồ, tôi biết họ rồi," cô nói, xếp lại đống giấy trên bàn. "Có hai người chui lên từ bãi cỏ trước nhà hôm qua. Họ bối rối đến tội, nên tôi cho họ uống trà rồi sau đó họ mượn một cái xẻng, thế là họ lại chui xuống. Tôi nghĩ họ không biết phải làm gì."

Newt thấy hơi lúng túng. "Sao cô biết họ là người Tây Tạng?" cậu hỏi.

"Nói thế thì cũng phải hỏi, sao *anh* biết? Ông ta có kêu 'Ommm' khi anh đụng phải ông ta không?"

“Ờ, ông ta… nhìn ông ta có vẻ Tây Tạng,” Newt nói. “Áo màu vàng, đầu trọc… cô biết đấy… người *Tây Tạng* ấy mà.”

“Một người tôi gặp nói tiếng Anh khá tốt. Hình như một phút trước anh ta còn đang sửa đài ở Lhasa, phút sau anh ta đã ở trong một đường hầm. Anh ta không biết phải về nhà bằng cách nào.”

“Nếu cô bảo anh ta đi ngược đường, có lẽ anh ta sẽ đi nhờ một cái đĩa bay được đấy,” Newt rầu rĩ nói.

“Có ba sinh vật ngoài hành tinh phải không? Một trong số đó là một robot nhỏ màu bạc?”

“Chúng cũng hạ cánh xuống bãi cỏ của cô à?”

“Theo như bản tin trên đài thì đó có vẻ là chỗ duy nhất chúng không hạ cánh xuống. Chúng hạ cánh xuống khắp nơi trên thế giới để truyền đi những lời nhàm tai về hòa bình vũ trụ, và khi mọi người hỏi ‘Ừ, thì sao?’ thì chúng đờ mặt ra và lại bay đi. Các dấu hiệu và điềm báo, đúng như Agnes nói.”

“Tôi đoán là cô sẽ bảo bà ấy cũng đã tiên tri hết những việc này chứ gì?”

Agnes lật giở một hộp thẻ thư mục đã cũ nát trước mặt.

“Tôi cứ định số hóa tất cả,” cô nói. “Để tìm kiếm bằng từ khóa và đại loại thế. Anh biết chứ? Sẽ đơn giản hơn nhiều. Những lời tiên tri được sắp đặt không có thứ tự gì cả, nhưng có các manh mối bằng chữ viết tay và các thứ tương tự.”

“Bà ấy viết bằng thẻ sao?” Newt hỏi.

“Không. Một cuốn sách. Nhưng tôi đã, ờ, để nó nhầm chỗ. Tất nhiên chúng tôi vẫn có các bản sao.”

“Đánh mất nó rồi chứ gì?” Newt hỏi, cố tạo chút hài hước.

“Dám cá là bà ấy không tiên tri được vụ này đâu!”

Anathema lườm cậu. Nếu chỉ nhìn thôi cũng có thể chết người thì Newt đã nằm trên bàn mổ xác rồi.

Rồi cô nói tiếp: “Nhưng trong nhiều năm chúng tôi đã xây dựng được một mục lục khá đầy đủ, và ông nội tôi đã nghĩ ra một hệ thống tham khảo chéo rất hiệu quả… à. Đây rồi.”

Cô đẩy một tờ giấy ra trước mặt Newt.

3819: Khi người nghệ tây lên từ lòng đất và người xanh xuống từ bầu trời mà không hiểu tại sao, các thanh Pluto biến khỏi lâu đài sấm sét, vùng đất chìm dưới nước sẽ nổi lên, thủy quái được tự do, và Brazil lại xanh, thì Ba sẽ đến cùng nhau và Bốn trỗi dậy, cưỡi trên ngựa sắt; ta bảo con biết cái kết đã cận kề.

Nghệ tây = vàng nghệ (tk. 2003)

… Người ngoài hành tinh… ???

… lính nhảy dù???… nhà máy điện hạt nhân (xem mẩu báo số 798-806)

… Atlantis, mẩu báo 812-819

Thủy quái = cá voi (tk. 1981)?

… Nam Mỹ lại xanh??

3 = 4?

Xe lửa? (“đường sắt”, tk. 2675)

“Tôi không hiểu được hết đoạn này từ trước,” Anathema thừa nhận. “Tôi đã bổ sung sau khi nghe bản tin.”

“Chắc gia đình cô giỏi giải ô chữ lắm,” Newt nói.

“Dù sao thì tôi nghĩ đoạn này cũng quá tầm hiểu biết của Agnes rồi. Những câu nói về thủy quái và Nam Mỹ và Ba với Bốn có thể có nghĩa bất kỳ.” Cô thở dài. “Vấn đề là báo. Anh không thể biết liệu có phải Agnes đang nói tới một sự việc nhỏ xíu nào mà anh đã bỏ lỡ không. Anh có biết mỗi sáng phải mất bao nhiêu thời gian mới có thể xem hết *tất cả* báo hằng ngày một cách *thật kỹ càng* không?”

“Ba tiếng mười phút,” Newt đáp ngay.

“Tao nghĩ bọn mình sẽ được thưởng huân chương hoặc gì đó,” Adam khấp khởi nói. “Vì đã cứu được một người khỏi cái xe nát cháy bùng bùng.”

“Nó có cháy bùng bùng đâu,” Pepper nói. “Nó còn chẳng nát lắm khi bọn mình đẩy nó lên.”

“Nó *đã có thể* cháy chứ,” Adam khăng khăng. “Tao không hiểu sao bọn mình lại không được thưởng huân chương chỉ vì một cái xe không biết khi nào thì nên cháy.”

Chúng đứng nhìn xuống cái hố. Anathema đã gọi cảnh sát, họ bảo đó là do đất lún và đặt mấy cái nón cảnh báo quanh nó; nó rất tối và sâu hoắm.

“Đến Tây Tạng cũng vui chứ nhỉ,” Brian nói. “Bọn mình có thể học võ và các thứ. Tao đã xem một bộ phim cũ nói là ở Tây Tạng có một thung lũng, mọi người ở đó đều thọ hàng trăm tuổi. Nó tên là Shangri-La.”

“Nhà nghỉ của dì tao cũng tên là Shangri-La,” Wensleydale nói.

Adam khịt mũi.

“Thật chẳng ra sao cả, ai lại đặt tên thung lũng theo tên một cái nhà nghỉ cũ kỹ chứ,” nó nói. “Chẳng khác nào gọi nó là Dunroamin’ hoặc Nhà Nguyệt Quế.”

“Dù sao nghe cũng còn hay hơn là Xa Lát,” Wensleydale nhẹ nhàng nói.

“Shambala chứ,” Adam chỉnh lại.

“Tao đoán là cùng một chỗ thôi. Có thể nó có cả hai tên,” Pepper nói với sự khéo léo khác hẳn thường lệ. “Như nhà tao ấy. Nhà tao đổi tên từ Hội Quán thành Phong Cảnh Norton khi chuyển đến đây, nhưng vẫn nhận được thư gửi cho Theo C. Cupier, Hội Quán. Có thể bây giờ họ đặt tên cho nó là Shambala nhưng người ta vẫn gọi nó là Nhà Nguyệt Quế.”

Adam ném một hòn sỏi vào cái hố. Nó đã bắt đầu chán người Tây Tạng.

“Giờ bọn mình làm gì đây?” Pepper hỏi. “Ở Trại Thung Norton người ta đang tắm cừu đấy. Bọn mình có thể đến giúp.”

Adam ném một hòn đá to hơn vào cái hố và đợi tiếng thịch. Không thấy gì.

“Tao không biết nữa,” nó lơ đãng nói. “Tao nghĩ bọn mình nên làm gì đó với lũ cá voi và rừng mưa và các thứ như thế.”

“Làm gì cơ?” Brian hỏi, vốn rất thích những trò giải trí sẵn có ở một cuộc tắm cừu ra trò. Nó bắt đầu rút vỏ bim bim trong túi ra và thả từng cái một xuống hố.

“Bọn mình có thể xuống Tadfield chiều nay và không ăn burger,” Pepper nói. “Nếu cả bốn bọn mình đều không ăn thì tức là sẽ không phải chặt hạ hàng triệu héc ta rừng mưa.”

“Kiểu gì họ cũng sẽ chặt chúng thôi,” Wensleydale nói.

“Lại là chủ nghĩa vật chất,” Adam nói. “Cũng như với bọn cá voi. Những chuyện đang xảy ra ấy, thật không thể tin được.” Nó nhìn Chó chằm chằm.

Nó đang cảm thấy rất lạ.

Con chó lai nhỏ, nhận thấy sự chú ý, liền đứng trên hai chân sau vẻ chờ đợi.

“Chính bọn mày đã ăn hết cá voi,” Adam nghiêm khắc nói. “Tao dám cá mày đã ăn gần hết cả một con cá voi ấy chứ.”

Chó ngoẹo đầu sang bên và kêu ư ử, trong khi một tia độc địa cuối cùng nhỏ xíu trong linh hồn nó đang tự căm ghét mình vì đã làm thế.

“Lớn lên trong một thế giới như vậy,” Adam nói. “Không cá voi, không khí trời, mọi người phải chèo thuyền đi khắp nơi vì nước biển dâng cao.”

“Thế thì chỉ có người Atlantis là sướng thôi,” Pepper khoái chí nói.

“Hừ,” Adam nói, không để tai nghe.

Có gì đó đang xảy ra trong tâm trí nó. Đầu nó đang đau nhức. Những ý nghĩ đang kéo đến mà nó không cần phải nghĩ. Có cái gì đang nói, *Mày có thể làm được gì đó, Adam Young ạ. Mày có thể làm bất kỳ điều gì.* Và thứ đang nói đó là… chính nó. Một phần sâu thẳm trong nó. Một phần đã gắn liền với nó suốt bao năm nay mà nó không nhận ra, như một cái bóng. Phần đó đang nói: phải, thế giới này đã thối nát. Lẽ ra thế giới đã có thể rất tuyệt vời. Nhưng giờ nó đã thối nát, và đã đến lúc phải làm gì đó. Đó là lý do mày có mặt ở đây. Để khiến mọi thứ tốt đẹp hơn.

“Vì họ muốn đi đâu cũng được,” Pepper nói tiếp, nhìn thằng bé vẻ lo ngại. “Ý tao là người Atlantis ấy. Bởi vì…”

“Tao chán ngấy người Atlantis với người Tây Tạng cũ rích rồi,” Adam quát.

Cả bọn trố mắt nhìn nó. Chúng chưa bao giờ thấy nó như thế.

“Họ thì sướng rồi,” Adam nói. “Mọi người dùng hết cá voi, than, dầu, ozone, rừng nguyên sinh và các thứ khác, đến lượt bọn mình thì chẳng còn gì nữa. Bọn mình phải được lên sao Hỏa và đi khắp nơi, thay vì ngồi đây trong bóng tối ẩm ướt, không khí thì bay đi hết.”

Đây không phải là Adam trước kia mà Bọn Chúng thường biết. Bọn Chúng tránh nhìn nhau. Khi Adam đang trong tâm trạng này, thế giới có vẻ lạnh lẽo hơn.

“Tao thấy là,” Brian nói vẻ thực tế, “*tao* thấy là, tốt nhất là thôi không đọc về những chuyện đó nữa.”

“Giống như mày nói hôm nọ ấy,” Adam nói. “Hồi bé bọn mình đọc về cướp biển, cao bồi, phi hành gia và đủ thứ, Thế mà đúng lúc bọn mình nghĩ thế giới đầy những thứ tuyệt diệu, họ lại bảo thực ra chỉ toàn cá voi chết và rừng bị chặt và chất thải hạt nhân tồn đọng cả triệu năm. Nếu bọn mày hỏi tao thì như thế không đáng để mình lớn lên.”

Bọn Chúng liếc nhìn nhau.

Đúng là có một bóng đen phủ kín cả thế giới. Những đám mây dông đang dồn lại ở phía bắc, ánh nắng phản chiếu lên đó vàng khè như thể bầu trời đã được vẽ bởi một tay họa sĩ không chuyên nhưng nhiệt tình.

“Tao thấy là nên dẹp hết đi rồi bắt đầu lại từ đầu,” Adam nói.

Giọng nói đó nghe còn không giống giọng Adam.

Một làn gió lạnh buốt thổi qua khu rừng mùa hè.

Adam nhìn chó đang cố trồng cây chuối. Có một tiếng sấm xa xăm vẳng lại. Thằng bé thò tay xuống lơ đãng vỗ vỗ con chó.

“Cho đáng đời mọi người nếu bom nguyên tử nổ hết và tất cả phải bắt đầu lại từ đầu, nhưng lần này sẽ được sắp xếp hẳn hoi

hơn," Adam nói. "Đôi khi tao nghĩ tao thích chuyện đó xảy ra. Và khi ấy bọn mình sẽ sắp đặt mọi thứ đâu ra đấy."

Tiếng sấm lại gầm lên. Pepper rùng mình. Đây không phải là một cuộc tranh luận vòng vo quen thuộc của Bọn Chúng để giết thì giờ. Trong mắt Adam có một vẻ mà lũ bạn nó không hiểu nổi - không hẳn là tinh quái, vì vẻ đó vốn luôn hiện diện trong mắt nó gần như mọi nơi mọi lúc, mà là một vẻ đờ đẫn trống rỗng còn đáng sợ hơn nhiều.

"Tao không biết là có còn *bọn mình* không nữa," Pepper cố thử. "Sẽ làm gì còn *bọn mình*, vì nếu bom nổ thì bọn mình cũng sẽ toi theo. Với tư cách là mẹ của một thế hệ chưa được ra đời, tao phản đối."

Mấy đứa kia nhìn nó tò mò. Con bé nhún vai.

"Rồi kiến khổng lồ sẽ chiếm cả thế giới," Wensleydale lo lắng nói. "Tao đã xem trên phim. Hoặc mình sẽ phải cầm súng cưa nòng và mọi người đều lái xe hơi gắn đầy dao và súng..."

"Tao sẽ không cho phép có kiến khổng lồ hay thứ gì đó tương tự," Adam nói, mặt sáng bừng lên khủng khiếp. "Và bọn mày sẽ không sao. Tao sẽ đảm bảo như thế. Sẽ *chiến* lắm nhỉ, nếu cả thế giới chỉ có bọn mình. Đúng không? Bọn mình có thể chia nhau. Bọn mình có thể có những trò chơi cực hay. Bọn mình có thể chơi Chiến tranh với quân đội thật."

"Nhưng sẽ không có *người*," Pepper phản đối.

"À, tao có thể chế ra người cho bọn mình," Adam ung dung nói. "Đủ người để làm quân lính. Bọn mình có thể chia bốn thế giới. Ví dụ như *mày*" - nó chỉ vào Pepper, làm con bé co rúm lại, tựa hồ ngón tay Adam là một cái cời than nóng trắng - "mày có thể nhận nước Nga, vì Nga có Hồng quân và mày có tóc đỏ, được không? Còn Wensley có thể nhận châu Mỹ, và Brian sẽ nhận, nhận châu Phi và châu Âu, và, và..."

Ngay cả trong nỗi kinh hoàng lớn dần, Bọn Chúng vẫn dành thời gian ngẫm nghĩ vụ này.

"Hừ-ừ," Pepper lắp bắp trong làn gió mỗi lúc một mạnh đang giật áo phông của nó, "tao không h-hiểu sao Wensley lại được

châu Mỹ trong khi tao chỉ được Nga. Nga *chán ôm*."

"Thế thì cho mày Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ vậy," Adam nói.

"Thế tức là tao chỉ được châu Phi và mấy nước nhỏ chán òm," Brian nói, vẫn mặc cả dù đang đứng trên bờ vực thảm họa. "Có cho tao châu Úc cũng được," nó nói thêm.

Pepper huých thằng bé và vội vã lắc đầu.

"Châu Úc là để cho Chó," Adam nói, mắt rực lên ngọn lửa sáng tạo, "vì nó cần rất nhiều chỗ để chạy quanh. Và sẽ có bao nhiêu là thỏ và chuột túi cho nó đuổi, và..."

Mây tràn tới trước và sang hai bên như mực đổ vào một bát nước sạch, kéo khắp bầu trời còn nhanh hơn cả gió.

"Nhưng sẽ không có thỏ..." Wensleydale ré lên.

Adam không nghe thấy, ít nhất là không nghe những giọng nói bên ngoài đầu nó. "Tất cả thật lộn xộn quá mức," nó nói. "Bọn mình nên bắt đầu lại từ đầu. Chỉ cứu những gì mình muốn và bắt đầu lại từ đầu. Như thế là tốt nhất. Nghĩ cho kỹ thì như thế sẽ là làm ơn cho Trái đất đấy. Tao *tức điên* lên khi thấy đám già rồ dại ấy làm các thứ lộn xộn lên hết..."

"Đó là ký ức, anh hiểu không," Anathema nói. "Ký ức quá khứ cũng như ký ức tương lai. Ký ức giống loài ấy mà, ý tôi là vậy."

Newt nhìn cô vẻ lịch sự nhưng đờ đẫn.

"Điều tôi định nói là," cô kiên nhẫn giải thích, "Agnes không *nhìn* được tương lai. Đó chỉ là cách nói ẩn dụ thôi. Thực ra bà *nhớ lại* tương lai. Tất nhiên là nhớ không rõ, và đến khi nó được lọc qua cách hiểu của bà thì mọi thứ đã trở nên khá rối rắm. chúng tôi nghĩ bà giỏi nhất khi nhớ những việc sẽ xảy ra với con cháu mình."

"Nhưng nếu gia đình cô đi các nơi và làm mọi việc vì những gì bà viết, và những gì bà viết lại là ký ức về những nơi gia đình

cô đã đi và những việc gia đình cô đã làm," Newt nói, "thì có nghĩa là..."

"Tôi biết. Nhưng, ờ, có bằng chứng cho thấy mọi chuyện là như vậy đấy," Anathema nói.

Họ nhìn tấm bản đồ trải rộng trước mặt. Bên cạnh họ, chiếc đài đang khe khẽ nói. Newt nhận thức rất rõ là một cô gái đang ngồi cạnh mình. Chuyên nghiệp lên nào, cậu tự nhủ. Mày là một người lính, phải không? Ờ thì cũng gần như thế. Vậy hãy cư xử như một người lính đi. Cậu nghĩ thật lung trong một tích tắc. Ờ, thế thì hãy cư xử như một người lính đáng kính đang lúc lịch thiệp nhất vậy. Cậu bắt mình phải chú ý vào vấn đề trước mắt.

"Tại sao lại là Tadfield Hạ?" Newt nói. "Tôi thì chỉ quan tâm vì thời tiết thôi. Vì khí hậu tối ưu, họ gọi nó như vậy. Có nghĩa là nó là một khu vực nhỏ có thời tiết hoàn hảo của riêng nó."

Cậu liếc nhìn những cuốn sổ của cô. Chắc chắn là có gì đó rất lạ về nơi đó, ngay cả khi ta bỏ qua vụ người Tây Tạng và UFO, vốn dường như đang lan tràn khắp thế giới mấy ngày nay. Khu vực Tadfield không chỉ có thời tiết kiểu mẫu ta có thể dùng để tính lịch, nó còn có sức đề kháng cực cao với thay đổi. Dường như không có ai xây nhà mới ở đó. Dân cư cũng không di chuyển mấy. Ở đó có nhiều rừng và hàng giậu hơn ta tưởng vào thời nay. Trại gà công nghiệp duy nhất mở cửa ở khu vực này đã phá sản chỉ sau một hai năm, và được thay thế bởi một chủ trại lợn kiểu xưa, cho lợn chạy rông ngoài vườn táo và bán thịt với giá cao. Hai ngôi trường địa phương dường như cứ một mình một đường mà không thèm đếm xỉa đến các mốt giáo dục liên tục thay đổi. Một đường cao tốc lẽ ra đã biến làng Tadfield Hạ thành Trạm nghỉ Ngã tư Trại Lợn Vui số 18 đã đổi hướng cách đó tám cây số, vòng vèo thành một hình bán nguyệt rộng, và tiếp tục đi mà không biết đến hòn đảo thôn quê nhỏ bé vĩnh cửu nó đã tránh. Không ai biết tại sao; một nhân viên đạc điền liên quan đã bị suy sụp thần kinh, một người nữa đã đi làm thầy tu, và người thứ ba thì đã chuyển đến Ball để vẽ phụ nữ khỏa thân.

Cứ như thể một phần lớn của thế kỷ hai mươi đã đánh dấu mấy cây số vuông là Không Được Đụng Đến.

Anathema rút một tấm thẻ khác ra khỏi hộp và đẩy nó ngang qua bàn.

2315. Có người nói hắn đến từ London, hoặc New York, nhưng họ đã nhầm, nơi đó là Taddes Fild. Hắn có quyền năng hùng mạnh, hắn đến như hiệp sĩ giữa thái ấp, hắn chia Thế giới thành 4 phần, hắn đem tới bão tố.

... sớm 4 năm [đến tận 1664 vẫn là New AmsterdamJ...

... Taddville, Norfolk.,.

... Tardesfield, Devon...

... Tadfield, Oxon... <

..!... Xem Khải huyền C.6, k10

"Tôi đã phải tra cứu rất nhiều sổ sách địa phương," Anathema nói.

"Sao cái này lại là 2315? Nó sớm hơn những cái khác."

"Agnes hơi cẩu thả trong việc định thời điểm. Tôi nghĩ không phải lúc nào bà cũng biết chuyện gì xảy ra khi nào. Tôi đã bảo anh rồi đấy, chúng tôi đã mất rất nhiều thời gian để tạo ra một hệ thống kết nối chúng với nhau."

Newt xem mấy tấm thẻ nữa. Ví dụ:

IIII. Và con Đại Khuyên sẽ đến, và hai Quyền năng bất lực nhìn theo nó, vì nó sẽ đến nơi Chủ Nhân của nó, nơi họ không thể đến, và hắn sẽ đặt tên cho nó, đích danh bản chất của nó, và Địa ngục sẽ rời bỏ nó.

? Có liên quan gì đến Bismarck không? [A.F. Device, 8/6/1888]

...?

... Scheswig-Holstein?

"So với Agnes thì lời tiên tri đó cũng khó hiểu khác thường,"

Anathema nói.

3017. Ta thấy Bốn kẻ cưỡi ngựa, đem đến Tận thế, và Thiên thần Địa ngục đi cùng họ. Và Ba sẽ nổi dậy. Và Bốn và Bốn cùng nhau thành Bốn, và Thiên thần Hắc ám sẽ thừa nhận thất bại. Nhưng Con Người sẽ đòi thứ của Riêng Mình.

Tứ Kỵ sĩ Khải huyền

Con người = Pan, Quỷ sứ (*Xử án phù thủy ở Lancashire*, Brewster, 1782)

??

Tôi có cảm giác tối hôm đó bà Agnes đã uống đẫy thì phải (Quincy Device, 15/10/1789)

Tôi đồng ý. Than ôi, chúng ta đều là người cả thôi. (Cô O. J. Device, 5/1/1854)

"Tại sao lại là *Tuyệt đích* và Chuẩn xác?" Newt nói.

"Tuyệt đích có nghĩa là chính xác, hoặc rõ ràng," Anathema nói bằng giọng mệt mỏi của người đã phải giải thích điều này trước đó. "Đó là nghĩa cổ của nó."

"Nhưng *nghe này*," Newt nói...

... cậu đã gần thuyết phục được mình về việc UFO không tồn tại, rõ ràng chúng chỉ là do cậu tưởng tượng, còn người Tây Tạng thì, ờ, cậu còn đang nghĩ cái đã, nhưng dù là cái gì thì đó cũng không phải người Tây Tạng, nhưng điều cậu *đang* tin mỗi lúc một chắc chắn hơn đó là cậu đang ở cùng một cô gái rất hấp dẫn, mà cô có vẻ cũng ưa cậu, hay ít ra là không tỏ vẻ không ưa cậu, mà với Newt thì đây là lần đầu tiên. Quả thực đang có rất nhiều chuyện kỳ lạ, nhưng nếu thật sự cố gắng đẩy con thuyền lý trí ngược dòng bằng chứng đang cuồn cuộn chảy, thì cậu có thể giả vờ tất cả chỉ là do bóng khí quyển, hoặc sao Kim, hoặc ảo giác tập thể.

Tóm lại, bây giờ Newt có đang nghĩ bằng cái gì đi chăng nữa thì đấy cũng không phải là não cậu.

"Nhưng nghe này," cậu nói, "không phải *thực sự* sắp đến lúc tận thế đấy chứ? Ý tôi là, nhìn quanh mà xem. Chẳng có vẻ gì là có căng thẳng giữa các nước... ờ, thì là không căng thẳng hơn mọi khi. Sao chúng ta không quên mọi chuyện đi chốc lát và ờ, tôi không biết nữa, có thể đi dạo một lát hay gì đó, ý tôi là..."

"Anh không hiểu sao? Có gì đó ở đây! Thứ gì đó đã ảnh hưởng đến toàn bộ khu vực này!" cô nói. "Nó đã làm lệch hết các pháp mạch. Nó đã bảo vệ khu vực này khỏi những thay đổi! Nó...

nó…” Lại là nó: cái ý nghĩ trong tâm trí mà cô không thể, không được phép nắm lấy, như một giấc mơ lúc tỉnh dậy.

Cửa sổ kêu lạch cạch. Bên ngoài, một nhánh hoa nhài bị gió thổi bắt đầu đập phành phạch vào cửa kính.

“Nhưng tôi không thể bắt được nó,” Anathema nói, vặn vẹo các ngón tay. “Tôi đã thử mọi thứ.”

“Bắt ấy à?” Newt hỏi.

“Tôi đã thử quả lắc. Tôi đã thử máy kinh vĩ. Tôi có khả năng tâm linh, anh thấy đấy. Nhưng dường như nó cứ liên tục di chuyển.”

Newt vẫn còn đủ tỉnh táo để diễn giải lời cô nói. Phần lớn những người khác khi nói “Tôi có khả năng tâm linh, anh thấy đấy”, thì ý họ là “Tôi có trí tưởng tượng mạnh nhưng không độc đáo/sơn móng tay màu đen/nói chuyện với con vẹt của tôi”; nhưng khi Anathema nói vậy thì như thể cô đang thừa nhận mình mắc một căn bệnh di truyền mà cô rất không muốn có.

“Ngày Tận thế liên tục di chuyển ấy à?” Newt hỏi.

“Nhiều lời tiên tri nói Kẻ chống chúa phải nổi dậy trước đã,” Anathema nói. “Agnes nói là *hắn*. Tôi không thể tìm thấy hắn ta…”

“Hoặc cô ta,” Newt nói.

“Gì cơ?”

“Có thể là cô ta,” Newt nói. “Giờ là thế kỷ hai mươi mà. Cơ hội bình đẳng.”

“Tôi không nghĩ anh đang nhìn nhận việc này nghiêm túc đâu,” cô nghiêm nghị nói. “Dù sao thì ở đây cũng chẳng có chút *xấu xa* nào cả. Đó là điều tôi không hiểu nổi. Chỉ có tình yêu thôi.”

“Cô nói sao cơ?” Newt nói.

Cô nhìn cậu vẻ bất lực. “Khó miêu tả lắm,” cô nói. “Cái gì đó hoặc ai đó rất yêu nơi này. Yêu từng centimet của nơi này mãnh liệt đến nỗi nó che chở và bảo vệ cho nơi này. Một tình yêu sâu đậm, lớn lao, dữ dội. Làm sao điều xấu xa có thể xảy ra ở đây

được? Làm sao tận cùng thế giới có thế bắt đầu ở một nơi như thế này được? Ta sẽ muốn nuôi con mình lớn lên ở một thị trấn như thế này. Nó là Thiên đường cho trẻ con." Cô yếu ớt mỉm cười. "Anh phải *thấy* bọn trẻ trong vùng mới được. Thật không thể tin nổi! Cứ như chúng bước ra từ *Báo Thiếu nhi* ấy! Toàn là đầu gối trầy xước và 'chiến thật!' và kẹo bạc hà..."

Cô đã sắp nghĩ ra. Cô có thể cảm thấy hình hài của ý nghĩ đó, cô đang dần đuổi kịp nó.

"Chỗ này là gì?" Newt hỏi.

"*Gì cơ*?" Anathema thét lên khi dòng suy nghĩ của cô bị cắt ngang.

Ngón tay Newt gõ gõ lên bản đồ.

"Trên bản đồ ghi 'Sân bay đã ngưng sử dụng'. Ngay đây này, cô nhìn xem, ngay phía tây Tadfield..."

Anathema khịt mũi. "Đã ngưng sử dụng ấy à? Anh đừng có tin. Trước kia là căn cứ cho máy bay chiến đấu trong chiến tranh. Nó đổi thành Căn cứ Không quân Tadfield Thượng từ khoảng mười năm nay. Và trước khi anh hỏi thì câu trả lời là không. Tôi ghét đặc nơi đó, nhưng viên đại tá ở đó thì tỉnh táo hơn anh nhiều lắm. Vợ ông ấy tập yoga đấy, trời ạ."

Giờ thì. Cô vừa nói gì ban nãy ấy nhỉ? Bọn trẻ quanh đây...

Cô cảm thấy tâm trí vừa trượt ngã, và những ý nghĩ cá nhân thông thường hơn đã đợi sẵn để đón lấy cô. Newt cũng không đến nỗi nào. Còn về việc dành cả phần đời còn lại với cậu, đằng nào cậu cũng sẽ không quanh quẩn ở đây lâu đến mức khiến cô khó chịu.

Trên đài đang nói về rừng mưa ở Nam Mỹ.

Các khu rừng mới.

Mưa đá bắt đầu đổ xuống.

Những mảnh băng như đạn bắn xé toạc tán lá quanh Bọn Chúng trong khi Adam dẫn chúng xuống mỏ phấn.

Chó cun cút đi theo chúng, đuôi cụp giữa hai chân, miệng kêu ư ử.

Chuyện này không đúng, con chó đang nghĩ. Đúng lúc mình vừa nắm được kỹ năng đuổi chuột. Đúng lúc mình sắp xử lý được con béc giê Đức bên kia đường. Giờ ngài lại sắp kết thúc mọi thứ và mình phải quay về với cặp mắt rực lửa cũ mèm và đuổi bắt các linh hồn lạc lối. Một công việc chẳng nghĩa lý gì sất. Họ không biết chống cự, và họ chẳng có vị gì cả...

Wensleydale, Brian và Pepper thì không suy nghĩ được mạch lạc như thế. Chúng chỉ biết rằng chúng giương cánh bay còn dễ hơn là không đi theo Adam; cố chống lại thế lực đang lôi chúng tới trước sẽ chỉ dẫn đến những cái chân bị gãy, và chúng sẽ *vẫn* phải đi tiếp.

Adam thì chẳng nghĩ gì. Có gì đó đã mở ra trong tâm trí nó và đang rừng rực cháy.

Nó ngồi xuống một cái thùng.

"Dưới này bọn mình sẽ ổn thôi," nó nói.

"Ờ," Wensleydale nói, "mày không nghĩ là bố mẹ mình..."

"Bọn mày đừng lo về họ," Adam trịch thượng nói. "Tao có thể làm ra bố mẹ mới. Sẽ không có chuyện phải đi ngủ lúc chín rưỡi nữa. Bọn mày sẽ không bao giờ phải đi ngủ nữa, nếu bọn mày không muốn. Hoặc dọn phòng, hoặc làm bất kỳ cái gì. Bọn mày cứ để tao lo, sẽ tuyệt lắm." Nó nở một nụ cười điên loạn. "Tao có mấy người bạn mới đang đến," nó tiết lộ. "Bọn mày sẽ thích họ cho mà xem."

"Nhưng..." Wensleydale mở miệng.

"Bọn mày cứ nghĩ đến những chuyện tuyệt vời sau này mà xem," Adam hào hứng nói. "Bọn mày có thể đưa đến Mỹ cao bồi và người Anh điêng và cảnh sát và găngxtơ và hoạt hình và phi hành gia và các thứ đại loại. Thế có hay không?"

Wensleydale khổ sở nhìn hai đứa kia. Chúng đang có cùng một ý nghĩ mà không đứa nào có thể nói ra một cách rõ ràng ngay cả trong lúc bình thường. Tựu trung, đó là trước kia đã từng có cao bồi và găngxtơ thật, và như thế thật tuyệt. Và sẽ luôn

có cao bồi và găngxtơ giả vờ, và như thế cũng rất tuyệt. Nhưng cao bồi và găngxtơ giả vờ *thật*, vừa sống vừa không sống, và có thể được cất vào trong hộp khi ta đã chán chơi với họ - như thế nghe không tuyệt tẹo nào. Cái hay của cao bồi và găngxtơ và người ngoài hành tinh và cướp biển là ta có thể thôi giả vờ làm họ và về nhà.

"Nhưng trước đó," Adam lầm lầm nói, "bọn mình sẽ cho họ *thấy*..."

Trong trung tâm mua sắm có một cái cây. Cái cây không to lắm, lá úa vàng cả, và ánh sáng nó nhận được qua lớp kính mờ đầy ấn tượng không phải là thứ ánh sáng nó cần. Và nó phải dùng nhiều thuốc hơn cả một vận động viên Olympic, và giữa các cành cây có treo những chiếc loa. Nhưng nó vẫn là một cái cây, và nếu lim dim mắt rồi nhìn nó qua cái thác nhân tạo, ta gần như có thể tin mình đang ngắm một cái cây ôm bệnh qua một màn sương nước mắt.

Jaime Hernez thích ngồi ăn trưa dưới bóng cây. Người quản lý đội bảo trì thường quát anh nếu ông ta phát hiện ra, nhưng Jaime đã lớn lên ở một nông trại, đó là một nông trại rất tốt, và anh rất thích cây cối và không muốn phải đến thành phố, nhưng ta có thể làm gì được đây? Công việc ở đây không tệ, và số tiền anh kiếm được thì bố anh còn chưa bao giờ dám mơ đến. Ông nội anh thì thậm chí còn không dám mơ đến tiền nữa. Ông không biết tiền là gì cho đến tận năm mười lăm tuổi. Nhưng có những lúc ta cần cây cối, và Jaime thầm nghĩ, thật đáng tiếc là con cái anh đang lớn lên mà chỉ coi cây là củi đốt, còn cháu chắt anh sẽ coi cây là quá khứ.

Nhưng ta có thể làm gì được? Ở chỗ trước kia là cây thì bây giờ là các trang trại lớn, ở chỗ trước kia là trang trại nhỏ thì bây giờ là trung tâm mua sắm, còn ở chỗ trước kia là trung tâm mua sắm thì bây giờ vẫn là trung tâm mua sắm, và mọi chuyện cứ thế tiếp diễn.

Anh giấu cái xe đẩy đằng sau quầy bán báo, lén lút ngồi xuống, và mở hộp cơm trưa ra.

Đúng lúc đó anh nhận ra có tiếng xào xạc, và những cái bóng di chuyển trên sàn nhà. Anh nhìn quanh.

Cái cây đang chuyển động. Anh chăm chú quan sát nó. Jaime chưa bao giờ nhìn thấy một cái cây lớn lên cả.

Lớp đất, vốn chỉ là một đống đá vụn nhân tạo gì đó, đang cựa quậy trong lúc rễ cây di chuyển dưới bề mặt. Jaime thấy một cái rễ trắng mảnh bò xuống cạnh bồn cây cao và mò mẫm dò dẫm trên nền sàn bê tông.

Không biết tại sao, không bao giờ anh biết được tại sao mình lại làm thế, anh liền lấy chân nhè nhẹ đẩy nó cho tới khi nó đến gần khe hở giữa các phiến bê tông. Nó tìm được khe hở, và luồn xuống dưới.

Các cành cây đang vặn vẹo thành các hình thù khác nhau.

Jaime nghe thấy tiếng xe cộ phanh ken két lại bên ngoài tòa nhà, nhưng không chú ý tới chúng. Ai đó đang gào thét gì đó, nhưng lúc nào xung quanh Jaime chẳng có người gào thét, mà thường là gào thét vào mặt anh.

Cái rễ mò mẫm chắc hẳn đã tìm thấy lớp đất bên dưới. Nó đổi màu và phình ra, như ống phun cứu hỏa khi nước được bật.

Thác nước nhân tạo ngừng chảy; Jaime tưởng tượng các đường ống nứt toác bị nghẹt lại bởi những sợi rễ đang hút nước.

Giờ anh có thể thấy bên ngoài đang xảy ra chuyện gì. Mặt đường đang cuồn cuộn như mặt biển. Cây non đang vươn lên từ các khe nứt.

Tất nhiên rồi, anh lý luận; chúng được nắng. Cái cây của anh thì không. Nó chỉ nhận được chút ánh sáng lờ mờ nhàn nhạt chiếu qua mái vòm cao bốn tầng. Ánh sáng chết.

Nhưng ta có thể làm gì được?

Ta có thể làm thế này:

Thang máy đã ngưng chạy vì điện bị ngắt, nhưng chỉ có bốn lượt cầu thang. Jaime cẩn thận đóng nắp hộp cơm trưa lại và quay về chỗ cái xe đẩy của mình rồi chọn lấy cái chổi cán dài nhất.

Mọi người đang túa ra khỏi tòa nhà, vừa chạy vừa la hét. Jaime vui vẻ đi ngược dòng như một con cá hồi đang bơi lên thượng nguồn.

Mái vòm màu khói được đỡ bởi một bộ khung rầm xà trắng xóa, mà chắc kiến trúc sư hẳn nghĩ rằng sẽ là một tuyên ngôn đầy hăng hái về cái gì đó. Hóa ra mái vòm làm bằng nhựa, và Jaime, vắt vẻo trên một thanh rầm thuận tiện, phải vận hết sức và dùng toàn bộ lực bẩy của cán chổi mới đập vỡ được nó. Thêm vài ba cú vung tay nữa, thế là cả mái vòm sụp xuống thành những mảnh sắc chết người.

Nắng tràn vào, rọi lên những hạt bụi trong trung tâm mua sắm, khiến cho không khí nhìn như tràn ngập những bầy đom đóm.

Xa tít bên dưới, cái cây xé toạc cái nhà tù bê tông của mình và vươn lên như một đoàn tàu tốc hành. Jaime chưa bao giờ nhận ra là cây cũng phát ra âm thanh khi chúng mọc, và cũng không ai khác nhận ra, vì âm thanh ấy được phát ra suốt hàng trăm năm, theo từng đợt sóng đỉnh này cách đỉnh kế hai mươi tư tiếng.

Khi tua nhanh, âm thanh một cái cây phát ra sẽ là *vùùùùù*.

Jaime ngắm cái cây vươn về phía mình như một đám mây hình nấm màu xanh. Hơi nước bốc lên nghi ngút quanh bộ rễ của nó.

Đám rầm xà không có cơ chống chọi. Những gì còn lại của mái vòm bắn tứ tung như một quả bóng bàn bị xịt nước.

Chuyện tương tự đang xảy ra trên khắp thành phố, chỉ có điều ta không thể thấy thành phố nữa. Ta chỉ có thể thấy một vòm lá xanh rì. Nó kéo dài từ chân trời này đến chân trời kia.

Jaime ngồi trên cành cây của anh, bám vào một sợi dây leo, và cười không ngớt.

Trời bắt đầu đổ mưa.

Tàu *Kappamaki*, một con tàu nghiên cứu đánh bắt cá voi, hiện đang nghiên cứu câu hỏi: Ta có thể bắt được bao nhiêu con cá voi trong một tuần?

Chỉ có điều hôm nay chẳng có con cá voi nào cả. Thủy thủ đoàn trố mắt nhìn những màn hình, mà nhờ kỹ thuật tối tân có thể phát hiện ra bất kỳ vật thể nào lớn hơn một con cá mòi và tính toán giá trị thực của nó trên thị trường dầu thế giới, và thấy chúng trống trơn. Thỉnh thoảng mới có một con cá xuất hiện, nhưng nó lao qua làn nước như thể đang vội vã đi đâu đó.

Viên thuyền trưởng gõ ngón tay lên bảng điều khiển. Ông ta sợ là mình sẽ sớm phải thực hiện một nghiên cứu riêng để tìm hiểu xem chuyện gì sẽ xảy ra với một mẫu thống kê nhỏ các thuyền trưởng tàu đánh bắt cá voi đã quay về mà không mang theo một tàu đầy nguyên liệu nghiên cứu. Ông ta tự hỏi người ta sẽ làm gì với mình. Có lẽ họ sẽ nhốt ông ta vào một căn phòng có súng phóng lao và mong ông ta có hành động bảo toàn danh dự.

Thật không thể tin được. Phải có *gì đó* chứ.

Người hoa tiêu mở một hải đồ ra và nhìn nó trân trối.

"Thưa ngài?" anh ta nói.

"Gì thế?" viên thuyền trưởng bực dọc hỏi.

"Hình như thiết bị của chúng ta đã hỏng hóc nặng rồi ạ. Lòng biển ở khu vực này lẽ ra chỉ sâu hai trăm mét thôi."

"Thì sao?"

"Tôi đọc được ở đây độ sâu là 15.000 mét, thưa ngài. Và vẫn đang tiếp tục sâu thêm."

"Thật ngớ ngẩn. Làm gì mà sâu như thế."

Viên thuyền trưởng trừng mắt nhìn các thiết bị kỹ thuật tiên tiến trị giá vài triệu yên, và đập thùm thụp lên đó.

Người hoa tiêu nở nụ cười lo lắng.

"À, thưa ngài," anh ta nói, "nó đã cao dần lên rồi đấy ạ."

Dưới lòng biên sâu sẩm dậy, *như cả Aziraphale và Tennyson đều biết*, Sâu, sâu thẳm dưới biên cả khôn dò/Con thủy quái ngủ yên.[(*)]

Và giờ nó đang thức giấc.

Hàng triệu tấn nước biển tràn khỏi hai bên người nó khi nó vươn lên.

“Ngài thấy chưa,” người hoa tiêu nói. “Giờ chỉ còn ba ngàn mét thôi.”

Con thủy quái không có mắt. Nó có cái gì để nhìn đâu. Nhưng khi vươn lên qua làn nước băng giá, nó cảm nhận được những âm thanh vi sóng của lòng biển, tiếng kêu và rít đầy đau thương của bài hát cá voi.

“Ờ,” người hoa tiêu nói, “một ngàn mét?”

Con thủy quái chẳng lấy gì làm vui vẻ.

“Năm trăm mét?”

Con tàu tròng trành trên đợt sóng cồn bất ngờ.

“Một trăm mét?”

Có một vật nhỏ xíu bằng kim loại trên đầu nó. Con thủy quái cựa mình.

Và mười tỉ miếng sushi gầm lên đòi trả thù.

Cửa sổ căn nhà bật tung vào trong. Đây không phải là một cơn bão, đây là chiến tranh. Những cành hoa nhài xoay tít quanh căn phòng, lẫn với những tấm thẻ đang trút xuống như mưa.

Newt và Anathema bám chặt vào nhau ở khoảng trống giữa tường và một cái bàn bị lật.

“Nói đi,” Newt lầm bầm. “Bảo với tôi là Agnes đã tiên tri được chuyện này đi.”

“Bà có nói là hắn sẽ đem đến bão tố mà,” Anathema nói.

“Đây là một trận cuồng phong thì có. Bà ấy có bảo chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo không?”

“2315 được tham khảo chéo với 3477,” Anathema nói.

“Cô có thể nhớ những chi tiết như thế vào lúc như này sao?”

“Anh đã nói thế thì đúng đấy,” cô đáp. Cô chìa một tấm thẻ ra.

3477. Hãy để bánh xe Số Phận quay, hãy để hai trái tim kết nối, còn nhiều ngọn lửa khác lửa của ta; khi gió thổi hoa rụng, hãy với lấy nhau, vì bình yên sẽ đến khi Đỏ và Trắng và Đen và Xám đến Đậu là Nghĩa Vụ của Chúng tôi.(*)

? Đoạn này có vẻ thần bí quá [A.F. Device, 17/10/1889]

Đậu/hoa? [0FD, 4/9/1929]

Tôi đoán lại là Khải huyền ch. 6 [Tiến sĩ Thos. Device, 1835]

Newt đọc lại lần nữa. Bên ngoài có tiếng như một tấm tôn đang xoay tít ngang qua vườn, mà đúng thế thật.

“Có phải cái này nghĩa là,” cậu chậm rãi nói, “là chúng ta sẽ trở thành một, một *cặp* không? Cái bà Agnes này hay đùa thật.”

Ta rất khó tán tỉnh khi cô gái ta tán có một bà họ hàng già trong nhà; họ thường lầm bầm, cười khinh khích, hoặc xin điếu thuốc, hoặc, trong trường hợp tệ nhất là lôi album ảnh gia đình ra, một hành động khiêu khích trong cuộc chiến tình dục mà lẽ ra Hội nghị Geneva nên ban hành luật cấm. Còn tệ hơn thế là khi bà họ hàng đó đã chết được ba trăm năm nay. Quả thực Newt đã nuôi vài ý nghĩ nhất định về Anathema; thật ra không chỉ nuôi chúng mà còn dắt chúng đi dạo, chải lông bắt chấy cho chúng, và đưa chúng đi bác sĩ nữa. Nhưng cái ý nghĩ bị nhãn quan tâm linh của Agnes xuyên vào gáy đã giội một gáo nước lạnh vào ham muốn của cậu.

Cậu thậm chí đã ấp ủ ý định mời cô đi ăn, nhưng cậu ghét cái ý nghĩ rằng một bà phù thủy thời Cromwell đang ngồi trong nhà tranh ba thế kỷ trước và nhìn cậu ăn.

Cậu đang ở trong tâm trạng mà người ta thường có khi thiêu phù thủy. Cuộc đời cậu đã đủ rắc rối rồi, không cần bị thao túng qua các thế kỷ bởi một bà già dở hơi nữa.

Trong lò sưởi có tiếng rầm, nghe như một phần ống khói đã sụp.

Và rồi cậu nghĩ: cuộc đời mình đâu có rắc rối. Mình có thể nhìn thấy nó rõ mồn một như Agnes vậy. Nó kéo dài đến lúc

nghỉ hưu sớm, được đồng nghiệp quyên tiền, một căn hộ sáng sủa gọn ghẽ nho nhỏ ở đâu đó, một cái chết trống rỗng gọn ghẽ nho nhỏ. Chỉ khác là bây giờ mình sẽ chết dưới đống đổ nát của căn nhà này, trong cái ngày có lẽ là Tận thế.

Thiên thần Ghi sổ sẽ chẳng gặp khó khăn gì với mình cả, cuộc đời mình chỉ toàn những trang "như trên", từ năm này qua năm khác. Ý mình là, mình đã làm được gì nào? Mình chưa bao giờ cướp ngân hàng. Mình chưa bao giờ phải nhận vé phạt đỗ xe. Mình chưa bao giờ ăn đồ Thái...

Đâu đó một cái cửa sổ nữa vỡ tung, tiếng kính vỡ kêu leng keng vui tai. Anathema vòng tay quanh người cậu, với một tiếng thở dài nghe không hề thất vọng.

Mình chưa bao giờ đến Mỹ. Hay Pháp, vì Calais thì không tính. Mình chưa bao giờ học chơi một nhạc cụ.

Cái đài tắt ngấm khi đường dây điện cuối cùng cũng đứt.

Cậu vùi mặt vào tóc cô.

Mình chưa bao giờ...

Có một tiếng *ping*.

Shadwell, đang ngồi cập nhật sổ lương của Đội quân, liền dừng tay ký nhận cho Chuẩn hạ sĩ Săn Phù thủy Smith và ngẩng lên.

Mất một lúc lão mới nhận ra cái ghim của Newt không còn lấp lánh trên bản đồ nữa.

Lão xuống khỏi ghế, miệng lầm bầm, và tìm trên sàn cho tới khi thấy cái ghim. Lão lau nó một lần nữa rồi lại cắm nó vào Tadfield.

Lão đang ký nhận cho Binh nhì Săn Phù thủy Bàn, người mỗi năm được thêm hai xu tiền cỏ khô, thì lại có một tiếng *ping* nữa.

Lão nhặt cái ghim lên, trừng mắt nhìn nó vẻ nghi ngờ, rồi cắm nó vào tấm bản đồ mạnh đến nỗi lớp vữa tường phía sau tróc cả ra. Rồi lão quay về với cuốn sổ lương.

Lại có tiếng *ping*.

Lần này cái ghim bắn xa khỏi tường đến cả mét. Shadwell nhặt nó lên, kiểm tra kỹ đầu nhọn, cắm nó vào bản đồ, và không rời mắt khỏi nó.

Khoảng năm giây sau, nó bắn qua tai lão.

Lão quờ quạng trên sàn tìm cái ghim, cắm lại nó vào bản đồ, và giữ chặt tay ở đó.

Nó nhúc nhích dưới tay lão. Lão đè cả thân mình vào nó.

Một dải khói mảnh cuộn lên từ tấm bản đồ. Shadwell ré lên một tiếng và mút ngón tay trong khi cái ghim nóng đỏ bắn vào bức tường đối diện rồi đập vỡ một ô cửa sổ. Nó không muốn bị cắm vào Tadfield.

Mười giây sau, Shadwell lục lọi trong hộp đựng tiền của ĐQSPT, tìm được mấy xu đồng, một tờ mười shilling, và một đồng xu giả từ thời vua James I. Bất chấp an toàn của bản thân, lão lục lọi trong túi của chính mình. Kết quả của cuộc nạo vét này, ngay cả khi tính thêm tấm vé ưu đãi hưu trí của lão, cũng chẳng đủ để đưa lão ra khỏi nhà, chứ đừng nói là đến Tadfield.

Những người duy nhất lão biết có tiền là ông Rajit và bà Tracy. Với gia đình Rajit thì nếu lão nhắc chuyện tiền nong lúc này, rất có thể câu hỏi về khoản tiền nhà lão đã nợ bảy tuần nay cũng sẽ được nhắc đến, còn với bà Tracy, người sẽ rất sẵn lòng cho lão vay một nắm tiền mười bảng cũ...

"Ta thà chết còn hơn là nhận Đồng Tiền Tội Lỗi từ mụ son phấn lẳng lơ ấy," lão nói.

Vậy là chẳng còn ai nữa.

Ngoại trừ một người.

Tên bóng miền Nam.

Mỗi người bọn họ đều đã đến đây chỉ một lần, rời đi nhanh hết mức có thể và, như Aziraphale, cố không chạm vào bất cứ mặt phẳng nào. Tên kia, tên miền Nam khốn nạn lòe loẹt đeo kính râm, thì - theo như Shadwell nghĩ - là một kẻ lão không nên gây chuyện. Trong thế giới giản đơn của Shadwell, ai đeo kính râm khi không đi biển đều có thể là tội phạm. Lão ngờ rằng Crowley là thành viên mafia, hoặc thế giới ngầm, dù lão sẽ ngạc

nhiên nếu biết phán đoán của lão gần với sự thật đến nhường nào. Nhưng cái tên õng ẹo mặc áo khoác vải lông lạc đà thì lại là chuyện khác, lão đã đánh liều bám theo y về đại bản doanh của y một lần, và lão vẫn còn nhớ đường. Lão nghĩ Aziraphale là mật thám người Nga. Lão có thể đòi y ít tiền. Đe dọa y chút đỉnh.

Thật mạo hiểm vô cùng.

Shadwell cố trấn tĩnh. Ngay trong lúc này, cậu Newt trẻ tuổi có thể đang chịu đựng những trò tra tấn không tưởng tượng nổi dưới tay bọn con gái của bóng tối, và chính lão, Shadwell, đã cử cậu đến đó.

"Chúng ta không thể để mặc người của mình ở đó," lão nói, khoác chiếc áo ngoài mỏng và đội cái mũ rúm ró vào, rồi ra ngoài.

Có vẻ trời đang hơi nổi gió.

Aziraphale đang run lập cập. Y đã run lập cập khoảng mười hai giờ đồng hồ rồi. Nếu bị hỏi, y sẽ nói là đầu óc y đã rối loạn hết cả. Y đi quanh cửa hiệu, nhặt mấy mẩu giấy lên rồi lại thả chúng rơi xuống, loay hoay với mấy cây bút.

Y nên cho Crowley biết.

Không, không phải. Y *muốn* cho Crowley biết. Y *nên* cho Thiên đường biết.

Dù sao y cũng là thiên thần. Ta phải làm điều đúng đắn. Đấy là bản tính của y. Thấy mưu chước là phải ngăn chặn ngay. Crowley đã nói rất đúng. Lẽ ra y nên cho Thiên đường biết ngay từ đầu mới phải.

Nhưng y đã quen hắn cả ngàn năm nay. Họ hòa thuận với nhau. Họ gần như thấu hiểu nhau. Thỉnh thoảng y ngờ rằng họ có nhiều điểm chung với nhau hơn là với cấp trên của mỗi người. Đơn cử là họ đều yêu thích thế giới, chứ không chỉ coi nó là cái bàn để chơi một ván cờ vũ trụ.

À, tất nhiên, mấu chốt là ở chỗ đó. Đó là câu trả lời, đang nhìn thẳng vào mặt y. Sẽ đúng với *tinh thần* của thỏa thuận giữa

y và Crowley nếu y mách lẻo với Thiên đường một chút, rồi họ có thể lặng lẽ xử lý đứa trẻ, tất nhiên là không làm gì quá tệ vì xét cho cùng thì chúng ta đều là con của Chúa Trời, kể cả những người như Crowley và Kẻ Chống chúa, và thế giới sẽ được cứu, không cần phải có mấy vụ Tận thế này nữa, Tận thế thì có ích gì với ai đâu, vì ai cũng *biết* kiểu gì Thiên đường chẳng thắng, rồi Crowley sẽ hiểu thôi.

Đúng thế. Và rồi tất cả sẽ ổn.

Có tiếng gõ ngoài cửa, bất chấp cái biển ĐÓNG CỬA. Y lờ nó đi.

Liên lạc với Thiên đường để giao tiếp hai chiều đối với Aziraphale khó khăn hơn nhiều so với người thường, vì người thường không mong nhận được lời hồi đáp, và trong hầu hết mọi trường hợp sẽ rất ngạc nhiên nếu nhận được hồi đáp.

Y đẩy cái bàn chất đầy giấy tờ sang một bên và cuộn tấm thảm mòn xơ của hiệu sách lên. Trên ván sàn bên dưới có một vòng tròn vẽ bằng phấn, bao quanh là các đoạn trích dẫn phù hợp từ kinh Cabala. Vị thiên thần châm bảy ngọn nến mà y đặt một cách đầy nghi thức ở các vị trí nhất định quanh vòng tròn. Rồi y đốt một ít hương trầm, thực ra là không cần thiết, nhưng nó giúp nơi này có mùi dễ chịu hơn.

Rồi y đứng vào vòng tròn và đọc Thần chú.

Không có gì xảy ra cả.

Y đọc Thần chú lần nữa.

Cuối cùng, một tia sáng xanh rực rỡ chiếu xuống từ trần nhà, tràn ngập vòng tròn.

Một giọng kiểu cách lên tiếng, “Sao?”

“Tôi, Aziraphale đây.”

“Chúng ta biết,” giọng nói đáp.

“Tôi có tin tuyệt vời! Tôi đã tìm được Kẻ chống chúa! Tôi có thể cho các vị địa chỉ của nó và thông tin liên quan!”

Im lặng một thoáng. Tia sáng xanh chập chờn.

“Thì sao?” giọng nói đó nhắc lại.

“Nhưng, các vị không thấy sao, các vị có thể giề… có thế ngăn mọi chuyện xảy ra! Vừa kịp lúc! Các vị chỉ còn vài giờ nữa thôi! Các vị có thể ngăn tất cả lại và sẽ không cần chiến tranh và mọi người sẽ được cứu!”

Y toét miệng cười hết mức với tia sáng.

“Ừ thì?” giọng nói trả lời.

“Vâng, nó ở một nơi gọi là làng Tadfield Hạ, và địa chỉ là…”

“Làm tốt lắm,” giọng nói vang lên, đều đều, vô cảm.

“Sẽ không cần mấy vụ một phần ba biển cả biến thành máu hay là gì gì đó nữa,” Aziraphale vui vẻ nói.

Khi giọng nói kia lại vang lên, nghe nó có vẻ hơi bực dọc.

“Sao lại không?” nó nói.

Aziraphale cảm thấy một cái hố giá băng đã mở ra dưới sự hăng hái của y, và cố giả vờ chuyện đó đang không xảy ra.

Y nói tiếp, “Ờ, các vị chỉ cần đảm bảo là…”

“Chúng ta sẽ *thắng*, Aziraphale ạ.”

“Vâng, nhưng mà…”

“Các thế lực bóng tối sẽ bị *đánh bại*. Hình như ngươi đã hiểu nhầm. Vấn đề không phải là *tránh* cuộc chiến mà là *thắng* nó. Chúng ta đã chờ đợi rất lâu rồi, Aziraphale ạ.”

Aziraphale cảm thấy hơi lạnh bao trùm cả tâm trí. Y mở miệng ra toan nói, “Các vị có nghĩ rằng có lẽ sẽ tốt hơn nếu không tổ chức cuộc chiến trên Trái đất không?” rồi lại đổi ý.

“Tôi hiểu,” y lầm lầm nói. Có tiếng loạt soạt ngoài cửa, và nếu Aziraphale nhìn về phía đó thì hẳn y đã trông thấy một cái mũ nỉ rúm ró đang cố nhìn qua ô cửa sổ hình bán nguyệt.

“Nói như vậy không có nghĩa là ngươi đã không làm rất tốt,” giọng nói lại vang lên. “Ngươi sẽ được khen thưởng. Giỏi lắm.”

“Cảm ơn,” Aziraphale nói. Sự chua chát trong giọng y có thể làm sữa cũng phải vón cục. “Rõ ràng là tôi đã quên mất điều bất khả tư nghị.”

“Chúng ta cũng nghĩ vậy.”

“Xin cho hỏi,” vị thiên thần nói, “tôi đang nói chuyện với ai đấy ạ?”

Giọng nói đáp, “Chúng ta là Metatron.”(*)

“À, vâng. Tất nhiên rồi. À. Ờ. Cảm ơn các vị rất nhiều. Cảm ơn.”

Sau lưng y, khe bỏ thư hất lên, để lộ ra một cặp mắt.

“Một điều nữa,” giọng nói vang lên. “Tất nhiên là ngươi sẽ tham gia cùng chúng ta chứ?”

“Ờ, vâng, thực ra lâu lắm rồi tôi chưa cầm lại thanh gươm lửa…” Aziraphale mở lời.

“Phải, chúng ta còn nhớ,” giọng nói đáp. “Ngươi sẽ có nhiều cơ hội để ôn lại thôi.”

“À. Hừm. Sẽ có sự kiện mào đầu gì xảy ra trước cuộc chiến?” Aziraphale hỏi.

“Chúng ta nghĩ một vụ đối đầu hạt nhân đa quốc gia sẽ là một khởi đầu tốt.”

“À. Vâng. Rất sáng tạo.” Giọng Aziraphale ỉu xìu và tuyệt vọng.

“Tốt. Vậy chúng ta sẽ đợi ngươi về ngay đấy,” giọng nói trả lời.

“À. Vâng. Tôi chỉ cần xử lý nốt vài công chuyện thôi, được chứ?” Aziraphale cố vớt vát.

“Có vẻ không cần thiết đâu,” Metatron nói.

Aziraphale vươn người thẳng lên. “Tôi nghĩ rằng tính trung thực, đó là chưa nói đến đạo đức, yêu cầu tôi, với tư cách một thương nhân có uy tín, cần phải…”

“Được, được,” Metatron nói, vẻ hơi cáu kỉnh. “Hiểu rồi. Chúng ta sẽ đợi ngươi.”

Tia sáng mờ đi nhưng không biến mất hẳn. Họ vẫn để mở đường dây, Aziraphale thầm nghĩ. Mình không thoát được vụ này rồi.

“A lô?” y khẽ nói. “Có ai đó không?”

Im lặng.

Một cách thận trọng, y bước ra khỏi vòng tròn và rón rén đến bên điện thoại. Y mở sổ danh bạ ra và quay một số khác.

Sau bốn tiếng chuồng, cái điện thoại khẽ húng hắng một tiếng, tiếp theo là một quãng lặng, rồi vang lên một giọng nói thõng thượt đến nỗi ta có thể trải thảm lên đó, "Xin chào. Đây là Anthony Crowley. Ờ. Tôi…"

"Crowley!" Aziraphale cố vừa rít vừa quát lên cùng lúc. "Nghe này! Tôi không còn nhiều thời gian nữa! Kẻ…"

"… có lẽ đang không có nhà vào lúc này, hoặc đang ngủ, hoặc đang bận, hoặc gì đó, nhưng…"

"Im đi! Nghe đây! Nó đang ở Tadfield! Tất cả đều có trong cuốn sách đó! Anh phải dừng…"

"… sau tiếng bíp và tôi sẽ gọi lại. Bái bai."

"Tôi cần nói chuyện với anh *ngay*…"

BiiiIIiiiIIiii

"Đừng kêu nữa! Nó ở Tadfield! Đó chính là cái tôi đã cảm thấy! Anh phải đến đó và…"

Y bỏ cái điện thoại ra xa miệng.

"Chết tiệt!" y nói. Đó là lần đầu tiên y chửi thề trong vòng hơn bốn ngàn năm.

Đợi đã. Tên quỷ có một số khác, phải không nhỉ? Hắn là kiểu như thế mà. Aziraphale lật giở cuốn sổ, suýt nữa thì đánh rơi xuống sàn. Họ sắp giục y đến nơi rồi.

Y tìm thấy số điện thoại kia. Y quay số. Đầu dây bên kia trả lời gần như ngay lập tức, cùng lúc chuông treo trên cửa hiệu sách khẽ rung lên.

Giọng Crowley, to dần lên khi đến gần ống nghe, đang nói, "… thật đấy. A lô?"

"Crowley, tôi đây!"

"Ờ." Giọng hắn ậm ờ đến khủng khiếp. Ngay cả trong lúc này, Aziraphale cũng cảm nhận được có rắc rối.

"Anh có ở một mình không?" y thận trọng hỏi.

"Không. Đang có người bạn cũ ở đây."

“Nghe đây…”

“*Cút* đi, đồ quỷ sứ địa ngục!”

Một cách hết sức chậm rãi, Aziraphale quay người lại.

Shadwell đang run lẩy bẩy vì phấn khích. Lão đã nhìn thấy tất cả. Lão đã nghe thấy tất cả. Lão đã chẳng hiểu gì cả, nhưng lão biết người ta thường làm gì với vòng tròn, nến, và hương. Lão biết chứ. Lão đã xem phim *Quỷ sứ lên đường*(*) mười lăm lần liền, đúng ra là mười sáu nếu tính cả lần lão bị tống cổ ra khỏi rạp vì gào lên những lời chê bai lính săn phù thủy tay mơ Christopher Lee.

Bọn khốn này đã lợi dụng lão. Chúng đã giẫu cợt truyền thống quang vinh của Đội quân.

“Ta sẽ cho ngươi biết tay, đồ khốn xấu xa!” lão quát, tiến lên như một thiên thần báo thù bị gián gặm. “Ta biết ngươi định giở trò gì rồi, lên đây quyến rũ đàn bà con gái để thực hiện ý đồ ma quỷ của ngươi!”

“Tôi nghĩ ông vào nhầm cửa hàng rồi,” Aziraphale nói. “Tôi sẽ gọi lại sau,” y nói vào điện thoại và dập máy.

“Ta có thể thấy ngươi định giở trò gì,” Shadwell gầm ghè. Lão sùi bọt mép. Lão không nhớ có lúc nào lão giận dữ như vậy.

“Ờ, mọi chuyện không hẳn như vẻ bề ngoài đâu…” Aziraphale mở lời, nhưng chưa dứt lời thì y đã biết đây là một nước đi hơi thiếu tinh tế.

“Ta dám cá là thế rồi!” Shadwell đắc thắng nói.

“Không, ý tôi là…”

Không rời mắt khỏi vị thiên thần, Shadwell lùi lại một bước, túm lấy cánh cửa và dập mạnh khiến chiếc chuông nhỏ rung lên.

“Chuông,” *lão nói.*

Lão chộp lấy cuốn *Những Lời Tiên tri Tuyệt đích và Chuẩn xác* rồi dằn mạnh nó xuống bàn đánh thình một cái.

"*Sách*," lão gầm lên.

Lão loay hoay lục trong túi và rút ra chiếc bật lửa Ronson đáng tin cậy.

"*Gần như là nến!*" lão quát lên và bắt đầu tiến tới trước.

Trước mặt lão, vòng tròn rực lên một ánh xanh nhạt.

"Ờ," Aziraphale nói, "tôi nghĩ sẽ không phải ý hay nếu..."

Shadwell không thèm nghe. "Bằng quyền năng đã được trao cho ta theo chức vụ Săn Phù thủy," lão ngân nga, "ta ra lệnh cho ngươi cút khỏi nơi này..."

"Ông thấy đấy, vòng tròn..."

"... và quay về xuất xứ của ngươi, không được dừng lại..."

"... sẽ rất thiếu khôn ngoan nếu một con người đặt chân vào đó mà không có..."

"... cứu rỗi chúng ta khỏi những điều xấu xa..."

"Tránh xa vòng tròn đi, lão già ngu ngốc kia!"

"... không bao giờ đến mà quấy nhiễu..."

"Được, được, nhưng *làm ơn* tránh xa..."

Aziraphale lao về phía Shadwell, cuống quýt vẫy hai tay.

"... KHÔNG BAO GIỜ trở lại nữa!" Shadwell kết thúc. Lão chỉ về phía y bằng một ngón tay thù hằn, móng cáu đen.

Aziraphale nhìn xuống chân và chửi thề lần thứ hai trong vòng năm phút. Y đã bước chân vào vòng tròn.

"Ôi, *bỏ mẹ*," y nói.

Có một tiếng tưng du dương, và quầng sáng xanh biến mất. Aziraphale cũng vậy.

Ba mươi giây trôi qua. Shadwell không nhúc nhích. Rồi, lão run run nhấc tay trái lên và thận trọng kéo tay phải mình xuống.

"Xin chào?" lão nói. "Có ai không?"

Không ai trả lời.

Shadwell rùng mình. Rồi, vái bàn tay giơ ra trước mặt như một khẩu súng mà lão không dám bắn và cũng không biết cách

tháo đạn, lão bước ra ngoài phố, đóng sập cửa lại sau lưng.

Cú sập cửa làm sàn nhà rung lên. Một cây nến của Aziraphale đổ xuống, làm sáp nến đang cháy tràn ra trên lớp gỗ cũ khô nỏ.

Căn hộ của Crowley ở London là hiện thân của phong cách. Nó có tất cả những gì một căn hộ nên có: rộng rãi, tường trắng tinh, đồ đạc thanh nhã, và mang cái vẻ vắng hơi người theo đúng thiết kế, chỉ có thể có được nhờ không có người ở.

Đó là vì Crowley không sống ở đó.

Đó chỉ là nơi hắn quay về vào cuối ngày khi hắn ở London. Giường luôn được dọn; tủ lạnh luôn được xếp đầy đồ ăn ngon không bao giờ hỏng (dù sao đó cũng chính là lý do Crowley có tủ lạnh), và thật ra cái tủ lạnh cũng không bao giờ cần được rã đông hay thậm chí là cắm điện.

Phòng khách có một cái tivi khổng lồ, một cái xô pha bọc da trắng, một đầu video và đầu đĩa, một máy trả lời điện thoại tự động, hai chiếc điện thoại - một nối với máy trả lời, và một nối vào đường dây riêng (với số điện thoại mà đến giờ vẫn chưa được phát hiện bởi quân đoàn các nhân viên tiếp thị qua điện thoại cứ tìm cách rao bán cho Crowley kính cửa sổ hai lớp, mà hắn đã có, hoặc bảo hiểm nhân thọ, mà hắn không cần) - và một hệ thống âm thanh vuông vức màu đen mờ, loại được thiết kế xuất sắc đến mức nó chỉ có nút bật tắt và điều chỉnh âm lượng. Thiết bị âm thanh duy nhất mà Crowley đã bỏ qua là bộ loa; hắn đã quên bẵng chúng. Nhưng cũng không khác biệt gì. Âm thanh phát ra vẫn hoàn hảo.

Còn cả một máy fax không cắm dây, với trí thông minh bằng một cái máy tính, và một cái máy tính thông minh bằng một con kiến thiểu năng. Dù thế, Crowley vẫn cập nhật nó vài tháng một lần, vì hắn cảm thấy một chiếc máy tính sành điệu là thứ mà kiểu con người hắn cố trở thành sẽ phải có. Cái máy tính này giống như một chiếc xe Porsche có màn hình vậy. Quyển hướng dẫn sử dụng vẫn còn được bọc nylon.(*)

Thực ra, thứ duy nhất trong căn hộ mà Crowley đích thân dành sự quan tâm là đám cây cảnh, chúng rất to, xanh mướt, tuyệt đẹp, với những cái lá sáng bóng, khỏe mạnh, nõn nà.

Đó là bởi vì, cứ mỗi tuần một lần, Crowley lại đi quanh căn hộ với một bình xịt cây màu xanh, xịt nước lên những cái lá, và nói chuyện với đám cây.

Hắn đã nghe về việc nói chuyện với cây cảnh vào đầu thập niên bảy mươi, trên Đài số Bốn, và nghĩ đó là một ý tưởng tuyệt vời. Mặc dù có lẽ *nói chuyện* không phải là từ thích hợp để miêu tả việc mà Crowley làm.

Việc hắn làm là truyền cho chúng nỗi kính sợ Chúa.

Hay chính xác hơn là nỗi kính sợ Crowley.

Ngoài ra, vài tháng một lần, Crowley lại nhặt ra một cái cây mọc quá chậm, hoặc bị héo lá hoặc úa nâu, hoặc chỉ đơn giản là nhìn không đẹp như các cây khác, và hắn sẽ mang nó đi quanh cho các cây khác thấy. "Tạm biệt bạn chúng mày đi," hắn bảo chúng như vậy. "Nó không trụ nổi rồi..."

Rồi hắn ôm cái cây tội lỗi ra khỏi nhà, và khoảng một giờ sau quay trở lại với một cái chậu cây lớn trống không, để ở một chỗ dễ thấy trong căn hộ.

Cây cảnh của hắn là những cái cây mỡ màng, xanh tươi, đẹp nhất London. Và cũng là những cái cây bị khiếp vía nhất.

Phòng khách được thắp sáng bởi đèn pha và đèn tuýp trắng, loại ta thường dựng vào lưng ghế hoặc góc phòng.

Vật trang trí duy nhất trên tường là một bức tranh đóng khung - hình vẽ chì của bức *Mona Lisa*, phác thảo nguyên bản của Leonardo da Vinci. Crowley đã mua nó từ nhà danh họa vào một buổi chiều nóng nực ở Florence, và cảm thấy nó đẹp hơn nhiều so với bức tranh hoàn chỉnh.(*)

Crowley có một phòng ngủ, một phòng bếp, một phòng làm việc, một phòng khách, và một phòng tắm: phòng nào cũng mãi mãi sạch tinh và hoàn hảo.

Hắn đã dành một quãng thời gian khó chịu trong từng căn phòng một, trong lúc mòn mỏi chờ đợi Tận thế.

Hắn đã gọi lại cho các đặc vụ của mình trong Đội quân Săn Phù thủy để cố dò tin tức, nhưng đầu mối của hắn, Trung sĩ Shadwell, vừa mới ra ngoài, và bà lễ tân ngớ ngẩn dường như không hiểu là hắn gặp người nào cũng được.

"Cậu Pulsifer cũng đi vắng rồi, cưng ạ," bà bảo hắn. "Sáng nay cậu ấy đã xuống Tadfield rồi. Đi làm *nhiệm vụ*."

"Tôi nói chuyện với ai cũng được," Crowley đã giải thích.

"Tôi sẽ bảo ông Shadwell thế," bà trả lời, "khi nào ông ấy về. Giờ thì nếu anh không phiền, tôi đang bận việc buổi sáng, và tôi không thể để ông khách như thế được, ông ấy cảm lạnh chết mất. Và đến hai giờ lại còn bà Ormerod với ông Scroggie và cô bé Julia đến dự buổi gặp mặt nữa, tôi phải dọn nhà trước. Nhưng tôi sẽ nhắn lại với ông Shadwell."

Crowley đành thôi. Hắn cố đọc một quyển tiểu thuyết, nhưng không tài nào tập trung nổi. Hắn thử xếp đĩa CD theo thứ tự chữ cái, nhưng bỏ cuộc khi phát hiện ra chúng đã được xếp theo thứ tự chữ cái rồi, cũng như giá sách của hắn, và bộ sưu tập Nhạc Linh hồn của hắn.(*)

Cuối cùng hắn ngồi xuống trên cái xô pha bọc da trắng và vẫy tay cho tivi bật lên.

"Có rất nhiều báo cáo," một phát thanh viên lo lắng nói, "ờ, có rất nhiều báo cáo về, ờ, có vẻ không ai biết rõ đang có chuyện gì cả, nhưng chúng tôi đã nhận được các báo cáo dường như chỉ ra rằng căng thẳng Quốc tế đã gia tăng theo một mức độ mà giờ này tuần trước sẽ bị coi là không thể vì, ờ, khi đó mọi người có vẻ rất hòa thuận. Ờ.

"Dường như một phần lý do cho việc này là do vô số các sự kiện khác thường đã xảy ra trong mấy ngày qua.

"Ngoài khơi Nhật Bản..." CROWLEY?

"Vâng," Crowley đáp.

ĐANG CÓ CHUYỆN QUÁI QUỶ GÌ THẾ, CROWLEY? CHÍNH XÁC LÀ NGƯƠI ĐÃ LÀM GÌ?

"Ý ngài là sao?" Crowley hỏi, dù hắn đã biết rõ.

ĐỨA BÉ TÊN WARLOCK. CHÚNG TA ĐÃ ĐƯA NÓ ĐẾN CÁNH ĐỒNG MEGGIDO. CON CHÓ KHÔNG ĐI CÙNG NÓ. THẰNG BÉ KHÔNG BIẾT GÌ VỀ CUỘC CHIẾN VĨ ĐẠI CẢ. NÓ KHÔNG PHẢI CON CỦA CHỦ NHÂN CHÚNG TA.

"À," Crowley nói.

NGƯƠI CHỈ NÓI ĐƯỢC THẾ THÔI SAO, CROWLEY? CÁC ĐỘI QUÂN CỦA CHÚNG TA ĐÃ TẬP HỢP, BỐN CON QUÁI VẬT ĐÃ LÊN ĐƯỜNG - NHƯNG CHÚNG ĐANG ĐI ĐẾN ĐÂU? CÓ CHUYỆN GÌ ĐÓ KHÔNG ỔN, CROWLEY, VÀ ĐÂY LÀ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯƠI. VÀ, RẤT CÓ THỂ LÀ LỖI CỦA NGƯƠI NỮA. CHÚNG TA MONG LÀ NGƯƠI CÓ LỜI GIẢI THÍCH HOÀN TOÀN HỢP LÝ CHO NHỮNG CHUYỆN NÀY...

"À, vâng," Crowley sốt sắng đồng ý. "Hoàn toàn hợp lý."

... VÌ NGƯƠI SẼ CÓ CƠ HỘI ĐỂ GIẢI THÍCH TẤT CẢ CHO CHÚNG TA. NGƯƠI MUỐN GIẢI THÍCH TRONG BAO LÂU CŨNG ĐƯỢC. VÀ CHÚNG TA SẼ RẤT CHĂM CHÚ LẮNG NGHE MỌI ĐIỀU NGƯƠI NÓI. VÀ CUỘC TRÒ CHUYỆN CỦA NGƯƠI, CÙNG CÁC TÌNH CẢNH ĐI KÈM, SẼ LÀ MỘT NGUỒN GIẢI TRÍ VÀ VUI THÚ VỚI TẤT CẢ NHỮNG KẺ BỊ NGUYỀN RỦA DƯỚI ĐỊA NGỤC, CROWLEY, VÌ DÙ CHÚNG CÓ BỊ TRA TẤN KHỦNG KHIẾP ĐẾN ĐÂU, CÓ PHẢI CHỊU ĐAU ĐỚN TỘT CÙNG ĐẾN ĐÂU, CROWLEY, THÌ NGƯƠI CŨNG SẼ PHẢI CHỊU ĐỰNG HƠN THẾ...

Bằng một cú phẩy tay, Crowley tắt tivi đi.

Màn hình xám xanh mờ vẫn tiếp tục đều đều lên tiếng; sự im lặng tự biến thành lời.

ĐỪNG CÓ NGHĨ ĐẾN CHUYỆN TRỐN THOÁT CHÚNG TA, CROWLEY, NGƯƠI KHÔNG THỂ ĐÂU. HÃY Ở LẠI ĐÓ. NGƯƠI SẼ ĐƯỢC... GIẢI ĐI...

Crowley đến bên cửa sổ và nhìn ra. Một vật đen ngòm, hình thù như xe hơi, đang chậm rãi đi xuôi phố tiến về phía hắn. Nó có hình thù giống xe hơi đủ để đánh lừa những cái nhìn thoáng qua. Crowley, vốn đang quan sát rất chăm chú, nhận ra rằng bánh xe không chỉ không xoay tròn, mà chúng còn không gắn

vào xe nữa. Chiếc xe chậm lại mỗi khi đi qua một căn nhà; Crowley đoán là hành khách trên xe (sẽ không có tên nào lái xe; cả hai tên đều không biết lái) đang nhìn số nhà.

Hắn không còn nhiều thời gian. Crowley đi vào bếp, lấy một cái xô nhựa dưới bồn rửa. Rồi hắn quay về phòng khách.

Nhà Cầm quyền Địa ngục đã ngừng liên lạc. Crowley quay tivi vào tường để đề phòng.

Hắn đến bên bức *Mona Lisa*.

Crowley nhấc bức tranh từ trên tường xuống, để lộ ra một két sắt. Nó không phải là két sắt thường, mà đã được mua từ một công ty chuyên phục vụ ngành năng lượng hạt nhân.

Hắn mở khóa, để lộ ra cửa két trong với khóa số tròn. Hắn xoay khóa (mã là 4-0-0-4, quá dễ nhớ, vì đó là năm hắn trườn đến cái hành tinh ngớ ngẩn tuyệt vời này, cái thời nó còn mới coóng).

Bên trong két là một cái phích, một đôi găng tay cao su dày, loại che kín cả cánh tay, và một cái kẹp gắp.

Crowley ngừng lại. Hắn hồi hộp liếc cái phích.

(Có tiếng rầm vang lên từ dưới nhà. Đó là cửa trước...)

Hắn đi găng tay vào và rón rén cầm cái phích, cái kẹp gắp, cùng cái xô... rồi, như chợt nghĩ ra, hắn chộp lấy cả bình xịt cây bên cạnh một cây cao su xanh tốt... và tiến vào văn phòng, bước đi như một người cầm theo một cái phích đựng đầy một thứ mà nếu hắn đánh rơi hoặc thậm chí chỉ nghĩ đến chuyện đánh rơi nó thôi thì nó sẽ tạo ra một vụ nổ sẽ khiến các ông già tuyên bố những câu như là "Và cái hố này là nơi thành phố Wah-Shing-Ton từng tọa lạc trước kia," trong các bộ phim viễn tưởng hạng B.

Hắn đến văn phòng, dùng vai đẩy cửa ra. Rồi hắn khuỵu gối và từ từ đặt các thứ xuống sàn. Xô... kẹp... bình xịt... và cuối cùng, hết sức chậm rãi, là cái phích.

Một giọt mồ hôi rịn ra trên trán Crowley và lăn xuống mắt hắn. Hắn gạt nó đi.

Rồi, hết sức thận trọng và chăm chú, hắn dùng cái kẹp vặn nắp phích ra… cẩn thận… cẩn thận nào… đúng rồi…

(Có tiếng chân bước rầm rầm dưới nhà và một tiếng hét nghèn nghẹt. Đó hẳn là bà già bé nhỏ tầng dưới.)

Hắn không thể vội được.

Hắn kẹp chặt cái phích, và cẩn thận để không đánh rớt dù chỉ một giọt, hắn đổ toàn bộ nước trong phích vào cái xô nhựa. Chỉ sơ sểnh một chút là hỏng bét.

Được rồi.

Rồi hắn mở hé cửa văn phòng khoảng mười lăm phân và đặt cái xô lên đỉnh.

Hắn dùng cái kẹp để đóng nắp phích lại, rồi (- có tiếng rầm ở hành lang ngoài căn hộ của hắn -) cởi đôi găng tay cao su ra, cầm bình xịt lên, và ngồi xuống sau bàn viết.

“Crawlee…?” một giọng khàn đặc cất tiếng gọi. Hastur.

“Hắn ở đằng này,” một giọng khác rít lên. “Tao có thể cảm thấy thằng khốn lươn lẹo ấy.” Ligur.

Hastur và Ligur.

Crowley sẽ là kẻ đầu tiên phản đối, nhưng phần lớn bọn quỷ *trong thâm tâm* đều không thực sự xấu xa. Trong trò chơi vĩ đại của vũ trụ, chúng cảm thấy mình có vị trí tựa như các thanh tra thuế vụ - làm một công việc không được ưa thích, có lẽ vậy, nhưng thiết yếu cho sự vận hành của bộ máy tổng thể. Mà nói cho đúng thì một vài thiên thần cũng chẳng phải hình mẫu đạo đức; Crowley đã gặp một hai thiên thần mà, khi trừng phạt thích đáng những kẻ tội lỗi, đã nặng tay hơn cần thiết nhiều. Tóm lại là ai cũng có nhiệm vụ phải hoàn thành và họ cứ phải làm thôi.

Nhưng mặt khác, ta lại có những kẻ như Ligur và Hastur, chúng khoái trá một cách nham hiểm với những thứ ghê tởm đến nỗi ta có thể tưởng nhầm chúng là con người.

Crowley ngồi ngả ra trên chiếc ghế giám đốc. Hắn bắt mình phải thư giãn và thất bại thảm hại.

“Trong này, các vị,” hắn gọi.

“Bọn tao muốn nói một lời với mày,” Ligur nói (bằng giọng hàm ý rằng “nói một lời” đồng nghĩa với “gây đau đớn khủng khiếp đời đời”), và tên quỷ thấp lùn đẩy cửa văn phòng ra.

Cái xô chao đảo, rồi rơi gọn lên đầu Ligur.

Hãy thử thả một cục natri vào nước. Hãy ngắm nó bốc cháy bùng bùng và xoay tít như phát điên, rừng rực và kêu xèo xèo. Cảnh này giống hệt thế; chỉ tởm hơn thôi.

Tên quỷ tróc da, bùng lửa, và cháy phừng phừng. Khói nâu đặc quánh dầu bốc lên, và hắn gào thét, gào thét, gào thét mãi. Rồi hắn sụp xuống, co quắp lại, và những gì còn lại của hắn nằm nhờn nhầy giữa vòng tròn cháy đen trên tấm thảm, nhìn như một nắm sên trần bị nghiền nát.

“Chào,” Crowley nói với Hastur, tên này đi sau Ligur và thật không may là đã không bị dính dù chỉ một giọt.

Có những điều mà ta không thể tưởng tượng nổi: có những đáy sâu mà thậm chí bọn quỷ cũng không tin là những tên quỷ khác có thể sa xuống.

“... Nước thánh. Đồ khốn,” Hastur nói. “Đồ *khốn nạn*. Hắn đã làm gì *mày* đâu.”

“Chưa thôi,” Crowley sửa lại, cảm thấy dễ chịu hơn vì cán cân giờ đã thăng bằng hơn. Thăng bằng hơn thôi, chứ chưa hoàn toàn, còn lâu. Hastur là Công tước Địa ngục. Crowley thậm chí còn không được là thành viên hội đồng địa phương.

“Số phận mày sẽ được các bà mẹ thì thầm trong bóng tối để dọa lũ nít ranh,” Hastur nói, rồi cảm thấy ngôn ngữ Địa ngục không đủ mạnh cho trường hợp này. “Mày sẽ *lãnh đủ*, con ạ,” hắn nói thêm.

Crowley giơ bình xịt nhựa màu xanh lên và lắc lắc vẻ đe dọa. “Xéo đi,” hắn nói. Hắn nghe thấy điện thoại dưới nhà reo. Bốn tiếng, rồi máy trả lời tự động bắt máy. Hắn lơ đễnh tự hỏi là ai gọi.

“Mày không dọa được tao đâu,” Hastur nói. Hắn theo dõi một giọt nước nhỏ ra từ vòi xịt và chầm chậm trượt xuống thành

bình, về phía tay Crowley.

"Mày có biết đây là gì không?" Crowley hỏi. "Đây là bình xịt cây của Sainsbury, loại bình xịt rẻ và hữu hiệu nhất trên thế giới. Nó có thể xịt một luồng nước rất mịn vào không khí. Tao có cần cho mày biết trong này có gì không? Nó có thể biến mày thành *cái đó* đấy," hắn chỉ vào đống hổ lốn trên thảm. "Giờ thì xéo đi."

Giọt nước trên thành bình xịt đã trượt đến bên ngón tay đang nắm lại của Crowley và dừng ở đó. "Mày nói láo," Hastur nói.

"Có thể thế," Crowley nói bằng giọng mà hắn hy vọng sẽ khẳng định rằng hắn không bao giờ nghĩ đến chuyện giả vờ. "Mà cũng có thể không. Mày có cảm thấy may mắn không?"

Hastur vẫy tay, và cái bình nhựa tan ra như bánh tráng, làm nước tràn hết lên bàn tay của Crowley và bộ vét của hắn.

"Có," Hastur đáp. Rồi hắn nhăn nhở cười. Răng hắn sắc nhọn, và lưỡi hắn thò ra thụt vào giữa hàm răng. "Thế còn mày?"

Crowley không nói gì. Kế hoạch A đã có tác dụng. Kế hoạch B thì không. Mọi thứ giờ phụ thuộc vào Kế hoạch C, và ở đây có một bất lợi: hắn mới chỉ lên kế hoạch đến B thôi.

"Vậy đây," Hastur rít, "đến lúc phải đi rồi, Crowley."

"Tao nghĩ có điều này mày cần biết," Crowley nói, tìm cách câu giờ.

"Và đó là gì?" Hastur nhăn răng hỏi.

Rồi điện thoại trên bàn Crowley reo vang.

Hắn nhấc máy và cảnh báo Hastur, "Đừng nhúc nhích. Có chuyện rất quan trọng mày cần biết, và tao nói thật đấy. A lô?

"Ờ," Crowley nói. Rồi hắn nói. "Không. Đang có người bạn cũ ở đây."

Aziraphale cúp máy. Crowley tự hỏi y gọi điện có việc gì.

Và đột nhiên Kế hoạch C hiện ra trong đầu hắn. Hắn không đặt ống nói về chỗ cũ. Thay vào đó, hắn nói, "Được rồi, Hastur.

Mày đã vượt qua bài kiểm tra. Mày đã sẵn sàng để chơi với các ông lớn rồi."

"Mày điên rồi chắc?"

"Không hề. Mày không hiểu sao? Đây là một bài kiểm tra. Các Hoàng thân Địa ngục muốn biết mày có đáng tin không, trước khi cho mày chỉ huy Quân đoàn của những Linh hồn Đọa đày, trong Cuộc chiến sắp tới."

"Crowley, mày đang nói dối, hoặc mày điên, hoặc cả hai," Hastur nói, nhưng hắn đã bắt đầu lung lay.

Trong chốc lát, hắn ngẫm nghĩ khả năng đó; đó chính là chỗ Crowley đã nắm thóp được hắn. Có khả năng là Địa ngục đang kiểm tra hắn. Là Crowley có vị trí cao hơn vẻ bề ngoài. Hastur rất hoang tưởng, đó chỉ là một phản ứng có thể hiểu được và phù hợp khi sống ở Địa ngục, nơi quả thực ai cũng tìm cách hãm hại ta.

Crowley bắt đầu quay một số điện thoại. "Không sao đâu, Công tước Hastur. Tao cũng không nghĩ là mày sẽ tin nếu *tao* nói," hắn thừa nhận. "Nhưng sao chúng ta không nói chuyện với Hội đồng Hắc Ám nhỉ - tao tin là họ sẽ thuyết phục được mày."

Số điện thoại hắn vừa quay bắt đầu reo vang.

"Chào nhé, thằng đần," hắn nói.

Và biến mất.

Một tích tắc sau, Hastur cũng biến theo.

Suốt bao năm trời, vô số giờ công trong lĩnh vực thần học đã được bỏ ra để tranh luận về câu hỏi nổi tiếng này:

Bao nhiêu Thiên thần Có thể Nhảy múa Trên Đầu Một cái Đinh ghim?

Để có thể tìm được câu trả lời, chúng ta cần cân nhắc các dữ kiện sau:

Thứ nhất, các thiên thần không nhảy. Đó là một trong những đặc trưng tiêu biểu của thiên thần. Họ có thể thưởng thức Âm nhạc của các Tinh cầu, nhưng họ không cảm thấy nỗi thôi thúc phải nhún nhảy uốn éo theo nhạc. Vì vậy, câu trả lời là *không*.

Hay ít ra là gần như không. Aziraphale đã học nhảy điệu ga vốt ở một câu lạc bộ kín dành cho các quý ông ở phố Portland vào cuối thập niên 1880, và mặc dù mới đầu y học giỏi như vịt học kinh doanh ngân hàng, sau một thời gian y đã nhảy khá thạo và vài thập kỷ sau đã rất bực mình khi điệu ga vốt đã trở nên lỗi mốt vĩnh viễn.

Vì vậy, giả dụ điệu nhảy là điệu ga vốt và y có một bạn nhảy phù hợp (và, để cho lập luận được kín kẽ, bạn nhảy đó cũng phải biết nhảy điệu ga vốt, và biết nhảy điệu đó trên đầu đinh ghim), thì câu trả lời sẽ đơn giản là *một*.

Nhưng bạn cũng có thể hỏi bao nhiêu con quỷ có thể nhảy múa trên đầu một cái đinh ghim. Dù sao quỷ và thiên thần cũng là từ một giống mà ra. Và ít ra chúng còn biết nhảy.(*)

Và nếu bạn đã hỏi như vậy thì câu trả lời là, thực ra là khá nhiều, với điều kiện chúng từ bỏ thân xác vật chất của mình, mà việc đó với bọn quỷ thì dễ như ăn bánh. Quỷ không bị bó buộc bởi vật chất. Nói rộng ra, vũ trụ chỉ là một vật nho nhỏ tròn tròn, như mấy quả cầu đầy nước mà khi lắc sẽ tạo ra một cơn bão tuyết tí hon(*) .Nhưng nếu ta nhìn thật gần, thì vấn đề duy nhất khi nhảy múa trên đầu một cái đinh ghim chỉ là khoảng cách lớn giữa các electron thôi.

Với những kẻ thuộc dòng thiên thần hoặc nòi quỷ thì kích cỡ, hình thù và kết cấu chỉ đơn giản là các lựa chọn.

Hiện Crowley đang lao vun vút cực nhanh dọc theo một đường dây điện thoại.

RENG.

Crowley lao qua hai cuộc trò chuyện điện thoại với vận tốc chỉ bằng một phần đáng kể vận tốc ánh sáng. Hastur ở sau hắn một quãng: chừng tám đến mười centimet gì đó, nhưng ở kích cỡ này thì như vậy cũng đủ cho Crowley dẫn trước một đoạn khá

thoải mái. Tất nhiên, đoạn dẫn trước đó sẽ biến mất khi hắn thoát ra ở đầu kia.

Chúng quá nhỏ để có thể phát ra âm thanh, nhưng quỷ không cần âm thanh để giao tiếp. Hắn có thể nghe thấy Hastur gào thét sau lưng mình, "Đồ khốn! Tao sẽ tóm được mày! Mày sẽ không thoát được đâu!"

RENG.

"Mày tuồn ra chỗ nào là tao cũng ra theo! Mày sẽ không chạy nổi đâu!"

Crowley đã lao qua đoạn dây dài hơn ba mươi cây số chỉ trong vòng chưa đầy một giây.

Hastur theo sát sau hắn. Crowley sẽ phải tính toán thời điểm rất, rất cẩn thận.

RENG.

Đó là tiếng chuông thứ ba. Chà, Crowley thầm nghĩ, được ăn cả ngã về không.

Hắn dừng phắt lại và nhìn Hastur lao qua mình. Hastur quay lại và...

RENG.

Crowley lao ra khỏi đường dây điện thoại, xuyên qua vỏ bọc nhựa, và hiện nguyên hình, với kích cỡ như cũ, thở hổn hển không ra hơi, ở giữa phòng khách của hắn.

Tách.

Cuộn băng thu âm tin nhắn bắt đầu quay trong máy trả lời tự động. Rồi có một tiếng bíp, và, khi cuộn băng đang quay, một giọng nói từ loa gào lên sau tiếng bíp, "Được rồi! Gì cơ... Đồ *rắn chết giẫm*!"

Bóng đèn đỏ báo hiệu có tin nhắn bắt đầu nhấp nháy.

Bật, tắt, bật, tắt, như một con mắt đỏ ngầu, nhỏ xíu, giận dữ.

Crowley hết lòng mong là mình còn thêm nước thánh và lần này hắn sẽ nhúng cuộn băng vào đó cho tới khi nó tan chảy. Nhưng để kiếm được nước tắm lần cuối cho Ligur đã nguy hiểm lắm rồi, hắn đã giữ nó từ bao năm nay để đề phòng, nguyên việc

có nó trong phòng thôi cũng khiến hắn bồn chồn. Hay... hay là... phải, chuyện gì sẽ xảy ra nếu hắn cho cuộn băng vào xe? Hắn có thể bật đi bật lại Hastur cho tới khi tên này biến thành Freddie Mercury. Không. Hắn có thể là thằng khốn, nhưng đấy cũng là giới hạn của hắn.

Có một tiếng sấm rền ở đằng xa.

Hắn không còn thời gian nữa.

Hắn không có nơi nào để đi.

Hắn vẫn đi. Hắn chạy xuống chỗ chiếc Bentley và lái xe về Khu Tây như thể toàn bộ quỷ sứ Địa ngục đang đuổi theo sau. Mà nói như vậy ít nhiều cũng chẳng sai.

Bà Tracy nghe thấy tiếng chân lão Shadwell lê bước lên cầu thang. Tiếng chân có vẻ lê lết hơn ngày thường, và cứ vài bước lại dừng. Bình thường lão vẫn lên cầu thang như thể lão căm ghét từng bậc một.

Bà mở cửa ra. Lão đang đứng dựa vào tường ở chiếu nghỉ.

"Kìa, ông Shadwell," bà nói, "tay ông bị sao thế?"

"Tránh xa ta ra, mụ đàn bà kia," Shadwell rên lên. "Ta không biết mình lại có quyền năng như thế!"

"Sao ông lại giơ tay ra như vậy?"

Shadwell cố lùi vào tường.

"Lùi lại, ta đã bảo rồi! Ta không chịu trách nhiệm được đâu!"

"Chuyện gì trên đời đã xảy ra với ông vậy, ông Shadwell?" bà Tracy hỏi, cố nắm tay lão.

"Không phải chuyện trên đời! Không phải chuyện trên đời!"

Bà nắm được cánh tay lão. Lão, Shadwell đây, kẻ trừng phạt ma quỷ, đành bất lực, không thể cưỡng lại khi bị kéo vào căn hộ của bà.

Lão chưa bao giờ đặt chân vào đây, ít nhất là trong lúc thức. Trong giấc mơ, lão đã trang trí căn hộ của bà bằng rèm lụa, thảm treo tường đắt tiền, và những thứ mà lão thầm gọi là dầu

thơm. Quả thực, căn hộ có một tấm rèm hạt treo trên lối vào căn bếp nhỏ và một cái đèn làm một cách hơi vụng về từ một chai vang Chianti rỗng, vì quan niệm về thời trang của bà Tracy, cũng như Aziraphale, bị kẹt lại ở khoảng năm 1953. Và ở giữa phòng có một cái bàn trải khăn nhưng, và trên tấm khăn nhung là quả cầu thủy tinh đang càng ngày càng trở thành nguồn thu nhập chính của bà Tracy.

"Tôi nghĩ ông nên nằm nghỉ một lát, ông Shadwell ạ," bà nói bằng giọng không chấp nhận lời tranh cãi nào hết và dẫn lão vào phòng ngủ. Lão choáng váng đến nỗi không phản đối nổi.

"Nhưng nhóc Newt còn ở ngoài kia," Shadwell lẩm bẩm, "bị trói buộc bởi những đam mê ngoại đạo và những mưu chước huyền bí."

"Thế thì tôi dám chắc cậu ấy sẽ biết phải làm gì," bà Tracy nhanh nhảu đáp, hình dung của bà về những gì Newt đang trải qua có lẽ gần với sự thực hơn nhiều so với hình dung của Shadwell. "Và tôi dám chắc là cậu ấy sẽ không muốn nghĩ đến cảnh ông lo lắng rồi bời lên ở đây đâu. Ông cứ nằm uống, còn tôi sẽ đi pha cho hai chúng ta một tách trà thật ngon."

Bà biến mất giữa tiếng lách tách của tấm rèm hạt.

Đột nhiên Shadwell chỉ còn lại một mình trên cái mà lão vừa kịp nhớ ra, giữa đống thần kinh tơi tả, là một cái giường tội lỗi, và đúng lúc này thì lão không thể quyết định xem như vậy thì tệ hơn hay tốt hơn so với *không ở* một mình trên một cái giường tội lỗi. Lão quay đầu nhìn khắp xung quanh.

Khái niệm của bà Tracy về sự gợi tình xuất phát từ cái thời mà các chàng trai trẻ lớn lên đều nghĩ rằng phụ nữ có hai quả bóng bãi biển gắn trước ngực, Brigitte Bardot[(*)] có thể được gọi là biểu tượng tình dục mà không khiến ai cười phá lên, và quả thực có những tạp chí với cái tên như là *Nữ, Núng Nính và Nịt Tất*. Đâu đó trong cái vạc của sự buông thả này, bà đã nhặt được ý tưởng rằng thú nhồi bông trong phòng ngủ sẽ tạo ra một không khí thân mật, khêu gợi.

Suốt một hồi lâu, Shadwell chăm chú nhìn một con gấu bông mòn sờn, bị chột một mắt và rách một bên tai. Có lẽ nó có tên kiểu như Ông Buggins.

Lão quay đầu sang bên kia. Cái nhìn của lão bị chắn bởi một cái túi đựng áo ngủ có hình thù một con vật có lẽ là chó, hoặc cũng có thể là một con chồn hôi. Nó có một nụ cười nhăn nhở vui vẻ.

"Ợ," lão nói.

Nhưng ký ức cứ ùa về. Lão thực sự đã làm được. Theo như lão biết thì không ai trong Đội quân đã từng diệt trừ được một tên quỷ. Hopkins cũng không, Siftings cũng không, Diceman cũng không. Có lẽ cả Thượng sĩ Săn Phù thủy Narker(*) cũng không, mà ông ta là người giữ kỷ lục săn được nhiều phù thủy nhất. Không sớm thì muộn, một đội quân cũng sẽ tìm được vũ khí tối thượng, và giờ đây, Shadwell ngẫm nghĩ, nó đang nằm ở cuối cánh tay lão.

Hừ, mặc kệ cam kết Không Sử Dụng Trước(*). Lão sẽ nghỉ ngơi một lát, vì lão đã ở đây rồi, và rồi các Quyền năng Hắc ám sẽ phải đối mặt với địch thủ của chúng...

Khi bà Tracy đem trà vào thì lão đang ngáy khò khò. Bà ý tứ khép cửa lại, với vẻ khá biết ơn, vì hai mươi phút nữa bà có buổi gọi hồn, mà dạo này bà không thể từ chối tiền được.

Mặc dù bà Tracy nằm ở mức rất thấp trên thước đo trí tuệ, bà lại có trực giác trong nhiều chuyện khác, và liên quan đến chuyện chơi mấy trò huyền bí thì khả năng lý luận của bà không chê vào đâu được. Bà đã nhận ra rằng khách hàng của mình chỉ muốn làm chơi mà thôi. Họ không muốn bị nhồi đến tận cổ. Họ không muốn các bí ẩn nhiều tầng của Thời gian và Không gian, họ chỉ muốn được đảm bảo là mẹ họ vẫn khỏe mạnh sau khi chết. Họ chỉ muốn một chút Huyền bí đủ để thêm gia vị cho cuộc sống giản đơn hằng ngày, và với khẩu phần không quá bốn mươi lăm phút một lần, sau đó là một bữa trà với bánh quy.

Chắc chắn là họ không muốn có nến kỳ dị, hương trầm, lời tụng kinh, hay các cổ tự bí hiểm. Bà Tracy thậm chí đã bỏ gần

hết các lá Ân Chính trong bộ bài tarot, vì sự xuất hiện của chúng thường khiến người ta sợ.

Và bà luôn nhớ luộc một nồi cải Brussels ngay trước buổi gọi hồn. Không có gì khiến người ta yên tâm hơn, không có gì thích hợp với tinh thần khoan khoái của thuyết huyền bí kiểu Anh hơn là mùi cải Brussels đang luộc ở phòng bên.

Đang là đầu buổi chiều, và những đám mây dông trĩu nặng đã biến bầu trời thành màu xám xỉn. Trời sắp mưa rồi, mưa to, mưa trắng trời. Những người lính cứu hỏa hy vọng mưa sẽ đến sớm. Càng sớm càng tốt.

Họ đã có mặt ở hiện trường khá sớm, và những người lính cứu hỏa trẻ tuổi đang chạy tới chạy lui vẻ phấn khích, tháo ống nước và thử rìu; còn những người già dặn hơn thì liếc một cái đã biết tòa nhà vô phương cứu vãn, thậm chí còn không dám chắc là cơn mưa có thể khiến lửa không lan sang các nhà bên cạnh, thì đúng lúc đó một chiếc Bentley đen trượt bánh ở góc đường và lao lên vỉa hè với tốc độ gần một trăm cây số giờ, và dừng lại giữa tiếng phanh ken két chỉ cách tường hiệu sách chưa đến một phân. Một gã trai trẻ cực kỳ khích động đeo kính râm nhảy ra và chạy về phía cửa ra vào của hiệu sách đang cháy bùng bùng.

Hắn bị một người lính cứu hỏa chặn lại.

"Anh là chủ cửa hiệu ạ?" người lính cứu hỏa hỏi.

"Hỏi vớ vẩn! *Nhìn* tôi giống chủ hiệu sách lắm à?"

"Cái đó thì tôi không biết, thưa anh. Không thể trông mặt mà bắt hình dong được. Ví dụ, tôi là lính cứu hỏa. Tuy nhiên, nếu gặp xã giao, những người không biết nghề của tôi thường tưởng tôi là nhân viên kế toán hoặc giám đốc công ty. Thử tưởng tượng tôi không mặc đồng phục xem, thưa anh, và anh sẽ thấy một người như thế nào đứng trước mặt? Nói thật ấy?"

"Một thằng đần," Crowley nói, rồi hắn chạy vào hiệu sách.

Nghe thì dễ hơn là làm, vì để chạy vào được bên trong Crowley cần tránh nửa tá lính cứu hỏa, hai viên cảnh sát, và một

số dân ăn đêm thú vị ở Soho(*) đã ra ngoài sớm và đang sôi nổi tranh luận với nhau xem thành phần xã hội nào đã thắp sáng buổi chiều hôm đó và tại sao.

Crowley đi thẳng qua chỗ họ. Họ gần như không thèm liếc hắn lấy nửa cái.

Rồi hắn đẩy cửa ra và bước vào một biển lửa.

Toàn bộ hiệu sách đang bốc cháy. "Aziraphale!" hắn gọi. "Aziraphale, đồ... đồ *ngu ngốc*... Az*iraphale*? Anh có đây không?"

Không có tiếng đáp lại. Chỉ có tiếng giấy cháy lắc rắc, tiếng kính rạn vỡ khi lửa bốc lên các phòng trên tầng, và tiếng gỗ sập xuống rầm rầm.

Hắn nhìn khắp cửa hiệu, cuống quýt, tuyệt vọng, tìm vị thiên thần, tìm sự *giúp đỡ*.

Ở góc phòng, một giá sách đổ nhào, làm sách đang cháy đổ xuống sàn như tuyết lở. Lửa bốc lên quanh hắn, nhưng Crowley lờ đi. Ống quần trái của hắn bắt đầu bốc khói; hắn dập tắt nó bằng một cái nhìn.

"Có ai không? Aziraphale! Vì Chu..., vì Sa..., vì *ai cũng được*! Aziraphale!"

Cửa sổ hiệu sách bị đập vỡ từ bên ngoài. Crowley giật mình quay lại, và một luồng nước bất ngờ đập thẳng vào ngực hắn, xô hắn ngã nhào xuống đất.

Kính râm của hắn bay vào góc phòng và biến thành một đống nhựa chảy. Cặp mắt vàng với đồng tử là hai vạch thẳng lộ ra. Ướt như chuột lột, bốc khói nghi ngút, mặt đen nhẻm bồ hóng, khác xa vẻ sành điệu hết mức có thể, bò bằng cả tứ chi giữa hiệu sách cháy rừng rực, Crowley nguyền rủa Aziraphale, nguyền rủa kế hoạch bất khả tư nghị, nguyền rủa cả Bên Trên và Bên Dưới.

Rồi hắn nhìn xuống và thấy nó. Cuốn sách. Cuốn sách mà cô gái đã bỏ quên trong xe ở Tadfield, vào tối thứ Tư. Quanh bìa có hơi bị sém, nhưng kỳ diệu thay, nó chưa bị cháy. Hắn nhặt nó lên, nhét vào túi áo khoác, rồi loạng choạng đứng dậy và phủi bụi trên người.

Trần nhà trên đầu hắn đổ sụp. Với một tiếng gầm và một cái nhún vai khổng lồ, tòa nhà sụp xuống thành một trận mưa gạch, gỗ và vôi vữa đang cháy.

Bên ngoài, người qua đường bị cảnh sát chặn lại, và một lính cứu hỏa đang giải thích cho bất kỳ ai chịu nghe, "Tôi không thể ngăn được anh ta. Chắc anh ta điên rồi. Hoặc say. Cứ thế lao vào. Tôi không thể ngăn được. Điên rồi. Lao thẳng vào. Chết như thế thật khủng khiếp. Khủng khiếp, khủng khiếp. Cứ thế lao vào..."

Rồi Crowley bước ra khỏi màn lửa.

Đám cảnh sát và lính cứu hỏa nhìn hắn, thấy vẻ mặt hắn, và đứng nguyên tại chỗ.

Hắn trèo vào chiếc Bentley, lùi xe xuống đường, vòng qua một xe tải cứu hỏa, lái xe vào phố Wardour và biến vào buổi chiều đang tối dần.

Họ trố mắt nhìn theo chiếc xe đi xa dần. Cuối cùng một viên cảnh sát lên tiếng. "Thời tiết thế này, anh ta nên bật đèn mới phải," ông ta đờ đẫn nói.

"Nhất là với kiểu lái xe như vậy. Có thể nguy hiểm," một người khác đồng tình bằng giọng vô cảm, và họ cứ đứng trơ ra đó, trong ánh sáng và hơi nóng phả ra từ hiệu sách đang cháy, tự hỏi không biết chuyện gì đang xảy ra với thế giới quen thuộc của họ.

Có một tia chớp trắng xanh rạch qua nền trời phủ mây xám xịt, một tiếng sấm to đến nhức óc, và một màn mưa xối xả bắt đầu trút xuống.

Ả cưỡi một chiếc xe máy màu đỏ. Không phải màu đỏ Honda thân thiện; mà là một màu đỏ sậm như máu, đặc quánh, gần như đen, đầy hằn học. Ngoài màu sơn ra thì chiếc xe nhìn hoàn toàn bình thường, ngoại trừ thanh gươm tra trong vỏ, được treo một bên thân xe.

Mũ bảo hiểm của ả cũng màu đỏ, và áo da của ả có màu rượu lâu năm. Trên lưng áo có gắn đinh tán hồng ngọc thành dòng

chữ THIÊN THẦN ĐỊA NGỤC.

Đang là một giờ mười phút chiều, trời tối, nồm, và ẩm ướt. Xa lộ gần như vắng tanh, và cô ả mặc đồ đỏ vừa rồ máy chiếc xe đỏ của mình xuôi con đường vừa mỉm cười uể oải.

Cho tới lúc này thì ngày hôm đó vẫn là một ngày đẹp. Có điều gì đó ở một người phụ nữ đẹp, cưỡi trên một chiếc xe máy phân khối lớn với một thanh gươm buộc vào sau, đã gây ấn tượng mạnh với một loại đàn ông nhất định. Đã có bốn nhân viên tiếp thị định đua xe với ả, và những mảnh vỡ của xe Ford Sierra giờ nằm rải rác trên rào chắn và cầu đỡ suốt dọc sáu mươi cây số xa lộ.

Ả dừng xe ở một trạm nghỉ và đi vào quán Lợn Vui. Quán gần như vắng tanh. Một bà phục vụ chán chường đang mạng tất sau quầy, và một nhóm mấy gã chạy xe máy mặc áo da đen, bặm trợn, râu ria, bẩn thỉu, to con, đang vây quanh một kẻ còn cao to hơn, mặc áo khoác đen. Kẻ này đang chăm chú chơi một thứ mà ngày xưa sẽ được gọi mà máy quay quả, nhưng giờ nó có màn hình và tự quảng cáo là MÁY ĐỐ VUI Ô CHỮ.

Khán giả đang hò hét những câu như:

"Là 'D'! Nhấn 'D' đi... *Bố già* phải được nhiều Oscar hơn *Cuốn theo chiều gió* chứ!"

"*Rối dây!* Sandie Shaw! Thật đấy. Chắc trăm phần trăm!"

"1666!"

"Không, đồ đần! Đó là vụ cháy! Dịch hạch là năm 1665 chứ!"

"Là 'B'... Vạn Lý Trường Thành *không* phải là một trong bảy kỳ quan thế giới!"

Có bốn lựa chọn: Nhạc pop, Thể thao, Tin tức sự kiện, và Kiến thức chung. Tay chạy xe máy to cao, vẫn đang đội nguyên mũ bảo hiểm, đang nhấn nút, dường như không chú ý gì đến những người cổ vũ xung quanh. Dù sao thì hắn cũng đang thắng liên tiếp.

Cô ả mặc đồ đỏ đến bên quầy.

"Cho tôi một tách trà. Và một bánh kẹp pho mát," ả nói.

“Cô đi có một mình thôi à, cưng?” bà phục vụ hỏi, rót trà cho ả và đẩy một vật trăng trắng, khô khốc, cứng quèo ngang qua mặt quầy.

“Tôi đợi bạn.”

“À,” bà ta nói, cắn một sợi len. “Thế thì cô cứ đợi trong này là hơn. Ngoài kia như Địa ngục ấy.”

“Không,” cô ả bảo bà ta. “Chưa đâu.”

Ả chọn một bàn bên cửa sổ, nhìn ra bãi đỗ xe, và ả đợi.

Ả có thể nghe thấy đám chơi Đố Vui cãi cọ sau lưng.

“Câu này mới đây, ‘Nước Anh đã chính thức có chiến tranh với Pháp bao nhiêu lần từ năm 1066?”‘

“Hai mươi à? Không, làm gì đến hai mươi... À. Đúng hai mươi thật. Thế cơ đấy.”

“Chiến tranh giữa Mỹ với Mexico? Câu này tao biết. Là tháng Sáu năm 1845. ‘D’... thấy chưa! Đã bảo mà!”

Gã chạy xe máy thấp thứ hai, Pigbog (1m87), thì thầm với gã thấp nhất, Greaser (1m85):

“Mục ‘Thể thao’ đâu rồi ý nhỉ?” Gã có chữ CƯNG xăm trên khớp ngón tay của một bàn tay, còn bàn tay kia xăm chữ GHÉT.

“Tất cả là do, cái gì nhỉ, lựa chọn ngẫu nhiên thôi. Ý tao là họ làm bằng con chip hết. Chắc nó có đến cả triệu mục khác nhau trong đấy, trong RAM của nó ấy.” Khớp ngón tay phải của gã có xăm chữ KHOAI, còn trên tay trái là chữ CHIÊN.

“Nhạc pop, Tin tức sự kiện, Kiến thức chung, và Chiến tranh. Chỉ là tao chưa bao giờ thấy mục ‘Chiến tranh’ cả. Thế nên tao mới nói.” Pigbog bẻ khớp đốt ngón tay răng rắc và bật nắp một lon bia. Gã nốc cạn nửa lon, ợ một tiếng ngông nghênh, rồi thở dài. “Ước gì nó hỏi nhiều hơn về Kinh Thánh.”

“Tại sao?” Greaser chưa bao giờ nghĩ Pigbog lại là dân mê Kinh Thánh cả.

“Ờ, thì, mày có nhớ cái vụ rắc rối ở Brighton không?”

“À, ừ. Mày được lên chương trình *Tầm ngắm tội phạm*,” Greaser nói, với một thoáng ghen tị.

“Ờ, thế là tao phải ở lại cái khách sạn chổ mẹ tao làm ấy, nhớ không? Ba tháng. Mà đếch có gì để đọc, chỉ có thằng cha Gideon nào đã bỏ quên Kinh Thánh ở đấy.(*) Thế là nó cứ kẹt lại trong đầu tao thôi.”

Một chiếc xe máy khác, đen nhánh, bóng lộn, tiến vào bãi đỗ xe bên ngoài.

Cửa quán mở ra. Một luồng gió lạnh thổi qua quán; một người đàn ông mặc đồ da đen từ đầu đến chân, với bộ râu đen ngắn, bước đến bên bàn, ngồi xuống cạnh cô ả mặc đồ đỏ, và mấy gã chạy xe máy quanh cái máy đố vui chợt nhận ra mình đã đói ngấu, nên liền cử Skuzz đi kiếm ít đồ ăn. Tất cả, ngoại trừ kẻ đang chơi vẫn không nói gì, chỉ tiếp tục nhấn nút chọn câu trả lời đúng và để tiền thắng được đổ đầy khay dưới máy.

“Tôi chưa gặp ông từ vụ Mafeking(*),” Đỏ nói. “Mọi chuyện thế nào rồi?”

“Tôi bận ra trò,” Đen đáp. “Dành khá nhiều thời gian ở Mỹ. Thi thoảng chu du thế giới ít lâu. Thực ra cũng chỉ để giết thời gian thôi.”

(“Bà nói bà không có bánh nhân thịt bò và bầu dục là sao?” Skuzz công phẫn hỏi.

“Tôi tưởng chúng tôi còn, nhưng hết rồi,” bà phục vụ nói.)

“Buồn cười thật, tất cả chúng ta tụ họp lại thế này,” Đỏ nói.

“Buồn cười ấy à?”

“Ờ thì, ông biết đấy. Khi chúng ta đã dành hàng ngàn năm chờ đợi ngày trọng đại này, và cuối cùng nó cũng đến. Như đợi ngày Giáng sinh vậy. Hay sinh nhật.”

“Chúng ta không có sinh nhật.”

“Tôi đâu có nói thế. Tôi chỉ nói nó giống thế thôi.”

(“Thật ra,” bà phục vụ thừa nhận, “hình như chúng tôi chẳng còn gì cả. Ngoại trừ miếng pizza kia.”

“Có cá cơm trên đó không?” Skuzz lầm lì hỏi. Không gã nào trong nhóm thích cá cơm. Hay ô liu.

“Có, cưng ạ. Là cá cơm và ô liu. Cậu ăn nhé?”

Skuzz buồn bã lắc đầu. Bụng sôi òng ọc, gã quay về chỗ trò chơi. Ted Bự thường nổi cáu khi đói, và khi Ted Bự cáu thì tất cả sẽ ăn đủ.)

Một mục mới đã xuất hiện trên màn hình. Giờ ta có thể trả lời câu hỏi về Nhạc pop, Tin tức sự kiện, Nạn đói, hoặc Chiến tranh. Mấy gã chạy xe máy biết ít về Nạn đói Khoai tây ở Ireland năm 1846, về nạn đói tất cả các thứ ở Anh năm 1315, và nạn đói ma túy ở San Francisco năm 1969 hơn là về chiến tranh, nhưng người chơi vẫn đang đạt điểm hoàn hảo, chỉ thỉnh thoảng điểm mấy tiếng rè rè, loảng xoảng, và leng keng khi cái máy nhả những đồng bảng xuống cái khay.

"Thời tiết dưới phía nam có vẻ hơi rắc rối nhỉ," Đỏ nói.

Đen nheo mắt nhìn những đám mây đang tối dần. "Không. Tôi thấy ổn đấy chứ. Chỉ lát nữa là bão sẽ đến thôi."

Đỏ ngắm móng tay. "Tốt. Phải có một trận bão ra trò thì mới đúng điệu chứ. Ông biết chúng ta phải đi bao xa không?"

Đen nhún vai. "Độ vài trăm cây số."

"Sao tôi lại nghĩ là xa hơn nhỉ. Chờ đợi suốt bao lâu mà chỉ đi có vài trăm cây số."

"Đi không quan trọng," Đen nói. "Đến mới là quan trọng."

Có một tiếng gào rú bên ngoài. Đó là tiếng gào rú của một chiếc xe máy bị hỏng ống xả, động cơ chưa được chỉnh, và bộ chế hòa khí bị rò. Ta không cần nhìn thấy chiếc xe cũng có thể tưởng tượng được làn khói đen sì vây quanh nó, vệt dầu nhớt nó để lại phía sau, và những đinh ốc cùng bộ phận nhỏ của xe vương vãi khắp mặt đường sau lưng nó.

Đen đến bên quầy.

"Xin cho bốn tách trà," hắn gọi. "Một đen."

Cửa quán mở ra. Một gã trai trẻ mặc đồ da trắng bụi bặm bước vào, và gió thổi bao bim bim rỗng, giấy báo và vỏ kem vào theo gã. Chúng lượn quanh chân gã như một đám trẻ con háo hức, rồi mệt nhoài rơi xuống sàn.

"Vậy là các anh có bốn người cả thảy hả?" bà phục vụ hỏi. Bà đang cố tìm mấy cái tách và thìa sạch - không hiểu sao cả giá bát

đĩa bỗng bị phủ một lớp dầu nhớt và cặn trứng.

"Sẽ có bốn người," kẻ mặc đồ đen nói, rồi hắn bê bốn tách trà quay về bàn, nơi hai đồng bọn của hắn đang đợi.

"Thấy dấu hiệu gì của ngài không?" gã trai mặc đồ trắng hỏi.

Hai kẻ kia lắc đầu.

Một cuộc tranh cãi đã nổ ra quanh màn hình (các mục đố vui hiện đang có trên màn hình bao gồm Chiến tranh, Nạn đói, Ô nhiễm, và Kiến thức chung 1962-1979).

"Elvis Presley? Phải là 'C' - ông ta chết năm 1977, đúng không?"

"Đâu. Là 'D'. 1976. Tao chắc đấy."

"Ừ. Cùng năm với Bing Crosby."

"Và Marc Bolan nữa. Thằng cha ấy cũng ngỏm củ tỏi rồi. Thế thì là 'D' rồi. Nhấn đi."

Kẻ cao lớn nọ không nhúc nhích để nhấn bất kỳ nút nào.

"Ông sao thế?" Ted Bự cáu kỉnh nói. "Nhấn 'D' đi. Elvis Presley chết năm 1976."

TA KHÔNG QUAN TÂM NÓ NÓI GÌ, tay chạy xe máy cao lớn đội mũ bảo hiểm nói, TA CHƯA BAO GIỜ ĐỤNG ĐẾN ÔNG TA.

Ba kẻ ngồi bên bàn đồng loạt quay lại. Đỏ lên tiếng. "Ngài đến đây từ bao giờ?" ả hỏi.

Kẻ cao lớn bước đến bên bàn, để lại đám chạy xe máy đang sững sờ cùng đống tiền thắng được. TA CHƯA BAO GIỜ RỜI ĐI, và giọng hắn là một tiếng vọng u ám từ những chốn tối tăm, một phiến âm thanh lạnh lẽo, xám ngắt, và vô cảm. Nếu giọng nói đó là một phiến đá thì hẳn nó đã được chạm khắc từ lâu: một cái tên, và hai ngày tháng.

"Trà của ngài đang nguội đấy, thưa ngài," Nạn Đói nói.

"Đã lâu quá rồi," Chiến Tranh nói.

Có một tia chớp lóe lên, và gần như ngay tiếp theo đó là một tiếng sấm trầm trầm.

"Thời tiết rất tuyệt cho chuyến đi," Ô Nhiễm nói.

PHẢI.

Mấy gã chạy xe máy đứng quay máy đồ vui đang mỗi lúc một bối rối hơn vì cuộc trò chuyện này. Được Ted Bự dẫn đầu, chúng kéo đến bên bàn và trố mắt nhìn bốn kẻ lạ mặt kia.

Chúng không thể không nhận thấy *cả* bốn kẻ lạ mặt đều có chữ THIÊN THẦN ĐỊA NGỤC trên áo. Và nhìn họ quá đáng nghi so với đám Thiên thần(*): quá sạch sẽ, và cả bốn kẻ đều không có vẻ gì là đã từng bẻ gãy tay ai chỉ vì đang là chiều Chủ nhật và trên tivi không có gì xem. Và một trong số đó lại còn là phụ nữ nữa, chỉ khác là không cưỡi trên xe máy sau lưng ai đó mà lại được đi xe của riêng mình, như thể ả có quyền vậy.

"Các vị là hội Thiên thần Địa ngục hả?" Ted Bự hỏi mỉa. Nếu có một thứ mà Thiên thần Địa ngục thứ thiệt không chịu nổi, thì đó là bọn chạy xe máy nghiệp dư.(*)

Bốn kẻ lạ mặt gật đầu.

"Thế các vị đến từ chi hội nào?"

Kẻ Lạ Mặt Cao Lớn nhìn Ted Bự. Rồi hắn đứng dậy. Đó là một cử động phức tạp; nếu trên bờ biển đêm mà có ghế xếp thì chúng cũng sẽ mở ra như thế.

Dường như hắn cứ mở người ra thêm mãi.

Hắn đội một cái mũ bảo hiểm đen, che kín hoàn toàn mặt. Và Ted Bự nhận ra cái mũ được làm bằng thứ nhựa kỳ dị. Khi ta nhìn vào đó, ta chỉ thấy khuôn mặt của chính mình.

KHẢI HUYỀN, hắn đáp. CHƯƠNG SÁU.(*)

"Khổ hai đến tám," gã trai mặc đồ trắng sốt sắng thêm vào.

Ted Bự trừng mắt nhìn bốn kẻ kia. Hàm dưới của gã bắt đầu chìa ra, và một mạch máu xanh ở thái dương gã bắt đầu giần giật. "Thế nghĩa là thế nào?" gã quát.

Có ai đó giật tay áo gã. Là Pigbog. Mặt Pigbog đã chuyển sang một màu xám rất lạ dưới lớp ghét bẩn.

"Có nghĩa là chúng ta gặp rắc rối to rồi," Pigbog nói.

Và rồi kẻ lạ mặt cao lớn với lấy một chiếc găng đi xe máy màu nhạt, gạt kính trước mũ bảo hiểm của hắn lên, và lần đầu tiên

trong quãng đời tồn tại của mình, Ted Bự ước là mình đã sống tử tế hơn.

"Lạy Chúa Jesus!" gã rên lên.

"Tao nghĩ Người cũng sắp đến rồi đấy," Pigbog vội vã nói. "Chắc Người đang tìm chỗ đỗ xe máy thôi. Đi thôi, và, và tham gia một câu lạc bộ thanh thiếu niên hay gì đó..."

Nhưng sự dốt nát vô địch của Ted Bự chính là khiên chắn và áo giáp của gã. Gã không nhúc nhích.

"Chà," gã nói. "Thiên thần Địa ngục."

Chiến Tranh biếng nhác đưa tay chào hắn.

"Chính là bọn ta đây, Ted Bự," ả nói. "Dân chơi thứ thiệt."

Nạn Đói gật đầu. "Công ty Cũ," hắn nói.

Ô Nhiễm bỏ mũ bảo hiểm ra và lắc mái tóc dài trắng bệch. Gã đã đảm nhiệm vị trí này khi Bệnh Dịch, luôn mồm than phiền về penicillin, đã nghỉ hưu hồi năm 1936. Giá mà lão già đó biết tương lai sẽ mở ra những cơ hội gì...

"Những kẻ khác chỉ hứa suông," gã nói, "bọn ta thì thực thi." Ted Bự nhìn Kỵ sĩ thứ tư. "Này, tôi đã thấy ngài rồi," gã nói.

"Ngài ở trên bìa album của nhóm Blue Oyster Cult. Và tôi có một cái nhẫn có... có... đầu ngài trên đó."

TA CÓ MẶT Ở KHẮP MỌI NƠI.

"Chà." Khuôn mặt bự của Ted Bự nhăn lại vì cố suy nghĩ.

"Các vị đi xe loại gì?" gã hỏi.

Cơn bão dữ dội bủa vây mỏ phấn. Sợi thừng buộc cái bánh xe ô tô cũ nhảy nhót trong luồng gió. Thỉnh thoảng một tấm sắt, di vật của một lần thử xây nhà cây, sẽ bị giật khỏi chỗ đóng lỏng lẻo và bay vút đi.

Bọn Chúng túm tụm lại với nhau, nhìn Adam chằm chằm. Không hiểu sao nhìn thằng bé có vẻ to lớn hơn. Chó ngồi gầm gừ. Nó đang nghĩ về tất cả những mùi nó sẽ đánh mất. Ở Địa ngục chẳng có mùi gì hết, trừ mùi lưu huỳnh. Trong khi đó thì

một số mùi ở đây thật, thật là... ờ, mà sự thật là ở Địa ngục cũng không có chó cái nữa.

Adam đang đi đi lại lại vẻ phấn khích, huơ tay trong không khí. "Bọn mình sẽ tha hồ chơi đùa thỏa thích," nó nói. "Bọn mình sẽ được khám phá đủ thứ. Tao nghĩ là tao sẽ sớm có thể làm cho rừng xưa mọc lại thôi."

"Nhưng... nhưng ai... ai sẽ, mày biết đấy, nấu nướng và giặt giũ và làm những việc tương tự?" Brian run run hỏi.

"Sẽ không ai phải làm những việc đó nữa," Adam nói. "Bọn mày có thể muốn gì ăn nấy, khoai chiên, hành bọc bột chiên, cái gì cũng được. Và sẽ không bao giờ phải thay quần áo mới hoặc tắm nếu bọn mày không muốn. Hoặc phải đi học. Hoặc phải làm bất kỳ thứ gì bọn mày không muốn, không bao giờ nữa. Sẽ *ác* lắm đây!"

◇

Trăng mọc lên trên đồi Kookamundi. Đêm nay trăng rất sáng.

Johnny Hai Khúc Xương ngồi giữa lòng chảo sa mạc đỏ rực. Đây là một nơi linh thiêng, nơi có hai tảng đá tổ tiên, được tạo thành từ Thời Mộng(*), vẫn nằm như chúng đã nằm từ thuở nguyên sơ. Chuyến hành hương của Johnny Hai Khúc Xương đã sắp kết thúc. Má và ngực anh được bôi một vệt đất son, và anh đang hát một bài ca cổ, một kiểu hát lên bản đồ rặng đồi, và anh đang vạch những hình vẽ lên nền bụi bằng mũi giáo.

Đã hai ngày nay anh nhịn ăn; anh cũng không ngủ. Anh đã sắp đạt đến trạng thái nhập định, để hòa mình với Vùng Hoang, để kết nối với tổ tiên.

Anh đã sắp đạt được.

Sắp...

Anh chớp mắt. Bối rối nhìn quanh.

“Xin thứ lỗi, anh bạn thân mến, “ *anh nói với chính mình bằng giọng kiểu cách, phát âm rõ ràng*. “Nhưng anh có biết tôi đang ở đâu không?”

“Ai nói đấy?” Johnny Hai Khúc Xương nói.

Miệng anh mở ra. “*Là tôi đây.*”

Johnny băn khoăn gãi đầu. “Chắc ông là tổ tiên của tôi hẳn?”

“À. Chắc chắn rồi, anh bạn thân mến. Không nghi ngờ gì nữa. Nói theo một cách nào đó thì đúng vậy. Giờ thì, quay lại với câu hỏi ban đầu của tôi. Tôi đang ở đâu đây?”

“Chỉ là nếu ông là tổ tiên của tôi,” Johnny Hai Khúc Xương nói, “thì sao ông lại nói chuyện như thằng bóng chúa(*) thế?”

“À. *Nước Úc*,” miệng Johnny Hai Khúc Xương nói, phát âm từ đó như thể nó cần được tẩy trùng kỹ lưỡng trước khi anh thốt ra nó lần nữa. “*Ôi trời. Thôi, dù sao cũng cảm ơn anh.*”

“A lô? A lô?” Johnny Hai Khúc xương nói.

Anh ngồi trên nền cát, và anh đợi hoài, đợi mãi, nhưng anh không trả lời.

Aziraphale đã đi tiếp.

◇

Citron Deux-Chevaux là *tonton macoute*, một *hougan*(*) lang thang: anh có một cái túi quảy trên vai, trong đó là các thứ lá thần, lá thuốc, mấy mẩu mèo rừng, nến đen, một thứ bột chủ yếu làm từ da một loại cá phơi khô, một con rết chết, một nửa chai rượu Chivas Regal, mười điếu Rothmans, và một cuốn *Sự kiện Haiti*.

Anh nhấc con dao lên và, với một nhát xẻo thành thạo, cắt lìa đầu con gà trống đen. Máu túa lên tay phải anh.

“Xin *Loa* hãy nhập vào tôi,” anh ngân nga. “Xin *Gros Bon Ange*(*) hãy đến với tôi.”

“Tôi đang ở đâu đây?” *anh nói*.

“Đó có phải là *Gros Bon Ange* của tôi không?” anh hỏi.

“Tôi nghĩ đó là một câu hỏi hơi riêng tư,” *anh trả lời*. “*ý* tôi là, xét theo mấy thứ kiểu đó ấy mà. Nhưng dù sao ta cũng phải cố thôi. Làm hết sức mình.”

Citron thấy một bàn tay đang với về phía con gà. “Nấu nướng ở đây thì hơi mất vệ sinh, anh có thấy thế không? Ngay giữa rừng rú thế này. Anh đang tổ chức tiệc nướng thịt à? Đây là chỗ nào?”

“Haiti,” anh trả lời.

“Chết tiệt! Còn xa quá. Nhưng thôi cũng được. Thôi, tôi phải đi đây. Ngoan nhé.”

Và Citron Deux-Chevaux chỉ còn một mình trong tâm trí.

“Kệ mẹ các *Loa*,” anh lầm bầm. Anh nhìn vào hư vô hồi lâu, rồi với tay lấy cái túi và chai Chivas Regal. Có ít nhất hai cách để biến một người thành xác sống. Anh sẽ chọn cách dễ nhất.

Sóng xô bờ ầm ĩ. Hàng cọ rung chuyển.

Một cơn bão đang đến.

Đèn bật sáng. Dàn Hợp xướng Phúc âm Cáp điện (Nebraska) cất cao giọng hát bài “Chúa Jesus là người thợ sửa điện thoại ở tổng đài đời tôi”, gần như át cả tiếng gió đang mạnh dần.

Marvin O. Bagman chỉnh lại cà vạt, kiểm tra nụ cười của mình trong gương, vỗ mông cô trợ lý riêng (cô Cindi Kellerhals, Vật Cưng của Tháng trên tạp chí *Penthouse* vào tháng Bảy ba năm trước; nhưng cô đã để lại tất cả sau lưng khi có được Sự Nghiệp), và ông ta bước ra trường quay.

Chúa Jesus sẽ không cắt dây trước khi bạn nối máy xong

Với Người bạn sẽ không bao giờ bị nhiễu sóng,

Và khi bạn nhận được hóa đơn từng khoản sẽ được ghi rõ ràng

Người là thợ sửa điện thoại trên tổng đài của đời tôi,

dàn đồng ca hát. Marvin rất thích bài đó. Chính ông ta đã sáng tác nó.

Các sáng tác khác của ông ta bao gồm: “Ông Jesus vui vẻ”, “Chúa Jesus, con đến ở nhà người được không?”, “Thập giá bốc lửa”, “Chúa Jesus là miếng dán trên giảm xóc của linh hồn tôi”, và “Khi tôi được Chúa đưa lên Thiên đường hãy giữ vô lăng chiếc xe bán tải của tôi”. Các bài hát này đều có trong album *Chúa Jesus là bạn tôi* (có đĩa than, băng cát xét và CD) và cứ bốn phút một lần lại được quảng cáo trên kênh Phúc âm của Bagman.(*)

Mặc dù lời hát chẳng có vần hay là, đã thành lệ, thậm chí còn chẳng có nghĩa nữa, và Marvin, vốn không có khiếu âm nhạc, đã thó tất tật giai điệu từ các bài hát đồng quê cũ, *Chúa Jesus là bạn* tôi vẫn bán được hơn bốn triệu bản.

Marvin vốn xuất thân là một ca sĩ nhạc đồng quê, hát các bài hát cũ của Conway Twitty và Johnny Cash.

Ông ta đã thường xuyên biểu diễn trực tiếp ở nhà tù San Quentin cho tới khi đám người hoạt động vì nhân quyền cấm ông ta theo điều khoản Trừng phạt Tàn bạo và Bất thường.

Đó là khi Marvin chuyển sang tôn giáo. Không phải kiểu tôn giáo lặng lẽ, cá nhân, bao gồm việc làm điều thiện và sống tốt hơn; thậm chí còn không phải kiểu tôn giáo mà ta phải mặc vét và đi bấm chuông các nhà; mà là kiểu tôn giáo cho ta một kênh truyền hình riêng và thuyết phục mọi người gửi tiền cho ta.

Ông ta đã tìm được sự kết hợp truyền hình hoàn hảo ở chương trình *Giờ Thần thánh của Marvin* (“Chương trình đã đưa chữ TUYỆT trở lại với Đức tin Tuyệt đối!”). Bốn bài hát trong album, mỗi bài dài ba phút, hai mươi phút nói về Hỏa ngục, và năm phút chữa bệnh. (Hai mươi ba phút còn lại được dành để hoặc phỉnh phờ, hoặc cầu xin, hoặc đe dọa, hoặc van vỉ, và thỉnh thoảng là thẳng thừng yêu cầu mọi người gửi tiền.) Thời đầu ông ta còn đưa người vào trường quay để chữa bệnh, nhưng thấy như thế quá phức tạp, nên bây giờ ông ta chỉ tuyên bố mình đã nhận được hình ảnh về các khán giả trên khắp nước Mỹ đang được chữa lành trong lúc họ xem chương trình. Như thế đơn

giản hơn nhiều - ông ta không cần thuê diễn viên nữa, và không ai có thể kiểm tra tỷ lệ thành công của ông ta.(*)

Thế giới phức tạp hơn phần lớn mọi người tưởng nhiều. Ví dụ, nhiều người tin rằng Marvin không phải Tín đồ thực thụ vì ông ta kiếm được quá nhiều tiền từ đức tin. Họ đã nhầm, ông ta tin bằng cả tấm lòng, ông ta tin hoàn toàn, và bỏ ra một khoản kha khá trong số tiền chảy vào túi ông như nước, để dành cho cái mà ông ta thực sự nghĩ là việc của Chúa.

Đường dây điện thoại đến đấng cứu thế luôn sạch tiếng nhiễu

Người sẽ nhấc máy bất kỳ giờ nào, ngày hay đêm

Và khi gọi đến số J-E-S-U-S bạn sẽ không mất cước

Người là thợ sửa điện thoại trên tổng đài của đời tôi.

Bài hát đầu tiên kết thúc, và Marvin bước ra trước máy quay, nhún nhường giơ tay lên ra hiệu im lặng. Trong phòng điều khiển, viên kỹ sư vặn nhỏ tiếng vỗ Tay lại.

"Xin cảm ơn các anh chị em, xin cảm ơn, thật là hay phải không ạ? Và các bạn hãy nhớ, các bạn có thể nghe bài hát đó cùng nhiều bài hát khai trí không kém trong album *Chúa Jesus là bạn tôi*, chỉ cần gọi điện đến số 1-800-TIEN và đóng góp ngay bây giờ."

Ông ta trở nên nghiêm nghị hơn.

"Thưa các anh chị em, tôi có một lời nhắn cho tất cả các anh chị em, một lời nhắn khẩn thiết từ Chúa, cho tất cả các bạn, nam, nữ, và trẻ em, thưa các bạn, tôi xin được nói với các bạn về Tận thế. Tất cả đều có trong Kinh Thánh của các bạn, trong kinh Khải huyền mà chúa đã giao cho Thánh John ở đảo Patmos, và trong kinh Daniel, chúa đã luôn nói thẳng với các bạn - về tương lai của các bạn. Vậy chuyện gì sẽ xảy ra?

"Chiến tranh. Bệnh dịch. Nạn đói. Chết chóc. Sông máu. Động đất. Tên lửa hạt nhân. Những ngày tháng khủng khiếp đang đến, hỡi anh chị em. Và chỉ có một cách duy nhất để tránh được chúng.

"Trước khi sự Hủy Diệt bắt đầu... trước khi Tứ Kỵ sĩ Khải huyền lên đường... trước khi tên lửa hạt nhân trút xuống đầu

những kẻ vô tín ngưỡng... sẽ có Cứu Vớt.

"Cứu Vớt là gì? Tôi nghe các bạn hỏi vậy.

"Khi Cứu Vớt tới, thưa các anh chị em, các Tín đồ Chân chính sẽ được nâng lên không trung - bất kể các bạn đang làm gì, dù các bạn đang tắm, đang làm việc, đang lái xe, hay đang ngồi ở nhà đọc Kinh Thánh. Đột nhiên các bạn sẽ được đưa lên không trung, trong cơ thể hoàn hảo, không bao giờ mục rữa. Và các bạn sẽ ở trên không trung, nhìn xuống thế giới trong khi những năm tháng hủy diệt bắt đầu. Chỉ những người có đức tin mới được cứu vớt, chỉ những người đã được rửa tội mới có thể tránh được nỗi đau, cái chết, nỗi kinh hoàng, sự thiêu đốt. Rồi sau đó sẽ là cuộc chiến vĩ đại giữa Thiên đường và Địa ngục, và Thiên đường sẽ đánh bại thế lực của Địa ngục, và chúa sẽ gạt đi những giọt nước mắt của những người khổ đau, và rồi sẽ không còn cái chết, buồn khổ, khóc lóc, hay đau đớn nữa, và Người sẽ ngự trị trong tiên cảnh vĩnh hằng..."

Đột nhiên ông ta ngừng lại.

"Chà, nói hay lắm," *ông ta nói bằng giọng khác hẳn*, "chỉ là mọi chuyện sẽ không xảy ra như thế đâu. Không hẳn.

"Ý ta là, ông đã đúng về vụ lửa thiêu, chiến tranh và tất tật mấy thứ đó. Nhưng còn về vụ Cứu Vớt thì, ờ, nếu các vị có thể thấy họ trên Thiên đường - hàng hàng lớp lớp đứng xa hết tầm mắt và còn xa hơn thế, hàng đoàn, hàng đoàn chúng ta, tay cầm gươm rực lửa, tất cả những thứ đó, ờ, ý ta là, ai còn thời gian mà đi chọn người và kéo họ lên không trung để họ cười mỉa đám người đang chết vì nhiễm phóng xạ dưới mặt đất nứt nẻ và cháy rực bên dưới nữa chứ? Nếu các vị nghĩ như vậy là chấp nhận được về mặt đạo đức, ta xin nói thêm như thế.

"Còn về vụ Thiên đường kiểu gì cũng thắng thì... Ờ, nói thật nhé, nếu đã hai năm rõ mười như thế thì việc gì phải có Thiên Chiến nữa, phải không? Chỉ là tuyên truyền thôi. Đơn giản là thế. Cơ hội chiến thắng của chúng ta là không quá năm mươi phần trăm. Các vị có gửi tiền đến cho hội thờ quỷ Satan thì cũng chẳng khác gì, nhưng nói thật là khi lửa trút xuống và biển máu dâng lên thì các vị sẽ đều thành thương vong dân thường cả

thôi. Giữa chiến tranh của bọn ta và chiến tranh của các vị, tất cả sẽ bị giết sạch và để cho Chúa xử… đúng không?

"Mà thôi, xin lỗi vì cứ đứng đây lải nhải mãi, tôi chỉ có một câu hỏi nhanh thôi… tôi đang ở đâu đây?"

Marvin O. Bagman đang tím ngắt đi.

"*Là quỷ dữ! Xin chúa bảo vệ con! Quỷ dữ đang nhập vào tôi!*" *ông ta thét lên, rồi lại tự ngắt lời,* "Ồ không, ngược lại là khác. Tôi là thiên thần. À. Chắc đây là nước Mỹ phải không? Rất xin lỗi, không thể ở lại được…"

Im lặng một thoáng. Marvin cố mở miệng, nhưng không có gì xảy ra cả. Thứ đang trong đầu ông ta nhìn quanh. Ông ta nhìn các nhân viên trong trường quay, những người không gọi cảnh sát hay trốn vào góc phòng khóc lóc. Ông ta nhìn người quay phim mặt xám ngoét.

"Ôi trời," *ông ta nói,* "tôi đang lên truyền hình à?"

◇

Crowley đang lao đi trên phố Oxford với vận tốc hai trăm cây số một giờ.

Hắn thò tay vào ngăn đựng găng tay tìm cặp kính râm dự phòng, nhưng chỉ thấy toàn băng cát xét. Hắn bực bội vớ bừa một cái và nhét nó vào đài.

Hắn muốn nghe Bach, nhưng nhóm The Travelling Wilburys cũng được.

Tất cả những gì chúng ta cần là Radio Ga Ga, *Freddie Mercury hát*.

Tất cả những gì ta cần là trốn thoát, Crowley thầm nghĩ.

Hắn vòng xe ngược chiều qua bùng binh Khải Hoàn Môn, giảm tốc xuống còn một trăm tư. Những tia chớp khiến bầu trời London lập lòe như một ống đèn tuýp bị hỏng.

Bầu trời London bầm tím, Crowley thầm nghĩ, *và tôi biết cái kết đã cận kề*. Đó là ai viết nhỉ? Chesterton phải không? Nhà thơ

duy nhất của thế kỷ hai mươi đã đến gần được Chân lý.

Chiếc Bentley ra khỏi London trong lúc Crowley ngồi ngả ra trên ghế tài xế và lật giở cuốn *Những Lời Tiên tri Tuyệt đích và Chuẩn xác của Agnes Nutter* bị cháy sém.

Gần cuối cuốn sách, hắn tìm thấy một tờ giấy gập lại với nét chữ viết tay rõ ràng như bản khắc đồng của Aziraphale. Hắn giở tờ giấy ra (trong khi cần số của chiếc Bentley tự chuyển sang số ba và chiếc xe tăng tốc lách qua một cái xe tải chở hoa quả vừa bất ngờ lùi ra từ một con ngõ), rồi hắn đọc lại nó.

Rồi hắn đọc nó một lần nữa, trong lúc dạ dày từ từ thót lại.

Chiếc xe đột ngột đổi hướng. Giờ nó tiến về làng Tadfield ở Oxfordshire. Hắn có thể đến nơi trong vòng một tiếng, nếu đi thật nhanh.

Mà cũng chẳng có nơi nào khác để đi cả.

Cuốn băng cát xét chạy hết, và đài trong xe tự động bật lên.

"... Mục Câu hỏi cho Người Làm vườn được gửi đến bạn từ Câu lạc bộ Làm vườn Tadfield. Lần gần đây nhất chúng tôi đến đó là vào năm 1953, một mùa hè rất tuyệt, và như cả nhóm còn nhớ, phía đông giáo xứ ở đó có đất mùn Oxfordshire rất phì nhiêu, rồi chuyển thành đá phấn ở phía tây; đó là nơi mà ta trồng gì cũng sẽ mọc tươi tốt. Phải vậy không, Fred?"

"*Đúng thế*," giáo sư Fred Windbright thuộc Vườn Bách thảo Hoàng gia đáp, "*tôi cũng không thể nói chính xác hơn*."

"Được rồi... câu hỏi đầu tiên đến từ ông R. P. Tyler, chủ tịch Hội Dân cư, tôi tin là vậy."

"E hèm. Vâng, đúng thế. Tôi là người rất say mê trồng hồng, nhưng bụi Molly McGuire đoạt giải của tôi hôm qua đã bị mất vài bông hoa vì một trận mưa hình như là toàn cá. Các vị có gợi ý gì cho vấn đề này không, ngoài cách căng lưới che vườn? Ý tôi là, tôi đã viết thư cho hội đồng..."

"Chắc đây không phải là vấn đề thường gặp. Harry, anh nghĩ sao?"

"Ông Tyler, cho tôi hỏi một câu... đó là cá tươi, hay cá ướp lạnh?"

“Tôi tin là cá tươi.”

“Thế thì ông không gặp vấn đề gì đâu, ông bạn. Tôi nghe nói ở khu vực đó đã có cả mưa máu nữa… và tôi ước chúng tôi cũng có mưa máu ở vùng Thung lũng, chỗ vườn của tôi. Sẽ đỡ cho tôi cả một gia tài vì khỏi phải mua phân bón. Ông chỉ việc vùi chúng xuống…” CROWLEY?

Crowley không nói gì.

CROWLEY. CUỘC CHIẾN ĐÃ BẮT ĐẦU, CROWLEY. CHÚNG TA THẤY NGƯƠI ĐÃ TRÁNH ĐƯỢC NHỮNG KẺ CHÚNG TA GỬI ĐẾN ĐỂ ÁP GIẢI NGƯƠI.

“Ừm,” Crowley đồng tình.

CROWLEY… CHÚNG TA SẼ CHIẾN THẮNG. NHƯNG DÙ CHÚNG TA CÓ THUA ĐI CHĂNG NỮA, THÌ VỚI NGƯƠI, CŨNG CHẲNG CÓ GÌ KHÁC BIỆT. VÌ CHỪNG NÀO CÒN MỘT CON QUỶ TỒN TẠI Ở ĐỊA NGỤC, THÌ CROWLEY, NGƯƠI SẼ ƯỚC GIÁ MÌNH ĐƯỢC SINH RA LÀ CON NGƯỜI.

Crowley im lặng.

CON NGƯỜI CÓ THỂ HY VỌNG ĐƯỢC CHẾT, HOẶC ĐƯỢC CỨU RỖI. NGƯƠI KHÔNG THỂ HY VỌNG VÀO GÌ HẾT.

NGƯƠI CHỈ CÓ THỂ HY VỌNG VÀO SỰ KHOAN DUNG CỦA ĐỊA NGỤC THÔI.

“Thế à?”

BỌN TA ĐÙA ĐẤY.

“Hừ,” Crowley nói.

“… như những người làm vườn say mê đều biết, không cần nói cũng hiểu, người Tây Tạng đúng là quỷ quái ranh ma. Đào hầm xuyên qua đám thu hải dường cứ như không ấy. Một tách trà sẽ xử lý được anh ta ngay, nếu thích có thể thêm ít bơ thiu làm bằng sữa bò Tây Tạng nữa, bạn có thể mua được bơ này ở bất kỳ…”

Viiiiu. Vùùù. Bộp. Tiếng nhiễu sóng nhận chìm phần còn lại của chương trình.

Crowley tắt đài đi và cắn môi. Bên dưới lớp tro và muội than phủ đầy mặt, nhìn hắn hết sức mệt mỏi, hết sức tái mét, và hết sức sợ hãi.

Và đột nhiên là hết sức giận dữ nữa. Cái lối bọn họ nói với hắn. Như thể hắn là một cái cây cảnh bắt đầu rụng lá xuống thảm vậy.

Và rồi hắn rẽ qua một khúc quanh, lẽ ra sẽ đưa hắn lên đường phụ dẫn ra cao tốc M25, từ đó hắn sẽ lên cao tốc M40 đến Oxfordshire.

Nhưng có gì đó đã xảy ra với cao tốc M25. Một thứ khiến mắt ta đau nhói, nếu ta nhìn thẳng vào nó.

Từ chỗ trước kia là đường cao tốc vành đai M25 của London phát ra một tiếng ngân nga trầm trầm, được tạo ra từ nhiều thanh âm khác nhau: còi xe, động cơ xe, còi báo động, tiếng bíp của điện thoại di động, và tiếng gào thét của những đứa trẻ bị trói buộc đời đời bởi đai an toàn ở ghế sau. “Xin hoan nghênh Quái Vật Vĩ Đại, Kẻ Nuốt Trọn Các Thế giới,” tiếng ngân nga vang lên, lặp đi lặp lại, bằng thứ ngôn ngữ bí mật của của các Tu sĩ Đen của Mu cổ đại.

Con dấu Odegra đáng sợ, *Crowley thầm nghĩ, khi hắn vòng chiếc xe lại, hướng về đường vành đai bắc*. Chính mình đã gây ra chuyện đó… là lỗi của mình. Lẽ ra nó đã có thể là một đường cao tốc bình thường. Kể ra thì cũng khá đấy, nhưng có đáng không? Bung bét hết rồi. Thiên đường và Địa ngục đang mặc kệ hết thảy, cứ như cả hành tinh này chỉ là một nước Thế giới Thứ ba vừa bị xơi Bom…

Rồi hắn bỗng mỉm cười. Hắn búng ngón tay. Một cặp kính râm hiện ra từ mắt hắn. Muội than biến khỏi bộ vét và da hắn.

Kệ xác. Nếu phải ra đi, thì sao không ra đi thật phong cách? Hắn vừa lái xe vừa khe khẽ huýt sáo.

Họ lao đi trên làn ngoài của đường cao tốc như những thiên thần hủy diệt, mà đúng thế thật.

Xét cho cùng thì họ đi không nhanh lắm. Cả bốn bọn họ đều giữ vận tốc 170 cây số một giờ, như thể họ tin chắc rằng cuộc vui sẽ không thể bắt đầu trước khi họ đến nơi. Nó không thể. Họ có thừa mứa thời gian, dù thời gian còn lại của thế giới này cũng chẳng được bao lăm.

Ngay sau lưng họ là bốn gã chạy xe máy khác: Ted Bự, Greaser, Pigbog và Skuzz.

Cả bốn gã đều hãnh diện. Giờ chúng đã là Thiên thần Địa ngục *thứ thiệt*, và chúng đang cưỡi trên im lặng.

Chúng biết xung quanh mình là tiếng cơn bão gầm thét, tiếng xe cộ gào rú, tiếng gió rít mưa giật. Nhưng phía sau Tứ Kỵ sĩ chỉ có sự im lặng, thuần khiết và chết chóc. Ít ra cũng gần như thuần khiết. Còn chết chóc thì chắc rồi.

Sự im lặng bị phá vỡ bởi Pigbog, đang hét lên với Ted Bự.

"Thế mày sẽ là gì?" gã hỏi giọng khàn khàn.

"Gì cơ?"

"Tao bảo là, mày sẽ..."

"Tao nghe thấy mày nói gì rồi. Tao không hỏi mày *nói* gì. Ai cũng nghe thấy mày *nói* rồi. Ý mày là gì, tao muốn hỏi thế đấy?"

Pigbog thầm ước mình đã để tâm đến kinh Khải huyền nhiều hơn. Nếu gã biết mình sẽ được tham gia vào đó thì gã đã đọc kỹ hơn rồi. "Ý tao là, *họ* là Tứ Kỵ sĩ Khải huyền, đúng không?"

"Tay nài," Greaser sửa lại.

"Ừ. Thì Tứ Tay nài Khải huyền, Chiến Tranh, Nạn Đói, Chết Chóc, và người kia nữa. Ô Nhiễm."

"Ờ? Thì sao?"

"Và họ bảo bọn mình có thể đi theo họ, đúng không?"

"Thì sao?"

"Thì tức là bọn mình sẽ là Tứ Kỵ sĩ... ờ, Tay nài Khải huyền *khác*. Thế bọn mình sẽ *là* gì?"

Im lặng một thoáng. Đèn pha của những chiếc xe đi ngược chiều lao qua chúng, sét để lại những dư ảnh trên nền mây, và sự im lặng gần như tuyệt đối.

“Tao cũng là Chiến Tranh có được không?” Ted Bự hỏi.

“Mày không thể là Chiến Tranh được. Làm sao mày là Chiến tranh được? Cô *ta* đã là Chiến Tranh rồi. Mày phải là cái khác.”

Mặt Ted Bự co rúm lại vì cố gắng suy nghĩ. “TTTT,” cuối cùng gã nói. “Tao là Thương Tích Trầm Trọng. Là tao đấy. Được chưa. Thế bọn mày sẽ là gì?”

“Tao là Rác được không?” Skuzz hỏi. “Hoặc Vấn đề Cá Nhân Đáng Xấu Hổ?”

“Không làm rác được,” Thương Tích Trầm Trọng nói. “Ô Nhiễm bao gồm cả cái đấy rồi. Mày là cái kia cũng được.”

Chúng đi tiếp trong im lặng và bóng tối, đèn hậu đỏ ối của Bộ Tứ ở trước mặt chúng vài trăm mét.

Thương Tích Trầm Trọng, Vấn Đề Cá Nhân Đáng Xấu Hổ, Pigbog, và Greaser.

“Tao muốn là Tàn Ác Với Động vật,” Greaser nói. Pigbog phân vân không biết nên phản đối hay ủng hộ. Nhưng cũng chẳng quan trọng.

Rồi đến lượt Pigbog.

“Tao… ờ, tao nghĩ tao sẽ là máy trả lời điện thoại tự động. Chúng tệ đấy chứ,” gã nói.

“Mày không thể là máy trả lời điện thoại tự động được. Tay nài Khải hiền kiểu gì thế? Nghe rõ ngớ ngẩn.”

“Không ngớ ngẩn!” Pigbog tự ái nói. “Cũng giống như Chiến Tranh, Nạn Đói và các thứ khác ấy. Đó là một thứ rắc rối trong cuộc sống, phải không? Máy trả lời điện thoại tự động. Tao ghét máy trả lời điện thoại tự động.”

“Tao cũng ghét,” Tàn Ác Với Động Vật nói.

“Mày im đi,” TTTT nói.

“Tao đổi được không?” Vấn Đề Cá Nhân Đáng Xấu Hổ nói, gã đã suy nghĩ rất lung từ nãy đến giờ. “Tao muốn là Các Thứ Không Hoạt Động Được Kể Cả Sau Khi Ta Đập Mạnh.”

“Được rồi, cho mày đổi. Nhưng *mày* không thể là máy trả lời điện thoại tự động được, Pigbog. Chọn cái gì khác đi.”

Pigbog ngẫm nghĩ. Gã thầm ước mình đã không gợi ra chuyện này. Giống như những buổi phỏng vấn công việc hồi gã còn đi học ấy. Gã đắn đo.

“Những kẻ cực ngầu,” cuối cùng gã nói. “Tao ghét đặc bọn đấy.”

“Những kẻ cực ngầu ấy à?” Các Thứ Không Hoạt Động Được Kể Cả Sau Khi Ta Đập Mạnh nói.

“Ừ. Mày biết đấy. Loại mày hay thấy trên tivi, tóc cắt ngớ ngẩn, nhưng với chúng nó thì nhìn không ngớ ngẩn vì đó là chúng nó. Chúng mặc đồ rộng thùng thình, nhưng mày không được gọi chúng là lũ ngu độn. Ý tao là, bản thân tao thì mỗi khi nhìn thấy một đứa như thế, tao luôn muốn ấn mặt nó thật chậm qua một hàng rào dây thép gai. Và tao nghĩ thế này.” Gã hít một hơi thật sâu. Gã dám chắc đây là bài diễn văn dài nhất đời mình. (*) “*Tao* nghĩ *thế này*. Nếu chúng làm tao sôi máu lên thế, thì chắc chúng cũng khiến tất cả mọi người khác sôi máu.”

“Ừ,” Tàn Ác Với Động Vật nói. “Và chúng đeo kính râm ngay cả khi không cần.”

“Ăn pho mát chảy, và uống thứ Bia Không Cồn chết giẫm ấy,” Các Thứ Không Hoạt Động Được Kể Cả Sau Khi Ta Đập Mạnh nói. “Tao ghét đặc loại đấy. Uống để làm gì nếu không được say đến nôn thốc nôn tháo? Này, tao mới nghĩ ra. Cho tao đổi lần nữa thành Bia Không Cồn được không?”

“Đừng có hòng,” Thương Tích Trầm Trọng nói. “Mày đã đổi một lần rồi.”

“Tóm lại,” Pigbog nói. “Vì thế tao muốn làm Những Kẻ Cực Ngầu.”

“Được,” gã cầm đầu nói.

“Sao tao lại không được làm Bia Không Cồn nếu tao muốn chứ.”

“Ngậm mồm vào.”

Chết Chóc, Nạn Đói, Chiến Tranh và Ô Nhiễm tiếp tục tiến về phía Tadfield.

Và Thương Tích Trầm Trọng, Tàn Ác Với Động Vật, Các Thứ Không Hoạt Động Được Kể Cả Sau Khi Ta Đập Mạnh Nhưng Thật Ra Là Bia Không cồn, Và Những Kẻ Cực Ngầu đi cùng họ.

Đó là một chiều thứ Bảy ẩm ướt và lộng gió, và bà Tracy đang cảm thấy hết sức huyền bí.

Bà mặc chiếc váy dài phồng, và một xoong đầy cải đang sôi trên bếp lò. Căn phòng được thắp sáng bằng nến, mỗi cây nến được cẩn thận cắm trong một chai rượu vang đóng đầy sáp ở bốn góc phòng khách của bà.

Có ba người khác tham dự buổi gọi hồn. Bà Ormerod đến từ công viên Belsize, đội một cái mũ màu lục sẫm mà kiếp trước có lẽ đã từng là một cái lọ hoa; ông Scroggie, gầy gò và xanh tái, với cặp mắt lồi vô hồn; và Julia Petley đến từ tiệm *Tóc Ngày Nay*,(*) tiệm làm đầu trên Phố Chính, mới ra trường và đoán chắc là mình cũng có những đáy sâu huyền bí chưa được thăm dò. Để nhấn mạnh nét huyền bí này, Julia đã bắt đầu đeo rất nhiều đồ trang sức bạc chạm tay và tô mắt xanh lét. Cô ta nghĩ mình có vẻ hao mòn lãng mạn như bị ma ám, và cô ta có thể như thế thật, nếu giảm bớt mười lăm kí. Cô ta tin rằng mình mắc chứng biếng ăn, vì mỗi lần nhìn vào gương quả thực cô ta đều thấy một người béo.

“Các vị nắm tay nhau được không?” bà Tracy nói. “Và chúng ta phải im lặng hoàn toàn. Thế giới tâm linh rất nhạy cảm với tiếng động.”

“Bà hỏi xem ông Ron nhà tôi có đấy không,” bà Ormerod nói.

Bà ta có quai hàm như viên gạch.

“Được, bà bạn ạ, nhưng bà phải im lặng trong lúc tôi tìm cách liên lạc.”

Im lặng bao trùm, chỉ bị phá vỡ bởi tiếng dạ dày ông Scroggie sôi réo. “Xin lỗi các bà,” ông ta lầm bầm.

Sau nhiều năm Vén màn và Khám phá Bí ẩn, bà Tracy đã phát hiện ra rằng hai phút là quãng thời gian thích hợp để ngồi trong

im lặng, chờ đợi Thế giới Tâm linh lên tiếng. Dài hơn thì khách hàng sẽ sốt ruột, còn ngắn hơn thì họ sẽ cảm thấy tiền họ bỏ ra là không đáng.

Bà vừa ngồi vừa nhẩm lại danh sách đi chợ.

Trứng. Xà lách. Một miếng pho mát nấu. Bốn quả cà chua. Bơ. Một cuộn giấy vệ sinh. Không được quên, nhà sắp hết rồi. Và một miếng gan thật ngon cho ông Shadwell, linh hồn già tội nghiệp, thật đáng tiếc...

Hết giờ.

Bà Tracy ngửa đầu ra, để đầu ngoẹo sang một bên vai, rồi lại từ từ ngẩng đầu lên. Mắt bà nhắm hờ.

"Bà ấy đang nhập hồn đấy," bà nghe thấy bà Ormerod thì thào với Julia Petley. "Không phải hốt hoảng. Bà ấy chỉ đang biến mình thành Cầu Nối tới Bên Kia thôi. Linh hồn dẫn đường của bà ấy sắp đến rồi đấy."

Bà Tracy thấy hơi bực mình vì bị cướp sân khấu, và bà thốt ra một tiếng rên trầm trầm. "Ôôôô ôôôôôôô."

Rồi, bằng giọng the thé, run rẩy, "Người đã đến chưa, hỡi Linh hồn Dẫn đường?"

Bà đợi một chút để tăng sự hồi hộp. Nước rửa bát. Hai hộp đậu hầm. À, cả khoai tây nữa.

"Chào?" bà nói bằng giọng người thổ dân da đỏ.

"Người đấy phải không, Geronimo?" bà tự hỏi mình.

"Chính ừm là ta, chào," bà trả lời.

"Chiều nay chúng ta có một thành viên mới đấy," bà nói.

"Chào, cô Petley," bà nói bằng giọng của Geronimo. Bà đã luôn biết rằng các linh hồn dẫn đường người da đỏ là một đạo cụ không thể thiếu, và bà khá thích cái tên ấy. Bà đã giải thích với Newt như vậy. Cậu nhận ra bà chẳng biết gì về Geronimo cả, và cậu không đang tâm cho bà biết điều đó.

"Ôi," Julia ré lên. "Rất hân hạnh được gặp ngài."

"Ông Ron nhà tôi có đây không, Geronimo?" bà Ormerod hỏi.

“Chào bà Beryl,” bà Tracy nói. “Ô ở đây có nhiều ừm các linh hồn lạc lối khốn khổ ừm đang xếp hàng ngoài ừm cửa lều của tôi. Có lẽ ông Ron nhà bà cũng có mặt trong số đó. Chào.”

Bà Tracy đã học được bài học này từ nhiều năm trước, ấy là không bao giờ cho Ron xuất hiện cho tới lúc gần cuối. Nếu không thì Beryl Ormerod sẽ chiếm hết phần còn lại của buổi gọi hồn để kể cho Ron Ormerod quá cố biết mọi chuyện đã xảy ra từ sau lần trò chuyện gần đây nhất của họ (“... Ron, ông còn nhớ không, con bé út nhà thằng Eric, con Sybilla ấy, giờ ông chẳng nhận ra nó được đâu, nó đã chuyển sang đan móc, còn con Letitia, ông biết đấy, con cả nhà con Karen ấy, thì là đồng tính rồi nhưng bây giờ như thế không sao, và nó đang viết luận văn về phim của Sergio Leone theo góc nhìn nữ quyền, còn thằng Stan, ông biết đây, thằng sinh đôi nhà con Sandra ấy, lần trước tôi đã kể ông nghe về nó rồi đây, ờ, nó đã thắng giải phi tiêu, giỏi quá phải không vì cả nhà cứ nghĩ nó chỉ biết bám váy mẹ, còn cái máng xối trên mái nhà kho bị lỏng ra rồi, nhưng tôi đã dặn thằng chồng mới nhất của con Cindi, nó là thợ xây khoán, và chủ nhật nó sẽ ghé qua xem sao, và, a, nói đến đây tôi mới nhớ ra...”)

Không, cứ để Beryl Ormerod đợi. Có một tia chớp, và gần như ngay sau đó là một tiếng sấm rền từ xa vẳng lại. Bà Tracy thấy khá tự hào, như thể chính bà đã tạo ra sấm chớp ấy. Sấm chớp còn có ích hơn cả nến trong việc tạo ra *khí quyển*. *Khí quyển*(*) là điều tối quan trọng trong việc gọi hồn.

“Nào,” bà Tracy nói bằng giọng của chính mình. “Ông Geronimo muốn biết có ai tên Scroggie ở đây không?”

Cặp mắt ươn ướt của ông Scroggie sáng lên. “Ờm, là tên tôi đây,” ông ta khấp khởi nói.

“Được, ở đây có người muốn nói đôi lời với ông đây.” Ông Scroggie đã đến cả tháng nay rồi, và bà vẫn chưa nghĩ được lời nhắn gì cho ông ta. Giờ đã đến lúc. “Ông có biết ai tên là, ừm, John không?”

“Không,” ông Scroggie đáp.

“Ờ, có chút thiên nhiễu đây. Có thể là Tom. Hoặc Jim. Hoặc, ừm, Dave.”

“Tôi có biết một ông Dave hồi ở Hemel Hempstead,” ông Scroggie nói, vẻ hơi hồ nghi.

“Đúng rồi, ông ấy đang nói là Hemel Hempstead, đúng thế đấy,” bà Tracy nói.

“Nhưng tuần trước tôi mới gặp ông ấy dắt chó đi dạo, nhìn còn khỏe mạnh lắm mà,” ông Scroggie bối rối nói.

“Ông ấy bảo đừng lo lắng gì, ông ấy hạnh phúc hơn khi ở bên kia bức màn,” bà Tracy vẫn chịu khó nói nốt, bà cảm thấy sẽ luôn tốt hơn nếu cho khách hàng của mình tin vui.

“Bảo ông Ron nhà tôi là tôi phải kể cho ông ấy nghe về đám cưới của con Krystal,” bà Ormerod nói.

“Được thôi, bà bạn. Đợi một chút, có gì đó đang đến đây…”

Và có gì đó đến thật. Nó ngồi trong đầu bà Tracy và ngó ra.

“Sprechen sie Deutsch?” *nó nói bằng miệng bà Tracy.* “Parlezvous Francrais? Wo bu hui jiang zhongwen?”

“Có phải ông đấy không, Ron?” bà Ormerod hỏi. Câu trả lời, khi vang lên, thì nghe có vẻ khá cáu kỉnh.

“Không. Chắc chắn là không rồi. Nhưng một câu hỏi ngớ ngẩn rành rành đến thế thì chỉ có thể được thốt lên ở một đất nước duy nhất trên cái hành tinh dốt nát này thôi - cái hành tinh mà, nhân tiện, tôi đã được tham quan gần hết trong mấy giờ đồng hồ vừa qua. Bà thân mến, tôi không phải là Ron.”

“Thế thì tôi muốn nói chuyện với Ron Ormerod,” bà Ormerod gắt gỏng nói. “Ông ấy thấp, đầu hói. Nối máy cho ông ấy được không?”

Im lặng một thoáng. “Thật ra có một linh hồn có hình dáng như vậy đang vơ vẩn cạnh đây. Thôi được. Tôi sẽ cho bà nói chuyện, nhưng phải nhanh lên nhé. Tôi đang cố ngăn Tận thế đây.”

Bà Ormerod và ông Scroggie liếc nhìn nhau. Chuyện tương tự thế này chưa bao giờ xảy ra ở các buổi gọi hồn trước đây của

bà Tracy. Julia Petley thì lại thích mê. Thế này mới đúng chứ. Cô ta hy vọng bà Tracy sẽ sắp sửa tiết ra cả huyền tương.

"A-a lô?" bà Tracy nói bằng giọng khác hẳn. Bà Ormerod giật bắn mình. Giọng nói đó giống hệt giọng ông Ron. Những lần trước, ông Ron đều có giọng giống bà Tracy.

"Ron, phải ông đấy không?"

"Phải, Buh-Beryl ạ."

"Được rồi. Tôi có nhiều chuyện muốn kể cho ông lắm. Đầu tiên là tôi đã đi dự đám cưới con Krystal thứ Bảy tuần trước, đứa lớn nhà con Marilyn ấy..."

"Buh-Beryl. Bà-bà ch-chẳng bao giờ ch-cho tôi xen vào lấy n-nửa lời l-lúc tôi còn sống. Gi-giờ tôi đã ch-chết rồi, thì chi-chỉ có một điều tôi muốn n-nói..."

Beryl Ormerod thấy hơi bực mình vì chuyện này. Trước kia, mỗi khi Ron hiện về, ông luôn nói với bà ta là ông hạnh phúc hơn ở bên kia tấm màn, và đang sống ở một nơi nghe như một căn nhà nghỉ thiên đường vậy. Giờ thì ông lại nói giống hệt Ron trước kia, và bà ta không dám chắc mình muốn như thế. Và bà ta nói điều vẫn luôn nói với chồng mỗi khi ông giở cái giọng đó ra với bà ta.

"Ron, nhớ là ông bị tim đấy."

"Tôi kh-không còn t-tim nữa. Nh-nhớ chứ? Mà, Buh-Beryl này...?"

"Vâng, Ron."

"*Im mồm hộ cái,*" *và linh hồn biến mất*. "Có cảm động không chứ? Được rồi, cảm ơn các bà và ông đây rất nhiều, tôi e là tôi có việc phải làm."

Bà Tracy đứng dậy, đi ra cửa, và bật đèn lên.

"Đi *ra!*" bà ra lệnh.

Các khách hàng gọi hồn của bà đứng dậy, hết sức bối rối, và trong trường hợp của bà Ormerod là vô cùng giận dữ, và họ đi ra hành lang.

“Bà sẽ biết tay tôi, Marjorie Potts,” bà Ormerod rít lên, áp chặt cái túi xách vào ngực, và đóng sầm cửa lại.

Rồi giọng nghèn nghẹt của bà ta vọng lại từ hành lang, “Và bà có thể bảo lão Ron nhà tôi là *lão ấy* cũng sẽ biết tay tôi!”

Bà Tracy (và cái tên trên tấm bằng lái xe tay ga của bà quả đúng là Marjorie Potts) vào bếp và tắt xoong cải luộc đi.

Bà đặt ấm đun nước. Bà tự pha cho mình một bình trà. Bà ngồi xuống bên bàn bếp, lấy ra hai cái tách, rót trà vào cả hai tách. Bà cho hai viên đường vào một tách trà. Rồi bà ngừng lại.

“Tôi xin phép không uống đường,” *bà Tracy nói*.

Bà đặt hai tách trà lên bàn trước mặt, và uống một hơi dài từ tách trà có đường.

“Được rồi,” bà nói bằng giọng mà bất cứ ai quen bà cũng có thể nhận ra là giọng của chính bà, dù họ sẽ không nhận ra vẻ giận dữ lạnh lùng trong đó. “Anh nên giải thích xem chuyện này là sao. Và đây nên là một lời giải thích hợp lý.”

◇

Một chiếc xe tải đã đổ hết hàng hóa trên thùng xuống đường cao tốc M6. Theo bản kê khai thì trên xe chỉ chở tôn sóng thôi, nhưng hai viên cảnh sát tuần tra thấy điều đó thật khó chấp nhận.

“Vậy điều tôi muốn biết là, chỗ cá này ở đâu ra?” viên trung sĩ hỏi.

“Tôi đã nói rồi mà. Chúng rơi từ trên trời xuống. Phút trước tôi còn đang lái xe với vận tốc chín mươi cây số một giờ, phút sau thì thịch! Một con cá hồi nặng cả năm cân đập xuyên qua kính chắn gió. Thế là tôi đánh tay lái sang bên, và trượt lên *cái đó*,” ông ta chỉ phần còn lại của một con cá mập đầu búa dưới gầm xe, “và đâm vào *cái đó*.” *Cái đó* là một đống cá cao mười mét, đủ hình thù và kích cỡ khác nhau.

“Trước đó anh có uống rượu không, thưa anh?” viên trung sĩ hỏi nhưng không có vẻ hy vọng gì lắm.

“Tất nhiên là không rồi, đồ đầu đất. Các anh cũng thấy đống cá, phải không?”

Trên đỉnh đống cá, một con bạch tuộc khá to lười nhác nhấc một xúc tu lên vẫy họ. Viên trung sĩ phải ngăn mình giơ tay lên vẫy lại.

Viên sĩ quan còn lại đang ngả người vào trong xe cảnh sát và nói vào điện đàm, “... tôn sóng và cá, làm ách tắc đường M6 đi về phía nam, cách giao lộ số mười khoảng tám trăm mét về phía bắc. Chúng ta sẽ phải chặn toàn bộ đường chiều đi về phía nam. Vâng.”

Mưa to gấp đôi. Một con cá hồi đốm nhỏ, không hiểu sao đã sống sót được sau cú rơi, liền bắt đầu kiên cường bơi về phía Birmingham.

◇

“Thật là tuyệt vời,” Newt nói.

“Tốt,” Anathema nói. “Ai cũng thấy mê ly.” Cô đứng lên khỏi sàn nhà, để quần áo vương vãi khắp thảm, và vào nhà tắm.

Newt nói to hơn. “Ý anh là, thật sự tuyệt vời ấy. Rất *rất* tuyệt vời. Anh đã mong là nó sẽ tuyệt vời, và đúng thật.”

Có tiếng nước chảy.

“Em làm gì thế?” cậu hỏi.

“Tắm.”

“À.” Cậu lơ mơ tự hỏi có phải tất cả mọi người sau khi làm chuyện đó đều phải tắm, hay chỉ có phụ nữ thôi. Và cậu nghi là bồn rửa vệ sinh có liên quan đâu đó.

“Anh bảo này,” Newt nói, khi Anathema ra khỏi nhà tắm, quấn mình trong một chiếc khăn tắm bông màu hồng. “Bọn mình có thể làm lại lần nữa.”

“Không,” cô nói, “bây giờ thì không.” Cô lau khô người, nhặt quần áo trên sàn lên, và, không hề bẽn lẽn, bắt đầu mặc chúng vào. Newt, người thà đợi nửa tiếng đồng hồ để có phòng thay đồ riêng ở bể bơi hơn là đối diện với khả năng phải cởi quần áo trước mặt một người khác, thấy hơi choáng váng và hết sức rộn ràng.

Các phần cơ thể cô cứ thoắt ẩn thoắt hiện, như bàn tay của một ảo thuật gia; Newt cố đếm núm vú của cô mà không được, nhưng cậu thấy cũng chẳng sao.

“Sao lại không?” Newt hỏi. Cậu định nói là sẽ không mất nhiều thời gian đâu, nhưng một giọng nói trong thâm tâm khuyên cậu không nên. Cậu đang lớn lên rất nhanh trong một thời gian ngắn.

Anathema nhún vai, một cử chỉ không dễ dàng gì khi ta đang mặc vào một cái chân váy đen tiện lợi. “Bà nói bọn mình chỉ làm có một lần này thôi.”

Newt mở miệng ra hai ba lần gì đó, rồi nói, “Làm gì có. Không đời nào. Bà ấy không thể tiên đoán cả *chuyện đó* được. Anh không tin.”

Anathema, đã mặc xong quần áo, đến bên hộp đựng thẻ, lấy một tấm, và đưa cho cậu.

Newt đọc nó, đỏ bừng mặt, và trả lại cho cô, môi mím chặt.

Không chỉ là chuyện Agnes đã biết và đã nói ra một cách rành rành như thế nào. Mà còn là vì trong suốt chiều dài lịch sử, nhiều thành viên của gia đình Device đã viết những câu động viên vào bên lề.

Cô đưa cho cậu cái khăn ẩm. “Đây,” cô nói. “Nhanh lên. Em phải làm bánh kẹp, rồi chúng ta phải sẵn sàng.”

Cậu nhìn cái khăn. “Cái này để làm gì?”

“Để anh tắm.”

À. Vậy là cả nam lẫn nữ đều phải tắm. Cậu hài lòng là đã giải quyết được vấn đề đó.

“Nhưng anh phải nhanh lên,” cô nói.

“Vì sao? Bọn mình phải ra khỏi đây trong vòng mười phút trước khi căn nhà phát nổ à?”

“À không. Bọn mình vẫn còn vài tiếng nữa. Chỉ là em đã dùng gần hết nước nóng rồi. Trong tóc anh có nhiều vữa lắm.”

Trận bão thổi một luồng gió tàn quanh Nhà Hoa Nhài, và Newt, cầm cái khăn hồng, nhưng không còn bông nữa, phía trước mình một cách rất kín kẽ, nhích vào để đi tắm nước lạnh.

Trong giấc mơ của Shadwell, lão đang trôi nổi cao tít bên trên một bãi cỏ giữa làng. Giữa bãi cỏ là một đống củi và cành khô khổng lồ. Giữa đống củi là một cây cọc gỗ. Đàn ông, đàn bà và trẻ con đứng quanh bãi cỏ, mắt sáng rực, má ửng hồng, vẻ chờ đợi và phấn khích.

Đột nhiên có tiếng ồn ào: mười người đàn ông bước qua bãi cỏ, dẫn theo một người phụ nữ trung niên rất đẹp; hẳn hồi trẻ bà phải hấp dẫn lắm, và từ “tươi tắn” bỗng hiện ra trong tâm trí mơ màng của Shadwell. Đi trước bà là Binh nhì Săn Phù thủy Newton Pulsifer. Không, đó không phải là Newt: người này già hơn, và mặc đồ da màu đen. Shadwell hài lòng nhận ra bộ đồng phục thời xưa của một Thiếu tá Săn Phù thủy.

Người phụ nữ trèo lên giàn thiêu, đưa hai tay ra sau, và bị trói vào cột. Giàn thiêu được đốt. Bà lên tiếng với đám đông, nói gì đó, nhưng Shadwell đang ở cao quá nên không nghe được. Đám đông vây quanh bà.

Một mụ phù thủy, Shadwell thầm nghĩ. Họ đang thiêu một mụ phủ thủy. Cảnh tượng đó khiến lão ấm lòng. Phải như thế mới đúng. Mọi việc phải xảy ra như thế.

Chỉ có điều...

Giờ bà ngước lên nhìn thẳng vào lão và nói, “Cả lão cũng vậy, lão già ngớ ngẩn ạ. “

Chỉ có điều bà sẽ chết. Bà sẽ chết cháy. Và, trong giấc mơ, Shadwell nhận ra đó là một cách chết thật khủng khiếp.

Lửa liếm cao hơn.

Và người phụ nữ ngước lên. Bà vẫn đang nhìn thẳng vào lão, dù lão vô hình, và bà đang mỉm cười.

Rồi tất cả nổ bùm.

Một tiếng sấm rền.

Chỉ là tiếng sấm thôi, Shadwell nghĩ khi lão thức dậy, với cái cảm giác không thể rũ bỏ là ai đó vẫn đang nhìn lão chằm chằm.

Lão mở mắt, và mười ba con mắt thủy tinh dõi theo lão từ các ngăn giá trong khuê phòng của bà Tracy, nhìn ra từ các khuôn mặt nhồi bông đủ kiểu.

Lão nhìn đi nơi khác và bắt gặp mắt ai đó đang chăm chú nhìn lão. Đó là chính lão.

Trời ơi, lão kinh hoàng thầm nghĩ. Ta đang gặp cảnh hồn-lìa-khỏi-xác, ta đang nhìn thấy chính mình, lần này thì ta toi đời rồi...

Lão cuống cuồng quẫy đạp chân tay để với lấy thân xác của chính mình, và rồi, như những chuyện này vốn thường xảy ra, góc nhìn trở nên rõ ràng.

Shadwell bình tĩnh lại và tự hỏi ai lại đi lắp gương trên trần phòng ngủ. Lão bối rối lắc đầu.

Lão trèo xuống giường, đi ủng vào, rồi thận trọng đứng dậy. Còn thiếu cái gì đó. Một điếu thuốc. Lão thọc tay vào sâu trong túi quần, rút ra một hộp thuốc lá, và bắt đầu cuốn một điếu.

Lão đã mơ, lão biết vậy. Shadwell không nhớ giấc mơ, nhưng nó khiến lão thấy bồn chồn, dù nó là gì đi nữa.

Lão châm điếu thuốc. Và lão nhìn thấy tay phải mình: vũ khí tối thượng. Thiết bị tận thế. Lão chỉ một ngón tay vào con gấu bông chột mắt trên bệ lò sưởi.

"Pằng," lão nói, và bật ra một tiếng cười khô khốc. Lão không quen cười, và lão bắt đầu ho, nghĩa là lão đã về được đất của lão. Lão muốn uống gì đó. Một lon sữa đặc ngọt lịm.

Chắc bà Tracy sẽ có.

Lão bước thình thịch ra khỏi khuê phòng của bà và tiến vào bếp.

Bên ngoài căn bếp nhỏ, lão đứng lại. Bà đang nói chuyện với ai đó. Một người đàn ông.

"Thế anh muốn tôi làm gì về việc đó?" bà đang hỏi.

"Hừ, đúng là mụ nặc nô," Shadwell lầm bầm. Rõ ràng là bà đang có một vị khách nam giới trong bếp.

"Nói thật, bà thân mến ạ, kế hoạch của tôi vào lúc này bắt buộc phải linh động."

Shadwell khiếp đảm. Lão lao qua tấm màn nhựa, hét lên, "Tội lỗi của Sodom và Gomorrah! Dám lợi dụng một mụ đàn bà yếu đuôi! Hãy bước qua xác ta đã!"

Bà Tracy ngước lên và mỉm cười với lão. Trong phòng không có ai khác cả.

"Hắn đâu rồi?" Shadwell hỏi.

"Ai cơ?" bà Tracy hỏi lại.

"Một tên bóng miền Nam nào đó," lão nói. "Ta đã nghe thấy giọng hắn mà. Hắn đang ở đây, dụ dỗ bà. Ta đã nghe thấy mà."

Miệng bà Tracy mở ra, và một giọng nói lên tiếng, "Không chỉ là Một Tên Bóng miền Nam nào đó đâu, Trung sĩ Shadwell ạ. Mà chính là Tên Bóng miền Nam ĐÓ đây."

Shadwell đánh rơi điếu thuốc. Lão vươn tay ra, hơi run run, và chỉ tay vào bà Tracy.

"Quỷ dữ," lão khàn khàn nói.

"Không," *bà Tracy nói bằng giọng của quỷ dữ*. "Tôi biết ông đang nghĩ gì, Trung sĩ Shadwell ạ. ông đang nghĩ là cái đầu này sắp quay vòng tròn và tôi sẽ nôn ra xúp đậu. Không đâu. Tôi không phải là quỷ. Và tôi muốn ông lắng nghe điều tôi phải nói."

"Tên quỷ kia, im đi," Shadwell ra lệnh. "Ta sẽ không nghe những lời dối trá của mi. Mi có biết *đây* là gì không? Một bàn tay. Bốn ngón tay. Một ngón cái. Nó đã diệt được một tên đồng bọn của mi sáng nay rồi. Giờ mi mau mau xéo khỏi tâm trí của người đàn bà tử tế này, không thì ta sẽ thổi bay mi đến ngày Tận thế."

"Vấn đề là ở đó đấy, ông Shadwell ạ," bà Tracy nói bằng giọng của chính mình. "Ngày tận thế. Nó sắp đến rồi. Anh Aziraphale

đang kể cho tôi nghe về chuyện đó. Giờ thì đừng làm một ông già ngớ ngẩn nữa, ông Shadwell, hãy ngồi xuống và uống trà, rồi anh ấy cũng sẽ giải thích cho ông nghe."

"Ta sẽ không bao giờ nghe lời xu nịnh xấu xa của hắn, mụ đàn bà kia," Shadwell nói.

Bà Tracy mỉm cười với lão. "Đúng là ông già *ngớ ngẩn*," bà nói. Lão chẳng thể làm gì khác được.

Lão đành ngồi xuống.

Nhưng lão vẫn giơ nguyên cánh tay.

Những tấm biển lắc lư trên đầu báo là đường cao tốc đi về phía nam đã bị chặn, và một rừng cọc tiêu màu cam đã mọc lên để chỉ đường cho xe cộ đi sang một làn mượn tạm của đường đi về phía bắc. Các tấm biển khác hướng dẫn xe cộ hạ tốc độ xuống còn năm mươi cây số giờ. Xe cảnh sát dắt các lái xe đi quanh như những con chó chăn cừu kẻ sọc đỏ.

Bốn tay lái xe máy bỏ qua các biển báo cũng như những cọc tiêu và xe cảnh sát, mà tiếp tục đi xuôi đường cao tốc M6 hướng về phía nam giờ đã trống trơn. Bốn tay lái xe máy khác, đi ngay sau họ, thì chậm lại một chút.

"Bọn mình có nên, ờ, dừng lại không nhỉ?" Những Kẻ Cực Ngầu hỏi.

"Ờ. Có thể có tai nạn liên hoàn," Giẫm Phải Cứt Chó (trước kia là Tất Cả Dân Nước Ngoài Nhất Là Bọn Pháp, trước kia là Các Thứ Không Hoạt Động Được Kể Cả Sau Khi Ta Đập Mạnh, chưa bao giờ thực sự là Bia Không Cồn, đã từng là Các Vấn đề Cá Nhân Đáng Xấu Hổ trong một thời gian ngắn, trước kia là Skuzz) nói.

"Chúng ta *cũng* là Tứ Kỵ sĩ Khải huyền," TTTT nói. "Họ làm gì chúng ta làm nấy. Chúng ta đi theo họ."

Chúng đi về phía nam.

“Sẽ là một thế giới chỉ dành cho bọn mình,” Adam nói. “Những người khác cứ làm mọi thứ rối tung hết cả, nhưng bọn mình có thể xóa bỏ hết và bắt đầu lại từ đầu. Thế có *tuyệt* không chứ?”

◇

“Tôi tin là ông biết rõ kinh Khải huyền chứ?” *bà Tracy nói bằng giọng của Aziraphale.*

“Ừ,” Shadwell đáp, dù thực ra lão chẳng biết gì. Hiểu biết về Kinh Thánh của lão bắt đầu và kết thúc với kinh Xuất hành, chương hai mươi hai, khổ mười tám, đoạn nói về Phù thủy, việc chớ để chúng sống, và tại sao. Có lần lão đã liếc sang khổ mười chín, đoạn nói về những kẻ nằm cùng thú vật sẽ bị xử tử, nhưng lão cảm thấy việc đó ở ngoài quyền phán xét của mình.

“Vậy ông đã nghe nói đến Kẻ Chống Chúa rồi chứ?”

“Ừ,” Shadwell nói, lão đã xem một bộ phim giải thích hết về cái đó. Gì đó liên quan đến chuyện các tấm kính rơi từ sau xe tải xuống và chặt băng đầu mọi người,[(*)] theo lão nhớ là vậy. Chẳng có phù thủy gì cả. Chưa xem được quá nửa thì lão đã ngủ gật.

“Kẻ Chống Chúa hiện đang tồn tại trên Trái đất, ngay lúc này đây, Trung sĩ ạ. Hắn đang đem đến Ngày Tận thế, Ngày Phán Xử, dù chính hắn cũng không biết điều đó. Thiên đường và Địa ngục đều đang chuẩn bị giao chiến, và sẽ rất lộn xộn đấy.”

Shadwell chỉ ậm ừ.

“Thật ra tôi không được phép trực tiếp hành động trong chuyện này, Trung sĩ ạ. Nhưng tôi dám chắc ông có thể hiểu rằng sự tận diệt sắp đến của thế giới là một việc mà không con người biết lẽ phải nào sẽ cho phép xảy ra. Tôi nói đúng chứ?”

“Ừ. Chắc vậy,” Shadwell nói, nhấp một ngụm sữa đặc từ cái lon gỉ sét mà bà Tracy đã lục thấy dưới bồn rửa.

“Vậy thì chỉ có một việc duy nhất để làm thôi. Và ông là người duy nhất tôi có thể trông cậy. Kẻ Chống Chúa phải bị tiêu diệt,

Trung sĩ Shadwell. Và ông phải làm việc đó."

Shadwell cau mày. "Chuyện đó thì ta không biết," lão nói. "Đội quân Săn Phù thủy chỉ giết phù thủy thôi. Đó là một trong các điều luật. Và quỷ và yêu tinh nữa, tất nhiên."

"Nhưng, nhưng Kẻ Chống Chúa còn hơn là một phù thủy nữa. Hắn... hắn là phù thủy TỐI CAO. Không ai có thể phù thủy bằng hắn."

"Liệu tống khứ hắn có khó hơn tống khứ, nói ví dụ, một tên quỷ không?" Shadwell hỏi, mặt rạng rỡ dần lên.

"*Không khó hơn nhiều lắm*," Aziraphale nói, để tống khứ quỷ y chẳng bao giờ phải làm gì ngoài việc nói bóng nói gió thật rõ là y, Aziraphale, có việc cần làm, và chẳng phải đã muộn lắm rồi sao? Và Crowley đã luôn hiểu điều y ám chỉ.

Shadwell nhìn xuống bàn tay phải của mình, và mỉm cười. Rồi lão ngần ngừ.

"Kẻ Chống Chúa này... hắn có bao nhiêu núm vú?"

Mục đích biện hộ cho hành động, Aziraphale thầm nghĩ. Và con đường xuống Địa ngục được lát đầy mục đích tốt.(*) Nghĩ vậy, y liền nói dối một cách vui vẻ và đầy thuyết phục: "*Cả đống, cả mớ. Ngực hắn đầy núm vú... hắn khiến nữ thần Diana xứ Ephesus*(*) *nhìn như không có núm vú nào ẩy.*"

"Ta chả biết bà Diana của ngươi là ai cả," Shadwell nói, "nhưng nếu hắn là phù thủy, mà nghe có vẻ đúng thật, thì, với tư cách là trung sĩ của ĐQSPT, ta xin sẵn sàng phục vụ."

"Tốt," Aziraphale nói thông qua bà Tracy.

"Tôi không dám chắc về chuyện giết chóc này," chính bà Tracy nói. "Nhưng nếu phải chọn giữa người này, Kẻ Chống Chúa này, với tất cả mọi người khác, thì tôi đoán là chúng ta không còn lựa chọn nào."

"Chính xác, bà thân mến," *bà đáp lại*. "Nào, Trung sĩ Shadwell. Ông có vũ khí không?"

Shadwell đưa tay trái xoa xoa tay phải, co duỗi nắm tay. "Có," lão đáp. "Ta có." Và lão đưa hai ngón tay lên môi rồi khẽ thổi.

Im lặng một thoáng. "*Tay ông ấy à*?" Aziraphale hỏi.

"Phải. Nó là một món vũ khí khủng khiếp. Nó đã xử ngươi, tên quỷ dữ kia, phải không?"

"Ông có cái gì, ờ, ra tấm ra món hơn không? Dao găm Vàng của Meggido thì sao? Hay Thanh đao của Kali cũng được?"

Shadwell lắc đầu. "Ta có mấy cái ghim," lão gợi ý. "Và khẩu Thần công của Đại tá Săn Phù thủy Người-Không-Được-Ăn-Tiết-Con-Vật-Nào-Cũng-Như-Dùng-Bùa-Phép-Hoặc-Xem-Giờ Dalrymple... Ta có thể nạp đạn bạc vào đó."

"Đó là cho ma sói, tôi tin là vậy," *Aziraphale nói*.

"Tỏi thì sao?"

"Ma cà rồng."

Shadwell nhún vai. "Ờ, mà ta cũng chả có đạn sang chảnh gì đâu. Nhưng khẩu Thần công có thể bắn được bất kỳ cái gì. Để ta đi lấy."

Lão lệt sệt đi ra, vừa đi vừa nghĩ, ta cần một vũ khí khác làm gì? Ta đã có bàn tay này rồi.

"Giờ thì, bà thân mến," *Aziraphale nói*. "Tôi tin là bà có một phương tiện đi lại đáng tin cậy chứ."

"Ồ vâng," bà Tracy nói. Bà ra góc bếp, cầm lên một cái mũ bảo hiểm màu hồng, trên có vẽ hình một bông hoa hướng dương màu vàng, đội nó vào, cài dây dưới cằm. Rồi bà lục lọi trong một cái tủ, lôi ra ba, bốn trăm túi nylon đi chợ và một đống báo địa phương đã ố vàng, rồi một cái mũ bảo hiểm bụi bặm màu xanh neon có chữ TAY LÁI LỤA[(*)] trên đỉnh, một món quà mà cô cháu Petula đã tặng bà từ hai mươi năm trước.

Shadwell, khi quay lại với khẩu Thần công vác trên vai, trố mắt nhìn bà vẻ không tin nổi.

"Tôi không biết ông đang nhìn gì, ông Shadwell," bà bảo lão. "Xe đang đậu ở trên đường dưới nhà." Bà đưa cho lão cái mũ bảo hiểm. "Ông phải đội mũ vào. Luật mà. Tôi nghĩ hình như không được phép chở ba trên xe tay ga, dù hai trong số ba người đang, ờ, chung nhau. Nhưng đây là trường hợp khẩn cấp. Và tôi chắc

chắn ông sẽ được an toàn thôi, Nếu ông ôm tôi thật chặt." Và bà mỉm cười. "Thế có vui không nào?"

Shadwell tái mặt, lầm bầm gì đó không nghe rõ, và đội cái mũ bảo hiểm xanh vào.

"Ông nói gì thế, ông Shadwell?" bà Tracy liếc nhìn lão sắc lẹm.

"Ta bảo, cầu cho quỷ sứ đập bể ruột mụ với cái xẻng đào huyệt của lão," Shadwell nói.

"Nói thứ ngôn ngữ như thế là đủ rồi đấy, ông Shadwell," bà Tracy nói, rồi bà dẫn lão ra hành lang và xuống cầu thang lên Phố Chính ở Crouch End, nơi một chiếc xe tay ga cổ lỗ sĩ đang đợi để chở hai người bọn họ, ờ, thôi cứ cho là ba người bọn họ, lên đường.

Chiếc xe tải chắn ngang đường. Và đống tôn sóng chắn ngang đường. Và một đống cá cao mười mét chắn ngang đường. Đó là một trong những con đường bị chặn hiệu quả nhất mà viên trung sĩ đã từng thấy.

Mưa cũng không giúp ích gì.

"Có biết khi nào xe ủi sẽ đến không?" ông ta hét vào điện đàm.

"Chúng tôi đang *roẹt* cố hết *roạt*," tiếng trả lời vang lên.

Ông ta cảm thấy có gì đó giật giật gấu quần mình, và nhìn xuống.

"Tôm hùm?" ông ta nhảy cẫng một cái, rồi bật lên và hạ cánh trên nóc xe cảnh sát. "Tôm hùm," ông ta nhắc lại. Có độ ba mươi con, có những con phải dài hơn năm chục phân. Phần lớn chúng đang bò ngược lên đường cao tốc; nửa tá đã dừng lại để ngó nghiêng chiếc xe cảnh sát.

"Có gì không ổn sao, trung sĩ?" viên sĩ quan hỏi, anh này đang ghi lại các thông tin của tài xế xe tải trên làn xe đỗ.

"Chỉ là tôi không thích tôm hùm thôi," viên trung sĩ lầm lầm nói, nhắm nghiền mắt. "Làm tôi nổi mề đay. Quá nhiều chân.

Tôi sẽ ngồi trên này một lát, khi nào chúng đi hết thì cho tôi biết nhé."

Ông ta ngồi trên nóc xe, dưới màn mưa, và cảm thấy nước mưa ngấm vào đũng quần.

Có một tiếng rền trầm trầm. Sấm ư? Không. Tiếng ấy đều đều, và đang tiến lại gần hơn. Xe máy. Viên trung sĩ mở một mắt ra.

Lạy Chúa!

Có bốn chiếc xe, và chúng đang lao đi với vận tốc phải gần hai trăm cây số một giờ. Ông ta đang định trèo xuống để vẫy họ, quát lên, bảo họ đi chậm lại, nhưng họ đã lướt qua ông ta, lao thẳng về phía chiếc xe tải bị lật.

Viên trung sĩ không thể làm gì được. Ông ta lại nhắm nghiền mắt, lắng nghe tiếng va chạm. Ông ta có thể nghe thấy mấy chiếc xe đang lại gần hơn. Rồi:

Vút.

Vút.

Vút.

Và một giọng nói vang lên trong đầu ông ta, TA SẼ BẮT KỊP CÁC VỊ SAU.

("Bọn mày *thấy* không?" Những Kẻ Cực Ngầu nói. "Họ bay vù qua nó!"

"Cha mẹ ơi!" TTTT nói. "Nếu họ làm được thì chúng ta cũng làm được!")

Viên trung sĩ mở mắt. Ông ta quay sang viên sĩ quan và mở miệng ra.

Viên sĩ quan nói, "Họ. Họ quả thực vậy. Họ đã bay qua..."

Bịch. Bịch. Bịch.

Bẹt.

Có một cơn mưa cá nữa, tuy ngắn hơn, và dễ giải thích hơn. Một cánh tay mặc áo da yếu ớt vẫy vẫy từ đống cá lớn. Một bánh xe máy xoay mòng mòng bất lực.

Đó là Skuzz, đang nửa mê nửa tỉnh, tự nhủ là nếu có một điều gã ghét hơn cả bọn Pháp thì đó là bị ngập đến cổ trong cá với cái chân có cảm giác đã bị gãy. Gã thực sự ghét điều đó.

Gã muốn cho TTTT biết về vai trò mới của mình; nhưng gã không nhúc nhích nổi. Thứ gì đó ướt nhẹp và trơn tuột trườn lên một ống tay áo gã.

Sau đó, khi họ đã kéo gã ra khỏi đống cá, và gã thấy ba gã bạn, với chăn phủ trên đầu, thì gã nhận ra đã quá muộn để có thể nói với chúng điều gì.

Chính vì thế mà chúng mới không được nhắc đến trong cuốn kinh Khải huyền mà Pigbog cứ lải nhải nói mãi. Chúng không bao giờ đi được xa hơn trên cái cao tốc.

Skuzz lầm bầm gì đó. Viên trung sĩ nghiêng người xuống. "Đừng cố nói, con trai," ông ta nói. "Xe cứu thương sắp đến rồi."

"Nghe đây," Skuzz nói giọng khàn đặc. "Có điều quan trọng phải cho ông biết. Tứ Kỵ sĩ Khải huyền... đúng là bọn khốn, cả bốn tên."

"Anh ta mê sảng rồi," viên trung sĩ tuyên bố.

"Mê sảng cái quái gì. Tao là Người Ngập Trong Cá," Skuzz thều thào, rồi ngất xỉu.

Hệ thống giao thông của London phức tạp gấp hàng trăm lần so với tưởng tượng của bất kỳ ai.

Điều này không liên quan gì đến ảnh hưởng của quỷ dữ hay thiên thần. Nó liên quan đến địa lý, lịch sử, và kiến trúc.

Phần lớn thời gian nó tạo lợi thế cho mọi người, dù họ sẽ không bao giờ tin điều đó.

London không được thiết kế cho xe hơi. Thật ra, nó cũng chẳng được thiết kế cho con người nữa. Nó chỉ cứ thế xảy ra thôi. Điều này gây ra nhiều vấn đề, và các giải pháp được áp dụng lại trở thành các vấn đề tiếp theo, sau đó năm, mười, hoặc một trăm năm.

Giải pháp mới nhất là đường M25: một đường cao tốc phác thành một vòng tròn quanh thành phố. Cho tới giờ thì các vấn đề đã khá là cơ bản - những thứ đại loại như là nó đã lỗi thời từ trước khi họ xây xong, hay các vụ kẹt xe nối đuôi nhau thành vòng tròn, đại loại vậy.

Vấn đề hiện nay lại là nó không tồn tại; ít ra là không tồn tại theo ngôn ngữ không gian của con người. Dòng xe nối đuôi nhau, không nhận thức được điều này hoặc đang cố tìm đường khác để ra khỏi London, đã kéo vào đến tận trung tâm thành phố từ mọi hướng. Lần đầu tiên trong lịch sử, London đã hoàn toàn kẹt cứng. Cả thành phố là một vụ tắc đường khổng lồ.

Xe hơi, về lý thuyết, sẽ cho ta một cách thức đi lại cực nhanh. Ngược lại thì tắc đường lại cho ta một cách thức cực tuyệt để ngồi yên. Dưới màn mưa, trong bóng tối chạng vạng, trong khi xung quanh ta dàn giao hưởng còi xe ầm ĩ mỗi lúc một to và sốt ruột hơn.

Crowley đã ngấy nó đến tận cổ.

Hắn đã nhân cơ hội ấy đọc lại các ghi chép của Aziraphale và lật giở lại các lời tiên tri của Agnes Nutter, đồng thời suy nghĩ thật nghiêm túc.

Kết luận của hắn có thể được tóm lược như sau:

1. Tận thế đang xảy ra.

2. Crowley không thể làm gì được.

3. Chuyện đó sẽ xảy ra ở Tadfield. Hay ít ra là bắt đầu ở đó. Sau đó thì nó sẽ xảy ra ở *khắp mọi nơi*.

4. Crowley đang nằm trong sổ đen của Địa ngục.[(*)]

5. Aziraphale - theo như hắn đánh giá - thì đã bị loại khỏi phương trình.

6. Tất cả đều đen tối, ảm đạm và kinh khủng. Chẳng có ánh sáng nào ở cuối đường hầm cả - Nếu có chăng thì cũng chỉ là một đoàn tàu đang lao đến.

7. Chẳng thà hắn kiếm một cái nhà hàng nho nhỏ xinh xinh nào đó mà uống cho say bí tỉ, say quắc cần câu lên, trong lúc đợi

thế giới tận diệt.

8. Thế nhưng...

Và đến đây, tất cả những thứ ở trên đều thành vô nghĩa lý.

Bởi vì, sau tất cả, Crowley vẫn là kẻ lạc quan. Nếu có một niềm tin vững như bàn thạch đã giúp hắn vượt qua những thời kỳ khó khăn - hắn thoáng nghĩ đến hồi thế kỷ mười bốn - thì đó là sự chắc chắn hoàn toàn rằng hắn sẽ thoát nạn; rằng vũ trụ sẽ lo cho hắn.

Ừ thì Địa ngục đang căm ghét hắn. Ừ thì thế giới đang tận diệt, ừ thì Chiến tranh Lạnh đã kết thúc và Cuộc chiến Vĩ đại đang thực sự bắt đầu. Ừ thì những bất lợi hắn phải đối đầu đang chất đống ngất ngưởng hơn cả một xe tải đầy dân hippy đang phê cỏ Owlsley nguyên chất. Nhưng vẫn còn cơ hội.

Tất cả chỉ là vấn đề có mặt ở đúng chỗ vào đúng lúc mà thôi.

Đúng chỗ là ở Tadfield. Điều đó thì hắn chắc chắn; một phần là do cuốn sách, một phần là do một linh cảm khác: trên tấm bản đồ thế giới trong tâm trí Crowley, Tadfield đang giần giật như một cơn đau nửa đầu.

Đúng lúc là có mặt ở đó trước khi thế giới kết thúc. Hắn xem đồng hồ. Hắn có hai tiếng để đến Tadfield, mặc dù có lẽ bây giờ thì cả Thời gian cũng đang trôi một cách run rẩy.

Crowley ném cuốn sách lên ghế bên. Chó cùng đành rứt giậu vậy: hắn đã giữ chiếc Bentley không một vết xước suốt sáu mươi năm trời.

Thôi kệ mẹ.

Hắn đột ngột lùi xe, làm hỏng nặng đầu một chiếc Renault 5 màu đỏ phía sau, và phóng lên vỉa hè.

Hắn bật đèn lên và bấm còi.

Như vậy là đủ để cảnh báo cho bất kỳ khách bộ hành nào là hắn đang tới. Và nếu họ không kịp tránh đường thì... chà, vài tiếng nữa thì đằng nào cũng vậy. Có lẽ vậy. Có thể vậy.

“Hò dô,” Anthony Crowley nói, và cứ thế lái bừa đi.

Có sáu phụ nữ và bốn người đàn ông, mỗi người đều có một cái điện thoại cùng một tập giấy dày cộp, kín đặc tên và số điện thoại.

Bên cạnh mỗi số điện thoại là một dòng viết tay chú thích xem người được gọi có nhà hay không, số điện thoại hiện có được sử dụng hay không, và quan trọng nhất là liệu người nghe điện thoại có khao khát muốn dùng vật liệu cách nhiệt vách tường trong đời họ không.

Phần lớn họ đều không muốn.

Mười người kia ngồi đó, hết giờ này qua giờ khác, nịnh nọt, xin xỏ, hứa hẹn với những nụ cười giả tạo. Giữa các cuộc gọi, họ viết ghi chú, uống cà phê, và kinh ngạc ngắm mưa tuôn xuống cửa sổ. Họ vẫn giữ nguyên vị trí như dàn nhạc trên tàu Titanic vậy. Nếu không thể bán cửa sổ hai lớp trong thời tiết như thế này thì ta sẽ không bao giờ bán được.

Lisa Morrow đang nói, "... Giờ thì, nếu ông cho phép tôi nói nốt, thưa ông, vâng, tôi hiểu, thưa ông, nhưng nếu ông chi..." và rồi, khi thấy ông ta đã gác máy, cô ta nói, "Hừ, kệ thây ông, đồ mặt mẹt."

Cô ta cúp máy.

"Tôi vớ được một người đang tắm nữa," cô ta tuyên bố với các nhân viên tiếp thị qua điện thoại đồng nghiệp của mình. Cô ta đang dẫn đầu cuộc đánh cược Bắt Người ta Ra Khỏi Nhà tắm hằng ngày của văn phòng, và chỉ cần hai điểm nữa là thắng giải Cắt ngang Ân ái hằng tuần.

Cô ta quay số tiếp theo trên danh sách.

Lisa chưa bao giờ có ý định làm nhân viên tiếp thị qua điện thoại. Cái cô ta thực sự muốn là trở thành một ngôi sao lộng lẫy tầm quốc tế, nhưng điểm tốt nghiệp trung học của cô ta không đủ cao.

Nếu đã học hành chăm chỉ đủ để làm một ngôi sao lộng lẫy tầm quốc tế, hoặc phụ tá nha khoa (lựa chọn nghề nghiệp thứ hai của cô ta), hoặc thật ra là bất kỳ nghề gì ngoài một nhân viên

tiếp thị qua điện thoại trong cái văn phòng này, thì có lẽ cô ta đã có một cuộc sống dài hơn, và mãn nguyện hơn.

Có lẽ xét kỹ thì cũng sẽ không dài hơn lắm, vì dù sao hôm nay cũng là Ngày Tận thế, nhưng ít ra cũng thêm được vài tiếng.

Thật ra, tất cả những gì cô ta cần làm để được sống lâu hơn là đừng gọi vào số cô ta vừa quay, được ghi trên danh sách là nhà ở tại Mayfair của ông A. J. Cowlley theo truyền thống tốt đẹp của các danh sách đặt hàng qua thư đã được chuyền tay cả chục lần.

Nhưng cô ta đã quay số. Và cô ta đã đợi khi chuông đổ bốn lần. Rồi cô ta nói, "Chà, chán quá, lại là máy trả lời tự động", và bắt đầu đặt ống nói xuống.

Nhưng rồi có thứ gì đó trèo ra khỏi ống nghe. Một thứ gì đó rất to, và rất giận dữ.

Nhìn nó hơi giống một con dòi. Một con dòi khổng lồ, giận dữ, được tạo ra bởi hàng ngàn, hàng ngàn con dòi nhỏ xíu, tất cả đều quằn quại, gào thét, hàng triệu cái miệng dòi mở ra đóng vào trong điên giận, và mỗi cái trong số chúng đều đang gào lên "Crowley".

Nó ngừng gào. Lảo đảo mò mẫm, hình như đang nhìn xem nó đang ở đâu.

Rồi nó rữa ra.

Vật đó tan thành hàng ngàn con dòi xám quằn quại, chúng tràn ra trên thảm, bò lên bàn, bò lên khắp người Lisa Morrow và chín đồng nghiệp của cô ta; chúng tràn vào miệng, bò lên mũi, chui vào phổi họ; chúng đục vào da thịt, mắt, não, và nội tạng họ, vừa bò vừa tăng lên gấp bội, làm khắp phòng tràn ngập một đống hổ lốn toàn thịt nhờn nhầy. Cả đống bắt đầu dồn vào với nhau, rồi đông lại thành một sinh vật khổng lồ chiếm trọn căn phòng từ trần đến sàn, khẽ phập phồng.

Một cái miệng mở ra giữa đống thịt đó, những mẩu ươn ướt dính dấp bám vào cái-không-hẳn-là-môi, và Hastur nói, "Đúng cái tao cần."

Việc bị kẹt nửa giờ trong máy trả lời điện thoại tự động, chỉ có tin nhắn của Aziraphale làm bầu bạn, đã không khiến hắn vui

vẻ hơn.

Cũng giống như viễn cảnh phải báo cáo lại với Địa ngục và giải thích xem tại sao hắn về muộn nửa giờ, và quan trọng hơn, tại sao Crowley không đi cùng hắn.

Địa ngục không ưa những kẻ thất bại.

Nhưng điểm cộng là ít ra hắn cũng biết tin nhắn của Aziraphale là *gì*. Điều đó có lẽ cũng đủ để hắn được tiếp tục tồn tại.

Hắn tự nhủ, dù sao, nếu có phải đối mặt với cơn thịnh nộ có thể xảy ra của Hội đồng Hắc ám thì ít ra hắn cũng không phải làm vậy với cái bụng rỗng.

Một làn khói đặc quánh mùi lưu huỳnh tỏa khắp phòng. Khi làn khói tan, Hastur đã biến mất. Trong phòng chẳng còn gì ngoài mười bộ xương khô, đã bị róc hết thịt, và mấy vũng nhựa chảy, với vài mẩu kim loại lấp lánh đây đó, có lẽ đã từng là một bộ phận điện thoại. Làm phụ tá nha khoa thì tốt hơn nhiều.

Nhưng, nhìn vào mặt tươi sáng hơn, tất cả những điều này chỉ để chứng tỏ sự xấu xa chứa đựng mầm mống tự hủy diệt. Ngay lúc này đây, trên khắp đất nước, những người lẽ ra đã căng thẳng và bực bội hơn vì bị lôi ra khỏi một bồn nước tắm dễ chịu, hay phải nghe tên mình bị đọc sai, bỗng cảm thấy khá thư thái và dễ chịu. Kết quả từ hành động của Hastur là một làn sóng tốt đẹp hạng thấp đã truyền đi khắp dân chúng, và hàng triệu người lẽ ra sẽ bị bầm giập chút đỉnh trong tâm hồn đã tránh được việc đó. Vậy nên thế cũng tốt.

Bạn sẽ không thể nhận ra đó vẫn là chiếc xe cũ. Gần như không có phần nào là không bị móp. Cả hai đèn pha đều vỡ. Nắp capô đã biến từ lâu. Nhìn nó như cựu chiến binh của hàng trăm trận đua phá xe vậy.

Vỉa hè đã rất tệ. Hầm chui cho người đi bộ còn tệ hơn. Phần tệ nhất là băng qua sông Thames. Ít ra hắn còn biết lo xa kéo hết cửa sổ lên.

Dù sao hắn cũng đã đến đây rồi.

Chỉ vài trăm mét nữa là hắn sẽ lên đường M40; từ đó có thể gần như chạy thẳng đến Oxfordshire. Chỉ có một trở ngại duy nhất: một lần nữa, đường M25 lại chặn giữa Crowley và cao tốc rộng mở. Một dải băng rực sáng, gào thét đầy đau đớn và ánh sáng tối.(*) *Odegra*. Không thứ gì có thể đi qua đó mà sống sót.

Ít ra là không thứ gì phàm trần. Và hắn không dám chắc nó sẽ ảnh hưởng thế nào đến một tên quỷ. Nó không thể giết hắn, nhưng cũng sẽ chẳng dễ chịu gì.

Có một chốt chặn của cảnh sát trên cầu vượt trước mặt hắn. Xe cộ đổ nát cháy đen - một số vẫn còn đang cháy - làm bằng chứng cho số phận của những chiếc xe đã từng phải lái qua cầu vượt bắc trên con đường tối.

Đám cảnh sát nhìn không lấy gì làm vui vẻ.

Crowley chuyển xuống số hai và nhấn mạnh bàn đạp ga.

Hắn lao qua rào chắn với tốc độ chín mươi lăm cây số một giờ. Đó là phần dễ nhất.

Các vụ người tự bốc cháy thường được ghi lại trên khắp thế giới. Một phút trước ai đó còn đang vui vẻ sống; phút sau chỉ còn một bức ảnh đáng buồn chụp một đống tro và một bàn tay hoặc bàn chân đơn côi không hiểu vì sao lại không bị cháy. Còn các vụ xe cộ tự bốc cháy thì ít được biết đến hơn.

Cho dù số liệu có là gì thì chúng cũng vừa tăng thêm một.

Lớp da bọc ghế bắt đầu bốc khói. Nhìn thẳng về phía trước, Crowley loay hoay dùng tay trái lần tìm cuốn *Những Lời Tiên tri Tuyệt đích và Chuẩn xác của Agnes Nutter* trên ghế hành khách, chuyển nó sang vị trí an toàn trên lòng hắn. Hắn thầm ước bà đã tiên tri được *điều này*.(*)

Rồi lửa nuốt trọn chiếc xe.

Hắn phải tiếp tục lái.

Ở bên kia cầu vượt là một chốt chặn nữa để ngăn các xe cố vào London. Họ đang cười với nhau về một câu chuyện vừa được phát đi trên đài, về một cảnh sát đi xe máy đã dừng một chiếc xe

cảnh sát bị trộm, nhưng rồi khám phá ra tài xế là một con bạch tuộc lớn.

Một số đơn vị cảnh sát sẽ sẵn sàng tin bất kỳ điều gì. Nhưng cảnh sát Thủ đô thì không. Đơn vị Thủ đô là đơn vị cảnh sát cứng rắn, thực dụng đến cay độc, và thực tế đến bướng bỉnh nhất trên toàn nước Anh.

Phải là thứ gì khủng khiếp lắm thì mới khiến một viên cảnh sát Thủ đô chùn bước.

Phải là, ví dụ, một chiếc xe hơi khổng lồ, méo mó, gần như chỉ còn là một quả cầu lửa, một quả chanh kim loại vặn vẹo rừng rực, gầm thét của Địa ngục, được lái bởi một thằng điên đeo kính râm đang nhăn nhở cười, ngồi giữa đám lửa, kéo theo một luồng khói đen đặc, lao thẳng vào họ qua màn mưa quất gió quật, với tốc độ một trăm ba mươi cây số một giờ.

Một thứ như thế sẽ luôn khiến họ chùn bước.

Mỏ phấn là trung tâm bình lặng giữa một thế giới bão tố.

Sấm sét không chỉ rền vang trên đầu, chúng xé toạc không khí làm đôi.

“Tao có vài người bạn nữa sắp đến,” Adam nhắc lại. “Họ sẽ đến ngay thôi, và khi đó bọn mình có thể thực sự bắt đầu.”

Chó bắt đầu tru. Đó không còn là tiếng tru vang vọng của một con sói đơn độc nữa, mà là tiếng ư ử kỳ lạ của một con chó nhỏ đang gặp rắc rối lớn.

Từ nãy đến giờ Pepper cứ ngồi nhìn đầu gối.

Có vẻ con bé đang bận tâm điều gì đó.

Cuối cùng nó ngước lên và nhìn vào cặp mắt xám vô cảm của Adam.

“Thế mày sẽ lấy phần nào, Adam?” nó hỏi.

Cơn bão bị thay thế bởi một sự im lặng đột ngột, âm vang.

“Gì cơ?” Adam nói.

“Ờ, mày đang chia thế giới ra, đúng không, và mỗi đứa trong bọn đều được một phần… Thế mày sẽ lấy phần nào?”

Sự im lặng ngân lên như một cây đàn hạc, tiếng cao và mảnh.

“Ừ,” Brian nói. “Mày chưa bảo bọn tao là *mày* sẽ lấy phần nào.”

“Pepper nói đúng,” Wensleydale phụ họa. “Tao thấy là chẳng còn lại nhiều lắm, nếu bọn tao đã được tất cả các nước kia.”

Miệng Adam mở ra rồi lại ngậm vào.

“Gì cơ?” nó nói.

“Phần nào là của mày, Adam?” Pepper hỏi.

Adam trân trối nhìn con bé. Chó đã ngừng tru và đang hướng về chủ nhân với cái nhìn chăm chú, tư lự của một con chó lai.

“T-tao ấy à?” thằng bé nói.

Sự im lặng cứ kéo dài, dài mãi, một nốt ngân có thể nhấn chìm mọi âm thanh khác của thế giới.

“Nhưng tao sẽ có Tadfield,” Adam nói.

Cả bọn trố mắt nhìn nó.

“Và, và Tadfield Hạ, và Norton, và rừng Norton…”

Chúng vẫn nhìn không chớp.

Mắt Adam lê qua mặt cả bọn.

“Tao chỉ muốn có thế,” nó nói.

Chúng lắc đầu.

“Nếu tao muốn thì tao có thể lấy chúng mà,” Adam nói, giọng thoáng vẻ thách thức dằn dỗi, và trong vẻ thách thức đó có một thoáng hồ nghi chợt nảy ra. “Tao cũng có thể làm chúng tốt hơn. Cây trèo thích hơn, ao thích hơn…”

Giọng nó kéo dài rồi ngưng bặt.

“Mày không thể,” Wensleydale thẳng thừng nói. “Chúng không giống nước Mỹ và mấy chỗ kia. Chúng thật sự *thật*. Mà hơn nữa, chúng thuộc về cả bọn. Chúng là của tất cả bọn mình.”

“Và mày không thể làm chúng tốt hơn được,” Brian nói.

“Mà nếu mày có làm thì bọn tao cũng sẽ biết,” Pepper nói.

“À, nếu bọn mày chỉ băn khoăn về chuyện đó thì đừng lo,” Adam ung dung nói, “vì tao có thể khiến bọn mày làm bất kỳ điều gì tao muốn…”

Nó ngừng bặt, tai nó kinh hoàng lắng nghe những lời mà miệng nó đang thốt ra. Bọn chúng đang lùi ra xa.

Chó đưa hai chân trước lên ôm đầu.

Mặt Adam nhìn như hiện thân cho sự sụp đổ của cả một đế quốc.

“Không,” nó nói giọng khàn đặc. “Không. Quay lại! Tao *ra lệnh cho bọn màyì*”

Chúng ngừng lại giữa chừng.

Adam nhìn trân trối.

“Không, tao không có ý đó…” nó mở lời. “Bọn mày là bạn tao…”

Người nó giật nẩy lên. Đầu nó ngật ra sau. Nó giơ tay và nện nắm đấm lên trời.

Mặt nó rúm ró lại. Nền đá phấn nứt ra dưới đế giày nó.

Adam mở miệng và thét lên. Đó là một âm thanh mà một cổ họng phàm trần thông thường lẽ ra không thể phát ra; tiếng thét vang ra khỏi mỏ phấn, hòa lẫn với cơn bão, khiến những đám mây cuộn thành những hình thù mới, khủng khiếp hơn.

Tiếng thét cứ kéo dài, dài mãi.

Nó vang vọng quanh khắp vũ trụ, vốn nhỏ hơn nhiều so với những gì các nhà vật lý tin. Nó làm các tinh cầu rung chuyển.

Nó nói lên sự mất mát, và nó không dừng lại suốt một thời gian rất dài.

Và rồi nó dừng lại.

Có gì đó rút đi.

Đầu Adam lại cúi xuống. Mắt nó mở ra.

Cho dù cái gì đã đứng trong mỏ phấn cũ lúc trước, thì giờ Adam Young cũng đang đứng đó. Một Adam Young hiểu biết hơn, nhưng vẫn là Adam Young. Có lẽ còn đích thực là Adam Young hơn cả trước kia.

Sự im lặng khủng khiếp trong mỏ phần được thay thế bởi một sự im lặng quen thuộc, dễ chịu hơn, chỉ đơn giản là sự thiếu vắng âm thanh.

Bọn Chúng được thả ra và co rúm bên vách đá phấn, mắt không rời thằng bé.

"Ổn cả rồi," Adam khẽ nói. "Pepper? Wensley? Brian? Quay lại đây đi. Ổn cả rồi. Ổn cả rồi. Giờ tao hiểu hết rồi. Và bọn mày phải giúp tao. Nếu không thì tất cả sẽ xảy ra. Tất cả sẽ thực sự xảy ra, nếu bọn mình không làm gì đó."

◇

Đường ống nước của Nhà Hoa Nhài rung rung lạch cạch, rồi trút lên Newt làn nước ngả màu nâu nâu xam xám. Nhưng nước lạnh. Có lẽ là trận tắm lạnh nhất Newt đã từng có trong đời.

Chẳng ích gì.

"Trời đỏ," cậu nói, khi từ nhà tắm đi ra. Cậu đang thấy hơi hoảng loạn. "Vào lúc bốn rưỡi chiều. Vào *tháng Tám*. Thế nghĩa là sao? Từ góc độ của các nhân viên hàng hải vui sướng ấy? Ý anh là, nếu trời đỏ ban chiều khiến thủy thủ vui sướng(*), thì cái gì sẽ đem niềm vui đến cho một người vận hành máy tính trên tàu chở dầu? Hay là người chăn cừu mới vui sướng vào đêm nhỉ? Anh chẳng bao giờ nhớ nổi."

Anathema liếc nhìn vữa trên tóc cậu. Cậu đã không gội sạch được nó; nước chỉ làm vữa ướt và loang ra, khiến Newt nhìn như thể đang đội một cái mũ trắng dính tóc.

"Chắc anh bị đập đầu mạnh lắm nhỉ," cô nói.

"Không, đó là khi anh bị đập đầu vào tường. Em biết đấy, lúc em..."

"Vâng." Anathema nhìn ra ô cửa sổ vỡ vẻ hơi giễu cợt. "Anh nghĩ bầu trời này có phải màu máu không nhỉ?" cô nói. "Chuyện đó rất quan trọng đấy."

“Không đâu,” Newt nói, dòng suy nghĩ của cậu tạm thời bị gián đoạn. “Không phải là màu máu thật sự. Hơi hồng hồng thì đúng hơn. Có lẽ là bão đã cuốn nhiều bụi lên không khí.”

Anathema đang lật giở qua các tập thẻ *Những Lời Tiên tri Tuyệt đích và Chuẩn xác*.

“Em đang làm gì thế?” cậu hỏi.

“Tham khảo chéo. Em vẫn không chắc…”

“Anh nghĩ em không cần bận tâm đâu,” Newt nói. “Anh biết phần còn lại của câu 3477 nghĩa là gì rồi. Anh đã nghĩ ra trong lúc…”

“Anh nói anh biết nó nghĩa là gì là sao?”

“Anh đã nhìn thấy trên đường đến đây. Và đừng quát như thế. Đầu anh đau lắm. Ý anh là anh đã nhìn thấy nó. Họ viết nó bên ngoài cái căn cứ không quân ở gần đây ấy. Chẳng liên quan đến đậu điếc gì đâu. Nó là ‘Hòa bình là Nghĩa vụ của chúng tôi’. Họ hay đề những câu như thế trên biển hiệu bên ngoài các căn cứ không quân. Em biết đấy: SAC Phi đội số 8657745, Những Con quỷ Xanh Gào thét, Hòa bình là Nghĩa vụ của chúng tôi. Đại loại thế.” Newt ôm đầu. Chắc chắn là cảm giác phởn phơ đang tan biến rồi. “Nếu Agnes nói đúng thì hẳn ở đó đang có một tên điên nào đó nạp các tên lửa và mở cửa sổ phóng. Hoặc cái gì tương tự.”

“Không, không có đâu,” Anathema quả quyết.

“Thế hả? Anh đã thấy trên phim! Cho anh biết một lý do tại sao em có thể chắc chắn như thế xem nào.”

“Ở đó không có bom. Hay tên lửa gì hết. Ai ở quanh đây chẳng biết điều đó.”

“Nhưng nó là căn cứ không quân! Nó có đường băng!”

“Đó chỉ là để cho máy bay vận tải và các thứ tương tự thôi. Ở đó họ chỉ có toàn thiết bị liên lạc. Điện đàm và các thứ đại loại vậy. Không có gì dễ nổ cả.”

Newt trố mắt nhìn cô.

Hãy nhìn Crowley, đang lao đi với tốc độ một trăm tám mươi cây số một giờ trên đường M40 hướng về Oxfordshire. Ngay cả người quan sát hững hờ một cách cương quyết nhất cũng phải nhận ra một số điều lạ lùng ở hắn. Hàm răng nghiến chặt là một ví dụ, hay quầng đỏ mờ phát ra từ sau cặp kính râm của hắn. Và chiếc xe nữa. Chiếc xe là một manh mối rõ rành rành.

Crowley đã bắt đầu cuộc hành trình trong chiếc Bentley, và hắn thà chịu nguyền rủa còn hơn là không kết thúc cuộc hành trình cũng trong chiếc Bentley. Ngay cả dân mê xe, kiểu có riêng cặp kính bảo hộ để lái xe, cũng không nhận ra nổi đó là một chiếc Bentley cổ. Không còn nữa. Họ thậm chí còn không thể nhận ra đó là một chiếc Bentley nữa cơ. Họ chỉ có thể đoán năm mươi-năm mươi là nó đã từng là một chiếc xe hơi.

Trước hết, trên xe chẳng còn lại tí sơn nào. Nó có thể vẫn còn màu đen, ở những chỗ nó không phải là màu nâu đỏ gỉ sét, loang lổ, nhưng đó là một màu than đen mờ đục. Nó đi giữa quả cầu lửa của riêng nó, như một khoang tàu vũ trụ đang có một chuyến trở về mặt đất cực kỳ khó khăn.

Còn một lớp mỏng cao su chảy đóng quanh vành kim loại của bánh xe, nhưng xét theo cách vành bánh xe không hiểu sao vẫn đang quay cách mặt đường chừng hai phân, thì việc này có lẽ không ảnh hưởng gì lắm đến hệ thống giảm xóc của xe.

Lẽ ra chiếc xe đã phải tan tành từ mấy cây số trước.

Chính việc gắng sức giữ chiếc xe nguyên vẹn đã khiến Crowley phải nghiến răng, và hồi tiếp từ không gian sinh học đã gây ra đôi mắt đỏ rực của hắn. Cộng thêm cả việc phải nhớ không được thở nữa.

Hắn chưa từng cảm thấy như thế này kể từ thế kỷ mười bốn.

Không khí trong mỏ phấn giờ đã thân thiện hơn, nhưng vẫn căng thẳng.

“Bọn mày phải giúp tao xử lý chuyện này,” Adam nói. “Mọi người đã cố gắng xử lý nó suốt hàng ngàn năm nay, nhưng bọn

mình phải xử lý nó ngay bây giờ."

Chúng sốt sắng gật đầu.

"Bọn mày thấy đấy, chuyện là," Adam nói, "chuyện là, nó giống như là… ờ, giống như là Johnson Bụng Mỡ ấy."

Bọn Chúng gật đầu. Chúng đều biết Johnson Bụng Mỡ và các thành viên của băng đảng kia ở Tadfield Hạ. Bọn kia lớn hơn và chẳng dễ ưa cho lắm. Gần như không có tuần nào trôi qua mà không có đụng độ.

"*Này*," Adam nói, "bọn mình luôn thắng, đúng không?"

"Gần như luôn luôn," Wensleydale nói.

"Gần như luôn luôn," Adam nói, "và…"

"Dù sao cũng là quá nửa," Pepper nói. "Vì, bọn mày nhớ không, có vụ lộn xộn vì bữa tiệc của người cao tuổi ở hội trường làng khi bọn mình…"

"Vụ đấy không tính," Adam nói. "Bọn nó cũng bị mắng không kém gì bọn mình. Mà người già lẽ ra phải *thích* nghe tiếng trẻ con chơi chứ, tao đã đọc được như thế ở đâu đấy, tao không hiểu sao bọn mình lại bị mắng chỉ vì vớ nhầm kiểu người già…" Nó ngừng lời. "Dù sao thì… bọn mình hơn chúng nó."

"Ồ, tất nhiên là bọn mình hơn chúng nó," Pepper nói. "Mày nói đúng. Bọn mình *hơn* chúng nó đứt đi rồi. Chỉ là không phải lúc nào mình cũng thắng."

"Thử giả dụ," Adam chậm rãi nói, "là bọn mình có thể thắng chúng nó hẳn hoi. Làm… làm chúng nó bị chuyển đi đâu đó. Đảm bảo là không còn băng nào khác ở Tadfield Hạ ngoài bọn mình nữa. Bọn mày nghĩ sao?"

"Sao, ý mày là nó sẽ… chết ấy à?" Brian hỏi.

"Không. Chỉ là… chỉ đi chỗ khác thôi."

Bọn Chúng ngẫm nghĩ về chuyện này. Johnson Bụng Mỡ đã là một phần của cuộc sống kể từ khi chúng đủ lớn để đập nhau bằng đầu tàu đồ chơi. Chúng cố chấp nhận cái ý tưởng về một thế giới thiếu bóng Johnson.

Brian gãi mũi. “Tao nghĩ sẽ rất tuyệt nếu không có Johnson Bụng Mỡ,” nó nói. “Có nhớ nó đã làm gì ở tiệc sinh nhật của tao không? *Thế mà* tao lại bị phạt.”

“Tao không biết nữa,” Pepper nói. “Ý tao là, sẽ không thú vị lắm nếu không có thằng Johnson Bụng Mỡ và băng của nó. Thử nghĩ mà xem. Bọn mình đã có nhiều trò rất vui với Johnson Bụng Mỡ và bọn Johnsonite. Bọn mình có thể sẽ phải tìm một băng khác.”

“*Tao* thì thấy là,” Wensleydale nói, “nếu bọn mày hỏi mọi người ở Tadfield Hạ, họ sẽ bảo sẽ tốt hơn nếu không có cả băng Johnsonite *lẫn* Bọn Chúng.”

Ngay cả Adam cũng có vẻ choáng với câu này. Wensleydale vẫn khăng khăng nói tiếp, “Câu lạc bộ người cao tuổi sẽ nói thế. Cả lão Picky nữa. cả...”

“Nhưng bọn mình là băng tốt...” Brian lên tiếng. Nó ngần ngừ. “Ờ, thôi được rồi,” nó nói, “nhưng tao dám cá là họ sẽ thấy đời bớt thú vị hơn nhiều nếu tất cả bọn mình không có ở đây.”

“Ừ,” Wensleydale nói. “Đấy chính là ý tao đấy.”

“Người quanh đây không muốn có bọn mình *hay* bọn Johnsonite,” thằng bé rầu rĩ nói tiếp, “cứ nhìn cái cách họ suốt ngày lải nhải về chuyện bọn mình đi xe đạp hoặc trượt ván trên vỉa hè nhà họ và quá ồn ào và đại loại thế. Giống như cái người trong sách sử ấy. Một cái biển lên cả hai nhà chúng mày![(*)]”

Câu này được đón nhận bằng im lặng.

“Một tấm biển xanh,” cuối cùng Brian nói, “đề chữ ‘Adam Young Đã Từng Sống Ở Đây’, kiểu thế hả?”

Bình thường một pha mào đầu như thế có thể kéo theo năm phút bàn bạc huyên thuyên Nếu Bọn Chúng đang có hứng, nhưng Adam cảm thấy bây giờ không phải lúc.

“Điều bọn mày muốn nói,” nó kết luận bằng chất giọng chủ tịch nhất của mình, “là sẽ không hay ho gì nếu bọn Johnson Bụng Mỡ thắng Bọn Chúng hoặc ngược lại, đúng không?”

“Đúng thế,” Pepper nói. “Bởi vì,” con bé thêm vào, “nếu bọn mình thắng chúng nó thì bọn mình sẽ phải là tử thù của chính

mình. Sẽ là tao với Adam đối đầu với Brian và Wensley." Con bé ngồi ngả ra. "Ai cũng cần một thằng Johnson Bụng Mỡ," nó nói.

"Ừ," Adam nói. "Tao cũng nghĩ thế. Ai thắng cũng sẽ chẳng hay ho gì. Tao cũng nghĩ thế đấy." Nó nhìn vào Chó chằm chằm, hoặc là nhìn xuyên qua Chó.

"Tao thấy cũng đơn giản đấy chứ," Wensleydale ngồi ngả ra nói. "Tao chả hiểu sao phải mất hàng ngàn năm mới xử lý được."

"Đó là bởi vì những người tìm cách xử lý chuyện đó là đàn ông," Pepper nói đầy ẩn ý.

"Sao mày cứ phải chọn phe nhỉ," Wensleydale nói.

"Tất nhiên tao phải chọn phe chứ," Pepper nói. "Ai cũng phải chọn phe trong một chuyện *gì đó*."

Adam có vẻ đã đi đến một quyết định.

"Đúng thế. Nhưng tao nghĩ mình có thể tự tạo phe. Tao nghĩ bọn mày nên đi lấy xe đạp đi," nó khẽ nói. "Tao nghĩ bọn mình nên đi nói chuyện với vài người."

Bịchbịchbịchbịchbịchbịch, chiếc xe tay ga của bà Tracy chạy xuống Phố Chính Crouch End. Nó là chiếc xe duy nhất đang di chuyển trên một con phố ngoại ô London kẹt cứng xe hơi, taxi, và xe buýt đỏ không thể nhúc nhích.

"Tôi chưa bao giờ thấy một vụ tắc đường như thế này," bà Tracy nói. "Không biết có phải có tai nạn không nhỉ."

"*Rất có thể*," Aziraphale nói. Rồi tiếp, "Ông Shadwell, nếu không chịu ôm lấy tôi thì ông sẽ ngã đấy. Cái xe này không thiết kế cho hai người đâu, ông biết đấy."

"Ba chứ," Shadwell lầm bầm, một tay bám vào yên xe chặt đến nỗi khớp đốt ngón tay trắng bệch ra, còn tay kia ôm khẩu Thần công.

"Ông Shadwell, tôi sẽ không nhắc lại lần nữa đâu."

"Thế thì bà phải dừng lại, để ta chỉnh lại món vũ khí của ta," Shadwell thở dài.

Bà Tracy cười khúc khích theo thói quen nghề nghiệp, nhưng bà vẫn dừng lại bên vỉa hè và tắt máy.

Shadwell chỉnh trang lại, miễn cưỡng vòng tay ôm lấy bà Tracy, trong khi khẩu Thần công được kẹp giữa họ như một người đi kèm.

Họ đi qua màn mưa mà không nói gì thêm mười phút nữa, *bịchbịchbịchbịchbịch*, trong khi bà Tracy cẩn thận luồn lách giữa các ô tô và xe buýt.

Bà Tracy thấy mắt mình cứ nhìn xuống công tơ mét - thật ngốc quá, bà thầm nghĩ, vì nó đã không hoạt động từ năm 1974, và trước đó nó cũng chẳng hoạt động tốt cho lắm.

"Bà thân mến, bà nghĩ chúng ta dang đi với tốc độ bao nhiêu?" *Aziraphale hỏi*.

"Vì sao?"

"Vì tôi thấy có lẽ chúng ta đi bộ có khi còn nhanh hơn."

"Nếu chỉ có mình tôi thì vận tốc tối đa là khoảng hai lăm cây số một giờ, nhưng với cả ông Shadwell nữa thì chắc là, chà, khoảng..."

"Bảy đến tám cây số một giờ," *Aziraphale ngắt lời*.

"Tôi đoán vậy," bà đồng tình.

Có một tiếng đằng hắng sau lưng bà. "Không làm cỗ máy địa ngục này chạy chậm lại được sao, mụ đàn bà kia?" một giọng xám ngoét hỏi. Trong thần hệ địa ngục, mà không phải nói cũng biết Shadwell căm ghét một cách đồng đều và đúng đắn, thì lão dành một lòng căm ghét đặc biệt với bọn quỷ tốc độ.

"Trong trường hợp đó," *Aziraphale nói*, "chúng ta sẽ đến Tadfield trong khoảng mười tiếng đồng hồ."

Bà Tracy lặng đi một thoáng, rồi hỏi, "Thế cái chỗ Tadfield ấy ở cách *bao* xa?"

"Khoảng sáu lăm cây."

"Ừm," bà Tracy nói, đã có lần bà chạy xe khoảng vài cây số đến Finchley gần đó để thăm cô cháu gái, nhưng từ đó trở đi bà

chỉ đi xe buýt, vì cái xe máy cứ phát ra những tiếng là lạ trên đường về.

"... chúng ta nên đi ít nhất là một trăm cây số một giờ, nếu muốn đến đó kịp lúc," *Aziraphale nói*. "Hừm. Trung sĩ Shadwell? Bám thật chặt vào nhé."

Bịchbịchbịchbịchbịch và một vầng hào quang xanh bắt đầu bao quanh chiếc xe tay ga và những người ngồi trên xe trong một quầng sáng dịu nhẹ, như một dư ảnh, khắp xung quanh họ.

Bịchbịchbịchbịchbịchbịch và chiếc xe vụng về bay lên khỏi mặt đất mà không có gì chống đỡ, hơi lảo đảo, cho tới khi nó lên đến độ cao chừng một mét rưỡi.

"Đừng nhìn xuống, Trung sĩ Shadwell," *Aziraphale khuyên*.

"..." Shadwell nói, mắt nhắm nghiền, vầng trán xám ngoét lấm chấm mồ hôi, không nhìn xuống, không nhìn bất kỳ đâu.

"Lên đường nào."

Trong mọi bộ phim khoa học viễn tưởng bom tấn đều có một cảnh khi mà một phi thuyền to cỡ New York đột ngột chuyển sang vận tốc ánh sáng. Một tiếng "tưng" như một cái thước kẻ gỗ được gảy bên mép bàn, một luồng sáng bị khúc xạ chói lòa, và đột nhiên các vì sao bị kéo dài ra và phi thuyền biến mất. Cảnh này giống hệt thế, chỉ khác là thay vì một phi thuyền sáng bóng dài hai mươi mét, thì đó là một chiếc xe tay ga màu trắng nhờ nhờ đã hai mươi năm tuổi. Và cũng không có hiệu ứng cầu vồng đặc biệt nào cả. Và có lẽ nó cũng không đi được quá ba trăm cây số một giờ. Và thay vì một tiếng ngân dài mỗi lúc một cao lên, nó chỉ kêu *bịchbịchbịchbịchbịch*...

VÚÚÚÚT.

Nhưng quả là nó đã xảy ra đích xác như thế.

Ở chỗ đường M25, giờ chỉ còn là một vòng tròn kẹt cứng đầy tiếng gào thét, giao cắt với đường M40 đến Oxfordshire, cảnh sát đang tụ tập lại mỗi lúc một đông. Kể từ khi Crowley vượt qua

rào chắn nửa giờ trước, số cảnh sát đã tăng gấp đôi. Ít ra là ở phía đường M40. Không ai ở London có thể thoát ra cả.

Ngoài cảnh sát còn có khoảng hai trăm người nữa đứng quanh đó, quan sát đường M25 qua ống nhòm. Họ bao gồm các đại diện từ Quân đội Hoàng gia, Đội Phá Bom, Tình báo MI5, Mật vụ MI6, Đơn vị Đặc biệt, và CIA. Còn có cả một người đàn ông bán xúc xích nữa.

Ai nấy đều ướt sũng và lạnh cóng, bối rối và bực bội, ngoại trừ một viên sĩ quan cảnh sát vừa lạnh, vừa ướt, vừa bối rối, vừa bực bội, lại còn thêm cáu kỉnh nữa.

"Nghe này. Tôi không cần biết các vị có tin tôi hay không," anh ta thở dài, "tôi chỉ có thể nói tôi đã thấy gì thôi. Đó là một cái xe cũ, một chiếc Rolls hoặc Bentley, loại xe cổ điển bóng bẩy ấy, và nó đã qua được cầu."

Một kỹ thuật viên quân đội cấp cao ngắt lời. "Không thể thế được. Theo thiết bị của chúng tôi, nhiệt độ trên đường M25 là hơn bảy trăm độ C."

"Hoặc âm một trăm bốn mươi độ," trợ lý của anh ta thêm vào.

"... hoặc âm một trăm bốn mươi độ," kỹ thuật viên cấp cao đồng tình. "Có vẻ có chút lộn xộn trong số đo, mặc dù tôi nghĩ chúng tôi có thể yên tâm coi đó là do lỗi kỹ thuật(*), nhưng sự thật là chúng tôi còn không thể cho trực thăng bay trực tiếp trên đường M25 mà không biến nó thành trực thăng chiên giòn. Vậy anh có thể giải thích xem thế quái nào mà một cái xe hơi cổ lại có thể lái qua đó mà không hề hấn gì?"

"Tôi đâu có bảo nó đã lái qua mà không hề hấn gì," viên cảnh sát chỉnh lại, anh ta đang nghiêm túc nghĩ đến chuyện rời lực lượng Cảnh sát Thủ đô và về làm ăn với em trai mình, người vừa bỏ việc ở Công ty Điện lực để đi nuôi gà. "Nó đã bùng cháy. Nhưng nó cứ đi thôi."

"Anh thực sự mong chúng tôi sẽ tin..." ai đó lên tiếng.

Bỗng có một tiếng rít the thé, ám ảnh và quái lạ. Như một ngàn cây kèn harmonica thủy tinh được thổi cùng một lúc, tất

cả đều hơi lạc điệu; như tiếng chính các phân tử không khí đang gào thét đau đớn.

Và Vúúút.

Nó lướt qua đầu họ, cách mặt đất mười hai mét, được bọc trong một vầng hào quang xanh biếc, ánh đỏ ở rìa: một chiếc xe tay ga nhỏ màu trắng, trên đó là một phụ nữ trung tuổi đội mũ bảo hiểm màu hồng, và bám chặt vào bà là một người đàn ông thấp lùn mặc áo khoác đi mưa và đội mũ bảo hiểm màu xanh neon (chiếc xe đang ở quá cao khiến người ta không thể thấy mắt lão đang nhắm nghiền, nhưng đúng là thế).

Người phụ nữ đang hét lên. Điều bà hét lên là:

" Gerrrronnnimooooo! "

◇

Một trong những lợi thế của dòng xe Wasabi, mà Newt luôn sốt sắng chỉ ra, đó là nếu nó bị hư hỏng nặng thì cũng khó có thể nhận ra. Newt phải lái Dick Turpin lên vệ đường để tránh những cành cây gãy.

"Anh làm em đánh rơi hết thẻ xuống sàn rồi!"

Chiếc xe nẩy bật trở lại lòng đường; một giọng lí nhí phát ra từ đâu đó bên dưới ngăn đựng găng tay, nói, "*Cảng* báo *ép xút* dầu."

"Giờ em sẽ không bao giờ sắp xếp lại được nữa," cô rên rỉ.

"Không cần đâu," Newt điên cuồng nói. "Cứ nhặt đại một cái đi. Cái nào cũng được. Không sao hết."

"Ý anh là sao?"

"Ờ, nếu Agnes đã đúng và chúng ta đang làm tất cả những việc này vì bà ấy đã dự đoán trước, thì bất kỳ tấm thẻ nào em *nhặt lên vào đúng lúc này* cũng sẽ có liên quan. Thế là hợp lý."

"Thế là ngớ ngẩn thì có."

"Thế à? Nhìn xem, thậm chí em đang có mặt *ở đây* cũng là vì bà ấy đã tiên tri như thế. Và em đã nghĩ xem mình sẽ nói gì với

ngài đại tá chưa? Đó là nếu chúng ta được gặp ông ấy, mà tất nhiên điều đó sẽ không xảy ra rồi."

"Nếu chúng ta tỏ ra biết lý lẽ..."

"Nghe này, anh biết rõ những chỗ như thế này. Chúng đều có lính gác khổng lồ như đẽo bằng gỗ ngoài cổng, Anathema ạ, và họ đội mũ trắng và có súng thật, em hiểu không, súng thật bắn đạn thật làm bằng chì thật, có thể xuyên vào người em và nẩy lung tung khắp nơi rồi chui ra qua cùng cái lỗ ấy trước khi em kịp nói, 'Xin lỗi, chúng tôi có lý do để tin rằng Thế chiến Thứ ba sắp nổ ra đến nơi và nó sẽ bắt đầu ngay ở đây,' và rồi họ còn có cả những người nghiêm nghị mặc vét, áo khoác phồng ra, sẽ dẫn em vào một căn phòng nhỏ không có cửa sổ và hỏi những câu kiểu như hiện giờ hoặc đã từng có lúc nào em là thành viên của một tổ chức phản loạn thiên tả nào ví dụ như bất kỳ đảng phái chính trị nào của Anh không? Và..."

"Chúng ta sắp đến nơi rồi."

"Thấy chưa, nó có cả cổng và hàng rào thép gai đủ cả! Và có lẽ còn có cả giống chó ăn thịt người nữa!"

"Em nghĩ anh đang hơi hoảng loạn rồi đấy," Anathema khẽ nói, nhặt nốt những tấm thẻ cuối cùng từ sàn xe lên.

"Hoảng loạn ấy à? Không! Anh đang rất bình tĩnh lo lắng rằng ai đó sẽ bắn anh đấy chứ!"

"Em dám chắc Agnes sẽ nhắc nếu chúng ta sắp bị bắn. Bà rất giỏi những chuyện như vậy." Cô bắt đầu lơ đãng xào tập thẻ.

"Anh biết không," cô nói, cẩn thận chia đôi tập thẻ và trang hai tập vào với nhau, "em đã đọc được đâu đó rằng có một giáo phái tin rằng máy tính là công cụ của quỷ sứ. Họ nói Ngày Tận thế sẽ đến vì Kẻ Chống Chúa rất giỏi máy tính. Theo họ thì chuyện đó được nhắc đến trong kinh Khải huyền hay sao ấy. Hình như em đã đọc được trong một tờ báo nào mới đây thì phải..."

"*Thời báo*. 'Thư từ Mỹ.' Ừm, ngày mồng ba tháng Tám," Newt nói. "Ngay sau câu chuyện về người phụ nữ ở Worms, Nebraska, đã dạy con vịt của bà ta chơi đàn accordion."

“Hừm,” Anathema nói, xếp tập thẻ úp xuống trên lòng.

Vậy máy tính là công cụ của quỷ sứ hả? Newt thầm nghĩ. Chuyện đó cậu chẳng thấy khó tin tẹo nào. Máy tính phải là công cụ của *ai đó*, và điều duy nhất cậu biết chắc là người đó dứt khoát không phải là cậu.

Chiếc xe dừng phắt lại.

Căn cứ không quân nhìn tan tác. Vài cây cổ thụ đã đổ gần lối vào, và một vài người với một cái máy xúc đang tìm cách dịch chuyển chúng. Người lính gác làm nhiệm vụ đang hờ hững quan sát họ, nhưng anh ta quay nửa người lại và lạnh lùng nhìn chiếc xe.

“Được rồi,” Newt nói. “Chọn một tấm thẻ đi.”

3001. ĐẰNG SAU TỔ ĐẠI BÀNG,
MỘT CÂY TẦN BÌ KHỔNG LỒ ĐÃ NGÃ XUỐNG

“Chỉ có thế thôi à?”

“Phải. Nhà em đã luôn nghĩ nó liên quan gì đó đến Cách mạng Nga. Cứ đi theo đường này rồi rẽ trái.”

Ngã rẽ dẫn đến một lối mòn hẹp, với hàng rào ranh giới của căn cứ ở bên trái.

“Giờ thì dừng lại đây. Ở đây thường có xe, và không ai để ý đâu,” Anathema nói.

“Chỗ này là gì?”

“Đường Tình nhân của khu này.”

“Có phải vì thế mà nhìn nó như được rải bằng cao su không?”

Họ đi dọc lối mòn phủ bóng cây chừng một trăm thước, cho tới khi đến chỗ cây tần bì. Agnes đã đúng. Nó khá là khổng lồ. Nó đã đổ đè ngang lên hàng rào.

Một người lính gác đang ngồi trên thân cây, hút thuốc. Anh ta là người da đen. Newt luôn thấy tội lỗi trước mặt những người Mỹ da đen, phòng trường hợp họ đổ tội cho cậu vì hai trăm năm buôn bán nô lệ.

Người lính đứng dậy khi họ lại gần, rồi lại thả lỏng người, thư giãn hơn.

“À, chào cô, Anathema,” anh ta nói.

“Chào anh, George. Bão mạnh nhỉ.”

“Mạnh ra trò.”

Họ đi tiếp. Anh ta nhìn theo họ cho tới khi họ đi khuất tầm mắt.

“Em quen anh ta à?” Newt hỏi, cô tỏ vẻ hờ hững.

“Ồ, quen chứ. Thỉnh thoảng vài người trong số họ có xuống quán rượu. Họ khá dễ chịu, theo kiểu sạch sẽ ấy.”

“Nếu chúng ta cứ thế xông vào thì liệu anh ta có bắn không?” Newt hỏi.

“Rất có thể anh ta sẽ chĩa súng vào chúng ta vẻ hăm dọa,” Anathema đáp.

“Thế với anh là đủ rồi. Vậy theo em thì chúng ta nên làm gì đây?”

“Ờ, chắc Agnes đã biết điều gì đó. Nên em đoán chúng ta cứ đợi thôi. Giờ gió đã lặng rồi nên cũng không đến nỗi.”

“Ồ.” Newt nhìn những đám mây đang dồn lên ở chân trời. “Được lắm bà Agnes,” cậu nói.

Adam đạp xe đều đều trên đường, Chó chạy theo phía sau và thỉnh thoảng lại tìm cách cắn lốp sau của thằng bé vì quá phấn khích.

Có tiếng lách cách và Pepper lao ra từ lối vào nhà nó. Ta rất dễ nhận ra xe của Pepper. Con bé nghĩ có thể cải tạo cái xe bằng một miếng bìa cứng khéo léo kẹp vào bánh xe bằng một cái kẹp quần áo. Lũ mèo đã học được là phải nhảy tránh khi con bé còn cách chỗ chúng hai dãy phố.

“Tao nghĩ bọn mình có thể đi tắt qua ngõ Chăn Bò rồi đi lên xuyên qua rừng Đầu Tròn,” Pepper nói.

“Lầy lội lắm,” Adam nói.

“Ừ đúng rồi,” Pepper bồn chồn nói. “Trên đấy lầy lội lắm. Thế thì bọn mình đi dọc theo mỏ phấn. Ở đấy lúc nào cũng khô nhờ đá phấn. Rồi sau đó đi lên qua nhà máy nước thải.”

Brian và Wensleydale kéo đến sau lưng chúng. Xe đạp của Wensleydale màu đen, sạch bóng, và rất thực dụng. Xe của Brian có thể đã từng có màu trắng, nhưng màu sơn đã biến mất dưới một lớp bùn dày.

“Gọi nó là căn cứ quân sự thì thật là ngớ ngẩn,” Pepper nói. “Tao đã đến đấy hôm họ mở cửa tham quan và họ chẳng có súng ống hay tên lửa gì cả. Chỉ toàn các công tắc, bảng đồng hồ và đội quân nhạc thôi.”

“Ừ,” Adam nói.

“Công tắc với bảng đồng hồ thì có gì là quân sự chứ,” Pepper nói.

“Tao không biết nữa,” Adam nói. “Công tắc với bảng đồng hồ cũng làm được nhiều chuyện lắm.”

“Hồi Giáng sinh tao được tặng một bộ đồ,” Wensleydale xen vào. “Toàn các linh kiện điện. Có vài cái công tắc và bảng đồng hồ. Có thể lắp thành cái đài hoặc một thứ kêu bíp bíp.”

“Tao không biết nữa,” Adam trầm ngâm nói, “tao đang nghĩ đúng hơn là có những người kết nối vào hệ thống liên lạc quân sự của toàn thế giới và ra lệnh cho các máy tính và các thứ khác bắt đầu chiến đấu ấy.”

“Trời,” Brian nói. “Thế thì *chiến* lắm.”

“Kiểu vậy,” Adam nói.

Làm chủ tịch Hội Dân cư làng Tadfield Hạ là một sứ mệnh cao cả và cô đơn.

R. P. Tyler, thấp lùn, béo tốt, hài lòng, bước thình thịch xuôi một con đường làng, đi theo là Shutzi, con chó poodle mini của vợ ông ta. R. P. Tyler biết phân biệt giữa đúng và sai; trong cuộc đời ông ta không có khoảng xám nào về mặt đạo đức cả. Nhưng ông ta không hài lòng với việc chỉ được ban cho khả năng phân

biệt giữa đúng và sai. Ông ta cảm thấy nhiệm vụ bắt buộc của mình là phải cho toàn thế giới biết.

R. P. Tyler không chọn bục diễn thuyết, các bài bút chiến, hay dùng biểu ngữ. Diễn đàn mà R. P. Tyler lựa chọn là mục thư gửi tòa soạn của tờ *Quảng cáo Tadfield*. Nếu một cái cây nhà hàng xóm khinh suất đến độ dám rụng lá vào vườn của R. P. Tyler, thì trước hết R. P. Tyler sẽ cẩn thận quét hết lá lại, bỏ chúng vào hộp, và đặt những cái hộp ở cửa trước nhà hàng xóm, cùng một mẩu thư lời lẽ nghiêm khắc. Rồi ông ta sẽ viết thư cho tờ *Quảng cáo Tadfield*. Nếu thấy bọn choai choai ngồi trên bãi cỏ làng, bật nhạc bằng đài xách tay, và chúng đang đú đởn với nhau, thì ông ta sẽ tự nhận nhiệm vụ giáo huấn cho chúng. Và sau khi đã chạy trốn khỏi tiếng chế nhạo của chúng, ông ta sẽ viết thư cho tờ *Quảng cáo Tadfield* về sự Sa sút Đạo đức và Thanh Thiếu niên Ngày nay.

Kể từ khi ông ta nghỉ hưu năm ngoái, số lượng thư đã tăng lên đến mức thậm chí tờ *Quảng cáo Tadfield* cũng không đăng hết nữa. Thật vậy, lá thư mà R. P. Tyler đã viết xong trước khi đi dạo buổi tối bắt đầu như sau:

Kính gửi các ngài,

Tôi rất đau lòng nhận ra báo chí ngày nay không còn cảm thấy có nghĩa vụ với công chúng, chính chúng tôi, những người trả lương cho các ngài...

Ông ta ngắm những cành cây gãy nằm vương vãi khắp lối mòn hẹp. Ông ta thầm nghĩ, chắc họ không nghĩ đến hóa đơn dọn vệ sinh khi họ đem mấy cơn bão này đến cho chúng ta. Hội đồng Giáo hội sẽ phải tự bỏ tiền túi ra để dọn dẹp hết. Còn *chúng ta*, những người nộp thuế, thì lại trả lương cho họ...

Họ trong dòng ý nghĩ này là các phát thanh viên dự báo thời tiết trên Đài Số Bốn(*), mà R. P. Tyler đổ lỗi cho về chuyện thời tiết.

Shutzi dừng lại ở một cây sồi bên vệ đường và ghếch chân lên.

R. P. Tyler xấu hổ nhìn đi chỗ khác. Có thể mục đích duy nhất của chuyến tản bộ buổi tối này là để cho con chó giải quyết nỗi buồn, nhưng ông ta sẽ không đời nào thừa nhận điều đó với chính mình. Ông ta ngước lên nhìn những đám mây dông, chúng đang dồn cao thành từng đống màu xám mờ, đen sì. Không chỉ là những tia chớp rạch qua chúng như đoạn mở đầu một bộ phim Frankenstein; mà còn là cái cách chúng dừng lại khi chúng đến ranh giới của làng Tadfield Hạ nữa. Và ở giữa chúng là một khoảng nắng tròn; nhưng ánh nắng có vẻ mỏng dính, vàng vọt, như một nụ cười gượng.

Không gian lặng như tờ.

Có một tiếng rền trầm trầm.

Bốn chiếc xe máy lao xuống con đường hẹp. Chúng lao qua ông ta và vòng qua ngã rẽ, khiến một con gà lôi trống hốt hoảng bay qua lối mòn thành một vòng cung đỏ sẫm và xanh.

"Bọn phá hoại!" R. P. Tyler quát với theo chúng.

Nông thôn không được tạo ra cho những kẻ như chúng. Nó được tạo ra cho những người như ông ta.

Ông ta giật xích Shutzi, và họ đi tiếp xuôi lối mòn.

Năm phút sau ông ta rẽ qua một khúc quanh và thấy ba trong số bốn kẻ chạy xe máy đang đứng quanh một biển báo bị đổ, nạn nhân của cơn bão. Kẻ thứ tư, một tên cao lớn đội mũ tráng gương, vẫn ngồi nguyên trên xe.

R. P. Tyler quan sát tình huống và lập tức rút ra kết luận mà chẳng mất chút công sức nào. Bọn phá hoại này - tất nhiên là ông ta đã đúng - đã về vùng thôn quê để báng bổ Tượng đài Liệt sĩ và đạp đổ các biển báo.

Ông ta đang định nghiêm nghị tiến về phía chúng thì chợt nhận ra mình bị áp đảo một chọi bốn, chúng cao hơn ông ta, và chắc chắn chúng là lũ tâm thần bạo lực. Trong thế giới của R. P. Tyler, chỉ có bọn tâm thần bạo lực thì mới chạy xe máy.

Vậy là ông ta vênh cằm lên và bắt đầu khệnh khạng đi qua chúng, ra vẻ như không biết có chúng ở đó,[(*)] trong lúc đó vẫn thầm viết một bức thư trong đầu (Thưa các ngài, tối nay tôi rất

đau lòng nhận ra có nhiều tên du côn đi xe máy xâm chiếm Ngôi Làng Xinh đẹp của Chúng ta. Tại sao, ôi tại sao chính phủ không làm gì với những kẻ ôn dịch này...).

"Xin chào," một tên trong bọn chạy xe máy nói, nhấc kính mũ bảo hiểm lên để lộ ra một khuôn mặt gầy guộc và một bộ râu đen tỉa gọn. "Chúng tôi hơi bị lạc."

"À," R. P. Tyler nói vẻ chê trách.

"Chắc biển báo đã bị gió xô đổ," tên chạy xe máy nói.

"Phải, tôi đoán vậy," R. P. Tyler đồng tình, ông ta ngạc nhiên nhận ra mình đang đói.

"Vâng. Ờ, chúng tôi đang đến làng Tadfield Hạ."

Một bên lông mày hiếu sự nhướng lên. "Các vị là người Mỹ. Chắc là đến căn cứ không quân." (Thưa các ngài, khi đi nghĩa vụ quân sự tôi là niềm tự hào của đất nước. Tôi đã kinh hoàng và đau lòng nhận thấy các binh sĩ không quân ở Căn cứ Không quân Tadfield lại chạy xe khắp vùng thôn quê tao nhã của chúng ta mà ăn mặc như bọn du thủ du thực. Mặc dù tôi đánh giá rất cao tầm quan trọng của họ trong việc bảo vệ nền tự do của thế giới phương Tây...)

Rồi niềm yêu thích chỉ dẫn của ông ta đã lấn át tất cả. "Các vị phải quay ngược lại đường kia khoảng tám trăm mét, rồi vào lối rẽ trái đầu tiên, tôi e là đường đầy ổ trâu ổ gà đến thảm thương, tôi đã viết rất nhiều thư cho hội đồng về chuyện đó, tôi hỏi họ, các vị là tôi *tớ* của dân hay là *ông chủ* của dân vậy, rốt cục thì ai trả lương cho các vị thế? rồi đi vào lối rẽ phải thứ hai, chỉ có điều nó không hẳn ở bên phải, nó ở bên trái nhưng các vị sẽ thấy cuối cùng nó lại uốn sang bên phải, biển báo đề là đường Porrit, nhưng tất nhiên nó không phải là đường Porrit, cứ nhìn bản đồ đạc điền là các vị sẽ thấy, chẳng qua nó là đầu phía đông của đường Đồi Rừng, rồi các vị sẽ đến làng, rồi đi qua Bò & Vĩ Cầm - đó là quán rượu - rồi khi đến nhà thờ (tôi đã bảo những người làm bản đồ đạc điền là đó là nhà thờ có *chóp*, chứ không phải nhà thờ có *tháp*, thực ra tôi đã viết thư cho tờ *Quảng cáo Tadfield*, đề nghị họ tổ chức một chiến dịch địa phương để sửa lại bản đồ,

và tôi hết lòng hy vọng rằng một khi những người này biết họ đang đối mặt với ai thì họ sẽ nhanh chóng quay đầu thôi), rồi các vị sẽ đến ngã tư, các vị đi thẳng qua ngã tư đó thì sẽ đến ngay một ngã tư nữa, ở đó các vị có thể rẽ trái hoặc đi thẳng, kiểu gì các vị cũng sẽ đến căn cứ không quân thôi (nhưng rẽ trái thì sẽ tiết kiệm được khoảng một trăm mét), không thể lạc vào đâu được."

Nạn Đói trân trối nhìn ông ta. "Tôi, ờ, tôi không dám chắc là tôi nhớ hết..." hắn nói.

TA NHỚ RỒI. ĐI THÔI.

Shutzi khẽ ré lên một tiếng và lao ra sau R. P. Tyler, rồi phủ phục ở đó, run rẩy.

Những kẻ lạ mặt lại lên xe. Gã mặc đồ trắng (nhìn thì chắc là một tên hippy, R. P. Tyler thầm nghĩ) vứt một vỏ gói bim bim lên vệ cỏ.

"Xin lỗi *cậu*," Tyler quát. "Có phải là gói bim bim của cậu kia không?"

"Ồ, không phải của riêng tôi đâu," gã trai đáp. "Là của *tất cả mọi người*."

R. P. Tyler vươn người cao hết mức.[(*)] "Chàng trai trẻ," ông ta nói, "cậu sẽ cảm thấy thế nào nếu tôi đến nhà cậu và vứt rác ra khắp nơi?"

Ô Nhiễm mỉm cười vẻ tiếc nuối. "Rất, rất hài lòng," gã thở ra. "Ồ, như thế sẽ *tuyệt* lắm."

Bên dưới xe máy của gã, một vũng dầu đọng thành màu cầu vồng trên nền đường ướt.

Các động cơ rồ lên.

"Tôi không kịp nghe hết," Chiến Tranh nói. "Có phải chúng ta phải quay đầu ở chỗ nhà thờ không?"

CỨ ĐI THEO TA, tên cao lớn đi đầu nói, và cả bốn kẻ cùng lao đi.

R. P. Tyler nhìn theo họ, cho tới khi ông ta bị sao nhãng bởi tiếng gì đó kêu *cạchcạchcạch*. Ông ta quay lại. Bốn dáng người

cưỡi xe đạp lao qua ông ta, bám sát theo sau là một con chó nhỏ chạy lăng xăng.

"Bọn kia! Dừng lại!" R. P. Tyler quát.

Bọn Chúng phanh xe lại và nhìn ông ta.

"Ta biết là cậu mà, Adam Young, và, hừm, bè phái của cậu. Ta có thể hỏi đêm hôm thế này các cô các cậu còn làm gì ở đây không? Bố các cô cậu có biết các cô cậu còn đang chạy rông không?"

Đứa đi đầu quay lại. "Cháu chả hiểu sao ông lại nói là đã *muộn* rồi," nó nói, "cháu thấy là, *cháu* thấy là, nếu trời còn sáng thì vẫn chưa *muộn*."

"Dù sao cũng quá giờ ngủ của các cô cậu rồi," R. P. Tyler tuyên bố, "và đừng có lè lưỡi ra với ta, tiểu thư" - câu này nói với Pepper - "không thì ta sẽ viết thư cho mẹ cô biết con bà ta có thái độ thảm hại và không nữ tính ra sao."

"Cho *bọn cháu* xin," Adam bực bội nói. "Pepper chỉ đang nhìn ông thôi mà. Cháu không biết là có cả luật cấm người ta *nhìn* đấy."

Trên cỏ có tiếng ồn ào. Shutzi, vốn là một con chó xù Pháp cực kỳ thuần giống, loại chỉ được nuôi bởi những người không có khả năng xếp trẻ con vào ngân sách gia đình của họ, đang bị Chó hăm dọa.

"Cậu Young," R. P. Tyler ra lệnh, "hãy bảo con... con *chó lai* của cậu tránh xa Shutzi của ta ra." Tyler không tin Chó. Khi ông ta gặp con chó lần đầu tiên, cách đây ba ngày, nó đã gầm ghè với ông ta và mắt nó đỏ rực lên. Điều này đã khiến Tyler bắt đầu một bức thư nói rằng chắc chắn Chó bị dại, chắc chắn là một mối nguy cho cộng đồng, và phải bị triệt hạ vì Lợi ích Chung, cho tới khi vợ ông ta nhắc ông ta rằng mắt đỏ rực không phải là triệu chứng của bệnh dại hay là bất kỳ thứ gì khác thường thấy bên ngoài các bộ phim mà cả hai vợ chồng nhà Tyler thà chết còn hơn phải xem nhưng lại biết rõ về chúng, cảm ơn nhiều.

Adam có vẻ sững sờ. "Chó không phải là *chó lai*. Chó là một con chó cực tuyệt. Nó rất khôn. *Chó*, mày tránh xa con chó xù

kinh khủng của ông Tyler đi."

Chó lờ thằng bé đi. Nó vẫn còn nhiều chuyện hàn huyên của chó cần làm.

"*Chó*," Adam nói vẻ đe dọa. Con chó liền lùi về bên xe đạp của chủ nhân nó.

"Ta không tin là các cô cậu đã trả lời câu hỏi của ta. Bốn cô cậu đi đâu?"

"Đến căn cứ không quân ạ," Brian nói.

"*Nếu* ông không phiền," Adam nói, với giọng mà nó hy vọng là đầy mỉa mai chua chát và cay độc. "Ý cháu là, bọn cháu sẽ không muốn đến đó nếu ông thấy phiền."

"Đồ khỉ con láo lếu," R. P. Tyler nói. "Khi ta gặp bố mày, Adam Young, ta sẽ nói thẳng cho ông ta biết là..."

Nhưng Bọn Chúng đã đạp xe xuôi con đường, về phía Căn cứ Không quân Tadfield Hạ - đi theo lối của Bọn chúng, vừa ngắn hơn, đơn giản hơn, và cảnh lại đẹp hơn so với lối mà ông Tyler đã chỉ.

R. P. Tyler đã viết xong trong đầu một lá thư dài dằng dặc về các khuyết điểm của thanh thiếu niên ngày nay. Lá thư nói đủ hết các vấn đề từ sự đi xuống của tiêu chuẩn giáo dục, sự thiếu kính trọng đối với người cao tuổi và bề trên, cách chúng luôn lù rù chứ không chịu đi đứng cho thẳng thớm, tội phạm vị thành niên, cần áp dụng trở lại Nghĩa vụ Quân sự bắt buộc, hình phạt bằng roi mây, bằng roi da, và giấy phép nuôi chó.

Ông ta rất hài lòng với nó. Ông ta ngờ rằng lá thư ấy quá hay so với tờ *Quảng cáo Tadfield* và đã quyết định sẽ gửi nó cho tờ *Thời báo*.

Bịchbịchbịch bịchbịchbịch.

"Cho tôi hỏi chút, ông bạn thân mến," một giọng nữ nồng ấm nói. "Tôi nghĩ chúng tôi đã bị lạc."

Đó là một chiếc xe tay ga cổ lỗ sĩ, và trên xe là một phụ nữ trung niên. Bám chặt vào bà, mắt nhắm nghiền, là một lão già

nhỏ thó mặc áo ba đờ xuy, đầu đội mũ bảo hiểm xanh lè. Vươn lên giữa họ là cái nhìn như một khẩu súng cổ với cái nòng xòe ra hình phễu.

"Vâng. Các vị đang đi đâu?"

"Làng Tadfield Hạ. Tôi không chắc địa chỉ chính xác, nhưng chúng tôi đang tìm một người," người phụ nữ nói, rồi, bằng giọng khác hẳn, bà ta nói, "*Tên nó là Adam Young*."

R. P. Tyler sững sờ. "Các vị *tìm* thằng bé đó hả?" ông ta hỏi. "Giờ thì nó đã làm gì... không, không, đừng cho tôi biết. Tôi không muốn biết."

"Thằng bé ư?" người phụ nữ nói. "Anh không bảo tôi nó là thằng bé. Nó bao nhiêu tuổi?" Rồi bà ta nói, "Nó *mười một tuổi*. Chà, tôi mong là anh đã nhắc đến chuyện này lúc trước. Nó khiến cục diện thay đổi hoàn toàn đấy."

R. P. Tyler chỉ biết trố mắt nhìn. Rồi ông ta chợt hiểu ra mọi sự. Người phụ nữ này là nghệ sĩ nói tiếng bụng. Cái mà ông ta tưởng là người đàn ông đội mũ bảo hiểm xanh thì giờ ông ta đã nhận ra chỉ là con rối nói tiếng bụng, ông ta tự hỏi làm sao mà mình lại tưởng nó là người được, ông ta thấy toàn bộ vụ này có cái gì đó hơi lợm giọng.

"Tôi vừa thấy Adam Young chưa đầy năm phút trước," ông ta nói với người phụ nữ. "Nó và đám bạn nối khố của nó đang trên đường đến căn cứ không quân Mỹ."

"Ôi trời," người phụ nữ nói, hơi tái mặt đi. "Tôi chưa bao giờ ưa dân Mẽo cả. *Thật ra họ rất dễ chịu mà, bà biết đấy.* Vâng, nhưng ta không thể tin những người chơi bóng đá bằng tay được."

"À, xin lỗi bà," R. P. Tyler nói. "Tôi nghĩ là bà rất giỏi. Rất ấn tượng. Tôi là phó chủ tịch câu lạc bộ Rotary của làng, và tôi muốn hỏi, bà có phục vụ riêng không?"

"Chỉ vào các thứ Năm thôi," bà Tracy đáp vẻ chê trách. "Và tôi tính thêm phí đấy. *Còn tôi thì muốn hỏi liệu ông có thể chỉ đường cho chúng tôi đến...*"

Ông Tyler đã gặp chuyện này trước đây rồi. Không nói một lời, ông chỉ một ngón tay ra.

Và chiếc xe tay ga nhỏ chạy *bịchbịchbịchbịchbịchbịch* xuôi con đường làng hẹp.

Khi chiếc xe chạy đi, con rối xám ngoét đội mũ bảo hiểm xanh quay lại và mở một bên mắt ra. "Đồ miền Nam đầu đất," nó nói giọng khàn đặc.

R. P. Tyler thấy bị xúc phạm, nhưng cũng hơi thất vọng. Ông ta đã mong là nó sẽ sống động hơn.

R. P. Tyler, chỉ cách làng có mười phút, dừng bước trong lúc Shutzi lại thực hiện một trong chuỗi các hoạt động bài tiết đa dạng của nó. Ông ta nhìn qua hàng rào.

Hiểu biết của ông ta về kinh nghiệm dân gian hơi mù mờ, nhưng ông ta dám chắc là nếu bò nằm xuống thì có nghĩa trời sắp mưa. Nếu chúng đứng thì trời sẽ tạnh. Bọn bò này lại đang thay phiên nhau làm những cú lộn nhào chậm rãi và khoan thai; và Tyler tự hỏi cái đó báo trước loại thời tiết gì.

Ông ta hít hít. Thứ gì đó đang cháy - có một mùi nồng hắc của kim loại, cao su, và da bị cháy sém.

"Xin lỗi ông," một giọng nói vang lên sau lưng ông ta. R. P. Tyler quay lại.

Một chiếc xe hơi khá lớn, đã từng có màu đen, đang cháy bùng bùng trên lối mòn, và một gã đàn ông đeo kính râm đang ngả người qua cửa sổ, nói giữa làn khói, "Xin lỗi, tôi hơi bị lạc một chút. Ông có thể chỉ đường cho tôi đến Căn cứ Không quân Tadfield Hạ được không? Tôi biết nó ở đâu đó quanh đây."

Xe anh đang cháy.

Không. Tyler không thể bắt mình thốt ra câu đó. Tên kia chắc phải biết chứ, phải không? Hắn đang ngồi giữa nó mà. Có lẽ đây là một trò chơi khăm gì đó.

Vì vậy ông ta chỉ nói, "Tôi nghĩ chắc anh đã rẽ nhầm cách đây khoảng một cây rưỡi. Một biển báo bị gió quật ngã."

Kẻ lạ mặt mỉm cười, “Chắc là đúng vậy rồi,” hắn nói. Những lưỡi lửa màu cam bập bùng sau lưng khiến hắn có vẻ như vừa từ Địa ngục chui lên.

Gió thổi về phía Tyler, ngang qua chiếc xe, và ông thấy lông mày mình kêu xèo xèo.

Xin lỗi, chàng trai trẻ, nhưng xe anh đang cháy mà anh vẫn ngồi trong đó mà không bị chảy và nhân tiện cỏ chỗ nóng đỏ lên rồi kìa.

Không.

Ông ta có nên hỏi tên kia xem hắn có muốn ông ta gọi điện cho cứu hộ không nhỉ?

Thay vào đó, ông ta chỉ cẩn thận giải thích đường đi, cố không nhìn chằm chằm.

“Tuyệt vời. Cảm ơn ông nhiều,” Crowley nói và bắt đầu kéo cửa kính xe lên.

R. P. Tyler phải nói gì đó.

“Xin lỗi, chàng trai trẻ,” ông ta nói.

“Vâng?”

Ý tôi là, xe của ta bị cháy đâu phải là thứ mà ta không nhận ra được.

Một lưỡi lửa liếm qua bảng đồng hồ đã cháy thành than.

“Thời tiết kỳ lạ quá nhỉ?” ông ta chốt một câu nhạt phèo.

“Thế à?” Crowley đáp. “Quả tình tôi không để ý.” Rồi hắn lùi lại trên con đường làng trong chiếc xe cháy rừng rực của mình.

“Có lẽ là vì xe anh đang cháy,” R. P. Tyler nói xẵng. Ông ta giật mạnh xích Shutzi, kéo con chó nhỏ chạy theo.

Gửi Tổng biên tập

Thưa quý ngài,

Tôi muốn ngài chú ý tới một xu hướng mới mà tôi đã nhận thấy ở các thanh niên ngày nay là hoàn toàn lờ đi các biện pháp phòng ngừa an toàn hết sức hợp lý trong lúc lái xe. Tối nay tôi đã được hỏi đường bởi một người đàn ông với chiếc xe đang…

Không.

Lái một chiếc xe đang...

Không.

Nó đang cháy...

Mỗi lúc một bực bội, R. P. Tyler giậm chân thình thịch nốt đoạn đường còn lại về làng.

"Này!" R. P. Tyler quát. "Young!"

Ông Young đang ở vườn trước, ngồi trên ghế xếp, hút tẩu.

Chuyện này liên quan đến việc bà Deirdre mới phát hiện ra mối nguy của việc hút thuốc thụ động và cấm hút thuốc trong nhà, nhưng ông không muốn thừa nhận với hàng xóm. Điều đó không khiến tâm trạng ông khá hơn. Chuyện bị ông Tyler gọi là *Young* cộc lốc cũng vậy.

"Sao?"

"Con trai anh, thằng Adam ấy."

Ông Young thở dài. "Nó lại làm gì rồi?"

"Anh có biết nó đang ở đâu không?"

Ông Young xem đồng hồ. "Tôi đoán là chuẩn bị đi ngủ."

Tyler nhăn nhở cười vẻ đắc thắng. "Đừng chắc. Tôi vừa thấy nó và đám quỷ nhỏ của nó, và con chó lai kinh khủng đó, cách đây chưa đầy nửa giờ, đạp xe về phía căn cứ không quân."

Ông Young bập bập tẩu.

"Anh biết ở đó họ nghiêm ngặt thế nào rồi đấy," ông Tyler nói, phòng khi ông Young chưa hiểu ra vấn đề.

"Anh biết thằng con anh hay bấm nút các thứ như thế nào rồi đấy," ông ta nói thêm.

Ông Young bỏ chiếc tẩu ra khỏi miệng và ngắm nghía ống tẩu vẻ trầm ngâm.

"Hừm," ông nói.

"Tôi hiểu rồi," ông nói.

"Được," ông nói.

Rồi ông đi vào nhà.

Vào đúng lúc đó, bốn chiếc xe máy phanh két lại cách cổng chính vài trăm thước. Những người ngồi trên xe tắt máy và đẩy kính mũ lên. Ờ, ít ra là ba trong số họ làm vậy.

“Tôi đã mong là chúng ta có thể lao qua rào chắn,” Chiến Tranh nói vẻ tiếc nuối.

“Như thế chỉ tổ gây rắc rối thôi,” Nạn Đói nói.

“Càng tốt.”

“Ý tôi là rắc rối cho chúng ta ấy. Đường dây điện và điện thoại có lẽ đã bị đứt, nhưng chắc chắn họ phải có máy nổ và điện đàm. Nếu ai đó báo là khủng bố đang tấn công căn cứ thì họ sẽ hành động một cách logic và toàn bộ Kế hoạch sẽ đổ bể hết.”

“Hừ.”

CHÚNG TA VÀO, HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC, RỒI RỜI ĐI, ĐỂ BẢN TÍNH CON NGƯỜI TỰ LÀM NỐT, Thần Chết nói.

“Tôi không tưởng tượng mọi chuyện sẽ như thế này, các vị,” Chiến Tranh nói. “Tôi đã không đợi cả ngàn năm chỉ để nghịch mấy mẩu dây. Như thế chẳng kịch tính chút nào. Albrecht Durer[(*)] đã không phí thời gian để làm tranh khắc gỗ Bốn Kẻ Nhấn Nút Khải Huyền, cái đó thì tôi biết chắc.”

“Tôi cứ tưởng sẽ có kèn đồng,” Ô Nhiễm nói.

“Hãy nghĩ thế này đi,” Nạn Đói nói. “Đây chỉ là việc chuẩn bị. Sau đó chúng ta sẽ được xông lên. Xông lên thực sự ấy. Đôi cánh bão và đại loại thế. Các vị phải linh động chút đi.”

“Chẳng phải chúng ta cần gặp... ai đó ở đây sao?” Chiến Tranh hỏi.

Không có âm thanh nào khác ngoài tiếng lách tách của các động cơ xe đang nguội dần.

Rồi Ô Nhiễm chậm rãi nói, “Các vị biết không, tôi cũng không tưởng tượng là nó sẽ xảy ra ở một nơi như thế này. Tôi cứ

nghĩ nó phải là, ờ, một thành phố lớn. Hay một nước lớn. Có lẽ là New York. Hoặc Moscow. Hoặc ở chính Armageddon. "(*)

Lại im lặng một thoáng.

Rồi Chiến Tranh nói, "Mà Armageddon ở *đâu* nhỉ?"

"Cô hỏi thế cũng lạ," Nạn Đói nói. "Tôi đã định tra xem đấy."

"Có thị trấn Armageddon ở Pennsylvania," Ô Nhiễm nói. "Hoặc có thể là Massachusetts, một trong những nơi đây. Có nhiều người để râu rậm và đội mũ đen rất nghiêm trang."

"Đâu," Nạn Đói nói. "Tôi nghĩ nó nằm đâu đó ở Israel."

ĐỈNH CARMEL.

"Tôi tưởng đó là chỗ họ trồng quả bơ."

VÀ TẬN CÙNG THẾ GIỚI.

"Thế cơ à? Chắc quả bơ ấy phải to lắm."

"Tôi nghĩ tôi đã từng đến đó một lần," Ô Nhiễm nói. "Thành cổ Megiddo ấy. Ngay trước khi nó sụp đổ. Rất tuyệt. Hoàng môn rất thú vị."

Chiến Tranh ngắm cảnh quan xanh tươi xung quanh họ.

"Trời," ả nói, "*chúng ta* đã rẽ nhầm nhỉ."

ĐỊA LÝ LÀ PHI VẬT CHẤT.

"Ngài nói sao cơ?"

NẾU ARMAGEDDON Ở BẤT KỲ ĐÂU THÌ CÓ NGHĨA NÓ Ở KHẮP MỌI NƠI.

"Đúng thế," Nạn Đói nói, "chúng ta sẽ không nói đến mấy dặm vuông toàn cây bụi và dê nữa."

Lại im lặng.

CHÚNG TA ĐI THÔI.

Chiến Tranh khẽ hắng giọng. "Chỉ là tôi tưởng... *ngài ấy* sẽ đi cùng chúng ta...?"

Thần Chết chỉnh lại găng tay.

ĐÂY, hắn quả quyết nói, LÀ VIỆC CỦA DÂN CHUYÊN NGHIỆP.

Sau này, Trung sĩ Thomas A. Deisenburger hồi tưởng sự việc ở cổng chính diễn ra như sau:

Một chiếc xe sĩ quan dừng lại trước cổng. Xe sáng bóng và có vẻ rất quan chức, mặc dù sau đó anh ta không rõ tại sao mình lại nghĩ như vậy, hay tại sao có lúc chiếc xe nghe như thể được chạy bằng động cơ xe máy.

Bốn vị tướng ra khỏi xe. Một lần nữa, viên trung sĩ cũng không hiểu sao anh ta lại nghĩ như thế. Họ có giấy tờ hợp lệ. Là loại giấy tờ gì thì quả thực anh ta cũng không nhớ nổi nữa, nhưng chúng đều hợp lệ. Anh ta giơ tay chào.

Và một vị tướng nói, "Kiểm tra đột xuất đây, anh lính."

Trung sĩ Thomas A. Deisenburger liền trả lời, "Báo cáo thủ trưởng, tôi chưa nhận được thông báo gì về một vụ kiểm tra đột xuất cả, thưa thủ trưởng."

"Tất nhiên rồi," một vị tướng nói. "Đó là vì nó là đột xuất."

Viên trung sĩ lại giơ tay chào lần nữa.

"Báo cáo thủ trưởng, xin phép được xác nhận thông tin với chỉ huy căn cứ, thưa thủ trưởng," anh ta lo lắng nói.

Vị tướng cao nhất và gầy nhất bước ra xa cả nhóm một chút, quay lưng lại, và khoanh tay trước ngực.

Một vị tướng khác choàng một cánh tay thân thiện quanh vai trung sĩ và ngả người về phía trước vẻ bí mật.

"Nghe đây..." - vị tướng nheo mắt nhìn bảng tên của trung sĩ - "Deisenburger, có lẽ tôi lại không đồng tình với anh về chuyện đó. Đây là kiểm tra đột xuất, hiểu chưa? Đột xuất. Như thế có nghĩa là đừng có ấn còi báo động khi chúng tôi đi qua, hiểu chưa? Và đừng có rời vị trí. Một người lính dạn dày kinh nghiệm như anh chắc sẽ hiểu, đúng chứ?" vị tướng nói thêm. Ngài nháy mắt. "Nếu không anh sẽ bị giáng cấp thấp đến nỗi sẽ phải thưa gửi với cả một tên tiểu yêu đấy."

Trung sĩ Thomas A. Deisenburger trố mắt nhìn vị tướng.

"*Binh nhì*," một vị tướng khác rít lên. Theo bảng tên thì tên của bà là Waugh. Trung sĩ Deisenburger chưa bao giờ thấy một

vị nữ tướng như bà, nhưng chắc chắn bà là một thay đổi tích cực.

"Gì cơ?"

"Binh nhì. Không phải tiểu yêu."

"À ừ. Ý tôi là vậy. Đúng rồi. Binh nhì. Hiểu chưa, anh lính?"

Viên trung sĩ cân nhắc các lựa chọn hết sức hạn hẹp của mình.

"Báo cáo thủ trưởng, kiểm tra đột xuất, thưa thủ trưởng?" anh ta nói.

"Thông tin tối mật lâm thời trong lúc này," Nạn Đói nói, hắn đã dành rất nhiều năm để học cách tiếp thị cho chính quyền liên bang và có thể cảm thấy thứ ngôn ngữ đó đang trở lại với mình.

"Báo cáo thủ trưởng, xin xác nhận, thưa thủ trưởng," viên trung sĩ nói.

"Tốt lắm," Nạn Đói nói, khi thanh chắn được nâng lên. "Rồi anh sẽ tiến xa." Hắn liếc nhìn đồng hồ. "Rất sớm thôi."

◇

Đôi khi con người rất giống loài ong. Ong luôn bảo vệ tổ một cách hết sức dữ dằn, chừng nào chúng ở bên ngoài tổ. Một khi bạn đã vào trong tổ rồi thì đám ong thợ sẽ cho rằng cấp trên đã xác nhận sự có mặt của bạn và không để ý nữa; nhiều loài côn trùng ăn bám đã sống phè phởn nhờ chính điều này. Con người cũng cư xử như vậy.

Không ai ngăn bộ tứ lại khi họ tiến bước một cách có chủ đích vào một trong những tòa nhà dài, thấp nằm dưới khu rừng những cột ăngten vô tuyến. Không ai để ý đến họ cả. Có lẽ người ta còn chẳng nhìn thấy gì. Có lẽ họ chỉ thấy những cái mà tâm trí họ được hướng dẫn phải thấy, vì trí não con người không có khả năng nhìn thấy Chiến Tranh, Nạn Đói, Ô Nhiễm và Thần Chết khi họ không muốn bị nhìn thấy, và đã giỏi việc không nhìn

thấy họ đến nỗi nó còn chẳng thấy họ khi họ nhan nhản ở khắp mọi nơi.

Còi báo động thì hoàn toàn chẳng có não và nghĩ nó đã thấy bốn người ở nơi lẽ ra không được có người, và bắt đầu réo *ầm ĩ*.

Newt không hút thuốc, vì cậu không cho phép nicotine xâm nhập vào ngôi đền thiêng liêng là thân thể cậu, hay đúng hơn là cái nhà thờ bằng tôn Hội Giám lý Wales là thân thể cậu. Nếu có hút thuốc thì hẳn cậu đã mắc nghẹn luôn điếu thuốc mà cậu hẳn đang hút vào lúc này cho bình tâm.

Anathema đứng dậy vẻ quả quyết và vuốt phẳng các nếp nhăn trên váy.

"Đừng lo," cô nói. "Không phải vì chúng ta đâu. Chắc đang có chuyện bên trong."

Cô mỉm cười trước khuôn mặt tái mét của cậu. "Đi nào," cô nói. "Không phải O.K. Corral(*) đâu."

"Không. ít nhất súng của họ tốt hơn," Newt nói.

Cô kéo cậu dậy. "Không sao," cô nói. "Em dám chắc anh sẽ tìm ra cách."

Điều không thể tránh khỏi là cả bốn bọn họ không thể đóng góp bình đẳng, Chiến Tranh thầm nghĩ. Chính ả đã kinh ngạc khi thấy mình có sự ham thích tự nhiên với vũ khí hiện đại, vì chúng hiệu quả hơn nhiều so với những miếng kim loại sắc, và tất nhiên Ô Nhiễm cười nhạo các thiết bị dễ sử dụng, đảm bảo an toàn. Ngay cả Nạn Đói cũng còn biết máy tính là gì. Trong khi đó thì... ờ, *hắn* chẳng làm gì mấy ngoài đứng quanh, mặc dù quả thực hắn đứng cũng rất có phong cách. Chiến Tranh đã nhận ra rằng một ngày kia có thể Chiến Tranh sẽ kết thúc, Nạn Đói sẽ kết thúc, thậm chí có thể cả ô Nhiễm cũng sẽ kết thúc, và có lẽ vì thế mà kỵ sĩ thứ tư và vĩ đại nhất chưa bao giờ là một thành viên đích thực của nhóm. Giống như có một nhân viên kiểm toán trong đội bóng đá vậy. Có hắn ở cùng phe là rất tuyệt, tất nhiên rồi, nhưng không phải kiểu đồng đội mà ta muốn chén chú chén

anh trong quán sau trận đấu. Ta không dám thả lỏng một trăm phần trăm.

Một vài người lính chạy xuyên qua hắn trong lúc hắn ngó qua bờ vai gầy còm của Ô Nhiễm.

MẤY THỨ LẤP LÁNH KIA LÀ GÌ? Hắn hỏi, bằng giọng của người biết mình sẽ không hiểu câu trả lời nhưng vẫn muốn tỏ ra là mình quan tâm.

"Hiển thị LED bảy phân đoạn," gã trai đáp. Gã âu yếm đặt tay lên dãy rơ le, khiến chúng lập tức nổ cầu chì, rồi đưa vào một loạt virus tự nhân lên chạy vèo vèo trong thinh không điện.

"Giá mà mấy cái báo động chết tiệt ấy im đi thì tốt," Nạn Đói lầm bầm.

Thần Chết lơ đãng búng ngón tay. Cả chục cái còi điện ậm ọe rồi tắt ngấm.

"Tôi không biết nữa, nghe cũng thích đấy chứ," Ô Nhiễm nói.

Chiến tranh thò tay vào một tủ sắt khác. Ả không trông đợi mọi chuyện sẽ xảy ra như thế này, ả thừa nhận là vậy, nhưng khi ả lướt ngón tay trên và đôi khi là xuyên vào các thiết bị điện tử, có một cảm giác quen thuộc. Đó là tiếng vọng của cảm giác khi ta cầm một thanh gươm, và ả rùng mình hồi hộp với ý nghĩ rằng thanh gươm này bao quanh toàn bộ thế giới và cả một phần bầu trời trên đầu nữa. Nó *yêu* ả.

Một thanh gươm rực lửa.

Nhân loại vẫn không học được bài học rằng gươm rất nguy hiểm nếu bị vứt vạ vật, mặc dù họ *đã* cố gắng hết năng lực hạn chế của mình để đảm bảo rằng một thanh gươm cỡ này có khả năng được vô tình sử dụng là rất cao. Quả là một ý nghĩ khiến ta hởi lòng hởi dạ. Thật tuyệt khi nghĩ rằng nhân loại có phân biệt giữa việc làm hành tinh này nổ tung một cách vô tình và làm nó nổ tung một cách cố ý.

Ô Nhiễm lại thọc tay vào một giá đầy các thiết bị điện tử đắt tiền khác.

Người lính gác lố hống ở hàng rào có vẻ bối rối. Anh ta biết là ở căn cứ đang có chuyện lộn xộn, và điện đàm của anh ta dường như không thu được bất kỳ cái gì ngoài tiếng nhiễu, trong khi mắt anh ta cứ bị hút về phía tấm thẻ trước mặt.

Anh ta đã thấy nhiều thẻ căn cước trong đời - quân đội, CIA, FBI, thậm chí cả KGB nữa - và, vì còn trẻ, nên anh ta chưa hiểu rằng tổ chức càng ít quan trọng thì thẻ căn cước của nó lại càng ấn tượng.

Tấm thẻ này ấn tượng *chết đi được*. Môi anh ta mấp máy trong lúc anh ta đọc lại nó, từ đoạn "Hộ quốc công khối Thịnh vượng chung Anh quốc ra lệnh và yêu cầu", đến đoạn về trưng thu tất cả củi đóm, dây thừng, và dầu thắp, cho đến tận đoạn cuối, là chữ ký của Tổng Quản đầu tiên của ĐQSPT, Hãy-Ngợi-Ca-Ân-Điển-Của-Chúa-Và-Chớ-Gian-Dâm Smith. Newt giữ ngón cái đè lên đoạn Chín Xu cho Một Phù thủy và cố tỏ ra thật giống James Bond.

Cuối cùng trí não mò mẫm của người lính thấy một từ mà anh ta nghĩ là mình nhận ra.

"Đoạn này," anh ta nói vẻ nghi ngờ, "về chuyện chúng tôi phải cho anh faggot(*) nghĩa là thế nào?"

"Ồ, chúng tôi cần chúng," Newt nói. "Để đốt."

"Sao cơ?"

"Chúng tôi đốt chúng."

Khuôn mặt người lính giãn ra thành một nụ cười. Thế mà họ bảo anh ta là dân Anh ẻo lả lắm. "Có thể chứ!" anh ta nói.

Có thứ gì đó ấn vào eo lưng anh ta.

"Bỏ súng xuống," Anathema lên tiếng sau lưng anh ta, "không thì tôi sẽ rất tiếc điều tôi sẽ phải làm tiếp theo đấy."

Ờ thì cũng đúng mà, cô thầm nghĩ khi thấy người lính cứng đờ ra vì sợ. Nếu anh ta không bỏ súng xuống thì anh ta sẽ phát hiện đây chỉ là một cành cây, và mình sẽ rất tiếc vì bị bắn.

◇

Ở cống chính, Trung sĩ Thomas A. Deisenburger cũng đang gặp rắc rối. Một lão già nhỏ bé mặc cái áo ba đờ xuy cáu bẩn cứ chĩa một ngón tay vào anh ta và lầm bầm, trong khi một bà nhìn hơi giống mẹ anh ta thì nói với anh ta bằng giọng khẩn nài và cứ tự ngắt lời bằng giọng khác hẳn.

"Quan trọng là chúng tôi cần được nói chuyện với người chịu trách nhiệm," *Aziraphale nói*. "Tôi phải yêu cầu là *anh ta nói đúng đấy, tôi sẽ biết ngay nếu anh ta nói dối* vâng, cảm ơn bà, tôi nghĩ chúng ta sẽ đạt được kết quả gì đó nếu bà vui lòng để tôi nói tiếp *được thôi cảm ơn bà tôi chỉ muốn nói giúp anh một lời thôi mà* Vâng! Ờ. *Anh đang hỏi anh ta* à vâng, phải rồi… giờ thì…"

"Có thấy ngón tay ta không?" Shadwell quát, lão vẫn còn tỉnh táo, nhưng sự tỉnh táo ấy chỉ được nối với lão ở cuối một sợi dây dài và mòn xơ. "Có thấy không? Ngón tay này có thể cho chú mày về chầu ông bà ông vải đấy!"

Trung sĩ Deisenburger trố mắt nhìn cái móng tay cáu đen và tím bầm cách mặt mình vài phân. Xét theo cấp độ vũ khí sát thương thì nó cũng đứng ở mức khá cao, nhất là nếu được dùng trong việc chuẩn bị thức ăn.

Điện thoại chỉ toàn tiếng nhiễu. Anh ta đã được lệnh không được phép rời vị trí. Vết thương của anh ta từ hồi ở Việt Nam lại đang nhức nhối.(*) Anh ta tự hỏi mình sẽ gặp bao nhiêu rắc rối nếu bắn dân thường không phải người Mỹ.

◇

Bốn chiếc xe đạp dừng lại cách căn cứ một quãng. Vệt bánh xe trên bụi đường và một vũng dầu cho thấy những lữ khách cũng đã nghỉ chân ở đó một lát.

"Dừng lại làm gì?" Pepper hỏi.

"Tao đang nghĩ," Adam đáp.

Thật là khó. Cái phần trong tâm trí nó mà nó biết là *bản thân mình* vẫn còn đó, nhưng cái phần đó đang cố ngoi lên giữa một

bế bóng tối hỗn loạn. Nhưng điều nó ý thức được, đó là ba đứa bạn nó là con người một trăm phần trăm. Trước kia nó đã khiến chúng gặp rắc rối, theo nghĩa bị rách quần áo và không được tiền tiêu vặt, đại loại thế, nhưng vụ này chắc chắn sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng hơn so với chỉ bị cấm túc trong nhà và bị bắt phải dọn phòng.

Mặt khác, cũng chẳng còn ai nữa.

"Thôi được," nó nói. "Tao nghĩ là bọn mình cần vài thứ. Một thanh gươm, một cái vương miện, và bàn cân."

Cả bọn trố mắt nhìn nó.

"Cái gì, ở ngay đây ấy à?" Brian hỏi. "Quanh đây làm gì có thứ gì như thế."

"Biết đâu đấy," Adam nói. "Khi bọn mày nhớ lại những trò bọn mình hay chơi ấy mà..."

Để khiến ngày hôm đó của Trung sĩ Deisenburger thêm trọn vẹn, một chiếc xe xuất hiện, lơ lửng trên mặt đất vài phân, vì nó không có bánh xe. Cũng không có cả nước sơn. Nó chỉ có một luồng khói xanh, và khi dừng lại thì nó phát ra những tiếng *pingping* của kim loại đang nguội dần sau khi bị nung đến nhiệt độ cực cao.

Nhìn chiếc xe như thể có kính mờ, tuy nhiên thực ra đó chỉ là hiệu ứng do cửa sổ kính bình thường nhưng bên trong xe lại đầy khói thôi.

Cửa tài xế mở, và một quầng khói sặc sụa tuôn ra. Rồi Crowley bước ra theo nó.

Hắn xua khói trước mặt, chớp mắt, rồi biến cử chỉ đó thành một cái vẫy tay thân thiện.

"Chào," hắn nói. "Mọi chuyện thế nào rồi? Thế giới đã tận diệt chưa?"

"Anh ta không cho bọn tôi vào, Crowley," *bà Tracy nói*.

"Aziraphale? Anh đấy à? Váy đẹp nhỉ," Crowley lơ đãng nói. Hắn cảm thấy không được khỏe. Suốt gần năm mươi cây số cuối

cùng hắn đã phải tưởng tượng một tấn kim loại, cao su và da thuộc đang cháy bùng bùng là một chiếc xe hơi hoạt động bình thường, và chiếc Bentley đã cưỡng lại hắn hết sức dữ dội. Phần khó nhất là bắt nó vẫn chạy sau khi phần lốp bố thép chạy được trong mọi thời tiết đã cháy mất. Bên cạnh hắn, những gì còn lại của chiếc Bentley rơi bộp xuống các vành bánh xe méo mó khi hắn thôi tưởng tượng là nó có lốp xe.

Hắn vỗ vỗ lên một bề mặt kim loại nóng đến tráng trứng được.

"Xe thời nay thì làm sao mà chạy thế được," hắn âu yếm nói.

Tất cả bọn họ nhìn hắn chằm chằm.

Có một tiếng cách điện tử rất nhỏ.

Cánh cổng đang nâng lên. Cái hộp đựng mô tơ điện rên lên một tiếng cơ học rồi bỏ cuộc, chịu thua sức mạnh không gì ngăn nổi đang kéo thanh chắn lên.

"Này!" Trung sĩ Deisenburger nói. "Ai trong đám lập dị các người đã làm thế?"

Vút. *Vút*. *Vút*. *Vút*. Và một con chó nhỏ, chân chỉ còn là một vệt mờ.

Họ trố mắt nhìn bốn dáng người đạp xe tít mù vừa chui qua thanh chắn và biến vào trong khu trại.

Viên trung sĩ cố bình tĩnh lại.

"Này," anh ta nói, nhưng lần này yếu ớt hơn nhiều, "có đứa nào trong bọn trẻ con đó có một người ngoài hành tinh với khuôn mặt như một cục phân thân thiện trong giỏ xe không?"(*)

"Hình như không," Crowley nói.

"Thế thì," Trung sĩ Deisenburger nói, "chúng gặp rắc rối to rồi." Anh ta giơ súng lên. Rón rén thế là đủ lắm rồi; anh ta cứ nghĩ về xà phòng suốt. "Và các vị," anh ta nói, "cũng vậy."

"Ta cảnh báo chú mày..."

"Chuyện này kéo dài quá lâu rồi," *Aziraphale nói*. "Xử lý đi, Crowley, chóng ngoan nào."

"Hử?" Crowley nói.

“Tôi là phe tốt,” *Aziraphale nói*. “Anh không thế chờ đợi tôi… chà, thôi mặc xác. Cố làm điều đúng đắn mà có đi đến đâu đâu?” *Y búng ngón tay.*

Có một tiếng bốp như tiếng nổ của đèn nháy kiểu cổ, và Trung sĩ Thomas A. Deisenburger biến mất.

“*Ơ*,” Aziraphale nói.

“Thấy chưa?” Shadwell nói, lão vẫn chưa tường tận chuyện đa nhân cách của bà Tracy. “Dễ như bỡn. Cứ theo ta là sẽ ổn thôi.”

“Giỏi lắm,” Crowley nói. “Không ngờ là anh cũng có khả năng đó cơ đấy.”

“Không,” *Aziraphale nói*. “Chính tôi cũng không ngờ. Hy vọng tôi đã không đưa anh ta đến nơi nào đó khủng khiếp.”

“Anh nên làm quen với chuyện đó ngay bây giờ đi,” Crowley nói. “Anh chỉ đưa họ đi thôi. Tốt nhất là đừng băn khoăn xem họ đến đâu.” Hắn có vẻ hết sức hứng thú. “Anh không định giới thiệu tôi với cơ thể mới à?”

“Sao? A. Vâng, tất nhiên rồi. Bà Tracy, đây là Crowley. Crowley, đây là bà Tracy. *Rất hân hạnh*.”

“Vào thôi,” Crowley nói. Hắn buồn rầu nhìn đống đổ nát của chiếc Bentley, rồi bỗng tươi mặt hơn. Một chiếc xe jeep đang chạy phăm phăm về phía cổng, nhìn như thể trong đó đầy người đang định thét hỏi và nổ súng mà không cần biết họ làm theo thứ tự nào.

Hắn vui vẻ hẳn lên. Đây mới đúng cái gọi là lĩnh vực chuyên môn của hắn.

Hắn bỏ tay ra khỏi túi áo, giơ tay lên như Lý Tiểu Long, rồi cười như Lee van Cleef.[(*)] “À,” hắn nói, “xe đến đây rồi.”

Cả bọn đỗ xe bên ngoài một trong những tòa nhà thấp. Wensleydale cẩn thận khóa xe lại. Nó là thằng bé kiểu như thế.

“Thế những người đấy trông sẽ như thế nào?” Pepper hỏi.

“Họ có thể nhìn giống bất kỳ ai,” Adam nói vẻ lưỡng lự.

“Họ là người lớn chứ hả?” Pepper hỏi.

“Ừ,” Adam đáp. “Người lớn hơn bất kỳ ai mày đã từng thấy, tao đoán thế.”

“Chống lại người lớn chẳng được gì,” Wensleydale rầu rĩ nói. “Chỉ tổ gặp rắc rối thôi.”

“Bọn mày sẽ không phải chống lại họ,” Adam nói. “Chỉ cần làm theo lời tao là được.”

Bọn Chúng nhìn những thứ chúng đang cầm. Xét theo tiêu chuẩn dụng cụ để giải cứu thế giới thì nhìn chúng không được hiệu quả cho lắm.

“Thế bọn mình làm cách nào để tìm ra họ?” Brian nghi ngại hỏi. “Tao nhớ hôm bọn mình đến tham quan, chỉ toàn phòng ốc và các thứ. Bao nhiêu là phòng và đèn nhấp nháy.”

Adam trầm ngâm nhìn mấy tòa nhà. Còi báo động vẫn đang kêu ông ổng.

“Ờ,” nó nói, “*tao* thấy là…”

“Này, mấy đứa nhóc các cháu làm gì ở đây thế?”

Giọng nói đó không có vẻ đe dọa một trăm phần trăm, nhưng cũng đã ở gần cuối giới hạn rồi, và nó thuộc về một sĩ quan đã mất mười phút để cố hiểu một thế giới vô lý nơi còi báo động réo vang và cửa không chịu mở. Hai người lính cũng có vẻ bối rối không kém đứng sau lưng ông ta, không biết phải xử lý thế nào với bốn đứa trẻ vị thành niên thấp bé và rõ ràng là da trắng, một trong số chúng còn có vẻ là con gái nữa.

“Đừng lo cho bọn cháu,” Adam thư thái nói. “Bọn cháu chỉ đang xem loanh quanh thôi.”

“Nào nghe đây…” viên trung úy mở miệng.

“Ngủ đi,” Adam nói. “Ông ngủ đi. Tất cả những người lính ở đây ngủ đi. Như vậy các ông sẽ không bị hại. Tất cả ngủ đi, *ngay bây giờ*.”

Viên trung sĩ trố mắt nhìn nó, cố tập trung. Rồi ông ta đổ gục về phía trước.

“Trời,” Pepper nói, khi những người khác đố theo, “mày làm cách nào thế?”

“Ờ,” Adam thận trọng nói, “bọn mày có nhớ đoạn về thôi miên trong cuốn *101 trò vui cho bé trai* mà bọn mình chưa từng làm được không?”

“Thì sao?”

“Ờ thì nó cũng tựa tựa thế, chỉ khác là giờ tao đã tìm ra cách làm.” Nó quay lại với tòa nhà liên lạc.

Nó lấy tinh thần, vươn người từ tư thế lù rù thoải mái quen thuộc thành một dáng đứng thẳng thớm mà hẳn ông Tyler sẽ rất lấy làm tự hào.

“Được rồi,” nó nói.

Nó ngẫm nghĩ một lát.

Rồi nó bảo, “Đến mà xem.”

Nếu ta lấy đi thế giới và chỉ để lại mạng lưới điện, thì nhìn nó sẽ giống như một vật chạm lộng tinh tế nhất từng được tạo ra - một quả cầu làm bằng những dải bạc lấp lánh, thỉnh thoảng lại có một tia vệ tinh chói rực chiếu lên. Ngay cả những khoảng tối cũng sáng bừng nhờ sóng vô tuyến ra đa và phát thanh. Nó có thể là hệ thống thần kinh của một con quái vật khổng lồ.

Đây đó các thành phố tạo nên những nút thắt trong mạng lưới, nhưng phần lớn điện chỉ là hệ thống cơ bắp, dùng cho các công việc tay chân. Nhưng từ khoảng năm mươi năm nay, con người đã đem đến cho điện những bộ não.

Và giờ nó đã có sự sống, giống như lửa cũng có sự sống. Các công tắc chảy ra và đóng lại. Các rơ le chập cầu chì. Giữa trung tâm của những con chip silicon, với hệ thống kiến trúc tí hon nhìn như bản đồ thành phố Los Angeles, các lối đi mới mở ra, và cách đó hàng trăm cây số, chuông réo vang trong những căn phòng dưới hầm, và những người đàn ông kinh hoàng nhìn những gì được hiển thị trên các màn hình. Những cánh cửa thép nặng đóng chặt trong các căn hầm bí mật trong lòng núi, để mặc

những người ở phía bên kia đâm lên chúng và vật lộn với những hộp cầu giao đã tan chảy. Những khoảng sa mạc và lãnh nguyên trượt ra, để khí trời lọt vào những hầm mộ được điều hòa, và những hình thù tròn tròn chậm rãi tiến vào vị trí.

Và trong lúc điện truyền đến những nơi lẽ ra nó không được đến, nó cũng rời khỏi những vị trí thường lệ. Trong thành phố, đèn giao thông tắt phụt, rồi đến đèn đường, rồi tất cả đèn đóm. Quạt chạy chậm dần, chập chờn, rồi dừng lại. Máy sưởi nguội tắt. Thang máy bị kẹt. Các kênh radio chết lặng, tiếng nhạc êm dịu chúng phát ra tắt ngấm.

Có câu nói rằng chỉ cần hai mươi tư giờ và thiếu ăn hai bữa là văn minh nhân loại sẽ trở về thời man di.

Màn đêm đang dần bao trùm lấy Trái đất đang quay. Lẽ ra Trái đất phải đầy những đốm sáng. Nhưng không có.

Dưới đó có năm tỉ người, chuyện sắp xảy ra sẽ khiến thời man di nhìn như một bữa picnic - nóng hổi, ngon miệng, và cuối cùng là để cho bầy kiến dọn sạch.

Thần Chết đứng thẳng dậy. Dường như hắn đang chăm chú lắng nghe. Hắn nghe bằng cái gì thì đố ai biết.

NGÀI ĐANG Ở ĐÂY, hắn nói.

Ba kẻ kia ngước lên. Có một sự thay đổi hầu như chẳng thể nhận ra trong cách họ đứng đó. Một phút trước khi Thần Chết lên tiếng, *họ*, cái phần trong họ mà không đi đứng nói cười như người bình thường, đã bao quanh cả thế giới. Giờ họ đã quay lại.

Gần như thế.

Ở họ có vẻ gì là lạ. Như thể, thay vì mặc quần áo không vừa, giờ cơ thể của họ lại không vừa. Nạn Đói nhìn như thể hắn đã bị chỉnh hơi lệch kênh, nên tín hiệu vẫn vượt trội từ trước đến giờ - của một thương gia thành đạt, lịch thiệp, năng nổ - đã bắt đầu bị lấn át bởi tiếng nhiễu cổ xưa, khủng khiếp từ tính cách cơ bản của hắn. Làn da của Chiến Tranh bóng nhẫy mồ hôi. Da Ô Nhiễm thì chỉ bóng nhẫy thôi.

“Tất cả đã… được xử lý,” Chiến Tranh nói, lên tiếng một cách khó khăn. “Mọi chuyện sẽ… tự diễn ra.”

“Không chỉ là hạt nhân đâu,” Ô Nhiễm nói. “Còn là hóa chất nữa. Hàng ngàn lít trong… các thùng nhỏ trên khắp thế giới. Những chất lỏng tuyệt đẹp… tên có đến mười tám âm tiết. Và cả những… thứ dự phòng quen thuộc nữa. Muốn nói gì tùy. Plutoni có thể khiến ta đau khổ hàng ngàn năm, nhưng thạch tín là vĩnh viễn.”

“Và rồi… mùa đông,” Nạn Đói nói. “Ta *thích* mùa đông. Mùa đông có vẻ gì đó rất… *thanh sạch*.”

“Gậy ông… sắp đập lưng ông,” Chiến Tranh nói.

“Không còn ông nào nữa đâu,” Nạn Đói nói thẳng thừng.

Chỉ Thần Chết là không thay đổi. Có những thứ không bao giờ thay đổi.

Bộ Tứ rời tòa nhà. Điều đáng chú ý là Ô Nhiễm, mặc dù đang bước đi, vẫn tạo ấn tượng là gã đang chảy ri rỉ.

Và điều này đã được Anathema và Newton Pulsifer để ý.

Đó là tòa nhà đầu tiên họ tiến đến. Nhìn bên trong có vẻ an toàn hơn nhiều so với bên ngoài, nơi đang hết sức lộn xộn. Anathema đã mở một cánh cửa gắn đầy những biểu tượng cho thấy mở cửa là một việc nguy hiểm chết người. Cánh cửa đã mở ra ngay khi cô chạm vào. Khi họ vào trong, nó liền tự động đóng và khóa lại.

Họ đã không có nhiều thời gian để bàn bạc về điều này sau khi Bộ Tứ bước vào.

“Chúng là cái gì vậy?” Newt hỏi. “Khủng bố à?”

“Theo một nghĩa tuyệt đích và chuẩn xác,” Anathema nói, “thì em nghĩ là anh nói đúng.”

“Thế những câu nói kỳ dị đó là sao?”

“Em nghĩ là về tận thế,” Anathema nói. “Anh có thấy huyền quang của chúng không?”

“Anh nghĩ là không,” Newt đáp.

“Không hay chút nào.”

“À.”

“Thật ra là huyền quang âm.”

“Thế à?”

“Như các hố đen vậy.”

“Thế là tệ lắm phải không?”

“Phải.”

Anathema trừng mắt nhìn những hàng tủ kim loại. Lần này, trong lúc này, bởi vì đây không phải là trò chơi nữa mà là thật, những thứ máy móc sẽ đem đến sự tận diệt của thế giới, hay ít ra là cái khoảng thế giới tính từ hai mét dưới mặt đất lên đến tận tầng ozone, lại đang không chạy theo kịch bản thông thường. Không có cái hộp to màu đỏ với đèn nhấp nháy. Không có cuộn dây với cái vẻ “hãy cắt tôi đi”. Không có bảng số to đến phát ngờ đang đếm ngược đến không mà có thể bị dừng lại khi chỉ còn vài giây. Thay vào đó, các tủ sắt có vẻ chắc chắn, rất nặng, và có thể cưỡng lại bất kỳ hành động anh hùng phút chót nào.

“Cái gì sẽ tự diễn biến cơ?” Anathema hỏi. “Chúng đã làm gì đó, phải không?”

“Có lẽ có công tắc tắt ở đâu đó?” Newt luống cuống nói. “Anh chắc là nếu chúng ta tìm xung quanh…”

“Những thứ kiểu này đều được nối dây trực tiếp. Đừng ngốc thế. Em tưởng anh biết về những thứ này chứ.”

Newt tuyệt vọng gật đầu. Vụ này khác xa so với quyển *Điện máy cho mọi người*. Để cho ra vẻ, cậu ngó vào sau một cái tủ.

“Viễn thông toàn cầu,” cậu nói giọng nghèn nghẹt. “Em gần như có thể làm bất kỳ điều gì. Điều chỉnh nguồn điện chính, kết nối với các vệ tinh. Bất kỳ điều gì. Em có thể” - *xẹt* - “á, em có thể” - *xẹt* - “a, khiến mọi thứ” - *xẹtt* - “ự, làm đủ” - *xxẹt* - “ui.”

“Anh thế nào rồi?”

Newt mút ngón tay. Cậu chưa tìm thấy cái gì giống một bóng bán dẫn cả. Cậu quấn cái khăn mùi soa quanh bàn tay và giật mấy bảng mạch ra khỏi ổ cắm của chúng.

Có lần, một cuốn tạp chí điện tử mà cậu đăng ký mua đã đăng một bảng mạch đùa, đảm bảo không thể hoạt động. Họ bông lơn rằng cuối cùng thì cũng có một thứ mà những kẻ hậu đậu vụng về có thể làm ra mà biết chắc rằng nếu nó không hoạt động thì có nghĩa là nó đã hoạt động tốt. Nó có đi ốt cắm sai chiều, bóng bán dẫn ngược, và pin kiệt. Newt đã lắp nó, và nó đã bắt được Đài Phát thanh Moscow. Cậu đã viết thư cho tạp chí để than phiền, nhưng họ không trả lời.

"Anh không biết làm thế này có ích gì không nữa," cậu nói.

"James Bond thường chỉ tháo các thứ ra là xong mà," Anathema nói.

"Không chỉ tháo các thứ đâu," Newt nói, thần kinh cậu đã bắt đầu tơi tả. "Và anh không phải" - *xoẹt* - "James Bond. Nếu anh là James Bond" - *xìxì* - "thì bọn người xấu đã cho anh thấy các đòn bẩy chết người và cho anh biết cách chúng hoạt động rồi, phải không?" - *Phxịt* - "Chỉ có điều nó không xảy ra như thế trong đời thực! Anh *không* biết đang có chuyện gì và anh *không thể ngăn* nó lại được."

Mây vần vũ quanh đường chân trời. Trên đầu, bầu trời vẫn còn quang, không khí chỉ bị khuấy động bởi một hơi gió nhẹ. Nhưng không khí không bình thường. Nó có vẻ như pha lê, khiến bạn có cảm giác nếu quay đầu thì sẽ thấy nhiều mặt cắt mới. Nó lấp lánh. Nếu bạn cần phải tìm một từ để miêu tả nó thì từ *xúm xít* sẽ lẩn vào tâm trí bạn lúc nào không biết. Xúm xít đầy những sinh vật không hình thù rõ rệt đang chờ đợi thời khắc có được hình hài thực chất.

Adam ngước nhìn lên. Theo một cách nào đó thì trên đầu chỉ có không khí quang quẻ. Nhưng theo một cách khác thì, kéo dài đến tận vô cực, là những đội quân của Thiên đường và Địa ngục, các đầu cánh nối tiếp nhau. Nếu bạn nhìn thật kỹ, và nếu bạn đã được đào tạo đặc biệt, bạn có thể nhìn thấy sự khác biệt.

Sự im lặng siết chặt lấy cả thế giới.

Cửa tòa nhà bật mở và Bộ Tứ bước ra. Giờ ba bọn họ chỉ còn giống người một chút xíu thôi - họ nhìn như những hình người được tạo thành bởi những thứ họ là hoặc họ đại diện. Họ khiến Thần Chết trông giản dị tuyệt đôi. Chiếc áo khoác da và cái mũ bảo hiểm kính đen của hắn đã biến thành một cái áo choàng có mũ trùm, nhưng đó chỉ là tiểu tiết. Một bộ xương, dù là biết đi, thì vẫn là người; bên trong mọi sinh vật sống đều có Thần Chết lẩn quất.

"Vấn đề là," Adam vội vã nói, "họ không có thật đâu. Họ chỉ giống như ác mộng thôi."

"N-nhưng bọn mình có đang ngủ đâu," Pepper nói.

Chó rên ư ử và cố trốn sau lưng Adam.

"Gã kia nhìn như đang chảy ra ấy," Brian nói, chỉ hình thù đang tiến đến, nếu vẫn có thể gọi đó là hình thù, của Ô Nhiễm.

"Đấy thấy chưa," Adam lấy giọng khích lệ. "Thế thì làm sao là thật được, đúng không? Ai chả biết. Một thứ như thế không thể là *thật* được."

Bộ Tứ dừng lại cách đó vài mét.

VIỆC ĐÓ ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN, Thần Chết nói. Hắn hơi cúi về phía trước và nhìn Adam bằng cặp mắt không tròng. Rất khó nói xem hắn có ngạc nhiên không.

"Ờ, vâng," Adam nói. "Vấn đề *là*, tôi không muốn nó được thực hiện. Tôi đâu có *đòi* nó được thực hiện."

Thần Chết nhìn ba kẻ kia, rồi nhìn lại Adam.

Đằng sau họ, một chiếc jeep phanh két lại. Họ không để ý đến nó.

TA KHÔNG HIỂU, hắn nói. DỨT KHOÁT CHÍNH SỰ TỒN TẠI CỦA NGÀI ĐÒI HỎI THẾ GIỚI PHẢI TẬN DIỆT. ĐIỀU ĐÓ ĐÃ ĐƯỢC ĐỊNH TRƯỚC.

"Chẳng hiểu sao ai lại đi định đoạt những chuyện như thế làm gì," Adam bình thản nói. "Thế giới đầy những thứ tuyệt hay mà tôi vẫn chưa khám phá hết, nên tôi không muốn ai làm loạn nó lên hay kết thúc nó trước khi tôi có cơ hội tìm hiểu nó. Vì vậy các ngươi có thể đi đi."

(“*Chính nó đây, ông Shadwell*,” Aziraphale nói, chưa dứt lời thì giọng y đã nhỏ bặt dần sang một giọng không chắc chắn, “*thằng bé… mặc… áo phông ấy…*”)

Thần Chết nhìn Adam.

“Ngài… là… một phần… của chúng ta,” Chiến Tranh thốt ra giữa hai hàm răng như những viên đạn tuyệt đẹp.

“Việc đã xong. Chúng ta sẽ… tái tạo… thế giới,” Ô Nhiễm nói, giọng gã nghe cũng quỷ quyệt như một thứ đang rỉ từ một cái thùng phuy han gỉ vào một tầng nước ngầm vậy.

“Ngài… dẫn đường cho… chúng ta,” Nạn Đói nói.

Và Adam ngần ngừ. Những giọng nói trong thâm tâm nó vẫn đang gào thét rằng đó là sự thật, rằng thế giới cũng là của nó, và nó chỉ việc quay đầu và dẫn họ tiến vào một hành tinh đang hỗn loạn. Họ là những kẻ giống nó.

Xếp hàng trên đầu, các đội quân bầu trời đợi Lệnh.

(“Không thể bắt ta bắn nó được! Nó còn bé tí!”

“Ờ,” *Aziraphale nói*. “Ờ. Vâng. Có lẽ chúng ta nên đợi một lát, các vị thấy sao?”

“Ý anh là đợi nó lớn lên ấy à?” Crowley hỏi.)

Chó bắt đầu gầm gừ.

Adam nhìn Bọn Chúng. *Chúng* cũng là người giống nó.

Ta phải quyết xem bạn bè đích thực của mình là ai.

Nó quay lại nhìn Bộ Tứ.

“Xử chúng,” Adam khẽ nói.

Vẻ ngắc ngứ và lúng búng đã biến khỏi giọng nói của nó. Trong giọng nói đó là những thanh âm kỳ lạ. Không con người nào có thể chống lại một giọng nói như vậy.

Chiến tranh bật cười và nhìn Bọn Chúng vẻ chờ đợi.

“Lũ nhóc con,” ả nói, “nghịch mấy món đồ chơi. Hãy nghĩ đến các món đồ chơi ta có thể cho các ngươi… hãy nghĩ đến những *trò chơi*. Ta có thể khiến các ngươi say mê ta, lũ nhóc. Lũ nhóc con với những khẩu súng con con.”

Á lại cất tiếng cười, nhưng tiếng cười như súng liên thanh ấy tắt ngấm khi Pepper bước tới trước và giơ cánh tay run rẩy lên.

Đó cũng chẳng phải là một thanh gươm ra hồn cho lắm, nhưng nó là cái tốt nhất có thể làm được bằng hai mảnh gỗ và một sợi dây. Chiến Tranh nhìn nó.

"Ta *hiểu* rồi," ả nói. "Một *chọi một hả*?" Ả cũng rút gươm của mình ra và giơ nó lên, khiến nó phát ra âm thanh như một ngón tay miết quanh ly rượu.

Một tia chớp lóe lên khi hai thanh gươm chạm nhau.

Thần Chết nhìn vào mắt Adam.

Vang lên một tiếng leng keng thảm hại.

"Đừng chạm vào nó!" Adam quát, đầu không nhúc nhích.

Bọn Chúng trố mắt nhìn thanh gươm đang lắc lư rồi bất động trên nền bê tông.

" 'Lũ nhóc con,' " Pepper khinh bỉ lầm bầm. Sớm muộn gì thì ai cũng phải quyết định xem mình thuộc về băng nào.

"Nhưng, nhưng," Brian nói, "cô ta như bị hút vào thanh gươm ấy..."

Không khí giữa Adam và Thần Chết bắt đầu rung chuyển, như giữa một luồng hơi nóng.

Wensleydale ngẩng đầu lên và nhìn thẳng vào cặp mắt hõm sâu của Nạn Đói. Thằng bé đang cầm trong tay một thứ mà, nếu thêm chút tưởng tượng thì cũng có thể gọi là một cái cân làm bằng nhiều cành cây và dây nữa. Rồi nó quay cái cân quanh đầu.

Nạn Đói giơ tay lên tự vệ.

Có một ánh chớp nữa, rồi vang lên tiếng leng keng của chiếc cân bạc nẩy xuống nền đất.

"Đừng... chạm... vào... nó," Adam nói.

Ô Nhiễm đã quay lưng chạy, hay ít ra cũng bắt đầu chảy thật nhanh, nhưng Brian giật vành cỏ đeo trên đầu xuống và ném mạnh. Lẽ ra vành cỏ không thể bay xa được, nhưng một sức mạnh nào đó đã giật nó ra khỏi tay thằng bé, làm nó quay tít như một chiếc đĩa.

Lần này vụ nổ đầy lửa đỏ rực giữa một quầng khói đen, tỏa mùi dầu nồng nặc.

Với một tiếng kim loại lách cách, một chiếc vương miện bạc đen xỉn lăn ra khỏi đám khói rồi xoay tròn với âm thanh như một đồng xu quay chậm dần.

Ít nhất chúng cũng không cần cảnh báo là không được chạm nào cái vương miện. Nó lấp lánh theo một cách quái đản so với chất liệu kim loại của nó.

"Họ đi đâu rồi?" Wensley hỏi.

NƠI HỌ THUỘC VỀ, Thần Chết nói, vẫn không rời mắt khỏi mắt Adam. NƠI HỌ VẪN LUÔN TỒN TẠI. QUAY VỀ TÂM TRÍ CON NGƯỜI.

Hắn nhăn nhở cười với Adam.

Có một tiếng rách. Áo choàng của Thần Chết toạc ra và cặp cánh của hắn dang rộng. Cánh thiên thần. Nhưng không làm bằng lông vũ. Chúng là cặp cánh của màn đêm, cặp cánh xuyên qua vật chất sáng thế mà đi vào bóng tối bên dưới, nơi một vài đốm sáng xa xăm đang lập lòe, những đốm sáng có thể là những vì sao, mà cũng có thể là thứ gì đó hoàn toàn khác.

NHƯNG TA, hắn nói, KHÔNG GIỐNG HỌ. TA LÀ AZRAEL, ĐƯỢC TẠO RA ĐỂ LÀM CÁI BÓNG CỦA SỰ SÁNG THẾ. NGÀI KHÔNG THỂ HỦY DIỆT TA. ĐIỀU ĐÓ SẼ HỦY DIỆT CẢ THẾ GIỚI.

Sức nóng từ cuộc đấu nhãn của họ giảm dần. Adam gãi gãi mũi.

"À, ai biết được," nó nói. "Biết đâu lại có cách." Nó toét miệng cười đáp lại.

"Mà thôi, tất cả phải dừng lại đi," nó nói. "Tất cả các thứ máy móc ấy mà. Giờ ông phải làm theo lời tôi, và tôi ra lệnh tất cả dừng lại."

Thần Chết nhún vai. NÓ ĐÃ BẮT ĐẦU DỪNG LẠI RỒI, hắn nói. KHÔNG CÓ HỌ, hắn chỉ vào những tàn tích thảm hại của ba kỵ sĩ kia, MỌI CHUYỆN SẼ KHÔNG THỂ TIẾP TỤC. SỰ HỖN

LOẠN TỰ NHIÊN SẼ CHIÊN THẮNG. Thần Chết giơ một bàn tay trơ xương lên như để chào.

HỌ SẼ QUAY LẠI, hắn nói. HỌ KHÔNG BAO GIỜ ĐI XA.

Cặp cánh vỗ, chỉ một lần thôi, như một tiếng sấm, và vị thiên thần Chết Chóc biến mất.

"Được rồi," Adam nói với khoảng không trống rỗng. "Thế là xong. Mọi chuyện sẽ không xảy ra nữa. Những chuyện họ đã bắt đầu... sẽ phải dừng lại *ngay bây giờ*."

Newt tuyệt vọng nhìn các giá đựng thiết bị.

"Cứ tưởng là phải có bản hướng dẫn hay gì đó chứ," cậu nói.

"Thử xem Agnes có nói gì về chuyện này không," Anathema gợi ý.

"À, phải," Newt chua chát nói. "Thật là hợp lý quá, phải không? Phá hoại đồ điện tử của thế kỷ hai mươi với sự trợ giúp của một quyển hướng dẫn từ thế kỷ mười bảy? Agnes Nutter biết gì về bóng bán dẫn chứ?"

"Ờ, ông nội em đã diễn giải lời tiên tri số 3328 rất hiệu quả vào năm 1948 và đã có vài khoản đầu tư khá khôn ngoan," Anathema đáp. "Tất nhiên, bà không biết nó sẽ được gọi là gì, và bà không thạo lắm về điện tử nói chung, nhưng..."

"Anh chỉ đang nói theo kiểu tu từ thôi."

"Mà anh cũng có phải làm cho nó hoạt động đâu. Anh phải làm cho nó ngừng hoạt động. Để làm được chuyện đó thì anh đâu có cần hiểu biết. Anh chỉ cần bị ngu thôi mà."

Newt rên lên.

"Thôi được," cậu mệt mỏi nói. "Cứ thử xem nào. Cho anh một lời tiên tri xem."

Anathema rút hú họa một tấm thẻ.

" 'Anh ta không phải người như anh ta nói,' " cô đọc. "Là số 1002. Đơn giản quá nhỉ. Anh có ý gì không?"

"Ờ, là thế này," Newt nói, vẻ khổ sở, "bây giờ quả thực không phải lúc để nói ra nhưng," - cậu nuốt khan - "thật ra anh chẳng thạo đồ điện lắm. Thực ra là chẳng thạo tẹo nào."

“Em nhớ anh đã nói anh là kỹ sư máy tính cơ mà.”

“Đấy là thậm xưng thôi. Ý anh là, thậm xưng đến hết mức có thể ấy, thật ra, anh đoán em có thể gọi nó là chém gió cũng được. Thậm chí, anh có thể nói thẳng ra nó là cái gì,” Newt nhắm mắt lại, “đấy là quanh co.”

“Ý anh là một lời nói dối chứ gì?” Anathema dịu dàng hỏi.

“Ồ, không đến mức *đấy* đâu,” Newt nói. “Tuy nhiên,” cậu nói thêm, “thật ra anh không phải là kỹ sư máy tính. Không hề. Thậm chí còn ngược lại là đằng khác.”

“Ngược lại là thế nào?”

“Nếu em muốn biết thì lần nào anh cố làm một thứ đồ điện gì đó hoạt động, nó cũng bị hỏng.”

Anathema nở một nụ cười tươi rói với cậu và lấy một tư thế rất kịch, như cô gái mặc đồ đính kim tuyến đang lùi lại để cho khán giả thấy trò ảo thuật trên sân khấu.

“Xin mời,” cô nói.

“Sửa nó đi,” cô nói.

“Sao cơ?”

“Làm nó hoạt động tốt hơn đi,” cô nói.

“Anh không biết nữa,” Newt đáp. “Anh không chắc là mình làm được.” Cậu đặt một tay lên cái tủ gần nhất.

Có âm thanh của một thứ mà cậu không nhận ra là mình đã nghe thấy từ nãy đến giờ bỗng đột ngột dừng lại, kèm theo tiếng rít nhỏ dần của một máy phát điện đâu đó phía xa. Đèn trên bảng điều khiển nhấp nháy, rồi tắt gần hết.

Trên khắp thế giới, những người đang vật lộn với các công tắc bỗng thấy chúng hoạt động trở lại. Các cầu dao mở ra. Các máy tính ngừng lên kế hoạch cho Thế chiến Thứ ba và quay trở lại lười biếng quét tầng bình lưu. Trong các boong ke bên dưới Novya Zemla, những người lính thấy các cầu chì họ đang cuống cuồng kéo ra cuối cùng cũng rời ra trong tay họ; trong các boong ke dưới Wyoming và Nebraska, những người lính mặc đồ dã chiến liền thôi gào thét và vẫy súng vào mặt nhau, và muốn

uống một cốc bia, nếu ở các căn cứ tên lửa cho phép đồ uống có cồn. Thực ra là không được phép, nhưng họ vẫn uống.

Đèn sáng. Văn minh nhân loại ngừng cú trượt dốc vào hỗn loạn và bắt đầu viết thư cho các báo về chuyện ngày nay mọi người cứ loạn cả lên vì những chuyện lặt vặt hết sức.

Ở Tadfield, những cỗ máy ngừng tỏ ra vẻ hăm dọa. Có gì đó bên trong chúng đã biến mất, không chỉ là điện.

"Trời," Newt thốt lên.

"Anh thấy chưa," Anathema nói. "Anh đã sửa đâu ra đấy còn gì. Bà Agnes luôn hết sức đáng tin cậy, hãy tin em. Giờ thì ra khỏi đây thôi."

◇

"Nó không muốn hủy diệt thế giới!" *Aziraphale nói*. "Chẳng phải tôi đã luôn bảo anh vậy sao, Crowley? Nếu anh chịu khó nhìn vào sâu bên trong con người, anh sẽ thấy rằng, trong thâm tâm, thật ra họ rất..."

"Chưa kết thúc đâu," Crowley nói gọn.

Adam quay lại và dường như bây giờ mới nhận ra họ. Crowley không quen với việc bị người khác nhận dạng dễ dàng như thế, nhưng Adam nhìn hắn như thể toàn bộ tiểu sử của hắn được dán lên sau sọ hắn và thằng bé đang đọc nó vanh vách. Trong một khoảnh khắc, hắn cảm nhận được nỗi kinh hoàng thực sự. Hắn cứ ngỡ nỗi kinh hoàng hắn cảm thấy trước kia là đồ thứ thiệt, nhưng đó chỉ là nỗi sợ tầm thường không là gì so với cảm giác mới này. Những kẻ Bên Dưới có thể khiến ta ngừng tồn tại bằng cách, ờ, tra tấn ta thật dã man tàn bạo, nhưng thằng bé này không những có thể khiến ta ngừng tồn tại chỉ bằng một ý nghĩ, mà có lẽ còn có thể sắp xếp sao cho ta chưa bao giờ tồn tại nữa.

Cái nhìn của Adam lướt sang Aziraphale.

"Xin lỗi, tại sao ông lại là hai người?" Adam hỏi.

"Ờ," Aziraphale nói, "*chuyện dài*..."

"Là hai người như thế là không đúng," Adam nói. "Tôi nghĩ ông nên quay lại làm hai người riêng biệt thì hơn."

Không có hiệu ứng đặc biệt phô trương nào cả. Chỉ có Aziraphale, ngồi cạnh bà Tracy.

"Ui, nhột quá," bà nói. Bà nhìn Aziraphale từ đầu đến chân, "Ồ," bà nói, giọng hơi thất vọng. "Không hiểu sao tôi lại nghĩ anh phải trẻ hơn."

Shadwell lầm lầm nhìn vị thiên thần vẻ ghen tức và ấn cò khẩu Thần công một cách cực kỳ có chủ đích.

Aziraphale nhìn xuống cơ thể mới của y, mà thật không may là nhìn vẫn giống hệt cơ thể cũ của y, chỉ khác là áo khoác ngoài sạch hơn.

"Thôi, thế là đã kết thúc," y nói.

"Không," Crowley nói. "Không. Chưa xong đâu, anh thấy đấy. Chưa hề."

Giờ mây *mới* kéo đến đầy trời, cuộn xoáy như một nồi mì nui đang sôi sùng sục.

"Anh thấy đấy," Crowley nói, giọng trĩu xuống đầy u ám tuyệt vọng, "mọi chuyện không đơn giản như thế đâu. Ta cứ nghĩ chiến tranh bắt đầu vì một lão công tước nào đó bị bắn, hay người này cắt tai người kia, hay ai đó đặt tên lửa nhầm chỗ. Không phải thế đâu. Đó chỉ là, ờ, chỉ là *cái cớ* thôi, chẳng liên quan gì đến chiến tranh hết. Điều thực sự gây ra chiến tranh là hai phe không chịu nổi nhau và áp lực cứ dồn nén mãi cho đến lúc cái gì cũng có thể khiến chiến tranh bùng nổ. Bất kỳ cái gì. Tên cậu là gì... ờ... nhóc?"

"Đó là Adam Young," Anathema nói, khi cô bước đến với Newt lẽo đẽo theo sau.

"Đúng thế. Adam Young," Adam nói.

"Giỏi lắm. Cậu đã cứu cả thế giới, cho nghỉ buổi chiều," Crowley nói. "Nhưng sẽ chẳng thay đổi được điều gì đâu."

“Tôi nghĩ anh nói đúng,” Aziraphale nói. “Tôi dám chắc là người phe tôi *muốn* có Tận thế. Thật đáng buồn.”

“Có ai cảm phiền cho chúng tôi biết đang có chuyện gì không?” Anathema nghiêm nghị nói, khoanh tay trước ngực.

Aziraphale nhún vai. “Chuyện dài lắm,” y mở lời.

Anathema vênh cằm lên. “Thì ông cứ kể đi,” cô nói.

“Ờ. Vào thuở ban đầu…”

Một tia chớp lóe lên, đánh xuống mặt đất cách Adam vài mét, rồi đứng nguyên tại chỗ, một cột sáng kêu xèo xèo, dưới đáy rộng hơn, như thể luồng điện hoang dại đang đổ vào một cái khuôn vô hình. Con người lùi lại, dựa sát chiếc jeep.

Tia chớp biến mất, và một chàng trai trẻ được tạo ra từ những ngọn lửa vàng rực đứng thế chỗ nó.

“Ôi trời,” Aziraphale nói. “Là ông ấy.”

“Tên nào?” Crowley hỏi.

“Giọng Nói của Chúa,” vị thiên thần đáp. “Metatron.”

Bọn Chúng trố mắt nhìn.

Rồi Pepper lên tiếng, “Đâu phải. Metatron làm bằng nhựa, có thần công laser và có thể biến thành máy bay trực thăng chứ.”(*)

“Đây là Megatron Vũ trụ,” Wensleydale yếu ớt nói. “Tao có một con, nhưng cái đầu bị rơi mất. Tao nghĩ cái này khác.”

Cái nhìn từ cặp mắt tuyệt đẹp nhưng vô hồn chạm vào Adam Young, rồi quay ngoắt sang nền bê tông đang sôi sùng sục bên cạnh mình.

Một hình thù vươn lên từ nền đất cuộn xoáy như quỷ vương trong vở kịch câm, nhưng nếu kẻ này có mặt trong một vở kịch câm thì sẽ chẳng còn khán giả nào sống sót và sau đó họ sẽ phải mời một linh mục đến để đốt trụi rạp hát. Nhìn nó không khác hình thù kia là mấy, chỉ khác là lửa của nó có màu đỏ như máu.

“Ờ,” Crowley nói, cố co rúm người trên ghế. “Chào… ờ.”

Vật màu đỏ ném cho hắn một cái nhìn vô cùng ngắn ngủi, như đánh dấu hắn để nuốt chửng sau, rồi quay sang nhìn Adam.

Khi vật đó lên tiếng, giọng nó nghe như hàng triệu con ruồi đang vội cất cánh.

Nó phát ra một tiếng vo ve, mà với những con người đang có mặt ở đó thì nghe như tiếng một cái dũa được kéo dọc sống lưng.

Nó đang nói chuyện với Adam, và thằng bé đáp lại, "Hử? Không. Tôi đã nói rồi. Tên tôi là Adam Young." Nó nhìn kẻ kia từ đầu đến chân. "Thế tên ông là gì?"

"Beelzebub," Crowley đáp thay. "Hắn là Chúa..."

"Cảm ơn, Crowzley," Beelzebub nói. "Lát nữa chzúng ta zzẽ phải nói chzuyện nghiêm chzỉnh. Ta zzám chzắc ngươi có nhiều điều cần nói với ta."

"Ờ," Crowley nói, "ờ, ngài thấy đấy, chuyện là thế này..."

"Trzật tự!"

"Vâng. Vâng," Crowley vội nói.

"Giờ thì, Adam Young," Metatron nói, "mặc dù chúng ta đánh giá rất cao sự giúp đỡ của cậu vào lúc này, chúng ta phải nói thêm rằng Tận thế phải xảy ra *ngay bây giờ*. Có thể có một vài bất tiện tạm thời, nhưng điều đó không nên ngăn cản cái thiện tối thượng."

"À," Crowley thì thào với Aziraphale, "ý gã là, chúng ta phải phá hủy thế giới thì mới có thể cứu rỗi nó."

"Điều đó ngăn cản cái zzì thì còn phải zzét lại," Beelzebub vo ve nói. "Nhưng phải quyết mọi zzự ngay bây giờ, nhóc. Đây là zzố mệnh của ngươi. Nó đã được định zzẵn."

Adam hít một hơi thật sâu. Những con người đứng quanh nín thở. Còn Crowley và Aziraphale thì đã quên thở từ lâu rồi.

"Tôi chẳng hiểu sao mọi người và mọi thứ lại cứ phải bị đốt trụi làm gì," Adam nói. "Hàng triệu con cá, cá voi, rồi cây cối, rồi cả cừu và các thứ nữa. Lý do thậm chí cũng chẳng ra hồn. Chỉ để xem băng nào cừ nhất. Giống như bọn tôi và bọn Johnsonite ấy. Nhưng dù các ông có thắng đi chăng nữa, các ông cũng không thể đánh bại phe kia, vì thực ra các ông không muốn. Ý tôi là, không muốn thắng vĩnh viễn ấy. Các ông sẽ lại bắt đầu từ đầu. Các ông sẽ gửi những người như hai ông kia," nó chỉ Crowley và

Aziraphale, “đế chọc ngoáy mọi người. Làm người đã khó lắm rồi, không cần người khác đến quấy phá nữa.”

Crowley quay sang Aziraphale.

“Johnsonite là sao?” hắn thì thào.

Vị thiên thần nhún vai. “Chắc là một giáo phái ly khai thời kỳ đầu, tôi đoán vậy,” y nói. “Theo thuyết Ngộ đạo. Giống hội Ophite ấy.” Trán y nhăn lại. “Hay là hội Sethite nhỉ? Không, tôi đang nghĩ đến đám Collyridian. Ôi trời. Tôi xin lỗi. Có đến cả trăm giáo phái ấy, tôi chẳng thể nào nhớ hết được.”

“Người ta bị quấy phá,” Crowley lầm bầm.

“Không quan trọng!” Metatron quát. “Mấu chốt của việc tạo ra Trái đất cùng với thiện và ác là…”

“Tôi chẳng thấy có gì hay hớm khi tạo ra con người là con người, rồi lại bực mình vì họ cư xử như con người,” Adam nghiêm khắc nói. “Mà nếu các ông thôi bảo mọi người là tất cả sẽ được xử lý sau khi họ chết, thì họ có thể sẽ tìm cách xử lý mọi chuyện lúc họ đang còn sống. Nếu tôi là người đứng đầu thì tôi sẽ làm mọi người sống lâu hơn nhiều, như Methuselah(*) ấy. Như thế thú hơn nhiều và họ sẽ phải nghĩ về những chuyện họ đang làm với môi *trường* và hệ sinh thái, vì họ sẽ vẫn còn sống trong một trăm năm tới.”

“À,” Beelzebub nói, và hắn bắt đầu mỉm cười thực sự. “Ngươi muốn làm bá chzủ thế zới. Thế mới zống cha ng…”

“Tôi đã nghĩ về chuyện đó rồi và tôi không muốn,” Adam nói, hơi quay người lại và gật đầu với Bọn Chúng vẻ khích lệ. “Ý tôi là, có vài thứ có thể cần được thay đổi một chút, nhưng tôi nghĩ mọi người sẽ suốt ngày đến tìm tôi và đòi tôi giải quyết mọi chuyện, dọn dẹp rác rưởi và tạo ra thêm cây cho họ, Thế thì có gì hay ho chứ? Cứ như là phải dọn phòng hộ người khác ấy.”

“Đến phòng của chính *mày* mà mày còn không dọn nữa là,” Pepper lên tiếng sau lưng nó.

“Tao có nói gì về phòng *tao* đâu,” Adam nói, ý chỉ căn phòng có cái thảm trải sàn từ mấy năm nay khuất dạng dưới bao nhiêu

là thứ. "Ý tao là phòng chung chung ấy. Tao không có ý nói phòng riêng của tao. Chỉ là phép ẩn *dị* thôi. Ý tao là thế."

Beelzebub và Metatron liếc nhìn nhau.

"Đấy," Adam nói, "suốt ngày phải nghĩ trò chơi cho Pepper với Wensley với Brian để chúng nó không chán đã đủ mệt lắm rồi, nên tôi thấy thế giới này là đủ lắm rồi, không cần thêm nữa. Dù sao thì cũng xin cảm ơn."

Mặt Metatron bắt đầu có cái vẻ mà ai nghe kiểu lý luận đặc trưng của Adam cũng sẽ thấy quen thuộc.

"Ngươi *không thể* chối bỏ bản chất của mình," cuối cùng y nói. "Nghe đây. Sự ra đời và số mệnh của ngươi là một phần của Kế hoạch Vĩ đại. Mọi chuyện *phải* xảy ra như thế này. Mọi lựa chọn đã được đưa ra."

"Nổi loạn là zất tốt," Beelzebub nói, "nhưng có những điều ta không thể chzống lại được! Ngươi phải hiểu!"

"Tôi có chống lại cái gì đâu," Adam nói bằng giọng hợp lý. "Tôi chỉ đang chỉ ra thôi. Tôi thấy các ông không thể trách người ta vì chỉ ra vấn đề được. Tôi thấy sẽ tốt hơn nhiều nếu các ông thôi đánh nhau đi và cứ xem mọi người sẽ làm gì. Nếu các ông đừng chọc ngoáy họ nữa thì họ có thể sẽ suy nghĩ thấu đáo hơn và họ sẽ không làm loạn thế giới lên nữa. Tôi không nói là họ sẽ làm thế," nó cẩn thận thêm vào, "nhưng họ có thể sẽ làm."

"Thật vô nghĩa lý," Metatron nói. "Ngươi không thể đi ngược lại Kế hoạch Vĩ đại. Ngươi phải *suy nghĩ*. Nó đã nằm trong gien của ngươi rồi. *Suy nghĩ* đi."

Adam ngần ngừ.

Dòng chảy ngầm hắc ám vẫn luôn sẵn sàng trở lại, róc rách thì thầm rằng đúng, đúng thế, mọi sự là như thế, ngươi phải làm theo kế hoạch vì ngươi là một phần trong đó...

Hôm đó đã là một ngày rất dài. Thằng bé đã mệt. Việc cứu cả thế giới đã khiến cơ thể mười một tuổi của nó rã rời.

Crowley gục đầu vào hai bàn tay. "Trong một khoảnh khắc, chỉ trong một khoảnh khắc thôi, tôi đã ngỡ chúng ta có cơ hội,"

hắn nói. “Thằng bé đã khiến họ lo lắng. Thôi, được thể cũng đã là…”

Hắn chợt nhận ra Aziraphale đã đứng lên.

“Cho tôi hỏi tí,” vị thiên thần nói.

Bộ ba kia nhìn y.

“Cái Kế hoạch Vĩ đại này,” y nói, “đó chính là Kế hoạch *bất khả tư nghị* đấy chứ?”

Im lặng một thoáng.

“Đó là Kế hoạch Vĩ đại,” Metatron nói thẳng thừng. “Ngươi biết rõ mà. Sẽ có một thế giới tồn tại sáu ngàn năm và nó sẽ kết thúc bằng…”

“Vâng, vâng, đó thì đúng là Kế hoạch Vĩ đại rồi,” Aziraphale nói. Hắn nói một cách lịch sự, cung kính, nhưng với cái vẻ của người vừa đặt ra một câu hỏi hóc búa ở một cuộc họp mặt chính trị và sẽ không chịu rời đi cho đến khi nhận được câu trả lời. “Tôi chỉ đang hỏi xem có phải nó cũng là bất khả tư nghị không. Tôi chỉ muốn biết cho chắc thôi ấy mà.”

“Không quan trọng!” Metatron quát. “Chắc hẳn chúng là cùng một thứ!”

Chắc hẳn ay à? Crowley thầm nghĩ. Hóa ra họ không *biết*. Hắn bắt đầu nhăn nhở cười như một thằng đần.

“Vậy ngài không dám chắc một trăm phần trăm?” Aziraphale hỏi.

“Chúng ta không thể hiểu Kế hoạch *bất khả tư nghị*,” Metatron nói, “nhưng tất nhiên, Kế hoạch Vĩ đại…”

“Nhưng Kế hoạch Vĩ đại có thể chỉ là một phần nhỏ tí tì ti của bất khả tư nghị nói chung thôi mà,” Crowley nói. “Ngài không thể chắc chắn rằng việc đang xảy ra bây giờ không phải là đúng đắn, Nếu nhìn theo góc độ bất khả tư nghị mà nói.”

“Nó đã được viết zzẵn!” Beelzebub rống lên.

“Nhưng nó có thể đã được viết sẵn theo cách khác *ở chỗ* khác,” Crowley nói. “ở nơi các ngài không đọc được.”

“Viết bằng chữ to hơn,” Aziraphale nói.

“Có gạch chân,” Crowley thêm vào.

“Gạch chân đến hai lần,” Aziraphale phụ họa.

“Có lẽ đây không chỉ là phép thử cho thế giới,” Crowley nói. “Có thể nó là phép thử cho cả các ngài nữa. Nhỉ?”

“Chúa không đùa bỡn với kẻ bề tôi trung thành của Người,” Metatron nói, nhưng giọng có vẻ lo lắng.

“Úi chà,” Crowley nói. “Ngài đã ở đâu *vậy*?”

Mọi người đổ dồn mắt vào Adam. Hình như nó đang suy nghĩ rất lung.

Rồi nó nói, “Tôi chẳng hiểu sao chuyện được định sẵn lại quan trọng đến thế. Nhất là khi có liên quan đến con người. Luôn có thể xóa nó đi mà.”

Một làn gió thổi qua sân bay. Trên đầu, những đội quân đang tập hợp thoáng chập chờn, như một ảo ảnh.

Sự im lặng bao trùm có lẽ giống như sự im lặng vào cái ngày trước Sáng thế.

Adam đứng mỉm cười với hai bọn họ, một dáng người nhỏ bé đứng chính giữa Thiên đường và Địa ngục.

Crowley chộp lấy cánh tay Aziraphale. “Anh biết đã xảy ra chuyện gì không?” hắn phấn khích rít lên. “Thằng bé đã được để yên! Nó lớn lên như con người! Nó không phải là Hiện thân của Thiện hay Ác, nó chỉ là… hiện thân của *con người*…”

Rồi:

“Ta nghĩ là,” Metatron nói, “ta cần xin thêm chỉ thị.”

“Ta cũng vậy,” Beelzebub nói. Khuôn mặt rực lửa của hắn quay sang Crowley. “Và ta zzẽ báo cáo lại vai trzò của ngươi trzong việc này, hãy tin là như vậy.” Hắn trừng mắt nhìn Adam. “Và ta không biết *Cha ngươi* zzẽ nói zì…”

Có một tiếng nổ chát chúa. Shadwell, vốn suốt mấy phút vừa rồi đã đứng ngồi không yên với một nỗi phấn khích kinh hoàng, cuối cùng cũng điều khiển được những ngón tay run rẩy đủ để bóp cò súng.

Viên đạn xuyên qua khoảng không chỗ Beelzebub vừa đứng. Shadwell không biết lão may mắn đến mức nào vì đã bắn trượt.

Bầu trời chao đảo, rồi biến thành bầu trời bình thường. Quanh đường chân trời, mây bắt đầu tan dần.

Bà Tracy phá vỡ sự im lặng.

"Họ có lạ không chứ," bà nói.

Bà không có ý nói "họ có lạ không chứ"; điều bà thực sự muốn nói thì có lẽ bà sẽ chẳng bao giờ có thể bộc bạch được ngoại trừ bằng cách thét lên, nhưng trí não con người có khả năng phục hồi đáng kinh ngạc, và nói "họ có lạ không chứ" là một phần trong quá trình lành lại nhanh chóng. Chỉ trong vòng nửa giờ nữa, bà sẽ nghĩ chỉ đơn giản là mình đã quá chén.

"Anh nghĩ là mọi chuyện đã xong xuôi chưa?" Aziraphale hỏi.

Crowley nhún vai. "Với chúng ta thì tôi e là chưa đâu."

"Tôi nghĩ các ông không cần phải lo đâu," Adam nói vẻ bí hiểm. "Tôi đã biết hết về hai ông rồi. Đừng lo."

Nó nhìn Bọn Chúng, đang cố không lùi lại. Nó có vẻ ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi nói, "Dù sao thì cũng đã có quá nhiều chuyện chọc ngoáy rồi. Nhưng có lẽ mọi người sẽ vui hơn nếu quên hết tất cả việc này. Không hẳn là *quên*, đúng hơn là không nhớ rõ. Và rồi chúng ta có thể về nhà."

"Nhưng em không thể kết thúc mọi chuyện như thế được!" Anathema chen lên nói. "Hãy nghĩ đến những điều em có thể làm! Những điều tốt *đẹp*."

"Ví dụ như?" Adam nghi ngờ hỏi.

"Ờ... trước hết là em có thể làm cá voi sống lại."

Thằng bé ngoẹo đầu sang bên. "Và như thế người ta sẽ thôi giết chúng chứ?"

Cô ngần ngừ. Giá mà cô có thể trả lời là có thì tốt quá.

“Và nếu người ta *vẫn* giết chúng thì chị sẽ yêu cầu em làm gì để giải quyết?” Adam hỏi. “Không. Em nghĩ em đã hiểu phải làm thế nào rồi. Một khi em đã bắt đầu chọc ngoáy như thế thì sẽ không dừng lại được. Em thấy hợp lý nhất là mọi người nên biết rằng khi họ giết một con cá voi, thì họ sẽ có một con cá voi chết.”

“Đó là một thái độ đầy trách nhiệm,” Newt nói.

Adam nhướng một bên mày lên.

“Chỉ là hợp lý thôi mà,” nó nói.

Aziraphale vỗ lưng Crowley. “Có vẻ chúng ta đã sống sót đấy nhỉ,” y nói. “Thử tưởng tượng xem mọi chuyện có thể đã khủng khiếp thế nào nếu chúng ta làm ăn ra hồn.”

“Ừm,” Crowley đáp.

“Xe anh có còn chạy được không?”

“Tôi nghĩ nó cần sửa chữa một chút,” Crowley thừa nhận.

“Tôi đang nghĩ là chúng ta có thể chở những người tử tế này về thị trấn,” Aziraphale nói. “Tôi dám chắc mình nợ bà Tracy một bữa. Và cả chàng bồ của bà ấy nữa, tất nhiên.”

Shadwell nhìn qua vai, rồi ngước lên nhìn bà Tracy.

“Hắn đang nói ai vậy?” lão hỏi vẻ mặt đắc thắng của bà.

Adam lại gần Bọn Chúng.

“Tao nghĩ bọn mình nên về nhà đi,” nó nói.

“Nhưng đã *xảy ra* chuyện gì vậy?” Pepper hỏi. “Ý tao là, có mấy vụ…”

“Không quan trọng nữa,” Adam nói.

“Nhưng em có thể giúp được rất nhiều…” Anathema lên tiếng, khi bọn trẻ quay lại chỗ để xe đạp. Newt nhẹ nhàng nắm lấy cánh tay cô.

“Đó không phải là ý hay đâu,” cậu nói. “Ngày mai là ngày đầu tiên của phần còn lại của cuộc đời chúng ta đấy.”

“Anh có biết,” cô nói, “là trong các câu sáo rỗng em thực sự ghét, thì câu đó đứng đầu bảng không?”

“Tuyệt thật, phải không?” Newt vui vẻ nói.

“Tại sao anh lại có chữ ‘Dick Turpin’ sơn lên cửa xe?”

“Đó là để đùa thôi,” Newt đáp.

“Hử?”

“Vì đi đến đâu anh cũng gây tắc đường,” cậu khổ sở lầm bầm giải thích.

Crowley rầu rĩ nhìn bảng điều khiển chiếc jeep.

“Tôi rất tiếc vì chiếc xe,” Aziraphale đang nói. “Tôi biết anh thích nó đến mức nào. Có lẽ nếu anh hết sức tập trung…”

“Sẽ không giống trước nữa,” Crowley nói.

“Chắc vậy.”

“Tôi mua mới nó đấy, anh biết không. Nó không phải là một cái xe hơi, nó giống như một kiểu găng tay bọc cả người thì đúng hơn.”

Hắn khịt mũi.

“Cái gì cháy ấy nhỉ?” hắn hỏi.

Một cơn gió cuốn hết bụi lên rồi lại thả bụi xuống. Không khí trở nên nóng rực, nặng nề, bó chặt lấy người ta như ruồi mắc kẹt trong xirô.

Hắn quay đầu, nhìn khuôn mặt kinh hoàng của Aziraphale.

“Nhưng nó đã *kết thúc*” hắn nói. “Nó *không thể xảy* ra bây giờ được! Cái… cái lúc ấy, khoảnh khắc thích hợp hay gì gì đó… đã qua rồi! Tất cả đã *kết thúc!*”

Mặt đất bắt đầu rung chuyển. Âm thanh vang lên như một đoàn tàu điện ngầm, chỉ khác là không phải tàu đang đi dưới chân. Nghe giống như tiếng một đoàn tàu đang đội đất chui lên thì đúng hơn.

Crowley cuống cuồng loay hoay với cần số.

“Không phải Beelzebub đâu!” hắn hét lên, át cả tiếng gió. “Là *Lão*. Cha nó! Đây không phải là Tận thế, đây là chuyện *cá nhân*. Khởi động đi, đồ chết giẫm!”

Mặt đất rung chuyển dưới chân Anathema và Newt, khiến họ ngã nhào xuống nền bê tông đang uốn lượn. Khói vàng khè cuồn cuộn tuôn ra giữa các khe nứt.

“Như là núi lửa ấy!” Newt hét lên. “Cái gì vậy?”

“Dù là cái gì thì nó cũng khá là giận dữ,” Anathema nói.

Trong chiếc jeep, Crowley đang chửi thề. Aziraphale đặt tay lên vai hắn.

“Ở đây có con người,” y nói.

“Phải,” Crowley nói. “*Và* cả tôi nữa.”

“Ý tôi là chúng ta không nên để chuyện này xảy ra với họ.”

“Ờ, thế…” Crowley mở miệng, rồi ngừng lại.

“Ý tôi là, anh thử nghĩ mà xem, chúng ta đã khiến họ gặp đủ rắc rối rồi. Anh và tôi ấy. Suốt bao năm nay. Vì việc này việc kia.”

“Chúng ta chỉ làm công việc của mình thôi mà,” Crowley lầm bầm.

“Ừ. Thì sao chứ? Bao nhiêu người trong lịch sử cũng chỉ làm công việc của họ thôi, và xem *họ* đã gây ra những rắc rối gì kìa.”

“Anh không có ý là chúng ta sẽ phải tìm cách ngăn chặn *Lão* đấy chứ?”

“Anh có gì để mất nào?”

Crowley định cãi lại, rồi nhận ra hắn chẳng còn gì cả. Hắn chẳng có gì để mất vì hắn đã mất tất cả. Họ không thể làm gì tồi tệ hơn với hắn ngoài những điều hắn sắp phải đối mặt. Cuối cùng hắn cũng thấy tự do.

Hắn cũng sờ dưới ghế và tìm được một cái xà beng nạy lốp xe. Nó sẽ chẳng có tác dụng gì, nhưng thực ra cũng chẳng có thứ gì có tác dụng cả. Thật ra, sẽ kinh khủng hơn nhiều nếu ta đối mặt với Địch Thủ mà cầm theo một thứ vũ khí tạm ổn. Như thế ta sẽ có một chút hy vọng, và điều đó sẽ chỉ khiến mọi chuyện tệ đi mà thôi.

Aziraphale nhặt lên thanh gươm mà Chiến tranh đã đánh rơi, và nhấc nhấc nó trên tay để thử sức nặng.

“Trời, đã nhiều năm lắm rồi tôi không dùng cái món này,” y thì thào.

“Khoảng sáu ngàn năm,” Crowley nói.

“Trời ạ, đúng thế,” vị thiên thần nói. “Hôm đó thật là một ngày đặc biệt, không lẫn vào đâu được. Những ngày xưa tươi đẹp.”

“Tươi đẹp nỗi gì,” Crowley nói. Âm thanh kia đang to dần lên.

“Thời đó người ta còn biết phân biệt phải trái,” Aziraphale mơ màng nói.

“Ờ, *đúng* thế. Thử nghĩ xem.”

“À. Phải. Chọc ngoáy quá nhiều hả?”

“Ừ.”

Aziraphale giơ thanh gươm lên. Có một tiếng *bùm* khi thanh gươm đột nhiên bùng lửa như một thanh magiê.

“Một khi đã học được cách làm thì ta sẽ không bao giờ quên,” y nói.

Y mỉm cười với Crowley.

“Tôi chỉ muốn nói là,” y nói, “nếu chúng ta không thoát được vụ này, thì… tôi đã biết, sâu thẳm bên trong, anh vẫn có một chút tính thiện.”

“Được đấy,” Crowley cay đắng nói. “Làm ngày hôm nay của tôi trở nên đáng nhớ đi.”

Aziraphale chìa tay ra.

“Rất vui được biết anh,” y nói.

Crowley bắt tay y.

“Hẹn gặp lại lần sau,” hắn nói. “Và… Aziraphale này?”

“Sao?”

“Hãy nhớ là tôi đã biết, sâu thẳm bên trong, anh vừa đủ khốn nạn để bõ công quý mến.”

Có tiếng loạt soạt, và họ bị đẩy sang bên bởi dáng người nhỏ thó nhưng hối hả của Shadwell, đang hươ khẩu Thần công vẻ đầy quyết tâm.

“Ta không tin hai tên bóng miền Nam các anh có thể giết nổi một con chuột què trong chậu,” lão nói. “Giờ chúng ta đang đánh lại ai đây?”

“Quỷ sứ,” Aziraphale đáp gọn.

Shadwell gật đầu, như thể chuyện chẳng có gì ngạc nhiên, ném khẩu súng xuống, và bỏ mũ để lộ ra một vầng trán mà bất kỳ nhóm đánh lộn trên phố nào cũng biết và e sợ.

“Ta cũng đoán thế mà,” lão nói. “Trong trường hợp đó, ta sẽ dùng cái *thủ*.”

Newt và Anathema nhìn ba người bọn họ lảo đảo đi ra xa chiếc jeep. Với Shadwell đứng giữa, nhìn họ như một chữ W cách điệu.

“Họ định làm gì vậy?” Newt hỏi. “Và chuyện gì… *chuyện gì đang xảy ra với họ thế*?”

Áo khoác của Aziraphale và Crowley rách toạc theo đường chỉ. Nếu phải ra đi thì tốt nhất là ra đi trong hình dáng thật của mình. Những cọng lông vũ duỗi ra, vươn cao về phía bầu trời.

Trái với điều mọi người hay nhầm tưởng, cánh của quỷ cũng giống hệt cánh của thiên thần, chỉ khác là thường được chải chuốt kỹ lưỡng hơn thôi.

“Shadwell không nên đi cùng họ!” Newt nói, loạng choạng đứng dậy.

“Shadwell là cái gì?”

“Ông ấy là Trung… ông ấy là một ông già tuyệt vời, em không thể tin được đâu… Anh phải giúp ông ấy!”

“*Giúp* ông ấy ư?” Anathema hỏi.

“Anh đã đọc lời tuyên thệ rồi.” Newt ngần ngừ. “Ờ, đại loại là một lời tuyên thệ. Và ông ấy còn ứng trước một tháng lương cho anh nữa!”

“Thế còn hai người kia là ai? Bạn của anh…” Anathema mở lời, rồi ngưng bặt. Aziraphale vừa quay nửa người lại, và cuối cùng cô cũng nhận ra nét mặt nhìn nghiêng của y.

“Em biết là đã thấy tên đó trước kia rồi mà!” cô hét, đứng dậy bên cạnh Newt trong lúc mặt đất vẫn rập rờn lên xuống. “Đi nào!”

“Nhưng sắp có chuyện khủng khiếp xảy ra!”

“Nếu y làm hỏng cuốn sách thì anh nói đúng rồi đấy!”

Newt loay hoay lần mò trên ve áo và tìm thấy cái ghim trừ tà của mình, cậu không biết lần này họ sẽ phải đối mặt với cái gì, nhưng cái ghim là tất cả những gì cậu có.

Họ lao đi...

Adam nhìn quanh. Nó nhìn xuống.

Mặt nó soạn ra một vẻ ngây thơ có chủ đích.

Có một khoảnh khắc xung đột.

Nhưng Adam đang ở trên sân nhà. Luôn luôn là vậy, và xét cho cùng, thì đây là sân nhà của nó.

Nó khua một bàn tay thành hình bán nguyệt mờ.

... Aziraphale và Crowley cảm thấy cả thế giới *thay đổi*.

Không còn tiếng ồn nữa. Không còn những vết nứt nữa. Ở chỗ lúc trước là một đỉnh núi lửa của quyền lực Satan đang nhú lên thì giờ chỉ còn đám khói đang tan dần, và một chiếc xe hơi đang chầm chậm dừng lại, động cơ xe ầm ĩ trong sự tĩnh lặng buổi sập tối.

Đó là một chiếc xe có tuổi, nhưng được bảo trì rất cẩn thận. Nhưng không phải bằng cách của Crowley, tức là chỉ dùng ý nghĩ ước cho các vết móp biến mất; chiếc xe này có vẻ như vậy, bạn sẽ biết ngay bằng bản năng, là vì chủ nhân nó đã dành các cuối tuần suốt hai thập kỷ làm tất cả những việc mà sách hướng dẫn nói là nên được làm vào mỗi cuối tuần. Trước mỗi chuyến đi ông đều đi quanh xe, kiểm tra đèn, đếm bánh xe. Những người đầu óc nghiêm nghị, hút tẩu và để ria đã viết những hướng dẫn nghiêm nghị nói rằng nên làm như vậy, và vì thế ông làm theo, vì ông cũng là một người đầu óc nghiêm nghị, hút tẩu và để ria, và không bao giờ coi nhẹ các huấn thị, vì nếu ta coi nhẹ huấn thị thì ta sẽ đi đến đâu? Ông mua bảo hiểm vừa đủ. Ông luôn lái xe dưới vận tốc cho phép năm cây số, hoặc với vận tốc sáu lăm cây số một giờ, tùy cái nào chậm hơn. Ông luôn đeo cà vạt, kể cả vào thứ Bảy.

Archimedes đã nói nếu có đòn bấy đủ dài và một điếm tựa đủ chắc chắn, ông có thể nâng cả thế giới.

Ông đã có thể tựa vào ông Young.

Cửa xe mở và ông Young bước ra.

“Có chuyện gì ở đây vậy?” ông hỏi. “Adam? Adam!”

Nhưng Bọn Chúng đã ba chân bốn cẳng chạy ra cổng.

Ông Young nhìn những người đang sững sờ đứng đó. Ít ra Crowley và Aziraphale vẫn còn đủ bình tĩnh để xếp cánh lại.

“Nó lại làm gì rồi?” ông thở dài nhưng không thực sự mong nhận được câu trả lời.

“Cái thằng bé này lại đi đâu rồi? Adam! Quay lại đây ngay!” Adam chẳng mấy khi làm theo ý bố nó.

◇

Trung sĩ Thomas A. Deisenburger mở mắt ra. Điều lạ lùng duy nhất về khung cảnh xung quanh anh ta là nó quen thuộc làm sao. Kia là bức ảnh kỷ yếu trung học của anh ta treo trên tường, kia là lá cờ Sao Vạch cắm trong cái cốc đánh răng bên cạnh bàn chải, và thậm chí cả con gấu nhồi bông của anh ta, vẫn còn mặc bộ quân phục nhỏ xíu của nó. Ánh nắng đầu buổi chiều tràn qua cửa sổ phòng ngủ của anh ta.

Anh ta ngửi thấy mùi bánh táo. Đó là một trong những điều anh ta nhớ nhất vào những tối thứ Bảy khi phải ở một nơi rất xa nhà.

Anh ta xuống dưới nhà.

Mẹ anh ta đang đứng bên lò bếp, lấy một cái bánh táo khổng lồ ra khỏi lò cho nguội.

“Chào con, Tommy,” bà nói. “Mẹ tưởng con đang ở Anh chứ.”

“Vâng, báo cáo mẹ, đúng ra thì con đang ở Anh, thưa mẹ, bảo vệ nền dân chủ, thưa thủ trưởng mẹ,” Trung sĩ Thomas A. Deisenburger nói.

“Tuyệt quá, con yêu,” mẹ anh ta nói. “Bố con đang ở Đồng Lớn ấy, với Chester và Ted. Thấy con chắc mọi người vui lắm.”

Trung sĩ Thomas A. Deisenburger gật đầu.

Anh ta bỏ chiếc mũ quân đội và áo khoác quân đội ra, rồi xắn tay áo sơ mi quân đội lên. Trong thoáng chốc, anh ta có vẻ trầm tư hơn bất kỳ lúc nào trong cả đời mình. Một phần ý nghĩ của anh ta đang bị chiếm chỗ bởi bánh táo.

“Báo cáo mẹ, nếu có thông tin nào dẫn đến yêu cầu được gặp Trung sĩ Thomas A. Deisenburger bằng điện thoại, thưa thủ trưởng mẹ, cá nhân này sẽ…”

“Con nói gì, Tommy?”

Tom Deisenburger treo súng lục lên tường, bên trên khẩu súng trường cũ kỹ của bố mình.

“Con bảo là, nếu có ai gọi điện, mẹ ạ, thì con sẽ ở Đồng Lớn với bố, Chester và Ted.”

Chiếc xe tải chậm rãi tiến đến cổng căn cứ quân sự. Nó dừng lại. Người lính gác ca đêm nhìn vào cửa sổ, kiểm tra giấy tờ của tài xế, và vẫy cho ông qua.

Chiếc xe tải đi trên nền bê tông.

Nó đỗ lại trên đường băng trải nhựa trống trơn, nơi hai người đàn ông đang ngồi, chia nhau một chai vang. Một người trong số đó đeo kính râm. Lạ là không ai khác có vẻ để ý đến họ một chút nào.

“Ý anh là,” Crowley nói. “Người đã lên kế hoạch như thế này suốt bấy lâu nay sao? Ngay từ đầu?”

Aziraphale cẩn thận chùi miệng chai và chuyền nó sang.

“Có thể,” y đáp. “Có thể chứ. Ta luôn có thể hỏi Người mà.”

“Theo những gì tôi nhớ,” Crowley tư lự đáp, “và chúng tôi chưa bao giờ có mối quan hệ mà anh có thể gọi là nói chuyện được với nhau, thì Người không phải kiểu sẽ cho câu trả lời rõ

ràng. Thật ra, thật ra, Người chẳng trả lời gì sất. Người chỉ *mỉm cười*, như thể Người biết điều gì đó mà ta không biết."

"Và tất nhiên là đúng thế," vị thiên thần nói. "Nếu không thì có nghĩa gì chứ?"

Im lặng một thoáng, và cả hai trầm ngâm nhìn về đằng xa, như thể họ đang nhớ lại những điều mà đã lâu họ không nghĩ tới.

Người tài xế xe tải ra khỏi xe, mang theo một hộp các tông và một cái kẹp.

Trên nền nhựa đường là một cái vương miện xỉn màu và một cặp cân. Người đàn ông dùng cái kẹp nhặt chúng lên và đặt chúng vào hộp.

Rồi ông tiến đến chỗ hai người với cái chai.

"Xin lỗi các vị," ông nói, "nhưng lẽ ra phải có cả một thanh gươm ở đâu đó quanh đây nữa, ít nhất là trên đây có nói vậy, và không biết..."

Aziraphale có vẻ xấu hổ. Y nhìn quanh, hơi bối rối, rồi đứng dậy và phát hiện ra mình đã ngồi lên thanh gươm từ suốt một tiếng đồng hồ vừa rồi. Y với tay xuống nhặt nó lên. "Xin lỗi," y nói, và bỏ thanh gươm vào hộp.

Người tài xế xe tải, đầu đội mũ lưỡi trai Hỏa tốc Quốc tế, nói là không có gì, và thật là phép mầu trời cho khi cả hai bọn họ đều có mặt ở đây, vì ai đó sẽ phải ký xác nhận ông đã thu nhặt đủ các thứ như yêu cầu, và hôm nay quả là một ngày đáng nhớ, phải không?

Aziraphale và Crowley đều đồng tình rằng đúng là đáng nhớ thật, và Aziraphale ký vào cái bảng kẹp giấy mà người tài xế xe tải đưa cho y, chứng thực rằng một cái vương miện, một cặp cân và một thanh gươm đã được thu nhận với tình trạng tốt, và sẽ được đưa đến một địa chỉ nhòe nhoẹt và tính tiền cho một số tài khoản mờ tịt.

Người đàn ông dợm bước về xe tải. Rồi ông dừng bước và quay lại.

“Nếu tôi kể cho bà nhà tôi nghe chuyện xảy ra với tôi hôm nay,” ông bảo họ, vẻ hơi bâng khuâng, “bà ấy sẽ chẳng tin đâu. Và tôi cũng không trách bà ấy được, vì chính tôi cũng không tin.” Và ông trèo lên xe rồi lái xe đi.

Crowley đứng dậy, hơi lảo đảo một chút. Hắn chìa tay ra cho Aziraphale.

“Nào,” hắn nói. “Tôi sẽ chở anh về London.”

Hắn lấy một chiếc jeep. Không ai ngăn họ lại.

Trong xe có đài cát xét. Đó không phải kiểu tiêu chuẩn, ngay cả với xe quân sự Mỹ đi chăng nữa, nhưng Crowley tự động cho rằng mọi chiếc xe hắn lái đều có đài cát xét và vì thế chiếc này cũng có, chỉ vài giây sau khi hắn lên xe.

Băng cát xét hắn bật lên trong lúc lái xe được ghi là *Water Music* của Handel, và nó vẫn là *Water Music* của Handel suốt chặng đường về nhà.

Chủ nhật
(Ngày đầu tiên của phần đời còn lại của họ)

Vào lúc khoảng mười giờ rưỡi sáng, chú bé giao báo đem báo Chủ nhật đến cửa trước Nhà Hoa Nhài, chú phải đi ba chuyến liền.

Tiếng báo nện thình thình trên tấm thảm khiến Newton Pulsifer thức giấc.

Cậu để yên cho Anathema ngủ. Cô đã khá suy sụp, tội nghiệp. Cô đã gần như không nói nổi một câu mạch lạc khi cậu đưa cô vào giường. Cô đã sống cả đời dựa vào những Lời Tiên tri, và giờ không còn Lời Tiên tri nào nữa. Hẳn cô có cảm giác như một đoàn tàu đã đến cuối đường ray nhưng vẫn phải chạy tiếp.

Từ giờ cô sẽ có thể trải nghiệm cuộc đời là một bất ngờ, như tất cả mọi người khác. Thật may mắn.

Điện thoại reo vang.

Newt lao vào bếp và nhấc máy lên sau hồi chuông thứ hai.

"A lô?" cậu hỏi.

Một giọng cố làm ra vẻ thân thiện thoáng chút tuyệt vọng léo nhéo với cậu.

"Không," cậu nói, "không phải. Và không phải là Devissey, là Device. Đọc như Nice ấy. Và cô ấy đang ngủ."

"Ờ," cậu nói, "tôi dám chắc cô ấy không cần vật liệu cách nhiệt. Cũng không cần kính cửa sổ hai lớp. Ý tôi là, cô ấy không phải là chủ căn nhà này, cô biết đấy. Cô ấy chỉ thuê thôi."

"Không, tôi sẽ *không* đánh thức cô ấy dậy để hỏi đâu," cậu nói. "Và cho tôi hỏi, cô, ờ... vâng, cô Morrow, sao các vị không nghỉ ngày Chủ nhật, như những người khác?"

“*Chủ nhật*,” cậu nói. “Tất nhiên hôm nay không phải là thứ Bảy. Sao lại là thứ Bảy được? Hôm qua mới là thứ Bảy. Hôm nay là Chủ nhật thật mà. Cô nói cô mất một ngày là sao? Tôi không hiểu. Có vẻ cô đã quá mải mê với việc bán hàng rồi… A lô?”

Cậu càu nhàu và cúp máy.

Nhân viên tiếp thị điện thoại! Họ đáng phải chịu điều gì đó thật khủng khiếp.

Một thoáng nghi ngờ bỗng dồn đến. Hôm nay *là* Chủ nhật chứ, đúng không? Cậu liếc nhìn đống báo Chủ nhật và thấy yên tâm hơn. Nếu tờ *Thời báo* chủ nhật nói hôm đó là Chủ nhật thì ta có thể chắc chắn họ đã nghiên cứu kỹ vấn đề đó. Tất nhiên rồi. Hôm qua là thứ Bảy, và chừng nào còn sống thì cậu sẽ không bao giờ quên nổi thứ Bảy, chỉ giá mà cậu nhớ ra nổi cái điều cậu không được quên là gì.

Thấy mình đang ở trong bếp, Newt quyết định chuẩn bị bữa sáng.

Cậu đi quanh bếp khẽ khàng hết mức có thể để không đánh thức người còn lại trong nhà, và cảm thấy mọi âm thanh đều bị phóng đại. Cái tủ lạnh cổ lỗ sĩ có cửa đóng lại đánh rầm một cái như tiếng sấm báo diệt vong. Vòi nước chảy ri rỉ như một con chuột nhảy bị đái rắt nhưng lại ầm ĩ như mạch nước Thủy chung.(*) Và cậu chẳng biết các thứ để ở đâu cả. Cuối cùng, cũng như tất cả những người đã phải ăn sáng một mình trong bếp của người khác đã từng làm gần như từ thời nguyên thủy tới giờ, cậu đành làm tạm một cốc cà phê đen hòa tan không đường.(*)

Trên bàn bếp là một tảng than chỉ hơi còn hình chữ nhật, bọc da. Cậu chỉ loáng thoáng đọc được chữ “Tuy t đ ch và Chu n x” trên cái bìa cháy sém. Chỉ một ngày mà đã thay đổi nhiều quá, cậu thầm nghĩ. Nó có thể biến một cuốn sách tham khảo tối thượng thành một cục than nướng thịt.

Nghĩ xem nào. Chính xác thì họ đã làm cách nào để lấy được nó về? Cậu nhớ lại một người đàn ông ám mùi khói và đeo kính râm, ngay cả trong bóng tối. Và rồi còn nhiều chuyện nữa, tất cả lẫn lộn vào với nhau… lũ nhóc đi xe đạp… một tiếng vo vo khó

chịu... một khuôn mặt nhỏ bé, cáu bấn, nhìn chăm chăm... Tất cả cứ vương vấn trong tâm trí cậu, không hẳn là đã bị quên lãng nhưng cứ lơ lửng bên rìa của hồi ức, kỷ niệm về những điều đã không xảy ra.[(*)] Sao lại có thể thế được?

Cậu ngồi nhìn chằm chằm vào tường cho tới khi một tiếng gõ cửa khiến cậu sực tỉnh.

Một người đàn ông nhỏ thó ăn vận bảnh bao trong chiếc áo đi mưa đen đang đứng trên ngưỡng cửa. Ông ta cầm trong tay một cái hộp các tông và nở một nụ cười tươi rói với Newt.

"Anh," ông ta xem lại một tờ giấy trong tay kia, "Pulzifer?"

"Pulsifer," Newt sửa lại. "Là âm s nặng."

"Tôi hết sức xin lỗi," người đàn ông nói. "Tôi mới chỉ thấy tên anh trên giấy. Ờ. Được thôi. Có vẻ đây là bưu phẩm gửi anh và chị Pulsifer."

Newt trố mắt nhìn ông ta.

"Làm gì có chị Pulsifer," cậu lạnh lùng nói.

Người đàn ông bỏ chiếc mũ quả dưa xuống.

"Ồ, tôi hết sức xin lỗi," ông ta nói.

"Ý tôi là... ờ, có mẹ tôi đấy," Newt nói. "Nhưng mẹ tôi chưa chết, mẹ tôi chỉ đang ở Dorking thôi. Tôi chưa có vợ."

"Lạ thật. Lá thư đã viết rất, ờ, cụ thể mà."

"Ông *là* ai?" Newt hỏi. Cậu chỉ đang mặc độc chiếc quần, và ngoài cửa khá lạnh.

Người đàn ông vụng về đỡ cái hộp và rút một tấm thẻ từ túi áo trong ra. Ông ta đưa nó cho Newt.

Tấm thẻ đề chữ:

GILES BADDICOMBE

Công ty Luật Robey, Robey, Redfearn &Bychance Số 13 Demdyke chambers, PRESTON

"Vâng?" cậu lịch sự hỏi. "Và tôi có thể làm gì cho ông, ông Baddicombe?"

"Anh có thể cho tôi vào," ông Baddicombe nói.

“Ông không đem đến trát tòa hay cái gì tương tự đấy chứ?” Newt hỏi. Những sự kiện của tối qua lơ lửng trong trí nhớ cậu như một đám mây, liên tục thay đổi mỗi khi cậu tưởng mình đã nhìn ra một hình ảnh, nhưng cậu lờ mờ nhớ được là đã phá hỏng thứ gì đó và cậu chờ đợi bị trừng phạt.

“Không,” ông Baddicombe nói, vẻ hơi tự ái. “Chúng tôi có nhân viên lo những việc đó.”

Ông ta đi qua Newt và đặt cái hộp lên bàn.

“Nói thật,” ông ta nói, “tất cả chúng tôi rất quan tâm đến việc này. Ngài Bychance suýt nữa đã tự mình xuống đây, nhưng dạo này ngài không đủ sức đi lại nữa.”

“Nghe này,” Newt nói, “tôi thực sự không hiểu ông đang nói gì cả.”

“Cái này,” ông Baddicombe nói, chìa cái hộp ra và cười tươi rói như Aziraphale đang chuẩn bị làm một trò ảo thuật, “là của anh. Có người muốn anh có nó. Họ yêu cầu rất cụ thể.”

“Một món quà ư?” Newt hỏi. Cậu thận trọng liếc nhìn cái hộp các tông được dán băng dính, rồi lục trong ngăn kéo bếp tìm một con dao sắc.

“Tôi nghĩ là một món đồ chúc thư thì đúng hơn,” ông Baddicombe nói. “Anh thấy đấy, chúng tôi đã có nó từ ba trăm năm nay rồi. Xin lỗi. Có phải tôi vừa nói gì không? Anh nên để tay dưới vòi nước chảy ấy.”

“Chuyện này là thế quái nào?” Newt hỏi, nhưng một cảm giác nghi ngờ lạnh toát đang dần xâm chiếm cậu. Cậu mút chỗ ngón tay bị đứt.

“Chuyện lạ lắm… anh không phiền nếu tôi ngồi xuống chứ?… Và tất nhiên tôi không biết tường tận chi tiết, vì tôi mới chỉ gia nhập công ty mười lăm năm trước, nhưng…”

… Đó chỉ là một công ty luật rất nhỏ khi cái hộp được cẩn thận gửi đến; Redfearn, Bychance, và cả hai ông Robey, chứ đừng nói gì đến ông Baddicombe, đều còn lâu mới xuất hiện. Viên lục sự đang chật vật kiếm sống, khi nhận món hàng được

gửi đến đã ngạc nhiên thấy buộc vào nắp hộp bằng một sợi dây là một lá thư gửi cho chính anh ta.

Lá thư có những hướng dẫn chi tiết và năm thông tin khá thú vị về mười năm tới mà, nếu một chàng trai trẻ nhanh nhẹn biết vận dụng, thì sẽ đảm bảo cho anh ta đủ vốn liếng để theo đuổi một sự nghiệp luật pháp rất thành công.

Tất cả những gì anh ta phải làm là đảm bảo cho cái hộp được chăm lo cẩn thận thêm ba trăm năm nữa, và rồi gửi nó đến một địa chỉ nọ...

"... mặc dù tất nhiên công ty đã được sang tay rất nhiều lần trong mấy thế kỷ qua," ông Baddicombe nói. "Nhưng cái hộp đã luôn là một phần thuộc sở hữu, có thể gọi thế cũng được."

"Tôi còn không biết là họ *làm* Thức ăn trẻ sơ sinh Heinz vào thế kỷ mười bảy cơ đấy," Newt nói.

"Đó chỉ là để nó không bị hư hại khi để trong xe thôi," ông Baddicombe nói.

"Và suốt bao nhiêu năm không ai mở nó ra ư?" Newt hỏi.

"Có hai lần, tôi nghĩ vậy," ông Baddicombe nói. "Vào năm 1757, bởi ngài George Cranby, và vào năm 1928, bởi ngài Arthur Bychance, cha của ngài Bychance bây giờ." ông ta húng hắng ho. "Hình như ngài Cranby đã tìm thấy một lá thư..."

"... gửi cho chính mình," Newt nói.

Ông Baddicombe bật lùi ra sau. "Trời đất. Sao anh đoán được?"

"Tôi nghĩ tôi nhận ra phong cách này," Newt lầm lầm nói. "Chuyện gì đã xảy ra với họ?"

"Anh đã nghe chuyện này rồi à?" ông Baddicombe nghi ngờ hỏi.

"Đại khái thế. Họ không bị nổ tung đấy chứ?"

"Ờ... ngài Cranby lên cơn đau tim, tôi tin là vậy. Và ngài Bychance thì tái mét mặt và bỏ thư lại vào phong bì, theo tôi hiểu là vậy, rồi hướng dẫn rất nghiêm khắc là cái hộp không

được mở ra chừng nào ngài còn sống. Ngài nói bất kỳ ai mở hộp sẽ bị sa thải ngay lập tức và không được nhận thư tiến cử."

"Một lời đe dọa thật đáng sợ," Newt nói mỉa.

"Nhưng vào năm 1928 thì đúng là như vậy. Những lá thư của họ vẫn còn trong hộp đấy."

Newt gỡ lớp bìa các tông ra.

Bên trong có một cái hòm nhỏ bọc thép. Không có khóa.

"Nào, nhấc nó ra đi," ông Baddicombe phấn khích nói. "Phải nói là tôi rất muốn biết bên trong có gì. Ở văn phòng chúng tôi còn cá cược với nhau nữa cơ..."

"Thế này nhé," Newt rộng rãi nói. "Tôi sẽ đi pha cà phê, còn *ông* mở hộp ra."

"Tôi ư? Như thế có được phép không?"

"Tôi thấy chẳng sao cả." Newt liếc nhìn những cái xoong treo trên lò bếp. Một trong số chúng đủ to cho điều cậu đang trù tính.

"Mở đi," cậu nói. "Liều một phen xem nào. Tôi không phiền đâu. Ông... ông có thể coi đó là quyền ủy nhiệm hoặc đại loại thế."

Ông Baddicombe cởi áo khoác ngoài ra. "Chà," ông ta nói, xoa xoa hai tay vào nhau, "vì anh đã nói thế... sẽ có chuyện để kể cho con cháu tôi nghe đây."

Newt nhấc cái chảo lên và khẽ đặt tay lên nắm đấm cửa. "Tôi mong là vậy," cậu nói.

"Mở nào."

Newt nghe thấy một tiếng ken két nhẹ nhàng.

"Ông thấy gì?" cậu hỏi.

"Hai lá thư đã mở rồi... à, và một lá thư nữa... gửi cho..."

Newt nghe thấy tiếng con dấu niêm phong bằng sáp được mở ra và tiếng leng keng của vật gì đó rơi xuống bàn. Rồi có một tiếng hức, tiếng ghế lạch cạch, tiếng chân chạy ngoài hành lang, tiếng cửa đóng rầm lại, và tiếng động cơ xe rồ máy rồi lao xuống đường.

Newt bỏ cái xoong xuống khỏi đầu và tiến ra từ sau cánh cửa.

Cậu cầm lá thư lên và không hoàn toàn ngạc nhiên khi thấy nó được gửi cho ông G. Baddicombe. Cậu mở lá thư ra.

Thư viết: "Đây là một đong florin, luật sư; giờ thì hãy chạy cho nhanh, không thì cả thế giới sẽ biết sự thật về ông và cô Spiddon người làm nô lệ cho máy đánh chữ."

Newt nhìn những lá thư khác. Lá thư khô giòn gửi cho ngài George Cranby viết: "Bỏ bàn tay tắt mắt của ông ra, ông Cranby. Tôi vẫn còn nhớ ông đã lùa gạt bà quả phụ Plashkin vào dịp lễ Thánh Michael năm ngoái thế nào, lão bánh thó trơ xương kia."

Newt tự hỏi bánh thó là cái gì. Cậu sẵn sàng đánh cược là nó chẳng liên quan gì đến nấu ăn sất.

Bức thư dành cho ngài Bychance tò mò thì viết: "Ngươi đã bỏ mặc họ, đồ hèn nhát. Hãy bỏ lá thư này vào hộp, không thì cả thế giới sẽ biết sự thật về ngày 7 tháng Sáu năm 1916."

Bên dưới những lá thư là một bản thảo. Newt trố mắt nhìn nó.

"Cái gì thế?" Anathema hỏi.

Cậu quay ngoắt lại. Cô đang đứng dựa vào ngưỡng cửa, nhìn như một cái ngáp hấp dẫn có chân.

Newt lùi sát vào bàn. "À, không có gì. Gửi nhầm địa chỉ. Không có gì. Chỉ một cái hộp cũ thôi. Thư rác ấy mà. Em biết đấy..."

"Vào Chủ nhật ư?" cô nói, gạt cậu sang bên.

Cậu nhún vai trong lúc cô đặt tay lên tập bản thảo đã ố vàng và nhấc nó ra.

"Thêm Những Lời Tiên tri Tuyệt đích và Chuẩn xác của Agnes Nutter," cô chậm rãi đọc, "về Thế giới sắp tới; Trường thiên Tiếp diễn! Ôi trời..."

Cô thành kính đặt nó xuống bàn và chuẩn bị lật trang đầu tiên lên.

Bàn tay Newt nhẹ nhàng đặt lên tay cô.

"Thử nghĩ theo cách này nhé," cậu khẽ nói. "Em có muốn làm hậu duệ suốt phần đời còn lại không?"

Cô ngước lên. Mắt họ giao nhau.

◇

Đó là Chủ nhật, ngày đầu tiên trong phần còn lại của thế giới, vào khoảng mười một giờ rưỡi.

Công viên Thánh James đang khá yên ắng. Đàn vịt, những chuyên gia về *chính sách thực dụng* nếu nhìn từ góc độ của bánh mì, nghĩ đó là do căng thẳng thế giới đã hạ nhiệt. Quả thực căng thẳng thế giới đã hạ nhiệt, nhưng rất nhiều người đang phải ở văn phòng tìm hiểu xem tại sao lại thế, xem Atlantis đã biến đi đâu với ba phái đoàn thăm dò Quốc tế vẫn còn ở trên đó, và cố giải thích hôm qua chuyện gì đã xảy ra với tất cả máy tính của họ.

Công viên vắng tanh, chỉ trừ có một thành viên của MI9 đang cố chiêu mộ một người mà hóa ra cũng là thành viên của MI9, khiến hai bọn họ sau đó đều xấu hổ, và một người cao lớn đang cho vịt ăn.

Và còn có cả Crowley và Aziraphale nữa.

Họ sánh bước bên nhau ngang qua bãi cỏ.

"Đây cũng thế," Aziraphale nói. "Cửa hiệu vẫn nguyên xi. Không có lấy một vệt bồ hóng."

"Ý tôi là, không thể cứ thế là *làm ra* một cái Bentley cũ được," Crowley nói. "Không thể giả được nước sơn bóng ấy. Nhưng đúng là nó đấy, thật một trăm phần trăm. Đỗ ngoài phố. Không nhận ra nổi sự khác biệt."

"Ờ, tôi *thì có nhận ra đấy*," Aziraphale nói. "Tôi *dám chắc tôi không có những đầu sách như là* Biggies lên sao Hỏa *hay* Jack Cade, anh hùng miền biên thùy *hay* 101 trò vui cho bé trai *hay* Huyết khuyển vùng Biển Đầu lâu."

"Trời, tôi rất tiếc," Crowley nói, hắn biết vị thiên thần quý bộ sưu tập sách của y ra sao.

“Không đâu,” Aziraphale vui vẻ nói. “Tất cả đều là ấn bản đầu tiên còn mới toanh, và tôi đã tra trong *Hướng dẫn Định giá của Skindie* rồi. Tôi nghĩ từ thích hợp trong trường hợp này là *úi chà chà*.”

“Tôi nghĩ thằng bé đang biến thế giới trở lại như cũ,” Crowley nói.

“Ừ,” Aziraphale đáp. “Gần như thế. Với tất cả khả năng của nó. Nhưng nó cũng có khiếu hài hước đấy.”

Crowley liếc xéo y.

“Người phe anh có liên lạc gì không?” hắn hỏi.

“Không. Thế còn phe anh?”

“Cũng không.”

“Tôi nghĩ họ đang giả vờ chẳng có chuyện gì cả.”

“Tôi nghĩ phe tôi cũng thế. Thật đúng là quan liêu.”

“Và tôi nghĩ phe tôi đang đợi xem chuyện gì xảy ra tiếp theo,” Aziraphale nói.

Crowley gật đầu. “Một quãng nghỉ,” hắn nói. “Một cơ hội để vũ trang lại về mặt tinh thần. Củng cố lại phòng thủ. Chuẩn bị cho trận đánh lớn.”

Họ đứng bên cái ao, ngắm đàn vịt tranh giành bánh mì.

“Sao cơ?” Aziraphale hỏi. “Tôi tưởng đó *đã* là trận đánh lớn rồi chứ.”

“Tôi không chắc đâu,” Crowley nói. “Thử nghĩ mà xem. Tôi dám cược là trận đánh lớn sẽ là tất cả Chúng Ta đấu lại Bọn Họ.”

“Gì? Ý anh là Thiên đường và Địa ngục chống lại nhân loại ấy à?”

Crowley nhún vai. “Tất nhiên, nếu thằng bé *đã* thay đổi mọi thứ, thì có thể nó cũng đã thay đổi chính nó. Có thể nó đã rũ bỏ các quyền năng của nó. Quyết định làm con người thôi.”

“Ồ, tôi mong là thế,” Aziraphale nói. “Dù sao thì lựa chọn kia cũng sẽ không được chấp nhận. Ờ. Phải thế không?”

“Tôi không biết. Ta không thể chắc chắn điều gì đã được thực sự trù tính. Kế hoạch nằm trong kế hoạch.”

“Sao cơ?” Aziraphale nói.

“Ờ,” Crowley nói, hắn đã suy nghĩ về điều này đến nhức cả đầu, “anh chưa bao giờ băn khoăn về tất cả những việc này sao? Anh biết đấy... phe anh và phe tôi, Thiên đường và Địa ngục, thiện và ác, tất cả những chuyện đấy ấy à? Ý tôi là, *tại sao*?”

“Theo như tôi nhớ,” vị thiên thần khó nhọc nói, “có một cuộc nổi dậy và...”

“À, phải. Thế tại sao nó lại *xảy ra* chứ hả? Ý tôi là, không nhất thiết phải thế, đúng không?” Crowley nói, mắt lộ vẻ phấn khích. “Bất kỳ ai có thể tạo ra cả một vũ trụ trong vòng sáu ngày cũng sẽ không để một việc nhỏ nhặt như thế xảy ra. Trừ phi họ muốn thế, tất nhiên.”

“Ồ, thôi nào. Hợp lý một chút đi,” Aziraphale nói vẻ hoài nghi.

“Lời khuyên đó không hay,” Crowley nói. “Không hay chút nào. Nếu anh thực sự ngồi xuống và nghĩ về nó một cách *hợp lý*, anh sẽ có vài ý tưởng khá kỳ dị đấy. Ví dụ: tại sao lại tạo ra con người biết tò mò, rồi đặt một cây ăn quả bị cấm ở chỗ họ nhìn thấy được với một biển hiệu neon hình ngón tay nhấp nháy chỉ vào đó với chữ ‘CHÍNH NÓ ĐÂY!’ chứ hả?”

“Tôi không nhớ có biển hiệu neon nào cả.”

“Tôi nói ẩn dụ thôi. Tôi muốn nói là, tại sao lại làm thế nếu không thực sự *muốn* họ ăn nó? Có lẽ chỉ để xem mọi chuyện sẽ diễn ra như thế nào. Có lẽ tất cả chỉ là một phần của một kế hoạch bất khả tư nghị vĩ đại nào đó. Tất cả. Anh, tôi, thằng bé, mọi thứ. Một phép thử vĩ đại để xem những gì ta tạo ra có hoạt động tốt không ấy mà? Anh sẽ bắt đầu nghĩ: đây *không thể* là một ván cờ vũ trụ vĩ đại được, nó *phải* là một ván bài đơn cực kỳ phức tạp. Và anh khỏi cần trả lời. Nếu chúng ta có thể hiểu được thì chúng ta đã không phải là mình rồi. Vì tất cả đều là... là...”

BẤT KHẢ TƯ NGHỊ, kẻ đang cho vịt ăn nói.

“Ừ. Đúng rồi. Cảm ơn.”

Họ nhìn theo kẻ lạ mặt cao lớn đó cẩn thận vứt cái túi rỗng vào thùng rác rồi rảo bước qua bãi cỏ. Rồi Crowley lắc đầu.

“Tôi đang nói gì ấy nhỉ?” hắn hỏi.

“Không biết,” Aziraphale nói. “Hình như chẳng có gì quan trọng đâu.”

Crowley rầu rĩ gật đầu. “Để tôi đãi anh bữa trưa nhé,” hắn rít.

Họ lại đến khách sạn Ritz, nơi một cái bàn không hiểu vì sao lại vẫn còn trống. Và có lẽ những nỗ lực gần đây đã có ảnh hưởng đôi chút đến tính chất của thực tại, vì, trong lúc họ đang ăn, thì lần đầu tiên trong đời, một con họa mi đã cất tiếng hót ở quảng trường Berkeley.(*)

Không ai nghe thấy nó vì tiếng xe cộ át mất, nhưng đúng là con chim đã cất tiếng hót.

Đang là một giờ chiều chủ nhật.

Suốt một thập kỷ qua, bữa trưa ngày Chủ nhật trong thế giới của Trung sĩ Săn Phù thủy Shadwell luôn tuân theo một thủ tục bất di bất dịch. Lão sẽ ngồi bên cái bàn xiêu vẹo, đầy vết cháy thuốc lá trong phòng mình, lật giở một cuốn sách cổ lỗ sĩ trong thư viện(*) của Đội quân Săn Phù thủy về phép thuật và quỷ học - cuốn *Necrotelecomnicon*, hoặc cuốn *Liber Fulvarum Paginarum*, hoặc cuốn ưa thích của lão, *Malleus Malleficarum*.(*)

Rồi sẽ có tiếng gõ cửa, và bà Tracy sẽ gọi, “Bữa trưa này, ông Shadwell”, và Shadwell sẽ lầm bầm, “Mụ nặc nô mất nết”, và đợi sáu mươi giây, để mụ nặc nô mất nết đủ thời gian quay về phòng; rồi lão sẽ mở cửa, cầm lên đĩa gan, thường được cẩn thận đậy bằng một cái đĩa khác cho nóng. Và lão sẽ đem cái đĩa vào phòng rồi ăn, cẩn thận vừa đủ để không đánh rơi nước xốt lên trang sách lão đang đọc.(*)

Mọi chuyện luôn xảy ra như vậy.

Chỉ có Chủ nhật hôm đó là không.

Trước hết, lão không đọc sách. Lão chỉ ngồi đó.

Và khi có tiếng gõ cửa, lão đứng lên và ra mở cửa ngay. Lão không cần phải vội.

Không có cái đĩa nào cả. chỉ có bà Tracy, đeo một cái trâm cài bằng đá chạm và môi tô một màu son lạ. Bà còn đang đứng giữa một quầng nước hoa nữa.

"Gì, mụ lẳng lơ kia?"

Giọng bà Tracy rất vui vẻ, nhanh và hấp tấp vì có vẻ băn khoăn. "Chào ông S, tôi vừa mới nghĩ, sau những gì chúng ta đã trải qua suốt hai ngày vừa qua, có vẻ thật ngốc nếu tôi chỉ để đĩa đồ ăn cho ông ngoài cửa, nên tôi đã dọn chỗ trên bàn ăn cho ông. Đi nào..."

Ông S ấy à? Shadwell cảnh giác đi theo bà.

Đêm qua lão đã có một giấc mơ nữa. Lão không nhớ rõ giấc mơ, chỉ có một câu nói vẫn vang vọng trong đầu lão, khiến lão không yên. Giấc mơ thì đã biến mất vào một màn sương mờ, cũng như những sự kiện của tối hôm trước vậy.

Câu nói đó là thế này. "Săn phù thủy không có gì xấu cả. Cháu cũng muốn làm người săn phù thủy. Chỉ là, ờ, ông phải thay phiên. Hôm nay chúng ta sẽ đi săn phù thủy, và ngày mai chúng ta có thể trốn, để đến lượt đám phù thủy phải tìm CHÚNG TA..."

Lần thứ hai trong hai mươi tư giờ - lần thứ hai trong đời lão - lão bước vào phòng bà Tracy.

"Ông ngồi xuống đây," bà bảo lão, chỉ vào một cái ghế bành. Trên chỗ tựa đầu có tấm phủ ngăn dầu bóng, trong lòng ghế là một cái gối phồng căng, và dưới chân ghế là một cái đôn kê chân nhỏ.

Lão ngồi xuống.

Bà đặt một cái khay lên lòng lão, ngồi nhìn lão ăn, rồi dọn cái đĩa đi khi lão đã ăn xong. Rồi bà mở một chai Guinness, rót vào cốc đưa cho lão, rồi ngồi nhấp trà trong lúc lão uống bia. Khi bà đặt tách trà xuống, nó kêu lách cách vẻ hồi hộp trên cái đĩa.

"Tôi có dành dụm được một ít," bà nói, chẳng mào đầu gì cả. "Và ông biết không, đôi khi tôi nghĩ sẽ thật tuyệt nếu mua một căn nhà nhỏ đâu đó ở thôn quê. Rời khỏi London. Tôi sẽ đặt tên cho nó là Nhà Nguyệt Quế, hoặc Dunroamin, hoặc, hoặc..."

“Shangri-La,” Shadwell gợi ý, dù lão chẳng hiểu từ đó ở đâu ra.

“Đúng thế, ông S ạ. Đúng thế. Shangri-La.” Bà mỉm cười với lão. “Ông thấy thoải mái chứ, cưng?”

Shadwell kinh hoàng nhận ra là lão đang thoải mái thật. Thoải mái đến rợn người, đến ghê khiếp, “Ừ,” lão cảnh giác nói. Lão chưa bao giờ thấy thoải mái đến thế.

Bà Tracy mở một chai Guinness nữa và đặt trước mặt lão.

“Vấn đề duy nhất khi có một căn nhà nhỏ tên là… cái ý tưởng thú vị của ông là gì ấy nhỉ, ông S?”

“Ờ. Shangri-La.”

“Shangri-La, đúng rồi, vấn đề là *một người* sống ở đó thì không đúng lắm, nhỉ? Ý tôi là, hai người, họ vẫn bảo hai người chỉ tốn bằng một.”

(Hoặc năm trăm mười tám người, Shadwell thầm nghĩ, nhớ đến hàng ngũ đông đảo của Đội quân Săn Phù thủy.)

Bà cười khúc khích. “Tôi chỉ không biết tôi sẽ tìm *đâu* ra người sống cùng…”

Shadwell nhận ra bà đang nói về lão.

Lão không chắc về chuyện này. Lão cảm thấy rất rõ rệt rằng để Binh nhì Săn Phù thủy Pulsifer ở lại với cô gái ở Tadfield đã là một quyết định sai lầm, nếu xét theo Sổ tay Điều luật và Quy định của Đội quân Săn Phù thủy. Và vụ này có vẻ còn nguy hiểm hơn.

Tuy thế, ở tuổi lão, khi đã quá già để bò trườn giữa đám cỏ cao, khi sương lạnh buổi sáng ngấm vào xương cốt…

(*Và* ngày mai chúng ta có thể trốn, để đến lượt đảm phù thủy phải tìm chúng ta…’)

Bà Tracy mở một chai Guinness nữa và cười khúc khích. “Ôi ông S,” bà nói, “chắc ông nghĩ tôi đang tìm cách chuốc cho ông say đấy.”

Lão ậm ừ. Việc này cần phải làm đúng nghi thức.

Trung sĩ Săn Phù thủy Shadwell uống một hơi Guinness dài, rồi lão đặt câu hỏi.

Bà Tracy cười ré lên. "Thật tình, ông già ngốc nghếch này," bà nói, đỏ mặt tía tai. "Ông *nghĩ* là bao nhiêu chứ?"

Lão hỏi lại lần nữa.

"Hai," bà Tracy đáp.

"À. Thế thì được," Trung sĩ Săn Phù thủy (về hưu) Shadwell nói.

◇

Đang là chiều Chủ nhật.

Cao tít bên trên nước Anh, một chiếc 747 từ từ bay về phía tây. Trong khoang hạng nhất, thằng bé có tên Warlock đặt cuốn truyện tranh xuống và nhìn ra cửa sổ.

Mấy ngày vừa qua đã thật kỳ lạ. Nó không biết vì sao bố nó lại được điều đến Trung Đông. Nó dám chắc bố nó cũng không biết. Có lẽ liên quan gì đó đến văn hóa. Tất cả những gì xảy ra là nhiều người đàn ông kỳ dị đầu quấn khăn với hàm răng cải mả đã dẫn họ đi xem mấy tàn tích. Warlock đã thấy nhiều tàn tích hay hơn thế. Và rồi một trong số những người kia hỏi thằng bé, có điều gì nó muốn làm không? Và Warlock đáp nó chỉ muốn đi về thôi.

Họ đã có vẻ rất không vui khi nghe điều đó.

Và giờ nó đang quay về Mỹ. Đã có chút rắc rối với vé máy bay, chuyến bay, hoặc bảng hiển thị điểm đến sân bay hay gì gì đó. Lạ thật; nó đã dám chắc bố nó định quay về Anh cơ mà. Warlock thích nước Anh. Đó là một nước rất tuyệt để làm người Mỹ.

Đúng lúc đó máy bay đang bay qua phòng ngủ của Johnson Bụng Mỡ ở làng Tadfield Hạ, thằng bé này đang vơ vẩn lật giở một tờ tạp chí về nhiếp ảnh mà nó đã mua chỉ vì trên bìa có ảnh một con cá cảnh nhiệt đới rất đẹp.

Mấy trang bên dưới ngón tay vẩn vơ của Bụng Mỡ là một bài báo về bóng bầu dục Mỹ và việc môn thể thao này đang trở nên

phổ biến ở châu Âu ra sao. Kế cũng lạ... vì khi tờ tạp chí được in thì trên những trang đó là một bài báo về nhiếp ảnh trong điều kiện sa mạc.

Bài báo sắp thay đổi cuộc đời thằng bé.

Còn Warlock thì bay tiếp về Mỹ. Nó đáng nhận được *gì đó* (dù sao thì ta cũng không bao giờ quên những người bạn đầu tiên trong đời, dù lúc đó cả bọn mới chỉ ra đời được vài giờ) và quyền lực đang kiểm soát số phận nhân loại vào đúng lúc ấy đang nghĩ: Ờ, nó đang đến Mỹ, phải không? Còn gì thích bằng được đi Mỹ nữa.

Ở đó họ có đến ba mươi chín vị kem cơ mà. Có khi còn nhiều hơn ấy chứ.

Có cả triệu điều thú vị mà một thằng bé và con chó của nó có thể làm vào một chiều chủ nhật. Adam có thể nghĩ ra được bốn, năm trăm điều mà không cần cố. Những điều đầy phấn khích, đầy sôi nổi, các hành tinh cần được chinh phục, những con sư tử cần được thuần hóa, những thế giới biến mất ở Nam Mỹ lúc nhúc khủng long cần được khám phá và kết bạn.

Nó ngồi trong vườn và cào đất bằng một hòn sỏi, vẻ buồn nản.

Khi quay về từ căn cứ không quân, bố nó đã thấy Adam đang ngủ - ngủ như thể nó đã nằm trên giường cả buổi tối vậy. Thậm chí thỉnh thoảng còn ngáy cho giống thật nữa.

Nhưng đến bữa sáng hôm sau thì rõ ràng là như thế vẫn chưa đủ. Ông Young không thích phải chạy quanh vào một tối thứ Bảy vì một chuyện không đâu. Và nếu, nhờ một may mắn không tưởng nào đó mà Adam lại không phải chịu trách nhiệm cho những rắc rối đêm hôm trước - dù đó là rắc rối gì đi chăng nữa, vì không ai nắm được chi tiết cả, chỉ biết là đã có rắc rối chung chung - thì chắc chắn nó cũng phạm một tội *gì đó*. Đó là thái độ của ông Young, và thái độ đó đã rất có hiệu quả suốt mười một năm qua.

Adam uế oải ngồi trong vườn, vầng mặt trời tháng Tám đang chiếu rọi trên bầu trời tháng Tám xanh ngắt không một bóng mây, và sau hàng rào, một con chim hoét cất tiếng hót, nhưng Adam thấy những thứ đó chỉ làm mọi chuyện thêm tệ.

Chó ngồi dưới chân Adam. Nó đã cố giúp, chủ yếu bằng cách đào lên một khúc xương nó đã chôn bốn hôm trước và tha khúc xương đến bên chân Adam, nhưng Adam chỉ rầu rĩ nhìn khúc xương, và cuối cùng Chó lại tha khúc xương đi rồi chôn lại lần nữa. Nó đã làm tất cả những gì nó có thể.

"Adam?"

Adam quay lại. Ba khuôn mặt nhìn nó qua hàng rào vườn.

"Chào," Adam chán chường đáp.

"Có đoàn xiếc vừa đến Norton đấy," Pepper bảo. "Wensley vừa ở đấy về, nó đã thấy họ. Họ đang dựng rạp."

"Họ có rạp lớn rạp nhỏ, cả voi, cả người tung hứng, cả thú hoang và... và đủ thứ!" Wensleydale nói.

"Bọn tao nghĩ hay bọn mình xuống đó xem họ dựng rạp đi," Brian nói.

Trong thoáng chốc tâm trí Adam tràn ngập hình ảnh về rạp xiếc. Rạp xiếc sau khi được dựng xong thì thật là chán. Trên tivi ngày nào cũng có khối thứ vui hơn. Nhưng *dựng rạp* thì... Tất nhiên chúng sẽ đi xuống đó, và chúng sẽ giúp họ dựng rạp, tắm cho voi, và những người ở đoàn xiếc sẽ ấn tượng với sự *hòa hợp* tự nhiên giữa Adam và các con vật đến nỗi tối hôm đó, Adam (cùng với Chó, Chú Chó Lai Làm Xiếc Nổi Tiếng Nhất Thế giới) sẽ dẫn những con voi vào rạp và...

Chẳng ích gì.

Nó buồn rầu lắc đầu. "Tao không được đi đâu cả," nó nói. "Họ bảo thế."

Im lặng một thoáng.

"Adam," Pepper nói, vẻ hơi bồn chồn, "hôm qua *đã* xảy ra chuyện gì vậy?"

Adam nhún vai. “Chỉ mấy vụ linh tinh thôi. Không quan trọng,” nó nói. “Lúc nào cũng thế. Tao chỉ muốn giúp, thế mà mọi người cứ làm như tao đã *giết* ai đó không bằng.”

Lại im lặng một thoáng nữa, trong khi Bọn Chúng nhìn thủ lĩnh bại trận của mình.

“Thế mày nghĩ khi nào thì họ sẽ lại cho mày ra ngoài?” Pepper hỏi.

“Phải hàng năm, hàng năm nữa cơ. Nhiều, nhiều, nhiều *năm trời* ấy. Đến khi họ thả tao ra thì tao đã thành ông già rồi,” Adam nói.

“Thế ngày mai thì sao?” Wensleydale hỏi.

Adam tươi tỉnh lên. “À, *ngày mai* thì sẽ không sao đâu,” nó tuyên bố. “Mai là họ sẽ quên tất. Bọn mày cứ đợi xem. Họ luôn quên ấy mà.” Nó ngước lên nhìn chúng, một Napoleon lôi thôi lếch thếch với sợi dây giày lòng thòng, bị đày đến đảo Elba giăng mắc hoa hồng. “Bọn mày cứ đi đi,” nó bảo chúng, với một tiếng cười ngắn, trống rỗng. “Đừng lo cho *tao*. Tao sẽ không sao đâu. Tao sẽ gặp bọn mày ngày mai.”

Bọn Chúng ngần ngừ. Lòng trung thành là một điều tuyệt vời, nhưng không vị tướng nào nên bị bắt phải lựa chọn giữa chỉ huy của mình và một rạp xiếc có voi cả. Chúng rời đi.

Mặt trời vẫn tiếp tục tỏa sáng. Con chim hoét vẫn hót đều. Chó bỏ cuộc với chủ nhân của mình và bắt đầu rình một con bướm trong đám cỏ bên bờ giậu vườn. Đây là một hàng giậu nghiêm chỉnh, rậm rì, không thể vượt qua nổi, làm bằng cây thủy lạp dày, được cắt tỉa cẩn thận, và Adam biết nó rất rõ. Đằng sau hàng giậu là một cánh đồng trải dài, với những cái mương đầy bùn cực thích, những quả xanh, những người chủ cây ăn quả cáu kỉnh nhưng chậm chân, và rạp xiếc, và các dòng suối để xây đập, và những bức tường và cây cao được tạo ra chỉ để trèo lên…

Nhưng không có cách nào chui qua hàng giậu cả.

Adam có vẻ trầm ngâm.

“Chó,” Adam nghiêm nghị nói, “tránh xa hàng giậu ra, vì nếu mày mà chui qua đấy thì tao sẽ phải đuổi theo mày, và tao sẽ phải ra khỏi vườn, mà tao thì lại không được phép. Nhưng tao sẽ phải làm thế… Nếu mày chạy đi mất.”

Chó nhảy lên nhảy xuống vẻ phấn khích, và ngồi nguyên tại chỗ.

Adam thận trọng nhìn quanh. Rồi, còn thận trọng hơn nữa, nó nhìn Lên, và nhìn Xuống. Và nhìn vào Bên Trong.

Và rồi…

Và *giờ* thì bỗng có một lỗ hổng lớn giữa hàng giậu - đủ lớn cho một con chó chui qua, và cho một thằng bé chui qua theo con chó. Và lỗ hổng đã luôn có đó.

Adam nháy mắt với chó.

Chó lao qua lỗ hổng ở hàng giậu. Và, miệng hét thật to, thật rõ, “Chó, chó hư! Đứng lại! Quay lại đây!” Adam liền chui qua theo nó.

Có gì đó nói với thằng bé rằng một điều gì đó đang đi đến hồi kết. Không hẳn là thế giới. Chỉ là mùa hè thôi. Sẽ có nhiều mùa hè khác, nhưng sẽ không bao giờ có một mùa hè nào như thế này. Không bao giờ nữa.

Vậy thì tốt nhất là nó nên tận hưởng.

Thằng bé dừng lại giữa cánh đồng. Ai đó đang đốt thứ gì đó. Nó nhìn cuộn khói trắng tỏa ra trên ống khói của Nhà Hoa Nhài, và nó dừng bước. Và nó lắng nghe.

Adam có thể nghe thấy những thứ mà người khác thường bỏ qua.

Nó nghe thấy tiếng cười.

Đó không phải là tiếng cười khàn khàn của một mụ phù thủy; đó là tiếng cười khùng khục, trầm trầm, trần tục, của một người biết nhiều quá hóa hại.

Cuộn khói trắng uốn lượn bên trên ống khói của căn nhà. Trong một khoảnh khắc Adam nhìn thấy khói cuộn thành hình

một khuôn mặt phụ nữ rất đẹp. Một khuôn mặt đã không xuất hiện trên Trái đất từ hơn ba trăm năm nay.

Agnes Nutter nháy mắt với nó.

Làn gió nhẹ mùa hè xua tan khói; và khuôn mặt cùng tiếng cười biến mất.

Adam toét miệng cười và lại lao đi.

Trên đồng cỏ cách đó một quãng, băng qua một dòng suối, thằng bé bắt kịp con chó ướt rượt, đầy bùn. "Chó hư," Adam nói, gãi gãi sau tai Chó. Chó kêu ăng ẳng đầy thích thú.

Adam nhìn lên. Trên đầu nó là một cây táo già, xù xì và rậm rạp. Dường như nó đã ở đó từ thời hồng hoang. Cành táo trĩu xuống vì những trái táo còn nhỏ, xanh và chưa chín.

Nhanh như cắt, thằng bé trèo lên cây. Mấy giây sau nó lại nhảy xuống đất, hai túi quần căng phồng, miệng nhai rau ráu một quả táo chua giòn tan.

"*Này! Mày! Thằng kia!*" một giọng khàn khàn vang lên sau lưng nó. "Mày là thằng Adam Young! Tao thấy mày rồi! Tao sẽ mách bố mày, nhớ đấy!"

Kiểu gì chẳng bị bố phạt, Adam thầm nghĩ, trong lúc nó ba chân bốn cẳng chạy đi, con chó theo sát bên, túi quần nhét đầy những quả táo ăn trộm được.

Nó luôn bị bố phạt. Nhưng phải đến tối nay cơ.

Và còn lâu trời mới tối.

Nó ném lõi táo về phía người đang đuổi, rồi lại thò tay vào túi lấy một quả nữa.

Nó chẳng hiểu sao mọi người lại cứ phải loạn lên vì người khác ăn mất quả cây ngớ ngẩn của họ, nhưng cuộc sống sẽ kém *vui* đi nhiều nếu họ không làm thế. Và theo suy nghĩ của Adam thì chẳng có quả táo nào mà không đáng giá những rắc rối ta gặp phải khi ăn nó cả.

◇

Nếu bạn muốn tưởng tượng về tương lai, hãy tưởng tượng một thằng bé, con chó của nó và đám bạn nó. Và một mùa hè không bao giờ kết thúc.

Và nếu bạn muốn tưởng tượng về tương lai, hãy tưởng tượng một chiếc ủng... không, hãy tưởng tượng một chiếc giày thể thao, dây buộc lòng thòng, đá một hòn sỏi; hãy tưởng tượng một cái que để chọc các thứ thú vị và để ném cho một con chó có thể quyết định đi nhặt nó về hoặc không; hãy tưởng tượng một tiếng huýt sáo không có giai điệu, biến một bài hát ăn khách xui xẻo nào đó thành một thứ nhạc không ai hiểu nổi; hãy tưởng tượng một hình dáng, nửa thiên thần, nửa ác quỷ, trọn vẹn con người...

Thả bước đầy hy vọng về phía Tadfield...

... mãi mãi.

(*) Tiếng Latinh: Biên niên sử Cựu Ước và Tân Ước (các chú thích đánh số là của ND).

(*) Có nghĩa là tất cả mọi người.

(*) Nhân vật thường gặp trong các câu chuyện khoa học viễn tưởng kinh dị (nổi bật nhất là loạt phim Frankenstein), thường làm phụ tá cho nhà khoa học điên.

(*) Nhại bài hát và album nổi tiếng của Bruce Springsteen, "Sinh ra để chạy" (Born to Run).

(*) Đường M25 là nơi thường xuyên xảy ra các vụ tai nạn chết người ở London.

(*) Lời bài hát "Killer Queens" của nhóm Queen có câu "She keeps the Moët et Chandon in a pretty cabinet" (Nàng cất chai sâm banh Moët & Chandon trong một cái tủ đẹp").

(*) Cái đồng hồ được làm riêng cho Crowley. Chỉ làm riêng một con chip thôi cũng đã đắt chảy máu mắt rồi, nhưng hắn có đủ khả năng chi trả. Cái đồng hồ *này* cho biết giờ ở hai mươi thủ đô trên thế giới và ở một thủ đô của Một Nơi Khác, nơi chỉ có một giờ duy nhất, và đó là Quá Muộn.

(*) Lời bài hát "Bohemian Rhapsody" của nhóm Queen.

(*) Thánh Beryl Articulatus xứ Cracow, tương truyền là đã từ vì đạo vào giữa thế kỷ thứ năm. Theo truyền thuyết, Beryl là một thiếu nữ bị cha mẹ ép lấy một kẻ dị giáo, hoàng thân Casimir. Vào đêm tân hôn, nàng cầu Chúa cứu rỗi, khấp khởi hy vọng một bộ râu sẽ thần kỳ mọc ra, và nàng đã cất sẵn một con dao cạo nhỏ cán bằng ngà, hợp cho phụ nữ, để phòng trường hợp này; thay vào đó, Chúa lại ban cho Beryl khả năng kỳ diệu là nói huyên thuyên không ngừng về bất kỳ điều gì nàng nghĩ tới, dù chúng có vớ vẩn đến đâu, mà không cần nghi lấy

hơi hoặc ăn.
Theo một phiên bản của truyền thuyết, Beryl bị hoàng thân Casimir bóp cổ ba tuần sau lễ cưới, khi hai người vẫn chưa thành thân. Nàng chết mà vẫn còn trinh và trở thành nữ thánh tử vì đạo, miệng huyên thuyên cho tới tận lúc chết.
Theo một phiên bản khác, Casimir mua một cặp nút tai, và Beryl qua đời trên giường, bên cạnh ông ta, ở tuổi sáu mươi hai.
Dòng Thánh Beryl Huyên thuyên thề phải học tập và làm theo tấm gương Thánh Beryl mọi lúc, ngoại trừ vào các buổi chiều thứ Ba, trong vòng nửa tiếng, khi đó các nữ tu sẽ được phép ngậm miệng, và chơi bóng bàn nếu họ muốn.

(*) Thời xưa ở các trường học Anh, gan lợn rán là món hay được ăn trong bữa trưa tại trường, trẻ em rất ghét.

(*) Tên hai nhân vật trong các bộ phim truyền hình ăn khách của Mỹ thập niên 1980, *Dynasty* và *Dallas*.

(*) Với thám tử là một bà cụ nhỏ bé, và không có đuổi bắt bằng ô tô trừ phi đi thật chậm.

(*) Chỗ này có lẽ nên nói thêm rằng ông Young nghĩ paparazzi là một loại vải lót sàn của Ý.

(*) Ý chỉ vụ biểu tình ở Boston vào năm 1773, khi người Mỹ ném trà do Anh nhập khẩu xuống cảng Boston, một trong những sự kiện nổi bật của Cách mạng Mỹ.

(*) Ý chỉ bộ phim *Bầy quỷ* (The Devils) ra mắt năm 1971, kể về một tu viện thờ Satan.

(*) Sao năm cánh thường được dùng trong các nghi thức thờ Satan.

(*) Tức Ken Russell, đạo diễn phim *The Devils*.

(*) Kinh sách (missal) đọc giống "missile" nghĩa là tên lửa.

(*) Wormwood là tên một con quỷ trong tiểu thuyết về Thiên Chúa giáo *The Screwtape Letters* của nhà văn C. S. Lewis. Damien là tên con trai của quỷ Satan trong bộ phim kinh dị *The Omen*.

(*) Anathema nghĩa là người bị nguyền rủa, hoặc người bị rút phép thông công.

(*) Tuy nhiên, hắn có phải dậy vào năm 1832 để đi vệ sinh.

(*) Dis và Pandemonium là tên hai thành phố ở Địa ngục.

(*) Một câu trong vở kịch *Cơn bão* (The Tempest) của W. Shakespeare.

(*) Hieronymus Bosch (1450-1516) là họa sĩ người Hà Lan, nổi tiếng với những bức tranh vẽ cảnh Địa ngục rất chi tiết và rùng rợn.

(*) Ý chỉ Errol Flynn và Cary Grant, các nam minh tinh nổi tiếng của Hollywood.

(*) Lãnh thần (một phẩm trật của thiên thần trong Thiên Chúa giáo) là Principality, từ này còn có nghĩa là Đại công quốc hoặc để chỉ xứ Wales ở Anh.

(*) Chú thích cho các bạn đọc người Mỹ và người nước ngoài khác: Milton Keynes là một thành phố mới nằm ở khoảng giữa London và Birmingham. Nó được xây dựng để là một thành phố hiện đại, hiệu quả, lành mạnh, và tóm lại là đáng sống. Nhiều người Anh thấy điều này thật buồn cười.

(*) Reign of Terror: thời kỳ bạo lực diễn ra sau Cách mạng Pháp, với nhiều cuộc thảm sát và hành hình công cộng.

(*) Kinh Thánh Tổ cha nó còn đáng chú ý ở chỗ có hai mươi bảy khổ trong chương ba của kinh Sáng Thế, thay vì hai mươi

tư khố như thường lệ.

(*) Hai vở còn lại là *Bẫy chuột* và *Các cô nàng đào mỏ năm* 1589. [Nhại tên hai vở kịch nổi tiếng là *The Mousetrap* của Agatha Christie và *The Gold Diggers* của Avery Hopwood, sau đó được chuyển thể thành bộ phim ca nhạc *The Gold Diggers of* 1933 - ND]

(*) Ông này đã có vài ý tưởng theo hướng đó, và đã phải dành những năm cuối đời trong nhà tù Newgate sau khi ông ta thực hiện các ý tưởng này.

(*) Lại thêm một quyết định xuất bản thiên tài nữa, vì Quốc hội Thanh giáo của Oliver Cromwell đã cấm Giáng sinh từ năm 1654.

(*) Chỉ là thành phố trên danh nghĩa thôi. Nó cỡ bằng một thị xã ở Anh, hay dịch ra nghĩa Mỹ thì là bằng một trung tâm thương mại.

(*) Theo kinh Khải huyền, 666 là con số của quỷ Satan.

(*) Tiếng Pháp, có nghĩa là "mới". Nouvelle cuisine là phong cách ẩm thực bắt nguồn từ Pháp, với các món ăn nhẹ nhàng và cách trình bày tinh tế.

(*) Chernobyl, Windscale, và Three Mile Island: các nhà máy điện hạt nhân ở Ukraina, Anh, và Mỹ, nơi xảy ra các sự cố được coi là nghiêm trọng nhất trong lịch sử năng lượng hạt nhân.

(*) Đó là một lớp buổi tối ở ngay cạnh đường Quảng trường Tottenham, được dạy bởi một diễn viên gạo cội chuyên đóng vai quản gia và người hầu của các quý ông trên phim điện ảnh, phim truyền hình và sân khấu từ thập niên 1920.

(*) Ý chỉ một tình tiết trong bộ phim *The Omen*, khi nhân vật Damien (con của quỷ Satan) đạp xe ba bánh quanh nhà và đẩy

người mẹ ngã qua lan can cầu thang.

(*) Thầy không nhắc đến việc Attila hiếu thảo với mẹ hay Vlad Drakul luôn chú tâm cầu nguyện đúng giờ mỗi ngày.

(*) Trừ vụ bệnh giang mai.

(*) Lời bài hát "I should be so lucky" của ca sĩ Kylie Minogue.

(*) Một thành phố trong Kinh Thánh, bị Chúa phá hủy vì người dân sống quá trụy lạc và tội lỗi.

(*) Tất cả đều là các bài hát của nhóm Queen.

(*) Lễ Muộn trong tiếng Anh là "Compline", đọc giống "Complan" là tên một loại thực phẩm chức năng giúp giảm cân.

(*) Tức phong bì chứa hóa đơn điện nước, dịch vụ v.v... ở Anh.

(*) Rào ha-ha là một hàng rào ngầm, thường được giấu kín dưới đường hào hoặc mương, để vẫn có tác dụng làm tường ngăn nhưng không che khuất khung cảnh phía sau. Tên của loại hàng rào này được giải thích là bắt nguồn từ tiếng kêu bất ngờ của mọi người khi bắt gặp chúng.

(*) Lời bài hát "Bohemian Rhapsody" của nhóm Queen, tạm dịch: Quỷ Beelzebub dành riêng một điều khủng khiếp cho tôi.

(*) Một gã đần độn thời thế kỷ 16, không có họ hàng với bất kỳ vị tổng thống Mỹ nào.

(*) Một trong hai con tem phát hành ở Mauritius vào tháng 9 năm 1847: con tem màu đỏ-cam giá 1 xu và con tem màu xanh dương đậm giá 2 xu. Con tem xanh là một trong những con tem hiếm nhất trên thế giới.

(*) Vào thập niên 1980, tạp chí *Stern* của Đức đã mua và in một bộ nhật ký được cho là của Hitler, nhưng sau đó được phát hiện ra là giả mạo.

(*) Nghe thì khó tin, nhưng một trong những câu chuyện này là có thật.

(*) Bài phỏng vấn được thực hiện năm 1983 và có nội dung như sau:

(*) Ông bà Thomas Threlfall, số 9, đường Cây Du, Paignton. Họ luôn nhắc đi nhắc lại rằng một trong những điều tuyệt vời nhất khi đi nghỉ là không phải đọc báo hay nghe tin tức, tóm lại là có thể tránh xa sự đời. Và do ông Threlfall bị đau bụng, còn bà Threlfall lại phơi nắng hơi quá đà vào hôm mới đến, đây là lần đầu tiên họ ra khỏi phòng khách sạn trong vòng một tuần rưỡi.

(*) Không quan trọng bốn đứa đã tự đặt tên cho nhóm của mình là gì suốt bao năm nay, những cái tên liên tục thay đổi thường do những gì Adam mới đọc hoặc xem hôm trước (Đội Adam Young; Adam và Đồng bọn; Băng đảng Hố Trong Phấn; Bốn Kẻ Cực Nổi tiếng; Quân đoàn Cực Siêu Anh hùng; Nhóm Mỏ Phấn; Bốn Người Bí mật; Hội Công lý Tadfield; Hội Galaxatron; Bốn Người Anh minh; Những Kẻ Nổi loạn). Mọi người luôn mơ hồ gọi chúng là Bọn Chúng, và cuối cùng, chính chúng cũng vậy.

(*) Johnson Bụng Mỡ là một thằng bé ngoại cỡ và thiểu não. Ở trường nào cũng có một đứa; nói *béo* cũng không đúng, mà phải là khổng lồ và mặc quần áo gần như cùng cỡ với bố nó. Giấy rách toạc dưới những ngón tay chuối mắn của nó, bút vỡ nát trong tay nó. Những đứa trẻ mà nó cố chơi cùng trong những trò chơi giản dị, thân thiện đều bị giẫm bẹp dưới bàn chân kếch xù của nó, và cho dù chỉ hành động để tự vệ, Johnson Bụng Mỡ cũng bị biến thành một kẻ bắt nạt. Dù sao thì

bị gọi là kẻ bắt nạt, một từ hàm ý quyền uy và tham vọng, cũng còn hơn là bị gọi là một thằng mập đụt. Nó là nỗi tuyệt vọng của các thầy thể dục, vì nếu Johnson Bụng Mỡ chỉ cần có chút thích thú với thể thao thôi thì trường nó đã thành quán quân. Nhưng Johnson Bụng Mỡ chưa bao giờ tìm được môn thể thao nào hợp với nó. Thay vào đó nó bí mật chăm sóc bộ sưu tập cá cảnh nhiệt đới của mình, và chúng đã được giải thưởng. Johnson Bụng Mỡ bằng tuổi Adam, chỉ cách nhau có vài giờ, và bố mẹ nó chưa bao giờ cho nó biết nó là con nuôi. Thấy chưa? Bạn đã *đúng* về mấy đứa bé.

(*) Đọc giống "Pant and Girdle", nghĩa là quần lót và thắt lưng.

(*) Continong: nhại cách phát âm tiếng Pháp của từ "continent", nghĩa là lục địa, thường được dùng trong tiếng Anh để chỉ lục địa châu Âu.

(*) Tức hạm đội tàu thuyền của Tây Ban Nha đã tấn công nước Anh vào năm 1588.

(*) (Tiếng Tây Ban Nha) Xin làm ơn.

(*) Nhại cách đọc từ "olé" trong tiếng Tây Ban Nha, nghĩa là "hoan hô".

(*) Đúng ra là "Hasta la vista", nghĩa là "Hẹn gặp lại".

(*) Tây Ban Nha muốn năm.

(*) Giả tiếng Latinh, đọc giống "Benedictine in a decanter", nghĩa là "Rượu ngọt đựng trong bình thon cổ".

(*) Thiết trinh nữ là dụng cụ tra tấn có dạng một cái hộp hình người, mặt trong có gắn đanh nhọn. Lê thép (choke-pear) gồm các lá thép hình thìa gắn quanh một cái vít, khi xoay vít thì các

lá thép này sẽ mở ra hoặc khép lại, tương truyền cũng là dụng cụ tra tấn, nhưng chưa có bằng chứng xác thực.

(*) Tức Tomas de Torquemada (1420-1498), Adam nói nhầm thành "Torturemada" ("Torture" nghĩa là "tra tấn"). De Torquemada là Quan tòa Tối cao đầu tiên của Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha, nổi tiếng vì sự tàn ác.

(*) Chỉ sự xấu xa sẵn có trong con người, do Adam đã chống lại lệnh Chúa.

(*) Phù thủy trong tiếng Anh là "witch", đọc giống "which", nghĩa là "cái nào".

(*) J.M.W. Turner (1775-1851), Edwin Landseer (1802-1873), Samuel Palmer (1805-1881), và George Stubbs (1724-1806) là các họa sĩ người Anh, nổi tiếng với các bức tranh phong cảnh đồng quê và thú vật.

(*) Nhà huyền học (occultist) đọc nghe na ná "oculist", nghĩa là "bác sĩ nhãn khoa".

(*) Các hành động của người phương Tây để xua đuổi tà ma hoặc tránh xúi quẩy.

(*) Nếu hồi đó Adam có được toàn bộ quyền năng của mình thì lễ Giáng sinh của nhà Young sẽ bị phá hỏng khi họ phát hiện ra xác chết một ông già béo bị nhét chổng ngược vào ống dẫn lò sưởi trung tâm.

(*) Có lẽ ở đây chúng tôi nên chỉ ra rằng phần lớn con người chỉ nâng được khoảng 0.3 núi Alp (30 centi-alp) là giỏi lắm. Adam tin vào những điều ở tầm từ 2 đến 15.640 núi Everest.

(*) Và giảm cả tóc. Cả sắc da. Và, nếu bạn ăn đủ nhiều trong thời gian đủ lâu, sẽ giảm cả dấu hiệu sinh tồn luôn.

(*) Nhưng không giống với các quán Chúa Burger khác trên thế giới. Ví dụ, quán Chúa Burger ở Đức bán bia thay vì xô đa, trong khi quán Chúa Burger ở Anh thì lại lấy tất cả các ưu điểm của quán ăn nhanh ở Mỹ (ví dụ như tốc độ phục vụ món chẳng hạn) và triệt để loại bỏ chúng; thức ăn phải mất nửa tiếng mới được đem ra, lúc đó đã nguội về nhiệt độ phòng, và chỉ nhờ dài rau diếp âm ấm nằm giữa mà ta có thể phân biệt được miếng thịt với miếng bánh mì. Người chào hàng của Chúa Burger đã bị bắn hai mươi lăm phút sau khi đặt chân lên đất Pháp.

(*) Viết tắt của "Unidentified Flying Object", nghĩa là "vật thể bay không xác định".

(*) Ý chỉ loạt phim *Star Wars*.

(*) Cuốn truyện tranh Wensleydale nói tới là một loạt sách dài kỳ được in trong 94 tuần có tên là *Những điều kỳ diệu của tự nhiên và khoa học*. Thằng bé có đủ các số được xuất bản, và nhân dịp sinh nhật đã hỏi xin một cặp bìa để đóng chúng lại. Sách đọc hằng tuần của Brian thì là bất kỳ loại gì có nhiều chấm than trong tựa đề, kiểu như "VèOO!!" hoặc "Keng!!". Pepper cũng vậy, mặc dù ngay cả khi bị tra tấn theo cách tinh tế nhất thì con bé cũng không chịu thừa nhận là nó cũng mua cả tạp chí *Tuổi mười bảy* bọc bìa trắng. Adam thì chẳng hề đọc truyện tranh. Chúng không thể sánh nổi với những điều nó có thể làm trong đầu.

(*) Biểu đồ nổ (exploded diagram) là biểu đồ mô tả các bộ phận của một cỗ máy hoặc một tòa nhà, được tách riêng ra từng bộ phận nhưng vẫn giữ vị trí tương quan.

(*) Ý chỉ giai thoại về Hernan Cortez (1458-1546), nhà chinh phạt người Tây Ban Nha, khi đến châu Mỹ đã lần đầu tiên thấy Thái Bình Dương từ trên đỉnh núi Darien ở Panama.

(*) Flag of convenience (cờ phương tiện) là cờ nước ngoài treo trên tàu, thuyền của quốc gia dùng làm phương tiện hợp pháp hóa tư cách cùa tàu, thuyền khi tham gia giao thông quốc tế.

(*) David Attenborough (sinh năm 1926) là người dẫn chương trình và nhà tự nhiên học người Anh, nổi tiếng với các chương trình về lịch sử tự nhiên.

(*) Tên một nhân vật trong bộ phim truyền hình *Kung Fu* phát sóng vào thập niên 1970.

(*) Đúng ra là sa mạc Gobi.

(*) Đúng ra là Đạt Lai Lạt Ma (Dalai Lama), Wensleydale nói nhầm thành "Daily Llama" (daily = hằng ngày, llama = lạc đà không bướu).

(*) Tức Helena Blavatsky (1831-1891), nhà thần bí học người Nga, người đồng sáng lập Hội Thần học.

(*) Theo điều luật cũ của Thiên Chúa giáo, Chủ nhật (hay Chúa nhật, tức ngày của Chúa) là ngày để đi nhà thờ và nghỉ ngơi, giáo dân không được phép làm việc.

(*) Các báo lá cải của Anh thường đăng hình phụ nữ khỏa thân ở trang ba.

(*) Tức Nam tước Samedi, một vị thần trong tôn giáo Voodoo.

(*) Shadwell ghét tất cả người miền Nam, và từ đó suy ra, lão đang đứng ở Bắc Cực.

(*) Ở Anh, ngày 5/11 được dành để kỷ niệm ngày Guy Fawkes âm mưu cho nổ tung tòa nhà Quốc hội vào năm 1605, sẽ có các lễ bắn pháo hoa và đốt cây bông.

(*) Chú thích cho bạn đọc người Mỹ và các sinh vật sống ở thành phố: người dân nông thôn nước Anh không dùng lò sưởi trung tâm vì cho rằng chúng quá phức tạp và hơn nữa còn làm người ta mềm yếu đi, thay vào đó họ thích xếp một đống cành cây lẫn với than, trên là những khúc củi to, ướt, có lẽ làm bằng amiăng, thành một đống đầy khói, được gọi là "Không có gì bằng một đống lửa lớn cháy nỏ, phải không?" Vì các nguyên liệu này đều không thích cháy, nên bên dưới chúng họ phải đặt một viên sáp hình chữ nhật nhỏ màu trắng, nó sẽ vui vẻ cháy cho tới khi sức nặng của đống củi bên trên dập tắt nó. Những viên sáp này được gọi là mồi lửa. Không ai biết tại sao.

(*) CHÚ THÍCH CHO BẠN ĐỌC TRẺ VÀ NGƯỜI MỸ: Một shilling = Năm xu. Để hiểu được nền tài chính cổ lỗ của Đội quân Săn Phù thủy, bạn cần biết về hệ thống tiền tệ cũ của Anh: Hai cắc = Một trinh. Hai trinh = Một xu. Ba xu = Đồng xu ba. Hai xu ba = Xu sáu. Hai xu sáu = Một shilling, hoặc một hào. Hai hào = Một florin. Hai florin và một xu sáu = Nửa curon. Bốn nửa curon = Tờ mười bob. Hai tờ mười bob = Một pound (hoặc 240 xu). Một pound và một shilling = Một ghinê.
Người Anh đã phản đối việc dùng hệ tiền thập phân suốt một thời gian dài vì họ nghĩ nó quá phức tạp.

(*) Một tổ chức bảo hoàng bí mật ở Anh đặt mục tiêu khôi phục chế độ quân chủ.

(*) Dick Turpin (1705-1739) là một tên cướp đường nổi tiếng người Anh, được huyền thoại hóa trong nhiều tiểu thuyết và trên sân khấu.

(*) Nhại tên các bộ phim phiêu lưu hành động kinh điển - Have Gun, Will Travel, The Gunslinger, The Man With the Golden Gun, và The Guns of Navarone.

(*) Cool Hand Luke: tên một nhân vật trong bộ phim cùng tên năm 1967, do Paul Newman thủ vai.

(*) Ban ngày thôi. Vào buổi tối bà bói bài tarot cho các giám đốc bất an, vì thói quen cũ khó bỏ.

(*) Pan trong tiếng Anh còn có nghĩa là cái xoong, cái chảo, ở đây Pepper gọi thần Pan là "Pot", nghĩa là cái nồi.

(*) Thật ra, khi bỏ kính ra thì cậu còn kém đẹp trai hơn, vì khi đó cậu liên tục vấp phải các thứ và phải băng bó nhiều.

(*) Ý chỉ truyện ngắn "The Pit and the Pendulum" (Vực thẳm và Quả lắc) của Edgar Allan Poe, kể về một nạn nhân của Tòa án Dị giáo Tây Ban Nha bị tra tấn bằng cách bị trói vào bên dưới một quả lắc sắc cạnh đu đưa thấp dần.

(*) "Device" trong tiếng Anh có nghĩa là "thiết bị, dụng cụ".

(*) "Nutter" trong tiếng Anh là từ thông tục chỉ người điên.

(*) Doris Stokes (1920-1987), nhà duy linh, bà đồng người Anh.

(*) Betamax là một định dạng băng từ để ghi video, ra đời vào năm 1975. Định dạng VHS sau đó đã nhanh chóng khiến Betamax trở nên lỗi thời.

(*) Trích trong bài thơ "Thủy quái" (The Kraken) của Alfred, Lord Tennyson (1830).

(*) "Đậu" (peas) trong tiếng Anh đọc giống "hòa bình" (peace).

(*) Giọng Nói của Chúa. Nhưng không phải *giọng* của Chúa. Đây là một thực thể riêng biệt. Kiểu như phát ngôn viên của tổng thống ấy.

(*) *The Devil Rides Out* (1968), phim kinh dị của Anh, do Christopher Lee thủ vai chính.

(*) Cùng với hợp đồng bảo hành máy tính tiêu chuẩn, nói rằng nếu cái máy tính 1) không hoạt động, 2) không làm được những điều mà những quảng cáo đắt tiền nói, 3) làm chập điện cả khu phố, và 4) còn không nằm hết bên trong cái hộp đắt tiền khi bạn mở nó ra, thì đây chắc chắn, hoàn toàn, và rõ ràng và trong mọi trường hợp không phải là lỗi hay trách nhiệm của nhà sản xuất, và người mua nên tự coi là may mắn vì đã được phép trao tiền cho nhà sản xuất, và bất kỳ cố gắng nào để coi cái vừa được trả tiền là tài sản riêng của người mua sẽ dẫn đến sự chú ý của những người nghiêm nghị xách cặp táp đầy đe dọa và đeo đồng hồ mỏng dính. Crowley đã rất ấn tượng với các thỏa thuận bảo hành của ngành công nghiệp máy tính, và thậm chí còn gửi một tập xuống Bên Dưới, đến bộ phận chuyên soạn các thỏa thuận Linh hồn Bất tử, với một tờ giấy nhắn màu vàng viết mấy chữ: "Học hỏi đi, các cậu."

(*) Leonardo cũng cảm thấy như vậy. "Tôi đã vẽ đúng nụ cười chết tiệt của cô ta lúc phác thảo," ông nói với Crowley, trong lúc nhấp rượu ướp lạnh dưới vầng mặt trời trưa, "nhưng đến lúc vẽ lên vải thì hỏng bét cả. Ông chồng cô ta có vài lời muốn nói về chuyện đó khi tôi giao bức tranh, nhưng, như tôi bảo ông ta đấy, Signor del Giocondo, ngoài ngài ra thì còn ai khác sẽ thấy bức tranh nữa? Mà thôi... anh giải thích lại về cái thứ máy bay trực thăng được không?"

(*) Hắn rất tự hào về bộ sưu tập của mình. Hắn đã mất rất nhiều năm để tập hợp chúng. Đây là Nhạc Linh hồn thứ thiệt. Trong đó không có James Brown. [James Brown: ca sĩ, nhạc sĩ nổi tiếng thuộc dòng nhạc soul. "Soul" có nghĩa là linh hồn - ND.]

(*) Tuy đó không phải là cái mà bạn và tôi sẽ gọi là *nhảy*. Dù sao cũng không phải là nhảy giỏi. Một con quỷ nhảy như một ban nhạc da trắng trên chương trình "Đoàn tàu nhạc Soul" vậy.

(*) Tuy nhiên, trừ phi điều bất khả tư nghị được che giấu kỹ lưỡng hơn cả những gì ta tưởng, thì vũ trụ không có một người tuyết khổng lồ bằng nhựa ở dưới đáy.

(*) Nữ diễn viên người Pháp, sinh năm 1934, là biểu tượng tình dục nổi tiếng vào thập niên 1950 và 1960.

(*) ĐQSPT đã trải qua một giai đoạn phục hưng vào thời kỳ bành trướng của Vương quốc Anh. Các cuộc đụng độ liên miên của quân đội Anh khiến họ thường xuyên đối đầu với thầy lang, thầy bói, pháp sư, và nhiều kẻ địch huyền bí khác. Khi đó, những người như TS SPT Narker sẽ được điều đến, với dáng người cao hai mét, nặng 115 cân, chân bước phăm phăm, miệng quát oang oang, tay cầm Cuốn Sách bọc thép, một Quả Chuông nặng ba cân rưỡi, và Nến được gia cố đặc biệt, ông ta có thể làm đồng cỏ sạch bóng quân thù nhanh hơn cả một khẩu súng Gatling. Cecil Rhodes đã viết về Narker như sau: "Một số bộ lạc hẻo lánh coi ông ấy như một vị thần, và phải là một thầy lang cực kỳ can đảm hoặc ngớ ngẩn thì mới dám đối mặt với TS Narker đang xông tới. Tôi thà có ông ấy bên mình còn hơn là hai tiểu đoàn lính Nepal."

(*) Ý chỉ một cam kết giữa các nước có vũ khí hạt nhân là sẽ không sử dụng vũ khí hạt nhân trong chiến tranh trừ phi bị tấn công trước.

(*) Ở bất kỳ đâu khác ngoài Soho thì có thể những người đến xem một đám cháy sẽ quan tâm đến đám cháy.

(*) Tức Kinh Thánh miễn phí mà Hội Truyền giáo Gideon (thành lập năm 1899 ở bang Wisconsin, Mỹ) thường phân phát ở các khách sạn, nhà nghỉ, v.v.

(*) Ý chỉ cuộc bao vây thị trấn Mafeking kéo dài 217 ngày trong Chiến tranh Boer (1899-1902).

(*) Thiên thần Địa ngục là một câu lạc bộ chơi xe máy được thành lập ở Mỹ năm 1948 và thường bị coi là một tổ chức tội phạm.

(*) Còn một số thứ khác mà Thiên thần Địa ngục thứ thiệt không chịu nổi. Những thứ này bao gồm cảnh sát, xà phòng, xe Ford Cortina, và, trong trường hợp của Ted Bự thì là cá cơm và ô liu.

(*) "Chi hội" trong tiếng Anh là "chapter". "Chapter" cũng có nghĩa là "chương hồi".

(*) Dreamtime: chỉ khái niệm về thời khai thiên lập địa trong quan niệm tâm linh của người thổ dân châu Úc.

(*) Nguyên bản là "poofter" (gã ẻo lả), một từ tiếng lóng đặc trưng ở Australia.

(*) Pháp sư, hoặc thầy cúng. Voodoo là một tôn giáo rất thú vị với cả gia đình, kể cả những thành viên đã qua đời.

(*) Loa: linh hồn trong tôn giáo Voodoo. Gros Bon Ange: trong quan niệm của Voodoo, linh hồn bao gồm hai phần. Gros Bon Ange (tiếng Pháp nghĩa là "thiên thần lớn tốt đẹp") tượng trưng cho năng lượng sống, còn Ti Bon Ange (nghĩa là "thiên thần nhỏ tốt đẹp") tượng trưng cho tính cách và ý chí.

(*) 1 đĩa than hoặc băng cát xét giá $12.95, 1 đĩa CD giá $24.95, nhưng nếu bạn đóng góp $500 cho hội truyền giáo của Marvin Bagman, bạn sẽ được tặng một đĩa than miễn phí.

(*) Marvin hẳn sẽ ngạc nhiên khi biết có tỷ lệ thành công thật. Có những người có thể khỏi bệnh nhờ *bất kỳ thứ gì*.

(*) Ngoại trừ một bài diễn văn khác, khoảng mười năm trước, khi gã cầu xin lòng khoan hồng của tòa.

(*) Trước kia từng là tiệm Cầm Đầu Thiên Hạ, trước đó là Tóc Gió Thôi Bay, trước đó là Gội Là Nhuộm, trước đó là Cắt Tóc Giá Rẻ, trước đó là Nghệ Thuật Làm Đầu của Ngài Brian, trước đó là Tiệm cắt Tóc Robinson, trước đó là Taxi Gọi-là-có.

(*) Nguyên văn là "ambulance"; bà Tracy nhầm giữa "ambience" (không khí) với "ambulance" (xe cứu thương), ở đây tạm dịch là "khí quyển".

(*) Tức bộ phim The Omen (1976).

(*) Thực ra không phải vậy. Con đường xuống Địa ngục được lát bởi các nhân viên tiếp thị đóng băng. Vào cuối tuần nhiều tên quỷ trẻ thường ra đó trượt băng.

(*) Một hiện thân của nữ thần Artemis ở đền thờ tại Ephesus thuộc Hy Lạp cổ đại, có hình dáng một người phụ nữ với nhiều bầu ngực.

(*) "Free rider" tiếng lóng cũng có nghĩa là người sống thoáng.

(*) Thực ra Địa ngục cũng làm gì có loại sổ nào khác.

(*) Không phải một phép nghịch hợp. Đó là màu nằm sau cực tím. Tên kỹ thuật của nó là hắc ngoại. Có thể nhìn thấy nó khá dễ dàng trong điều kiện thí nghiệm. Để làm thí nghiệm, chỉ cần chọn một bức tường gạch chắc chắn với một quãng lấy đà kha khá, rồi cúi đầu xuống, và lao thẳng vào đó.
Cái màu lóe lên sau mắt bạn, sau cơn đau, ngay trước khi bạn ngỏm, chính là hắc ngoại.

(*) Bà có tiên tri được. Lời tiên tri ấy như sau:
Một con đường ánh sáng sẽ gào thét, cỗ xe đen của con Mãng Xà sẽ bốc cháy, và Nữ hoàng sẽ không còn cất khúc tráng ca nữa.
Phần lớn các thành viên trong gia đình đã hùa theo Gelatly

Device, vốn đã viết một chuyên khảo ngắn vào thập niên 1830 để giải thích đây là phép ẩn dụ cho việc Hội Illuminati của Weishapt bị đuổi khỏi Bavaria vào năm 1785.

(*) Ý chỉ một câu châm ngôn về thời tiết trong tiếng Anh: "Red sky at night, sailor's delight; red sky in the morning, sailor's warning", có nghĩa là hoàng hôn đỏ thì thời tiết tốt, còn bình minh đỏ thì thời tiết sẽ xấu.

(*) Ý chỉ một câu thoại nổi tiếng trong vở kịch *Romeo và Juliet* của Shakespeare: "A plague on both your houses" (Trời chu đất diệt hai dòng họ các ngươi). "Plague" (bệnh dịch, ở đây dùng với nghĩa là lời nguyền rủa) đọc na ná như "plaque" (tấm biển).

(*) Đúng thế. Không một cái nhiệt kế nào trên đời có thể bị thuyết phục để đo được nhiệt độ vừa là 700°C vừa là -140°C, mà đó lại là nhiệt độ chính xác.

(*) Ông ta không có tivi. Hoặc như vợ ông ta nói, "Ronald không đời nào chịu đặt một thứ như thế ở trong nhà, phải không Ronald?" và ông ta luôn đồng tình, mặc dù trong thâm tâm ông ta cũng muốn xem một chút những thứ tục tĩu, bẩn thỉu và bạo lực mà Hội Khán thính giả Quốc gia thường phàn nàn. Tất nhiên không phải vì ông ta muốn xem những thứ đó. Mà chỉ vì ông ta muốn biết cần bảo vệ mọi người khỏi những gì.

(*) Mặc dù, với tư cách là thành viên (nghĩa là người thành lập) của Tổ Dân phòng địa phương, ông ta có cố gắng ghi nhớ biển số xe của chúng.

(*) Một mét sáu bảy.

(*) Albrecht Durer (1471-1528), họa sĩ người Đức thời kỳ Phục hưng, nổi tiếng với các bức tranh khắc gỗ.

(*) Armageddon theo kinh Khải huyền là nơi tập hợp quân đội để chuẩn bị cho cuộc chiến giữa thiện và ác vào lúc tận thế,

có thế là một địa điểm có thật hoặc chỉ mang tính biểu tượng. Từ "Armageddon" cũng được dùng để chỉ các sự kiện tận thế nói chung.

(*) Ý chỉ cuộc đấu súng xảy ra giữa các nhân viên thực thi pháp luật và một băng đảng ngoài vòng pháp luật diễn ra vào năm 1881 ở thị trấn Tombstone, bang Arizona, tiêu biểu cho thời kỳ "Miền Tây hoang dã" của nước Mỹ.

(*) "Faggot" trong tiếng Anh có nghĩa là bó củi, nhưng trong tiếng lóng Anh-Mỹ có nghĩa là người đồng tính nam.

(*) Anh ta bị trượt chân và ngã trong nhà tắm khách sạn khi đi nghỉ ở đó năm 1983. Giờ chỉ cần nhìn thấy một bánh xà phòng màu vàng cũng đủ để khiến những hồi ức thập tử nhất sinh ùa về trong anh ta.

(*) Ý chỉ bộ phim E.T. *the Extra-Terrestrial* (Sinh vật ngoài hành tinh) của đạo diễn Steven Spielberg.

(*) Nam diễn viên người Mỹ, nổi tiếng với vai phản diện trong bộ phim Viễn Tây *The Good, the Bad, and the Ugly* (Thiện, Ác, Tà).

(*) Pepper nhầm Metatron với Megatron, một nhân vật trong loạt phim *Transformers* (Robot biến hình).

(*) Một vị trưởng lão trong kinh Cựu Ước, ông nội của Noah, thọ tới 969 tuổi.

(*) Một mạch nước ngầm ở công viên quốc gia Yellowstone của Mỹ, có tên như vậy vì luôn phun trào rất đúng giờ (44 phút một lần).

(*) Ngoại lệ là Giovanni Jacopo Casanova (1725-1798), người tình và tác giả nổi tiếng, trong tập 12 của bộ Hồi ký của mình đã cho biết, theo thông lệ, ông ta luôn mang theo một cái vali nhỏ

trong đựng “một ố bánh mì, một lọ mứt cam Seville hảo hạng, một dao, nĩa và thìa khuấy, hai quả trứng tươi cẩn thận xếp trong len chưa dệt, một quả cà chua hay còn gọi là táo ái tình, một chảo nhỏ, một xoong nhỏ, một đèn cồn, một lò hâm, một hộp thiếc đựng bơ Ý mặn, hai đĩa sứ ngà. Ngoài ra còn một tảng mật ong nhỏ, để làm ngọt giọng và pha cà phê. Xin độc giả ghi nhớ lời tôi: Một quý ông đích thực luôn luôn phải có khả năng ăn sáng như một quý ông dù ông ta có đang ở đâu.”

(*) Rồi còn chuyện của Dick Turpin nữa. Nhìn chiếc xe vẫn như trước, nhưng từ đó về sau dường như nó có thể chạy tận 400 cây số chỉ với bốn lít xăng, chạy êm đến nỗi gần như phải ghé miệng vào ống xả thì mới biết động cơ đang vận hành, và giọng nói tự động giờ đưa ra các lời cảnh báo bằng những bài thơ haiku tinh tế và hoàn hảo đến từng câu chữ, bài nào cũng độc đáo và cực kỳ hợp tình hợp lý. Ví dụ:
Sương muộn cháy đóa hoa
Kẻ ngốc không để dây an toàn
Thắt lấy ngang lưng sao?
hay,
Kìa cánh hoa anh đào
Rơi từ cành cao xuống
Xin hãy mua thêm xăng.

(*) Ý chỉ một đoạn trong bài hát “A Nightingale Sings in Berkeley Square” (Tiếng chim họa mi ở quảng trường Berkeley): “That certain night, the night we met/There was magic abroad in the air/There were angels dining at the Ritz/And a nightingale sang in Berkeley Square” (Đêm đó, đêm chúng ta gặp nhau/Có phép mầu trong không khí/Các thiên thần đang ăn ở Ritz/Và chim họa mi cất tiếng hót ở quảng trường Berkeley).

(*) Hạ sĩ Thảm, thủ thư, phụ cấp 11 xu một năm.

(*) “Một cuốn sách bom tấn tuyệt hảo; rất đáng đọc” - Giáo hoàng Innocent VIII.

(*) Với một nhà sưu tập phù hợp thì thư viện của Đội quăn Săn Phù thủy sẽ đáng giá cả triệu bảng. Nhà sưu tập phù hợp phải là người rất giàu, và không thấy phiền các vết nước xốt, vết đầu thuốc lá, các ghi chú ở lề, hay niềm đam mê của Chuẩn hạ sĩ Săn Phù thủy Wotling là vẽ thêm ria và kính vào các minh họa khắc gỗ hình phù thủy và quỷ dữ.

Table of Contents

Start

LỜI NÓI ĐẦU
Vào Thuở Ban Đầu
Mười Một Năm Trước
Thứ Tư
Thứ Năm
Thứ Sáu
Thứ Bảy
Chủ nhật (Ngày đầu tiên của phần đời còn lại của họ)